

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2018

VẤN ĐỀ CHUNG

- VIỆN SỬ HỌC

- NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

- TRƯỜNG MINH DỤC
TRƯỜNG PHÚC NGUYỄN

- ĐỖ DANH HUẤN

- ĐINH QUANG HẢI

- PHẠM THỊ THU HIỀN

- NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

- HỒ CHÂU

- NGUYỄN THẾ TRUNG

- TRẦN THỊ THU HƯỜNG

- TRỊNH THỊ HÀ

- PHAN HUY LÊ

- VŨ MINH GIANG

- NGUYỄN VĂN KIM

- Ban Tuyên giáo Trung ương họp Hội đồng thẩm định bộ sách “Lịch sử Việt Nam” của Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Số 1 (501), tr. 3-7.
- Nhìn lại quan hệ làng - nước ở người Việt qua các hướng tiếp cận nghiên cứu. Số 2 (502), tr. 3-11.
- Tác động của di dân đến sự biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam. Số 4 (504), tr. 50-62.
- Làng xã Nam Bộ trong nghiên cứu so sánh với làng xã Bắc Bộ. Số 9 (509), tr. 53-63.
- Viện Sử học: 65 năm xây dựng và phát triển (1953 - 2018). Số 12 (512), tr. 3-10.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- PHẠM THỊ THU HIỀN

- NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

- HỒ CHÂU

- NGUYỄN THẾ TRUNG

- TRẦN THỊ THU HƯỜNG

- TRỊNH THỊ HÀ

- PHAN HUY LÊ

- VŨ MINH GIANG

- NGUYỄN VĂN KIM

- Nghĩa vụ của quan lại nhà Nguyễn dưới triều vua Minh Mệnh. Số 1 (501), tr. 16-25.
- Quan hệ Việt Nam - Lào nửa đầu thế kỷ XIX: Đặc điểm, thực chất và bài học kinh nghiệm. Số 2 (502), tr. 12-23
- Sản xuất và khai thác hàng hóa nông lâm thổ sản ở Đàng Trong thời chúa Nguyễn. Số 3 (503), tr. 3-9.
- Công cuộc khai thác tài nguyên thiên nhiên và phát huy vị thế thương mại vùng biển đảo Hà Tiên - Kiên Giang trong mạng lưới thương mại Đông Nam Á dưới thời các chúa Nguyễn. Số 3 (503), tr. 10-18.
- Chính sách đối nội của nhà Nguyễn nhằm khẳng định và bảo vệ chủ quyền biên giới Tây Nam (1802-1858). Số 3 (503), tr. 19-31.
- Vài nét về Giám sinh trường Quốc Tử Giám (Từ thế kỷ XI đến nửa đầu thế kỷ XIX). Số 3 (503), tr. 32-48.
- Nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Số 4 (504), tr. 3-10.
- Sự hình thành Nhà nước Đại Cồ Việt và vai trò của Đinh Tiên Hoàng trong tiến trình lịch sử dân tộc. Số 4 (504), tr. 11-17.
- Nhà nước Đại Cồ Việt trong bối cảnh lịch sử, chính trị Đông Á thế kỷ X. Số 4 (504), tr. 18-28.

- ĐINH TIẾN HIẾU
 - Hoạt động giao thương giữa thương cảng Hà Tiên (Việt Nam) và thương cảng Quảng Châu (Trung Quốc) thế kỷ XVII - XVIII. Số 4 (504), tr. 29-40.
- NGUYỄN MINH TUỜNG
 - Lược khảo về thể tài điển chế và việc biên soạn điển chế ở Việt Nam thời quân chủ. Số 5 (505), tr. 3-10.
- HÀ MẠNH KHOA
 - Những tác phẩm sử học tiêu biểu thời Lê Sơ (1428-1527). Số 5 (505), tr. 11-20.
- NGUYỄN VĂN GIÁC
 - Dấu ấn chúa Nguyễn Hoàng trên vùng đất Phú Yên. Số 5 (505), tr. 45-54.
- NGUYỄN ĐÌNH CƠ
 - Vùng đất Tây Ninh buổi đầu khai phá (Từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX). Số 5 (505), tr. 55-62.
- PHẠM THỊ THU HIỀN
 - Một số biện pháp giám sát lục bộ thời Nguyễn (1802-1884). Số 6 (506), tr. 11-19.
- HUỲNH THỊ ANH VÂN
 - Tính điển chế và ý nghĩa biểu tượng trong nghi lễ cung đình Huế. Số 6 (506), tr. 20-27.
- LUU TRANG
 - Các biện pháp khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển, đảo Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (1558-1777). Số 7 (507), tr. 3-12.
- TRƯỜNG ANH THUẬN
 - Khảo cứu về một số vấn đề chính trị của nước Đại Cồ Việt thời Đinh qua sử liệu Việt Nam và Trung Quốc. Số 7 (507), tr. 13-25.
- NGUYỄN QUỐC SINH
 - Vai trò cá nhân đối với sự hiện diện của Công ty Đông Án Anh tại Việt Nam thế kỷ XVII. Số 7 (507), tr. 26-36.
- TRẦN NGỌC DŨNG
 - Mâu thuẫn chính trị giữa vua Minh Mạng và Tổng trấn Lê Văn Duyệt với vấn đề Trần Thuận Thành. Số 7 (507), tr. 37-46.
- ĐỒNG THÀNH DANH
 - Sinh viên, học sinh các đô thị miền Nam Việt Nam trong phong trào phật giáo năm 1966. Số 7 (507), tr. 47-59.
- LÊ CUNG
 - Bàn thêm về dòng họ Mạc ở Hà Tiên và đối sách của các chúa Nguyễn. Số 8 (508), tr. 16-23.
- TRẦN THANH THỦY
 - Tình hình sở hữu ruộng đất Tổng phù lưu đầu thế kỷ XIX qua địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 8 (508), tr. 24-31.
- LÊ BÁ VƯƠNG
 - Khuyến học ở làng Cói Trì qua tư liệu hương ước. Số 8 (508), tr. 32-37.
- NGUYỄN ĐÌNH CƠ
 - Chính trị của khai mỏ vùng biên: Thủ lĩnh địa phương, phu mỏ người Hoa và nguồn gốc của cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833-1835). Số 8 (508), tr. 38-56.
- ĐINH VĂN VIỄN
 - Lược khảo về thể tài truyện ký và việc biên soạn truyện ký trong nền sử học Việt Nam thời quân chủ. Số 9 (509), tr. 15-25.
- VŨ ĐƯỜNG LUÂN
 - Tìm hiểu về Liên tông Tịnh độ Non Bồng. Tiếp cận sử học tôn giáo. Số 10 (510), tr. 67-76.
- NGUYỄN MINH TUỜNG
 - Vài nét về ruộng đất công vùng Thuận - Quảng dưới thời các chúa Nguyễn thế kỷ XVII - XVIII. Số 10 (510), tr. 22-32.
- NGUYỄN VĂN QUÝ
 - Tóm tắt về các triều đại nhà Nguyễn. Số 10 (510), tr. 77-86.
- NGUYỄN THỊ HẢI
 - Vài nét về ruộng đất công vùng Thuận - Quảng dưới thời các chúa Nguyễn thế kỷ XVII - XVIII. Số 10 (510), tr. 22-32.

- BÙI GIA KHÁNH
 - Cải cách thủy quân dưới thời Minh Mạng. Số 10 (510), tr. 33-45.
- NGUYỄN QUANG HÀ
 - Sứ liệu về các công trình kiến trúc và cảnh quan Kinh thành Thăng Long thời Lý. Số 11 (511), tr. 20-33.
- NGUYỄN VĂN CHUYÊN
 - Cảng Biển Sơn (Thanh Hóa) trong các thế kỷ XVI - XIX. Số 11 (511), tr. 34-43.
- BÙI VĂN HUỲNH
 - Bước đầu tìm hiểu về thuế chợ dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802-1897. Số 11 (511), tr. 44-55.
- NGUYỄN THỊ THU THỦY
 - Tình hình ruộng đất ở Sơn La qua địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 11 (511), tr. 56-60.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Vai trò của tư liệu văn bia đối với nghiên cứu xã hội thời Lý, Trần (1009-1400). Số 12 (512), tr. 11-22.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- ĐINH QUANG HẢI
 - Tác động của Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trên mặt trận ngoại giao. Số 1 (501), tr. 8-15.
- TẠ THỊ THÚY
 - Pháp tiến hành điều tra, thăm dò mò ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Số 1 (501), tr. 26-40.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Phan Bội Châu và ba lần sóng Đông Du trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Số 1 (501), tr. 41-54.
- NGUYỄN THỊ TRANG
 - Vai trò của chính phủ Pháp trong Hội nghị Paris về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam (giai đoạn 1968-1973). Số 1 (501), tr. 55-64.
- NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG
 - Chính sách tuyển mộ lính khố xanh, khố đỏ người Việt sang Lào của Chính quyền thực dân Pháp (1893-1945). Số 2 (502), tr. 24-31.
- LUÔNG THỊ HỒNG
 - Mạng lưới giao thông trong vùng Pháp chiếm đóng từ năm 1945 đến năm 1954. Số 2 (502), tr. 32-45.
- TRẦN HỮU THẮNG
 - Thực dân Pháp với hoạt động đào, vét kênh rạch ở Tây Nam Kỳ giai đoạn 1867-1897. Số 4 (504), tr. 41-49.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Ảnh hưởng của Tư tưởng Tôn Trung Sơn đối với các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 5 (505), tr. 22-33.
- TẠ THỊ THÚY
 - Pháp tiến hành điều tra và kiểm kê mò ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Số 5 (505), tr. 34-44; Số 6 (506), tr. 28-37.
- NGÔ HOÀNG NAM
 - Vai trò của lực lượng dân quân tự vệ miền Bắc trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất (1965-1968). Số 5 (505), tr. 63-73.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Vấn đề thông hôn giữa nhân dân khu vực biên giới Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn 1950-1979. Số 6 (506), tr. 3-10.

- TRẦN VĂN KIÊN
 - Raoul Bonnal và công trình kênh vành đai ở Hải Phòng từ năm 1885 đến những năm 1940. Số 6 (506), tr. 38-48.
- LUÔNG VIẾT SANG
 - Chiến dịch Lainobêcơ II - Ý đồ ký kết Hiệp định Paris trên thế mạnh không thành của chính quyền Níchxơn. Số 7 (507), tr. 60-67.
- TRẦN THỊ NHÃN
 - Thái Lan với vai trò đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Số 7 (507), tr. 68-74.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
 - Việt Nam đối diện với cuộc viễn chinh của Pháp năm 1858: Hệ luận về khoa học - kỹ thuật và thực tiễn đất nước. Số 8 (508), tr. 3-15.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Vấn đề di cư xuyên biên giới của cư dân khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn 1954-1975. Số 9 (509), tr. 3-14.
- ĐƯỜNG DUY BẰNG
VŨ ĐỨC LIÊM
 - Phe phái, lợi ích nhóm và quyền lực ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Số 9 (509), tr. 26-36.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Vị trí chiến lược của Đà Nẵng - Nhận thức, ứng đối và hành động xâm lược của thực dân Pháp năm 1858. Số 10 (510), tr. 3-21.
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
 - Giáo dục Nam Kỳ từ năm 1861 đến năm 1904 nhìn từ vấn đề thể tục hóa. Số 10 (510), tr. 46-58.
- LÊ ĐỨC HOÀNG
 - Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về Tôn Trung Sơn và Chủ nghĩa Tam dân. Số 10 (510), tr. 59-60.
- TRẦN XUÂN TRÍ
 - Thuế thân và sưu dịch ở Nam Kỳ dưới thời Pháp đô hộ. Số 11 (511), tr. 3-19.
- HOÀNG ANH TUẤN -
NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT
 - Nghiên cứu đô thị Việt Nam của học giả Pháp (1865-1954). Số 12 (512), tr. 23-36.
- NGUYỄN THỊ DUNG HUYỀN
 - Quá trình tiếp quản các cơ sở y tế dân sự ở miền Bắc Việt Nam sau Hiệp định Genève. Số 12 (512), tr. 37-46.
- NGUYỄN BÁ CƯỜNG
 - Chuyển biến của một số ngành kinh tế quận Tân Phú (Thành phố Hồ Chí Minh) dưới tác động của đô thị hóa từ năm 2003 đến năm 2015. Số 12 (512), tr. 47-56.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Từ Châu Á - Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương rộng mở và tự do: Tiếp cận theo góc độ lịch sử và văn hóa chính trị. Số 1 (501), tr. 65-75.
- VŨ THỊ THU GIANG
 - Vai trò của Mỹ trong việc giải quyết vấn đề Biển Đông từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 2 (502), tr. 46-52.
- NGUYỄN THU HẠNH
 - Tiềm lực quốc gia của Iran và đối sách của Mỹ (Từ đầu thế kỷ XXI - 2016. Số 3 (503), tr. 49-61.

- PHAN THỊ CẨM VÂN
 - Về quan hệ hợp tác thương mại Liên bang Nga - Việt Nam (2001-2015). Số 4 (504), tr. 63-71.
- VÕ KIM CƯƠNG
 - Về sự hiện diện của lực lượng hải quân Liên Xô ở Biển Đông. Số 6 (506), tr. 49-59.
- LÊ THỊ HẰNG NGA
 - Nền tảng quan hệ Ấn Độ - Bhutan: Hiệp ước 1949 và 2007. Số 7 (507), tr. 75-81.
- VÕ XUÂN VINH
 - Xiêm trước sự xâm nhập của các nước phương Tây từ đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX. Số 8 (508), tr. 65-73.
- LÊ THÀNH NAM
 - Nước Mỹ với việc tìm kiếm đồng minh trong cuộc chiến tranh giành độc lập (1775-1783). Số 11 (511), tr. 61-70.
- NGUYỄN ANH TUẤN
 - Vài nét về giáo dục dành cho phụ nữ thời Đường. Số 12 (512), tr. 57-66.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN THỊ THU THỦY
 - Tư liệu về chuyến đi sứ Trung Quốc năm 1833 của sứ thần triều Nguyễn: Nguồn gốc văn bản và giá trị sử liệu. Số 2 (502), tr. 53-62.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Phụ nữ Đàng Ngoài thế kỷ XVII qua một số nguồn tư liệu phương Tây. Số 2 (502), tr. 63-67.
- LÊ THỊ MAI
ZHANG ZHOUQING
 - Đô thành Điện Xung của Vương quốc Lâm Ấp trong sách *Thủy Kinh Chu*. Số 3 (503), tr. 62-76.
- TRẦN VĂN AN
 - Kết hợp khai thác kinh tế với bảo vệ chủ quyền biển đảo - Nhìn từ các tư liệu Hán Nôm về nghề Yến Thanh Châu ở Hội An. Số 4 (504), tr. 72-78.
- ĐÀO TUẤN THÀNH
(*Dịch và giới thiệu*)
 - “Ngày 13 tháng 8 năm 1968: Cuộc nói chuyện điện thoại cuối cùng giữa L.I.Brejnev và A.Dubcek”. Số 5 (505), tr. 74-79.
- BÙI VĂN HÙNG
 - Mấy ý kiến về nhân vật lịch sử Nguyễn Hữu Chỉnh qua gia phả dòng họ Nguyễn Hữu. Số 6 (506), tr. 70-74.
- TRẦN VĂN DŨNG
 - Đô thống Lê Quang Tiến - Vị hổ tướng triều Nguyễn. Số 8 (508), tr. 74-81.
- LU VĨ AN
 - Một số nguồn sử liệu Á rập thế kỷ IX-X viết về Trung Quốc, Ấn Độ và Đông Nam Á. Số 9 (509), tr. 64-71.
- NGUYỄN THỊ OANH
 - Về bộ *Đại Nam thực lục* in ảnh tại Nhật Bản. Số 10 (510), tr. 77-82.
- NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG
 - Thành Cổ Lộng trong kháng chiến chống giặc Minh: Tư liệu và nhận thức. Số 11 (511), tr. 71-77.
- QUẢNG VĂN SƠN
 - Thành Hồ ở Phú Yên - Những dấu ấn lịch sử. Số 12 (512), tr. 67-71.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- VŨ DƯƠNG NINH

- Về chương trình Lịch sử thế giới cho học sinh Trung học cơ sở. Số 1 (501), tr. 76-80.

- ĐỖ THANH BÌNH

- Bàn về cách tiếp cận mới đối với một số vấn đề lịch sử khi viết sách giáo khoa Lịch sử. Số 2 (502), tr. 68-74.

- TRẦN THỊ VINH

- Dạy học Lịch sử thế giới trong chương trình và sách giáo khoa hiện hành: Vấn đề đặt ra và hướng đổi mới. Số 9 (509), tr. 72-80.

- ĐỖ HOÀNG ANH

- Môn Lịch sử - Địa lý trong chương trình giáo dục của Pháp thời kỳ thuộc địa ở Việt Nam. Số 6 (494), tr. 76-82.

- ĐÀO TUẤN THÀNH

- Tìm hiểu cách biên soạn sách giáo khoa Lịch sử của Ấn Độ và những gợi ý cho Việt Nam. Số 7 (495), tr. 78-82.

THÔNG TIN

- NGUYỄN VĂN BIẾU

- Hội thảo: “Cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 - Bước ngoặt quyết định và bài học lịch sử”. Số 1 (501).

- P.V

- Hội thảo khoa học: “50 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 ở Đák Lăk”. Số 1 (501).

- Đ.H

- Điểm sách. Số 1 (501).

- NGUYỄN VĂN BIẾU

- Hội thảo khoa học: “Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thái Bình”. Số 2 (502).

- P.V

- Lễ ra mắt Quỹ sử học Đinh Xuân Lâm và Trao thưởng lần thứ nhất. Số 2 (502).

- P.V

- Hội thảo khoa học quốc tế: “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - Giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay”. Số 2 (502).

- H.H

- Điểm sách. Số 2 (502).

- HOÀNG HÀ

- Triển lãm chuyên đề: “Khoa cử Việt Nam xưa trong Di sản Tư liệu thế giới”. Số 3 (503).

- P.V

- Hội thảo khoa học quốc tế: “Hợp tác Đông Nam Á và vai trò của Việt Nam và Hàn Quốc”. Số 3 (503).

- THU GIANG

- Hội thảo quốc tế: “Đa dạng văn hóa trong thống nhất dân tộc: Chia sẻ kinh nghiệm giữa Việt Nam và Ma-rốc”. Số 3 (503).

- ĐỨC TRUNG

- Điểm sách. Số 3 (503).

- P.V

- Hội thảo khoa học: “Một số vấn đề về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam”. Số 4 (504).

- PV

- Hội thảo khoa học: “Danh nhân Chu Văn An - Con người và sự nghiệp”. Số 4 (504).

- HOÀNG HÀ

- Hội thảo khoa học Quốc gia: “Vai trò của Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam”. Số 4 (504).

- THU GIANG

- Hội thảo khoa học quốc tế: “Di sản Tư tưởng của Các Mác và ý nghĩa thời đại”. Số 5 (505).

- THU HẠNH
 - Tọa đàm khoa học: Quy mô toàn cầu của Cuộc chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất - Từ Balkans đến thế giới. Số 5 (505).
- P.V
 - Hội thảo quốc tế: “Lịch sử sách ở Việt Nam”. Số 5 (505).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt GS. NGND Phan Huy Lê. Số 6 (506).
 - Hội thảo: “Hình thức trình bày Tạp chí theo chuẩn quốc tế”. Số 6 (506).
- HOÀNG HÀ
 - Hội thảo khoa học tưởng niệm 200 năm ngày mất của “Danh nhân lịch sử - văn hóa Bùi Huy Bích (1744-1818). Số 7 (507).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: Công thần khai quốc Bùi Quốc Hưng với Hải Dương. Số 7 (507).
 - Hội thảo khoa học: 50 năm chiến thắng Đồng Lộc - Giá trị lịch sử và hiện thực. Số 7 (507).
- KHUÊ MỘC
 - Hội nghị Khoa học nghiên cứu sinh Khoa Sử học năm 2018. Số 8 (508).
- PV
 - Khai mạc triển lãm: “Văn Miếu - Quốc tử Giám Thăng Long - Hà Nội và các di tích lịch sử văn hóa Bạc Liêu. Số 8 (508).
- H.H
 - Hội thảo khoa học: “Đà Nẵng chống Liên quân Pháp - Tây Ban Nha (1858-1860): Quá khứ và hiện tại. Số 8 (508).
- Đ.H
 - Hội thảo khoa học: “Kỳ đồng Nguyễn Văn Cẩm với phong trào yêu nước Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX”. Số 8 (508).
- P.V
 - Tọa đàm: “Đổi mới biên soạn sách giáo khoa Lịch sử bậc phổ thông ở Việt Nam và một số kinh nghiệm quốc tế”. Số 9 (509).
- HOÀNG HÀ
 - Hội thảo khoa học: Anh hùng dân tộc Lê Lợi và nhân dân Thanh Hóa với khởi nghĩa Lam Sơn. Số 9 (509).
- P.V
 - Hội thảo khoa học quốc tế: “Phát triển quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: Lịch sử và triển vọng”. Số 9 (509).
- Đ.H
 - Thông tin về Giải thưởng Sử học Đinh Xuân Lâm lần thứ hai năm 2018. Số 9 (509).
- P.V
 - Triển lãm: “Hà Nội: Nhũng khoảnh khắc tháng 10-1954”. Số 10 (510).
- D.D.H
 - Hội thảo khoa học: “Đồng chí Phan Văn Đáng - Nhũng dấu ấn trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng”. Số 10 (510).
- D.H
 - Bộ Ngoại giao Nhật Bản truy tặng Bằng khen vinh danh Giáo sư NGND Phan Huy Lê. Số 10 (510).
- H.H
 - Tọa đàm: Quan hệ hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong bối cảnh mới. Số 10 (510).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học: Lịch sử Việt Nam và lịch sử Đài Loan. Số 11 (511).
- D.D.H
 - Lễ trao tặng Giải thưởng Sử học Phạm Thận Duật lần thứ 19 (năm 2018). Số 11 (511).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: Nguyễn Công Trứ với lịch sử, văn hóa Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Số 11 (511).
- P.V
 - Lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Viện Sử học. Số 12 (512).
- Đ.H
 - Hội thảo khoa học: Nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Số 12 (512).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Kính báo. Số 12 (512).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2017

VẤN ĐỀ CHUNG

- HÀ MINH HỒNG
- NGUYỄN VĂN KIM
- PHẠM HỒNG TUNG
- ĐỖ DANH HUẤN
- PHẠM QUỐC QUÂN
- ĐÀM THỊ UYÊN
CAO THỊ NHUNG
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
- CHU XUÂN GIAO
- PHAN NGỌC HUYỀN
- NGUYỄN MINH TUỜNG
- YOSHIKAMA KAZUKI
- BÙI VĂN HUỲNH
- NHÂM THỊ LÝ
- NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG
- VŨ MINH GIANG
- ĐẶNG NGỌC HÀ
- LÊ THÙY LINH

- 40 năm Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh. Số 2 (490), tr. 3-8.
- Vai trò của các dòng sông miền Trung Việt Nam và mối liên kết giữa biển với lục địa. Số 4 (492), tr. 17-31.
- Vấn đề “ngụy triều” và việc nghiên cứu, đánh giá, trình bày, về thể chế quốc gia Việt Nam trong lịch sử dân tộc. Số 5 (493), tr. 5-18.
- Từ truyền thống đến hiện đại: Những chiêu cạnh của văn hóa Hán Nôm trong đời sống một số làng xã hiện nay. Số 10 (498), tr. 34-46.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- Hai hiện tượng của Khảo cổ học với hai vấn đề của lịch sử Cổ Trung đại Việt Nam. Số 1 (489), tr. 3-11.
- Sở hữu ruộng đất huyện Yên Bác, tỉnh Lạng Sơn qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 1 (489), tr. 12-20.
- Phân tích chiến lược phát triển ngoại thương của Việt Nam và Nhật Bản thế kỷ XV - giữa thế kỷ XIX. Số 1 (489), tr. 60-72.
- Vương triều Mạc thời kỳ Cao Bằng xung quanh thời điểm năm 1611, qua nội dung bài minh trên chuông lớn chùa Viên Minh. Số 2 (490), tr. 9-25.
- Khảo cứu về tổ chức và cơ chế hoạt động của Lục khoa thời Lê sơ. Số 2 (490), tr. 26-38.
- Nhà ngoại giao Phan Huy Ích và chuyến đi sứ Thanh năm 1790. Số 2 (490), tr. 39-46.
- Việc qua lại giữa Đoàn sứ bộ nhà Lê và nhà Minh: Sự kiện Đoàn sứ bộ Đại Việt đến Vân Nam năm 1475. Số 3 (491), tr. 3-13.
- Nghề rèn sắt ở làng Văn Chàng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định từ thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XIX. Số 3 (491), tr. 14-24.
- Đôi nét về dinh Quảng Nam qua tư liệu ở xã Minh Hương, Hội An thế kỷ XVIII. Số 4 (492), tr. 64-72.
- Việc giải quyết vấn đề tranh chấp biên giới, lãnh thổ giữa các vương triều Trần, Hồ, Lê Sơ của Đại Việt với nhà Minh. Số 3 (493), tr. 19-31.
- Một số ý kiến về họ Đinh với lịch sử phát triển dân tộc Việt Nam. Số 5 (493), tr. 3-4.
- Vùng đất Mô Xoài trong quá trình khai phá Nam Bộ dưới thời các chúa Nguyễn. Số 6 (494), tr. 19-33.
- Chính sách của chính quyền Lê - Trịnh đối với thủ công nghiệp thế kỷ XVII - XVIII. Số 6 (494), tr. 44-54.

- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
NGUYỄN THỊ THÚY HÀNG
 - NGUYỄN TUẤN CƯỜNG
 - LÊ QUANG CHẨN
 - ĐẶNG HỒNG SƠN
NGUYỄN VĂN ANH
KIKUCHI YRIKO
 - NGUYỄN HỮU TÂM
 - HỒ CHÂU
 - HUỲNH NGỌC ĐÁNG
 - ĐỒNG THÀNH DANH
 - NGÔ THỊ LAN
 - NGUYỄN VĂN CHUYÊN
 - ĐỖ BANG
 - BÙI HOÀNG TÂN
 - PHAN THỊ LÝ
 - NGUYỄN VĂN KIM
 - LÝ TÙNG HIẾU
 - VŨ THỊ XUYẾN
 - NGUYỄN THỊ DƯƠNG
NGUYỄN VĂN KHÁNH
NGUYỄN KIM DUNG
 - NGUYỄN DUY BÍNH
NGUYỄN THỊ HUỆ
 - LUONG THỊ HỒNG
- Nghề trồng, chế biến và buôn bán cau ở Nam Kỳ trong nửa đầu thế kỷ XIX. Số 6 (494), tr. 55-60.
 - Chánh sứ Nguyễn Huy Oánh với trường học Nhạc Lộc ở Trung Quốc và trường học Phúc Giang ở Việt Nam. Số 8 (496), tr. 3-13.
 - Tình hình thiên tai ở Việt Nam giai đoạn 1802 - 1883 và chính sách cứu trợ xã hội của triều Nguyễn. Số 8 (496), tr. 14-29.
 - Nhận thức về thương cảng Hội Thống qua tư liệu Lịch sử và Khảo cổ học. Số 8 (496), tr. 30-40.
 - Thư tịch Trung Quốc viết về Nguyễn An - Vị tổng công trình sư thiết kế, chỉ huy xây dựng, trùng tu kinh thành Bắc Kinh ở thế kỷ XV. Số 9 (497), tr. 3-10.
 - Thuế thương nghiệp ở Đà Nẵng trong thời chúa Nguyễn. Số 9 (497), tr. 22-31.
 - Đối phó với cướp biển người Hoa của các vua đầu triều Nguyễn. Số 9 (497), tr. 32-41.
 - Công cuộc mở đất Aiaru - Phú Yên (1597-1611). Số 10 (498), tr. 3-7.
 - Tình hình xây dựng các công trình kiến trúc thế kỷ XV - XVIII ở Bắc Việt Nam qua nguồn sử liệu và khảo cổ học. Số 10 (498), tr. 8-23.
 - Vài nét về hoạt động giao thương ở bắc miền Trung thế kỷ X-XIX: Trường hợp giao thương ở Hạ lưu sông Lam. Số 10 (498), tr. 24-33.
 - Quá trình khai chiếm và xác lập chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa thời chúa Nguyễn. Số 11 (499), tr. 3-9.
 - Tư hữu ruộng đất ở huyện Hà Châu, tỉnh Hà Tiên qua tư liệu địa bạ năm Minh Mạng thứ 17 (1836). Số 11 (499), tr. 10-21.
 - Quá trình khẩn hoang ở vùng đất Đông Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Số 11 (499), tr. 22-36.
 - Định Tiên Hoàng và quan hệ đối ngoại thười Định. Số 12 (500), tr. 3-13.
 - Nghiên cứu lịch sử địa lý về các “Dinh” ở Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX - tiếp cận liên ngành. Số 12 (500), tr. 14-22.
 - Vùng núi phía Tây Trung Kỳ và Tây Nguyên dưới thời chúa Nguyễn ở Đà Nẵng (thế kỷ XVI-XVIII). Số 12 (500), tr. 14-22.
- ### LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI
- Chính quyền nhà Nguyễn với việc cải cách Đóng y (thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX). Số 1 (489), tr. 21-29.
 - Đại học Đông Dương với việc đào tạo đội ngũ trí thức trình độ cao ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 1 (489), tr. 30-39.
 - Bộ máy quản lý làng xã tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1921-1945 qua hương ước cải lương. Số 1 (489), tr. 40-49
 - Công tác phòng không, sờ tán các nhà máy, xí nghiệp ở miền Bắc Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968). Số 1 (489), tr. 50-59.

- TRƯỜNG THỊ DƯƠNG
 - Về hoạt động của một số trí thức ở Trung Kỳ đầu thế kỷ XX qua báo cáo của chính quyền thực dân. Số 2 (490), tr. 53-58.
- PHẠM VĂN THỦY
 - Đổi mới ở Việt Nam trong bối cảnh kinh tế - chính trị khu vực Đông Á nửa sau thế kỷ XX. Số 2 (490), tr. 59-68.
- LÊ ĐỨC HOÀNG
 - Về quá trình đấu tranh đòi chính quyền Tưởng Giới Thạch sớm trả tự do cho Hồ Chí Minh (8/1942 - 9/1943). Số 3 (491), tr. 25-31.
- BÙI MẠNH THẮNG
 - Quá trình hình thành các cơ sở khai hoang của đồng bào miền xuôi tại tỉnh Sơn La giai đoạn (1961-1965). Số 3 (491), tr. 32-41.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Một số kinh nghiệm hòa giải, hòa hợp dân tộc của Việt Nam sau khi thống nhất đất nước năm 1975. Số 4 (492), tr. 3-16.
- TRẦN THỊ THANH HUYỀN
 - Báo chí cách mạng trong các nhà tù thực dân Pháp ở Bắc Kỳ từ năm 1930 đến năm 1945. Số 4 (492), tr. 32-40.
- KIỀU LÊ CÔNG SƠN
 - Chính sách ngoại thương của chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam từ năm 1955 đến năm 1963. Số 4 (492), tr. 41-54.
- TÔ NGỌC HÀNG
 - Tác động của việc xây dựng cộng đồng kinh tế ASEAN đến giáo dục nghề nghiệp ở Việt Nam. Số 4 (492), tr. 55-63.
- DƯƠNG VĂN KHOA
- LUU ANH RÔ
- TRẦN TUẤN SƠN
 - Sản xuất lúa gạo ở tỉnh Nam Định (1919 - 1945). Số 5 (493), tr. 41-46.
 - Việc thực dân Pháp phát hiện và bắt giữ các yếu nhân trong cuộc khởi nghĩa Duy Tân 1916 - Qua một số tài liệu lưu trữ. Số 5 (493), tr. 47-56.
 - Về một số trại giam tù binh của Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ năm 1966 đến năm 1973. Số 5 (493), tr. 57-66.
 - Vài nét về tình hình nghiên cứu Lịch sử Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Số 6 (494), tr. 3-18.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Quy chế cấp nhượng và khai thác mỏ do thực dân Pháp ban hành ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945. Số 6 (494), tr. 34-43; số 7 (495), tr. 19-32.
- CAM ANH TUẤN
 - Vai trò của nhân dân trong bước đầu tìm đường đổi mới ở Việt Nam. Số 7 (495), tr. 1-10.
- NGUYỄN VĂN NGỌC
 - Một số vấn đề về công tác đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế. Số 7 (495), tr. 11-18.
- TẠ THỊ THÚY
 - Nông trường Tây Hiếu 1 (Nghệ An) với chính sách “khoán” từ năm 1981 đến năm 2010. Số 7 (495), tr. 33-44.
- PHẠM XUÂN NAM
 - Quá trình cải tạo Y dược tư doanh miền Bắc (1958 - 1960). Số 7 (495), tr. 45-52.
- ĐẶNG ĐÌNH QUÝ
 - Thi hành Hiệp định Genève ở khu phi quân sự - vĩ tuyến 17 từ sau tháng 7 - 1954. Số 8 (496), tr. 41-52.
- HOÀNG THỊ YẾN
 - Tim hiểu về sự chuyển biến của tầng lớp trung nông ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1955 - 1975. Số 8 (406), tr. 53-62.
- NGUYỄN THỊ DUNG
 - Phan Chu Trinh trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Số 9 (497), tr. 11-21.
- HUYỀN
 - Sự hình thành các cơ sở quân y của Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Số 9 (497), tr. 42-51.
- HOÀNG CHÍ HIẾU
 - Võ Văn Sen
- VÕ VĂN SEN
 - NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - BÙI THỊ HÀ

- TRẦN THỊ PHƯƠNG
HOA
- LÊ TÙNG LÂM
- LÊ CUNG
NGUYỄN TRUNG TRIỀU

- NGUYỄN ĐÌNH LÊ
- TRẦN NGỌC DŨNG
- ĐÌNH TRẦN DƯƠNG
- NGÔ QUỐC ĐÔNG
- CHƯƠNG THÂU
- ĐÌNH QUANG HẢI

- VÕ MINH TẬP
- ĐÀO ĐỨC THUẬN
- PHAN THỊ ANH THƯ
- ĐỖ THỊ HẠNH
- BÙI THỊ THẢO
- NGUYỄN NHẬT LINH

- LUVĨ AN
- LÊ ĐÌNH TRỌNG
- NGUYỄN TRÀ MY
- LÊ SƠN
- KHỔNG ĐỨC THIỀM
- ĐÀO THỊ DIẾN
- R.B. SMITH

- Sự hình thành và phát triển của Trường thực hành Công nghiệp Huế (1899-1945). Số 9 (497), tr. 52-64.
- Đại tướng Nguyễn Chí Thanh qua tư liệu của Mỹ. Số 9 (407), tr. 65- 75.
- Phong trào Phật giáo ở Khánh Hòa năm 1963. Số 10 (498), tr. 47-58.
- Chiến cuộc Việt Nam 1967: Đêm trước thời khắc vang dội của Lịch sử. Số 10 (498), tr. 59-66.
- Chiến lược và hoạt động của Công ty Đông Án Anh ở Đông Á và Đại Việt trong hai thập niên đầu thế kỷ XVII. Số 10 (498), tr. 67-77.
- Huỳnh Thúc Kháng - Từ “Cách mạng công khai” đến niềm tin con đường Hồ Chí Minh. Số 11 (499), tr. 37-46.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào Công giáo trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 11 (499), tr. 47-57.
- Khái quát tình hình nghiên cứu về Phan Bội Châu ở nước ngoài từ trước tới nay. Số 12 (500), tr. 32-41.
- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trong tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại. Số 12 (500), tr. 42-48.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- Bình thường hóa quan hệ Mỹ - Cuba. Số 2 (490), tr. 69-77.
- Quá trình phi thực dân hóa ở Đông Dương và những tác động tới Cộng hòa Liên bang Đức. Số 3 (491), tr. 42-48.
- Chính sách ngoại giao của Hàn Quốc đối với Nhật Bản (1998 - 2008). Số 3 (491), tr. 49-57.
- Nhìn lại cục diện quốc tế ở Đông Nam Á sau chiến tranh Việt Nam và cuộc xung đột ở Campuchia. Số 8 (496), tr. 63-70.
- Công nghiệp năng lượng của Liên bang Nga hai thập niên đầu thế kỷ XXI - Thực trạng và chính sách. Số 11 (499), tr. 58- 65.
- Quan hệ ngoại giao của Triều Tiên và Đại Việt với nhà Minh đầu thế kỷ XV - Góc nhìn so sánh. Số 12 (500), tr. 23-31.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- Về hoạt động sử học quốc tế trên Tập san *Văn Sử Địa*. Số 1 (489), tr. 73-78.
- Cố vấn Trung Quốc trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc Việt Nam. Số 3 (491), tr. 58-64.
- Biển Đông dưới cái nhìn của Chu Đạt Quan vào thế kỷ XIII. Số 9 (497), tr. 76-79.
- Những bài học và ý nghĩa của năm 1917. Số 10 (498), tr. 78-81.
- Thêm một số tư liệu về Lương Tuán Tú. Số 11 (499), tr. 66-72.
- Sở lưu trữ và Thư viện Đông Dương 100 năm ngày thành lập (1917-2017). Số 11 (499), tr. 73-79.
- “Dẫn luận về tư liệu Hán Nôm thời Nguyễn”. Số 12 (500), tr. 60-74.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- PHAN HUY LÊ

- Công cuộc khôi phục thống nhất quốc gia cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Số 7 (495), tr. 53-62.

- NGUYỄN QUANG NGỌC

- Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa - Trường Sa trong thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX. Số 7 (495), tr. 63-77.

- NGUYỄN VĂN KIM

- Ý nghĩa công pháp quốc tế của các bản Hiệp ước triều Nguyễn ký với phương Tây. Số 8 (496), tr. 75-83.

ĐỌC SÁCH

- NGUYỄN QUANG NGỌC

- “Hệ thống cảng thị trên sông Đà Nẵng Ngoài: Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII”. Số 3 (493), tr. 73-75.

- VĂN NGỌC THÀNH

- Tác phẩm “Lịch sử chiến tranh Peloponnes” của Thucydides. Số 6 (494), tr. 83-87.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- HOÀNG NGUYỆT

- Phương pháp biên soạn sách toát yếu trong “Sách Mạnh học bậc cao trung học giáo khoa” của Ngô Giáp Đậu. Số 3 (491), tr. 77-83.

- TRẦN THỊ VINH

- Môn Lịch sử trong chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể 2017: Một cách tiếp cận mới. Số 4 (492), tr. 73-79.

- TRẦN TRUNG HIẾU

- Giáo dục Lịch sử trong tiến trình đổi mới. Số 5 (493), tr. 67-72.

- ĐỖ HOÀNG ANH

- Môn Lịch sử - Địa lý trong chương trình giáo dục của Pháp thời kỳ thuộc địa ở Việt Nam. Số 6 (494), tr. 76-82.

- ĐÀO TUẤN THÀNH

- Tìm hiểu cách biên soạn sách giáo khoa Lịch sử của Ấn Độ và những gợi ý cho Việt Nam. Số 7 (495), tr. 78-82.

THÔNG TIN

- TẠP CHÍ NCLS

- Vĩnh việt GS. NGND Đinh Xuân Lâm. Số 1 (489).

- HOÀNG HÀ

- Khai mạc Triển lãm trưng bày đặc biệt “Bảo vật quốc gia Việt Nam”. Số 1 (489).

- NGUYỄN BIỂU

- Hội thảo khoa học: “30 năm đổi mới quân sự, quốc phòng - Thành tựu và kinh nghiệm (1986-2016). Số 1 (489).

- HOÀNG HÀ

- Hội thảo khoa học quốc tế: “Nghệ thuật và văn hóa thời Lý ở Việt Nam”. Số 2 (490).

- Đ.H

- Lễ công bố Quyết định thành lập Viện Trần Nhân Tông. Số 2 (490).

- P.V

- Khai mạc triển lãm: “Giao thương Nhật - Việt trong lịch sử”. Số 2 (490).

- Đ.D.H

- Điểm sách. Số 2 (490).

- Đ.N.X

- Tọa đàm khoa học: “Tim hiểu thêm về Nùng Trí Cao”. Số 3 (491).

- ĐỖ NGÔN XUYÊN

- Tọa đàm khoa học: “Tình hình nghiên cứu Lịch sử Việt Nam tại Nhật Bản”. Số 3 (491).

- BÙI HUỲNH
 - Hội thảo khoa học: "Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử di tích đền thờ Phan Nhạc trên đất Thanh Hóa". Số 3 (491).
 - Kính báo. Số 3 (491).
 - Vĩnh biệt Giáo sư Văn Tạo. Số 4 (492).
 - Triển lãm "Tổng Bí thư Lê Duẩn - Cuộc đời và sự nghiệp". Số 4 (492).
 - Lễ ký kết Quy chế phối hợp, biên soạn, xuất bản sách và tổ chức sự kiện giữa Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật và Viện Sử học. Số 4 (492).
 - Hội thảo khoa học: "Họ Đinh với lịch sử phát triển dân tộc Việt Nam". Số 4 (492).
 - Lễ tuyên dương và trao giải Học sinh giỏi Quốc gia môn Lịch sử. Số 4 (492).
 - Điểm sách. Số 4 (492).
 - Hội thảo "Hợp tác nghiên cứu lịch sử Đông á giữa Việt Nam - Hàn Quốc". Số 5 (493).
 - Hội thảo khoa học quốc tế: "45 năm quan hệ Việt Nam - Ấn Độ: Thành tựu và triển vọng. Số 5 (493).
 - Hội thảo khoa học "Về danh xưng Thanh Hóa". Số 5 (493).
 - Tọa đàm khoa học "Đồng chí Phạm Hùng - Người cộng sản kiên cường, người lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước. Số 6 (494).
 - Hội thảo khoa học quốc tế "55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào". Số 6 (494).
 - Hội thảo khoa học "Hệ thống thương cảng miền Trung với con đường tơ lụa trên biển". Số 6 (494).
 - Khai mạc trưng bày "Nét vàng son - Đỗ gỗ sơn son thếp vàng". Số 6 (494).
 - Hội thảo Công tác Tạp chí và Xuất bản năm 2017 của Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam. Số 6 (494).
 - Điểm sách. Số 6 (494).
 - Chúc mừng GS. NGND Vũ Dương Ninh tròn 80 tuổi. Số 7 (495).
 - Tọa đàm khoa học: "Đại tướng Nguyễn Chí Thanh trong lịch sử cách mạng dân tộc". Số 7 (495).
 - Hội thảo khoa học: Một số vấn đề cần thảo luận và thống nhất trong nghiên cứu, biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam. Số 7 (495).
 - Hội thảo khoa học: "Công tác nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam - Thực trạng, giải pháp và vấn đề đặt ra hiện nay ở các tỉnh phía Bắc". Số 8 (496).
 - Tọa đàm khoa học quốc tế: "100 năm Cách mạng Tháng Mười Nga và Chủ nghĩa xã hội hiện thực: Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại (1917-2017)". Số 8 (496).
 - Hội thảo: "Tích tụ, tập trung đất đai phục vụ phát triển nông nghiệp - Vấn đề và giải pháp". Số 8 (496).
 - Khai mạc triển lãm: Tiếp cận di sản tư liệu thế giới tại Việt Nam qua di sản tư liệu triều Nguyễn". Số 8 (496).
- TẠP CHÍ NCLS
- TẠP CHÍ NCLS
- PV
- PV
- Đ.D.H
- HOÀNG HÀ
- H.H
- P.V
- THU GIANG
- HOÀNG HÀ
- PV
- PV
- P.V
- HOÀNG HÀ
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
- Đ.D.H
- TẠP CHÍ NCLS
- PV
- Đ.D.H
- P.V
- HOÀNG HÀ
- Đ.H
- P.V

- P.V
 - Tọa đàm khoa học: “Đồng chí Lê Hồng Phong - Nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam”. Số 9 (497).
- H.H
 - Khai mạc triển lãm “Gốm Óc Eo - Nghệ thuật đặc sắc Phù Nam”. Số 9 (497).
 - Điểm sách. Số 9 (497).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt Nhà Sử học Lưu Văn Trác. Số 10 (498).
 - Khai mạc triển lãm “Ánh sáng từ Đường Kách Mệnh”. Số 10 (498).
 - Hội thảo quốc tế thường niên lần thứ sáu về Khoa học xã hội ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia: “Việt Nam - Lào - Campuchia: lịch sử, văn hóa, con người”. Số 10 (498).
 - Hội thảo khoa học: “Tuyên Quang với chiến thắng Việt Bắc - Thu Đông 1947”. Số 10 (498).
- PV
 - Hội thảo “100 năm Cách mạng tháng Mười Nga (1917-2017) và Chủ nghĩa xã hội hiện thực: Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại”. Số 10 (498).
 - Tọa đàm: “100 năm Tuyên bố Balfour”. Số 11 (499).
 - Tọa đàm khoa học: “Chính sách đối ngoại của chính quyền Narendra Modi”. Số 11 (499).
 - Hội thảo khoa học: “Tây Sơn Thượng đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn”. Số 11 (499).
 - Trưng bày chuyên đề: “Tìm lại ký ức”. Số 11 (499).
 - Hội thảo khoa học quốc tế: “Biển và Di sản Văn hóa dưới nước ở Việt Nam và Đông Nam Á”. Số 11 (499).
 - Nghiệm thu đề tài khoa học cấp cơ sở 2017. Số 12 (500).
 - Lễ trao giải thưởng sử học Phạm Thận Duật lần thứ 18. Số 12 (500).
 - Tọa đàm khoa học: “Thống nhất một số vấn đề trong nghiên cứu, biên soạn các tập biên niên”. Số 12 (500).
 - Kính báo. Số 12 (500).
- THU GIANG
- V.T.G
- PV
- PV
- Đ.H
- Đ.H
- PV
- Đ.D.H
- TẠP CHÍ NCLS

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2016

VẤN ĐỀ CHUNG

- TRẦN ĐẠI QUANG

- Bài phát biểu của đồng chí Trần Đại Quang, ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại buổi thăm và làm việc với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2016). Số 5 (481), tr. 3-5.

- TRẦN ĐẠI QUANG

- Bài phát biểu của GS.TS. Trần Đại Quang, ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 11 (487), tr. 3-5.

- NGUYỄN QUANG THUẬN

- Diễn văn của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam Nguyễn Quang Thuận trong Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18-5-2016. Số 5 (481), tr. 6-8.

- VŨ VĂN QUÂN

- Khoa Lịch sử: Sáu mươi năm mây chặng đường. Số 10 (486), tr. 3-11.

- ĐỖ DANH HUẤN

- Đô thị và Nông thôn: Những liên hệ kinh tế, xã hội trong lịch sử và hiện tại (Trường hợp Thăng Long-Hà Nội). Số 3 (479), tr. 12-23.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- PHAN NGỌC HUYỀN

- Bàn về chức Tể tướng thời Lý, Trần. Số 1 (477), tr. 19-29.

- NGUYỄN VĂN ANH

- Ngọa Vân, nơi đức vua Trần Nhân Tông tu hành và hóa Phật. Số 1 (477), tr. 30-39.

- HÀ MẠNH KHOA

- Vị trí địa chính trị, kinh tế, xã hội của Tây Sơn thương đạo trong khởi nghĩa Tây Sơn. Số 2 (478), tr. 34-39.

- NGUYỄN HỮU MÙI

- Tim hiểu về hội Tư văn và vai trò của hội trong hoạt động làng xã qua nguồn tài liệu bi ký. Số 3 (479), tr. 3-11.

- NGUYỄN THỊ HẢI

- Vai trò quan cảng trong các cảng thị ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII). Số 4 (480), tr. 13-25.

- YOUN DAE YEONG

- Điều ước Sài Gòn lần thứ 2 và đối sách Thiên chúa giáo của triều Nguyễn; số 4 và 5.

- NGUYỄN ĐỨC NHUỆ

- Khái quát một số chính sách trị quốc, an dân của triều đình Lê-Trịnh (thế kỷ XVII-XVIII). Số 5 (481), tr. 18-33.

- NHÂM THỊ LÝ

- Hoạt động kinh tế trong lĩnh vực đất đai của người Hoa ở Hội An từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XIX. Số 5 (481), tr. 34-39.

- PHAN ĐĂNG THUẬN

- Qua sự kiện năm 1540 bàn thêm về mối quan hệ bang giao giữa nhà Mạc với nhà Minh (Trung Quốc). Số 6 (482), tr. 11-18.

- ĐỖ HẰNG NGA

- Tình hình ruộng đất huyện Phổ Yên (tỉnh Thái Nguyên) qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 6 (482), tr. 19-29.

- PHAN HUY LÊ

- "An Nam quân doanh kỷ lược" của Trần Nguyên Nghiệp. Số 7 (483), tr. 3-10.

- ĐINH ĐỨC TIẾN
 - Bang giao Đại Việt - Champa thế kỷ X-XV (*Qua nguồn tài liệu chính sử*). Số 7 (483), tr. 11-21.
- NGÔ VĂN CƯỜNG
 - Vài nét về một số loại hình tổ chức xã hội và tập hợp cư dân làng Vân từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX qua văn bia. Số 7 (483), tr. 22-32.
- VŨ DUY MỀN
NGUYỄN HỮU TÂM
 - Hương ước trong việc quản lý làng xã đồng bằng Bắc Bộ, Việt Nam (Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX). Số 7 (483), tr. 33-47.
- ĐINH THỊ HẢI ĐƯỜNG
 - Chính sách thương nghiệp đường biển của triều Nguyễn giai đoạn 1802-1858. Số 8 (484), tr. 12-26.
- NGUYỄN THỊ THU THỦY
 - Phòng chống thuốc phiện dưới thời vua Minh Mệnh (1820-1840). Số 8 (484), tr. 27-34; Số 9 (485), tr. 20-29.
- TRẦN HỒNG NHUNG
 - Nạn cướp hào ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XIX: Thực trạng, nguyên nhân và hệ quả. Số 8 (484), tr. 35-48.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Chính sách của Nhà nước Lê sơ đối với hoạt động thương mại ở nông thôn. Số 9 (485), tr. 3-11.
- LÊ THỊ ANH HÒA
 - Cơ cấu tổ chức của Bộ Lễ dưới triều Nguyễn - Nhìn từ khía cạnh nghi lễ. Số 9 (485), tr. 12-19.
- ĐINH TIẾN HIẾU
 - Quan hệ bang giao giữa Đại Việt với Trung Hoa dưới triều đại Tây Sơn (1789-1802). Số 10 (486), tr. 42-51.
- NGUYỄN THẾ TRUNG
 - Cộng cuộc bảo vệ chủ quyền trên vùng biển đảo Tây Nam Bộ của chính quyền nhà Nguyễn (1802-1858). Số 12 (488), tr. 13-21.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- VŨ DƯƠNG NINH
 - Về sự kiện ngày 17-2-1979 - Đôi điều suy nghĩ. Số 1 (477), tr. 3-5.
- LÊ CUNG
 - Về tập “Hồ sơ gởi Tổng thống và Quốc hội” của Giáo hội tảng già và Hội Phật giáo Việt Nam tại Trung phần ngày 20-2-1962. Số 1 (477), tr. 40-48.
- TRẦN THỊ ĐÔNG THI
 - Về quan hệ giữa một số người Việt Nam với quân phiệt Nhật Bản trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Số 1 (477), tr. 49-57.
- VŨ QUANG HIỂN
 - Việt Nam ở giao điểm của nghiên cứu khu vực và toàn cầu: Tri thức Đông Nam Á của người Việt và cách thức tiếp cận mới. Số 1 (477), tr. 58-69.
- VŨ ĐỨC LIÊM
 - Thực trạng kinh tế - xã hội Tây Nguyên và những vấn đề đặt ra hiện nay. Số 2 (478), tr. 3-18.
- TRƯỜNG MINH DỤC
 - Sự ra đời và việc độc quyền phát hành tiền của Ngân hàng Đông Dương tại Việt Nam. Số 2 (478), tr. 19-25.
- ĐỖ THỊ MỸ HIỀN
 - Tình hình ruộng đất và đời sống nông dân ở Bắc Trung Kỳ thời Pháp thuộc. Số 2 (478), tr. 26-33.
- TRẦN VŨ TÀI
 - Nhìn lại chặng đường tham gia Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982 của Việt Nam giai đoạn 1994-2015. Số 2 (478), tr. 40-48.
- NGUYỄN THANH MINH
 - Tổ chức bộ máy chính quyền làng xã ở tỉnh Hà Đông (giai đoạn 1902-1920). Số 3 (479), tr. 24-35.
- NGUYỄN LAN DUNG
 - Lực lượng lao động nữ trong các nông trường quốc doanh ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1955-1975. Số 3 (479), tr. 36-43.
- PHẠM THỊ VƯỢNG
 -

- NGUYỄN VĂN BẮC
 - Về sự ra đời của Chí nguyện quân nhân dân Trung Quốc trong Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Số 3 (479), tr. 44-50.
- NGUYỄN VĂN HÀM
 - Tài liệu lưu trữ của bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955-1975) - Giá trị và vấn đề khai thác sử dụng phục vụ đời sống xã hội. Số 3 (479), tr. 66-75.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Ảnh hưởng và tác động từ bên ngoài đối với Việt Nam trong việc phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất. Số 4 (480), tr. 3-12.
- LÊ ĐÌNH TRỌNG
 - Sự hình thành và phát triển trung tâm công nghiệp ở Hải Phòng (từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1929). Số 4 (480), tr. 33-47.
- TRẦN VĂN KIÊN
 - Về quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Bắc Ninh từ năm 1997 đến nay. Số 4 (480), tr. 67-79.
- VÕ KIM CƯƠNG
 - Hoạt động y tế từ thiện của một số dòng nữ tu công giáo ở Việt Nam thời kỳ 1858-1918. Số 5 (481), tr. 40-49.
- BÙI THỊ HÀ
 - Trường dạy nghề ở Việt Nam thời Pháp thuộc - Nguồn gốc và định hướng phát triển. Số 5 (481), tr. 50-63.
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
 - Đại học Đông Dương trên hành trình khai phóng của dân tộc Việt Nam thời cận đại. Số 6 (482), tr. 3-10.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Vua Duy Tân trong cuộc vận động khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở Trung Kỳ năm 1916. Số 6 (482), tr. 30-43.
- PHẠM MINH THẾ
 - Một số vấn đề về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở huyện Kim Bảng (tỉnh Hà Nam) giai đoạn 1997-2012. Số 6 (482), tr. 44-50.
- ĐỖ XUÂN TRƯỜNG
 - Quan hệ biên giới giữa Việt Nam và Campuchia giai đoạn 1975-1978. Số 6 (482), tr. 57-66.
- BÙI ĐỨC DỤC
 - Đóng góp của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong giảm nghèo và phát triển nông thôn ở Việt Nam giai đoạn 1991-2010. Số 7 (483), tr. 48-59.
- LÊ TRUNG DŨNG
 - Phân hóa giàu nghèo ở Việt Nam hiện nay và sự tác động đối với đời sống xã hội. Số 7 (483), tr. 60-69.
- LUÔNG THỊ HỒNG
 - Về cây lương thực ở tỉnh Sơn La thời Pháp thuộc. Số 8 (484), tr. 49-59.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Cách mạng tháng Tám 1945 qua đánh giá của một số nhà nghiên cứu nước ngoài. Số 8 (484), tr. 60-69.
- TỔNG THANH BÌNH
 - Về quá trình xây dựng và kiến trúc thành Hải Dương thời Nguyễn: Tư liệu và nhận thức. Số 9 (485), tr. 30-35.
- BÙI ĐÌNH THANH
 - Kênh đào thời thuộc Pháp với sự chuyển biến kinh tế nông nghiệp vùng Đồng Tháp Mười (1867-1945). Số 9 (485), tr. 36-44.
- PHẠM THỊ TUYẾT
 - Chương trình tín dụng nông nghiệp thông qua hệ thống ngân hàng ở miền Nam Việt Nam (1955-1975). Số 9 (485), tr. 45-56.
- TRẦN HỮU THẮNG
 - Quan niệm truyền thống của Việt Nam về biên giới và lãnh thổ quốc gia. Số 10 (486), tr. 32-41.
- PHẠM THỊ HỒNG HÀ
 - Giáo dục Pháp trong tiến trình giải thực dân tại Việt Nam (1945-1954): Từ quan điểm chính trị đến thực tế học đường. Số 10 (486), tr. 52-67.
- LÊ TRUNG DŨNG
 - Phân định biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc: Lịch sử và vấn đề. Số 10 (486), tr. 69-80.
- NGUYỄN THUÝ PHƯƠNG
 - Về sự ra đời của Chí nguyện quân nhân dân Trung Quốc trong Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Số 3 (479), tr. 44-50.
- NGUYỄN THỊ HẠNH
 - Tài liệu lưu trữ của bộ máy chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1955-1975) - Giá trị và vấn đề khai thác sử dụng phục vụ đời sống xã hội. Số 3 (479), tr. 66-75.

- ĐÀO THỊ DIỄN
 - Hà Nội thời cận đại - Từ nhượng địa đến thành phố. Số 11 (487), tr. 6-14.
- NGUYỄN VĂN THƯỞNG
 - Phong trào "Nước Xu" ở miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1935-1940). Số 11 (487), tr. 15-21.
- KIỀU LÊ CÔNG SƠN
 - Vai trò của giao thông vận tải đối với việc lưu thông hàng hóa ở miền Nam Việt Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa (1955-1975). Số 11 (487), tr. 22-30.
- TRẦN THỊ THU HƯƠNG
 - Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ của miền Bắc Việt Nam ở nước ngoài thời kỳ 1954-1975. Số 11 (487), tr. 31-37.
- PHẠM ĐỨC KIÊN
 - Đặc điểm giáo dục đại học ở miền Bắc thời kỳ 1954-1975. Số 11 (487), tr. 38-46.
- NGÔ VĂN HÀ
 - Sự đa dạng trong mô hình quản lý các trường dạy nghề công nghiệp ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Số 12 (488), tr. 22-34.
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
 - Sự đa dạng trong mô hình quản lý các trường dạy nghề công nghiệp ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc. Số 12 (488), tr. 22-34.
- CÙ THỊ DUNG
 - Sự chuyển hướng của ngành giáo dục phổ thông trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968). Số 12 (488), tr. 35-47.
- NGUYỄN THÚY QUỲNH
 - Sự quản lý liên tục của chính quyền Việt Nam Cộng hòa đối với quần đảo Hoàng Sa. Số 12 (488), tr. 48-57.
- NGÔ VĂN MINH
 - Vết tích tất yếu của sự thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (11-1981). Số 12 (488), tr. 58-68.
- LÊ CUNG

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN VĂN KIM
 - George Coedès và thể chế chính trị, nhà nước Đông Nam Á cổ đại. Số 1 (477), tr. 6-18.
- PHẠM VĂN THỦY
 - Vai trò của cù tri Mỹ gốc Do Thái với vấn đề thành lập Nhà nước Israel (1945-1948). Số 2 (478), tr. 49-58.
- NGUYỄN THU HẠNH
 - Đóng góp của người Hoa và Hoa kiều ở Việt Nam và Singapore vào cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo - Một cái nhìn so sánh. Số 2 (478), tr. 59-66.
- NGUYỄN THỊ HƯƠNG
 - Ứng đối của chính quyền Siam với thực dân Anh dưới thời vua Mongkut (1851-1868). Số 3 (479), tr. 51-65.
- NGUYỄN TIẾN DŨNG
 - Chính sách ngoại giao mở rộng lãnh thổ của nước Mỹ (1787-1861): Những đặc trưng cơ bản. Số 4 (480), tr. 48-54.
- LÊ THÀNH NAM
 - Quan hệ Nhật Bản-Việt Nam và Đông Dương (1939-1945) - Một cách nhìn từ bối cảnh lịch sử, chính trị khu vực Đông Á. Số 4 (480), tr. 55-66.
- NGUYỄN VĂN KHAH
 - Vài nét về chính sách nông nghiệp của Nhật Bản ở Việt Nam trong Đại chiến thế giới thứ Hai. Số 5 (481), tr. 9-17.
- NGUYỄN CẨM HUỆ
 - Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc từ năm 1992 đến nay: Thành tựu và vấn đề đặt ra. Số 5 (481), tr. 75-82.
- NGUYỄN THÀNH VĂN
 - Nhìn lại quá trình đấu tranh giành độc lập của Campuchia từ năm 1945 đến năm 1954. Số 6 (482), tr. 51-56.
- HOÀNG KHẮC NAM
 - Lý thuyết Phê phán và những gợi ý cho nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế. Số 8 (484), tr. 3-11.
- NGUYỄN DƯƠNG ĐỖ QUYỀN
 - Chuyến công du phương Tây của phái bộ Iwakura Nhật Bản (1871-1873).

- Số 9 (485), tr. 57-64.
- G.M. LOKSHIN • Tòa án quốc tế bác bỏ "các quyền lịch sử" của Trung Quốc trên Biển Đông. Số 10 (486), tr. 24-31.
 - NGUYỄN THÁI YÊN • Chính sách của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau năm bầu cử 2016: Tiếp cận theo góc độ văn hóa chính trị Mỹ. Số 12 (488), tr. 3-12.
 - HÒANG HẢI HÀ • Hòa giải Trung - Mỹ và thái độ của Trung Quốc đối với cách mạng Việt Nam. Số 12 (488), tr. 69-77.
 - LÊ HOÀNG LINH

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- VÕ THỊ HOÀI THƯƠNG • Sản vật ẩm thực Nghệ An, Hà Tĩnh qua *Châu bản triều Nguyễn*. Số 1 (477), tr. 70-79.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Vị trí địa - chính trị của Lào trong chiến tranh Việt Nam dưới góc nhìn của Henry Kissinger. Số 2 (478), tr. 67-70.
- LÊ THỊ TOÁN • Phát hiện sắc chỉ thời chúa Võ vương Nguyễn Phúc Khoát. Số 4 (480), tr. 80-81.
- NGUYỄN QUANG TUỆ • Tìm hiểu thêm về ông Nay Đer. Số 6 (482), tr. 66-76.
- NGUYỄN HUY KHUYẾN • Chính sách của các vua đầu triều Nguyễn đối với việc hình thành kho lưu trữ thư tịch Hán Nôm. Số 6 (482), tr. 77-84.
- LÊ SƠN • Đích thân Stalin trả lời. Số 7 (483), tr. 70-75.
- LÊ SƠN • Khoa học và những bàn tay sạch. Số 9 (485), tr. 65-70.
- LÊ TIẾN CÔNG • Công tác tuần tiễu, kiểm soát vùng biển miền Trung qua một số tư liệu châu bản triều Nguyễn. Số 11 (487), tr. 54-67.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- ĐỒNG THÀNH DANH • Bàn thêm về phiến quốc Panduranga - Champa hay trấn Thuận Thành, phủ Bình Thuận (thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX). Số 9 (485), tr. 71-78.

ĐỌC SÁCH

- NGUYỄN HỮU TÂM • Tình hình nghiên cứu Cách mạng Tân Hợi và Tôn Trung Sơn trong hơn một thế kỷ qua tại Việt Nam. Số 2 (478), tr. 71-80.
- NGUYỄN VĂN KIM • "Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX: Nguyên nhân và hệ quả". Số 11 (487), tr. 78-80.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- TRẦN THỊ VINH • Bàn về mối quan hệ giữa Sử học và giáo dục Lịch sử trong sách giáo khoa Lịch sử. Số 7 (483), tr. 76-83.
- NGUYỄN PHÙNG TÁM • "Chương trình tổng hợp" môn Lịch sử trong bậc học sơ trung ở Trung Quốc. Số 8 (484), tr. 70-81.
- ZHANG LU JIA

- VŨ DƯƠNG NINH

- Nghiên cứu lịch sử thế giới ở một số trường đại học trong 30 năm đổi mới (1986-2016). Số 11 (487), tr. 68-77.

THÔNG TIN

- TẠP CHÍ NCLS

- Lễ công bố và trao Quyết định bổ nhiệm Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số 1 (477).

- P.V

- Triển lãm sách, tư liệu: "Đảng Cộng sản Việt Nam - Từ Đại hội đến Đại hội". Số 1 (477).

- NGUYỄN HẢI

- Hội thảo khoa học: Bình Định với chữ Quốc ngữ. Số 1 (477).

- HÀ LINH

- Hội thảo khoa học: Nguyễn Cư Trinh (1716-1767) - Quê hương, thời đại và sự nghiệp. Số 1 (477).

- P.V

- Hội thảo khoa học: Đồng chí Phạm Văn Đồng - Nhà lãnh đạo có uy tín của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Số 2 (478).

- Đ.D.H

- Tọa đàm khoa học quốc tế: "Nhận diện kiến trúc Việt Nam thời Lý - Trần qua tư liệu khảo cổ và sử liệu". Số 2 (478).

- P.V

- Triển lãm chuyên đề: "Đại hội Đảng qua các thời kỳ". Số 3 (479).

- P.V

- Diễn đàn Hòa bình, Thống nhất Việt Nam - Hàn Quốc lần thứ II với chủ đề: "Việt Nam khôi phục đất nước và đồng nhất dân tộc sau thống nhất - Giải pháp cho thống nhất bán đảo Triều Tiên". Số 3 (479).

- ĐỖ NGÔN XUYÊN

- Điểm sách. Số 3 (479).

- P.V

- Lễ trao Giải thưởng sách Việt Nam lần thứ 11 năm 2015. Số 4 (480).

- P.V

- Khai mạc triển lãm: "Chủ tịch Hồ Chí Minh với các kỳ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp". Số 4 (480).

- Đ.D.H

- Điểm sách. Số 4 (480).

- TẠP CHÍ NCLS

- Kính báo. Số 4 (480).

- ĐỖ NGÔN XUYÊN

- Khánh thành Công viên Đại tướng Võ Nguyên Giáp trên đảo Sơn Ca. Số 5 (481).

- P.V

- Hội thảo khoa học: "Hồ Chí Minh với Mặt trận Việt Minh". Số 5 (481).

- P.V

- Trưng bày chuyên đề "Mặt trận Việt Minh - Đại đoàn kết dân tộc (1941-1945)". Số 5 (481).

- P.V

- Khai mạc trưng bày "Những khám phá khảo cổ học dưới lòng Nhà Quốc hội". Số 5 (481).

- P.V

- Hội thảo: Đổi mới và nâng cấp tạp chí khoa học xã hội theo yêu tiêu chuẩn quốc tế. Số 6 (482).

- P.V

- Khai mạc triển lãm: "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước". Số 6 (482).

- Đ.H

- Hội thảo khoa học cấp Quốc gia: "Văn kiện Đại hội XII của Đảng: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn". Số 7 (483).

- HOÀNG NAM

- Hội thảo khoa học: "Tư tưởng Không có gì quý hơn độc lập tự do - Khát vọng của dân tộc Việt Nam và chân lý thời đại". Số 7 (483).

- P.V

- Hội thảo khoa học: "Đồng chí Hồ Tùng Mậu với cách mạng Việt Nam và

- P.V
- NGUYỄN VĂN BẢO
- NGUYỄN BIỂU
- P.V
- NGUYỄN HẢI
- Đ.D.H
- Đ.H
- P.V
- BÙI HUỲNH
- HOÀNG NAM
- NGUYỄN VĂN BIỂU
- P.V
- P.V
- NGUYỄN BIỂU
- P.V
- QUANG HẢI
- P.V
- P.V
- NGUYỄN HẢI
- MAI HUYỀN
- P.V
- P.V
- P.V
- P.V
- P.V
- P.V
- quê hương Nghệ An". Số 7 (483).
- Lễ tưởng niệm 250 năm ngày mất và trao tượng đồng Danh nhân Nguyễn Quý Kính (1693-1766). Số 7 (483).
 - Hội thảo khoa học: "Tổng đốc Lê Đại Cương với An Giang". Số 8 (484).
 - Hội thảo khoa học: "Danh nhân Văn hóa Lê Quý Đôn (1726-1784): Cuộc đời và sự nghiệp". Số 8 (484).
 - Hội thảo khoa học: "100 năm khởi nghĩa Việt Nam Quang phục hội tại phủ Tam Kỳ (1916-2016)". Số 8 (484).
 - Hội thảo khoa học: "Dinh trấn Thanh Chiêm và chữ Quốc ngữ". Số 8 (484).
 - Triển lãm "Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chân dung một huyền thoại". Số 8 (484).
 - Hội thảo Quốc gia "Vai trò của Hán Nôm trong văn hóa đương đại". Số 8 (484).
 - Khai mạc Triển lãm ảnh tư liệu về Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9. Số 8 (484).
 - Hội thảo khoa học: "Lê Hoàn - quê hương và sự nghiệp". Số 9 (485).
 - Tọa đàm khoa học: "Đồng chí Trần Văn Giàu - Nhà cách mạng, Nhà giáo, Nhà khoa học - Dấu ấn một nhân cách". Số 9 (485).
 - Hội thảo khoa học cấp Quốc gia: "Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam". Số 9 (485).
 - Hội thảo khoa học quốc tế "30 năm đổi mới: Thành tựu, bài học và triển vọng". Số 10 (486).
 - Điểm sách. Số 10 (486).
 - Lễ kỷ niệm 65 năm thành lập Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 11 (487).
 - Lễ kỷ niệm 60 năm Khoa Lịch sử, Trường ĐHKHXH&NV Hà Nội. Số 11 (487).
 - Hội thảo Quốc tế về Việt Nam học và Đài Loan học lần thứ 3 năm 2016 và Hội thảo Quốc tế chữ Latinh Đài Loan lần thứ 8 năm 2016. Số 11 (487).
 - Hội thảo khoa học "100 năm ngày sinh Nhà trí thức cách mạng: Giáo sư, Viện sĩ Phạm Huy Thông". Số 11 (487).
 - Hội thảo khoa học cấp Quốc gia Toàn quốc kháng chiến - ý chí bảo vệ độc lập, tự do và bài học lịch sử (19/12/1946 - 19/12/2016). Số 11 (487).
 - Hội thảo khoa học: "Tế tửu Quốc Tử Giám Nguyễn Duy Thì - Con người và sự nghiệp". Số 11 (487).
 - Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 130 năm khởi nghĩa Ba Đình (1886-2016)". Số 11 (487).
 - Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày thành lập Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 12 (488).
 - Trao Giải thưởng sử học Phạm Thận Duật lần thứ 17. Số 12 (488).
 - Triển lãm "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược". Số 12 (488).
 - Kỷ niệm 400 năm ngày sinh Tể tướng, Tiến sĩ Nguyễn Mậu Tài. Số 12 (488).
 - Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 5: "Phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu". Số 12 (488).
 - Hội thảo khoa học: "Biển với lục địa: Vai trò và mạng lưới giao lưu ở lưu vực các dòng sông miền Trung". Số 12 (488).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2015

VẤN ĐỀ CHUNG

- PHẠM XUÂN NAM

- Những nỗ lực đầu tiên trong tiến trình tiếp xúc, giao lưu, đối thoại giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa phương Tây (từ nửa cuối thế kỷ XIX đến trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất). Số 1 (465), tr. 3-12.

- LÊ HỒNG ANH

- Phát biểu của đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị tổng kết công tác năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Số 2 (466), tr. 3-7.
- Vết tín ngưỡng tôn giáo của người Mường ở Thanh Hóa. Số 3 (467), tr. 64-71.
- Quan hệ Việt-Mỹ 1995-2015: Tiếp cận từ góc độ lợi ích của hai bên. Số 7 (471), tr. 3-10.

- ĐẶNG ĐÌNH QUÝ

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại: Một số vấn đề trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay. Số 10 (474), tr. 50-56.

- TRẦN THỊ THU LUÔNG

- Nông nghiệp, nông thôn của Việt Nam trong 40 năm phát triển (1975-2015) và những vấn đề cần suy nghĩ cho phong trào “Nông thôn mới” hiện nay. Số 7 (471), tr. 11-23.

- VŨ DƯƠNG NINH

- Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ: 220 năm và 20 năm. Số 9 (473), tr. 3-11.

- TRƯƠNG TẤN SANG

- Phát biểu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tại Đại hội Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam khóa VII (Nhiệm kỳ 2015-2020). Số 11 (475), tr. 3-4.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- TRẦN THỊ VINH

- Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Mạc. Số 1 (465), tr. 24-35.

- ĐÀM THỊ UYÊN

- Tình hình ruộng đất của huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng qua tư liệu địa ba Gia Long 4 (1805). Số 1 (465), tr. 36-42.

- NGUYỄN MINH TUỜNG

- Sự ra đời của hoạn quan trong lịch sử và chế độ hoạn quan thời quân chủ Việt Nam. Số 2 (466), tr. 8-17.

- NGUYỄN MINH TUỜNG

- Sự ra đời của tiền lương trong lịch sử và chế độ tiền lương dưới thời quân chủ Việt Nam. Số 5 (469), tr. 3-12; Số 6 (470), tr. 18-26.

- NGUYỄN MINH TUỜNG

- Chính sách đối với dân tộc Chăm ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ của vương triều Nguyễn. Số 9 (473), tr. 12-21.

- NGUYỄN MINH TUỜNG

- Chính sách đối với dân tộc Hoa ở Nam Bộ của vương triều Nguyễn. Số 12 (476), tr. 3-9.

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI

- Vấn đề sử dụng ruộng đất công làng xã ở nông thôn thời Trần. Số 3 (467), tr. 23-30.

- NGUYỄN HỮU TÂM

- Vũ Miên (1718-1782) - Tổng tài bộ quốc sử triều Lê-Trịnh. Số 5 (469), tr. 13-21.

- ĐƯƠNG HÀ HIẾU

- Biển, đảo Việt Nam trong các tư liệu tiếng Anh từ thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX. Số 5 (469), tr. 22-38.

- DƯƠNG HÀ HIẾU
 - Tình hình sở hữu ruộng đất trên Cù lao Ré từ thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX. Số 10 (474), tr. 10-20.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Chính sách văn hóa của nhà Minh với Đại Việt (1407-1427). Số 6 (470), tr. 3-17.
- TRỊNH THỊ HÀ
 - Vài nét về giáo dục Nho học thời Lê-Trịnh (thế kỷ XVII-XVIII). Số 6 (470), tr. 27-40.
- ĐÀM THỊ UYÊN
 - Tình hình ruộng đất tổng Bách Lãm, huyện Trần Yên qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 7 (471), tr. 30-36.
- TRẦN THỊ THANH XUYÊN
 - Vài nét về thủ công nghiệp của huyện Nghi Lộc (Nghệ An) thế kỷ XIX. Số 7 (471), tr. 37-44.
- ĐĂNG NHƯ THƯỜNG
 - Xung quanh chuyến công du đến Thăng Long năm 1651 của Đặc sứ Hà Lan Willem Verstegen. Số 9 (473), tr. 41-51.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Nghi thức tang lễ cung đình châu Á nhìn từ triều Nguyễn Việt Nam và triều Joseon Hàn Quốc. Số 9 (473), tr. 52-67.
- HUỲNH THỊ ANH VÂN
 - Tìm hiểu hoạt động khuyến học trong nền giáo dục, khoa cử Nho học ở Ninh Bình qua nguồn tài liệu tục lệ. Số 10 (474), tr. 3-9.
- NGUYỄN HỮU MÙI
 - Câu phong và sách phong trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc dưới triều Trần (1226-1400). Số 11 (475), tr. 11-18.
- NGUYỄN THU HIỀN
 - Hương ước với việc quản lý ruộng đất ở làng xã đồng bằng Bắc Bộ trước thế kỷ XX. Số 11 (475), tr. 19-32.
- VŨ DUY MỀN
 - Triều Minh Mạng với việc tổ chức Lê trai dàn chấn tế (1820-1840). Số 11 (475), tr. 33-39.
- LÊ THỊ THẢO
 - Bước đầu tìm hiểu về danh tính thợ đá làng An Hoạch (Thanh Hóa). Số 11 (475), tr. 40-48.
- TRẦN THỊ VINH
 - Khoa cử và tuyển dụng quan lại vào làm việc trong chính quyền nhà nước thời Lê Trung Hưng từ năm 1554 đến năm 1787. Số 12 (476), tr. 10-18.
- LÊ THỊ AN HÒA
 - Một số lê nghì cung đình về nông nghiệp dưới triều Nguyễn. Số 12 (476), tr. 19-28.
- DƯƠNG VĂN HUY
 - Người Hoa đối với vấn đề an ninh quốc gia ở Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX. Số 12 (476), tr. 63-74.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Bùi Văn Dị trong lịch sử và văn hóa Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. Số 1 (465), tr. 13-23.
- TẠ THỊ THÚY
 - Thực dân Pháp chiếm đoạt quyền quản lý đối với khối công sản mỏ ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX. Số 1 (465), tr. 43-48.
- TẠ THỊ THÚY
 - Về cơ quan quản lý mỏ của Pháp ở Đông Dương thời thuộc địa. Số 7 (471), tr. 24-29.
- NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG
 - Phu lục lộ và phu mỏ người Việt ở Lào dưới thời Pháp thuộc (1893-1945). Số 1 (465), tr. 49-54.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng căn cứ du kích với chống phá tề ở đồng bằng Bắc Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 1 (465), tr. 55-61.

- LÊ ĐÌNH TRỌNG
 - Tại sao năm 1950 Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao và viện trợ cho Việt Nam?. Số 1 (465), tr. 62-73.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
- LUU THỊ TUYẾT VÂN
- LÊ VĂN CỨ
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
- PHAN PHƯƠNG THẢO
ĐỖ THỊ TÁM
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
- ĐỖ THỊ THANH LOAN
- BÙI VĂN HÀO
- NGUYỄN ĐÌNH LÊ
- HÀ THỊ THU THỦY
NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG
- MAI THỊ THANH NGA
- ĐỖ MINH TỨ
- NGÔ MINH HIỆP
NGUYỄN THỊ XUÂN HÀNG
- LÊ CUNG
NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN
- NGUYỄN THỊ BÌNH
- PHẠM THỊ VƯỢNG
- DƯƠNG TÔ QUỐC THÁI
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
NGUYỄN THỊ HỢP
- NGUYỄN THÚY QUỲNH
- PHẠM THỊ HỒNG HÀ
- EFEO trong lịch sử khoa học và công nghệ Việt Nam. Số 2 (466), tr. 18-33.
- Làng nghề vùng đồng bằng sông Hồng từ cội nguồn và trong thời kỳ Đổi mới hiện nay. Số 2 (466), tr. 34-44.
- Chính sách của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với binh lính người Việt trong quân đội Pháp từ năm 1948 đến 1954. Số 2 (466), tr. 45-60.
- Xin lỗi và bồi thường chiến tranh trong quan hệ quốc tế - Kinh nghiệm lịch sử trong quan hệ Việt - Mỹ. Số 3 (467), tr. 14-22.
- Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp (EFEO) với việc bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa Hà Nội (giai đoạn 1900-1945). Số 3 (467), tr. 31-43.
- Trường dạy nghề ở Bắc Kỳ, 1898-1945. Số 3 (467), tr. 44-53.
- Quá trình xác lập địa giới hành chính Thủ đô Hà Nội những năm đầu sau giải phóng. Số 3 (467), tr. 54-63.
- Quân và dân Nghệ An với việc thực hiện nhiệm vụ quốc tế ở Lào trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Số 5 (469), tr. 39-44.
- Suy nghĩ về vị thế của phong trào tập thể hóa nông nghiệp miền Bắc trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Số 5 (469), tr. 45-50.
- Quá trình xây dựng đường sắt Hải Phòng - Côn Minh trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam và việc tuyển mộ, quản lý nhân công của người Pháp. Số 6 (470), tr. 41-51.
- Công nghiệp khai thác vàng của Pháp ở Việt Nam thời thuộc địa: Nghiên cứu trường hợp mỏ vàng Bồng Miêu (Quảng Nam). Số 6 (470), tr. 52-63.
- Công nghiệp khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu thời Pháp thuộc. Số 7 (471), tr. 45-54.
- Tìm hiểu việc xây dựng quốc sách áp chiến lược của Mỹ-Diệm ở Đak Lak từ năm 1961 đến cuối năm 1963. Số 9 (473), tr. 22-30.
- Phong trào công nhân Sài Gòn-Gia Định trong giai đoạn chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961-1965). Số 9 (473), tr. 31-40.
- Tìm hiểu khái niệm và địa giới “Khu phố Áu”/“Khu phố Tây” ở đô thị Hà Nội giai đoạn 1884-1945. Số 10 (474), tr. 21-28.
- Vài nét về nông trường quân đội ở miền Bắc Việt Nam từ năm 1956 đến năm 1960. Số 10 (474), tr. 29-37.
- Quá trình tiếp quản và sắp xếp lại hệ thống ngân hàng tại miền Nam Việt Nam sau giải phóng (1975-1979). Số 10 (474), tr. 38-49.
- Bùi Kỷ - Một nhà giáo tiêu biểu của Việt Nam trong thế kỷ XX. Số 11 (475), tr. 5-10.
- Các nước xã hội chủ nghĩa với việc tiếp nhận giáo dục và đào tạo lưu học sinh Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Số 11 (475), tr. 49-58.
- Vai trò của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam Cộng hòa đối với sự giàn tăng hàng hóa tiêu dùng ở miền Nam Việt Nam (1955-1975). Số 11 (475), tr. 59-69.

- NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG
- ĐẶNG THỊ VÂN CHI
- NGUYỄN DUY THỦY

- Quy hoạch đô thị Hải Phòng thời thuộc địa. Số 12 (476), tr. 29-38.
- Vấn đề nữ quyền qua một số sách báo ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Số 12 (476), tr. 39-48.
- Vấn đề lao động - việc làm của người dân tộc thiểu số từ nơi khác đến Tây Nguyên trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Số 12 (476), tr. 49-55.

KỶ NIỆM 40 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

- BÙI ĐÌNH THANH
- ĐINH QUANG HẢI
- HỒ SƠN ĐÀI
- NGÔ ĐĂNG TRI
NGÔ MINH HIỆP
- VŨ QUANG HIẾN
- NGUYỄN HỮU NGUYÊN
- VÕ KIM CƯỜNG
- ĐÀO TUẤN THÀNH

- Nhìn lại cuộc đấu tranh hệ tư tưởng trong cuộc dựng đất nước Việt Nam - Mỹ (1954-1975). Số 4 (468), tr. 3-15.
- Bối cảnh lịch sử xuất hiện thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước vào mùa Xuân năm 1975. Số 4 (468), tr. 16-23.
- Bộ Tư lệnh quân giải phóng miền Nam Việt Nam sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Số 4 (468), tr. 24-31.
- Đấu tranh giải quyết vấn đề Fulro ở Tây Nguyên từ năm 1975 đến năm 1988: Diễn trình, kết quả và kinh nghiệm. Số 4 (468), tr. 32-43.
- Hậu quả của cuộc chiến tranh Việt Nam (1954-1975) - Mấy vấn đề bàn luận. Số 4 (468), tr. 44-55.
- Việt Nam 40 năm xây dựng đất nước và khắc phục di chứng chiến tranh (1975-2015). Số 4 (468), tr. 56-63.
- Từ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đến hội nhập quốc tế. Số 4 (468), tr. 64-74.
- Tư liệu về sự sa lầy của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam dưới thời Tổng thống J.F.Kennedy và L.B.Johnson. Số 4 (468), tr. 75-84.

KỶ NIỆM 70 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

- PHẠM XUÂN NAM
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
TRẦN VIẾT NGHĨA
- ĐINH QUANG HẢI
- PHẠM HỒNG CHƯƠNG
- NGUYỄN VĂN NHẬT
- NGUYỄN ĐỨC MINH
LÊ THƯƠNG HUYỀN

- Cách mạng tháng Tám năm 1945 xây dựng những nền tảng ban đầu cho việc thực hiện hệ thống chính sách xã hội rộng mở trong công cuộc Đổi mới đất nước ngày nay. Số 8 (472), tr. 3-12.
- Trí thức Hà Nội trong thời kỳ chuẩn bị và tiến hành Cách mạng tháng Tám năm 1945. Số 8 (472), tr. 13-21.
- Đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong Mặt trận Dân tộc thống nhất là nhân tố quyết định thành công của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam. Số 8 (472), tr. 22-28.
- Giá trị đa tầng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong tiêu chí của nhà nước mới ở Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Số 8 (472), tr. 29-35.
- Giá trị thực tiễn của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Số 8 (472), tr. 36-42.
- Hiến pháp năm 1946 đặt nền tảng cơ sở đầu tiên cho quá trình từng bước xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật ở Việt Nam. Số 8 (472), tr. 43-51.

- NGUYỄN NGỌC CƠ

- Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945: Sự bình đẳng phát triển của các dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam và một số vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay. Số 8 (472), tr. 52-58.

- NGUYỄN QUỐC TUẤN

- Vấn đề tôn giáo - một trong những vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm đặc biệt từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay. Số 8 (472), tr. 59-64.

- VÕ KIM CƯỜNG

- Từ bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, suy nghĩ về vấn đề đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Số 8 (472), tr. 65-72.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- TRẦN THỊ VINH

- Lý Quang Diệu (1923-2015) và bài học thành công của Singapore: Nhìn lại lịch sử và luận giải. Số 3 (467), tr. 3-13.

- LÊ QUỲNH NGA

- Hàn Quốc với quá trình chủ động tìm kiếm cơ hội tham gia cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Số 2 (466), tr. 61-66.

- HOÀNG KHẮC NAM

- Tiến trình lịch sử quan hệ quốc tế trong Thuyết Hệ thống thế giới của Immanuel Wallerstein. Số 5 (469), tr. 51-61.

- TRẦN THIỆN THANH

- Quan hệ kinh tế Mỹ-Nhật Bản 1952-1971. Số 5 (469), tr. 62-72.

- TRẦN THỊ THANH VÂN

- Chính sách giáo dục của thực dân Anh ở Ấn Độ và những hệ quả. Số 6 (470), tr. 64-74.

- ĐÀO ĐỨC THUẬN

- Thái độ của Cộng hòa Liên bang Đức đối với cuộc chiến tranh của Pháp ở Đông Dương (1945-1954). Số 7 (471), tr. 55-63.

- NGUYỄN HỒNG VÂN

- Lend-Lease và vai trò của nó trong chiến tranh vệ quốc ở Liên Xô (1941-1945). Số 7 (471), tr. 64-74.

- NGUYỄN XUÂN CƯỜNG

- Trung Quốc điều chỉnh chính sách đối ngoại những năm đầu thế kỷ XXI. Số 7 (471), tr. 75-81.

- VŨ THỊ THU GIANG

- Hợp tác Việt Nam - Hoa Kỳ trong lĩnh vực giáo dục và y tế từ năm 1995 đến nay. Số 10 (474), tr. 57-64.

- VĂN NGỌC THÀNH

- Phản ứng của Liên Xô với cuộc chiến tranh Ấn Độ - Trung Quốc năm 1962. Số 11 (475), tr. 70-79.

PHẠM XUÂN CÔNG

- Chiến lược ràng buộc với Trung Quốc của Hoa Kỳ và sự tái lập các mối quan hệ với Nga: Mục tiêu chung, kết quả khác biệt. Số 12 (476), tr. 56-62.

- MAKAR A. TARAN

TU LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- ĐÀO THỊ DIỄN

- Một số vấn đề trong nghiên cứu về địa giới hành chính Việt Nam thời cận đại. Số 3 (467), tr. 72-80.

- NGUYỄN NHƯ THUẦN

- 20 năm (1994-2014) sử dụng nguồn tài liệu lưu trữ trong nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Số 5 (469), tr. 77-79.

- NGUYỄN THÙA HỶ

- Vùng đất Hà Nội mở rộng trong thời Pháp thuộc. Số 10 (474), tr. 75-81.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT

- Một số suy nghĩ xung quanh vụ chính biến của Lê Nghi Dân năm Kỷ Mão (1459). Số 2 (466), tr. 67-73.

- ĐÀO PHƯƠNG CHI

- Bước đầu tìm hiểu về việc sử dụng các thuật ngữ “Cải lương”, “Cải định”, “Cải chính”... trong giai đoạn cải lương thí điểm. Số 9 (473), tr. 68-74.

ĐỌC SÁCH

- CHƯƠNG THÂU

- Đôi lời về bộ sách *Phạm Phú Thứ toàn tập*. Số 1 (465), tr. 74-75.

- VŨ DƯƠNG NINH

- “Văn Đôn-Thương cảng quốc tế của Việt Nam”. Số 2 (466), tr. 74-76.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- VĂN NGỌC THÀNH
HOÀNG THỊ NGA

- Chủ quyền lãnh thổ trong sách giáo khoa Lịch sử Cộng hòa Liên bang Đức - Một vài suy nghĩ cho việc đổi mới sách giáo khoa Việt Nam sau năm 2015. Số 6 (470), tr. 75-81.

- TRẦN THỊ VINH

- Bàn về “số phận” môn Lịch sử trong Dự thảo Chương trình phổ thông tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số 10 (474), tr. 76-81.

THÔNG TIN

- KHUÊ MỘC

- Tọa đàm khoa học: “Nhà Mạc thời kỳ Cao Bằng”. Số 1 (465).

- MẠNH QUÂN

- Kết quả khai quật sơ bộ khảo cổ học tại di chỉ sản xuất gốm Quả Cảm. Số 1 (465).

- NHẬT MINH

- Phát hiện dấu tích lò nung gốm tại Chu Đậu. Số 1 (465).

- NGUYỄN DƯƠNG

- Phát hiện chuông cổ ở Hưng Yên. Số 1 (465).

- LINH NAM

- Điểm sách. Số 1 (465).

- Đ.D.H

- Hội thảo khoa học Quốc gia “85 năm Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển và vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam”. Số 2 (466).

- P.V

- Triển lãm: “85 năm Đảng Cộng sản Việt Nam - Một chặng đường vẻ vang”. Số 2 (466).

- Đ.H

- Khai mạc Triển lãm ảnh: 65 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Trung Quốc. Số 2 (466).

- TẠP CHÍ NCLS

- Chúc mừng các nhà khoa học ngành Lịch sử được phong chức danh Giáo sư, Phó giáo sư năm 2014. Số 2 (466).

- P.V

- Lễ công bố và trao quyết định bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư năm 2014. Số 2 (466).

- LINH NAM

- Phát hiện di tích kiến trúc thời Trần tại khu vực lăng và đền vua Mai Hắc Đế. Số 2 (466).

- P.V

- Hội thảo khoa học: “Phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ: Triển khai các nhiệm vụ từ góc độ Khoa học xã hội và nhân văn”. Số 3 (467).

- Đ.D.H

- Hội thảo Quốc tế: “Hợp tác Việt Nam-Trung Quốc giai đoạn mới. Số 3 (467).

- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt PGS.TS. Nhà giáo ưu tú Nguyễn Phan Quang. Số 5 (469).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: “Đại thắng Mùa Xuân 1975 - Sức mạnh của ý chí thống nhất Tổ quốc và khát vọng hòa bình”. Số 5 (469).
 - Hội thảo khoa học quốc tế: “40 năm thống nhất đất nước với công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế (30/4/1975-30/4/2015)”. Số 5 (469).
 - Hội thảo khoa học: “Luận cứ khoa học về vai trò nông dân và các vấn đề xã hội nông thôn trong xây dựng nông thôn mới”. Số 5 (469).
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: “Quân tình nguyện Việt Nam tại Nam Trung Bộ làm nhiệm vụ quốc tế tại Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia - Vai trò và ý nghĩa lịch sử”. Số 6 (470).
 - Hội thảo quốc tế: “Việt Nam - 40 năm thống nhất, phát triển và hội nhập”. Số 6 (470).
 - Hội thảo khoa học: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước”. Số 6 (470).
 - Lễ ra mắt Hội đồng chỉ đạo biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam. Số 6 (470).
 - Đại hội Liên Chi hội Nhà báo Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam lần thứ IV, nhiệm kỳ 2015-2020. Số 6 (470).
 - Hội thảo khoa học: “Đồng chí Nguyễn Văn Linh với cách mạng miền Nam, với Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh”. Số 6 (470).
 - Hội thảo quốc tế: “Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ sau 20 năm bình thường hóa: Thực trạng và triển vọng”. Số 7 (471).
 - Danh sách các nhà khoa học (chủ nhiệm, chủ biên, đồng chủ biên) và các tổ chức chủ trì được giao trực tiếp xây dựng Thuyết minh đề tài của Đề án “Nghiên cứu, biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam”. Số 7 (471).
 - Hội thảo quốc gia: “70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển (1945-2015)”. Số 8 (472).
 - Hội thảo khoa học: “Tuyên Quang - Thủ đô Khu giải phóng trong Cách mạng tháng Tám và Cách mạng tháng Tám với công cuộc đổi mới đất nước”. Số 8 (472).
 - Hội thảo khoa học: “Linh nhán Hoàng Thái hậu và Khu Di tích Đền Ghênh, Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên”. Số 8 (472).
 - Hội thảo khoa học: “Việt Nam học: Những phương diện văn hóa truyền thống”. Số 8 (472).
 - Triển lãm “Tài liệu về Cách mạng tháng Tám và sự thành lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Thư viện Khoa học xã hội”. Số 8 (472).
 - Tọa đàm: “Còn là Tình anh”: Kỷ niệm 10 năm ngày mất của Giáo sư Trần Quốc Vượng. Số 8 (472).
 - Tập huấn về phương pháp biên soạn lịch sử Việt Nam. Số 8 (472).
 - Hội thảo khoa học: “Tuyên ngôn Độc lập - Giá trị dân tộc và thời đại”. Số 8 (472).
- P.V
- QUỐC KHÁNH
- HỒNG HÀ
- P.V
- TẠP CHÍ NCLS
- HOÀNG NAM
- P.V
- P.V
- BÙI HÀ
- HOÀNG NAM
- NGUYỄN VĂN BIẾU
- BÙI HUỲNH
- P.V
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
- P.V
- Đ.D.H

- P.V
 - Triển lãm: “70 năm xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân theo Tư tưởng Hồ Chí Minh”. Số 8 (472).
 - Trưng bày tư liệu về báo chí Cách mạng 1925-1945. Số 8 (472).
 - Triển lãm tư liệu về tiến sĩ Việt Nam dưới các triều đại phong kiến. Số 8 (472).
- HOÀNG NAM
 - Hội thảo khoa học: “Thanh Hóa - 70 năm phát huy giá trị di sản Cách mạng tháng Tám (1945-2015)”. Số 9 (473).
 - Khánh thành Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khu Di tích K9 - Đá Chông. Số 9 (473).
 - Hội thảo khoa học: “Hà Đình Nguyễn Thuật - Danh nhân văn hóa”. Số 9 (473).
 - Hội thảo Quốc tế: Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu lịch sử đô thị Việt Nam. Số 9 (473).
 - Khai mạc triển lãm “Mỗi hiện vật một tấm lòng với Bác”. Số 9 (473).
 - Điểm sách. Số 9 (473).
- NGUYỄN VĂN BIỂU
 - Hội thảo khoa học Quốc gia: “Chữ Quốc ngữ: Sự hình thành, phát triển và những đóng góp vào văn hóa Việt Nam”. Số 10 (474).
 - Hội thảo khoa học: “Sử học với việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản phục vụ phát triển ngành du lịch Việt Nam”. Số 10 (474).
 - Hội thảo khoa học: “Giá trị lịch sử-văn hóa đình Chùa Xá, định hướng tu bổ tôn tạo-phát huy giá trị”. Số 10 (474).
 - Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam lần thứ VII (2015-2020). Số 11 (475).
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: “Chiến tranh và ký ức: Những kinh nghiệm và câu chuyện của chiến trường châu Á”. Số 11 (475).
 - Hội thảo khoa học: “Phan Bội Châu và phong trào Đông Du”. Số 11 (475).
 - Hội thảo khoa học: Truyền thống văn hóa, khoa bảng dòng họ Ngô Vọng Nguyệt, Yên Phong, Bắc Ninh. Số 11 (475).
 - Khai mạc Triển lãm “Bia Tiến sĩ - Di sản văn hóa Việt Nam”. Số 11 (475).
 - Lễ kỷ niệm 130 năm Ngày Danh nhân Phạm Thận Duật hy sinh và Trao Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 16. Số 11 (475).
 - Lễ công bố quyết định và trao giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư năm 2015. Số 12 (476).
 - Hội thảo khoa học Quốc tế Nghiên cứu Minh-Thanh năm 2015. Số 12 (476).
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: Nghiên cứu Đông Nam Á ở châu Á năm 2015. Số 12 (476).
 - Hội thảo khoa học: Một số vấn đề về nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành. Số 12 (476).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - P.V
 - Đ.D.H
- BÙI HUỲNH
 - P.V
- QUANG HẢI
 - P.V
- P.V
- BÙI HUỲNH
 - P.V
- TẠP CHÍ NCLS
 - P.V
- NGUYỄN VŨ
 - P.V
- HỒNG HÀ
 - P.V

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2014

VĂN ĐỀ CHUNG

- NGUYỄN PHÚ TRỌNG
 - Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2/12/1953 - 2/12/2013). Số 1 (453), tr. 3-7.
- NGUYỄN XUÂN THẮNG
 - Phát biểu của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam tại Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (2/12/1953 - 2/12/2013). Số 1 (453), tr. 8-18.
- ĐẶNG ĐÌNH QUÝ
 - Mật trận chính trị, ngoại giao trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Số 8 (460), tr. 44-51.
 - Quản lý quan hệ tộc người và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay. Số 9 (461), tr. 33-44.
 - Về chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo ở Việt Nam. Số 9 (461), tr. 57-66.
- PHẠM QUANG HOAN
 - TRẦN HỒNG THU
- LUÔNG THỊ HỒNG

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- ĐINH VĂN TUẤN
 - Góp phần tìm hiểu thêm về Lê thành hầu Nguyễn Hữu Kính (Cánh). Số 1 (453), tr. 19-29.
- LÊ THANH THỦY
 - Giao thương giữa Vương quốc Anh - Việt Nam thế kỷ XVII - XIX. Số 1 (453), tr. 39-50.
- PHAN NGỌC HUYỀN
 - Tình hình nghiên cứu và giới thiệu cổ sử Việt Nam ở Trung Quốc (từ giữa thế kỷ XX đến nay). Số 2 (454), tr. 27-37.
 - Một vài minh định xung quanh cuộc nam chinh của Hoàng đế Lê Thánh Tông năm 1471. Số 2 (454), tr. 38-44.
- NGUYỄN LỰC GIA
 - Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Ấn Độ - Đông Nam Á: Chứng tích từ Nam Việt Nam những thế kỷ trước, sau Công nguyên. Số 3 (455), tr. 3-16.
 - Xã hội Đại Việt thế kỷ XIII-XIV và giao lưu gồm sứ khu vực Đông Á. Số 5 (457), tr. 3-14.
- LÊ THỊ LIÊN
 - Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Ấn Độ - Đông Nam Á: Chứng tích từ Nam Việt Nam những thế kỷ trước, sau Công nguyên. Số 3 (455), tr. 3-16.
- LÊ XUÂN DIỆM
 - Xã hội Đại Việt thế kỷ XIII-XIV và giao lưu gồm sứ khu vực Đông Á. Số 5 (457), tr. 3-14.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Về tình hình ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVIII. Số 5 (457), tr. 15-25.
 - Tư hữu ruộng đất của tổng Bình Quân, huyện Thát Khê, phủ Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 5 (457), tr. 26-34.
 - Nhà nước phong kiến Việt Nam đã quản lý quần đảo Hoàng Sa và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông trong nhiều thế kỷ. Số 6 (458), tr. 3-10.
 - Quan hệ giữa pháp luật với hương ước trong quản lý làng xã dưới triều Nguyễn (1802-1884). Số 6 (458), tr. 34-44.
- PHẠM THỊ NGỌC THU
 - NGUYỄN DUY BÍNH
- HUỲNH BÁ LỘC

- PHAN HUY LÊ
 - Châu bản triều Nguyễn - Những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa-Trường Sa. Số 7 (459), tr. 3-12; Số 8 (460), tr. 3-17.
- TRẦN ĐỨC ANH SƠN
 - Ngành đóng thuyền và tàu thuyền ở Đà Nẵng trong thế kỷ XVII-XVIII. Số 7 (459), tr. 41-54.
- LUU TRANG
 - Phương thức phòng thủ biển đảo dưới thời các vua đầu triều Nguyễn - Bài học kinh nghiệm. Số 7 (459), tr. 55-66.
- ĐÀM THỊ UYÊN
NGUYỄN THỊ TRANG
 - Vài nét về kinh tế tỉnh Tuyên Quang nửa đầu thế kỷ XIX. Số 8 (460), tr. 18-30.
- LƯƠNG NINH
 - Champa với thế giới Biển Đông và Ấn Độ cổ xưa. Số 9 (461), tr. 3-15.
- NGUYỄN THỊ HIỀN
 - Chức quan *Đạt lỗ hoa xích* trong bang giao giữa triều Trần và triều Nguyên (1262-1281). Số 9 (461), tr. 16-23.
- LÊ THÀNH LÂN
 - Học giả Hoàng Xuân Hãn - Người xây dựng nền móng cho lịch học Việt Nam. Số 10 (462), tr. 22-31.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Chính sách kinh tế của nhà Minh với Đại Việt (1407-1427). Số 10 (462), tr. 32-44.
- NGUYỄN THÀNH LƯƠNG
 - Vài nét về sở hữu ruộng đất của các chức dịch làng xã ở huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (qua tư liệu địa bạ). Số 10 (462), tr. 45-51.
- NGUYỄN NGỌC CƠ
NGUYỄN THỊ THU THỦY
 - Bước đầu khảo cứu về phòng chống tham nhũng trong *Hoàng Việt luật lệ*. Số 11 (463), tr. 15-25.
- ĐINH THỊ HẢI ĐƯỜNG
 - Chính sách an ninh - phòng thủ vùng duyên hải của triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX (1802-1858). Số 11 (463), tr. 26-38.
- NGÔ VŨ HẢI HẰNG
 - Tình hình tư hữu ruộng đất thời Mạc. Số 12 (464), tr. 10-19.
- HỒ CHÂU
 - Về vấn đề tuyển dụng, bổ nhiệm, sát hạch đối với quan chức Việt Thái y triều Nguyễn. Số 12 (464), tr. 20-28.
- NGUYỄN NGỌC QUỲNH
 - Vua Tự Đức với các vấn đề chính trị - xã hội đương thời. Số 12 (464), tr. 29-37.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- NGUYỄN ĐỨC HÒA
 - Hoạt động đối ngoại của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 1 (453), tr. 30-38.
- VŨ DƯƠNG NINH
 - Bảo Đại và bản ước Élysée năm 1949. Số 2 (454), tr. 3-11.
- HOÀNG VĂN TUẤN
 - Vài nét về cơ cấu tổ chức của Trường Y khoa Hà Nội (1902-1907). Số 2 (454), tr. 12-26.
- NGUYỄN VĂN HIỆP
 - Phong trào bình dân học vụ ở Thủ Dầu Một sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 2 (454), tr. 45-51.
- BÙI VĂN HÀO
 - Quan hệ giữa tỉnh Thanh Hóa của Việt Nam với tỉnh Hủa Phăn của Lào trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Số 2 (454), tr. 52-58.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Chiến thắng Đầm Dơi, Cái Nước, Chà Là - Một điểm nhấn quan trọng trong hoạt động quân sự của quân và dân ta trên chiến trường miền Nam năm 1963. Số 3 (455), tr. 17-22.

- ĐINH THỊ THÙY HIÊN
 - Văn bản hương ước cải lương (1906-1907): Nhìn từ lịch sử hương ước và cải lương hương chính ở Bắc Kỳ năm 1921. Số 3 (455), tr. 31-41.
- NGUYỄN LAN DUNG
 - Hoạt động tư pháp của chính quyền thuộc địa ở tỉnh Hà Đông giai đoạn 1918-1928. Số 3 (455), tr. 42-51.
- NGUYỄN THỊ THANH HOA
 - Bước đầu tìm hiểu phong trào Cần vương ở tỉnh Hải Dương. Số 5 (457), tr. 35-46.
- BIỆN THỊ HOÀNG NGỌC
 - Vài nét về hoạt động kinh tế thương mại của phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Số 5 (457), tr. 47-52.
- LƯU ANH RÔ
 - Thủ đoạn “Ngư phủ - tàu lá” của Trung Quốc sử dụng để lấn dần từng bước, rồi thực hiện một cuộc “tiểu chiến tranh” cướp đoạt quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam qua tư liệu lưu trữ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1954-1975). Số 6 (458), tr. 11-18.
 - Trận hải chiến của quân Việt Nam Cộng hòa chống quân Trung Quốc xâm chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa tháng 1 năm 1974. Số 6 (458), tr. 19-22.
 - Những khác biệt về cưới hỏi, tang ma, khao vọng tại Bắc Kỳ trước và sau cải lương hương tục thí điểm. Số 6 (458), tr. 23-33.
 - Tư tưởng trọng thương của Lương Khắc Ninh trên tờ “Nông cổ mìn đàm”. Số 6 (458), tr. 45-53.
 - Bước đầu tìm hiểu chương trình viện trợ thương mại của Hoa Kỳ cho Việt Nam Cộng hòa. Số 6 (458), tr. 54-61.
 - Hành trình tìm kiếm hòa bình đi qua 9 năm chiến tranh (1945-1954). Số 7 (459), tr. 13-22.
- NGUYỄN HỮU ĐẠO
 - Tình hình ruộng đất và sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam thời kỳ cận-hiện đại (Qua một vài con số và sự kiện). Số 7 (459), tr. 23-30.
- ĐÀO PHƯƠNG CHI
 - Đôi nét về hoạt động quy hoạch và sử dụng đất công của người Pháp trong khu vực phố cổ Hà Nội cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số 7 (459), tr. 31-40.
- TRẦN VIẾT NGHĨA
 - Đường lối kinh tế và mục đích của việc chiếm đoạt, khai thác mỏ của thực dân Pháp ở Việt Nam. Số 8 (460), tr. 31-35.
 - Sở hữu ruộng đất ở tỉnh Nam Định từ năm 1919 đến năm 1945. Số 8 (460), tr. 36-43.
- PHẠM THỊ HỒNG HÀ
 - Quần đảo Hoàng Sa dưới thời Ngô Đình Diệm. Số 8 (460), tr. 52-59.
- VŨ DƯƠNG NINH
 - Xây dựng nền giáo dục dân tộc dân chủ ở vùng căn cứ cách mạng tỉnh Thủ Dầu Một - Bình Dương trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975). Số 8 (460), tr. 66-78.
- LƯU ANH RÔ
 - Những nghiên cứu về Phan Bội Châu và phong trào Đông Du ở Nhật Bản từ đầu thế kỷ XX đến nay (năm 2013). Số 9 (461), tr. 24-33.
- NGUYỄN VĂN HIỆP
 - Về việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long từ 1992 đến 2003. Số 9 (461), tr. 45-56.
- ĐÀO THU VÂN
 - Tìm hiểu nông trường quốc doanh ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn (1955-1960). Số 10 (462), tr. 3-12.
- TRẦN ĐĂNG KẾ
 - Về việc giải quyết vấn đề ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long từ 1992 đến 2003. Số 9 (461), tr. 45-56.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Tìm hiểu nông trường quốc doanh ở miền Bắc Việt Nam giai đoạn (1955-1960). Số 10 (462), tr. 3-12.

- NGUYỄN VĂN KHÁNH • Việt Nam Quốc dân đảng và vấn đề dân tộc. Số 10 (462), tr. 13-21.
- PHẠM THỊ TUYẾT • Hoạt động buôn bán thóc gạo ở Thành phố Hải Dương thời kỳ thuộc địa (1883-1945). Số 10 (462), tr. 52-60.
- NGUYỄN THÚY QUỲNH • Thực hiện phòng không sơ tán cho các trường phổ thông ở miền Bắc Việt Nam trong thời kỳ chống “Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất” của đế quốc Mỹ (1965-1968). Số 11 (463), tr. 39-50.
- PHẠM HỒNG TUNG • Sự ra đời của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân: Luận giải từ góc độ lịch sử và văn hóa chính trị. Số 12 (464), tr. 3-9.
- BÙI THỊ HÀ • Tìm hiểu mạng lưới y tế của Pháp ở Việt Nam thời kỳ 1858-1918. Số 12 (464), tr. 38-45.

KỶ NIỆM 60 NĂM CHIẾN THẮNG LỊCH SỬ ĐIỆN BIÊN PHỦ

- BÙI ĐÌNH THANH • Chiến thắng Điện Biên Phủ góp phần làm thay đổi diện mạo địa - chính trị thế giới nửa sau thế kỷ XX. Số 4 (456), tr. 3-11.
- ALAIN RUSCIO • Điện Biên Phủ trong lòng đế quốc thực dân Pháp: Một tia sét đánh. Số 4 (456), tr. 12-18.
- PHẠM XUÂN NAM • Chiến thắng Điện Biên Phủ - Thắng lợi của văn hóa Việt Nam. Số 4 (456), tr. 19-27.
- NGUYỄN VĂN NHẬT • Chiến thắng Điện Biên Phủ - “Mốc vàng” của cách mạng Việt Nam và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới. Số 4 (456), tr. 28-34.
- NGÔ VƯƠNG ANH • Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp với chiến thắng Điện Biên Phủ. Số 4 (456), tr. 35-41.
- ĐINH QUANG HẢI • Sự ủng hộ và giúp đỡ của quốc tế đối với Chiến dịch Điện Biên Phủ. Số 4 (456), tr. 42-49.
- ANATOLI SOKOLOV • Kỳ công của những nhà quay phim tài liệu Liên Xô (Nhân kỷ niệm 60 năm bộ phim tài liệu nghệ thuật “Việt Nam”). Số 4 (456), tr. 50-54.
- VÕ KIM CƯỜNG • Việt Nam - Điện Biên Phủ với quá trình giành và củng cố độc lập dân tộc của các nước thuộc địa. Số 4 (456), tr. 55-62.
- NGUYỄN NGỌC MÃO • Chiến thắng Điện Biên Phủ trong nhận thức của nhân dân Cuba. Số 4 (456), tr. 63-69.
- NGUYỄN VĂN LỊCH • Tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ tới cục diện Đông Nam Á thập niên 1950. Số 4 (456), tr. 70-76.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- LÊ TÙNG LÂM • Việt Nam trong “nhận thức” của Tổng thống Lyndon B.Johnson (từ tháng 11-1963 đến tháng 1-1969). Số 3 (455), tr. 23-30.
- NGUYỄN HỒNG VÂN • Mặt trận thứ Hai trong cuộc đấu tranh chống phát xít. Số 5 (457), tr. 53-63.
- TRẦN THIỆN THANH • Liên minh Nhật Bản - Anh và tác động tới quan hệ Mỹ - Nhật Bản trong những năm 1902-1923. Số 6 (458), tr. 62-70; số 7 (459), tr. 67-74.

- LÊ TRUNG DŨNG
 - Tầm *Bản đồ khổ đọc* tháng 3-2013 của Trung Quốc nằm trong chính sách biên giới - lãnh thổ xuyên suốt của các thế hệ lãnh đạo Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Số 8 (460), tr. 60-65.
- ĐÀO ĐỨC THUẬN
 - Về mối liên hệ giữa chiến tranh Đông Dương và kế hoạch “Cộng đồng phòng thủ châu Âu” (1952-1954). Số 9 (461), tr. 67-73.
- HOÀNG ANH TUẤN
- HOÀNG THỊ HẢI YẾN
- PHAN THỊ ANH THƯ
- Thương mại thế giới trước thế kỷ XVI: Máy ván đê tiếp cận. Số 11 (463), tr. 3-14.
- Tranh chấp Nhật-Mỹ về ván đê đường sắt ở Mãn Châu (1905-1910). Số 11 (463), tr. 51-58.
- Chính sách đối ngoại của Hàn Quốc đối với Nhật Bản trong Chiến tranh Lạnh. Số 11 (463), tr. 59-64.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN VĂN HƯNG
 - Đại học tư lập của Việt Nam Cộng hòa (thời Đệ nhị cộng hòa). Số 1 (453), tr. 72-75.
- NGUYỄN QUANG HỒNG
 - Một số địa danh ở Nam Đàm liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp của Mai Thúc Loan. Số 2 (454), tr. 71-77.
 - Tư liệu về cuộc hội đàm giữa N.Ceausescu và I.B.Tito (Vîrseț, 24 tháng 8 năm 1968). Số 3 (455), tr. 68-77.
- ĐÀO TUẤN THÀNH
 - Một tờ chầu bản triều Tự Đức năm 1874 qua nghiên cứu của Giáo sư Philippe Langlet. Số 6 (458), tr. 71-78.
- ĐÀO THỊ DIỄN
 - Về một số hội nghị quốc tế liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa giai đoạn 1943-1951. Số 9 (461), tr. 74-78.
- NGUYỄN THANH MINH
 - Tin đồn về Đại Việt trên đất Tống qua các nguồn sử liệu. Số 10 (462), tr. 61-69; Số 11 (463), tr. 65-72.
 - Về vấn đề tự trị đại học ở miền Nam Việt Nam dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Số 10 (462), tr. 70-74.
- PHẠM LÊ HUY
 - Chùa dân gian ở Đà Nẵng từ thời chúa Nguyễn đến triều Nguyễn (thế kỷ XVII, XVIII, XIX). Số 12 (464), tr. 46-58.
- NGUYỄN VĂN HƯNG
- LÊ XUÂN THÔNG

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- HƯƠNG NAO
 - Lại bàn về thời gian Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi và vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn: Nhận đọc cuốn “Suy ngẫm về 20 năm - một chớp mắt của lịch sử đầu thế kỷ XV (1407-1427)”. Số 1 (453), tr. 57-71.
- ĐỖ THỊ THÙY LAN
 - Hoàng thành Thăng Long triều Lê Thánh Tông (1460-1497). Số 2 (454), tr. 59-70.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Tưởng nhớ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: Suy nghĩ thêm về chiến tranh nhân dân trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Số 3 (455), tr. 61-67.
- ĐINH VĂN TUẤN
 - Về tên húy của Hồ Hán Thương. Số 12 (464), tr. 59-65.
- NGUYỄN VINH QUANG

ĐỌC SÁCH

- PHẠM QUANG MINH

- “Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010”. Số 12 (464), tr. 66-69.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- NGUYỄN VĂN NINH

- Tình hình giảng dạy lịch sử khu vực ở trường phổ thông Việt Nam và Pháp: Một cái nhìn so sánh. Số 1 (453), tr. 51-56.

- HOÀNG THANH TÚ

- Chương trình môn Lịch sử của Australia và vận dụng vào xây dựng chương trình mới của Việt Nam. Số 3 (455), tr. 52-60.

- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG

- Tạo khả năng suy nghĩ và tiếp cận có tư duy trong sử học - một số kinh nghiệm giảng dạy lịch sử ngoại giao Hoa Kỳ trên giảng đường đại học Mỹ. Số 5 (457), tr. 64-73.

- VŨ DƯƠNG NINH

- Về một vài khía cạnh trong giảng dạy lịch sử thế giới hiện đại. Số 11 (463), tr. 73-77.

THÔNG TIN

- P.V

- Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Số 1 (453).
- Hội thảo khoa học: “Đồng chí Nguyễn Chí Thanh với cách mạng Việt Nam và quê hương Thừa Thiên Huế”. Số 1 (453).

- N.V.A

- Hội thảo khoa học: “Sử học với việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa”. Số 1 (453).

- LINH NAM

- Hội thảo Quốc gia: Những giá trị đặc biệt của các di sản văn hóa thời Trần trên đất Hưng Hà-Thái Bình. Số 1 (453).

- MAI HUYỀN

- Hội thảo khoa học: “Sự nghiệp của danh nhân Nguyễn Văn Thành với lịch sử dân tộc Việt Nam vào đầu thế kỷ XIX”. Số 1 (453).

- MẠNH QUÂN

- Hội thảo Quốc tế: “Việt Nam trong lịch sử thế giới”. Số 1 (453).

- TẠP CHÍ NCLS

- Chúc mừng Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân Phan Huy Lê 80 tuổi. Số 2 (454).

- MAI THỊ HUYỀN

- Lễ kỷ niệm 124 năm mất của Danh nhân Văn hóa Nguyễn Quang Bích và công bố bộ sách *Ngư Phong & Tượng Phong*. Số 2 (454).

- Đ.D.H

- Hội thảo Bảo tồn và phát huy giá trị các làng cổ ở Hà Nội. Số 2 (454).

- P.V

- Khánh thành Di tích “Xưởng in bạc” tại Khu Di tích Lịch sử cách mạng nhà máy in tiền đồn điền Chi Nê, giai đoạn 1946-1947. Số 2 (454).

- P.V

- Chùa Dâu, Bút Tháp được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt. Số 2 (454).

- P.V

- Hội thảo khoa học “Chiến thắng Điện Biên Phủ - Sức mạnh Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”. Số 3 (455).

- P.V

- Hội thảo khoa học “Phát huy giá trị di sản Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn với phát triển du lịch tại hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước”. Số 3 (455).

- P.V
 - Chùa Vĩnh Nghiêm đón bằng Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Số 3 (455).
- P.V
 - Trưng bày Di sản Văn hóa thời Lý - Trần tại Bắc Ninh. Số 3 (455).
- Đ.H
 - Trưng bày hình ảnh tư liệu mang chủ đề: “Điện Biên Phủ - Quyết chiến, quyết thắng”. Số 4 (456).
- Đ.D.H
 - Khai mạc Triển lãm: “Điện Biên Phủ-Mốc vàng lịch sử và Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp”. Số 4 (456).
- P.V
 - Ra mắt Quỹ hỗ trợ Nghiên cứu Biển Đông. Số 4 (456).
- P.V
 - Khai mạc Triển lãm “Án tượng và báu vật hoàng cung”. Số 4 (456).
- T.H
 - Trưng bày tư liệu “Phú Xuân - Huế, từ đô thị cổ đến hiện đại”. Số 4 (456).
- P.V
 - Lễ tuyên dương và trao thưởng cho học sinh đoạt giải nhất, nhì, ba môn Lịch sử kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia Trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức năm 2014. Số 4 (456).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học quốc tế: Chiến thắng Điện Biên Phủ-Sức mạnh Việt Nam và tầm vóc thời đại. Số 5 (457).
- DANH HUẤN
 - Hội thảo khoa học quốc tế: Từ Điện Biên Phủ đến Hiệp định Giơnevo: Nhìn từ khía cạnh quốc tế. Số 5 (457).
- HOÀNG NAM
 - Hội thảo khoa học: Thanh Hóa với chiến thắng Điện Biên Phủ. Số 5 (457).
- P.V
 - Khai mạc Triển lãm “Đại tướng Võ Nguyên Giáp qua các tác phẩm nghệ thuật”. Số 5 (457).
- P.V
 - Hội thảo khoa học quốc gia: “Quảng Bình 410 năm hình thành và phát triển”. Số 5 (457).
- P.V
 - Khai trương phòng trưng bày chuyên đề: Tư liệu về chiến thắng Điện Biên Phủ. Số 5 (457).
- P.V
 - Hồ sơ Châu bản triều Nguyễn được công nhận là Di sản tư liệu Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Số 5 (457).
- P.V
 - Nhiều bằng chứng giá trị khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam. Số 6 (458).
- P.V
 - Họp báo giới thiệu sách “Một số tư liệu Hán Nôm về chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và các vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông”. Số 6 (458).
- P.V
 - Hội thảo Quốc tế: “Hoàng Sa-Trường Sa: Sự thật lịch sử”. Số 6 (458).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 6 (458).
- ĐỐ NGÔN XUYÊN
 - Hội thảo khoa học: Ngô Vương Quyền với Cổ Loa. Số 7 (459).
- P.V
 - Khai trương trưng bày: Tây Nguyên những năm 50 của thế kỷ XX. Số 7 (459).
- P.V
 - Triển lãm “Hoàng Sa-Trường Sa - Chủ quyền Việt Nam”. Số 7 (459).
- T.H
 - Hội thảo “Xây dựng các Tạp chí Khoa học xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế”. Số 7 (459).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 7 (459).
- QUỲNH HOA
 - Lê đón nhận Bằng Di sản tư liệu Châu bản triều Nguyễn. Số 8 (460).

- NGUYỄN BẢO
 - Hội thảo khoa học: Bảng nhãn Lương Đắc Bằng và Thượng thư Lương Hữu Khánh trong lịch sử và văn hóa Việt Nam. Số 8 (460).
- P.V
 - Lễ khai trương “Phòng trưng bày Bộ sưu tập tư liệu về Hoàng Sa - Trường Sa - Biển Đông”. Số 8 (460).
- P.V
 - Lễ đón nhận Bằng xếp hạng Di tích Quốc gia đặc biệt cho Khu Di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều. Số 9 (461).
- THU HÀNG
- NGUYỄN VĂN BẢO
 - Triển lãm tư liệu “Cải cách ruộng đất 1946-1957”. Số 9 (461).
 - Một số nhân vật tiêu biểu họ Hà Nghệ Tĩnh thời Trung đại và Cận đại Việt Nam. Số 9 (461).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 9 (461).
- P.V
 - Tác phẩm “Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông và Hoàng Sa - Trường Sa” nhận Giải thưởng Sách hay 2014. Số 9 (461).
- Đ.D.H
 - Trao đổi khoa học quốc tế: “Các vấn đề lịch sử và hiện nay ở Đông Á”. Số 10 (462).
- P.V
 - Hội nghị thông báo Khảo cổ học lần thứ 49 (năm 2014). Số 10 (462).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “Phan Khôi và những đóng góp trên lĩnh vực văn hóa dân tộc”. Số 10 (462).
- P.V
 - Hội thảo khoa học quốc tế “Khảo cổ học dưới nước ở Việt Nam và Đông Nam Á: Hợp tác để phát triển”. Số 10 (462).
- P.V
 - Lễ công bố Quyết định và trao tặng Huân chương cho các nhà khoa học Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Số 10 (462).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: “60 năm giải phóng Thủ đô: Thành tựu, thời cơ, thách thức và phát triển”. Số 11 (463).
- BÙI HUỲNH
 - Hội thảo khoa học: Danh nhân Nguyễn Chích (Lê Chích) và căn cứ Hoàng-Nghiêу. Số 11 (463).
- HÀ LINH
 - Hội thảo khoa học: “Tế Tửu Quốc Tử giám Nguyễn Như Uyên và truyền thống khoa bảng họ Nguyễn làng Hạ Yên Quyết, Hà Nội”. Số 11 (463).
- LINH NAM
 - Lễ trao Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 15-năm 2014. Số 12 (464).
- VĂN BIẾU
 - Hội thảo khoa học cấp Nhà nước “Quân đội Anh hùng của dân tộc Việt Nam Anh hùng”. Số 12 (464).
 - Trưng bày chuyên đề: “Văn hóa Đông Sơn”. Số 12 (464).
 - Hội thảo quốc tế: Quan hệ Việt Nam-Myanmar: Nhìn lại và hướng tới. Số 12 (464).
- P.V
- P.V
 - Điểm sách. Số 12 (464).
 - Kính báo. Số 12 (464).
- NGUYỄN VĂN BẢO
 - Kính báo. Số 12 (464).
- P.V

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2013

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN VĂN KIM
 - Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV. Số 1 (441), tr. 16-25.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Vua Lê Thánh Tông với việc biên soạn Quốc sử của triều Lê. Số 1 (441), tr. 26-31.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Chiến lược phòng thủ đất nước qua hệ thống thái ấp thời Trần (Thế kỷ XIII-XIV). Số 2 (442), tr. 3-12.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
 - Xu hướng chính trị - xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX nhìn từ cuộc tiếp xúc Việt Nam với nước ngoài. Số 2 (442), tr. 20-36.
- POLYAKOV ALEXEY
 - Khởi đầu sự phát triển Nho giáo ở Đại Việt. Số 3 (443), tr. 9-19.
- ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO
 - Chính sách khuyến khích giáo dục của nhà Nguyễn ở Nam Bộ Việt Nam. Số 3 (443), tr. 20-34.
- ĐẶNG NHƯ THƯỜNG
 - Tình hình sở hữu ruộng đất huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An qua tư liệu địa bạ thời Minh Mệnh. Số 3 (443), tr. 35-45.
- PHAN HUY LÊ
 - Khởi nghĩa Mai Thúc Loan: Năm khởi đầu và kết thúc. Số 4 (444), tr. 9-21.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Về cuộc tấn công của Mai Thúc Loan vào dinh lũy cuối cùng của chính quyền đô hộ Đại Đường ở Tống Bình. Số 4 (444), tr. 22-30.
- NGUYỄN MINH TƯỜNG
 - Vị thế của cuộc khởi nghĩa Hoan Châu trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam. Số 4 (444), tr. 31-39.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Bối cảnh và nguyên nhân nổ ra cuộc khởi nghĩa Hoan Châu do Mai Thúc Loan lãnh đạo năm 713. Số 4 (444), tr. 40-44.
- PHẠM LÊ HUY
 - Một số vấn đề về phương pháp luận sử học và vấn đề thời điểm bùng nổ của khởi nghĩa Mai Thúc Loan. Số 4 (444), tr. 55-68.
- LUÔNG NINH
 - Lại bàn về nước Lâm Ấp - Champa. Số 5 (445), tr. 3-11.
- TRẦN THỊ VINH
 - Chính quyền nhà nước thời Mạc. Số 5 (445), tr. 12-19.
- ĐỖ BANG
 - Triều Nguyễn thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào thế kỷ XIX. Số 6 (446), tr. 3-14.
- MAI PHƯƠNG NGỌC
 - Vài nét về “làng văn” và “làng hộ” của xã Hoằng Lộc (Hoàng Hóa, Thanh Hóa) thời Trung đại. Số 6 (446), tr. 33-41.
- NGUYỄN THỊ THIỆM
 - Lê triều thông sử của Lê Quý Đôn: Một số vấn đề về văn bản. Số 7 (447), tr. 24-37.
- BÙI GIA KHÁNH
 - Thủy quân triều Nguyễn dưới thời Gia Long và Minh Mệnh. Số 7 (447), tr. 38-50.
- NGÔ VŨ HẢI HÀNG
 - Kinh tế hàng hóa thời Mạc - Nhìn từ chợ làng. Số 8 (448), tr. 16-30.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
 - Một vài nhận xét về sở hữu tư diền, tư thô ở Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX: Trường hợp ở tỉnh Tiền Giang. Số 8 (448), tr. 31-36.

- NGÔ ĐỨC LẬP
 - Vài nét về cơ chế hoạt động độc lập của tổ chức giám sát dưới triều Nguyễn. Số 8 (448), tr. 36-42.
- TRẦN THỊ THÁI HÀ
 - Nhìn lại đường lối trị nước của Vương triều Trần giữa hai cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên (từ 1258 đến 1285). Số 9 (449), tr. 26-33.
- LUÔNG NINH
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Về chính sách kinh tế nông nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng. Số 11 (451), tr. 12-18.
- HÀ MẠNH KHOA
 - Vài nét về các tướng lĩnh ở hương Lam Sơn, Thanh Hóa tham gia Hội thi Lũng Nhai. Số 11 (451), tr. 19-26.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Về sự chấm dứt quan hệ mậu dịch của Công ty Đông Án Hà Lan với Đàng Ngoài năm 1700. Số 12 (452), tr. 13-24.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- ĐINH QUANG HẢI
 - Thực trạng đời sống văn hóa tinh thần của công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam hiện nay. Số 1 (441), tr. 3-15.
- NGÔ HOÀNG NAM
 - Vài nét về cuộc tàn cư, di cư nhân dân ở Bắc Bộ trong những năm đầu toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1947). Số 1 (441), tr. 32-41.
- ĐƯƠNG TÔ QUỐC THÁI
 - Về sự ra đời của Ngân hàng Đông Dương năm 1875. Số 2 (442), tr. 13-19.
- NGUYỄN VĂN TRÍ
 - Tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc và Liên Xô đối với sự nghiệp kháng chiến chống Pháp của Việt Nam (1950-1954). Số 2 (442), tr. 37-45.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Khởi nghĩa Thanh La (Tuyên Quang) - mở đầu phong trào khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở Việt Bắc trong Cách mạng tháng Tám 1945. Số 3 (443), tr. 3-8.
- NGUYỄN THỊ LỆ HÀ
 - Cuộc thử nghiệm chính sách Cải lương hương chính của chính quyền Pháp ở tỉnh Hà Đông (1913-1920). Số 3 (443), tr. 46-56.
- NGUYỄN THỊ HẠNH
 - Vĩnh Bắc Bộ trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc: Lịch sử và vấn đề. Số 4 (444), tr. 69-79.
- HÀ THỊ THU THỦY
 - Ảnh hưởng hoạt động khai thác mỏ của thực dân Pháp đối với kinh tế tỉnh Thái Nguyên (thời kỳ 1897-1945). Số 5 (445), tr. 20-28.
- LÊ THỊ THU HẰNG
 - Tác động của quá trình biến động sử dụng đất đai đến đời sống xã hội của huyện Thanh Trì, Hà Nội từ năm 2003 đến năm 2010. Số 5 (445), tr. 29-40.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
LƯƠNG THỦY LAN HƯƠNG
 - Vấn đề Hoàng Sa và Trường Sa trên báo chí tiếng Việt ở nước ta đầu thế kỷ XX. Số 6 (446), tr. 15-25.
- TÀ THỊ THÚY
 - Nền kinh tế thương nghiệp của Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Số 6 (446), tr. 26-32.
- NGUYỄN ĐÌNH LÊ
 - Năm tháng bắn lê của đại thắng mùa Xuân năm 1975. Số 7 (447), tr. 3-7.
- ĐƯƠNG KIỀU LINH
BẾ THỊ THẨM
 - Thái độ của nhật báo Sài Gòn đương thời về sự kiện Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Số 7 (447), tr. 8-13.

- NGUYỄN THÚY QUỲNH
 - Về Cải cách hệ thống giáo dục phổ thông năm 1956 ở miền Bắc Việt Nam. Số 7 (447), tr. 14-23.
- LÊ CUNG
 - Bàn thêm về phong trào Phật giáo ở miền Nam Việt Nam năm 1963. Số 8 (448), tr. 3-15.
- DUY THỊ HẢI HƯỜNG
 - Một số hoạt động của công tác giáo dục bổ túc văn hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc (1954-1965). Số 8 (448), tr. 43-50.
- ĐINH QUANG HẢI
 - “Tuần lễ vàng” - Một sự kiện tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam hiện đại. Số 9 (449), tr. 3-11.
- LUÔNG THI CÂN
 - Một số chuyển biến về đời sống kinh tế, xã hội của đồng bào dân tộc Ê-dê ở Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk từ năm 1975 đến nay. Số 9 (449), tr. 34-43.
- CHRISTINA FIRPO
 - Thách thức của việc tăng dân số da trắng trong một thuộc địa khai thác: Giải pháp người lai ở Đông Dương. Số 9 (449), tr. 44-53.
- LÊ TRUNG DŨNG
 - Về việc hoạch định biên giới giữa tỉnh Gia Định cũ của Đại Nam với Campuchia trong thời Pháp thuộc. Số 11 (451), tr. 27-37.
- NGUYỄN THỊ LỆ HÀ
 - Những biến đổi của bộ máy quản lý làng xã trong cuộc cải lương hương chính ở tỉnh Hà Đông thời Pháp thuộc. Số 11 (451), tr. 38-47.
- HỒ HẢI HƯNG
 - Mặt trận Nha Trang - Khánh Hòa những ngày đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945-1946). Số 11 (451), tr. 48-53.
- TẠ THỊ THÚY
 - Bàn thêm về giới địa chủ - quan lại Việt Nam trong những năm đầu thập niên 30 thế kỷ XX. Số 12 (452), tr. 3-12.
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
 - Luật về giáo dục ở Việt Nam thời Pháp thuộc. Số 12 (452), tr. 25-32.

SƠ KỶ NIỆM 60 NĂM THÀNH LẬP VIỆN SỬ HỌC

- PHAN HƯỚNG LÊ
 - Chúc mừng Viện Sử học 60 năm thành lập và hoạt động. Số 10 (450), tr. 3-4.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Viện Sử học - 60 năm xây dựng và phát triển. Số 10 (450), tr. 5-15.
- VĂN TẠO
 - Từ Ban Văn Sử Địa đến Viện Sử học. Số 10 (450), tr. 16-24.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG
 - Viện Sử học phục vụ nhiệm vụ chính trị của đất nước. Số 10 (450), tr. 25-31.
- VÕ KIM CƯƠNG
 - Tập san *Văn Sử Địa* - Tập chí *Nghiên cứu Lịch sử*: Một kênh quan trọng trong việc nghiên cứu và phổ biến kiến thức khoa học lịch sử. Số 10 (450), tr. 32-43.
- NGUYỄN NGỌC MÃO
 - Công tác đào tạo cán bộ của Viện Sử học - Những thành tựu (1953-2013). Số 10 (450), tr. 44-53.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Chặng đường 60 năm hoạt động hợp tác quốc tế của Viện Sử học. Số 10 (450), tr. 54-65.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬN
 - Viện Sử học với công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành. Số 10 (450), tr. 66-73.
- PHẠM THỊ QUẾ LIÊN
 - Thư viện Viện Sử học. Số 10 (450), tr. 74-79.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- ĐÀO TUẤN THÀNH
 - Tìm hiểu mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa Việt Nam và Mianma từ năm 1975 đến nay. Số 1 (441), tr. 43-55.
- NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
 - Liên bang Xô-viết và chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). Số 1 (441), tr. 56-64.
- TRẦN NGỌC DŨNG
 - Vai trò của Liên minh thuế quan Phổ trong công cuộc thống nhất nước Đức nửa cuối thế kỷ XIX. Số 2 (442), tr. 46-56.
- VĂN NGỌC THÀNH
 - Quá trình thực hiện Kế hoạch Marshall ở Tây Đức (1948-1951). Số 3 (443), tr. 57-65.
- HOÀNG THỊ NGA
 - Cơ sở của chủ nghĩa hiện thực và sự phê phán. Số 5 (445), tr. 41-50.
- HOÀNG KHẮC NAM
 - Vấn đề “Toàn vẹn lãnh thổ” của Liên bang Malaysia giai đoạn sau độc lập (1957-1963). Số 6 (446), tr. 42-48.
- PHAN VĂN RÂN
 - Về số phận cựu tù, hàng binh người Đức trong Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1946-1954). Số 7 (447), tr. 51-58.
- TRỊNH THỊ HOA
 - Vài nét về lịch sử viện trợ của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Số 7 (447), tr. 59-66.
- ĐÀO ĐỨC THUẬN
 - Canada với Hiệp định Paris 1973: Nhìn lại lịch sử và luận giải. Số 8 (448), tr. 51-58.
- LÊ VIẾT HÙNG
 - Nhật Bản trong thế giới Đông Á - Mấy suy nghĩ về đặc tính và con đường phát triển. Số 9 (449), tr. 12-25.
- TRẦN THỊ VINH
 - Tìm hiểu quan hệ chính trị - ngoại giao Xô - Trung thời kỳ 1985-1991 qua nguồn tư liệu tiếng Nga. Số 9 (449), tr. 54-62.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Con đường mở rộng lãnh thổ và nhân tố thành công của nước Mỹ thời lập quốc (1787-1861). Số 9 (449), tr. 63-77.
- NGUYỄN HỒNG VÂN
 - Châu Á - Thái Bình Dương trong hệ thống chính trị quốc tế đương đại và tác động tới Việt Nam (Theo cách tiếp cận địa chính trị và địa kinh tế). Số 11 (451), tr. 54-64.
- LÊ THÀNH NAM
 - Hợp tác của Việt Nam với các tổ chức xã hội Mỹ trong việc khắc phục hậu quả chất độc da cam/dioxin. Số 11 (451), tr. 65-74.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Vai trò của nữ thần Taledju trong hệ tư tưởng chính thống của chế độ quân chủ Nepal. Số 12 (452), tr. 33-43.
- VŨ THỊ THU GIANG
 - Đảng Quốc đại Ấn Độ với ba cuộc tổng tuyển cử đầu tiên dưới chính thể cộng hòa. Số 12 (452), tr. 44-50.
- MARKOV D.E
 -
- NGUYỄN HOÀNG GIÁP
 -
- NGUYỄN ĐỨC TOÀN
 -

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- ĐINH VĂN VIỄN
 - Về bản Trần triều ngọc phả ở làng Quốc mẫu (làng Tùy Hồi, Gia Tân, Gia Viễn, Ninh Bình) liên quan đến gia đình Trần Quốc Tuấn. Số 2 (442), tr. 64-70.
- ĐINH KHẮC THUÂN
 - Về văn bản Xá lị tháp minh ở chùa Thiên Chúng (Thuận Thành, Bắc Ninh). Số 3 (443), tr. 66-72.

- TRÀ SƠN PHẠM QUANG ÁI • Vài nét về lịch sử dòng họ Nguyễn ở Tiên Điền (Nghi Xuân - Hà Tĩnh). Số 5 (445), tr. 56-61.
- NGUYỄN QUANG HÀ • Tấm bia thời Tùy (601) mới phát hiện ở chùa Giàn (xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Số 5 (445), tr. 62-69.
- NGUYỄN THỊ THANH HOA • Thêm một số tư liệu về cuộc khởi nghĩa của Đốc Ngữ. Số 6 (446), tr. 54-64.
- NGUYỄN THÙA HỶ • Quan hệ Việt - Mỹ nửa đầu thế kỷ XIX. Số 7 (447), tr. 67-76; số 8 (448), tr. 59-70.
- LÊ SƠN (Dịch và giới thiệu) • Sự thật về năm 1937 ở Liên Xô. Số 8 (448), tr. 71-79.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT • Một số ghi chép về yến sào trong thư tịch cổ Việt Nam. Số 12 (452), tr. 51-60.
- ĐOÀN THỊ HƯƠNG • Đóng góp Lê Đức Thọ trên cương vị Phó Bí thư Xứ ủy Nam Bộ và Bí thư Trung ương cục miền Nam trong kháng chiến chống Pháp. Số 12 (452), tr. 61-70.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- LÊ THÀNH LÂN • Đổi lời chiêu tuyết cho Đặng Nhữ Lâm (Nhân đọc cuốn *Tìm hiểu trận tuyến bí mật trong lịch sử Việt Nam*). Số 1 (441), tr. 65-72.

ĐỌC SÁCH

- PHAN TRỌNG BÁU • “Giáo dục Pháp - Việt ở Bắc Kỳ (1884-1945)”. Số 6 (446), tr. 65-72.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- NGUYỄN VĂN NINH • Từ sách giáo khoa lịch sử phổ thông của nước Cộng hòa Pháp đến khả năng vận dụng của Việt Nam. Số 2 (442), tr. 57-63.
- ĐỖ THANH BÌNH • Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, lãnh thổ năm 1979 và vấn đề chủ quyền biển đảo hiện nay - Những nội dung cần được đưa vào các cấp học. Số 5 (445), tr. 51-55.
- NGUYỄN THỊ HẠNH
- VŨ DƯƠNG NINH • Sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông - Những vấn đề đặt ra. Số 6 (446), tr. 49-53.

THÔNG TIN

- NHẬT MINH • Hội thảo khoa học: “Cao Lỗ - Danh tướng thời dựng nước”. Số 1 (441).
- P.V • Hội thảo khoa học Quốc tế: Hiệp định Paris 1973: 40 năm nhìn lại. Số 1 (441).
- L.N • Khai mạc triển lãm lớn nhất về 40 năm Hiệp định Paris. Số 1 (441).
- VĂN PHƯƠNG • Hội thảo khoa học: Lê Đại Cang - Tấm gương kẻ sĩ. Số 1 (441).
- P.V • Bảo tàng Bến Tre khai mạc Phòng trưng bày chuyên đề về gỗ - gốm. Số 1 (441).
- P.V • Triển lãm về văn từ, văn chỉ Thăng Long - Hà Nội. Số 1 (441).

- LÊ HOÀNG
 - Phát hiện giếng cổ gần thành nhà Hồ. Số 1 (441).
 - Phát hiện mộ cổ “Lý Kiêu Oanh công chúa”. Số 1 (441).
 - Phát lộ mộ táng của người tiên sỹ ở hang Con Moong. Số 1 (441).
 - Hội thảo Quốc gia “Khởi nghĩa Hoan Châu và vai trò của Mai Thúc Loan trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc”. Số 2 (442).
- P.V
 - Lễ chúc mừng các nhà khoa học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam được công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư năm 2011 và năm 2012. Số 2 (442).
 - Lễ công bố “Nghị định số 109/2012/NĐ-CP ngày 26-12-2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam”. Số 2 (442).
- LINH NAM
 - Bảo tàng Lịch sử quốc gia trưng bày “Đèn cổ Việt Nam”. Số 2 (442).
 - Giải pháp cho hoạt động trùng tu di tích. Số 2 (442).
 - Khu di tích Cổ Loa đón nhận Bằng Di tích Quốc gia đặc biệt. Số 2 (442).
 - Lễ đón bằng công nhận Văn Miếu - Quốc Tử Giám là Di tích Quốc gia đặc biệt. Số 2 (442).
 - Trưng bày Di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam. Số 2 (442).
 - Kết quả khai quật đê Bưởi: La thành Thăng Long ngay từ thời Lý-Trần đã được xây dựng kiên cố. Số 2 (442).
 - Vĩnh biệt PGS-TSKH-NGƯT Nguyễn Hải Kế. Số 3 (443).
 - Hội thảo khoa học: “Vấn đề Biển Đông trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử”. Số 3 (443).
 - Thuyết trình mở: “Quan hệ quốc tế mới của Nhật Bản với trọng tâm về mối quan hệ Nhật - Trung - Mỹ và khu vực Đông Nam Á”. Số 3 (443).
 - Hội thảo khoa học 725 năm chiến thắng Bạch Đằng (1288-2013). Số 3 (443).
 - Phát hiện thành cổ thế kỷ IV- V tại Quảng Nam . Số 3 (443).
 - Dấu ấn Champa ở thành Yên Bái. Số 3 (443).
 - Tọa đàm khoa học: Tìm hiểu Di sản Văn hóa Phật giáo Việt Nam. Số 4 (444).
 - Lễ kỷ niệm 725 năm Chiến thắng Bạch Đằng và đón nhận bằng Di tích xếp hạng Quốc gia đặc biệt. Số 4 (444).
 - Hội thảo “Hồ Nghinh - Nhà trí thức cách mạng giàu thực tiễn”. Số 4 (444).
 - Triển lãm “Thành phố Hồ Chí Minh - 38 năm xây dựng và phát triển”. Số 4 (444).
 - Hội thảo khoa học: “Nguyễn Cao và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo (1873-1887)”. Số 4 (444).
 - Lễ ra mắt cuốn sách “Nguyễn Duy Trinh - Người cộng sản kiên cường, nhà ngoại giao tài năng”. Số 4 (444).
 - Hội thảo khoa học: “Quan hệ Việt - Pháp: Quá khứ và hiện tại”. Số 5 (445).
 - Hội thảo Quốc tế: “Tư tưởng triết học và giáo dục của Trần Đức Thảo”. Số 5 (445).
- P.V
- N.V.A
- C.TIN
- BÙI THỊ HÀ
- P.V
- N.V.A
- P.V

- Đ.Q.H
 - Hội thảo Quốc tế: "Nghiên cứu so sánh Nhân văn Đài-Việt lần thứ hai và Hội thảo Quốc tế Chữ La-tinh Đài Loan lần thứ sáu". Số 5 (445).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học "Bác Hồ với tầng lớp trí thức trẻ trong phong trào giải phóng dân tộc". Số 5 (445).
- Q.H
 - Hội thảo khoa học "Các tư liệu, bài viết về thân thế, sự nghiệp Hoàng Đình Kinh chống giặc Pháp, phi bảo vệ quê hương cuối thế kỷ XIX". Số 5 (445).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học: "45 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân (1968 - 2013)". Số 5 (445).
- P.V
 - Triển lãm "Thi đua yêu nước - 65 năm vang mãi lời Người". Số 5 (445).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 5 (445).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Kính báo. Số 5 (445).
- P.V
 - Hội thảo và triển lãm "Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Nga". Số 6 (446).
- C.TIN
 - Lễ kỷ niệm 102 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 - 5/6/2013). Số 6 (446).
- THU HÀNG
 - Nghiệm thu 3 đề tài cấp Bộ của Viện Sử học. Số 6 (446).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "50 năm phong trào Phật giáo ở miền Nam (1963-2013)". Số 6 (446).
- P.V
 - Tọa đàm "Tìm hiểu về bộ sưu tập Bảo vật Hoàng cung triều Nguyễn". Số 6 (446).
- P.V
 - Triển lãm "Không gian di sản văn hóa Việt Nam và ASEAN". Số 6 (446).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học "Giá trị lý luận và thực tiễn của Nghị quyết số 10 - NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp (1988 - 2013)". Số 7 (447).
- P.V
 - Triển lãm bản đồ, hiện vật về Hoàng Sa - Trường Sa bằng ba ngôn ngữ. Số 7 (447).
- Q.H
 - Tọa đàm khoa học "Doanh nhân Trịnh Văn Bô và những cống hiến cho nền tài chính cách mạng Việt Nam". Số 7 (447).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học: "Công tác xây dựng Đảng và đấu tranh trong các nhà tù, trại giam của địch ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước 1954-1975". Số 8 (448).
- N.V.A
 - Tọa đàm khoa học: "Đồng chí Tôn Đức Thắng với Mặt trận Dân tộc thống nhất". Số 8 (448).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học: "Tinh thần dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945". Số 8 (448).
- P.V
 - Nghiệm thu đề tài cấp Bộ: Giáo dục Việt Nam (Từ thế kỷ X đến năm 1958). Số 8 (448).
- Đ.Q.H
 - Hội thảo khoa học: "Khai thác di sản Văn hoá Phật giáo xứ Đông thíc đẩy phát triển bền vững du lịch vùng Đông bằng sông Hồng". Số 8 (448).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "Giáo sư Văn Tân - Nhà hoạt động cách mạng, nhà văn hóa, nhà sử học". Số 9 (449).
- P.V
 - Hội thảo Quốc tế: "Quan hệ Việt Nam-Nhật Bản: 40 năm nhìn lại và định hướng tương lai". Số 9 (449).

- Đ.D.H
 - Hội thảo: Nghiên cứu làng xã Việt Nam - Kỷ niệm 20 năm chương trình nghiên cứu Bách Cốc. Số 9 (449).
 - P.V
 - HÀ LINH
 - THU GIANG
 - P.V
 - LINH NAM
 - QUANG CHÂN
 - P.V
 - Đ.D.H
 - P.V
 - P.V
 - TẠP CHÍ NCLS
 - P.V
 - T.H
 - N.V.A
 - P.V
 - P.V
 - TẠP CHÍ NCLS
- Hội thảo Quốc tế: Nhật Bản trong thời đại châu Á. Số 9 (449).
 - Hội thảo khoa học: “Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa - Nhà khoa học lớn với Cách mạng Việt Nam”. Số 9 (449).
 - Hội thảo khoa học “Chính sách của Hoa Kỳ ở châu Á - Thái Bình Dương và quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ”. Số 9 (449).
 - Triển lãm “Võ Nguyên Giáp - Đại tướng Tổng Tư lệnh”. Số 10 (450).
 - Hội thảo khoa học “Quảng Trị - Đất dụng nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng” . Số 10 (450).
 - Hội thảo khoa học: “Vua Lý Nam Đế với căn cứ động Khuất Lão, xã Văn Lương, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ”. Số 10 (450).
 - Hội thảo quốc tế thường niên lần thứ hai “Vai trò của khoa học xã hội đối với phát triển bền vững ở Lào, Campuchia và Việt Nam”. Số 11 (451).
 - Hội nghị tập huấn và tổng kết đánh giá công tác tạp chí, xuất bản năm 2013. Số 11 (451).
 - Hội thảo Quốc tế: Các vấn đề lịch sử-văn hóa-xã hội trong giao lưu Việt Nam-Nhật Bản. Số 11 (451).
 - Hội thảo khoa học: “Hội nguyên, Tiến sỹ Nguyễn Duy Thúc - Con người và sự nghiệp”. Số 11 (451).
 - Lễ công bố Quyết định và trao Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư năm 2013. Số 11 (451).
 - Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Viện Sử học (2/12/1953 - 2/12/2013). Số 12 (452).
 - Triển lãm “Truyền thống khoa cử Việt Nam”. Số 12 (452).
 - Trao Giải thưởng Sử học Phạm Thận Duật lần thứ 14 (2013). Số 12 (452).
 - Khai trương Bảo tàng Đông Nam Á. Số 12 (452).
 - Hội thảo khoa học “Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và công tác quy hoạch, bảo tồn, phát huy giá trị khu di tích Yên Tử”. Số 12 (452).
 - Kính báo. Số 12 (452).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2012

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN HẢI KẾ
 - Từ Quý hương Tức Mắc đến Hành cung Thiên Trường - Quá trình lịch sử, tự nhiên và tâm thế của Vương triều Trần - Đại Việt thế kỷ XIII. Số 1 (429), tr. 3-10.
- SONG JUNG NAM
 - Một vài suy nghĩ về chế độ khoa cử của triều đại nhà Lý ở Việt Nam. Số 1 (429), tr. 11-24.
- VŨ ĐƯỜNG LUÂN
 - Sử quan và phương pháp làm sử của Đặng Xuân Bảng - Tiếp cận từ các lời bình trong “Việt sử cương mục tiết yếu”. Số 1 (429), tr. 25-33.
- VŨ VĂN QUÂN
 - Diện mạo và vị trí địa lý của An Nam đô hộ phủ thời thuộc Đường. Số 1 (429), tr. 34-51; Số 2 (430), tr. 42-51.
- PHẠM LÊ HUY
 - Vương quốc Champa - Cường thịnh và suy tàn, thực trạng và nguyên nhân. Số 2 (430), tr. 3-16.
- LUÔNG NINH
 - Hoạt động kiểm tra, giám sát của Viện Đô sát triều Nguyễn. Số 2 (430), tr. 36-41.
- NGÔ ĐỨC LẬP
 - Suy nghĩ về kinh tế - xã hội Thăng Long - Hà Nội - hôm qua, hôm nay và mai sau. Số 3 (431), tr. 3-16.
- NGUYỄN THÙA HỶ
 - Địa danh vùng cửa sông trên đất Nam Định ngày nay: Trường hợp Độc Bộ và Giao Thủy. Số 3 (431), tr. 17-33.
- ĐINH THÙY HIỀN
 - Vài nét về lịch sử người Muồng ở huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa. Số 3 (431), tr. 54-62.
- NGUYỄN VĂN BẰNG
 - Bàn thêm về các cấp chính quyền địa phương thời Trần. Số 4 (432), tr. 12-21.
- MAI VĂN TÙNG
 - Nguyên nhân và thắng lợi của cuộc tấn công vào đất Tống do Lý Thường Kiệt chỉ huy qua ghi chép của thư tịch Trung Quốc. Số 4 (432), tr. 22-32.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Chúa Nguyễn với công cuộc mở đất Đông Nam Bộ thế kỷ XVII. Số 5 (433), tr. 14-23.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Chính sách đối với các dân tộc thiểu số vùng biên giới phía Bắc của vương triều Lý. Số 5 (433), tr. 24-32.
- ĐỖ QUỲNH NGA
 - Chính sách đối với dân tộc thiểu số thời Lê sơ. Số 6 (434), tr. 9-19.
- NGUYỄN MINH TUỒNG
 - Minh vương Nguyễn Phúc Chu và công nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển Phật giáo Đàm Trong. Số 6 (434), tr. 20-27.
- TÀ QUỐC KHÁNH
 - Đôn thú ở Tân Cương thời Thanh và người Việt Nam. Số 6 (434), tr. 28-41; Số 7 (435), tr. 49-59.
- DƯƠNG LIỄM
 - Tri thức về biển và tư duy hướng biển qua một số trước tác của Lê Quý Đôn. Số 7 (435), tr. 3-16.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Chính sách giáo dục thời Nguyễn: Tiếp cận từ danh hiệu Phó bảng. Số 7 (435), tr. 17-29.
- ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO
 - Quan hệ giữa chúa Nguyễn với Bồ Đào Nha ở Đà Nẵng (từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVII). Số 7 (435), tr. 37-48.
- TRẦN NAM TIẾN
 -

- PHAN HUY LÊ • Thăng Long - Hà Nội - Vị thế lịch sử và di sản văn hóa. Số 8 (436), tr. 3-26.
- ĐÀM THỊ UYÊN • Tình hình ruộng đất của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên qua tư liệu địa bạ Gia
- HOÀNG XUÂN TRƯỜNG Long 4 (1805). Số 8 (436), tr. 27-36.
- NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG • Những lợi ích của nhà Minh trong hệ thống triều cống (qua trường hợp Đại Việt và một số nước Đông Nam Á khác). Số 10 (438), tr. 26-40.
- PHẠM THỊ THÙY VINH • Sách giáo khoa thời Tự Đức vẽ bản đồ khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Số 10 (438), tr. 41-44.
- VŨ DUY MỀN • Tổ chức hành chính và xã hội làng xã thời Lê (thế kỷ XV-dầu thế kỷ XVI). Số 11 (439), tr. 3-18.
- HUỲNH THỊ ANH VÂN • Vài nét về nghi lễ miếu của triều Nguyễn. Số 11 (439), tr. 19-30.
- NGUYỄN VĂN KIM • Các thương cảng vùng Nghệ - Tĩnh và giao thương khu vực thế kỷ XI-XIV. Số 12 (440), tr. 3-19.
- PHẠM LÊ HUY • Khảo cứu lại khởi nghĩa Dương Thanh (819-820). Số 12 (440), tr. 20-36.
- HÀ MẠNH KHOA • Vị trí, vai trò của bến Bình Than, bãi Nguyệt Bàn trong kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên. Số 12 (440), tr. 37-43.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- NGUYỄN NGỌC CƠ
TRẦN XUÂN TRÍ • Thuế ruộng trồng lúa ở Nam Kỳ từ 1862 đến Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất. Số 2 (430), tr. 17-28.
- DƯƠNG VĂN KHOA • Đồn điền của người Pháp ở Nam Định từ 1884 đến 1918. Số 2 (430), tr. 29-35.
- ĐÀO THỊ DIẾN • Địa giới và tổ chức hành chính Hà Nội thời Pháp thuộc - Nguồn tư liệu, phương pháp tiếp cận và những vấn đề cần nghiên cứu. Số 3 (431), tr. 34-43.
- NGÔ MINH SANG • Từ Sông Cầu đến Tuy Hòa - Sự thay đổi không gian phát triển kinh tế - xã hội ở Phú Yên (1887-1945). Số 3 (431), tr. 44-53.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
NGUYỄN VĂN SỦU • Sở hữu đất đai trong quá trình đổi mới ở Việt Nam: Lịch sử, hiện trạng và giải pháp. Số 4 (432), tr. 3-11.
- LÊ CUNG • Phong trào công nhân vì mục tiêu dân sinh ở các đô thị miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1959. Số 4 (432), tr. 33-41.
- NGÔ NGỌC LINH • Quá trình hình thành phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 1940-1945. Số 4 (432), tr. 42-45.
- LÊ TRUNG DŨNG • Vấn đề biên giới - lãnh thổ giữa Việt Nam và Campuchia tại Trung Kỳ vào nửa sau thế kỷ XIX. Số 5 (433), tr. 3-13.
- LÊ VĂN CỨ • Chính sách đối xử của Việt Nam với tù, hàng binh Âu - Phi trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Số 5 (433), tr. 33-44.
- VŨ THỊ HÒA • Tìm hiểu "Khoán hộ" trong nông nghiệp ở Vĩnh Phúc 1966-1968. Số 5 (433), tr. 45-54.
- TRẦN THỊ LAN • Chương trình "Phòng vệ xóm làng" của Mỹ ở Đăk Lăk (1961-1962). Số 5 (433), tr. 45-54.
- TẠ THỊ THÚY • Việc "cải cách" giáo dục của Pierre Pasquier ở Việt Nam đầu thập niên 30, thế kỷ XX. Số 6 (434), tr. 3-8.

- LUÔNG VIẾT SANG
 - Quá trình thực hiện chủ trương cải tiến trên lĩnh vực phân phối, lưu thông từ 1979 đến những năm đầu Đổi mới. Số 6 (434), tr. 42-53.
- TRẦN VĂN THÚC
 - Mấy bài học từ những đóng góp và hạn chế của Nguyễn Trường Tộ. Số 6 (434), tr. 61-67.
- NGUYỄN VĂN DŨNG
 - Biến chuyển kinh tế của làng Đồng Kỵ (Bắc Ninh) từ 1986 đến 2010. Số 7 (435), tr. 30-36.
- NGUYỄN ĐÌNH LÊ
 - Về cỗ động đấu tranh chống dự án thuế năm 1938 qua báo chí Xứ ủy Trung Kỳ. Số 8 (436), tr. 37-45.
- NGUYỄN HỮU ĐẠO
 - Vai trò của lực lượng dân quân, tự vệ Thủ đô Hà Nội trong trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972. Số 8 (436), tr. 46-52.
- TẠ THỊ THÚY
 - Người Pháp với quá trình du nhập y học hiện đại vào Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Số 9 (437), tr. 3-8.
- LÊ THỊ HƯƠNG
 - Về quá trình khai thác một số mỏ kim loại ở Cao Bằng của thực dân Pháp. Số 9 (437), tr. 9-15.
- DUY THỊ HẢI HƯỜNG
 - Công tác đào tạo giáo viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc trong những năm 1954-1965. Số 9 (437), tr. 16-23.
- ĐINH XUÂN LÂM
 - Các đặc điểm của phong trào chống thuế miền Trung năm 1908 và đóng góp của dòng họ Lê ở Thanh Hóa. Số 10 (438), tr. 3-5.
- TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA
 - Tổ chức quản lý giáo dục ở Việt Nam trong bộ máy chính quyền thời Pháp thuộc trước năm 1945. Số 10 (438), tr. 6-16.
 - Xuất khẩu gạo ở Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945). Số 10 (438), tr. 17-25.
 - Trường kỹ nghệ thực hành ở Hà Nội thời Pháp thuộc. Số 11 (439), tr. 31-36.
- TRẦN VIẾT NGHĨA
- ĐÀO THỊ DIỄN
- NGÔ THỊ LAN PHƯƠNG
- ĐẶNG THỊ VÂN CHI
- PHẠM THỊ HỒNG HÀ

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN THỊ HẠNH
 - Nhân tố Nhật Bản trong vấn đề chủ quyền biển Đông thời kỳ từ 1884 đến 1954. Số 1 (429), tr. 52-65.
- BÙI MINH HÀ
 - Vài nét về kinh tế nông nghiệp thời kỳ Angkor (thế kỷ IX-XV). Số 2 (430), tr. 52-64.
- LÊ VĂN MỸ
 - Những điều chỉnh chiến lược và chính sách ngoại giao của Trung Quốc đối với Nga từ 1949 đến nay. Số 3 (431), tr. 63-69.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Những biến động trong chính sách của Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương thập niên đầu thế kỷ XXI: Cơ sở thực tiễn và lý luận. Số 4 (432), tr. 46-57.

- HOÀNG KHẮC NAM • Một số yếu tố tác động tới nhận thức an ninh ở Đông Á. Số 6 (434), tr. 54-60.
- NGUYỄN HỒNG VÂN • Khủng hoảng tên lửa ở Cuba năm 1962. Số 9 (437), tr. 24-37.
- LÝ TƯỜNG VÂN • Phong trào dân tộc ở Indonesia và Malaya trong nửa đầu thế kỷ XX - Một số so sánh. Số 9 (437), tr. 38-54.
- HOÀNG ANH TUẤN • Từ “ly trà liên lục địa” nghĩ về “tiêu dùng toàn cầu” thế kỷ XVII-XVIII. Số 11 (439), tr. 37-45.

TU LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- LUU TRANG • Hệ thống cơ sở hạ tầng của Thành phố Đà Nẵng thời Pháp thuộc (1888-1945). Số 1 (429), tr. 66-75.
- NGUYỄN DUY PHƯƠNG • Sự thật về vụ đầu độc tại trại giam Phú Lợi năm 1958. Số 2 (430), tr. 65-69.
- LÊ HUỲNH HOA • Vài nét về đời sống xã hội của phụ nữ thành thị đầu thế kỷ XX qua một số tờ báo đương thời. Số 3 (431), tr. 70-76.
- NGUYỄN PHAN QUANG • Tù khổ sai Việt Nam lưu đày sang Guyane. Số 5 (433), tr. 60-66.
- LÊ CUNG • Những địa điểm đầu tiên được chọn xây dựng Viện Đại học Huế. Số 6 (434), tr. 68-75.
- NGUYỄN THANH HOA • Về địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy. Số 8 (436), tr. 60-63.
- NGUYỄN VĂN TUẤN • Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa trên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi góp phần khẳng định chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Số 8 (436), tr. 64-70.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Tư liệu về cuộc đàm thoại giữa N.Ceausescu và I.K.Jegalin (12-1965). Số 9 (437), tr. 63-70.
- PHẠM VĂN ÁNH • Văn bia chùa Thiệu Long thời Trần. Số 10 (438), tr. 45-60.
- NGUYỄN HUY KHUYẾN • Vụ án thảm sát dân làng Đặng Đề, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình của thực dân Pháp. Số 10 (438), tr. 61-68.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP • Hoạt động của phong trào Minh Tân ở tỉnh Mỹ Tho những năm đầu thế kỷ XX. Số 11 (439), tr. 63-68.
- NGUYỄN VĂN KHOAN • Số liệu cải cách ruộng đất ở Thái Bình (1945-1954). Số 11 (439), tr. 69-72.
- LÊ HUY TUẤN • Tư liệu về trận Pháp đánh thành Sơn Tây năm 1883. Số 12 (440), tr. 63-66.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGUYỄN THỊ HÒA • Vài tư liệu và quan điểm về vùng đất Hoa Anh trong lịch sử. Số 1 (429), tr. 76-78.
- TRẦN THỊ VINH • Hơn một phân tư thế kỷ nhận thức về "Nhà Mạc và thời đại nhà Mạc". Số 5 (343), tr. 67-73.
- ĐINH VĂN TUẤN • Tên chữ Hán của Hồ Quý Ly là 胡季犛 hay 胡季釐 (厘)? Số 7 (345), tr. 68-74.
- TRẦN THÀNH TRUNG • Về năm đổi “hạt” thành “tỉnh” ở Nam Kỳ. Số 8 (346), tr. 71-74.

- ĐINH XUÂN LÝ

- Về vấn đề thời gian diễn ra Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Số 10 (348), tr. 69-76.

ĐỌC SÁCH

- NGUYỄN MẠNH DŨNG

- Léopold-Michel Cadière - Nhà nghiên cứu tiêu biểu thế kỷ XX. Số 2 (430), tr. 70-76.

- LÊ HẢI BÌNH

- "Biến chuyển trong quan hệ Trung - Mỹ: Những góc nhìn và tương tác chiến lược". Số 4 (432), tr. 65-73.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- ĐÀO TUẤN THÀNH

- Tìm hiểu về cách biên soạn sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 12 ở Rumani. Số 4 (432), tr. 58-64.

- PHAN TRỌNG BÁU

- Vài nét về bộ sách giáo khoa bậc sơ học của Trần Trọng Kim. Số 7 (435), tr. 60-67.

- VŨ DƯƠNG NINH

- Tham khảo một cuốn sách giáo khoa lịch sử của Pháp. Số 8 (436), tr. 53-59.

- TRẦN THỊ VINH

- Một số vấn đề về chương trình môn Lịch sử trong hệ thống giáo dục ở Mỹ và Canada. Số 9 (437), tr. 53-62.

- NGUYỄN QUỐC VƯƠNG

- Tìm hiểu về “tư duy lịch sử” và “phát triển tư duy lịch sử” cho học sinh ở Nhật Bản từ sau năm 1945 đến nay. Số 11 (439), tr. 53-62.

THÔNG TIN

- P.V

- Tặng thưởng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khoa học xã hội”. Số 1 (429).

- P.V

- Hà Nội tiếp nhận Khu di tích khảo cổ Hoàng thành Thăng Long. Số 1 (429).

- ĐỖ DANH HUẤN

- Hội thảo khoa học: “Nhà Đinh với sự nghiệp thống nhất và phát triển đất nước”. Số 1 (429).

- P.V

- Xây Khu bảo tồn Di tích Lịch sử Văn hóa Sa Huỳnh. Số 1 (429).

- N.V.A

- Tọa đàm khoa học: Đông chí Trường Chinh - Nhà văn hoá lớn. Số 2 (430).

- P.V

- Hội thảo khoa học về định hướng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn quân sự giai đoạn 2011-2015. Số 2 (430).

- SONG AN

- Hội thảo quốc tế: “Khảo cổ học Việt Nam”. Số 2 (430).

- LINH NAM

- Phát hiện một Đội quản lý Hoàng Sa ở Huế. Số 2 (430).

- QUỲNH VÂN

- Phát hiện sần Đan Trì tại Hoàng thành Thăng Long. Số 2 (430).

- NGUYỄN HÀ

- Tọa đàm: “Francisco de Pina và Gaspar do Amaral với việc Latinh hóa chữ viết Việt Nam”. Số 3 (431).

- C.TIN

- Hội thảo Khoa học: “Các định hướng nghiên cứu Đông Nam Á trong tương lai”. Số 3 (431).

- MẠNH HÀ

- Phát hiện 17 đạo sắc phong thành hoàng thành Vinh (Nghệ An). Số 3 (431).

- P.V
 - Kỷ niệm 128 năm Khởi nghĩa Yên Thế (16/3/1884 - 16/3/2012) và khai mạc Lễ hội năm 2012. Số 3 (431).
- XUÂN HÒA
- NHẬT MINH
- N.ANH
- P.V
 - Phát hiện mủ vàng cổ 2600 năm tuổi ở vùng vịnh Haifa, Israel. Số 3 (431).
 - Phát hiện khu mộ táng 1.200 năm của người Maya. Số 3 (431).
 - Hội thảo khoa học: "Nghiên cứu, xác minh tư liệu và giá trị di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ 1945-1954". Số 4 (432).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Tọa đàm khoa học "Đồng chí Lê Duẩn với cách mạng miền Nam". Số 4 (432).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học "40 năm giải phóng tỉnh Quảng Trị và chiến đấu bảo vệ Thành cổ (1972-2012)". Số 4 (432).
- NGUYỄN DUNG HUYỀN
 - Hội thảo khoa học "Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng". Số 4 (432).
- P.V
 - Triển lãm ảnh "Việt Nam - Bài ca chiến thắng" và giao lưu với các nhân chứng lịch sử. Số 4 (432).
- MAI THỊ HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: "Mặt trận hướng Đông-từ Chiến dịch Xuân Lộc đến Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử". Số 4 (432).
- P.V
- TIẾN ĐỨC
 - Hội thảo khoa học "Bác Hồ với Thái Nguyên". Số 5 (433).
 - Hội thảo khoa học "Trường Quốc Tử giám Thăng Long với các trung tâm giáo dục Nho học Việt Nam". Số 5 (433).
- P.V
 - Thuyết trình khoa học: "Nạn đói năm 1945 ở Việt Nam - Những chứng tích lịch sử". Số 5 (433).
- C.TIN
 - Tọa đàm khoa học quốc tế "Giao lưu văn hóa Việt Nam - Đông Á: Nhìn từ góc độ lịch sử xã hội và nhân học". Số 5 (433).
- P.V
 - Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm được công nhận là Di sản ký ức thế giới khu vực châu Á-Thái Bình Dương năm 2012. Số 5 (433).
 - Triển lãm Di sản văn hóa biển Việt Nam. Số 5 (433).
- MAI THỊ HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: "Nhìn lại phong trào đấu tranh yêu nước của thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức và văn nghệ sỹ tại các thành thị miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1975". Số 5 (433).
- TẠP CHÍ NCLS
- NGÔ VƯƠNG ANH
- TUẤNG MINH
 - Hội thảo khoa học: "Đối thoại trí thức Việt Nam, Trung Quốc và Nhật Bản". Số 6 (434).
 - Hội thảo "Giải pháp phát huy giá trị Di sản Văn hóa thế giới Thành nhà Hồ". Số 6 (434).
 - Triển lãm "Việt Nam - Campuchia liên minh chiến đấu, hợp tác toàn diện". Số 6 (434).
- P.V
- THU HÀNG

- C.TIN
 - Hội thảo khoa học quốc tế “Văn minh Chăm, mối liên hệ giữa Việt Nam và Ấn Độ”. Số 6 (434).
- P.V
 - Khu di tích 18 Hoàng Diệu và khu Thành cổ được quy hoạch thành Công viên Văn hóa-Lịch sử. Số 6 (434).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học “Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ với công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng-Giá trị lý luận và thực tiễn”. Số 7 (435).
- HÀ LINH
 - Hội thảo khoa học “Chí sĩ Trần Quý Cáp”. Số 7 (435).
- P.V
 - Bảo tàng Lịch sử Quốc gia trưng bày hiện vật Óc Eo-Phù Nam. Số 7 (435).
- LINH NAM
 - Hội thảo khoa học Quốc gia về Danh nhân Quảng Bình trong tiến trình lịch sử. Số 7 (435).
- C.TIN
 - Hội thảo khoa học: 50 năm Chiến dịch vượt sông Tiên giải phóng Sơn-Cẩm-Hà (25/9/1962 - 25/9/2012). Số 7 (435).
- NHẬT MINH
 - Phát hiện chiếc hộp vàng thời Trần ở Quảng Ninh. Số 7 (435).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “Đồng chí Võ Chí Công với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng”. Số 8 (436).
- P.V
 - Hội thảo khoa học “Căn cứ địa cách mạng tỉnh Bình Thuận trong 30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1975)”. Số 8 (436).
- THU HÀNG
 - Triển lãm “Ngự phê trên châu bản triều Nguyễn”. Số 8 (436).
- L.H
 - Khai mạc triển lãm “Nhà tù Côn Đảo giai đoạn 1930-1945”. Số 8 (436).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học: “Xác minh khoa học thông tin về những người thân của Chủ tịch Hồ Chí Minh sống, học tập, lao động và tham gia các hoạt động yêu nước ở Huế”. Số 8 (436).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học: Về Khu Trung tâm Hoàng thành Thăng Long. Số 8 (436).
- P.V
 - Triển lãm tranh khắc cổ về đời sống Hà Nội những năm đầu thế kỷ XX. Số 8 (436).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “Đồng chí Lê Hồng Phong với cách mạng Việt Nam và quê hương Nghệ An”. Số 9 (437).
- HẢI TÂM
 - Phát lộ nền tháp Chăm-pa nghìn tuổi. Số 9 (437).
- L.N
 - “Khâm ban đồng bài” bằng đồng đúc ở Cầu Không. Số 9 (437).
- P.V
 - Hội thảo “Nghiên cứu phương án phục dựng điện Kính Thiên”. Số 9 (437).
- LINH NAM
 - Tọa đàm khoa học: Hoàng hậu Bạch Ngọc và khởi nghĩa Lam Sơn. Số 9 (437).
- LINH NAM
 - Hội thảo khoa học: Giá trị Di sản văn hóa nhà Trần ở Đông Triều. Số 10 (438).
- P.V
 - Hội thảo khoa học Kỷ niệm 60 năm chiến thắng Nghĩa Lộ. Số 10 (438).
- P.V
 - Triển lãm ảnh “Sự phát triển thâm kỳ của Nhật Bản sau thế chiến”. Số 10 (438).
- P.V
 - Chùa Một Cột xác lập kỷ lục châu Á. Số 10 (438).
- T.H
 - Khai mạc phòng trưng bày chuyên đề Văn hóa trâu cau. Số 10 (438).
- BÙI MINH
 - Về Bức tranh Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn chi đồ. Số 10 (438).

- P.V
 - Hội thảo khoa học quốc tế “Đoàn kết liên minh chiến đấu đặc biệt giữa quân đội hai nước Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào - Thực tiễn và bài học lịch sử”. Số 11 (439).
- Đ.T.T
 - Lễ ra mắt Trung tâm Nghiên cứu châu Á - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 11 (439).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học: Đông chí Võ Văn Kiệt với cách mạng Việt Nam. Số 11 (439).
- MAI HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: “Chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không - Tầm cao trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam”. Số 11 (439).
- P.V
 - Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ tư: “Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển bền vững”. Số 11 (439).
- P.V
 - Lễ dâng hương kỷ niệm ngày mất danh nhân Phạm Thận Duật và Lễ trao Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 13 (2012). Số 11 (439).
 - Kính báo. Số 11 (439).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Hội thảo khoa học “Chiến thắng Tây Bắc 1952 -Tầm nhìn chiến lược của Đảng và bài học lịch sử”. Số 12 (440).
 - Tín ngưỡng thờ vua Hùng trở thành Di sản nhân loại. Số 12 (440).
 - Hội thảo khoa học “Danh nhân Văn hóa Đông các Đại học sĩ Cao Xuân Dục (1842 - 1923)”. Số 12 (440).
- HỒNG HÀ
 - Tọa đàm khoa học quốc tế: “Tôn giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay”. Số 12 (440).
 - Hội thảo khoa học “Về sự kiện các chiến sĩ cách mạng tổ chức vượt ngục Côn Đảo ngày 12-12-1952”. Số 12 (440).
 - Hội thảo Quốc gia: Hợp tác Biển Đông: Lịch sử và triển vọng. Số 12 (440).
 - Hội thảo khoa học quốc tế: “Tổ chức và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ nhân dân”. Số 12 (440).
 - Hội thảo khoa học: Tôn tạo và phát huy giá trị di tích văn hóa đền vua Mây (thờ các vị thần hoàng) làng Đại Đê, xã Đại An, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Số 12 (440).
 - Công bố bộ sách kỷ niệm 40 năm “Chiến thắng Điện Biên Phủ trên không” và 40 năm ngày ký Hiệp định Paris. Số 12 (440).
- P.V

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2011

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- LUÔNG NINH
 - Về thiết chế xã hội phương Đông. Số 5 (421), tr. 3-9.
- VŨ DUY MỄN
 - Vài nét về giáo dục Nho học từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX ở Việt Nam. Số 5 (421), tr. 10-24.
- YU INSUN
 - Mô hình xã hội lưỡng hệ và địa vị của phụ nữ Việt Nam truyền thống. Số 5 (421), tr. 25-36.
- TRẦN KẾ HOA
 - Địa danh học Việt Nam ở Trung Quốc: Hiện trạng và triển vọng. Số 7 (423), tr. 39-46.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Từ huyền thoại về biển đến cơ tầng văn hóa biển - nhận thức về biển, đảo trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân tộc. Số 9 (425), tr. 3-20.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Thương cảng Vân Đồn - Tiềm năng và động lực phát triển. Số 12 (428), tr. 3-15.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Khu vực học và nghiên cứu toàn cầu: Quá trình lịch sử và khuynh hướng phát triển. Số 12 (428), tr. 35-44.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Vua Lý Anh Tông, chiến lược biển và hành dinh trại Yên Hưng. Số 1 (417), tr. 3-7.
- YU INSUN
 - Hệ thống pháp luật triều Lý và triều Trần của Việt Nam - Mối quan hệ giữa "Đường luật" và "Lê triều Hình luật". Số 1 (417), tr. 8-31.
- NGUYỄN THỊ THU THỦY
 - Về mối quan hệ giữa "Hoàng Việt luật lệ" và "Đại Thanh luật lệ". Số 2 (418), tr. 19-29.
- PHẠM LÊ HUY
 - Hoạt động buôn bán ngựa và chính sách kinh dinh của nhà Lý ở khu vực Tây Bắc. Số 2 (418), tr. 30-44.
- ĐƯỜNG VĂN HUY
 - Gạo và thuốc phiện: Nghiên cứu về hoạt động mậu dịch của người Hoa ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Số 2 (418), tr. 45-62.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Bác dịch trường: Quan hệ buôn bán biên giới Lý-Tống thế kỷ XI-XIII. Số 3 (419), tr. 32-39.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT
 - Thân thế, sự nghiệp của Đông các đại học sĩ Trần Lưu Huệ (1830-1907). Số 3 (419), tr. 40-51.
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Về nơi sinh của Thiền sư Từ Đạo Hạnh. Số 3 (419), tr. 52-60.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Các nguồn hàng và thương phẩm của Đàng Trong. Số 4 (420), tr. 3-17.
- LUÙ TRANG
 - Tổ chức bang giao của triều Nguyễn với các nước phương Tây ở Đà Nẵng. Số 4 (420), tr. 18-24.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
 - Nguyễn Cư Trinh và vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVIII. Số 4 (420), tr. 25-39.
- ĐỖ QUỲNH NGA
 - Việc sử dụng người Hoa của các chúa Nguyễn trong công cuộc mở đất miền Tây Nam Bộ. Số 4 (420), tr. 40-49.
- NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH
 - Thực trạng sở hữu ruộng đất ở Tiên Hải (Thái Bình) cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Số 4 (420), tr. 50-57.

- NGUYỄN HÀI KẾ • Khúc bi tráng của trí thức Nho học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Số 6 (422), tr. 3-10.
- ĐÀO TỐ UYÊN • Chợ Viêng Nam Giang - Lịch sử và truyền thống. Số 6 (422), tr. 11-21.
- BÙI VĂN HUỲNH
- HOÀNG ANH TUẤN • Mạng lưới thương mại Nội Á và bang giao Hà Lan - Đại Việt (1601-1638). Số 6 (422), tr. 22-35.
- ĐỖ DANH HUẤN • Sử liệu viết về họ Khúc. Số 6 (422), tr. 36-49.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP • Sự phát triển của giới đại địa chủ và phương thức sử dụng ruộng đất của họ ở Lê Thị Kim Loan Tiên Giang trong nửa sau thế kỷ XIX. Số 7 (423), tr. 14-22.
- LÊ THỊ KIM LOAN
- ĐỖ THỊ THÙY LAN • Hội thi trường trong Hoàng thành Thăng Long thời Lê (thế kỷ XV-XVIII). Số 8 (424), tr. 42-53; số 9 (425), tr. 59-69.
- NGUYỄN THÙA HỶ • Quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa (Paracels) trong những thế kỷ XVII-XVIII-XIX qua nguồn tư liệu phương Tây. Số 9 (425), tr. 21-40.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI • Chính sách bảo vệ vùng biển Đông Bắc Việt Nam của vua Gia Long và Trần Thị Hữu Hạnh Minh Mạng. Số 9 (425), tr. 41-52.
- TRẦN THỊ HỮU HẠNH
- ĐINH XUÂN LÂM • Kẻ Nưa - Nông Cống (Thanh Hóa) - đất phát tích của dòng họ Doãn trong lịch sử dân tộc. Số 10 (426), tr. 3-6.
- PHẠM ĐỨC ANH • Về tính chất tập quyền trong thiết chế chính trị triều Lý (1009-1225). Số 10 (426), tr. 7-22.
- NGUYỄN VĂN ĐĂNG • Bước đầu tìm hiểu về phố cảng Thu Xà ở Quảng Ngãi (từ thế kỷ XVIII đến nửa đầu thế kỷ XX). Số 10 (426), tr. 23-32.
- TRẦN THỊ THU HƯƠNG
- NGUYỄN HỮU THÔNG • Biển trong lịch sử Việt Nam dưới góc nhìn của Charles Wheeler (Điều kiện từ vùng Thuận Quảng). Số 10 (426), tr. 33-38.
- NGUYỄN THỊ HƯƠNG • Sự hình thành và phát triển của sách dạy lịch sử Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Số 11 (427), tr. 37-51.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- NGÔ ĐĂNG TRI • "Làng Đỏ" trong phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh và việc lưu trữ các di tích "làng Đỏ" ở Nghệ - Tĩnh. Số 2 (418), tr. 3-11.
- DƯƠNG THỊ THANH HÀI • Về một tổ chức yêu nước chống Pháp ở huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An năm 1908 (Qua tài liệu lưu trữ). Số 2 (418), tr. 12-18.
- TẠ THỊ THÚY • Chính sách thuộc địa của Pierre Pasquier ở Việt Nam đầu những năm 30, thế kỷ XX. Số 3 (419), tr. 3-16.
- NGUYỄN NGỌC DUNG • Vài nét về công tác xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 3 (419), tr. 17-31.
- NGUYỄN THỊ HƯƠNG • Về sáu lần Tôn Trung Sơn đến Việt Nam hoạt động cách mạng. Số 5 (421), tr. 52-60.
- TRẦN VĂN THỰC • Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Tuyên ngôn Độc lập 1776 của Mỹ - Một cái nhìn so sánh. Số 5 (421), tr. 61-68.

- LÊ TỐ ANH
 - Công tác giáo dục chính trị tư tưởng của Mặt trận Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Số 6 (422), tr. 50-57.
- TÀ THỊ THÚY
 - Chương trình "cải cách" chính trị và "cải cách" bộ máy chính quyền của Pierre Pasquier ở Việt Nam trong những năm đầu thập niên 30, thế kỷ XX. Số 7 (423), tr. 3-13; số 8 (424), tr. 33-41.
- PHẠM XANH
 - Nguyễn Ái Quốc về nước cùng Trung ương Đảng chuyển xoay vận nước. Số 8 (424), tr. 3-8.
- HOÀNG HÀI HÀ
 - Nền kinh tế thị trường ở miền Nam Việt Nam (1954-1975) nhìn dưới góc độ lịch sử. Số 8 (424), tr. 9-17.
- NGUYỄN THANH LỢI
 - Hệ thống giao thông ở Mỹ Tho thời Pháp thuộc (1858-1945). Số 8 (424), tr. 18-32.
- PHẠM NGỌC BẢO LIÊM
 - Hội nghị San Francisco (9-1951) với vấn đề chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Số 9 (425), tr. 53-58.
- TRẦN VIẾT NGHĨA
 - Phạm Quỳnh với vấn đề tiếp xúc văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 12 (428), tr. 16-23.
- PHẠM XUÂN TÀI
 - Vài nét về giáo dục ngoài công lập ở Hà Nội giai đoạn 1989-2008. Số 12 (428), tr. 24-34.

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH CỦA GS.VS. TRẦN HUY LIỆU (1901-2011)

- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Trần Huy Liệu - Nhà sử học tiêu biểu, người mở đường cho sử học Việt Nam hiện đại. Số 11 (427), tr. 3-8.
- VĂN TẠO
 - Giáo sư, Viện sĩ Trần Huy Liệu - Nhà sử học trung thực và nhân bản. Số 11 (427), tr. 9-16.
- NGUYỄN MINH TUỔNG
 - Giáo sư, Viện sĩ Trần Huy Liệu và một số vấn đề Lịch sử Cổ, Trung đại Việt Nam. Số 11 (427), tr. 17-24.
- TRẦN THỊ THU HƯƠNG
 - Giáo sư, Viện sĩ Trần Huy Liệu với công tác nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Số 11 (427), tr. 25-29.
- PHẠM NHƯ THƠM
 - Vài suy nghĩ khi đọc *Hồi ký Trần Huy Liệu*. Số 11 (427), tr. 30-36.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- ĐÀO TUẤN THÀNH
 - Góp phần đánh giá về mối quan hệ giữa Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu qua những biến cố năm 1956 ở Ba Lan và Hunggari. Số 1 (417), tr. 32-42.
- LÊ THẾ CUỜNG
 - Đường lối không liên kết của Ấn Độ: Nhận thức từ Hiệp ước Hòa bình, hữu nghị và hợp tác Ấn Độ - Liên Xô năm 1971. Số 1 (417), tr. 43-49.
- NGUYỄN THỊ HUYỀN SÂM
 - Vị thế của vương quốc Phổ trong quan hệ quốc tế giai đoạn 1815-1850. Số 3 (419), tr. 61-71.
- TRẦN NGỌC DŨNG
 - Nhân tố tôn giáo trong lịch sử nước Mỹ và trong quan hệ Mỹ - Việt Nam những năm 2003-2006. Số 4 (420), tr. 58-68.
- ĐẶNG ĐÌNH QUÝ
 -

- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG • Quan hệ Mỹ - Trung xét dưới góc nhìn cân bằng quyền lực. Số 5 (421), tr. 37-51.
- VĂN NGỌC THÀNH • Những thành tựu cơ bản của cải cách kinh tế ở Ấn Độ (1991-2010). Số 6
- NGUYỄN HOÀNG HOA (422), tr. 58-68.
- NGUYỄN THÀNH VĂN • Quan hệ Campuchia - Mỹ từ năm 1954 đến năm 1965. Số 7 (423), tr. 23-38.
- HOÀNG KHẮC NAM • Quá trình phát triển các cách tiếp cận quyền lực trong nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế. Số 10 (426), tr. 39-49.
- NGUYỄN HỒNG VÂN • Quan hệ chính trị - ngoại giao Liên Xô - Nhật Bản trong thời kỳ cải tổ (1985-1991). Số 10 (426), tr. 50-59.
- NGUYỄN THU MỸ • Cảnh tranh ảnh hưởng giữa Trung Quốc và Mỹ ở Đông Nam Á và tác động của nó tới quá trình xây dựng cộng đồng ASEAN. Số 11 (427), tr. 52-65.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN PHAN QUANG • Đồn điền Nam Kỳ thời Pháp thuộc cuối thế kỷ XIX đến năm 1924. Số 1 (417), tr. 50-57; số 2 (418), tr. 68-76.
- NGUYỄN QUANG ÂN • Tỉnh Vĩnh Phúc xưa và nay. Số 1 (417), tr. 58-64; số 7 (423), tr. 60-63; số 10 (426), tr. 65-74.
- ĐINH VĂN VIỄN • Về bản giao ước nhượng đất, mở chợ của hai xã Cói Trì và Yên Mô năm 1755. Số 6 (422), tr. 69-73.
- NGUYỄN PHAN QUANG • Báo cáo tổng hợp của mật thám Pháp về cao trào 1930-1931 ở Đông Dương. Số 7 (423), tr. 47-59.
- NGUYỄN QUANG TUẤN • Thêm tư liệu về cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron (Gia Lai) năm 1958. Số 8 (424), tr. 62-68.
- LÊ HUY TUẤN • Nhà tù Côn Đảo qua tài liệu lưu trữ. Số 8 (424), tr. 69-72.
- NGUYỄN THU HÀNG
- ĐINH KHẮC THUẬN • Tư liệu Hán Nôm về di tích An Sinh và đình làng Đốc Trại, tổng Mẽ Sơn, huyện Đông Triều. Số 9 (425), tr. 70-74.
- NGUYỄN HUY KHUYẾN • Hồ sơ về việc chuyển tài liệu Châu bản từ Huế ra Hà Nội. Số 10 (426), tr. 60-64.
- NGUYỄN PHAN QUANG • Thất bại của thực dân Pháp trong ý đồ đánh chiếm Đà Nẵng hòng thực hiện nhanh gọn cuộc xâm lược Việt Nam. Số 11 (427), tr. 66-71.
- LÊ HUỲNH HOA • Châu bản triều Nguyễn - Cơ sở lịch sử về chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa. Số 12 (428), tr. 45-51.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Tư liệu về Mùa Xuân Praha (Tiệp Khắc) năm 1968. Số 12 (428), tr. 52-66.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- TRẦN HỮU HUY • Hội nghị Pari và thực chất những toan tính của Mỹ. Số 1 (417), tr. 65-71.
- NGUYỄN ĐÌNH HƯNG • Về quê quán, thân thế của Tiến sĩ Nguyễn Cửu qua gia phả dòng họ và di tích - Đôi điều cần trao đổi. Số 2 (418), tr. 63-67.

- THÁI MINH • Dương Hoán Lý Thân Tông họ Lý hay họ Dương? Số 4 (420), tr. 69-74.
- KHẮC HUỲNH • Làm rõ mấy việc tại cuộc đàm phán Paris. Số 5 (421), tr. 69-71.
- PHẠM HỒNG TUNG • Trao đổi về một số ý kiến liên quan đến lịch sử Nội các Trần Trọng Kim và Cách mạng tháng Tám. Số 8 (424), tr. 54-61.

ĐỌC SÁCH

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - NGUYỄN THỪA HỶ - NGUYỄN CẢNH MINH - NGUYỄN THỪA HỶ - NGUYỄN CẢNH MINH - NGUYỄN THỪA HỶ - VŨ DƯƠNG NINH | <ul style="list-style-type: none"> • "Hà Nội qua tài liệu và tư liệu lưu trữ 1873-1954". Số 1 (417), tr. 72-76. • "Hương ước cổ làng xã đồng bằng Bắc Bộ". Số 3 (419), tr. 71-74. • "Vùng đất Nam Bộ dưới triều Minh Mạng". Số 5 (421), tr. 72-76. • "Kinh tế, xã hội thời Trần (thế kỷ XIII-XIV)". Số 6 (422), tr. 74-77. • "Hoạt động ngoại giao của nước Pháp nhằm củng cố cơ sở tại Nam Kỳ 1862-1874". Số 7 (423), tr. 64-75. • "Người Việt với biển". Số 12 (428), tr. 67-69. |
|---|--|

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- TRẦN THỊ VINH • Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX trong các trường đại học: Một cách tiếp cận mới. Số 8 (412), tr. 74-82.

THÔNG TIN

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - P.V - ĐỖ NGÔN XUYÊN - C.TIN - LINH NAM - D.D.H - LINH NAM - P.V - P.V - D.D.H - D.D.H - P.V | <ul style="list-style-type: none"> • Lễ bàn giao phòng trưng bày di vật tiêu biểu Khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Số 1 (417). • Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật, nghiên cứu Khảo cổ học Di tích Đền Thái và Di chỉ mộ táng Nghĩa Hưng (huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Số 1 (417). • !!Giải thưởng khoa học "Kỷ niệm 70 năm Bác Hồ về nước (28/1/1941-28/1/2011)". Số 1 (417). • Thông tin Nghiên cứu Lịch sử Công an ra số đầu tiên. Số 1 (417). • Điểm sách. Số 1 (417). • Hội thảo khoa học: Đô thị Quảng Yên truyền thống và định hướng phát triển. Số 2 (418). • Giới thiệu sách về Đại tướng Võ Nguyên Giáp ở Pháp. Số 2 (418). • Hội thảo khoa học "Đại hội II của Đảng tại Tuyên Quang - Thủ đô kháng chiến". Số 2 (418). • Điểm sách. Số 2 (418). • Hội thảo khoa học: Sử học Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa: Những vấn đề lý luận và phương pháp tiếp cận. Số 3 (419). • Hội thảo quốc tế "Nghiên cứu, giảng dạy lịch sử quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay". Số 3 (419). |
|---|---|

- P.V • Hội thảo khoa học: "Nghiên cứu, xác minh tư liệu và giá trị lịch sử về Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cao Bằng thời kỳ 1941 đến 1945". Số 3 (419).
- C.TIN • Hội thảo: "Lịch sử quan hệ kinh tế và dân tộc". Số 3 (419).
- MINH LONG • Phát hiện xác ướp 700 năm tại Trung Quốc. Số 3 (419).
- NGUYỄN LAM • Quảng Ninh: Tìm được hũ tiền cổ giá trị lớn. Số 3 (419).
- M.L • Hàng loạt cổ vật quý của Ai Cập mất vì bạo loạn. Số 3 (419).
- Đ.H • Điểm sách. Số 3 (419).
- NGÔ VƯƠNG ANH • Tọa đàm khoa học: "Đồng chí Hà Huy Tập - Cuộc đời và sự nghiệp". Số 4 (420).
- MÃN CHI • Phát hiện 2 ngôi mộ nghìn tuổi ở Khu đô thị Nam Thăng Long Ciputra. Số 4 (420).
- P.V • Đào được 13kg tiền cổ ở Hà Tĩnh. Số 4 (420).
- TRƯỜNG HÀ • Tìm được 52 viên đạn súng thần công ở Huế. Số 4 (420).
- C.T • Hội thảo quốc tế: Vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Việt Nam. Số 4 (420).
- P.V • Chuông chùa Khúc Toại. Số 4 (420).
- Đ.D.H • Điểm sách. Số 4 (420).
- P.V • Hội thảo khoa học: "Hồ Chí Minh với con đường giải phóng dân tộc". Số 5 (421).
- NGÔ VƯƠNG ANH • Hội thảo khoa học "Kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước". Số 5 (421).
- C.TIN • Hội thảo khoa học "Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hành trình tìm đường cứu nước". Số 5 (421).
- P.V • Hội thảo khoa học "Hồ Chí Minh với con đường cứu nước, giải phóng dân tộc". Số 6 (422).
- P.V • Giới thiệu tài liệu lưu trữ về quá trình tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số 6 (422).
- MAI THỊ HUYỀN • Hội thảo khoa học: "Thân thế sự nghiệp Tiến sĩ Thân Nhân Trung". Số 6 (422).
- NGÔ VƯƠNG ANH • Tọa đàm khoa học "Đồng chí Hồ Tùng Mậu - Cuộc đời và sự nghiệp". Số 6 (422).
- LÊ HOÀNG • Thành nhà Hồ trở thành Di sản Văn hoá thế giới. Số 6 (422).
- MINH NHẬT • Tìm thấy di tích khảo cổ Chămpa niên đại 1000 năm. Số 6 (422).
- P.V • Hội thảo khoa học: "Tính chuyên nghiệp của báo chí hiện đại - Những vấn đề lý luận và thực tiễn". Số 6 (422).
- MINH ANH • Phát hiện ấn đồng cổ thời Lê. Số 6 (422).
- TRÚC NAM SƠN • Khắc "Hịch Tướng sĩ" bên bờ biển Nha Trang. Số 6 (422).
- NGUYỄN PHƯƠNG • Tư liệu cổ quý hiếm khẳng định Hoàng Sa thuộc Việt Nam. Số 6 (422).
- TẠP CHÍ NCLS • Chúc mừng Giáo sư Phan Huy Lê được Viện Hàn lâm Văn tự và Văn học nước Cộng hòa Pháp bầu là Viện sĩ Thông tấn nước ngoài. Số 7 (423).

- MAI THỊ HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: "Danh nhân Thiều Thốn và dòng họ Thiều trong lịch sử dân tộc". Số 7 (423).
- MAI TRANG
 - Mỹ giải mật tài liệu về chiến tranh ở Việt Nam. Số 7 (423).
- P.V
 - Phát hiện nhóm cổ vật thời Lý, Trần. Số 7 (423).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt PGS-TS. Đỗ Văn Ninh. Số 8 (424).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "Cuộc khởi nghĩa N'Trang Lồng". Số 8 (424).
- MAI THỊ HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: "Đồng chí Lê Quang Đạo với cách mạng Việt Nam". Số 8 (424).
- T.H
 - Hội thảo khoa học "Quốc chúa - Bố tát Nguyễn Phúc Chu và sự nghiệp mở mang bờ cõi, phát triển đất nước". Số 8 (424).
- P.V
 - Triển lãm di sản văn hóa Phật giáo Đàng Trong. Số 8 (424).
- P.V
 - trưng bày nhiều tư liệu quý về Quốc hội. Số 8 (424).
- M.H
 - Hội thảo khoa học: "Trạng nguyên Lương Thế Vinh - Thân thế và sự nghiệp". Số 8 (424).
- LINH NAM
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày: "Cổ ngọc Việt Nam". Số 8 (424).
- MAI THỊ HUYỀN
 - Hội thảo khoa học: "Hải Dương với cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông thế kỷ XIII". Số 9 (425).
- TRẦN THỊ THÁI HÀ
 - Hội thảo khoa học: Luận cứ khoa học tổ chức kỉ niệm 750 năm Thiên Trường - Nam Định (1262 - 2012). Số 9 (425).
- P.V
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: "Hợp tác vì hòa bình, an ninh và phát triển khu vực trong bối cảnh mới". Số 9 (425).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học "Đường Hồ Chí Minh trên biển - Con đường của ý chí và sức sáng tạo Việt Nam". Số 9 (425).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học: Xác định thời điểm thành lập tỉnh Tuyên Quang. Số 9 (425).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học: Giáo sư Văn Tạo và vấn đề "Công minh lịch sử và công bằng xã hội". Số 9 (425).
- VƯƠNG ANH
 - Hội thảo khoa học "Đồng chí Lê Đức Thọ với sự nghiệp cách mạng Việt Nam và quê hương Nam Định". Số 10 (426).
- TRẦN THỊ THÁI HÀ
 - Hội thảo khoa học: "Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử trong bối cảnh hội nhập; Phát triển kỹ năng tự học trong dạy học lịch sử". Số 10 (426).
- ĐỨC HÀ
 - Hội thảo khoa học Quốc gia: "Đường Đinh Nghệ và công cuộc gây dựng nền độc lập tự chủ thế kỷ X". Số 10 (426).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: Chiến thắng Ghềnh Khoan Bộ - Sông Lô, Thu Đông năm 1947. Số 10 (426).
- P.V
 - Triển lãm tài liệu, hiện vật về chuyến thăm Cộng hòa Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946. Số 10 (426).

- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Kỷ niệm 45 năm thành lập Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất và công bố thành lập Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam. Số 10 (426).
- P.V
 - Triển lãm "Wilfred Burchett và Việt Nam". Số 10 (426).
- Đ.H
 - Điểm sách. Số 10 (426).
- Đ.H
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: Truyền thống và hiện đại Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XIV đến cuối thế kỷ XVIII. Số 11 (427).
- P.V
 - Hội thảo khoa học Quốc tế lần thứ Ba: "Biển Đông: Hợp tác vì an ninh và phát triển trong khu vực". Số 11 (427).
- Đ.H
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: Truyền thống và hiện đại Đông Nam Á từ cuối thế kỷ XIV đến cuối thế kỷ XVIII. Số 11 (427).
- THU HÀNG
 - Hội nghị Công tác tạp chí năm 2011. Số 11 (427).
- P.V
 - Hội nghị thông báo Dân tộc học năm 2011. Số 11 (427).
- N.V.A
 - Hội thảo tưởng niệm: "Võ Quý Huân - Người trí thức nặng tình non nước". Số 11 (427).
- LINH NAM
 - Phát hiện di tích kiến trúc thời Lý tại chùa Dạm (Bắc Ninh). Số 11 (427).
- NHẬT MINH
 - Phát hiện móng cây tháp đá và dấu vết giếng cổ tại chùa Dạm (Bắc Ninh). Số 11 (427).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Giáo sư-Viện sĩ Trần Huy Liệu (1901-2011)". Số 12 (428).
- P.V
 - Trưng bày chuyên đề "Kỷ niệm 65 năm ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 - 19/12/2011". Số 12 (428).
- L.H
 - Kỷ niệm 183 năm Ngày sinh và 140 năm Ngày mất nhà canh tân Nguyễn Trường Tộ. Số 12 (428).
- P.V
 - Hội thảo Quốc tế Lưu trữ các nước có sử dụng tiếng Pháp tại Hà Nội. Số 12 (428).
- T.H
 - Vua Trần Nhân Tông, người khai mở con đường chính pháp Việt Nam. Số 12 (428).
- P.V
 - Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam tiếp nhận tài liệu của cố GS.TS. Bé Việt Đắng và nhà Dân tộc học quá cố Cầm Trọng. Số 12 (428).
- Đ.D.H
 - Lễ trao tặng Giải thưởng Sứ học Phạm Thận Duật lần thứ 12 (năm 2011)". Số 12 (428).
- C.TIN
 - Tọa đàm khoa học quốc tế "Tính hiện đại và đời sống tôn giáo Việt Nam hiện nay". Số 12 (428).
- ĐỖ HUẤN
 - Trưng bày tài liệu lưu trữ: ấn chương trên Châu bản triều Nguyễn. Số 12 (428).

MỤC LỤC TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2010

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- PHẠM XUÂN NAM
 - Giai cấp công nhân Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước: Thực trạng, xu hướng phát triển, vấn đề và giải pháp. Số 4 (408), tr. 3-10.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Từ thực trạng, suy nghĩ một số giải pháp nhằm xây dựng và nâng cao đời sống văn hóa cho công nhân nước ta hiện nay. Số 5 (409), tr. 3-12.
- VŨ DUY MỀN
 - Sự tương đồng và khác biệt về hình thức văn bản của hương ước Việt Nam và Triều Tiên thời Trung Cận đại. Số 5 (409), tr. 19-27.
- LUÔNG NINH
 - Ca múa nhạc cổ Champa với Nhật Bản thời kỳ Nara. Số 9 (413), tr. 3-12.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
NGUYỄN THỊ MAI HOA
 - Phương pháp phân tích - phê khảo sử liệu trong nghiên cứu lịch sử (*Qua trường hợp tìm hiểu quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thời kỳ hiện đại*). Số 11 (415), tr. 3-10.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- LUÔNG NINH
 - Nước Phù Nam và hậu Phù Nam. Số 1 (405), tr. 3-17.
- ĐỖ BANG
 - Chính sách của triều Nguyễn đối với Thiên chúa giáo. Số 1 (405), tr. 45-52.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Số 1 (405), tr. 53-63.
- NGUYỄN VĂN ĐĂNG
 - Vài nét về quan xưởng ở Phú Xuân thời các chúa Nguyễn. Số 1 (405), tr. 64-69.
- NGUYỄN NGỌC PHÚC
 - Tổ chức bộ máy quản lý hành chính Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XIX: Từ Gia Định thành đến Nam Kỳ lục tỉnh. Số 2 (406), tr. 20-27; Số 3 (407), tr. 52-60.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Khiếu Năng Tỉnh - Người viết bài tựa sách "Khâm Định Việt sử cương mục tập yếu". Số 2 (406), tr. 28-35.
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Về sự phục hồi các giá trị truyền thống làng xã. Số 2 (406), tr. 36-47.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng sau 1970 năm nhìn lại. Số 3 (407), tr. 3-15.
- SONG JEONG NAM
 - Sự mở rộng lãnh thổ Đại Việt dưới thời Hậu Lê và tính chất. Số 3 (407), tr. 16-27.
- PHẠM QUỐC SƯ
 - Một số thành tựu của nhà Nguyễn trong việc tiếp thu tri thức, áp dụng kỹ thuật phương Tây. Số 3 (407), tr. 28-43.
- ĐƯƠNG VĂN HUY
 - Hoạt động kinh tế của người Hoa ở Hội An thời kỳ các chúa Nguyễn. Số 4 (408), tr. 31-44; Số 5 (409), tr. 28-33.
- NGUYỄN THỊ HẢI
 - Vài nét về châu Thạch Lâm, tỉnh Cao Bằng thế kỷ XIX. Số 4 (408), tr. 45-58.
- NGUYỄN ĐỨC THẮNG
 - Tình hình ruộng đất của huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 4 (408), tr. 59-69.
- TRƯỜNG VĨNH KHANG
 - Chính sách của vua Lê Thánh Tông đối với việc bảo vệ lãnh thổ đất nước. Số 6 (410), tr. 18-24.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Lý Thái Tổ với sự nghiệp định đô Thăng Long. Số 7 (411), tr. 3-9.
- NGUYỄN HẢI KẾ
 - Ngàn năm Thăng Long - Hà Nội: Cho ngày nay, cho ngày mai, cho muôn đời sau. Số 7 (411), tr. 10-18.

- PHẠM ĐỨC MẠNH
 - Kho chum sành được phát hiện trong lòng phố Hà Nội xưa. Số 7 (411), tr. 53-59.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Vị thế đối ngoại của Thăng Long - Đại Việt với các quốc gia Đông Nam Á thời Lý-Trần. Số 7 (411), tr. 19-33.
- ĐỖ THỊ THÙY LAN
 - Cửa Nam và cửa Tây của Cốm thành Thăng Long thời Lý - Trần - Lê. Số 7 (411), tr. 34-52.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬN
 - Điểm qua tình hình nghiên cứu về Đại danh y Tuệ Tĩnh. Số 8 (412), tr. 30-38.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Nghiên cứu về Tuệ Tĩnh. Số 8 (412), tr. 39-52.
- TRẦN TRỌNG DƯƠNG
 - Từ vụ áp phe thương mại của thương điếm Anh đến chính sách cấm người Đàng Ngoài xuất dương của triều đình Lê - Trịnh năm 1693. Số 9 (413), tr. 13-25.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Nông sản hàng hóa ở Nam Bộ thế kỷ XVII-XVIII. Số 9 (413), tr. 26-33.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
 - Văn Đôn và vùng Đông Bắc dưới các triều Lý, Trần (thế kỷ XI-XIV). Số 10 (414), tr. 24-33.
- TRẦN THỊ THANH HUẾ
 - Đài quan thời Lê sơ. Số 10 (414), tr. 34-44.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- ĐÀO TỐ UYÊN
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- PHAN NGỌC HUYỀN
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- TRẦN THỊ THÁI HÀ
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- NGUYỄN TIẾN DŨNG
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- TRƯỜNG THỊ THU THẢO
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.
- ĐINH VĂN VIỄN
 - Tình hình ruộng đất khu vực hành cung Thiên Trường qua tư liệu địa bạ triều vua Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 11 (415), tr. 32-38.
 - Về quan hệ của Đại Việt và Chân Lạp thế kỷ XI-XVI. Số 11 (415), tr. 39-56.
 - Kinh tế công thương thời Mạc. Số 12 (416), tr. 3-18.
 - Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần. Số 12 (416), tr. 19-26.
 - Hệ thống chợ làng ở Thừa Thiên Huế dưới thời chúa Nguyễn. Số 12 (416), tr. 27-37.
 - Vài nét về tình hình ruộng đất của làng Cói Trì (Yên Mô, Ninh Bình) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 12 (416), tr. 38-46.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Nghề tằm tơ Nam Kỳ thời thuộc Pháp (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX). Số 1 (405), tr. 18-27.
- NGUYỄN NGỌC MÃO
 - Cuộc đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản trong các nhà tù thực dân thời kỳ 1932-1935. Số 1 (405), tr. 28-35.
- NGUYỄN DUY THỦY
 - Mấy nét về chính sách kinh tế, xã hội của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở Dak Lak trước ngày giải phóng. Số 1 (405), tr. 36-44.
- PHẠM VĂN LỰC
 - Vài nét về Chi bộ cộng sản Nhà ngục Sơn La (12/1939 - 8/1945). Số 2 (406), tr. 49-56.
- NGUYỄN NGỌC MÃO
 - Tác động của yếu tố bên ngoài đối với cao trào cách mạng 1930-1931 và Xô viết - Nghệ Tĩnh. Số 3 (407), tr. 44-51.
- PHẠM THỊ TUYẾT
 - Chính sách thuế của thực dân Pháp ở Thành phố Hải Dương từ năm 1892 đến 1945. Số 3 (407), tr. 61-76.

- ĐÌNH QUANG HẢI
 - Tổ chức hợp tác xã miền Nam Việt Nam trong vùng chính quyền Sài Gòn 1954-1975. Số 4 (408), tr. 11-21.
- LÊ ĐÌNH TRỌNG
 - Về những đóng góp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 4 (408), tr. 22-30.
- PHAN THỊ THOA
 - Hệ thống hầm - hào - địa đạo ở Vĩnh Linh trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 5 (409), tr. 13-18.
- NGUYỄN TIẾN LỰC
 - Việt Nam Quốc dân đảng trong thời kỳ thoái trào và biến chất (từ 1930-1954). Số 6 (410), tr. 3-17.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Tổ chức xã hội của người Mông ở Đồng Văn (Hà Giang) trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 6 (410), tr. 25-38.
- ĐÀM THỊ UYÊN
 - Sự chuyển biến về quy hoạch và diện mạo đô thị Hà Nội trong những thập kỷ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số 7 (411), tr. 60-70.
- PHÙNG THỊ SINH
 - Dấu ấn văn hóa của người Pháp ở Hà Nội. Số 7 (411), tr. 71-79.
- NGUYỄN THÙA HỶ
 - Từ Pác Bó đến Ba Đình: Những chặng đường thắng lợi của bản lĩnh, trí tuệ và chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Số 7 (411), tr. 80-91.
- PHẠM XANH
 - Nền kinh tế Việt Nam trong những năm khủng hoảng 1929-1935. Số 8 (412), tr. 16-29; Số 9 (413), tr. 34-47.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Đập Đồng Cam và những biến đổi kinh tế nông nghiệp Phú Yên (1929-1945). Số 9 (413), tr. 48-56.
- TẠ THỊ THÚY
 - Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự nghiệp văn hóa, giáo dục thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 10 (414), tr. 3-11; Số 11 (415), tr. 11-23.
- NGÔ MINH SANG
 - Tóm hiểu về tình hình ruộng đất và các hình thức bóc lột của địa chủ ở đồng bằng Bắc Bộ từ đầu thế kỷ XX đến trước cải cách ruộng đất. Số 10 (414), tr. 12-23.
- HỒ KHANG
 - Một vài nét về hương ước cải lương của huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Số 10 (414), tr. 45-55.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Nhân dân tỉnh Bắc Kạn với An toàn khu của trung ương ở Chợ Đồn trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 10 (414), tr. 56-62.
- NGUYỄN THỊ NGỌC MAI
 - Chính sách dinh diễn của chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam (1957-1963). Số 11 (415), tr. 24-31.
- NGUYỄN LAN DUNG
 - Tổ chức bộ máy chính quyền và chính sách quản lý đô thị của thực dân Pháp ở Thành phố Hải Dương (Giai đoạn 1923-1945). Số 12 (416), tr. 47-57.
- ÂU THỊ HỒNG THẨM
 - Nhìn lại con đường phát triển của các quốc gia Đông Á. Số 2 (406), tr. 3-19.
- TRẦN THỊ HÀ
 - Quan hệ kinh tế Mỹ - Nhật Bản 1931-1941. Số 5 (409), tr. 34-44.
- PHẠM THỊ TUYẾT
 - Việc giải quyết một số vấn đề then chốt trong quá trình bình thường hóa quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam. Số 5 (409), tr. 45-54.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN VĂN KIM
 - Văn minh và đế chế - Nhìn lại con đường phát triển của các quốc gia Đông Á. Số 2 (406), tr. 3-19.
- TRẦN THIỆN THANH
 - Quan hệ kinh tế Mỹ - Nhật Bản 1931-1941. Số 5 (409), tr. 34-44.
- VŨ THỊ THU GIANG
 - Việc giải quyết một số vấn đề then chốt trong quá trình bình thường hóa quan hệ Hoa Kỳ - Việt Nam. Số 5 (409), tr. 45-54.

- ĐÀO TUẤN THÀNH
 - Mối quan hệ giữa các quốc gia Bancampuchia trong thời gian giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1919-1939). Số 6 (410), tr. 39-51.
- TRẦN XUÂN HIỆP
 - Quan hệ an ninh - chính trị Việt Nam với Lào và Campuchia giai đoạn 1991 đến nay. Số 6 (410), tr. 52-60.
- VŨ DƯƠNG NINH
 - Nhìn lại quan hệ Pháp - Việt Nam - Trung Quốc qua các bản Hiệp ước cuối thế kỷ XIX. Số 8 (412), tr. 3-15.
- HOÀNG KHẮC NAM
 - Phân loại hệ thống quốc tế trong nghiên cứu lịch sử quan hệ quốc tế. Số 8 (412), tr. 53-61.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Cuộc khủng hoảng chính trị - xã hội ở Thái Lan và chính sách đối với Đông Nam Á của Tổng thống Mỹ Barack Obama. Số 9 (413), tr. 57-65.
- NGUYỄN THU MỸ
 - Hợp tác Nhật Bản - ASEAN trong xây dựng cộng đồng ASEAN. Số 11 (415), tr. 57-67.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN QUANG ÂN
 - Tình Vĩnh Phúc xưa và nay. Số 1 (405), tr. 70-82; Số 2 (406), tr. 61-73; Số 5 (409), tr. 55-64; Số 6 (410), tr. 61-65; Số 8 (412), tr. 62-73; Số 11 (415), tr. 71-76.
 - Giới thiệu bản Chỉ dụ - Ngự bút của vua Minh Mạng. Số 2 (406), tr. 57-60.
- LÊ THỊ TOÁN
VĨNH CAO
 - Báo cáo chi tiết liên quan đến vụ chiếm thành Hà Nội lần thứ hai 1882 của Henri Rivière - Một tài liệu có giá trị đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử Việt Nam thời cận đại. Số 7 (411), tr. 92-100.
- ĐÀO THỊ DIỄN
 - Những tấm bia gia phả ở di tích nhà thờ họ Đào, xóm Chợ, xã Cổ Loa. Số 10 (414), tr. 63-69.
- VŨ DUY MỀN
 - Thêm một tư liệu lịch sử về giành chính quyền tháng 8 năm 1945 ở Việt Nam. Số 11 (415), tr. 68-70.
- NGUYỄN VĂN KHOAN
 - Phụ chính đại thần Lê Trinh, danh nhân lịch sử mới được phát hiện. Số 12 (416), tr. 58-62.
- LÊ NGÂN
 - Phụ chính đại thần Lê Trinh, danh nhân lịch sử mới được phát hiện. Số 12 (416), tr. 58-62.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGUYỄN XUÂN CAO
 - Về đạo sắc phong đài Quang Trung tại Bảo tàng Nam Định. Số 3 (407), tr. 77-79.
- ĐỖ THỊ THÙY LAN
 - Tàu Grol năm 1637 vào Đàng Ngoài ở cửa sông nào?. Số 5 (409), tr. 65-81; Số 6 (410), tr. 65-75; Số 9 (413), tr. 66-75.

ĐỌC SÁCH

- ĐINH NHUẬN CHI
 - "Tú binh thực lục" - Một bộ sách về phong trào khởi nghĩa nông dân thế kỷ XVIII thời Lê-Trịnh. Số 2 (406), tr. 74-75.
- NGUYỄN THÙA HỶ
 - "Cố sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông". Số 4 (408), tr. 70-74.

- CHƯƠNG THÂU
- NGUYỄN VĂN KIM

- Giới thiệu tập sách "Nguyễn Công Trú trong lịch sử". Số 9 (413), tr. 76-80.
- Tìm về một vùng đất - Một số cảm nhận và suy nghĩ về cuốn sách "Nghiên cứu đô thị cổ Hội An" của GS.TS. Kikuchi Seiichi. Số 10 (414), tr. 70-74.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- TRẦN THỊ VINH

- Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử chủ nghĩa tư bản thế kỷ XX trong các trường đại học: Một cách tiếp cận mới. Số 8 (412), tr. 74-82.

- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
- LÊ THỊ KIM LOAN

- Sử dụng di tích lịch sử Tiền Giang trong dạy học lịch sử ở bậc Trung học phổ thông. Số 12 (416), tr. 63-66.

THÔNG TIN

- BÙI HÀ

- Hội thảo khoa học: "50 năm phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam: Những vấn đề lịch sử". Số 1 (405).

- M.N

- Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Viện Nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững và Lễ đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Số 1 (405).

- HỒNG HÀ

- Tọa đàm giới thiệu về cuốn sách *Rừng người Thương* của Henri Maitre. Số 1 (405).

- KHÁNH LINH

- Họp tác quốc tế về bảo tồn Hoàng thành Thăng Long. Số 1 (405).

- NGÔ VƯƠNG ANH

- Hội thảo khoa học: "Đảng Cộng sản Việt Nam - 80 năm xây dựng và phát triển". Số 1 (405).

- C.TIN

- Khủng hoảng tài chính toàn cầu: Những ảnh hưởng và đối sách của Việt Nam. Số 1 (405).

- ĐỖ NGÔN-XUYÊN

- Điểm sách. Số 1 (405).

- TẠP CHÍ NCLS

- Kính báo. Số 1 (405).

- P.V

- Phát hiện hai hũ sành đựng gần 80kg tiền cổ. Số 2 (406).

- MAI TRANG

- Phát hiện đĩa cổ 3.000 năm tuổi trong vườn hoa. Số 2 (406).

- Đ.D.H

- Điểm sách. Số 2 (406).

- P.V

- Hội thảo khoa học quốc tế: "Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga: Lịch sử, hiện trạng và triển vọng". Số 3 (407).

- C.TIN

- Hội thảo: Di sản văn hóa và giải pháp số hóa không gian di tích. Số 3 (407).

- Đ.D.H

- Điểm sách. Số 3 (407).

- P.V

- Bia Tiến sĩ được công nhận là Di sản Tư liệu thế giới. Số 4 (408).

- C.TIN

- Hội thảo quốc tế: Tạo dựng hoạt động kinh tế - xã hội phục vụ phát triển bền vững địa phương. Số 4 (408).

- P.V

- Hội thảo khoa học quốc gia: Di sản Lenin trong thế giới ngày nay và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Số 4 (408).

- Đ.D.H

- Điểm sách. Số 4 (408).

- TẠP CHÍ NCLS

- Kính báo. Số 4 (408).

- QUANG CƯỜNG

- Một nông dân Nhật được đồng tiền cổ cỡ lớn. Số 5 (409).

- PHÚ DUY
 - Phát hiện dấu tích vòng thành Thăng Long thời Lý-Trần tại tuyến đường giao thông Văn Cao-Hồ Tây đang thi công. Số 5 (409).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: Phát huy giá trị di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở ATK Việt Bắc - Thái Nguyên. Số 5 (409).
- HẢI CHÂU
 - Hiện vật điêu khắc Chăm đang bị thời gian đe dọa. Số 5 (409).
- LINH NAM
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày "Báu vật phương Đông - Cỗ vật chau Á". Số 5 (409).
- C.T
 - Hội thảo khoa học: Chiến thắng Núi Thành - Ý nghĩa và bài học lịch sử. Số 5 (409).
- ĐOÀN LOAN
 - Phục dựng án triện của Vua Quang Trung. Số 6 (410).
- THÁI AN
 - Khai quật ngôi mộ cổ trong Trường Tiểu học Phương Sơn (Khánh Hòa). Số 6 (410).
- C.T
 - Hội thảo khoa học: Phát triển nền báo chí Việt Nam cách mạng và chuyên nghiệp. Số 6 (410).
- P.V
 - Kỷ niệm 35 năm thành lập Viện Thông tin Khoa học xã hội và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba. Số 6 (410).
- MINH LONG
 - Trung Quốc khai quật hàng trăm binh lính đất sét. Số 6 (410).
- BẢO CHÂU
 - Bí mật khảo cổ trong chiếc quan tài nặng nửa tấn. Số 6 (410).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 6 (410).
- LUU QUỲNH
 - Tìm thấy mộc bản khắc *Chiếu dời đô* cổ nhất. Số 7 (411).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học: Phật giáo thời Lý với 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Số 7 (411).
- M.N
 - Hội thảo khoa học: Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Số 7 (411).
- C.TIN
 - Hội thảo khoa học: 80 năm công tác tuyên giáo của Đảng - Kinh nghiệm và Đổi mới. Số 7 (411).
- LINH NAM
 - Những phát hiện mới trong khai quật khảo cổ ở di tích Đình Tràng lần thứ 7. Số 8 (412).
- P.V
 - Lễ trao tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp khoa học xã hội". Số 8 (412).
- P.V
 - Hội thảo: "Thực trạng kết hợp nghiên cứu với đào tạo giữa các viện nghiên cứu và trường đại học thuộc khối khoa học xã hội ở Việt Nam hiện nay. Số 8 (412).
- T.H
 - Hội thảo quốc tế về "Bảo quản và phát huy giá trị các di sản tư liệu". Số 8 (412).
- P.V
 - Triển lãm ảnh "Hà Nội - Trái tim Tổ quốc". Số 8 (412).
- MINH HẰNG
 - Phát hiện mộ cổ cùng nhiều đồ tùy táng của một gia đình quyền quý ở Đăk Lăk. Số 8 (412).
- HÀ HƯƠNG
 - Phát hiện xương người cổ nhất Đông Nam Á. Số 8 (412).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Điểm sách. Số 8 (412).
- ĐOÀN LOAN
 - Hoàng thành Thăng Long được công nhận là Di sản Văn hóa thế giới. Số 9 (413).
- C.T
 - Hội thảo khoa học: "80 năm Xô viết Nghệ Tĩnh". Số 9 (413).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học: "Vương triều Mạc trong lịch sử Việt Nam. Số 9 (413).
- H.N.M
 - Hội thảo "Phương thức bảo tồn, tu bổ và tôn tạo di tích làng cổ ở Đường Lâm. Số 9 (413).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Hội thảo khoa học: "Thành phố Hồ Chí Minh hướng về 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội". Số 9 (413).

- P.V • Lễ công bố Bản đồ Hà Nội "Hoài Đức phủ toàn đồ". Số 9 (413).
- P.V • Triển lãm: Thành Hà Nội: Từ chuyển đổi đến phá hủy ở thế kỷ XX. Số 9 (413).
- NHẬT MINH • Phát hiện 20 di tích mộ táng tại Đinh Tràng. Số 9 (413).
- LINH NAM • Di tích dòng chảy cổ tại di chỉ Đinh Tràng. Số 9 (413).
- Đ.D.H • Hội thảo khoa học Quốc tế: Phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng vì hòa bình. Số 10 (414).
- ĐOÀN LOAN • Lễ khai mạc mở cửa trung tâm Hoàng thành Thăng Long. Số 10 (414).
- P.V • Triển lãm 10 trận chiến nổi tiếng trong lịch sử. Số 10 (414).
- ĐỖ HƯNG • Khánh thành Bảo tàng Hà Nội. Số 10 (414).
- CÚC ĐƯỜNG • Khai mạc trưng bày "Bảo vật hoàng cung". Số 10 (414).
- P.V • Ra mắt cuốn sách *Cố vật Việt Nam*. Số 10 (414).
- C.TIN • Hội thảo khoa học "Chiến thắng Biên giới Thu Đông 1950 - bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp". Số 10 (414).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN • Hội thảo quốc tế: Nghiên cứu và đào tạo nhân học ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi và hội nhập quốc tế. Số 10 (414).
- P.V • Tám khu vực tham quan trong Hoàng thành Thăng Long. Số 10 (414).
- P.V • Các cửa ô ở Kinh thành Thăng Long. Số 10 (414).
- NGÔ VƯƠNG ANH • Đại hội lần thứ VI Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 11 (415).
- C.TIN • Hội thảo khoa học: "Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam - Những chặng đường vẻ vang". Số 11 (415).
- LINH NAM • Lễ kỷ niệm 185 năm ngày sinh, 125 năm ngày mất danh nhân Phạm Thận Duật và Lễ trao Giải thưởng Sỹ học Phạm Thận Duật lần thứ 11 năm 2010. Số 11 (415).
- NGUYỄN KHA • Khai quật khu di tích đất nung ở Phú Yên. Số 11 (415).
- QUỐC ĐÔ - ANH THẾ • Chùa Vạn Niên 1.000 năm tuổi và Lễ an vị tượng Phật Ngọc. Số 11 (415).
- P.V • Đào được thùng tiền 100kg ở Nghệ An. Số 11 (415).
- Đ.D.H • Điểm sách. Số 11 (415).
- VIỆN SỬ HỌC • Vĩnh biệt Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Anh hùng Lao động Trần Văn Giàu.
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU Số 12 (416).
- LỊCH SỬ
- N.V.A • Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết tiếp đoàn Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 12 (416).
- C.TIN • Hội thảo khoa học: "Chùa Vĩnh Nghiêm - Bắc Giang và Thiền phái Trúc Lâm trong quá trình phát triển phật giáo ở Việt Nam". Số 12 (416).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN • Hội thảo khoa học: Đặng Xuân Bảng (1828-1910): Con người và sự nghiệp. Số 12 (416).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2009

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- ĐỖ DANH HUẤN

- Nghiên cứu về làng xã ở châu thổ Bắc Bộ trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1954-2008). Số 1 (393), tr. 63-79.

- TRÌNH MUÙ

- Cân đánh giá đúng về Quốc tế Cộng sản đối với cách mạng Việt Nam. Số 2 (394), tr. 59-67.

- PHẠM XUÂN NAM

- Cơ sở lý luận, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác về văn hóa và đời sống văn hóa của giai cấp công nhân. Số 5 (397), tr. 3-9.

- HOÀNG KHẮC NAM

- Nhận thức về chủ nghĩa khu vực. Số 5 (397), tr. 44-52.

- VŨ DƯƠNG NINH

- Việt Nam mở cửa và hội nhập nhìn từ kinh nghiệm thế kỷ XX. Số 6 (398), tr. 3-9.

- OLOV JANSÉ

- Việt Nam - Ngã tư các tộc người và các nền văn minh. Số 6 (398), tr. 10-21; số 7 (399), tr. 63-73.

- NGUYỄN THU MỸ

- Cộng đồng ASEAN trong nhận thức và quan điểm của Việt Nam. Số 6 (398), tr. 41-47.

- ĐINH XUÂN LÝ

- Quốc tế Cộng sản với quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Số 8 (400), tr. 3-11.

- PHẠM XUÂN NAM

- Kinh nghiệm đưa đổi thoại văn hóa vào hoạt động ngoại giao của ông cha ta trong lịch sử. Số 11 (403), tr. 3-17.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN QUANG NGỌC

- Góp phần nhận diện quê hương nhà Lý. Số 1 (393), tr. 3-14.

- NGUYỄN HẢI KẾ

- Về những đấng phi thường của triều đình Hoa Lư năm 979-980. Số 1 (393), tr. 15-19.

- ĐÀO DUY ANH

- Phố Lở - Khu định cư đầu tiên của người Tàu ở Thừa Thiên. Số 1 (393), tr. 50-62.

- PHAN HUY LÊ

- Khởi nghĩa Mai Thúc Loan - Những vấn đề cần xác minh. Số 2 (394), tr. 3-20.

- VĂN TẠO

- Tổ chức và thực hiện nhiệm vụ "Giám sát và phản biện xã hội" của Nhà nước Việt Nam trong lịch sử. Số 2 (394), tr. 21-28; số 3 (395), tr. 14-23; số 4 (396), tr. 13-25.

- ĐINH XUÂN LÂM

- Lại Thế Vinh (?-1578) với thời đại của ông. Số 2 (394), tr. 29-34.

- NGUYỄN VĂN KIM

- Đại Việt trong bối cảnh lịch sử, chính trị Đông Á thế kỷ XV. Số 2 (394), tr. 33-45; số 3 (395), tr. 24-29.

- NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

- Chức năng cựu sự của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ X-XIV. Số 2 (394), tr. 46-58; số 3 (395), tr. 24-29.

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI

- Vì sao điện trang Lê sơ ít có cơ hội phát triển. Số 3 (395), tr. 30-36.

- HÀ MẠNH KJHOA

- Vài nét về sự hình thành làng xã ở vùng đồng bằng sông Mã. Số 3 (395), tr. 37-46.

- UEDA SHINYA
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiến" trong Vương phủ. Số 3 (395), tr. 48-56.
- VŨ DUY MỀN
 - Làng xã thời Trần. Số 4 (396), tr. 36-42.
- ĐÀO TỐ UYÊN
 - Khai hoang ven biển ở Nam Định thời Lê sơ - Qua nghiên cứu trường hợp khai hoang ở Quận Anh, huyện Hải Hậu (1485-1511). Số 4 (396), tr. 36-43.
- TRẦN VĂN KIÊN
 - Tình hình ruộng đất ở Nà Lữ (Hòa An-Cao Bằng) nửa đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 6 (398), tr. 30-40.
- NGUYỄN THỊ HẢI
 - Một cách nhìn từ biển - Bối cảnh vùng duyên hải miền Bắc và Trung Việt Nam. Số 7 (399), tr. 14-28; số 8 (400), tr. 60-67.
- LI TANA
 - Văn hóa Hội An thời kỳ các chúa Nguyễn. Số 7 (399), tr. 29-38.
- TỐNG QUỐC HƯNG
 - Bước đầu tìm hiểu về sách *Chuyết công ngũ lục*, một di sản Hán Nôm quý giá mới phát hiện. Số 7 (399), tr. 39-45.
- ĐÀM CHÍ TÙ
 - Dấu ấn Việt hóa trong Nho giáo thời Trần. Số 8 (400), tr. 26-32.
- ĐỖ THỊ HƯƠNG THẢO
 - Tính hệ thống và quy mô của Văn Đôn: Nhận thức về vai trò và vị thế của một thương cảng. Số 9 (401), tr. 3-19.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Lịch sử quan hệ Việt Nam - Trung Quốc thế kỷ XIX - Thể chế triều cống, thực và hư. Số 9 (401), tr. 20-29; số 10 (402), tr. 7-15.
- YU INSUN
 - Tình hình ruộng đất ở huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang qua tư liệu địa bạ Gia Long 4 (1805). Số 9 (401), tr. 30-39.
- ĐÀM THỊ UYÊN
 - Quan hệ thương mại của Đàng Trong với người Hoa thế kỷ XVI-XVIII. Số 9 (401), tr. 40-45.
- NGUYỄN THỊ HÀ
 - Về một số thủ lĩnh An Nam thời thuộc Đường. Số 9 (401), tr. 46-58; số 10 (402), tr. 57-61.
- NGUYỄN TRỌNG VĂN
 - Lược khảo về thư viện công Việt Nam thời phong kiến. Số 9 (401), tr. 59-69; số 10 (402), tr. 62-69.
- MAI PHƯƠNG NGỌC
 - Bàn thêm về quê hương họ Khúc trên đất Hồng Châu. Số 10 (402), tr. 16-28.
- PHẠM LÊ HUY
 - Thư tịch, truyền thuyết, di tích về quê hương, gia đình của Lý Công Uẩn. Số 10 (402), tr. 29-45.
- NGUYỄN TÔ LAN
 - Phạm Đình Trọng với sự tồn vong của triều đình Lê - Trịnh giữa thế kỷ thứ XVIII. Số 11 (403), tr. 19-23.
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Về gốc/nguồn của Lý Công Uẩn (Qua danh hiệu "Hiển Khánh vương" và Gốc người Mân". Số 12 (404), tr. 3-9.
- NGUYỄN NGỌC PHÚC
 - Thêm vài suy nghĩ về Nguyễn Trường Tộ và những điều trần của ông. Số 12 (404), tr. 10-17.
- VĂN TẠO
 - Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Số 12 (404), tr. 18-30.
- NGUYỄN HẢI KẾ
 - Xung quanh chuyến đi của Pierre Poivre tới Đàng Trong giữa thế kỷ XVIII. Số 12 (404), tr. 36-47.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Số 12 (404), tr. 18-30.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Số 12 (404), tr. 18-30.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
 - Xung quanh chuyến đi của Pierre Poivre tới Đàng Trong giữa thế kỷ XVIII. Số 12 (404), tr. 36-47.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- DAE-YEONG YOUN
 - Nhận thức về Đông Á của trí thức Việt nam vào "Thời kỳ quá độ" - Tập trung phân tích về ý thức liên đới và chủ nghĩa dân tộc tự vị. Số 1 (393), tr. 39-49.
- LÊ QUỲNH NGA
 - Quá trình thực thi cuộc cách mạng ruộng đất ở Thanh Hóa trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 2 (394), tr. 68-78.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Quan hệ thương mại Việt Nam - châu Á từ thế kỷ XIX đến năm 1945. Số 3 (395), tr. 3-13; số 4 (396), tr. 26-31.
- NGUYỄN NGỌC CƠ
HOÀNG HẢI HÀ
 - Bước đầu tìm hiểu tình hình tài chính tiền tệ ở miền Nam Việt Nam (1954-1975). Số 4 (396), tr. 3-13.
- NGUYỄN TRỌNG VĂN
 - Quan điểm của Nguyễn Trường Tộ về con đường cứu nước ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XX. Số 4 (396), tr. 32-35.
- DUY THỊ HẢI HƯỜNG
 - Về công tác giáo dục ở Khu tự trị Việt Bắc trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội (1956-1965). Số 4 (396), tr. 50-59.
- HỒ KHANG
 - Vài nét về đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Số 5 (397), tr. 10-19.
- VĂN NGỌC THÀNH
PHẠM ANH
 - Quan hệ giữa Nhật Bản và Chính quyền Việt Nam cộng hòa từ 1955 đến 1965. Số 5 (397), tr. 20-31.
- ĐÀO NHẬT KIM
 - Khởi nghĩa Lê Thành Phương ở Phú Yên (1885-1887). Số 6 (398), tr. 22-29.
- NGUYỄN VĂN TRÍ
 - Quan hệ Trung - Pháp trong việc giải quyết vấn đề Đông Dương tại Hội nghị Geneva năm 1954. Số 6 (398), tr. 48-59.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Nghề tằm tơ Nam Kỳ thời thuộc Pháp (1911-1925). Số 7 (399), tr. 3-14; số 8 (400), tr. 33-46.
 - Vài nét về vận chuyển hàng hóa quá cảnh giữa Hồng Kông và Vân Nam qua đường sông Hồng từ 1889 đến 1899 (Qua báo cáo của Sở Thuế quan và đốc quyền Đông Dương. Số 7 (399), tr. 46-53.
- LÊ TRUNG DŨNG
 - Về vị trí của cuộc chiến đấu của quân và dân Thủ đô (12-1946 - 2-1947) trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Số 8 (400), tr. 12-19.
 - Bàn thêm về một số cuộc đồng khởi ở cục Nam Trung Bộ (1959-1960). Số 8 (400), tr. 20-25.
 - Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908 - Quá trình phát triển và các đặc điểm. Số 10 (402), tr. 3-6.
 - Hoạt động khai thác mỏ kim loại của tư bản Pháp ở Thái Nguyên. Số 10 (402), tr. 46-56.
- NGUYỄN ĐÌNH LÊ
PHẠM THỊ HỒNG HÀ
 - Vài nét về nông nghiệp Mỹ Tho - Gò Công từ năm 1954 đến 1975. Số 11 (403), tr. 24-31.
- CHU ĐÌNH LỘC
 - Phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam ở Cộng hòa Liên bang Đức. Số 11 (403), tr. 32-41.
- ĐINH XUÂN LÂM
 - Phong trào chống ép di cư cuối năm 1954 đầu năm 1955 tại miền Bắc Việt Nam. Số 11 (403), tr. 42-49.
- HÀ THỊ THU THỦY
 - Hoạt động khai thác mỏ kim loại của tư bản Pháp ở Thái Nguyên. Số 10 (402), tr. 46-56.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
TRẦN THỊ THANH HUẾ
 - Vài nét về nông nghiệp Mỹ Tho - Gò Công từ năm 1954 đến 1975. Số 11 (403), tr. 24-31.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Phong trào hòa bình, phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam ở Cộng hòa Liên bang Đức. Số 11 (403), tr. 32-41.
- NGUYỄN VĂN KHOAN
 - Vài nét về nông nghiệp Mỹ Tho - Gò Công từ năm 1954 đến 1975. Số 11 (403), tr. 24-31.

- LÊ THỊ HƯƠNG • Vài nét về đội ngũ công nhân mỏ thiếc ở Cao Bằng thời Pháp thuộc. Số 11 (403), tr. 50-59.
- TRẦN VĂN THÚC • Viện Dân biểu Trung Kỳ với hoạt động đấu tranh đòi thay đổi pháp luật ở
- ĐẬU ĐỨC ANH Trung Kỳ trong những năm 1926-1930. Số 12 (404), tr. 48-53.
- NGUYỄN TẤT THẮNG • Bàn thêm về phong trào chống thuế ở Hà Tĩnh năm 1908. Số 12 (404), tr. 66-72.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- PHẠM XUÂN NAM • 50 năm phát triển kinh tế - xã hội của nước Cộng hòa Cuba dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Số 1 (393), tr. 20-27.
- VĂN NGỌC THÀNH • Những thành tựu của cải cách kinh tế-xã hội ở Cộng hòa Cuba từ 1993 đến nay. Số 1 (393), tr. 28-37.
- NGUYỄN THANH TUẤN
- LUÔNG THỊ THOA • Một số tác động tích cực của chính sách thực dân Tây Ban Nha ở Trung và
- PHẠM THỊ THANH HUYỀN Nam Mỹ. Số 4 (396), tr. 60-67.
- ĐỖ THỊ HẠNH • Sự phát triển nhận thức của Úc về châu Á. Số 7 (399), tr. 54-62.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Quá trình xác lập quyền lực của những người cộng sản Nam Tư trong những
- năm 30-40 của thế kỷ XX. Số 8 (400), tr. 47-59.
- NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN • Một số đánh giá của giới sử học thế giới về "Chiến tranh lạnh". Số 11 (403), tr. 60-70.
- VŨ THỊ THU GIANG • Về viện trợ của Mỹ cho Việt Nam từ năm 1995 đến nay. Số 11 (403), tr. 71-78.
- ĐỖ THANH BÌNH • Nền chuyên chính dân chủ cách mạng Jacobin - đỉnh cao của Cách mạng
- NGUYỄN THỊ HUYỀN SÂM Pháp. Số 12 (404), tr. 31-35.
- ARTURO GIRÁLDEZ • Philippin và toàn cầu hóa lần đầu tiên. Số 12 (404), tr. 54-65.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN MINH TUỜNG • Vị trí thang mộc áp của Linh Từ Quốc mẫu Trần Thị Dung, phu nhân Thái
- sư Trần Thủ Độ. Số 3 (395), tr. 67-75.
- NGUYỄN THÙA HỶ • Những thương nhân Hà Lan đầu tiên đến Đà Nẵng Ngoài và Kẻ Chợ năm 1837.
- Số 4 (396), tr. 68-79; số 5 (397), tr. 57-66.
- LÊ HUY TUẤN • Về nội dung bức thư: "Thư của đại biểu Nguyễn gửi Toàn quyền Đông
- Đương ngày 20-2-1909". Số 5 (397), tr. 53-56.
- NGUYỄN THU HOÀI • Lịch sử khởi dựng Chùa Thầy qua tư liệu minh chuông thời Lý. Số 6 (398), tr. 60-68.
- NGUYỄN VĂN TIẾN • Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer với đường sắt Đông Dương. Số 6 (398), tr. 69-74.
- NGUYỄN VĂN TRƯỜNG • Thư của Ban chỉ huy ở ngoài gửi các xứ ủy và tất cả đảng bộ. Số 7 (399), tr. 74-76.
- NGUYỄN VĂN KHOAN • Báo *L'Âne Annamite (Hòn Việt Nam)* và bài viết ký tên Nguyễn Ái Quốc
- năm 1927. Số 8 (400), tr. 68-72.
- NGUYỄN THỊ THU HÀ

- PHAN THUẬN AN • Tờ châu bản thời Bảo Đại khẳng định Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Số 9 (401), tr. 70-71.
- LUU THỊ PHƯƠNG LOAN • Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp ở Việt Nam (1900-1957). Số 9 (401), tr. 72-79.
- VŨ DUY MỀN
NGUYỄN HỮU TÂM • Bài văn bia viết về Phan Đình Phùng của cố Viện trưởng Viện Sử học Trần Huy Liệu. Số 10 (402), tr. 70-73.

ĐỌC SÁCH

- LÊ SƠN • Một cuốn sách gây chấn động dư luận. Số 3 (395), tr. 76-79.
- HOÀNG ANH TUẤN • "So sánh nhận thức của Lê Văn Hưu và Ngô Sĩ Liên về lịch sử Việt Nam" qua cách nhìn của Giáo sư sử học Yu Insun. Số 5 (397), tr. 67-73.
- ERIC TAGLIACOZZO • "Silk for silver: Dutch - Vietnamese relations, 1637-1700". Số 10 (402), tr. 74-77.

THÔNG TIN

- TUẤN TÚ • Hội thảo khoa học quốc tế: "Giao lưu kinh tế - văn hóa lưu vực sông Hồng lần thứ II - 2008". Số 1 (393).
- Đ.D.H • Hội thảo quốc tế: Lịch sử - Văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc. Số 1 (393).
- BÙI HÀ • Hội thảo khoa học: "Hoàng Xuân Hãn - Con người và sự nghiệp". Số 1 (393).
- P.V • Giới thiệu sách "Đại Nam Quốc ngữ". Số 2 (394).
- BÙI HÀ • Lễ tưởng niệm Phạm Khắc Hồi. Số 2 (394).
- BÙI HÀ • Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 720 năm ngày sinh của Danh nhân văn hóa Nguyễn Trung Ngan (1289-2009)". Số 2 (394).
- VIỆT NGUYỄN • Phát hiện viên đá có hình khắc ở Hòa Bình. Số 2 (394).
- CHÍ HIẾU • Trục vớt con tàu cổ dưới đáy sông Hồng tại địa bàn tỉnh Hưng Yên. Số 3 (395).
- T.N.C • Những di tích văn hóa tiền sử đã được phát hiện và nghiên cứu trên hòn đảo Vân Đồn. Số 3 (395).
- LINH NAM • Kết quả thám sát khảo cổ học di tích Mả Tre. Số 3 (395).
- BÙI HÀ • Thư viện Quốc gia kỷ niệm 55 năm chiến thắng Điện Biên Phủ. Số 4 (396).
- P.V • Về một văn bia ở tháp Mỹ Sơn. Số 4 (396).
- P.V • Những thành đất đắp hình tròn mới được phát hiện ở Bình Phước. Số 4 (396).
- Đ.D.H - ĐỖ NGÔN XUYÊN • Điểm sách. Số 4 (396).
- BÙI HÀ • Triển lãm "Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quảng Đông". Số 5 (397).
- P.V • "Hòa thượng Tuệ Tạng - Thích Tâm Thi (1889-1959): Vị thượng thủ đầu tiên của Giáo hội Tăng già Việt Nam". Số 5 (397).
- Đ.P • "Cải cách mở cửa Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam: Chia sẻ kinh nghiệm và ý tưởng phát triển trong điều kiện khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Số 5 (397).
- LINH NAM • Lễ công bố "Tổng tập nghìn năm văn hiến Thăng Long". Số 5 (397).
- NHẬT HẠ • 200 cổ vật thời Trung cổ trở về Hy Lạp. Số 5 (397).

- P.V
 - Thêm một bài thơ khắc trên đá của vua Lê Thái Tổ. Số 5 (397).
- QUANG CHÂN
 - Tư liệu Hán Nôm tại đền làng Xuân Thụ. Số 6 (398).
- P.V
 - Hội thảo Thái học Việt Nam lần thứ V. Số 6 (398).
- P.V
 - Thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội. Số 6 (398).
- BÙI HÀ
 - Trung bày: "Đường 9: Cơ hội và thách thức". Số 6 (398).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 6 (398).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt PGS. Cao Văn Lượng. Số 7 (399).
- HỮU NGHĨA
 - Kết quả khai quật khảo cổ học tại địa điểm chùa tháp Tường Long lần thứ Ba. Số 7 (399).
- HOÀNG HIỆP
 - Phòng dựng, tôn tạo tháp Tường Long và chùa Tháp (Hải Phòng). Số 7 (399).
- P.V
 - Hội thảo đào tạo tiếng Hàn theo tiêu chuẩn quốc tế: Cơ hội học tiếng Hàn theo chuẩn quốc tế tại Việt Nam. Số 7 (399).
- LINH NAM
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày: "Sa huỳnh: 100 năm phát hiện và nghiên cứu". Số 7 (399).
- P.V
 - Hội thảo khoa học về phương án tôn tạo phần mộ các chiến sĩ trong vụ "Hà Thành đầu độc". Số 7 (399).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt GS. Phan Ngọc Liên. Số 8 (400).
- BÙI HÀ
 - Hội thảo khoa học "Họ Trịnh và những di sản văn hóa thời Lê-Trịnh tại Hải Phòng". Số 8 (400).
- P.V
 - Hà Nội đề cử 82 bia Tiến sĩ là Di sản tư liệu thế giới. Số 8 (400).
- T.P
 - Khai mạc lễ hội "Những ngày giao lưu văn hóa Việt Nam - Nhật Bản" tại Hội An. Số 8 (400).
- P.V
 - Hội thảo khoa học "40 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số 8 (400).
- P.V
 - Triển lãm "Cụm di tích lịch sử - văn hóa Ba Đình, 40 năm giữ gìn và phát huy di sản văn hóa Hồ Chí Minh". Số 8 (400).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Trao tặng Giáo sư Trần Văn Giàu Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng. Số 8 (400).
- P.V
 - Ra mắt cuốn sách về Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Số 8 (400).
- HÀ VY
 - Hà Tĩnh phát hiện 110 đạo sắc phong cổ. Số 9 (401).
- C.TIN
 - Hội nghị kỷ niệm 10 năm Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo ra số đầu tiên (26/8/1999 - 26/8/2009). Số 9 (401).
- P.V
 - Giới thiệu 24 ấn phẩm về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số 9 (401).
- M.N
 - Thị dân và nông dân Bắc Bộ đầu thế kỷ 20: Sự kiện và hành động. Số 9 (401).
- P.V
 - Giới thiệu nội dung bộ sách Tổng tập Nghìn năm Văn hiến -Thăng Long. Số 9 (401).
- L.Q
 - Đề nghị hoàn táng vua Lê Dụ Tông tới địa điểm cũ. Số 9 (401).
- Đ.D.H
 - Điểm sách. Số 9 (401).
- M.N
 - Viện Thông tin Khoa học xã hội đón nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Số 10 (402).

- LÊ THÙY LINH
 - Hội thảo khoa học: "Đóng các Đại học sĩ Lê Nhân Quý-Danh nhân lịch sử thời Lê sơ". Số 10 (402).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - Hội nghị Thông báo Những phát hiện mới về khảo cổ học lần thứ 44 (năm 2009). Số 10 (402).
- B.T
 - Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Tạp chí Ngôn ngữ. Số 10 (402).
- MAI TÚ
 - Bảo tàng tỉnh Nam Định trưng bày hàng nghìn di vật thời Trần mới phát hiện. Số 10 (402).
- NGÔ QUANG DŨNG
 - Xây dựng khu tưởng niệm Vương triều Mạc. Số 10 (402).
- P.V
 - Triển lãm làng nghề truyền thống Hà Nội. Số 10 (402).
- C.TIN
 - Điểm sách. Số 10 (402).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt PGS. TS. Nguyễn Đình Lê. Số 11 (403).
 - Hội thảo khoa học "Đại tướng Đoàn Khuê - Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng". Số 11 (403).
 - Khởi công đúc tượng đài Thánh Gióng. Số 11 (403).
 - Hội thảo "Văn hóa tôn giáo trong bối cảnh toàn cầu hóa". Số 11 (403).
 - Hội thảo khoa học: "Quân tình nguyện và Chuyên gia quân sự Việt Nam giúp Lào - Biểu tượng tình đoàn kết đặc biệt, liên minh chiến đấu Việt - Lào". Số 11 (403).
- BÙI HÀ
 - Trưng bày: "Âm nhạc cổng chiêng Tây Nguyên: Ánh lưu trữ tại Pháp". Số 11 (403).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Chúc mừng các nhà sử học được Nhà nước phong tặng chức danh Phó Giáo sư. Số 11 (403).
- THU HẰNG
 - Hội thảo quốc tế: "Xây dựng và thống nhất đất nước ở Việt Nam và Đức giai đoạn 1500-2000". Số 11 (403).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: 1.000 năm vương triều Lý và Kinh đô Thăng Long. Số 12 (404).
 - Hội thảo khoa học: Xác định danh xưng Nghi Lộc. Số 12 (404).
- BẠCH DƯƠNG
 - Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh giới thiệu những "báu vật thiêng" của Yên Tử. Số 12 (404).
- QUỐC ĐÔ
 - Lễ chúc mừng các nhà khoa học của Viện khoa học xã hội Việt Nam được công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư đợt năm 2009. Số 12 (404).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Lễ trao tặng Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 10 (năm 2009). Số 12 (404).
- P.V
 - Đại hội Hội Tiên sử Ấn Độ-Thái Bình Dương lần thứ 19. Số 12 (404).
- Đ.D.H
 - Hội thảo: Cơ sở khoa học cho phát triển vùng trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam. Số 12 (404).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - Kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Viện Nghiên cứu Văn hóa. Số 12 (404).
 - Hội nghị Thông báo Văn hóa năm 2009. Số 12 (404).
 - Hội thảo Quốc tế: "Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: kinh nghiệm và triển vọng". Số 12 (404).
- C.TIN
 - Điểm sách. Số 12 (404).
- P.V
 - Điểm sách. Số 12 (404).
- P.V
 - Điểm sách. Số 12 (404).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2008

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- HOÀNG KHẮC NAM
- NGUYỄN VĂN NHẬT
- VŨ THỊ THU GIANG
- LUÔNG NINH
- ĐỖ HOÀI NAM
- VĂN TẠO
- LUÔNG NINH

- Chủ nghĩa khu vực trong lịch sử. Số 5 (385), tr. 59-71.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào thi đua yêu nước. Số 6 (386), tr. 3-9.
- Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ Mỹ ở Việt Nam từ năm 1995 đến nay. Số 7 (387), tr. 49-60.
- Nam Á và Nam Đảo. Số 8 (388), tr. 3-12.
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam 55 năm xây dựng và phát triển. Số 11+12 (391+392), tr. 3-11.
- Tập san *Văn Sử Địa*. Số 11+12 (391+392), tr. 12-14.
- Nam Á và Nam đảo thảo luận về người Nam Á. Số 11+12 (391+392), tr. 15-21.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- ĐỖ THỊ THÙY LAN
- LÊ THỊ TOÁN
- NGUYỄN THÙA HỶ
- YU INSUN
- NGỌC TUYẾN - VŨ HIỆP
- PHẠM XUÂN NAM
- LUÔNG NINH
- DIỆP ĐÌNH HOA
- NGUYỄN HỮU TÂM
- CHOI BYUNG WOOK
- ĐỖ HƯƠNG THẢO - VŨ THỊ MINH THẮNG
- HUỲNH CÔNG BÁ
- VŨ ĐƯỜNG LUÂN
- ĐẶNG ĐÚCAN

- Vùng cửa sông Đồng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII: Batsha và mối liên hệ với quê hương nhà Mạc. Số 1 (381), tr. 21-32; số 2 (382), tr. 42-48.
- Kinh đô Huế với tuyến phòng thủ trung tâm. Số 1 (381), tr. 33-46.
- Cộng đồng cư dân đô thị và văn hóa thị dân Thăng Long - Kẻ Chợ thế kỷ XVII-XVIII. Số 2 (382), tr. 3-18.
- Hành tích của Lý Long Tường, hậu duệ vương triều Lý, Việt Nam. Số 2 (382), tr. 19-30.
- Về dòng họ Phí ở Việt Nam. Số 2 (382), tr. 31-41.
- Thủ hóa Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa, sáng tạo Thiền Trúc Lâm Yên Tử của Đại Việt. Số 3 (383), tr. 3-12.
- Cát Tiên trong lịch sử vùng. Số 3 (383), tr. 13-19.
- Khô Đoay - Lịch que tre Mường và những ký hiệu đầu tiên của chữ viết Mường. Số 3 (383), tr. 30-37.
- Quá trình hình thành Quốc sử quán triều Nguyễn. Số 3 (383), tr. 38-46.
- Ngoại thương Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XIX từ tay người Hoa chuyển qua người Việt. Số 3 (383), tr. 47-52.
- Trường thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ - Trường thi Nam Định. Số 4 (384), tr. 11-19; số 5 (385), tr. 48-58.
- Bàn về “Loại hình khẩn hoang Thuận - Quảng”. Số 4 (384), tr. 28-38.
- Dấu tích cảng bến - thương mại và đặc điểm kinh tế, tín ngưỡng vùng hạ lưu sông Thái Bình thế kỷ XVII - XVIII (Qua các kết quả khảo sát thực địa và tư liệu văn bia). Số 5 (385), tr. 25-34; số 6 (386), tr. 50-58.
- Các dòng họ Đặng (Đặng Đại Tôn) lập nghiệp ở Hành Thiện (xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định). Số 5 (385), tr. 35-39.

- ĐƯƠNG VĂN SÁU
 - Hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam. Số 5 (385), tr. 40-47.
- TRẦN THỊ VINH
 - Thiết chế bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010-1225). Số 6 (386), tr. 40-49.
 - Tình hình ruộng đất khu vực thành Tây Đô (Qua một số địa bạ thời Minh Mạng). Số 6 (386), tr. 59-65.
- NGUYỄN THỊ THÚY
 - Cau hỏi của Lê Lợi năm 1428 và triều đình Lê Sơ trong giai đoạn 1428-1459 (Bài học thời hậu chiến). Số 7 (387), tr. 3-12.
 - Tình hình cúng ruộng vào chùa dưới thời Trần thế kỷ XIII-XIV (Qua tư liệu văn bia). Số 7 (387), tr. 13-22.
- NGUYỄN HÀI KẾ
 - Quan hệ giữa Việt Nam và Thái Lan trong lịch sử. Số 8 (388), tr. 32-46.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Vị trí của Việt Nam trong hệ thống thương mại Biển Đông thời Cổ Trung đại. Số 9+10 (389+390), tr. 3-16.
 - Con đường Thiên lý. Số 9+10 (389+390), tr. 17-29; số 11+12 (391+392), tr. 77-82.
 - Phương thức tuyển dụng quan lại cho Bộ máy chính quyền nhà nước thời Lý (1010-1225). Số 9+10 (389+390), tr. 30-38.
 - Vài phác họa về không gian khu vực phố cổ Hà Nội giữa thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 11+12 (391+392), tr. 22-31.
- SONG JUNG NAM
 - Chính trị và Nho giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX trường hợp triều vua Tự Đức (1847-1883). Số 11+12 (391+392), tr. 32-44.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
- NGUYỄN THANH LỢI
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
- TRẦN THỊ VINH
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
- VŨ VĂN QUÂN
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.
- YOSHIHARU TSUBOI-
NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG
(Dịch)
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.
- NGUYỄN HỮU TÂM
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.
- UEDA SHINYA
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.
- NGUYỄN MINH TƯỜNG
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.
- VŨ DUY MỀN
 - Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử triều Nguyễn của các học giả Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Số 11+12 (391+392), tr. 45-55.
 - Bộ máy tài chính của chính quyền Lê-Trịnh thế kỷ XVIII qua việc phân tích "Lục phiên" trong Vương phủ. Số 11+12 (391+392), tr. 56-64.
 - Bàn về nhân cách văn hóa - chính trị của Hồ Quý Ly. Số 11+12 (391+392), tr. 65-72.
 - Vũ Trinh - Vũ Trinh-Người câu cá ao làng Xuân Lan. Số 11+12 (391+392), tr. 73-78.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- PHẠM XANH -
NGUYỄN ĐÌU HƯƠNG
 - Hội Bắc Kỳ công thương đồng nghiệp và *Hữu Thanh tạp chí* với vấn đề bảo vệ quyền lợi của giới tư sản Việt Nam. Số 1 (381), tr. 10-20.
- PIERRE ASSELIN -
NGUYỄN VĂN KIM, -
NGUYỄN MẠNH DŨNG và thành tựu của cách mạng Việt Nam. Số 1 (381), tr. 47-55.
(Dịch)
- NGUYỄN THỊ THANH
HƯƠNG
 - Phong trào chống thuế ở Bình Định năm 1908. Số 2 (382), tr. 49-53.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - 40 năm vụ sau vụ thảm sát Mỹ Lai - Lật lại hồ sơ một tội ác chiến tranh của quân đội Mỹ tại Việt Nam. Số 3 (383), tr. 20-29.
- NGUYỄN NGỌC CƠ -
NGUYỄN THỊ HƯƠNG
 - Quá trình thăm dò, khai thác và chế biến quặng kim loại ở Cao Bằng thời Pháp thuộc. Số 3 (383), tr. 53-61; số 4 (384), tr. 20-27.

- NGUYỄN VĂN KHÁNH • Dấu ấn Tôn Trung Sơn ở Việt Nam. Số 4 (384), tr. 3-10.
- LÊ MẬU HÂN • Hồ Chí Minh khởi đầu việc xây dựng nền giáo dục quốc dân Việt Nam. Số 5 (385), tr. 3-10.
- PHAN TRỌNG BÁU • Nhìn lại hai cuộc cải cách giáo dục (1906 và 1927) ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 5 (385), tr. 11-24.
- ĐINH XUÂN LÝ • Đường lối đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2006. Số 6 (386), tr. 10-17.
- PHAN NGỌC LIÊN-
TRƯỜNG CÔNG HUỲNH KỲ • Lê Tựu Khiết với phong trào chống sưu thuế ở Quảng Ngãi năm 1908. Số 6 (386), tr. 18-24.
- TRẦN VIẾT NGHĨA • Hoạt động chấn hưng thực nghiệp của tư sản Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 7 (387), tr. 23-33.
- ĐINH XUÂN LÂM • Đông Lĩnh Dương Phượng Dực (1897-1958) - Nhà báo lão thành giàu tâm huyết. Số 8 (388), tr. 13-15.
- NGUYỄN NGỌC MÃO • Đồng bào Công giáo Nga Sơn và Tịnh Gia (Thánh Hóa) trong cuộc kháng chiến chống Pháp, bảo vệ hậu phương. Số 8 (388), tr. 16-25.
- NGÔ ĐĂNG TRI • Lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa, thắng lợi lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 8 (388), tr. 26-31.
- NGUYỄN THỊ THANH
HƯƠNG • Vai trò của Mặt trận Việt Minh trong phong trào đấu tranh cách mạng giành chính quyền ở Bình Định năm 1945. Số 8 (388), tr. 47-53.
- TRƯỜNG VĂN BÍNH • Những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Nghệ An - Xiêng Khoảng (1991-2005). Số 8 (388), tr. 54-63.
- ĐÀO THỊ DIỄN • Giáo dục Hà Nội thời Pháp thuộc qua tài liệu lưu trữ. Số 9+10 (389+390), tr. 39-49.
- VŨ THỊ HÒA • Khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở Hà Nội thời Pháp thuộc. Số 9+10 (389+390), tr. 50-61.
- VŨ QUANG HIỂN-
TRẦN VIẾT NGHĨA • Tình thân dân tộc trong cải cách giáo dục ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số 11+12 (391+392), tr. 83-92.
- TRẦN THANH HƯƠNG • Tìm hiểu quá trình hình thành giai cấp tư sản Việt Nam. Số 11+12 (391+392), tr. 93-97.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- LUÔNG NINH • ASEAN thống nhất trong đa dạng - Hiện trạng và triển vọng. Số 1 (381), tr. 3-9.
- NGUYỄN THU MỸ • ASEAN và hợp tác ASEAN + 3. Số 2 (382), tr. 54-65.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Về nước đại Rumani (România Mare, 1918-1940). Số 3 (384), tr. 62-78.
- NGUYỄN THÁI YÊN
HƯƠNG • Tác động của nhân tố lịch sử và văn hóa đối với vấn đề mở rộng quyền lực của nước Mỹ. Số 4 (384), tr. 39-51.
- TRẦN THIỆN THANH • Hoạt động của Nhật Bản ở Mãn Châu và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn Mỹ - Nhật Bản (1905 - 1930). Số 4 (384), tr. 52-61.
- NGUYỄN VĂN KIM • Dấu ấn cổ sơ của các xã hội Đông Nam Á. Số 6 (386), tr. 25-39.
- TRẦN HIỆP • Quan hệ Nga - Nhật từ nửa cuối thế kỷ XIX đến kết thúc Chiến tranh lạnh. Số 6 (386), tr. 66-74.
- LÊ TRUNG DŨNG • Thủ nhrin lại đường lối Cải tổ Tháng Bảy năm 1987 của Đảng Cộng sản Bungari. Số 7 (387), tr. 34-48.

- ĐỖ THANH BÌNH -
NGHIÊM THỊ HÀI YẾN
- NGUYỄN THÁI YÊN
HƯƠNG
- ĐẶNG XUÂN KHÁNG
- MIKI SAKURABA -
NGUYỄN TIẾN DŨNG
(Dịch)
- ĐÀO TUẤN THÀNH
- Máy văn đề về cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Lào giai đoạn 1893-1945. Số 9+10 (389+390), tr. 62-70.
- Lịch sử văn minh Mỹ theo cách lý giải của các học thuyết về lịch sử và văn hóa của các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ học. Số 9+10 (389+390), tr. 71-79.
- Vấn đề xây dựng bộ máy Nhà nước hiện đại ở Nhật Bản dưới chính quyền Minh Trị. Số 9+10 (389+390), tr. 80-86.
- Đô sứ Nhật Bản xuất khẩu đến Việt Nam và Đông Nam Á thế kỷ XVII. Số 9+10 (389+390), tr. 87-96.
- Vấn đề phương Đông trong quan hệ quốc tế ở châu Âu vào thập niên 70 của thế kỷ XIX. Số 11+12 (391+392), tr. 98-108.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỞNG

- VŨ DƯƠNG NINH
- ĐÀO TỐ UYÊN
- Về Chương trình lịch sử từ lớp 4 đến lớp 12 - Một số mối quan hệ cần làm rõ. Số 4 (384), tr. 62-65.
- Tình hình giảng dạy phần *Lịch sử Việt Nam* thế kỷ XV trong các trường trung học phổ thông hiện nay. Số 7 (387), tr. 61-64.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHỈNH SỬ LIỆU

- PHAN THANH HẢI
- YOSHIMOTO YASUKO -
CHU XUÂN GIAO
- LÊ TRUNG DŨNG
- LÊ HUY TUẤN
- PHẠM HỒNG TUNG
- Những văn thư trao đổi giữa chính quyền Lê-Trịnh với Nhật Bản thế kỷ XVII. Số 1 (381), tr. 59-73.
- Tổng thuật và giới thiệu thư mục giản yếu về lịch sử nghiên cứu Champa/Chăm của người Việt Nam. Số 2 (382), tr. 66-72.
- Hoạt động của phái đoàn Pháp về hoạch định biên giới Bắc-Kỳ - Trung Quốc tại Lào Cai năm 1886. Số 4 (384), tr. 66-75.
- Tuyển phòng thủ của nhà Mạc. Số 7 (387), tr. 65-67.
- "Hồ Chí Minh và cuộc chiến tranh ở Việt Nam" trong hồi tưởng của Khrushchev. Số 9+10 (389+390), tr. 97-103.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- ĐỖ THỊ THÙY LAN
- Về sự tồn tại của thương điếm Hà Lan ở Phố Hiến thế kỷ XVII. Số 8 (388), tr. 64-75.

ĐỌC SÁCH

- HOÀNG HỒNG
- NGUYỄN VIỆT HOÀNG
- CHƯƠNG THÂU
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
- ĐOÀN THỊ HÒA
- "Một số vấn đề lý luận sử học". Số 1 (381), tr. 74-76.
- "Lịch sử nhìn từ quan điểm sinh thái học: Nền văn minh Nhật Bản trong bối cảnh thế giới" - Một cách nhìn độc đáo về Nhật Bản và văn minh thế giới. Số 2 (382), tr. 73-80.
- *Viết sử yếu* và tác giả của nó. Số 5 (385), tr. 72-79.
- "Xuyên quốc gia và đa chủng tộc đầu thời Nguyễn Ánh - Gia Long" -Thêm một góc nhìn về lịch sử Việt Nam cuối thế kỷ XVIII - đầu XIX. Số 7 (387), tr. 68-79, 64.
- Langlois Ch., Seignobos Ch. và vấn đề phương pháp nghiên cứu lịch sử. Số 11+12 (391+392), tr. 109-113.

THÔNG TIN

- TIẾN LÊ
 - . Hội thảo khoa học: "Nguyễn Biểu - một sĩ phu yêu nước, một sứ thần can trường, bất khuất". Số 1 (381).
- BẠCH DƯƠNG
 - . Hội thảo khoa học: "Thân thế, sự nghiệp, tượng đài Vua Lê Đại Hành và Thái hậu Dương Văn Nga". Số 1 (381).
- ĐINH QUANG HẢI
 - . Hội thảo khoa học: "Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968". Số 1 (381).
- N.V.A
 - . Hội thảo khoa học: "Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh". Số 1 (381).
- ĐỖ QUANG
 - . Lễ kỷ niệm và Hội thảo khoa học về Thượng thư Lương Quy Chính (1907 - 2007). Số 1 (381), tr. 79.
- Đ.D.H
 - . Điểm sách. Số 1 (381).
- L.N
 - . Hội thảo khoa học Quốc gia: "Kỷ niệm 160 năm Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản". Số 2 (382).
- LINH NAM
 - . Hội thảo khoa học: "Quan hệ Việt Nam - Iran: Lịch sử và triển vọng". Số 2 (382).
- P.V
 - . Thông báo Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ III với Chủ đề "Việt Nam: Hội nhập và Phát triển". Số 2 (382).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - . Điểm sách. Số 2 (382).
- LINH NAM
 - . Hội thảo khoa học: "Quản lý và phát triển Thăng Long - Hà Nội". Số 3 (383).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - . Hội thảo khoa học: "Nghiên cứu, xác minh tư liệu và di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh thời kỳ 1890 - 1911". Số 3 (383).
- L.N
 - . Hội thảo khoa học: "Thực trạng việc dạy và học lịch sử trong trường phổ thông - nguyên nhân và giải pháp". Số 3 (383).
- GILLES DE GANTÈS
 - . Hội thảo khoa học: "Việt Nam - Thời điểm Duy tân, 1905-1908". Số 4 (384).
- LINH NAM
 - . Hội thảo khoa học: "Nguyễn Hiệu - Nguyễn Hoàn danh nhân lịch sử thế kỷ XVII - XVIII". Số 4 (384).
- P.V.
 - . Khánh thành Khu Di tích đặc biệt quốc gia đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải. Số 4 (384).
- L.N.
 - . Bảo tàng Lịch sử Việt Nam khai mạc phòng trưng bày chuyên đề: "Ấn tượng Champa: Sưu tập cổ vật Champa Bình Định". Số 4 (384).
- P.V.
 - . Hội thảo khoa học: Kỷ niệm 190 năm ngày sinh của Karl Marx. Số 5 (385).
- L.N.
 - . Triển lãm Nghệ thuật điêu khắc Phật giáo châu Á từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX. Số 5 (385).
- LINH NAM
 - . Hội thảo khoa học: "Thân thế, sự nghiệp và hình thức tưởng niệm Hoàng hậu Lê Ngọc Hân". Số 5 (385).
- VĂN MẠNH
 - . Hội thảo khoa học quốc tế: "Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam" và Lễ ra mắt cuốn sách: "Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam". Số 5 (385).
- PTH
 - . Hội thảo khoa học Tây Sơn - Thuận Hóa và Anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ - Quang Trung. Số 6 (386).
- P.V.
 - . Giới thiệu Dự án hợp tác Việt - Pháp: "*Mạng lưới xã hội ở nông thôn miền Bắc Việt Nam*". Số 6 (386).
- KHÁNH LAN
 - . Hội thảo: "Người dân nông thôn trong quá trình Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa". Số 6 (386).
- VIỆT HÀ
 - . Phát hiện chiếc Trống đồng Đông Sơn 2.000 tuổi tại Lâm Đồng. Số 7 (387).
- P.V
 - . Bộ sưu tập đàm đá lớn nhất được đưa về trưng bày tại Bảo tàng Lâm Đồng. Số 7 (387).

- VĨNH LINH
 - . Khánh thành tượng đài chiến thắng Khe Sanh tại Quảng Trị. Số 7 (387).
- VĂN MẠNH
 - . Hội thảo khoa học: "Thương cảng Vân Đồn: Lịch sử, tiềm năng kinh tế và các mối giao lưu văn hóa". Số 7 (387).
- ĐINH QUANG HẢI
 - . Lễ công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia "địa điểm nhà máy in tiền tại đồn điền Chi Nhè". Số 8 (388).
- BẠCH DƯƠNG
 - . Hội thảo khoa học Tướng quân Phạm Ngũ Lão và lễ hội đền Phù Ủng. Số 8 (388).
- Đ.D.H
 - . Hội thảo khoa học Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ: Tình hình nghiên cứu và phương pháp tiếp cận. Số 8 (388).
- N.V.A
 - . Hội thảo kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/2008). Số 8 (388).
- TƯỞNG MINH
 - . Hội thảo khoa học Quốc tế: "Quan hệ Việt - Hàn trong lịch sử". Số 8 (388).
- QUANG HẢI
 - . Hội thảo khoa học "Phùng Chí Kiên - Người Cộng sản mẫu mực, kiên trung, nhà chính trị - quân sự song toàn". Số 8 (388).
- P. V
 - . Thành lập Hội Khảo cổ học Việt Nam. Số 9+10 (389+390).
- LÊ QUANG CHẨN
 - . Hội thảo khoa học: "Xây dựng tượng đài Hoàng Thái hậu Ý Lan". Số 9+10 (389+390).
- LINH NAM
 - . Hội thảo khoa học: "Đông Triều với lịch sử nhà Trần". Số 9+10 (389+390).
- ĐỖ HUẤN
 - . Hội nghị Thông báo Những phát hiện mới về Khảo cổ học lần thứ 43 năm 2008. Số 9+10 (389+390).
- B.D
 - . Hội thảo khoa học: "Trịnh Sâm: Cuộc đời và sự nghiệp". Số 9+10 (389+390).
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - . Hội thảo khoa học chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ 16 đến thế kỷ 19. Số 9+10 (389+390).
- NGUYỄN LỆ HÀ
 - . Tưởng niệm Thi sĩ Nguyễn Nhược Pháp. Số 9+10 (389+390).
- LÊ BẠCH DƯƠNG
 - . Hội thảo khoa học Võ Khắc Triển - Tiến sĩ Nho học cuối cùng của Việt Nam. Số 9+10 (389+390).
- DANH HUẤN
 - . Hội thảo Khoa học Quốc tế: Nhận diện giá trị Khu Di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004 - 2008). Số 11+12 (391+392).
- P.V.
 - . Hội thảo khoa học: Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông cuộc đời và sự nghiệp. Số 11+12 (391+392).
- LINH NAM
 - . Đại lễ tưởng niệm 700 năm mất của Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông. Số 11+12 (391+392).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - . Lễ trao Giải thưởng Sứ học Phạm Thận Duật lần thứ 9 năm 2008. Số 11+12 (391+392).
- Đ.D.H
 - . Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ III: Việt Nam Hội nhập và Phát triển. Số 11+12 (391+392).
- NGUYỄN PHÚ
 - . Lễ kỷ niệm 55 năm thành lập Viện Khoa học xã hội Việt Nam và đón nhận Huân chương Sao Vàng. Số 11+12 (391+392).
- P.C.
 - . Tọa đàm khoa học: Những phát hiện khảo cổ học mới ở Đông Anh (Hà Nội) và vấn đề quê hương nhà Lý. Số 11+12 (391+392).
- HÀO NAM
 - . Đào tạo sau đại học của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Số 11+12 (391+392).

MỤC LỤC
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2007
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- | | |
|--|---|
| - LUÔNG NINH | • Phương Đông - phương Tây và Đông phương học. Số 3 (371), tr. 3-8. |
| - VŨ TUYẾT LOAN | • 40 năm quan hệ Việt Nam - Campuchia: Nhìn lại và triển vọng. Số 6 (374), tr. 66-73. |
| - TÀ NGỌC LIỄN | • Sử học Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX và những đặc điểm của nó. Số 8 (376), tr. 11-20. |
| - NGUYỄN VĂN KHÁNH
TRƯỜNG BÍCH HẠNH | • Phác qua tình hình nghiên cứu phong trào Duy Tân ở Việt Nam. Số 9 (377), tr. 9-16. |
| - NGUYỄN VĂN KIM
NGUYỄN MẠNH DŨNG | • Truyền thống và hoạt động thương mại của người Việt - Thực tế lịch sử và nhận thức. Số 8 (376), tr. 21-37; số 9 (377), tr. 42-54. |
| - ĐỖ THANH BÌNH | • Bốn mươi năm ASEAN: Thành tựu về an ninh - chính trị. Số 12 (380), tr. 3-9. |

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- | | |
|---|--|
| - ĐỖ BANG | • Triều Nguyễn: Thiết chế tập quyền và các chế tài điều tiết cực quyền. Số 1 (369), tr. 42-53; số 2 (370), tr. 45-53. |
| - HOÀNG ANH TUẤN | • Hải cảng miền Đông Bắc và hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII (qua các nguồn tư liệu phương Tây). Số 1 (369), tr. 54-64; số 2 (370), tr. 54-63. |
| - LÊ THỊ TOÁN | • Kinh đô Huế với tuyến phòng thủ từ xa. Số 2 (370), tr. 64-71; số 3 (371), tr. 58-69. |
| - TRƯỜNG VĨNH KHANG | • Tìm hiểu tư tưởng của Lê Thánh Tông về pháp luật. Số 3 (371), tr. 50-57. |
| - NGUYỄN VĂN KIM | • Vị trí của Phố Hiến và Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVI-XVII (Tư liệu lịch sử, điều tra dien dã và khảo cổ học). Số 4 (372), tr. 20-34. |
| - NGUYỄN VĂN CẨN | • <i>Phủ biên tạp lục</i> - Bộ địa chí tiêu biểu về xứ Thuận - Quảng. Số 4 (372), tr. 49-54. |
| - NGÔ VĂN DOANH | • Thành Chà Bàn - Niên đại và mô hình. Số 5 (373), tr. 35-42. |
| - NGUYỄN THỊ THÚY | • Về mối quan hệ giữa họ Trịnh - họ Nguyễn qua gia phả họ Đỗ (huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Số 5 (373), tr. 43-48. |
| - NGUYỄN QUANG NGỌC
NGUYỄN THÙA HỶ | • Quá trình hình thành, biến chuyển và những nét đặc trưng của kinh tế hàng hóa Thăng Long - Hà Nội giai đoạn trước Cận đại. Số 6 (374), tr. 3-15. |
| - NGUYỄN QUANG NGỌC | • Domea (Đô-mê-a) trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII. Số 10 (378), tr. 3-19. |
| - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
NGUYỄN TIẾN DŨNG | • Về các mối giao thương của quốc gia Đại Việt thời Lý, Trần (thế kỷ XI-XIV). Số 7 (375), tr. 23-37. |
| - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI | • Vai trò của đô thị Thiên Trường đối với Kinh đô Thăng Long thời Trần. Số 12 (380), tr. 36-43. |

- PHẠM XUÂN NAM
 - Quá trình xây dựng Quốc triều hình luật hay Luật hình triều Lê, xét từ góc độ đa dạng văn hóa và đối thoại giữa văn hóa Đại Việt và văn hóa Trung Hoa thời Trung đại. Số 8 (376), tr. 3-10.
- LÂM MINH CHÂU
- NGUYỄN THỊ THÚY
 - Thành Tây Đô và những biến đổi của vùng đất Vĩnh Lộc xưa. Số 9 (377), tr. 63-68.
- J.BROWN
 - Nghệ thuật Chăm, lịch sử Chăm, lịch sử Champa và không gian quần đảo về chính trị, văn hóa. Số 10 (378), tr. 20-25.
- ĐÀM CHÍ TỬ
 - Cuộc đời và hoạt động của ngài Chuyết Công Hòa thương tại Việt Nam (Trên cơ sở sử liệu và sách Chuyết Công ngũ lục mới phát hiện). Số 10 (378), tr. 26-36; số 11 (379), tr. 48-56.
- NGUYỄN PHƯỚC BẢO ĐÀN
 - Thành Lối ở Huế: Từ vị trí tọa lạc đến bối cảnh Thuận Hóa buổi đầu (Những tư liệu thư tịch và diền dã). Số 10 (378), tr. 37-49.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
- PHAN HUY LÊ
 - Qua di tích văn hóa Óc Eo và thư tịch cổ thử nhận diện nước Phù Nam. Số 11 (379), tr. 3-14.
- TRƯƠNG THỊ YẾN
 - Triều Nguyễn với việc điều chỉnh giá lương thực nửa đầu thế kỷ XIX. Số 11 (379), tr. 40-47.
- TRẦN THỊ VINH
 - Nhà nước Lê-Trịnh đối với nền kinh tế ngoại thương ở thế kỷ XVI-XVIII. Số 12 (380), tr. 25-35.
- NGUYỄN MINH TƯỜNG
 - Tiến sĩ Trương Quốc Dụng và sách "Thoái thực ký văn". Số 12 (380), tr. 52-55.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- ĐÌNH XUÂN LÝ
 - Về chủ trương xây dựng quan hệ đối tác trong quan hệ quốc tế của Việt Nam (1986-2006). Số 1 (369), tr. 3-9.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
 - Chiến thắng Ấp Bắc (1963) trong sự phát triển của cách mạng miền Nam Việt Nam. Số 1 (369), tr. 10-19.
- SHAUN KINGSLEY MALARNEY
 - Bệnh tật, sức khỏe và y học ở Việt Nam từ 1919 đến 1930. Số 1 (369), tr. 29-41.
- ĐÌNH XUÂN LÂM
 - Những hoạt động của Việt Nam Quang phục hội trên địa bàn Hà Nội đầu thế kỷ XX. Số 2 (370), tr. 3-6.
- ĐÌNH XUÂN LÂM
 - Đông Kinh Nghĩa Thục - Ngôi trường kiểu mới đầu thế kỷ 20, điểm son của giáo dục Việt Nam. Số 9 (377), tr. 3-8.
- CHƯƠNG THÂU
 - Từ Khánh Ứng Nghĩa Thục ở Nhật Bản đến Đông Kinh Nghĩa Thục ở Việt Nam. Số 2 (370), tr. 7-14.
- TRẦN VIẾT NGHĨA
 - Trí thức Hà Nội với công cuộc duy tân và giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XX. Số 2 (370), tr. 15-24.
- LÊ CUNG
 - Phong trào đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Sư phạm Huế năm 1963. Số 2 (370), tr. 25-31.

- PHAN NGỌC LIÊN
 - Nguồn tài lực của Pháp trong chiến tranh xâm lược Việt Nam (1945-1954). Số 2 (370), tr. 32-38.
- TẠ THỊ THÚY
 - Sự phát triển của ngành dịch vụ vận tải trong những năm 20 của thế kỷ XX. Số 2 (370), tr. 39-44.
- TẠ THỊ THÚY
 - Công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ hai của người Pháp (1919-1930). Số 6 (374), tr. 31-37; số 7 (375), tr. 38-43.
 - Hoàng đế Bảo Đại từ sau cuộc đảo chính Nhật - Pháp (9-3-1945) tới lễ thoái vị (30-8-1945). Số 3 (371), tr. 9-18.
 - Tìm hiểu thêm về triết lý giáo dục của Trường Đông Kinh Nghĩa Thục. Số 9 (377), tr. 24-33.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Tìm hiểu chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 3 (371), tr. 19-26.
- LÊ QUỲNH NGA
 - Phác thảo tình hình nghiên cứu Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam hơn 60 năm qua. Số 4 (372), tr. 3-8.
- VÕ VĂN BÉ
 - Liên kết “4 nhà”: Nhà nước, nhà nông, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp trong nông nghiệp, nông thôn Việt Nam hiện nay. Số 4 (372), tr. 9-19.
 - Nhà tư sản Đỗ Đình Thiện - Một nhân sĩ trí thức yêu nước có nhiều công hiến cho cách mạng. Số 8 (376), tr. 56-62.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam. Số 5 (373), tr. 3-10.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Chuyển biến kinh tế của huyện Định Hóa - Thái Nguyên (1986-2004). Số 5 (373), tr. 11-17.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG
 - Về sở hữu, sử dụng và sai phạm trong quản lý đất đai ở Việt Nam từ khi đổi mới. Số 5 (373), tr. 18-27.
- NGUYỄN DUY TIẾN
 - Về sự chuyển hướng chiến lược đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới. Số 6 (374), tr. 16-22.
- NGUYỄN VĂN SỦU
 - Nhìn lại cuộc cải cách ruộng đất ở Hải Phòng - Kiến An. Số 6 (374), tr. 23-30.
- ĐINH XUÂN LÝ
 - Vài nét về chuyển biến của thủy nông Bắc Trung Kỳ thời thuộc Pháp. Số 6 (374), tr. 38-44.
- NGUYỄN VĂN KHOAN
 - Đường Hồ Chí Minh - Một biểu tượng của tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 7 (375), tr. 3-9.
- TRẦN VŨ TÀI
 - Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Hà Nội - Hai mươi năm nhìn lại (1986-2006). Số 7 (375), tr. 10-22.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Đông Kinh Nghĩa Thục - Tiếp cận từ phương diện văn hóa tư tưởng. Số 8 (376), tr. 38-46.
- TRẦN THỊ TUỞNG VÂN
 - Đường Hồ Chí Minh - Một biểu tượng của tình đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 7 (375), tr. 3-9.
- PHẠM XANH
 - Quốc dân đọc báo của Đông Kinh Nghĩa Thục gương chiếu hậu nền khoa cử Nho học Việt Nam. Số 9 (377), tr. 17-23.
- NGUYỄN HUY CÁT
 - Công cuộc xây dựng củng cố bộ máy hành chính ở Hà Nội và một số địa phương miền Bắc thời kỳ 1955-1960. Số 8 (376), tr. 47-55.
- NGUYỄN HÀI KẾ
 - Hệ thống chính quyền Thành phố Hà Nội thời Pháp thuộc và vai trò của nó
- ĐÀO THỊ DIỄN
 - Quốc dân đọc báo của Đông Kinh Nghĩa Thục gương chiếu hậu nền khoa cử Nho học Việt Nam. Số 9 (377), tr. 17-23.

- trong quản lý và phát triển đô thị. Số 9 (377), tr. 34-41.
- NGUYỄN QUANG HỒNG . Tìm hiểu những biến động về dân cư ở Nghệ An từ 1885-2005. Số 11 (379), tr. 57-64.
 - NGUYỄN ĐÌNH LÊ . Tết Mậu Thân 1968 với chính trường Washington. Số 12 (380), tr. 10-15.
 - LÊ TRUNG DŨNG . Vài nét về vấn đề chủ quyền đối với vùng đất Nam Bộ vào những thập niên giữa thế kỷ XIX. Số 12 (380), tr. 16-24.
 - NGUYỄN VĂN THƯỞNG . Vài nét về cuộc biểu tình chống thuế ở Phú Yên năm 1908. Số 12 (380), tr. 56-60.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN HỒNG QUÂN • Hoạt động của lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hiệp quốc tại Campuchia (từ 11/1991 - 9/1993). Số 1 (369), tr. 20-28.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM • Các nhân tố tác động đến quan hệ Việt Nam - Lào từ 1975 đến 2005. Số 3 (371), tr. 27-35.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯỞNG • Thịnh vượng kinh tế và đặc điểm văn hóa Mỹ. Số 3 (371), tr. 36-49.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯỞNG • Chính sách an ninh, đối ngoại của Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương những năm đầu thế kỷ XXI. Số 10 (378), tr. 58-70.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG • Về hoạt động thương mại của Công ty Đông Án Pháp ở Siam trong nửa sau thế kỷ XVII. Số 4 (372), tr. 35-48.
- NGUYỄN HỮU TÂM • Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của sứ quán Trung Quốc. Số 5 (373), tr. 28-34.
- NGUYỄN TRINH NGHIỆU • Cu Ba “Thời kỳ đặc biệt trong hòa bình” (1990-2005). Số 5 (373), tr. 49-54.
- NGUYỄN THU MỸ • Đông Nam Á trong chiến lược toàn cầu của Mỹ sau sự kiện 11-9-2001. Số 5 (373), tr. 55-65.
- SONG JEONG NAM • Kết quả tham chiến Việt Nam của Hàn Quốc: Chủ yếu về mặt kinh tế. Số 6 (374), tr. 45-52.
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Vấn đề lãnh thổ trong quan hệ Rumani - Nga những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Số 6 (374), tr. 53-65.
- NGUYỄN CẨM HUỆ • Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ từ 1945 đến nay - Thành tựu, kinh nghiệm và vấn đề đặt ra. Số 7 (375), tr. 44-49.
- PHÙNG THỊ HUỆ • Một số kinh nghiệm trong phòng chống tham nhũng ở Trung Quốc. Số 9 (377), tr. 55-62.
- DƯƠNG VĂN HUY • Nhìn lại chính sách “Hải cấm” của nhà Minh (Trung Quốc). Số 10 (378), tr. 71-78; số 11 (379), tr. 65-72.
- NGUYỄN VĂN KIM • Thuyên mành Đông Nam Á đến Nhật Bản thế kỷ XVII-XVIII. Số 11 (379), tr. 15-25; số 12 (380), tr. 44-51.
- HOÀNG ANH TUẤN • Góm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII - Tư liệu và nhận thức. Số 11 (379), tr. 26-39.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỞNG

- LÊ CUNG
 - Bàn về “Phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963” trong giáo trình “Lịch sử Việt Nam hiện đại” ở bậc đại học và cao đẳng. Số 1 (369), tr. 65-71.
- HÀ MINH HỒNG
 - Mấy ý kiến về sự kết hợp giảng dạy Lịch sử Việt Nam với Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Số 4 (372), tr. 55-57.
- YAMAMOTO YASUSHI
 - Về chương trình “Thực hành phương pháp giáo dục tiên tiến nước ngoài” của Đại học Tokyo. Số 6 (374), tr. 74-79.
- NGUYỄN THỊ CÔI
 - Hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông: Thực trạng và giải pháp. Số 7 (375), tr. 50-58.
- ĐINH CÔNG TUẤN
 - Những thay đổi của thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991) và tác động của nó đến việc giảng dạy bộ môn Lịch sử Thế giới bậc đại học hiện nay. Số 12 (380), tr. 61-73.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHỈNH SỬ LIỆU

- VŨ DUY MỀN
 - Một số tư liệu Hán Nôm ở miếu thôn Phú liên quan đến gia đình Trần Quốc Tuấn. Số 1 (369), tr. 72-81.
- NGUYỄN ĐÌNH HƯNG
 - Về tấm bia ở chùa Nga Mi (huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên). Số 2 (370), tr. 72-76.
- NAKAMURA RIE
CHU XUÂN GIAO
 - Tổng thuật và giới thiệu thư mục giản yếu về lịch sử nghiên cứu Champa/Chăm của người Âu-Mỹ. Số 3 (371), tr. 70-75.
- NAKAMURA RIE
 - Giới thiệu thư mục nghiên cứu về Champa. Số 4 (372), tr. 58-63.
- BÙI VĂN VIỆT
 - Di tích thờ tổ nghề kim hoàn ở Thành phố Hồ Chí Minh. Số 5 (373), tr. 66-71.
- PHAN THANH HẢI
 - Về những văn thư trao đổi giữa chúa Nguyễn và Nhật Bản thế kỷ XVI-XVII. Số 7 (375), tr. 59-68.
- NGUYỄN QUANG HỒNG
HOÀNG THỊ MINH THU
 - Nơi tể cờ và nơi yên nghỉ của An Nam Đại lão Tướng quân Trần Tấn. Số 7 (375), tr. 69-72.
- NGUYỄN VĂN KHOAN
 - Về hoạt động của “Hội tương trợ và văn hóa những người Đông Dương tại Paris”. Số 8 (376), tr. 72-76.
- BÙI THỊ THU HÀ
 - “Kế hoạch Phụng hoàng” trong âm mưu bình định miền Nam của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Số 9 (377), tr. 69-77.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- PHẠM XANH
 - Khoảng trống lịch sử và trách nhiệm của các nhà sử học trẻ. Số 3 (371), tr. 76-80.
- NGUYỄN THỊ OANH
 - Vài suy nghĩ về bài viết “Phan Thúc Trực có phải là tác giả của *Quốc sử di biên*. Số 4 (372), tr. 64-77.
- NGUYỄN THÙA HỶ
 - Phải chăng chúa Trịnh Tráng đã từng gửi thư cho Giáo hoàng Vatican? Số 8 (376), tr. 77-80.
- NGUYỄN ANH HUY
 - Về số tiền Minh Vương biếu Hòa thượng Thạch Liêm để trùng tu Trường Thọ am. Số 10 (378), tr. 79-81.

ĐỌC SÁCH

- ĐINH XUÂN LÂM

• “Địa chí huyện Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa”. Số 11 (379), tr. 73-76.

THÔNG TIN

- P.C

• Hội thảo khoa học: “Hoàng Nghị đại vương và việc bảo tồn, tôn tạo khu di tích lịch sử - văn hóa Phương La”. Số 1 (369).

- PHAN THANH HẢI

• Lễ công bố giải thưởng sách Việt Nam lần thứ 2 năm 2006. Số 1 (369).

- ĐINH QUANG HẢI

• Tọa đàm khoa học: “Nhà máy in tiền đầu tiên của Chính quyền Cách mạng tại Khu di tích Đồn điền Chi Nê Hòa Bình. Số 1 (369).

- P.V

• Hội thảo khoa học: “Văn hóa phương Đông - Truyền thống và hội nhập”. Số 1 (369).

- M.A

• Hội nghị thông báo Dân tộc học 2006. Số 1(369).

- Đ.Q.H

• Hội thảo khoa học: “Thân thế và sự nghiệp của hai chí sĩ cách mạng Phạm Hoàng Triết và Phạm Hoàng Luân với phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX”. Số 1 (369).

- P.V

• Hội thảo quốc tế “Hợp tác kinh tế Việt Nam - Đài Loan trong bối cảnh hội nhập kinh tế Đông Á”. Số 1 (369).

- P.H.T

• Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã tổ chức buổi nói chuyện về Nhã nhạc và âm nhạc truyền thống. Số 1 (369).

- T.H

• Triển lãm hình ảnh APEC và Ngày hội Di sản Văn hóa Việt Nam. Số 1 (369).

- P.V

• Lễ trao giải thưởng Cố đô về Khoa học và Công nghệ lần thứ nhất năm 2006. Số 1 (369).

- PHƯƠNG CHI

• Trao đổi khoa học: Vấn đề ruộng đất trong lịch sử Trung đại Việt Nam. Số 1 (357).

- N.V.A

• Hội thảo khoa học: Đồng chí Trường Chinh - Nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam. Số 2 (370).

- Đ.D.H

• Hội thảo thông báo: Những kết quả nghiên cứu mới về Hoàng thành Thăng Long. Số 2 (370).

- P.V

• Hội thảo khoa học: “Beyond Teleologies: Alternative Voices & Histories in Colonial Vietnam”. Số 2 (370).

- P.C

• Khai mạc phòng trưng bày: Cố vật đặc sắc Quảng Tây, Trung Quốc. Số 2 (370).

- ĐỖ HUẤN

• Ngày hội tre trúc khu vực sông Mêkông. Số 2 (370).

- N.V.A

• Hội thảo khoa học: “Lê Duẩn - Nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam”. Số 3 (371).

- P.C

• Hội thảo khoa học: “Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu (1377-2007)”. Số 3 (371).

- P.V

• Dự án “Hỗ trợ tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam” tổng kết hoạt động năm 2006. Số 3 (371).

- P.V

• Hội thảo khoa học: “Chính sách phát triển khoa học xã hội, cơ chế hoạt động và quản lý khoa học xã hội: Thực trạng và những vấn đề đặt ra”. Số 3 (371).

- P.V

• Nhật Bản tài trợ 78.488 USD cho Viện Khảo cổ học. Số 3 (371).

- L.T.C

• Đại học Huế kỷ niệm 50 năm thành lập (1957-2007). Số 4 (372).

- LÊ TIẾN CÔNG

• Khoa Lịch sử - Trường Đại học Huế kỷ niệm 50 năm thành lập (1957-2007). Số 4 (372).

- P.V • Hội thảo quốc tế: “Hướng tới quan hệ hợp tác toàn diện Nga - ASEAN trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI”. Số 4 (372).
- SONG NGUYỄN • Hội thảo khoa học quốc tế: “Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII”. Số 4 (372).
- LINH NAM • Hội thảo khoa học: “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng quân đội nhân dân Việt Nam”. Số 5 (373).
- L.T.C • Hội thảo khoa học: “50 năm Bác Hồ về thăm quê hương Nghệ An (1957-2007)”. Số 5 (373).
- N.V.A • Hội thảo: Kỷ niệm 117 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số 5 (373).
- Đ.D.H • Triển lãm tài liệu lưu trữ: Chủ tịch Hồ Chí Minh với Trung Quốc. Số 5 (373).
- Đ.N.X • Lễ tiếp nhận sách của GS. Đặng Nghiêm Vạn. Số 5 (373).
- P.C • Tọa đàm khoa học: Kỷ niệm 100 năm Đông Kinh Nghĩa Thục. Số 5 (373).
- NGUYỄN HỒNG KIÊN • Khu Di tích đền Nam Giao ở Đốn Sơn thời nhà Hồ. Số 5 (373).
- H.K • Các di vật ở đền Nam Giao thời nhà Hồ. Số 5 (373).
- P.V • Hội thảo nhóm công tác Tiểu vùng sông Mêkông mở rộng. Số 6 (374).
- H.V.K • Tiên Tây Sơn ở thương cảng Đề Di (Bình Định). Số 6 (374).
- ĐINH BÁ HÒA • Về niên đại của thương cảng Nước Mặn. Số 6 (374).
- P.V • Hội thảo đánh giá tác động của điện khí hóa của nông thôn Việt Nam. Số 6 (374).
- TẠP CHÍ NCLS • Chúc mừng GS.NGND Vũ Dương Ninh tròn 70 tuổi. Số 7 (375).
- ĐINH QUANG HẢI • Hội thảo khoa học Quốc tế: “Tình đoàn kết đặc biệt, Liên minh chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa Lào và Việt Nam”. Số 7 (375).
- N.V.A • Hội thảo khoa học: “Đồng chí Nguyễn Văn Cừ với cách mạng Việt Nam và công nhân mỏ Quảng Ninh”. Số 7 (375).
- P.V • Tỉnh Bắc Ninh: Kỷ niệm 95 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ. Số 7 (375).
- N.V.A • Tọa đàm khoa học: “Đồng chí Phạm Hùng và cách mạng Việt Nam”. Số 7 (375).
- LINH NAM • Hội thảo khoa học: “Một số vấn đề về lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Lào Cai”. Số 7 (375).
- Đ.D.H • Tọa đàm khoa học: “Hướng về nông thôn” - Những người Bônsêvích và giáo dục chính trị đối với nông dân trong những năm 20 thế kỷ XX. Số 7 (375).
- C.T • Hội thảo khoa học Quốc tế: “Đông Á và Hàn Quốc trong thời điểm chuyển giao Cận đại”. Số 7 (375).
- L.N • Hội thảo khoa học: “Lịch sử hình thành và giải pháp khôi phục phát triển dòng gốm cổ Luy Lâu”. Số 7 (375).
- P.V • Hội thảo khoa học: “Xây dựng Cộng đồng ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới”. Số 8 (376).
- P.V • Hội thảo khoa học: “Những vấn đề lý luận và thực tiễn được đặt ra từ các văn kiện Đại hội X của Đảng”. Số 8 (376).
- Đ.D.H • Triển lãm về làng Lai Xá. Số 8 (376).
- P.V • Tham gia Lễ hội đời sống dân gian Smithsonian. Số 8 (376).
- Q.C • Hội thảo khoa học: Danh nhân - Danh y Hoàng Đôn Hòa. Số 8 (376).
- BẠCH DƯƠNG • Triển lãm ảnh “Di sản thiêng liêng”. Số 8 (376).

- TRẦN ANH DŨNG
 - Các khu lò gốm 10 thế kỷ đầu Công nguyên ở Việt Nam. Số 8 (376).
- NGUYỄN DŨNG
 - Vĩnh biệt GS. CHESNEAUX (1922-2007). Số 9 (377).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “Đồng chí Lê Hồng Phong và cách mạng Việt Nam”. Số 9 (377).
- DANH HUẤN
 - Hội thảo khoa học: “Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc trong lịch sử”. Số 9 (377).
- ĐỖ HUẤN
 - Hội thảo khoa học: “Vị trí và vai trò của Domea trong hệ thống thương mại Đồng Ngoài thế kỷ XVII”. Số 9 (377).
- PHÚ NGUYỄN
 - Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập (1987-2007) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba của Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng”. Số 9 (377).
- LINH NAM
 - Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ học tại di tích Đà Nẵng Giao. Số 9 (377).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học lần thứ hai về “Xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Số 9 (377).
- P.V
 - Xây dựng thành cổ Quảng Trị thành công viên tưởng niệm. Số 9 (377).
- ĐỖ QUANG
 - Điểm sách. Số 9 (377).
- P.V
 - Lễ tưởng niệm 105 năm ngày sinh và rước tượng đồng nhà văn Vũ Ngọc Phan về làng Mộ Trạch, tỉnh Hải Dương. Số 10 (378).
- Đ.T.T
 - Về kỳ họp thứ 6 của tổ chức Seameo Chat (Trung tâm Lịch sử và Truyền thống khu vực Đông Nam Á). Số 10 (378).
- NGUYỄN KIM
 - Hội thảo “Hòa giải lịch sử và đối thoại sử học ở Đông Á”. Số 10 (378).
- Đ.H
 - Hội thảo khoa học Trần Đức Thảo: Con người và di sản. Số 10 (378).
- NGUYỄN THỊ LỆ HÀ
 - Tọa đàm tưởng niệm: Nhà văn, nhà báo Phan Khôi. Số 10 (378).
- LINH NAM
 - Lễ kỷ niệm 200 năm ngày sinh danh nhân Vũ Phạm Khải. Số 10 (378).
- BẠCH DƯƠNG
 - Triển lãm chuyên đề: Cố vật Cát Tiên, Lâm Đồng - dấu ấn một thánh địa huyền bí. Số 10 (378).
- P.V
 - Xuất bản bộ sách *Văn kiện Đảng toàn tập*. Số 10 (378).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “Cố Loa truyền thống và hiện tại”. Số 11 (379).
- ĐINH QUANG HẢI
 - Hội thảo khoa học: “Chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947 - Vai trò cản cứ địa và bước ngoặt của cuộc kháng chiến”. Số 11 (379).
- N.P
 - Hội thảo khoa học: “Quan hệ Việt - Nga: Quá khứ và hiện tại”. Số 11 (379).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: “90 năm Cách mạng Tháng Mười Nga”. Số 11 (379).
- BẠCH DƯƠNG
 - Hội thảo khoa học: “Tiền hiên Đặng Nghiêm - người khai khoa của xứ Sơn Nam”. Số 11 (379).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học: “Kỷ niệm 90 năm Cách mạng Tháng Mười (7/11/1917 - 7/11/2007)”. Số 11 (379).
- LINH NAM
 - Khai mạc triển lãm: “Một số hình ảnh và hiện vật Văn Miếu - Quốc Tử giám xưa”. Số 11 (379).
- ĐỖ NGÔN XUYÊN
 - Lễ trao Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 8 (2007). Số 11 (379).
- P.V
 - Trưng bày “Chúng tôi ăn rừng...” Georges Condominas ở Sar Luk. Số 12 (380).
- P.V
 - Hội thảo: “Tâm nhìn kinh tế biển và phát triển thuỷ sản Việt Nam”. Số 12 (380).
- Đ.H
 - Điểm sách. Số 12 (380).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Mục lục Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* năm 2007. Số 12 (380).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2006

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- ĐINH XUÂN LÂM

- Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương, nơi đào tạo các nhà giáo dục và nghiên cứu văn hóa dân tộc lối lạc. Số 6 (362), tr. 3-8.

- NGUYỄN VĂN KIM

- 50 năm một chặng đường nghiên cứu khoa học của Khoa Lịch sử. Số 9 (365), tr. 3-11.

- NGUYỄN HỮU TÂM

- Khái quát tình hình nghiên cứu lịch sử giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc trong những năm gần đây. Số 1 (357), tr. 53-57.

- HOÀNG HỒNG

- Các luận điểm về sử học của E. H. Carr trong cuốn “Lịch sử là gì?”. Số 1 (357), tr. 58-63.

- PHILIPPE LANGLET

- Nho giáo có tính cách tôn giáo không?. Số 7 (363), tr. 9-18.

- NGÔ MINH OANH

- Góp thêm một hướng tiếp cận phương pháp luận nghiên cứu vùng đất Nam Bộ. Số 10 (366), tr. 3-8.

- VŨ TUYẾT LOAN

- APEC và triển vọng đối với Việt Nam. Số 11 (367), tr. 61-74.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- ĐINH XUÂN LÂM

- Doãn Uẩn (1795 - 1850) với thời đại của ông. Số 1 (357), tr. 3-6.
- Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Hội An qua sự phân bố các di tích. Số 3 (359), tr. 21-32.

- NGUYỄN DANH PHIỆT

- Doãn Uẩn - Tài năng và phẩm hạnh. Số 1 (357), tr. 7-12.

- ĐINH KHẮC THUẬN

- Tục lệ cổ truyền làng xã người Việt. Số 5 (361), tr. 11-19.

- PHAN PHƯƠNG THẢO

- Một số di tích lịch sử văn hóa ở Hà Nội qua tư liệu địa bạ. Số 7 (363), tr. 27-35.

- PHAN ĐẠI DOĀN

- Thiết chế truyền thống làng Việt trong hệ thống chính trị ngày nay. Số 11 (367), tr. 3-9.

- TẠ NGỌC LIỄN

- Tư tưởng khoan dung Việt Nam trong truyền thống văn hóa Á Đông. Số 11 (367), tr. 30-34.

- LÊ ĐÌNH SỸ

- Những cống hiến trên lĩnh vực quân sự, quốc phòng của An Tây mưu lược Tướng công Doãn Uẩn. Số 1 (357), tr. 13-17.

- YU INSUN

- Sự thành lập triều Lê và sự xác lập lý luận Nho giáo từ ý niệm Phật giáo đến ý niệm Nho giáo. Số 1 (357), tr. 18-33; số 2 (358), tr. 28-44.

- NGUYỄN VĂN KIM

- Nam Bộ Việt Nam - Môi trường kinh tế biển và mối quan hệ với các quốc gia khu vực thế kỷ XVII-XVIII. Số 1 (357), tr. 34-45.

- NGUYỄN VĂN KIM

- Xứ Đàng Trong trong các mối quan hệ và tương tác quyền lực khu vực. Số 6 (362), tr. 19-35.

- HOÀNG ANH TUẤN
 - Mậu dịch tơ lụa của Công ty Đông Án Hà Lan với Đàng Ngoài, 1637-1670. Số 3 (359), tr. 10-20; Số 4 (360), tr. 24-34.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG
 - Về hoạt động thương mại của Công ty Đông Án Pháp với Đại Việt (Nửa cuối thế kỷ XVII - giữa thế kỷ XVIII). Số 9 (365), tr. 51-64.
- DOĀN ĐOAN TRINH
 - Một số sự kiện về cuộc đời và sự nghiệp của Doān Uǎn. Số 1 (357), tr. 64-69.
- DOĀN THANH HƯƠNG
 - Sắc phong Bình bộ Thượng thư An Tây mưu lược Tướng Doān Uǎn. Số 1 (357), tr. 70-71.
- NGUYỄN MINH TUỜNG
 - Quê hương và hậu duệ của Trạng nguyên Dương Phúc Tư triều Mạc. Số 2 (358), tr. 51-61.
- NGUYỄN MINH TUỜNG
 - Về sự nghiệp và vị thế của Dương Tam Kha trong lịch sử dân tộc ở thế kỷ X. Số 9 (365), tr. 36-42.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 - 1769). Số 2 (358), tr. 15-27.
- PHẠM THỊ THÙY VINH
 - Lê báu hậu của người Việt qua tư liệu văn bia. Số 3 (359), tr. 33-40.
- NGÔ VĂN DOANH
 - Thành Cha - Thành Đô Bàn ban đầu. Số 3 (359), tr. 41-47.
- ĐỖ BANG
 - Phố cảng Thanh Hà - Bao Vinh trung tâm thương mại Phú Xuân - Huế thế kỷ XVII - XVIII - XIX. Số 5 (361), tr. 3-10.
- NGUYỄN QUÀNG NGỌC
 - Về tấm bia “Cố tích linh từ bi ký” dưới chân núi Tử Trầm (Hà Tây) do nhà sử học Lê Tung soạn. Số 5 (361), tr. 20-33.
- NGUYỄN QUANG HÀ
 - Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), những kiến nghị về giáo dục ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Số 5 (361), tr. 34-41.
- TRẦN THỊ VINH
 - Phương thức tuyển dụng quan lại cho bộ máy chính quyền nhà nước ở thế kỷ XVII - XVIII. Số 6 (362), tr. 9-18; số 7 (363), tr. 3-8.
- HÀ MẠNH KHOA
 - Giáo dục thời Nguyễn ở Thăng Long - Hà Nội (1802 - 1919). Số 6 (362), tr. 36-43.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Phương thức tuyển dụng quan lại thời Trần. Số 7 (363), tr. 19-26.
- VŨ VĂN QUÂN
 - Trương Đăng Quế và công cuộc kinh lý vùng đất Nam Bộ năm 1836. Số 7 (363), tr. 36-43.
- VŨ HƯỚNG ĐÔNG
 - Tiên đúc thời xưa ở Việt Nam qua ghi chép của Hồng Tuân về đồng tiền thời Đinh - Lê trong sách *Tuyển Chí*. Số 8 (364), tr. 12-22.
- NGUYỄN THỦA HỶ
 - Lai bàn về chế độ phông kiến Việt Nam. Số 9 (365), tr. 12-18.
- PHAN TIẾN DŨNG
 - Các biện pháp phòng chống tham nhũng của triều Nguyễn trong việc xây dựng Kinh đô Huế - Tác dụng và bài học kinh nghiệm. Số 9 (365), tr. 19-29.
- ĐỖ HƯỚNG THẢO
 - Về kỳ thi bổ sung trong kỳ thi Hương truyền thống. Số 9 (365), tr. 30-35.
- VŨ THỊ MINH THÁNG
 - Về thôn ấp người Việt ở Nam Bộ qua tác phẩm "Gia Định thành thông chí". Số 10 (366), tr. 9-12.
- TRẦN THỊ THANH THANH
 - Về thôn ấp người Việt ở Nam Bộ qua tác phẩm "Gia Định thành thông chí". Số 10 (366), tr. 9-12.
- ĐƯỜNG VĂN HUẾ
 - Về các nhóm người Hoa ở Gia Định thế kỷ XVII - XVIII. Số 10 (366), tr. 13-18.

- LÊ TIẾN CÔNG
 - Thông tin liên lạc trong việc bảo vệ vùng biển dưới thời vua Gia Long, Minh Mạng. Số 10 (366), tr. 33-38.
- ĐỖ THỊ THÙY LAN
 - Vùng cửa sông Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII - Vị trí cửa sông và cảng Domea. Số 11 (367), tr. 19-29; số 12 (368), tr. 19-30.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬN
 - Một số nét về khoa cử và thể lệ bổ sung quan lại thời Lê Trung Hưng. Số 12 (368), tr. 31-38.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- TẠ THỊ THÚY
 - Thương nghiệp Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX. Số 1 (357), tr. 46-52.
- TẠ THỊ THÚY
 - Việc nhượng đất, lập đồn điền ở Ninh Bình (cuối thế kỷ XIX - giữa thế kỷ XX). Số 4 (360), tr. 14-23.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Về quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương trong quá trình lãnh đạo cuộc vận động dân chủ 1936-1939 ở Việt Nam. Số 2 (358), tr. 3-14.
 - Tìm hiểu thêm về Bạch Thái Bưởi, nhân tài kinh doanh tiêu biểu thời Cận đại. Số 5 (361), tr. 55-61.
 - Các cuộc vận động bầu cử và tranh cử trong cuộc đấu tranh vì các quyền dân sinh, dân chủ (1936 - 1939). Số 10 (366), tr. 39-46.
- NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG
 - Tôn Thất Doãn người bạn đồng tâm chí thiết của chí sĩ Trần Quý Cáp trong phong trào Duy Tân. Số 2 (358), tr. 45-50.
 - Lễ tang và truy điệu chí sĩ Phan Châu Trinh - Một phong trào biểu dương lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Số 3 (359), tr. 3-9.
 - Cơ sở “lý thuyết” về xây dựng “áp chiến lược” của chính quyền Sài Gòn trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965). Số 3 (359), tr. 48-53.
 - Sự phối hợp các hình thức đấu tranh ngoại giao của Việt Nam tại Hội nghị Pari. Số 4 (360), tr. 3-7.
 - Tầng lớp thợ ty của người Tày ở Cao Bằng đầu thế kỷ XX. Số 4 (360), tr. 35-45.
 - *Hải ngoại huyết thư* - Một tác phẩm quan trọng của cuộc vận động cứu nước đầu thế kỷ XX. Số 8 (364), tr. 23-29.
- BÙI THỊ THU HÀ
 - Vài nét về chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới (1986 - 2005). Số 8 (364), tr. 30-36.
- LUÔNG VIẾT SANG
 - Huế - Nơi mở đầu phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963. Số 8 (364), tr. 37-43.
- ĐÀM THỊ UYÊN
 - Vài nét về Trường Hậu Bổ ở Hà Nội (1897 - 1917). Số 9 (365), tr. 43-50.
- LÊ TRUNG DŨNG
 - Quá trình phân định biên giới giữa Nam Bộ Việt Nam và Campuchia từ giữa thế kỷ XIX đến nay. Số 10 (366), tr. 19-32; số 11 (367), tr. 10-18.

- NGUYỄN THỊ ĐẨM
 - Chính quyền Pháp với việc tổ chức quản lý nhượng địa Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số 10 (366), tr. 47-55.
- TRẦN VŨ TÀI
 - Đốn điền của người Pháp ở Bắc Trung Kỳ từ 1897 đến 1945. Số 10 (366), tr. 56-65.
- GERARD SASGES
 - Sự thật về kế hoạch khai thác Đông Dương lần thứ nhất của thực dân Pháp. Số 11 (367), tr. 35-47; Số 12 (368), tr. 39-54.
- ĐẶNG THỊ VÂN CHI
- NGUYỄN VÂN NHẬT
 - Dòng báo phụ nữ trước Cách mạng Tháng Tám. Số 11 (367), tr. 48-60.
 - Chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với Toàn quốc kháng chiến. Số 12 (368), tr. 3-10.
- NGUYỄN VÂN KHÁNH - PHẠM KIM THANH
 - Mấy nhận xét về kinh tế hàng hóa ở Hà Nội thời kỳ thực dân Pháp đô hộ và tạm chiếm. Số 12 (368), tr. 11-18.
- PHAN TRỌNG BÁU
 - Hình ảnh một nước Việt Nam mới trong tác phẩm "Tân Việt Nam" của Phan Bội Châu. Số 12 (368), tr. 55-59.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- TRỊNH THỊ ĐÌNH
 - Thái độ của các đảng phái chính trị Australia trước thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975 ở Việt Nam. Số 4 (360), tr. 8-13.
- VŨ THỊ THU GIANG
 - Vấn đề POW/MIA và ảnh hưởng của việc giải quyết vấn đề POW/MIA đối với việc bình thường hóa quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ. Số 4 (360), tr. 46-54.
- SONG JEONG NAM
 - Hàn Quốc tham chiến tại Việt Nam: Động cơ và bối cảnh. Số 5 (361), tr. 42-54.
- TRẦN KHÁNH
 - Tác động của sự thay đổi môi trường địa - chính trị Đông Nam Á đến quan hệ Việt-Nga thập niên đầu thế kỷ XXI. Số 5 (361), tr. 62-68.
- NGUYỄN PHƯƠNG LAN
 - Chính sách hòa hợp tôn giáo và dân tộc của vương triều Mogol Ấn Độ. Số 5 (361), tr. 69-72.
- ĐÀO TUẤN THÀNH
 - Vô chế độ độc tài Nicolae Ceaușescu. Số 6 (362), tr. 44-55.
- NGUYỄN HỒNG VÂN
 - Liên Xô với cuộc chiến Afghanistan (1979 - 1989). Số 7 (363), tr. 44-54.
- LUÔNG NINH
 - Phật giáo từ Siddarta đến Asoka. Số 8 (364), tr. 3-11.
- TRÌNH MUỐU - NGUYỄN KIM MINH
 - Vấn đề Pattani và những giải pháp của Thái Lan để giải quyết xung đột. Số 8 (364), tr. 44-49.
- VĂN NGỌC THÀNH
 - Liên đoàn tự trị Ấn Độ từ 1916 đến 1920. Số 12(368), tr. 60-68.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỞNG

- PHAN NGỌC LIÊN
 - Nghị viện châu Âu với việc dạy học lịch sử ở châu Âu (Khuyến nghị của Nghị viện châu Âu số 1283, ngày 22-1-1996). Số 2 (358), tr. 62-67.
- TRỊNH ĐÌNH TÙNG
 - Vài ý kiến về chương trình Trung học cơ sở môn Lịch sử. Số 3 (359), tr. 54-60.
- VŨ DƯƠNG NINH
 - Góp thêm một số ý kiến về cách trình bày nội dung bài giảng "Những chuyển biến về kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam từ 1919 đến 1930" trong chương trình lịch sử lớp 12. Số 9 (365), tr. 65-68.
- NGUYỄN THỊ NGỌC MAI

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- ĐINH QUANG HẢI
 - Tư liệu về 37 Nhật kiều cuối cùng ở miền Bắc Việt Nam hồi hương về Nhật Bản. Số 3 (359), tr. 61-67.
- PHAN THANH HẢI
 - Diện mạo đô thị Huế thế kỷ XVII-XVIII qua sự mô tả của một số nhân chứng người nước ngoài. Số 4 (360), tr. 55-65.
- NGUYỄN PHAN QUANG
PHẠM THỊ HUỆ
 - Về hoạt động của các đảng phái chính trị ở Nam Kỳ năm 1938 nhìn từ phía Chính quyền thực dân Pháp. Số 6 (362), tr. 56-64.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Nhân vật Lê Võ trong phong trào Duy Tân - Đông Du đầu thế kỷ XX. Số 10 (366), tr. 66-70.
- NGUYỄN NGỌC PHÚC
PHẠM ĐỨC ANH
 - Tác phẩm *Tây Hồ chí* qua kết quả khảo sát các di tích khu vực xung quanh Hồ Tây. Số 7 (363), tr. 55-61.
- NGUYỄN VĂN KHOAN
 - Một số tư liệu liên quan đến sự kiện ký kết Tạm ước 14 tháng 9 năm 1946. Số 8 (364), tr. 50-54.
- VI NGỌC CHÂN
 - Một văn bản chữ Thái có ghi chép về sứ phủ Quỳ (Quỳ Châu phủ). Số 8 (364), tr. 55-63.
- TRƯỜNG THỊ YẾN
 - Giao tử vụ - Một trong những chính sách tiền tệ của triều Nguyễn được thực thi ở Cao Bằng. Số 12 (368), tr. 69-71.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGUYỄN THỊ GIANG
 - Trở lại vấn đề: Nguyễn Ái Quốc có tham dự Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 không?. Số 2 (358), tr. 68-74.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT
 - Một số giả thuyết về ngôi mộ liên quan đến Đề Thám. Số 6 (362), tr. 65-69.
- NGUYỄN THANH LỢI
 - Biên soạn địa chí ở các tỉnh phía Nam từ sau năm 1975. Số 7 (363), tr. 62-68.
- NGUYỄN THÙA HỶ
 - Phải chăng ngoại thương tư nhân Việt Nam đã phát triển từ thế kỷ XVII?. Số 7 (363), tr. 69-70.
- TRẦN NGHĨA
 - Ai là người soạn "*Tây Hồ chí*"?. Số 8 (364), tr. 64-71.

ĐỌC SÁCH

- TRẦN THỊ VINH
 - "Chính sách quân dién năm 1839 ở Bình Định qua tư liệu địa bạ". Số 3 (359), tr. 68-71.
- NGUYỄN HÙNG SƠN
 - "Lịch sử Đông Nam Á". Số 4 (360), tr. 66-70.
- VŨ DUY MỀN
 - "Lịch sử Thăng Long - Hà Nội". Số 6 (362), tr. 70-73.
- TẠ NGỌC LIỄN
 - "Văn bia đê danh Tiến sĩ Việt Nam". Số 9 (365), tr. 69-70.
- ĐINH XUÂN LÂM
 - "Một số công trình sử học Việt Nam". Số 11 (367), tr. 75-76.

THÔNG TIN

- PHƯƠNG CHI
 - Trao đổi khoa học: Văn đề ruộng đất trong lịch sử Trung đại Việt Nam. Số

- l (357).
- P.V • Viện Khoa học xã hội Quảng Tây. Số 1 (357).
 - P.V • Hội thảo khoa học: Đánh giá giá trị văn bản "Tây Hồ chí". Số 1 (357).
 - NGÔ VƯƠNG ANH • Hội thảo khoa học Quốc tế: "Tôn tạo phố cổ ở các thành phố châu Á và châu Âu- Trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo tồn và nâng cao giá trị di sản". Số 1 (357).
 - LUÔNG NINH • Tin sử học nước ngoài. Số 1 (357).
 - P.V - LINH NAM - M.D • Điểm sách. Số 1 (357).
 - VƯƠNG ANH • Hội thảo kỷ niệm 100 năm ngày sinh Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1/3/1906 - 1/3/2006). Số 2 (358).
 - L.M.D • Di sản Hán Nôm ở đình thôn Tăng Long, xã Việt Long, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Số 2 (358).
 - A.D • Kết quả khai quật di tích Hoa Lâm Viên (Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội). Số 2 (358).
 - P.V • Học viện Dân tộc Quảng Tây. Số 2 (358).
 - N.P.C • Điểm sách. Số 2 (358).
 - DANH HUẤN • Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 3 (359).
 - P.V • Điều tra cơ bản di tích kiến trúc cổ truyền tại huyện Duy Tiên (Hà Nam). Số 3 (359).
 - NGÔ VƯƠNG ANH • Hội thảo khoa học: "Đồng chí Hà Huy Tập với cách mạng Việt Nam". Số 3 (359).
 - D.H • Điểm sách. Số 3 (359).
 - P.V • Trao tặng GS. Georges Condominas Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Khoa học xã hội. Số 4 (360).
 - P.V • Hội thảo khoa học: Tưởng niệm 80 năm ngày mất Phan Châu Trinh. Số 4 (360).
 - TẠ THỊ THÚY • "Hội thảo bàn tròn về Lịch sử thế giới những năm 80 thế kỷ XX". Số 4 (360).
 - D.H • Trưng bày bộ sưu tập gốm tại Bảo tàng Dân tộc học. Số 4 (360).
 - Đ.P • Tin hội thảo. Số 4 (360).
 - P.C • Hội thảo khoa học: "100 năm nghiên cứu và đào tạo các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở Việt Nam". Số 5 (361).
 - Đ.H • Giới thiệu về INASP. Số 5 (361).
 - N.P.C • Hội thảo: "Quản lý và xuất bản các ấn phẩm khoa học trên mạng". Số 5 (361).
 - P.V • Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày chuyên đề: "Bí mật từ Lung Leng - Kon Tum". Số 5 (361).
 - P.V • Di tích kiến trúc nghệ thuật làng cổ Đường Lâm được xếp hạng di tích Quốc gia. Số 5 (361).
 - Đ.P • Tin Hội thảo. Số 5 (361).
 - NGÔ VƯƠNG ANH • Đại học Quốc gia Hà Nội kỷ niệm 100 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Sao vàng. Số 6 (362).

- Đ.P • Tin Hội thảo. Số 6 (362).
- LINH NAM - ĐỖ HUẤN • Điểm sách. Số 6 (362).
- LINH NAM • Lê tiếp nhận hiện vật của GS. Kaneko và trao kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp khoa học xã hội". Số 7 (363).
- P.V • Hội thảo khoa học: "700 năm Thuận Hóa - Phú Xuân - Thừa Thiên Huế" Số 7 (363).
- P.V • Hội thảo lần thứ tư về tổng kết 20 năm đổi mới tại Việt Nam. Số 7 (363).
- ĐỖ DANH HUẤN • Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học - công nghệ giai đoạn 2001-2005. Số 7 (363).
- PHƯƠNG CHI • Gặp mặt các nhà khoa học nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam. Số 7 (363).
- P.V • Hội thảo "Giảm nghèo và Phát triển con người ở Việt Nam: báo cáo cập nhật". Số 7 (363).
- H.D • Hội thảo Thái học Việt Nam lần thứ IV. Số 7 (363).
- Đ.P • Tin Hội thảo. Số 7 (363).
- P.V • Phát hiện 2 xe tăng dưới lòng sông Bến Hải. Số 8 (364).
- V.Đ.L • Hội thảo khoa học: *Bảo tồn phẩn mộ danh nhân Phan Huy Chú*. Số 8 (364).
- N.Q.T • Hội thảo Quốc tế: Phật giáo trong thời đại mới: Cơ hội và Thách thức. Số 8 (364).
- PHẠM HỒNG TUNG • Hội thảo khoa học Quốc tế Liên đại học ASEAN lần thứ VII Về "Phúc lợi dân sinh, hòa bình và phát triển bền vững". Số 8 (364).
- Đ.H • Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì. Số 8 (364).
- ĐỖ DANH HUẤN • Điểm sách. Số 8 (364).
- ĐINH QUANG HẢI • Hội thảo Khoa học "Kỷ niệm 60 năm Bác Hồ đến Cam Ranh". Số 9 (365).
- P.V • Lễ trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Giáo sư Vũ Khiêu. Số 9 (365).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ • Quyết định về việc công nhận Hội đồng biên tập Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 9 (365).
- Đ.Q.H • Hội thảo Khoa học "Xác định ngày thành lập tỉnh Cao Bằng". Số 9 (365).
- P.V • Khai quật Di chỉ Văn Tứ Đông. Số 9 (365).
- DANH HUẤN • Phát hiện gần 200 di vật tại chùa Đậu, Hà Tây. Số 9 (365).
- P.V • Bảo tàng Thành phố Cần Thơ trưng bày: "Kho báu từ 5 con tàu đắm". Số 9 (365).
- LINH NAM • Trưng bày chuyên đề: "Gốm Phù Lãng xưa và nay". Số 9 (365).
- Đ.H • Thư ngỏ về vấn đề sắc phong và việc bảo tồn sắc phong. Số 9 (365).
- ĐỖ DANH HUẤN • Hội nghị thông báo *Những phát hiện mới về Khảo cổ học lần thứ 41 (2006)*. Số 10 (366).
- CAO DANH • Lê kỷ niệm 55 năm thành lập Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 10 (366).
- P.V • Hội thảo quốc tế "Hướng tới cộng đồng Đông Á: Thách thức và triển vọng". Số 10 (366).
- P.V • Có bắn sao Toàn Việt thi lục ở Trung Quốc. Số 10 (366).

- LINH NAM
 - Công bố kết quả nghiên cứu sự kiện đánh chiếm Dinh Độc Lập ngày 30 - 4 - 1975. Số 10 (366).
- Đ.H
 - Lễ tưởng niệm 50 năm ngày mất của Lưỡng quốc Tướng quân Nguyễn Sơn (1956 - 2006). Số 10 (366).
- P.V
 - Khu mộ cổ của Trần Thượng Xuyên ở Tân Uyên, Bình Dương. Số 10 (366).
- P.V
 - Tọa đàm khoa học "Phim cộng đồng - một phương pháp tiếp cận mới trong nhân học". Số 10 (366).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Vĩnh biệt PGS. NGƯT. Nguyễn Gia Phu. Số 11 (367).
- P.V
 - Hội thảo về đánh giá nghèo đói ở khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Số 11 (367).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "Tôn Trung Sơn - Cách mạng Tân Hợi và quan hệ Việt Nam - Trung Quốc". Số 11 (367).
- N.V.A
 - Triển lãm "Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Pháp". Số 11 (367).
- ĐỖ HUẤN
 - Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Số 11 (367).
- P.C
 - Hội thảo khoa học quốc tế "Tính đa dạng văn hóa và phát triển bền vững: Vai trò của giáo dục đại học". Số 11 (367).
- Đ.D.H
 - Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Khoa Lịch sử - Trường Đại học KHXH&NV (ĐHQGHN). Số 11 (367).
- P.V
 - 134 hiện vật đã được trao tặng cho Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam. Số 11 (367).
- N.D
 - Hội thảo quốc tế: "Khu vực học: Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu". Số 12 (368).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Chúc mừng các nhà sử học được Nhà nước phong tặng chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư. Số 12 (368).
- Đ.D.H
 - Hội thảo khoa học "60 năm Toàn quốc kháng chiến - Ký ức lịch sử và bài học kinh nghiệm xây dựng, bảo vệ tổ quốc". Số 12 (368).
- DANH HUẤN
 - Đại hội lần thứ IV Hội Dân tộc học Việt Nam. Số 12 (368).
- THU HÀNG
 - Hội thảo khoa học Quốc tế "Nông thôn trong quá trình chuyển đổi". Số 12 (368).
- P.V
 - Lễ trao giải thưởng sử học Phạm Thận Duật". Số 12 (368).
- LÊ TIẾN CÔNG
 - Hội thảo kỷ niệm Quê hương và cuộc đời hoạt động cách mạng của Hoàng Đức Trạch (1891-1952) và Lê Bá Dị (1901-1978). Số 12 (368).
- M.N
 - Khóa học về xuất bản các ấn phẩm trực tuyến của Việt Nam và Nepal. Số 12 (368).
- P.V
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: "Tiếp cận Văn hóa đương đại Việt Nam - Phương pháp luận và những nghiên cứu mới". Số 12 (368).
- P.V
 - Trưng bày triển lãm "Hồ sơ, kỷ vật của cán bộ đi B". Số 12 (368).
- LINH NAM
 - Điểm sách. Số 12 (368).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Mục lục Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* năm 2006.

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2005

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- ĐÌNH XUÂN LÂM
PHẠM HỒNG TUNG
 - Giáo sư Trần Văn Giàu - Một học giả lớn. Số 1 (344), tr. 3-9.
- TRẦN QUỐC VƯỢNG
 - Văn hóa Hà Nội – Tình hoa ngàn năm văn hiến. Số 2 (345), tr. 3-9.
- VŨ HƯỚNG ĐÔNG
 - Vài suy nghĩ về Việt Nam học ở Trung Quốc. Số 5 (348), tr. 12-23.
- PHẠM ĐỨC THÀNH DŨNG
 - Ghép những ô thơ trên đình Hương Nguyên: Đề xuất giải pháp trùng tu. Số 8 (351), tr. 44-56.
- PHAN THANH HẢI
 - Bản sắc văn hóa Trung Hoa và Việt Nam qua sự so sánh trong cách bài trí cung điện Bắc Kinh và Cung điện Huế. Số 9 (352), tr. 40-49.
- HOÀNG HỒNG
 - Nghiên cứu phương pháp luận sử học ở Việt Nam. Số 10 (353), tr. 15-25.
- TRẦN MINH TRƯỞNG
 - Các học giả nước ngoài nghiên cứu về Hồ Chí Minh. Số 10 (353), tr. 26-32.
- LÊ MẬU HÂN
 - Sự ra đời và phát triển của Đại học Văn Khoa Hà Nội. Số 11 (354), tr. 3-8.
- PHAN HUY LÊ
 - Phong trào Đông Du trong giao lưu văn hóa Việt - Nhật. Số 12 (355), tr. 3-8.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN THÙA HỶ
 - Về phức hợp thành Thăng Long. Số 2 (345), tr. 16-22.
- LUÔNG NINH
 - "Nước Phù Nam xem lại: Tháo dỡ nhưng cổ xưa". Số 7 (350), tr. 3-14.
- LÊ ĐÌNH SỸ
 - Giao thoa hội nhập văn hóa và sức sống của văn hóa Việt Nam thời Bắc thuộc. Số 12 (355), tr. 30-34.
- NGUYỄN HẢI KẾ
 - Hải Phòng - Vùng đất “bị quên lãng” thời Lê sơ. Số 1 (344), tr. 10-15.
- ĐÌNH KHẮC THUÂN
 - Về đơn vị hành chính “Tổng” ở Việt Nam. Số 1 (344), tr. 16-20.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Thành Thăng Long thời Lý – Trần – Lê: Đôi lời bàn thêm về phạm vi, vị trí của Hoàng thành và Cung thành. Số 2 (345), tr. 10-15.
 - Thành Châu Sa - Cổ Lũy và quan hệ Champa - Srivijaya. Số 2 (345), tr. 23-29.
 - Những biện pháp bảo vệ chủ quyền quốc gia của các nhà nước quân chủ Việt Nam. Số 2 (345), tr. 30-36.
- NGÔ VĂN DOANH
 - Ngoại thương Đàng Ngoài và mối quan hệ Việt - Nhật thế kỷ XVII. Số 3 (346), tr. 19-29; số 4 (347), tr. 67-73.
- VŨ THỊ PHUNG
 - Công ty Đông Án Hà Lan ở Đàng Ngoài (1637-1700) - Tư liệu và những vấn đề nghiên cứu. Số 3 (346), tr. 30-41.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Quá trình phát triển hệ thống sông đào ở Việt Nam (từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XIX). Số 3 (346), tr. 42-51.
- HOÀNG ANH TUẤN
 -
- HÀ MẠNH KHOA
 -

- VIÊN NGỌC LUŪ
 - 80 năm phát hiện và nghiên cứu văn hóa Đông Sơn - Những đóng góp vào thành tựu nghiên cứu lịch sử Thanh Hóa thời dựng nước. Số 5 (348), tr. 3-11.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
 - Vài nét về tình hình kinh tế thời Trần Nhân Tông (1258-1308). Số 5 (348), tr. 24-31.
- VŨ VĂN QUÂN
 - Mấy phác họa về làng xã huyện Thanh Trì (Phủ Thường Tín, Trần Sơn Nam Thượng) đầu thế kỷ XIX qua tư liệu địa bạ. Số 5 (348), tr. 32-41.
- TRẦN NAM TIẾN
 - Quá trình khai phá vùng đất Bà Rịa - Vũng Tàu (Từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX). Số 5 (348), tr. 42-50.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Lê Hoàn và chiến thắng Bạch Đằng năm 981. Số 6 (349), tr. 3-11.
- ĐÀM THỊ UYÊN
 - Tình hình ruộng đất ở Quảng Hòa (Cao Bằng) nửa đầu thế kỷ XIX theo địa bạ Gia Long 4 (1805) và Minh Mệnh 21 (1840). Số 6 (349), tr. 12-18.
- HOÀNG ANH TUẤN
 - Kế hoạch Đông Á và thất bại của Công ty Đông Á Anh ở Đàng Ngoài thập niên 70 của thế kỷ XVI. Số 9 (352), tr. 28-39.
- HÀ THỊ THU THỦY
 - Vấn đề khai thác mỏ ở Việt Nam trong những đề nghị cải cách kinh tế nửa sau thế kỷ XIX. Số 11 (354), tr. 52-58.
- NGUYỄN HẢI KẾ
 - Sự kiện My Động và cuộc tiến công vây hãm thành Đông Quan (4-4-1427). Số 12 (355), tr. 24-29.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- TÀ THỊ THUÝ
 - Việc nhượng đất, lập đồn điền theo quy chế nhượng đất chung ở Hải Phòng - Kiến An thời Cận đại. Số 1 (344), tr. 21-30.
- LÊ VĂN ĐẠT
 - Tìm hiểu quá trình xây dựng kinh tế tự túc, tự cấp ở vùng tự do Nam Trung Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Số 1 (344), tr. 31-38.
- ALAIN RUSCIO
 - Thế giới thứ ba nhìn về Điện Biên Phủ - Valmy của nhân dân thuộc địa. Số 1 (344), tr. 39-43.
- NGÔ VƯƠNG ANH
 - Quá trình khẳng định chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc trong đường lối của Đảng giai đoạn 1931-1941. Số 2 (345), tr. 37-43.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Việt Nam Quốc dân đảng với sự chuyển hóa của phong trào dân tộc Việt Nam trong những năm hai mươi. Số 2 (345), tr. 44-51.
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Bộ Nội vụ và công tác nội trị, tổ chức xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền cách mạng trong thời kỳ 1945-1946. Số 3 (346), tr. 3-12.
- VŨ QUANG HIẾN
 - Đồng bằng Bắc Bộ trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ. Số 3 (346), tr. 13-18.
- KIM NGỌC
 - Tìm hiểu một số vấn đề trong hương ước các làng xã (huyện Lập Thạch - Vĩnh Phúc) thời Pháp thuộc. Số 3 (346), tr. 52-57.
- LƯU THỊ PHƯƠNG LOAN
 - Sự ra đời và phát triển của lực lượng an ninh miền Nam - Một tết yếu lịch sử của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Số 4 (347), tr. 3-10.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Ngoại giao Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Số 4 (347), tr. 11-25.
- KHẮC HUỲNH

- LÊ VĂN ĐẠT
 - Vai trò của thanh niên hậu phương miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975). Số 4 (347), tr. 26-34.
- NGUYỄN HỮU ĐẠO
 - Vài nét về hậu phương miền Bắc với chiến thắng Buôn Ma Thuột và chiến dịch Tây Nguyên trong Đại thắng mùa Xuân 1975. Số 4 (347), tr. 35-40.
- HỒ KHANG
 - Về quá trình hình thành chủ trương chiến lược "Tết Mậu Thân" 1968. Số 4 (347), tr. 41-47.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Cuộc chiến tranh Việt Nam và nước Mỹ. Số 4 (347), tr. 48-54.
- TRỊNH VƯƠNG HỒNG
 - Đôi nét về tổn thất và ảnh hưởng của cuộc chiến tranh đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam (1954-1975). Số 4 (347), tr. 55-59.
- PHẠM XANH
 - Hoạt động của các phe phái đối lập trong chính quyền Sài Gòn và sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm tháng 11 năm 1963. Số 4 (347), tr. 60-66.
 - Sự thật đằng sau sự kiện vịnh Bắc Bộ (8-1964). Số 5 (348), tr. 51-60.
 - Về tình hình sở hữu ruộng đất Bến Tre (1954-1975). Số 6 (349), tr. 19-27.
 - Về vấn đề đầu tư của Pháp trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam. Số 7 (350), tr. 15-23.
 - Giáo dục vùng dân tộc ít người ở Việt Nam thời thuộc Pháp. Số 7 (350), tr. 24-31.
 - Hoạt động thương mại giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 7 (350), tr. 32-40.
 - Vài nét về cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp của tỉnh Thái Bình từ năm 1988 đến 2002. Số 7 (350), tr. 41-48.
 - Việc xây dựng chính quyền cách mạng trong những năm 1945 - 1946 (nhìn dưới góc độ thanh tra). Số 8 (351), tr. 3-9.
 - Góp phần tìm hiểu thêm về đặc điểm, tính chất của Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 8 (351), tr. 10-18.
 - Nghệ thuật khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 8 (351), tr. 19-27.
 - Một số vấn đề về phương pháp cách mạng trong tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Số 8 (351), tr. 28-36.
 - Vấn đề tranh thủ sự ủng hộ quốc tế thời kỳ xây dựng lực lượng, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Số 8 (351), tr. 37-43.
 - Tuyên ngôn độc lập 1945 - Những khía cạnh quốc tế nổi bật. Số 9 (352), tr. 3-8.
 - Nông thôn Việt Nam - Một vài biến đổi về xã hội thời kỳ Đổi mới. Số 9 (352), tr. 9-16.
 - Những hoạt động về tài chính của chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trong những năm 20 thế kỷ XX. Số 9 (352), tr. 17-27.
 - Phát huy sức mạnh của liên minh công nhân, nông dân, trí thức trong sự nghiệp Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước. Số 10 (353), tr. 3-6.
 - Vai trò của chính phủ trong việc tổ chức và điều hành hoạt động của các cơ quan tư pháp (giai đoạn 1945 - 1954). Số 10 (353), tr. 7-14; số 11 (354), tr. 9-16.
- PHẠM CAO CƯỜNG
- VÕ THỊ THU NGA
- TÀ THỊ THUÝ
- PHAN TRỌNG BÁU
- ĐINH QUANG HẢI
- LÊ THỊ THU HẰNG
- NGUYỄN VĂN NHẬT
- PHẠM HỒNG TUNG
- NGUYỄN THANH TÂM
- VŨ QUANG HIỂN
- LUÔNG VIẾT SANG
- NGUYỄN QUỐC HÙNG
- TRƯỜNG THỊ TIẾN
- TÀ THỊ THUÝ
- VĂN TẠO
- VŨ THỊ PHUNG

- NGUYỄN NGỌC THANH • Chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ cấu kinh tế trong thời kỳ Đổi mới. Số 11 (354), tr. 17-22.
- PHẠM NHƯ THƠM • Vài nét về việc phổ biến chữ Quốc ngữ ở Việt Nam đầu thế kỷ XX. Số 11 (354), tr. 23-30.
- ĐINH QUANG HÀI • Bước đầu tìm hiểu về Nhật kiều ở Liên khu Việt Bắc trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 11 (354), tr. 31-42.
- ĐÀO THỊ DIỄN • Giao thông đường sắt ở Hà Nội thời Pháp thuộc (Qua tư liệu lưu trữ). Số 11 (354), tr. 43-51.
- CHƯƠNG THÂU • Về đội ngũ lưu học sinh Việt Nam trên đất Nhật Bản đầu thế kỷ XX. Số 12 (355), tr. 9-23.
- NGUYỄN NGỌC CƠ • Sự phát triển công thương nghiệp ở miền Nam Việt Nam (1954-1975). Số 12 (355), tr. 35-47.
- HOÀNG NHƯ HÀ • Nhìn lại việc sử dụng chất độc hóa học của quân đội Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Số 12 (355), tr. 48-59.
- DƯƠNG QUỐC ĐÔNG

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- ĐỖ THANH BÌNH • Chính sách thuộc địa của đế quốc Anh và đế quốc Pháp – Hệ quả nhìn từ hai phía. Số 1 (344), tr. 44-53.
- TRỊNH NAM GIANG • Tư tưởng không liên kết ở Ấn Độ từ Jawaharlal Nehru đến Indira Gandhi. Số 2 (345), tr. 52-59.
- NGÔ MINH OANH • Nhìn lại quan hệ Xô - Việt thời kỳ 1945-1975. Số 3 (346), tr. 58-66.
- NGUYỄN NGỌC MÃO • Đông Nam Á trong cuộc đấu tranh chống phát xít, giành độc lập (1940-1945). Số 6 (349), tr. 28-35.
- VŨ THỊ HỒNG CHUYÊN • Về âm mưu can thiệp quân sự của Mỹ vào Đông Dương năm 1954. Số 6 (349), tr. 36-40.
- VŨ DƯƠNG NINH • Người Bồ Đào Nha và Đông Dương. Số 6 (349), tr. 41-48.
- TRỊNH THỊ ĐỊNH • Đặng Tiểu Bình và vấn đề bình thường hóa quan hệ Trung - Xô. Số 7 (350), tr. 49-54.
- P. HUARD
- LÊ VĂN MỸ
- ĐÀO TUẤN THÀNH • Góp phần tìm hiểu về chế độ thống trị của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ tại các công quốc Rumani từ năm 1711 đến 1821. Số 9 (352), tr. 50-56.
- NGUYỄN CÔNG KHANH • Hội nghị các nước Á - Phi Băng Đưng: 50 năm nhìn lại. Số 10 (353), tr. 33-37.
- NGUYỄN VĂN KIM • Quan hệ giữa vương quốc Ryukyu với Triều Tiên thế kỷ XV - XVII. Số 10 (353), tr. 38-39.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- HÀ MINH HỒNG • Mấy suy nghĩ qua việc giảng dạy về triều Nguyễn cho sinh viên ở các tỉnh phía Nam. Số 1 (344), tr. 54-59.
- VŨ DƯƠNG NINH • Giảng dạy lịch sử thế giới trong tiến trình hội nhập quốc tế. Số 2 (345), tr. 60-64.

- NGUYỄN THỊ CÔI
 - Giáo dục lịch sử - Sự tích hợp giữa khoa học giáo dục và sử học. Số 7 (350), tr. 55-59.
- ĐẶNG VĂN HỒ
 - Chiến tranh Việt Nam (1954-1975) trong nghiên cứu và giảng dạy ở một số trường Đại học của Hoa Kỳ. Số 8 (351), tr. 57-65.
- TRẦN THỊ VINH
 - Những khó khăn trăn trở trong việc giảng dạy các học phần Lịch sử thế giới Cổ - Trung đại năm thứ nhất tại khoa Sử - Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 9 (352), tr. 57-62.
- LAI BÍCH NGỌC
 -

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- VŨ DUY MỀN
 - Tấm bia về Đồng Giang hâu Vũ tướng quân ở xã Minh Tân, Thuỷ Nguyên, Hải Phòng. Số 1 (344), tr. 60-67.
- LÊ CÔNG HƯƠNG
 - Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 ở tỉnh Dak Lak. Số 2 (345), tr. 65-72.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Về việc mật thám Anh tìm ra địa chỉ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông tháng 6-1931. Số 3 (346), tr. 67-68.
- LÊ CUNG
 - Cuộc nổi dậy của tù nhân chính trị ở Chudron (Gia Lai) năm 1958. Số 5 (348), tr. 61-65.
- NGUYỄN TÁ NHÍ
 - Văn tế bà Phan Thị phu nhân của Sứ gia Lê Hy. Số 5 (348), tr. 66-70.
- PHAN THỊ XUÂN YẾN
 - Một vài nhận xét về Ban Thống nhất Trung ương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 6 (349), tr. 49-56.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Côn Đảo những năm 20 của thế kỷ XVIII qua bức thư của một Giáo sĩ Pháp. Số 6 (349), tr. 57-62.
- TRIỀU ANH
 - Quê hương và dòng họ của Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi. Số 7 (350), tr. 60-67.
- NGUYỄN MINH TUỜNG
 - Họ Đinh ở Nghệ An và Hải Dương. Số 7 (350), tr. 68-70.
- TRẦN BÁ CHÍ
 - Về thời điểm ra đời và hệ thống tổ chức của Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ trong những năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1948). Số 8 (351), tr. 66-73.
- LÊ VĂN ĐẠT
 -
- ĐINH XUÂN LÂM
 - Người Nhật đã từng có ý định khai thác phốt phát ở Lào Cai. Số 9 (352), tr. 63-69.
- CAO VĂN LIÊN
 - Đại đô đốc Tây Sơn Bùi Hữu Hiếu (qua tư liệu địa phương). Số 9 (352), tr. 70-73.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Khai thác Yến sào ở các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa (1885-1920). Số 10 (353), tr. 50-54.
- NGUYỄN VĂN THƯỞNG
 - Về căn cứ và hoạt động phối hợp chiến đấu chống Pháp của nghĩa quân Cần Vương ở Phú Yên và các tỉnh Nam Trung Kỳ. Số 10 (353), tr. 55-60.
- VĂN THỊ THANH MAI
 - Báo Quốc hội với Tổng tuyển cử 6-1-1946 và bản bút tích của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số 11 (354), tr. 59-63.
- MAI KHÁNH
 - Góp thêm tư liệu nghiên cứu về Lê Hoàn. Số 11 (354), tr. 64-71.
- ĐINH HỮU THIỆN
 - Hát Dặm Quyển Sơn, những tư liệu liên quan đến Lý Thường Kiệt. Số 12 (355), tr. 60-64.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - NGUYỄN QUANG HỒNG - VŨ QUANG DŨNG - NGUYỄN LUÂN - NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG - TRƯỜNG MINH ĐẠT - NGUYỄN TÔ LAN | <ul style="list-style-type: none"> • Cần thống nhất ngày lên ngôi Hoàng đế của Bắc Bình vương Nguyễn Huệ. Số 1 (344), tr. 68-71 • Nhà khoa bảng Ngô Nho thời Hậu Lê. Số 1 (344), tr. 72-74. • Về thời điểm "Đêm giao thừa" trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 được viết trong một số sách lịch sử. Số 2 (345), tr. 73-74. • Về lý sở dinh trấn Quảng Nam. Số 6 (349), tr. 63-69. • Một số niêm đại lịch sử trong sách "Hà Tiên trấn hiệp trấn Mạc thị gia phả" có thật đáng tin?. Số 10 (353), tr. 61-69. • Phan Thúc Trực có phải là tác giả của "Quốc sử di biên"? Số 12 (355), tr. 65-72. |
|---|--|

ĐỌC SÁCH

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - BÙI ĐÌNH PHONG - ĐINH XUÂN LÂM - VŨ HOÀNG | <ul style="list-style-type: none"> • "Thị trường lúa gạo Nam Kỳ 1860-1945". Số 3 (346), tr. 69-72. • Chiêu Tuyết cho Nguyễn Văn Tường. Số 5 (348), tr. 71-73. • "Tộc phả họ Vũ (Võ) (Thế kỷ IX- XIX)". Số 7 (350), tr. 71-74. |
|---|--|

THÔNG TIN

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - ĐINH QUANG HẢI - N.P.C - P.V - MẠNH DŨNG - A.V - N.V.A - LINH NAM - L.N - LINH NAM - P.V | <ul style="list-style-type: none"> • Tọa đàm khoa học "Phát huy những giá trị truyền thống trong quá trình hội nhập - Những kinh nghiệm của Việt Nam và Lào". Số 1 (344). • Hội thảo khoa học: "Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng Khu di tích Lịch sử – Văn hoá Đường Lâm". Số 1 (344). • Hội thảo khoa học: Nghiên cứu và đào tạo Khu vực học. Số 1 (344). • Dak Lak – Buôn Ma Thuột 100 năm xây dựng và phát triển. Số 1 (344). • Hội thảo khoa học: "75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2005)". Số 2 (345). • Lễ tưởng niệm Giáo sư Nguyễn Hồng Phong nhân kỷ niệm 75 năm ngày sinh. Số 2 (345). • Bảo tàng Cách mạng Việt Nam tổ chức trưng bày chuyên đề: 75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2005). Số 2 (345). • Hội nghị thông báo kết quả khai quật di chỉ bãi Hàm Rồng, xã Kim Lan, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Số 2 (345). • Tọa đàm khoa học: "Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - CHLB Đức". Số 3 (346). • Hội thảo quốc tế "Về giảng dạy lịch sử Cách mạng Pháp ở các nước châu Á". Số 3 (346). |
|---|---|

- PHƯƠNG CHI
 - Hội nghị "Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ học tại Đền An Dương Vương". Số 3 (346).
- TRỊNH CÔNG LÝ
 - Tổ chức rước tù chính trị từ Côn Đảo về đất liền tháng 9 năm 1945. Số 3 (346).
- L.N
 - Lê tiết của người Kinh ở Vạn Vĩ (Giang Bình, Đông Hưng, Quảng Tây, Trung Quốc). Số 3 (346).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Điểm sách. Số 3 (346).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Mừng Giáo sư Văn Tạo bước vào tuổi tám mươi. Số 4 (347).
- L.N
 - Hội thảo khoa học: "Việt-Nam trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập". Số 4 (347).
- N.M.D -ĐỖ DANH HUẤN
 - Điểm sách. Số 4 (347).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: "Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng dân tộc và chấn hưng đất nước". Số 5 (348).
- M.D
 - Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 60 năm Chiến thắng phát xít 9/5/1945 - 9/5/2005". Số 5 (348).
- Đ.PHÚ
 - Thế giới kỷ niệm 60 năm Chiến thắng phát xít. Số 5 (348).
- LINH NAM
 - Hội thảo khoa học: "Vương triều Trần với kinh đô Thăng Long". Số 5 (348).
- NGUYỄN THÙA KẾ
 - Thám sát Khảo cổ học di tích lăng Thiệu Trị. Số 5 (348).
- NGUYỄN THÙA KẾ
 - Phát hiện một di tích lạ tại Hương Long, Thành phố Huế. Số 5 (348).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Tọa đàm "Nan đón năm Ất Dậu 1945 hình thức ghi nhận và tưởng niệm". Số 5 (348).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt GS.TS.NGND Trương Hữu Quýnh. Số 6 (349).
- P.C
 - Hội thảo khoa học: "Bối cảnh định đô Thăng Long và sự nghiệp của Lê Hoàn". Số 6 (349).
- LINH NAM
 - Đại hội Hội KHLSVN lần thứ V. Số 6 (349).
- NGÔ VŨNG ANH
 - Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 90 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh". Số 6 (349).
- P.V
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày cổ vật đặc sắc Văn hóa Óc Eo. Số 6 (349).
- P.V
 - Những luận án PTS (nay là TS) và TS đã bảo vệ thành công cấp Nhà nước tại cơ sở Đào tạo Viện Sử học (1982-2004). Số 6 (349).
- D.H
 - Danh sách các học viên cao học khóa III bảo vệ luận văn Thạc sĩ tại học viện quan hệ quốc tế - Bộ ngoại giao. Số 7 (350).
- P.V
 - Những luận án PTS (nay là TS) và TS đã bảo vệ thành công cấp Nhà nước tại cơ sở Đào tạo Viện Sử học (1982 - 2004). Số 7 (350).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vô cùng thương tiếc GS-NGUT.Trần Quốc Vượng. Số 8 (351).
- P.V
 - Lê Kỷ niệm 100 năm ngày sinh Giáo sư - Viện sĩ Nguyễn Khánh Toàn. Số 8

- (351).
- ĐỖ DANH HUÂN
 - Hội thảo khoa học: "Kỷ niệm 60 năm Cách mạng tháng Tám và nước CHXHCN Việt Nam (1945 - 2005)". Số 8 (351).
 - N.V.A
 - Tọa đàm khoa học: "Kỷ niệm 60 năm khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội và tưởng niệm đồng chí Nguyễn Khang". Số 8 (351).
 - ĐINH QUANG HẢI
 - Hội thảo khoa học: Tâm vóc, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Mặt trận Nha Trang – Khánh Hòa, Nam Trung Bộ hồi đầu kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1947). Số 8 (351).
 - ĐỖ DANH HUÂN
 - Hội nghị thông báo: "Những phát hiện mới về Khảo cổ học lần thứ 40". Số 9 (352).
 - Hội thảo quốc tế: "Hướng tới cộng đồng Đông á: cơ hội và thách thức". Số 9 (352).
 - P.V
 - Hội thảo khoa học: "Tiến trình phát triển đô thị ở Thừa Thiên Huế - đặc trưng và kinh nghiệm lịch sử". Số 9 (352).
 - Điểm sách. Số 9 (352).
 - P.T.H
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày "Cố vật Lý- Trần - dấu ấn văn minh Đại Việt thế kỷ 11-14". Số 9 (352).
 - M.D - Đ.PHÚ
 - Chúc mừng PGS-NGND. Lê Mậu Hãn 70 tuổi. Số 10 (353).
 - P.V
 - Hội thảo quốc tế: "Giao lưu kinh tế, văn hóa lưu vực sông Hồng Lịch sử, hiện tại và tương lai". Số 10 (353).
 - PHƯƠNG HẠNH
 - Hội thảo quốc tế: "Việt Nam - 100 năm Phong trào Đông Du và quan hệ hợp tác Việt - Nhật để bảo tồn, phát triển di sản văn hóa Huế". Số 10 (353).
 - Di chỉ Giồng Nổi với lịch sử tỉnh Bến Tre. Số 10 (353).
 - NGUYỄN KIM
 - Hội thảo quốc tế: "Đỗ trang sức tại di chỉ Lung Leng (Tây Nguyên)". Số 10 (353).
 - PHAN HẢI
 - Lê kỷ niệm 60 năm thành lập ban Đại học văn khoa tại Hà Nội và Lê đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động. Số 11 (354).
 - LẠI VĂN TỐI
 - Hội thảo khoa học: "Miền Trung - Tây Nguyên trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập". Số 11 (354).
 - QUÝ THỊNH
 - Điểm sách. Số 10 (353).
 - M.DŨNG
 - Lê kỷ niệm 60 năm thành lập ban Đại học văn khoa tại Hà Nội và Lê đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động. Số 11 (354).
 - N.V.A
 - Hội thảo khoa học: "Quan hệ văn hóa, giáo dục Việt Nam - Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông Du". Số 11 (354).
 - PHƯƠNG HẠNH
 - Hội thảo khoa học: "Miền Trung - Tây Nguyên trong tiến trình thống nhất đất nước, đổi mới và hội nhập". Số 11 (354).
 - M.DŨNG
 - Hội thảo khoa học: "Quan hệ văn hóa, giáo dục Việt Nam - Nhật Bản và 100 năm phong trào Đông Du". Số 11 (354).
 - P.V
 - Lê Kỷ niệm lần thứ 180 năm ngày sinh và 120 năm ngày mất Danh nhân Phạm Thận Duật và Lê trao Giải thưởng Sư học Phạm Thận Duật lần thứ 6 (năm 2005). Số 11 (354).
 - TẠP CHÍ NCLS
 - Chúc mừng các nhà sử học được Nhà nước phong chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư. Số 11 (354).
 - Mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 2005. Số 12 (355).

MỤC LỤC **TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2004**

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- ĐỖ HOÀI NAM
 - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - 50 năm xây dựng và phát triển. Số 1 (332), tr. 3-11.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG
 - 50 năm Viện Sử học. Số 1 (332), tr. 12-20.
- ĐÀO HƯNG
 - Hoàng thành Thăng Long - Những phát hiện mới của Khảo cổ học. Số 1 (332), tr. 39-44.
- NGUYỄN QUỐC HÙNG
 - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với nước Nhật. Số 2 (333), tr. 3-7.
- PHAN HUY LÊ
 - Hội An - Di sản văn hóa thế giới. Số 4 (335), tr. 3-19.
- NGUYỄN QUANG NGỌC
 - Giáo sư Đào Duy Anh và môn Địa lý học lịch sử Việt Nam hiện đại. Số 7 (338), tr. 3-6.
- TÀ NGỌC LIỄN
 - Học giả Đào Duy Anh với công tác khảo chứng, chủ giải tài liệu sử tịch. Số 7 (338), tr. 7-10.
- VĂN TẠO
 - Nhà yêu nước Nguyễn Thái Học xứng đáng được đứng trong hàng ngũ những anh hùng dân tộc thời Cận đại. Số 7 (338), tr. 34-38.
- LÊ ĐÌNH SÝ
 - Tổng hành dinh khu A - Những di tích lịch sử thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cần được tôn tạo, bảo vệ. Số 7 (338), tr. 47-50.
- LƯƠNG NINH
 - Vương quốc Phù Nam - Những hiểu biết mới - nhận thức mới. Số 8 (339), tr. 44-60.
- HUỲNH QUỐC THẮNG
 - Khánh Hòa - Vùng đất hội lưu văn hóa đặc trưng của phương Nam. Số 10 (341), tr. 32-37.
- PHÙNG PHÚ
 - Khảo cổ học tại di tích Cố đô Huế. Số 11 (342), tr. 3-9.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG
 - Thành lập quân đội nhân dân Việt Nam - Một yêu cầu tất yếu trong cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta. Số 12 (343), tr. 3-6.
- LÝ TOÀN THẮNG
 - Đất Quảng trong tiến trình lịch sử chữ Quốc ngữ. Số 12 (343), tr. 7-17.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- TRẦN THỊ VINH
 - Thể chế chính quyền Nhà nước Lê - Trịnh: Sản phẩm đặc biệt của lịch sử Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII. Số 1 (332), tr. 21-30.
- PHAN PHƯƠNG THẢO
 - Từ chủ trương đến giải pháp quân điền năm 1839 ở Bình Định. Số 1 & 2 ((332 & 333), tr. 1-38 & 26-32.
- TRẦN THỊ THANH THANH
 - Về nền hành chính triều Nguyễn thời kỳ 1802-1883. Số 2 (333), tr. 17-25.
- VŨ THỊ PHUNG
 - Sự khẳng định chủ quyền quốc gia của các Nhà nước quân chủ Việt Nam. Số 2 (333), tr. 17-25.
- TRẦN ĐỨC CƯỜNG
 - Phát hiện mới sẽ được công bố: Phần tiếp theo trọn bộ của *Đại Nam thực lục Chính biên*. Số 3 (334), tr. 38-41.
- LÊ DUY SƠN
 - Về những phủ đệ ở Huế thời các vua Nguyễn. Số 4 & 5 (335 & 336), tr. 20-30 & 28-38.
- NGÔ VĂN DOANH
 - Thành Lồi ở Huế. Số 4 (335), tr. 31-35.
- NGUYỄN VĂN ĐĂNG
 - Ngành đóng thuyền ở Huế thời Nguyễn (1802-1884). Số 6 (337), tr. 22-35.
- NGUYỄN QUANG HÀ
 - Cư dân Trà Lũ trong các thế kỷ XV-XIX (Qua tư liệu địa phương). Số 6 (337), tr. 36-46.
- NGUYỄN QUANG HỒNG
 - Hệ thống chợ ở Nghệ An thế kỷ XIX. Số 6 (337), tr. 47-52.
- NGUYỄN DANH PHIỆT
 - Việt Nam thời Mạc - Cuộc chiến không khoan nhượng giữa hai tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh và Mạc. Số 9 (340), tr. 3-13.

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI . Vài nét về thái ấp Văn Trinh của Trần Nhật Duật. Số 9 (340), tr. 14-20.
- PHAN THANH HẢI . Tìm hiểu hệ thống thủ phủ thời các chúa Nguyễn. Số 9 & 10 (340 & 341), tr. 21-37 & 14-20.
- BÙI THỊ TÂN . Vài nét về sự hình thành và phát triển của làng xã Bình Định dưới thời phong kiến. Số 9 (340), tr. 38-44.
- TRẦN THỊ VINH . Thể chế chính quyền ở Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn (Thế kỷ XVI-XVIII). Số 10 (341), tr. 3-13.
- SONG JEONG NAM . Bàn về ý nghĩa thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mông Cổ của Việt Nam. Số 10 (341), tr. 22-31.
- NGUYỄN ĐỨC NHUỆ . Một vài nét về tên gọi - duyên cách hành chính Tuyên Quang trong lịch sử. Số 10 (341), tr. 38-44.
- PHAN TIẾN DŨNG . Một số quy chế về xây dựng dưới thời Nguyễn. Số 11 (342), tr. 10-18.
- PHAN THANH HẢI . Hệ thống giếng cổ ở Cố đô Huế - Loại hình và đặc điểm phân bố. Số 11 (342), tr. 19-26.
- PHẠM ĐỨC THÀNH DŨNG . Thủ ghép những ô thơ chữ Hán trên đền Hương Nguyễn - chùa Linh Mụ. Số 11 (342), tr. 27-36.
- LƯU TRANG . Hệ thống phòng thủ Đà Nẵng dưới triều Nguyễn. Số 11 (342), tr. 37-45.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- PHẠM HỒNG TUNG . Về mối quan hệ cộng tác - cộng trị Nhật - Pháp ở Việt Nam trong Thế chiến II và nguyên nhân của cuộc đảo chính ngày 9-3-1945. Số 2 & 3 (333 & 334), tr. 8-16 & 42-49.
- NGUYỄN NGỌC CƠ . Hoạt động khai thác các mỏ than ở Thái Nguyên của thực dân Pháp (1906-1945). Số 4 (335), tr. 36-44.
- ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYỄN GIÁP . Chiến thắng Điện Biên Phủ - Chiến thắng của truyền thống văn hóa Việt Nam. Số 5 (336), tr. 3-4.
- TRƯƠNG THỊ TIẾN . Đổi mới chính sách ruộng đất ở Việt Nam và vấn đề ruộng đất của kinh tế hộ nông dân. Số 5 (336), tr. 5-18.
- NGUYỄN THỊ LỆ HÀ . Nguyễn Văn Vĩnh với việc cổ vũ và truyền bá chữ Quốc ngữ đầu thế kỷ XX. Số 5 (336), tr. 19-27.
- VICTOR GOLOUBEW . Những khối đá chạm khắc ở vùng Sa Pa (Bắc Kỷ). Số 5 (336), tr. 39-47.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH . Hai mươi năm đổi mới quan hệ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp Việt Nam - Thành tựu và vấn đề. Số 6 (337), tr. 3-12.
- NGUYỄN ĐÌNH TƯ . Nghiên cứu lịch sử các địa danh hành chính Nam Bộ. Số 6 (337), tr. 13-21.
- VŨ DƯƠNG NINH . Hiệp định Giơnevơ 1954 - Một nấc thang trên tiến trình giải phóng dân tộc. Số 7 (338), tr. 11-16.
- HỒ KHANG . Chính sách đối xử với tù, hàng binh của Việt Nam trong 30 năm chiến tranh (1954-1975). Số 7 (338), tr. 17-27.
- HỒ SƠN ĐÀI . Vấn đề đấu tranh quân sự ở Nam Bộ sau Hiệp định Paris. Số 7 (338), tr. 28-33.
- NGUYỄN THỊ CHINH . Sách báo cách mạng và tiến bộ trong cuộc đấu tranh chống những khuynh hướng chính trị sai lầm, phản động thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936-1939). Số 7 (338), tr. 39-46.
- LƯƠNG VIẾT SANG . Cục diện vừa đánh vừa đàm lần thứ hai trong kháng chiến chống Pháp. Số 9 (340), tr. 45-52.
- NGUYỄN VĂN THƯỜNG . Góp phần tìm hiểu cuộc khởi nghĩa Võ Trứ, Trần Cao Vân ở Phú Yên năm 1898. Số 10 (341), tr. 45-50.
- ĐOÀN MINH HUẤN . Góp phần tìm hiểu đội ngũ công nhân Vinh - Bến Thủy trong 30 năm đầu thế kỷ XX. Số 12 (343), tr. 18-27.

- VŨ THỊ MINH HƯƠNG . Hội chợ ở các tỉnh Bắc Kỳ trước năm 1945. Số 12 (343), tr. 28-39.

KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ

- ĐẠI TƯỚNG VÔ NGUYỄN GIÁP . Tinh thần Điện Biên Phủ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta. Số 3 (334), tr. 3-11.
- TRẦN VĂN GIÀU . Tâm vóc của chiến thắng Điện Biên Phủ. Số 3 (334), tr. 12-14.
- CAO VĂN LƯỢNG . Chiến thắng Điện Biên Phủ - Thành quả của ý chí và quyết tâm chiến đấu của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do và hòa bình. Số 3 (334), tr. 15-21.
- VŨ DƯƠNG NINH . Chiến cuộc Điện Biên Phủ trong bối cảnh quốc tế những năm 50. Số 3 (334), tr. 22-30.
- PHẠM XANH . Lưu giữ ký ức Điện Biên Phủ ở Việt Nam. Số 3 (334), tr. 31-37.

NHÂN DỊP 45 NĂM KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI (1959-2004)

- CAO VĂN LƯỢNG . Tính chủ động, sáng tạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi. Số 8 (339), tr. 3-11.
- PHẠM THANH BIẾN . Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28-8-1959). Số 8 (339), tr. 12-19.
- NGUYỄN VĂN NHẬT . Tính sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi - Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 3-1975. Số 8 (339), tr. 20-27.
- NGUYỄN VĂN MINH . Tâm vóc cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và tác động của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam. Số 8 (339), tr. 28-31.
- PHAN NGỌC LIÊN . Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng trong truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi. Số 8 (339), tr. 32-35.
- ĐINH QUANG HẢI . Khởi nghĩa Trà Bồng - Mốc mở đầu trang sử đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang của nhân dân Quảng Ngãi. Số 8 (339), tr. 36-43.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- ĐÀO TUẤN THÀNH . Chế độ Quân chủ Lập hiến của Rumani (Giai đoạn 1866-1947). Số 2 (333), tr. 40-50.
- NGUYỄN CẢNH HUỆ . Vài nét về quan hệ Việt Nam - Ấn Độ. Số 3 (334), tr. 50-58.
- TRỊNH THỊ ĐỊNH . Thái độ của Australia trước tình hình chính trị Đông Dương năm 1954. Số 4 (335), tr. 45-52.
- NGUYỄN TIẾN LỰC . Phong trào lưu học của thanh niên Nhật Bản vào thời Meiji. Số 4 (335), tr. 53-60.
- NGUYỄN VĂN KIM . Nhật Bản: Ba lần mở cửa - Ba sự lựa chọn. Số 5 (336), tr. 48-60.
- NGUYỄN MẠNH DŨNG . Quan hệ Nhật Bản - Triều Tiên dưới tác động của cuộc xâm lược Triều Tiên năm 1627 và 1636 của Mãn Châu. Số 6 (337), tr. 53-61.
- NGUYỄN HÀO HÙNG . Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong bối cảnh quốc tế mới (Dưới góc độ an ninh - chính trị). Số 7 (338), tr. 51-57.
- ĐINH CÔNG TUẤN . Những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện cải cách và mở cửa ở Trung Quốc. Số 7 (338), tr. 58-66.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG . Người Mỹ gốc Phi trong xã hội Mỹ thời đầu lập nước. Số 8 (339), tr. 61-68.

- TRẦN HIỆP . Vấn đề quần đảo Curin trong quan hệ Nga - Nhật ở thế kỷ XX. Số 9 (340), tr. 53-58.
- NGUYỄN TIẾN LỰC . Vai trò của sứ đoàn Iwakura đối với sự nghiệp Cận đại hoá Nhật Bản. Số 10 (341), tr. 51-61.
- HOÀNG CHẤN NAM . Nhìn lại tình hình nghiên cứu lịch sử chiến tranh Trung - Pháp trong 100 năm qua. Số 11 & 12 (342 & 343), tr. 46-58 & 40-52.
- ĐINH CÔNG TUẤN . Vài nét về quá trình xây dựng nền kinh tế XHCN ở Trung Quốc. Số 12 (343), tr. 53-61.
- NGUYỄN CẢNH HUẾ . Đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam - Một số vấn đề đang đặt ra. Số 12 (343), tr. 62-67.

LỊCH SỬ VỚI NHÀ TRƯỜNG

- TRẦN THỊ VINH . Hội nhập khu vực về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Đông Nam Á: Vấn đề đặt ra cho các trường đại học Việt Nam. Số 1 (332), tr. 45-55.
- ĐẶNG THANH TOÁN . Một số vấn đề về nghiên cứu và giảng dạy lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện nay. Số 2 (333), tr. 51-55.
- NGUYỄN PHAN QUANG . Cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên của Đại Việt trong sách giáo khoa các trường trung học Nhật Bản. Số 3 (334), tr. 59-61.
- NGUYỄN PHAN QUANG . Tim hiểu thêm thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh thành Biên Hoà (16-12-1861). Số 4 (335), tr. 61-67.
- PHAN NGỌC LIÊN . Sự kiện "Điện Biên Phủ" trong sách giáo khoa lịch sử ở một số nước phương Tây. Số 5 (336), tr. 61-66.
- TRỊNH ĐÌNH TÙNG . Những vấn đề kinh tế - văn hóa trong sách giáo khoa lịch sử ở trường phổ thông. Số 6 (337), tr. 70-72.
- VÕ XUÂN ĐÀN . Tình hình giảng dạy lịch sử, văn hóa truyền thống ở bậc đại học trong bối cảnh kinh tế thị trường. Số 7 (338), tr. 67-71.
- HÀ MINH HỒNG . Vài nét về ngành văn hóa học ẩm thực Việt Nam. Số 8 (339), tr. 69-71.
- TRẦN KHÁNH . Đông Phương học ở Liên bang Nga và Cộng hòa Pháp: Mô hình tổ chức và đào tạo đại học, sau đại học. Số 9 (340), tr. 59-62.
- NGUYỄN VĂN ĐẰNG . Về việc dạy học lịch sử địa phương trong các trường phổ thông ở Hà Nội. Số 10 (341), tr. 62-66.
- PHẠM VĂN HÀ . Điện Biên Phủ trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử ở một số trường đại học khu vực Đông Nam Á. Số 11 (342), tr. 59-66.
- TRẦN THỊ VINH

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN QUANG HỒNG . Thêm một số ý kiến về Lục Niên Thành. Số 1 (332), tr. 56-59.
- VŨ QUÝ THU . Một số căn cứ địa quan trọng trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX ở Thanh Hóa. Số 1 (332), tr. 60-66.
- NGUYỄN PHAN QUANG . Lần đầu tiên Báo Cờ đỏ của Đảng Cộng sản Bỉ đăng một bài viết của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Số 2 (333), tr. 56-58.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH . Hệ thống ngạch bậc công chức của Chính quyền thuộc địa ở Bắc và Trung Kỳ (Qua Nghị định năm 1936). Số 2 (333), tr. 59-72.
- THỦY TRƯỜNG . Một số tư liệu về cuộc chiến tranh Pháp-Việt (1946-1954) qua cuốn sách "Cuộc chiến tranh Pháp Đông Dương" của Alanh Rútxiô. Số 3 (334), tr. 62-67.

- NHUẬN CHI . Tác giả "Quốc sử đính ngoa" là ai?. Số 3 (334), tr. 68.
- NGUYỄN MINH TƯỜNG . Nội dung tấm bia "Quang Vinh phúc thần sự lục bi ký" dựng tại đình xã Quang Vinh, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thờ Dương Tự Minh làm Thành hoàng. Số 5 (336), tr. 67-73.
- HOÀI NGUYÊN . Cuộc vượt ngục của Hoàng thân Suphanuvong và các lãnh tụ Pathet Lào. Số 6 (337), tr. 62-66.
- TRẦN NGỌC ANH . Danh tướng Tây Sơn Phan Văn Lân. Số 6 (337), tr. 67-69.
- NGUYỄN PHAN QUANG
- TRẦN PHƯỚC THUẬN . Tìm hiểu họ tên thật của một số nhân vật trong cuộc nổi dậy của nông dân Ninh Thạnh Lợi chống thực dân Pháp - 1927. Số 9 (340), tr. 63-70.
- NGÔ XUÂN TRƯỜNG . Đà Lạt - Tuyên Đức trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968. Số 10 (341), tr. 67-70.
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP . Tư liệu về sở hữu ruộng đất từ một tờ tươn phán gia tài ở Tiền Giang. Số 11 (342), tr. 67-69.
- TRỊNH CÔNG LÝ . Về tờ báo "Tiến lên" trong nhà tù Côn Đảo trước năm 1940. Số 12 (343), tr. 68-71.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGÔ VĂN MINH . Về vị trí lý sở Dinh Quảng Nam năm 1602. Số 1 (332), tr. 67-72.
- NGUYỄN VĂN TRƯỜNG . Vọng cung (hành cung) trong thành Sơn Tây có nên gọi là điện Kinh Thiên?. Số 7 (338), tr. 72-73.
- NGUYỄN VĂN CHIẾN . Vấn đề lịch sử Văn miếu Hưng Yên. Số 8 (339), tr. 72-73.
- ĐẶNG ĐỨC KIỀN . Vài đính chính về mối quan hệ giữa Đặng Trần Thường và Ngô Thị Nhậm. Số 9 (340), tr. 71-73.
- NGUYỄN ĐÌNH THỐNG . Di tích lịch sử Côn Đảo cần có một giải pháp tổ chức, quản lý thích hợp. Số 10 (341), tr. 71-73.
- HUỲNH THỊ ANH VÂN . Về bài khảo cứu: "Giáp Ngọ niên binh Nam đỗ" của David Bulbeck và Li Tana. Số 11 (342), tr. 70-76.

ĐỌC SÁCH

- BÙI THỊ THU HÀ . Tìm hiểu một số công trình nghiên cứu "Cuộc chiến tranh Việt Nam" ở Mỹ trong những năm cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI. Số 3 (334), tr. 69-73.
- ĐINH XUÂN LÂM . "Hồ Chí Minh - Từ nhà cách mạng đến thần tượng". Số 4 (335), tr. 68-72.

THÔNG TIN

- P.V . Kỷ niệm 50 năm thành lập Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (1953-2003). Số 1 (332).
- P.V . Kỷ niệm 50 năm thành lập Viện Sử học. Số 1 (332).
- KHÁNH TRI . Hội thảo khoa học: "1954-2004: Trận Điện Biên Phủ - Giữa lịch sử và kí ức". Số 1 (332).
- THU HẰNG . Giải thưởng Sử học Phạm Thận Duật. Số 1 (332).
- PHƯƠNG CHI . Hội nghị cộng tác viên các tỉnh phía Nam. Số 1 (332).
- P.C . Hội thảo khoa học: "Dương Tự Minh - Danh nhân lịch sử dân tộc". Số 1 (332).
- M. DŨNG . Lễ Tưởng niệm GS. Thượng tướng Vũ Lăng. Số 1 (332).
- P.V . Hội thảo khoa học: "Thân thế và sự nghiệp của Trần Nhân Tông (1258-1308)". Số 2 (333).

- KIM DUNG
 - Phát hiện tấm biển "Đài kỷ" bằng đá trong thành cổ Sơn Tây (Hà Tây). Số 2 (333).
- P.C
 - Tọa đàm khoa học: "Hợp tác Việt Nam - ASEM: Thực trạng và những vấn đề đặt ra". Số 2 (333).
- THU HẰNG
 - Hội thảo khoa học: "Liệt sĩ Nguyễn Thái Học - Chủ tịch Việt Nam Quốc dân đảng năm 1931". Số 2 (333).
- MANH DŨNG
 - Tọa đàm: "Những người châu Âu tham gia hàng ngũ kháng chiến Việt Nam". Số 2 (333).
- P.V
 - Điểm sách. Số 2 (333).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Lễ mừng thọ GS. Đinh Xuân Lâm, PGS. Bùi Đinh Thanh 80 tuổi; GS. Phan Huy Lê 70 tuổi. Số 3 (334).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học Quốc gia: "Kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và công cuộc đổi mới, phát triển đất nước (1954-2004)". Số 3 (334).
- LINH NAM
 - Lễ Kỷ niệm 10 năm Tạp chí Xưa và Nay. Số 3 (334).
- P.C
 - Hội thảo khoa học Kỷ niệm 100 năm ngày sinh GS. Đào Duy Anh. Số 3 (334).
- ĐỖ HUẤN
 - Trưng bày cổ vật Hoàng thành Thăng Long tại Thành phố Hồ Chí Minh. Số 3 (334).
- N.V.K
 - Hội thảo khoa học: "Điện Biên Phủ - 50 năm nhìn lại". Số 4 (335).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học: "Đồng chí Trần Phú với cách mạng Việt Nam và quê hương Hà Tĩnh". Số 4 (335).
- V.K.C
 - Hội thảo khoa học: "Quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào: Thực trạng và triển vọng". Số 4 (335).
- K.C
 - Hội thảo khoa học: "Thời điểm hình thành đô thị Vũng Tàu". Số 4 (335).
- P.V
 - Bảo tồn làng cổ Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Tây). Số 4 (335).
- P.V
 - Trưng bày bốn mẫu tượng đài Thánh Gióng lấy ý kiến công chúng. Số 4 (335).
- N.P.C
 - Hội thảo khoa học Quốc tế: "50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ". Số 5 (336).
- P.C
 - Hội thảo khoa học: "Chiến thắng Điện Biên Phủ trong nghiên cứu và giảng dạy lịch sử". Số 5 (336).
- P.X.H
 - Hội thảo khoa học: "Trận Điện Biên Phủ và Hội nghị Genève". Số 5 (336).
- N.P.C
 - Hội thảo khoa học: "Vị trí, quy mô Hoàng thành Thăng Long qua hệ thống bản đồ và tư liệu khảo cổ học". Số 6 (337).
- ĐINH QUANG HẢI
 - Hội thảo khoa học: "Buôn Ma Thuột - Lịch sử hình thành và phát triển". Số 6 (337).
- N. MANH
 - TS. Anatoli Sokolov trao đổi khoa học với các nhà nghiên cứu của Viện Sử học. Số 6 (337).
- LÊ HẰNG
 - Đại hội Hội Sử học Hà Nội nhiệm kỳ III (2004-2008). Số 6 (337).
- L.T.H
 - Lễ tưởng niệm 1130 năm ngày sinh Anh hùng dân tộc Dương Đinh Nghệ (874-2004). Số 6 (337).
- N.V.A
 - Hội nghị Báo cáo kết quả thực hiện đề tài: "Nghiên cứu điều tra khảo sát sưu tầm và xây dựng hệ thống tư liệu lịch sử và văn hóa dân gian khu vực Cổ Loa". Số 6 (337).
- DANH HUẤN
 - Lễ bàn giao Thành cổ Hà Nội. Số 6 (337).
- N.P.C
 - Lễ công bố quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển. Số 7 (338).

- VÕ KIM CƯƠNG
 - Hội thảo khoa học về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Xuphanuvông. Số 7 (338).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học: "Kết quả nghiên cứu bước đầu về một số loại hình di vật tiêu biểu ở Hoàng thành Thăng Long". Số 7 (338).
- P.V
 - Triển lãm cổ vật bang giao thời Nguyễn tại Huế. Số 7 (338).
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Hội thảo khoa học Quốc tế về Việt Nam học lần thứ II: "Việt Nam trên con đường phát triển và hội nhập: Truyền thống và hiện đại". Số 8 (339).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Điểm sách. Số 8 (339).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Kính báo. Số 8 (339).
- P.V
 - Khởi công xây dựng tượng đài Lý Thái Tổ. Số 9 (340).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học: "Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi". Số 9 (340).
- P.V
 - Hội nghị kỷ niệm 5 năm Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (26/8/1999 - 26/8/2004). Số 9 (340).
- N.P.C
 - Hội thảo khoa học: "Cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân văn hoá Mạc Đĩnh Chi". Số 9 (340).
- N.V.A
 - Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà trí thức cách mạng Lê Văn Hiến. Số 9 (340).
- LINH NAM
 - Điểm sách. Số 9 (340).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Vĩnh biệt PGS. Nhà giáo Nguyễn Văn Kiệm. Số 10 (341).
- PHẠM HỒNG TUNG
 - Hội thảo Euroseas 4 tại Paris. Số 10 (341).
- PHƯƠNG CHI
 - Lễ Kỷ niệm 1060 năm ngày mất của Anh hùng dân tộc Ngô Quyền (944-2004). Số 10 (341).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "Hà Nội 50 năm - Thành tựu và những thách thức trên đường phát triển". Số 10 (341).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Hội nghị thông báo Những phát hiện mới về Khảo cổ học lần thứ 39. Số 10 (341).
- P.V
 - Giới thiệu sách. Số 10 (341).
- P.V
 - Hội thảo khoa học: "Khảo cổ học tại di tích Cố đô Huế với vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích". Số 11 (342).
- P.V
 - Điểm sách. Số 11 (342).
- P.V
 - Chúc mừng các nhà khoa học thuộc chuyên ngành Lịch sử được phong Giáo sư, Phó Giáo sư. Số 12 (343).
- P.C
 - Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động của Viện Khảo cổ học. Số 12 (343).
- TRẦN VĂN THỨC
 - Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động của Trường Đại học Vinh. Số 12 (343).
- N.T.B
 - Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Số 12 (343).
- ĐỖ DANH HUẤN
 - Hội nghị Công tác tạp chí của Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Số 12 (343).
- P.V
 - Lễ Kỷ niệm 5 năm giải thưởng sử học Phạm Thận Duật và Lễ trao giải thưởng sử học Phạm Thận Duật lần thứ 5 (năm 2004). Số 12 (343).
- P.V
 - Mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 2004

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 2003

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- LUÔNG NINH- PHAN NGỌC LIÊN- TRẦN QUỐC VƯỢNG TRẦN THUÝ ANH- VĂN TẠO | <ul style="list-style-type: none">• Tôn giáo và xã hội (châu Á). Số 1 (326), tr. 3-9.• Về vấn đề bản sắc dân tộc, ký ức và ý thức lịch sử. Số 1 (326), tr. 10-16.• Văn hoá Huế (Dưới cái nhìn Địa - Sử - Văn hoá). Số 4 (329), tr. 3-6.• Nhân quyền và nhân đạo trong lịch sử Việt Nam. Số 5 (330), tr. 3-7. |
|---|---|

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">- NGUYỄN PHUỐC TƯƠNG- NGUYỄN THỊ ĐÁM- NGÔ VĂN DOANH- HÀ MẠNH KHOA- NGUYỄN HỮU THÔNG- DƯƠNG HÀ HIẾU- KIKUCHI SEIICHI- LUU TRANG- TRẦN ĐỨC ANH SƠN- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP- NGUYỄN VĂN KIỆM- NGUYỄN HỮU THÔNG NGUYỄN PHUỐC BẢO ĐÀN- TRẦN THỊ MỸ HẠNH- LUU TRANG- NGUYỄN PHUỐC TƯƠNG- NGÔ VŨ HẢI HẰNG- NGUYỄN NGỌC QUỲNH- NGUYỄN DANH PHIẾT- NGUYỄN BÌNH | <ul style="list-style-type: none">• Quý phi Đoàn Thị Ngọc. Số 1 (326), tr. 56-61.• Vấn đề nhượng địa ở Huế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số 2 (327), tr. 3-13.• Thành Khu Túc và những dấu tích ở Cao Lao Hạ. Số 2 (327), tr. 14-17.• Thành cổ Làng Chiêng (Cẩm Thuỷ - Thanh Hoá). Số 2 (327), tr. 18-22.• Mấy nét đặc trưng của làng xã miền Trung. Số 2 (327), tr. 23-30.• Địa giới huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ trong lịch sử. Số 2 (327), tr. 31-35.• Phố Nhật Bản ở Hội An qua nghiên cứu khảo cổ học. Số 2 (327), tr. 36-47.• Vài nét về hoạt động ngoại thương ở cảng biển Đà Nẵng nửa đầu thế kỷ XIX. Số 3 (328), tr. 50-56.• Hiểu thêm về các chuyến di sứ sang Trung Hoa dưới triều Nguyễn (1802-1945). Số 4 (329), tr. 7-22.• Giao lưu nông sản hàng hoá giữa Tiền Giang với các nơi khác hồi thế kỷ XVII và XVIII. Số 4 (329), tr. 23-29.• Hình ảnh 7 tỉnh miền Tây Đàng Ngoài giữa thế kỷ XIX. Số 4 (329), tr. 30-38.• Đường Thiên lý của nước Đại Nam trên đất Quảng Bình (thế kỷ XIX). Số 5 (330), tr. 8-18.• Vùng đất Vĩnh Long trong các thế kỷ XVII-XIX. Số 5 (330), tr. 28-37.• Vài nét về địa bàn Đà Nẵng hồi thế kỷ XVI-XVII. Số 5 (330), tr. 38-46.• Vai trò của người Việt và địa điểm đầu tiên trong việc phát minh ra chữ quốc ngữ ở nước ta. Số 5 (330), tr. 47-52.• Vai trò của Sĩ Nhiếp trong việc xây dựng nền móng Nho học ở Luy Lâu. Số 5 (330), tr. 53-62.• Tục cúng hậu và lập bia hậu ở nước ta trong lịch sử. Số 5 (330), tr. 63-69.• Thời Lê sơ vào buổi suy tàn - Bi kịch và hệ quả. Số 6 (331), tr. 3-14.• Khảo sát một số thành, lũy cổ ở Quảng Trị. Số 6 (331), tr. 15-24. |
|---|--|

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- TRẦN VĂN THÚC
 - Góp phần làm sáng tỏ thêm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Nghệ An. Số 1 (326), tr. 17-25.
- NGUYỄN THANH XUÂN
 - Tim hiểu quá trình nghiên cứu về đạo Cao Đài. Số 1 (326), tr. 26-34.
 - Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh (6-2-1959). Số 1 (326), tr. 35-48.
 - Tim hiểu các cuộc vận động thống nhất đạo Cao Đài trước năm 1975. Số 2 (327), tr. 48-56.
 - Về nguyên nhân phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam trong những năm 1964-1965. Số 2 (327), tr. 57-64.
 - Ý chí cứu nước của nhóm sĩ phu bị tù ở Côn Đảo đầu thế kỷ XX. Số 2 (327), tr. 65-71.
 - Về Cường Để và tổ chức Việt Nam phục quốc đồng minh Hội trong thời kỳ Thế chiến II. Số 3 (328), tr. 3-18.
 - Vài nét về hệ thống cảng hàng không miền Nam trước năm 1975. Số 3 (328), tr. 17-28.
 - Bàn thêm về vấn đề ruộng đất ở Bắc Tây Nguyên dưới thời Mỹ - nguy (1954-1975). Số 3 (328), tr. 29-38.
 - Hà Văn Mao với phong trào chống Pháp của Thanh Hoá cuối thế kỷ XIX. Số 3 (328), tr. 39-41.
 - Định chế thuế môn bài ở Bắc Kỳ trước 1945. Số 3 (328), tr. 42-49.
 - Về vấn đề quản lý làng xã ở huyện Thanh Sơn trước năm 1945 (Qua các hương ước). Số 4 (329), tr. 39-48.
 - Mật trận ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số 4 (329), tr. 49-57.
 - Việc chuyển nhượng và cấp đất dai của chính quyền thực dân Pháp ở Đà Nẵng cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Số 5 (330), tr. 19-27.
 - Phan Thanh Giản - Khối mâu thuẫn lớn. Số 6 (331), tr. 25-31.
 - Về cuộc chiến đấu giải phóng Lào Cai khỏi ách chiếm đóng của Việt Nam Quốc dân đảng (1946). Số 6 (331), tr. 32-37.
 - Tim hiểu thêm về chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Tây Nguyên trước năm 1945. Số 6 (331), tr. 38-47.
 - Vài nét về Hồ Bá Ôn và trận chiến đấu giữ thành Nam Định. Số 6 (331), tr. 48-52.
- ĐINH XUÂN LÂM
 - HỒ TUẤN DUNG
 - ĐƯƠNG HÀ HIẾU
 - LUÔNG VIẾT SANG
- NGUYỄN THỊ ĐÀM
 - ĐINH XUÂN LÂM
 - VÕ KIM CƯỜNG
 - ĐINH QUANG HẢI
 - TRƯỞNG QUẾ PHƯƠNG
- HOÀNG CHẨN NAM
 - NGUYỄN VĂN KIM

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- Khái quát bối cảnh nổ ra chiến dịch Bắc Ninh. Số 1 (326), tr. 49-55.
- Về cơ chế hai chính quyền cùng song song tồn tại trong lịch sử Việt Nam và Nhật Bản. Số 1 (326), tr. 62-74.

- NGUYỄN CÁNH HUỆ

- LẠI BÍCH NGỌC

- NGUYỄN VĂN KIM

- LÊ TRUNG DŨNG

- NGUYỄN VĂN KIM

- NGUYỄN TIẾN LỰC

- NGUYỄN NGỌC MÃO

- VĂN NGỌC THÀNH

- PHẠM HỒNG TUNG

- ĐINH CÔNG TUẤN

- LUONG THI THOA

- Tìm hiểu quan điểm của Chính phủ nước Cộng hòa Ấn Độ trong việc giải quyết vấn đề Campuchia (1979-1991). Số 1 (326), tr. 75-83.
- Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở châu Á thế kỷ XVII. Số 2 (327), tr. 72-77.
- Quan hệ của Vương quốc Ryukyu với Đông Nam Á thế kỷ XV-XVI. Số 3 (328), tr. 57-67.
- Tác động của Cải tổ ở Liên Xô tới Bungari. Số 3 (328), tr. 68-75.
- Ryukyu trong quan hệ với Nhật Bản và Trung Quốc thế kỷ XVII - XVIII. Số 4 (329), tr. 58-71.
- Sự biến đổi trong quan hệ thương mại Nhật Bản - Đông Dương (1940-1945). Số 4 (329), tr. 72-76.
- Tư tưởng độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội của Hôxê Mácti và Cách mạng Cu Ba. Số 4 (329), tr. 77-83.
- Sự ra đời của Đáng Quốc Đại Ấn Độ (25-12-1885). Số 5 (330), tr. 70-79.
- Vài nhận định về cuộc cải cách ở Thái Lan (Siam) dưới các triều vua Mongkut và Chulalongkorn từ cái nhìn so sánh khu vực. Số 6 (331), tr. 53-62.
- Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc - Những bài học kinh nghiệm. Số 6 (331), tr. 63-68.
- Chính sách thực dân của Tây Ban Nha đối với cư dân da đỏ trên lục địa Mỹ và hậu quả của nó (thế kỷ XV-XVI). Số 6 (331), tr. 69-78.

TU LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- VÕ THỊ THU NGA

- Góp thêm tư liệu về phong trào học sinh, trí thức tiến bộ trong vùng địch tạm chiếm ở Bến Tre (1954-1975). Số 1 (326), tr. 84-89.
- Thêm một tài liệu mới về việc bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. Số 2 (327), tr. 78-80.
- Hai văn bản hướng dẫn khám nghiệm pháp y thời Lê. Số 2 (327), tr. 81-84.
- Hoạt động của Hồ Chí Minh ở Trung Quốc trong những năm 1942-1944. Số 3 (328), tr. 76-79.
- Một số tư liệu về Trương Vĩnh Ký với những tác phẩm của Ông. Số 3 (328), tr. 80-86.
- Lời tường thuật của một đại biểu Việt Nam tham dự Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (Tháng 7-1935). Số 4 (329), tr. 84-86.
- Một số tư liệu về phong trào "Bất bạo động" chống Pháp ở Sơn La từ đầu thế kỷ XX đến 1940. Số 4 (329), tr. 87-88.
- Về bài chế phong tặng Lê Trãi, Tế văn hầu của vua Lê Tương Dực. Số 5 (330), tr. 85-88.
- Tìm hiểu thêm bí kịch Phan Thanh Giản. Số 5 (330), tr. 89-92.

- NGUYỄN VĂN KHÁNH

- TRẦN KIM ANH

- VŨ HÀ

- NGUYỄN PHAN QUANG

- NGUYỄN TRỌNG HẬU

- PHẠM VĂN LỰC

- NGUYỄN MINH TƯỜNG

- NGUYỄN PHAN QUANG
TRIỀU ANH

- NGUYỄN VĂN KHOAN

- Việt kiều tham gia giành chính quyền ở Thà Khet, tháng 8 năm 1945. Số 6 (331), tr. 79-82.

- NGUYỄN QUANG HỒNG

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- KEN ARAKAWA

- Thêm một số ý kiến về Lam Thành - Phù Thạch. Số 2 (327), tr. 85-88.
- Vài suy nghĩ về Đông Kinh Nghĩa Thục và Fukuzawa Yukichi (Phúc Trạch Dụ Cát). Số 3 (328), tr. 87-93.
- Thêm một vài đính chính và nghi vấn về các vị khoa bảng được chép trong các sách đăng khoa lục. Số 4 (327), tr. 89-94.

- BÙI XUÂN ĐÍNH

ĐỌC SÁCH

- TRẦN THỊ NHUNG

- "Lê Văn Khôi và sự biến thành Phiên An (1833-1835)". Số 1 (326), tr. 90-91.

- HOÀNG LUẬNG

- "Nhận thức mới về đất Hà Tiên. Khảo luận - Đính chính - Tư liệu". Số 2 (327), tr. 89-92.

- PHAN NGỌC LIÊN

- "Các trường phái sử học" với việc nghiên cứu lịch sử. Số 5 (330), tr. 80-84.

- VŨ DƯƠNG NINH

- "Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội". Số 6 (331), tr. 83-85.

- TRẦN THỊ MAI

- Thư viện Viện Sử học - 50 năm xây dựng và phát triển. Số 6 (331), tr. 86-88.

THÔNG TIN

- NGUYỄN PHƯƠNG CHI

- Lễ tưởng niệm danh nhân và trao giải thưởng sử học Phạm Thận Duật. Số 1 (326).

- L.T.T.H

- Nghiệm thu công trình khoa học độc lập cấp Nhà nước "Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân khu Tây Bắc (1945-1954)". Số 1 (326).

- LINH NAM

- Di vật văn hóa Óc Eo phát hiện tại Long An. Số 1 (326).

- QUANG HẢI

- Hội thảo khoa học Danh nhân Hà Văn Mao. Số 1 (326).

- N.P.C

- Hội thảo: "Quy hoạch phát huy tác dụng khu Di tích Lịch sử - Văn hóa - Du lịch Phùng Hưng - Ngô Quyền". Số 1 (326).

- MẠNH DŨNG

- Hội thảo khoa học "Hòxè Máctí - Nhà tư tưởng, nhà cách mạng, nhà văn hóa lớn". Số 1 (326).

- P.C

- Lễ tưởng niệm Liệt sĩ cách mạng Phạm Tuân Tài (1902-1937). Số 1 (326).

- B.T

- Hội thảo quốc tế Kỷ niệm 30 năm ngày ký kết Hiệp định Paris (1973-2003). Số 2 (327).

- P.V

- Bảo tàng Cách mạng Việt Nam trưng bày chuyên đề "Tuổi trẻ Việt Nam - Những chặng đường lịch sử". Số 2 (327).

- MANH DŨNG
 - Hội thảo khoa học "Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại". Số 2 (327).
- TUẤN TÚ
 - Lăng mộ Tổ Tân Thuỷ Hoàng được phát hiện tại tỉnh Cam Túc. Số 2 (327).
- LINH NAM
 - Điểm sách. Số 2 (327).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Kính báo. Số 2 (327).
- VIỆN SỬ HỌC
 - Vĩnh biệt Tiến sĩ Trần Hữu Đính. Số 3 (328).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học "Thái Bình với sự nghiệp nhà Trần". Số 3 (328).
- P.V
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày chuyên đề "Sưu tập Sa Huỳnh và Champa (Quảng Nam)". Số 3 (328).
- LINH NAM
 - Điểm sách. Số 3 (328).
- NGUYỄN TRỌNG THÁI SƠN
 - Hội thảo khoa học: "Đồng chí Ngô Gia Tự - Cuộc đời và sự nghiệp". Số 4 (329).
- P.V
 - Tôn tạo Khu di tích Di Luân Đường (Huế). Số 4 (329).
- P.V
 - Trung cầu ý kiến về phác thảo tượng đài vua Quang Trung. Số 4 (329).
- P.V
 - Khánh thành Khu di tích lịch sử Phủ Thông (Bắc Cạn). Số 4 (329).
- N.V.A
 - Hội thảo khoa học Kỷ niệm 115 ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Số 5 (330).
- P.V
 - Hội thảo khoa học "Từ thế kỷ XXI đánh giá về Phan Thanh Giản". Số 5 (330).
- PHƯƠNG CHI
 - Diễn đàn sử học. Số 5 (330).
- P.C
 - Bảo tàng Lịch sử Việt Nam trưng bày "Kho báu từ 5 con tàu cổ dưới đáy biển Việt Nam". Số 5 (330).
- HẢI HẰNG
 - Hội nghị "Quy hoạch và tôn tạo di tích Đại danh y Tuệ Tĩnh". Số 5 (330).
- P.V
 - Khu di tích lịch sử Đồi bờ Hiền Lương được phục hồi 5 hạng mục di tích. Số 5 (330).
- LINH NAM
 - Giới thiệu sách. Số 5 (330).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội nghị thông báo khảo cổ học lần thứ 38. Số 6 (331).
- P.C
 - Hội nghị thông báo nghiên cứu và sử liệu về nhân vật lịch sử Nguyễn Văn Tường trong phong trào Cần vương. Số 6 (331).
- THU HẰNG
 - Hội thảo khoa học: "Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: quá khứ, hiện tại và tương lai". Số 6 (331).
- P.V
 - Kỷ niệm lần thứ 58 ngày Nam Bộ kháng chiến. Số 6 (331).
- LINH NAM
 - Sách mới. Số 6 (331).
- P.V
 - Mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 2003. Số 6 (331).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 2002

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- VĂN TẠO
 - Khoa học ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh. Số 1 (320), tr. 3-8.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Trí thức Việt Nam với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Số 1 (320), tr. 9-16.
 - Hồ Chí Minh - Người kiến lập thành công sự nghiệp giải phóng thuộc địa trong thế kỷ XX. Số 2 (321), tr. 3-8.
 - Từ lịch sử đấu tranh bảo vệ và mở mang bờ cõi của Việt Nam, suy nghĩ về tính cộng đồng của người Việt. Số 2 (321), tr. 39-49.
 - Nước Phù Nam - Một thế kỷ nghiên cứu. Số 3 (322), tr. 41-48.
 - Nghiên cứu ruộng đất và nông dân Việt Nam - Một số cách tiếp cận lý thuyết. Số 4 (323), tr. 3-10.
 - Về tình hình nghiên cứu vấn đề sở hữu ruộng đất trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1991-2000). Số 4 (323), tr. 50-57.
 - Ghi chú về những tương đồng và dị biệt về những giá trị văn hóa Đông Á giữa Việt Nam và các nước Đông Á khác. Số 5 (324), tr. 3-7.
 - Góp thêm ý kiến về việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương. Số 6 (325), tr. 58-62.
- LÊ VĂN TÍCH
- SONG JEONG NAM
- LUÔNG NINH
- NGUYỄN VĂN SƯU
- LÊ THỊ THU HẰNG
- TRẦN QUỐC VƯỢNG
- ĐÀO TỐ UYÊN
- NGUYỄN CÔNG KHANH
- NGUYỄN VĂN KIM
- HUỲNH CÔNG BÁ
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI
- NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG
- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
- ĐINH XUÂN LÂM
- CHƯƠNG THÂU
- PHAN PHƯƠNG THẢO
- ĐẶNG VĂN CHƯƠNG

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- Hệ thống buôn bán ở biển Đông thế kỷ XVI- XVII và vị trí của một số thương cảng Việt Nam (Một cái nhìn từ điều kiện Địa-Nhân văn). Số 1 (320), tr. 45-52.
- "Tam giáo" thời Mac qua tư liệu văn bia. Số 1 (320), tr. 53-68.
- Vài nét về tình hình điện trang thời Trần. Số 2 (321), tr. 50-58.
- Mạc Cảnh Huống - Một khai quốc công thần nhà Nguyễn. Số 2 (321), tr. 59-65.
- Tác dụng của hệ thống sông rạch ở Tiền Giang trong nửa đầu thế kỷ XIX. Số 2 (321), tr. 66-69.
- Họ Doãn trên đất An Duyên (Thường Tín, Hà Tây). Số 3 (322), tr. 49-52.
- Sách "An Nam chí lược" và tác giả của nó. Số 3 (322), tr. 53-61.
- Vài nét về đội ngũ chức sắc làng xã ở Bình Định nửa đầu thế kỷ XIX (Qua tư liệu địa bạ). Số 3 (322), tr. 62-70.
- Về cuộc tấn công của Xiêm vào Hà Tiên và Châu Đốc cuối năm 1833 đầu năm 1834. Số 3 (322), tr. 71-78.

- TRẦN THỊ THANH THANH • Góp thêm ý kiến về bộ Hoàng Việt luật lệ của triều Nguyễn. Số 4 (323), tr. 41-49.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI • Tìm hiểu qui mô thái ấp thời Trần. Số 5 (324), tr. 51-54.
- TRẦN THỊ VINH • Thể chế chính trị thời Nguyễn (Dưới triều Gia Long, Minh Mệnh). Số 6 (325), tr. 3-11.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT • Vài suy nghĩ về Nguyễn Hoàng với miền đất Thuận-Quảng. Số 6 (325), tr. 12-16.
- TRƯƠNG THỊ YẾN • Lệ vận tải thời Gia Long. Số 6 (325), tr. 17-21.
- PHẠM VĂN KÍNH • Thủ công nghiệp ở Thanh Hóa thời Nguyễn. Số 6 (325), tr. 22-29.
- ĐỖ BANG • Ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1614-1635). Số 6 (325), tr. 30-34.
- PHAN ĐẠI DOÀN • Tả Thanh Oai - Làng khoa bảng. Số 6 (325), tr. 35-43.
- BÙI XUÂN ĐÍNH
- BÙI THỊ THANH NHÀN
- NGUYỄN MINH TƯỜNG • Côn Sơn - Một vùng văn hóa lịch sử. Số 6 (325), tr. 44-48.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- PHẠM XANH • Hoạt động kinh doanh của các nhà doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài tại Hải Phòng trước năm 1945. Số 1 (320), tr. 17-27.
- TRẦN VĂN THÚC • Về diễn biến cuộc khởi nghĩa của binh lính Chợ Rang - Đô Lương. Số 1 (320), tr. 28-33.
- VŨ THỊ MINH HƯƠNG • Các đơn vị đo lường ở Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939. Số 1 (320), tr. 34-44.
- NGUYỄN DUY TIẾN • Tình hình sở hữu ruộng đất ở Thái Nguyên trước Cách mạng tháng Tám 1945. Số 2 (321), tr. 9-17.
- TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN • Những chuyển biến cơ bản về xã hội ở nông thôn Gia Lâm-Hà Nội (1988-1996). Số 2 (321), tr. 18-28.
- BÙI VĂN HÙNG • Quá trình di dân lập ấp Hà Đông và Nghệ-Tĩnh ở Đà Lạt trước Cách mạng tháng Tám 1945. Số 2 (321), tr. 29-38.
- PHẠM HỒNG TUNG • Nguyễn Ái Quốc - Những ngày tháng ở Berlin. Số 3 (322), tr. 3-12.
- NGUYỄN VĂN NHẬT • Vai trò của các "Ban xung phong" trong việc xây dựng căn cứ địa Tây Bắc thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 3 (322), tr. 13-22.
- KHÔNG ĐỨC THIÊM • Vài nét về tình hình công giáo ở Liên khu IV trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Số 3 (322), tr. 23-29.
- PHAN ĐẠI DOÀN • Họ Phó và nghề buôn thuốc Bắc làng Đa Ngưu (Hưng Yên) trước Cách mạng tháng Tám 1945. Số 3 (322), tr. 30-40.
- TRẦN THỊ THU HƯƠNG • "Quốc sách" áp chiến lược - chính sách bình định điển hình của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam (1961-1965). Số 4 (323), tr. 11-19.
- TRẦN KHÁNH • Vị trí người Hoa trong nền thương mại Việt Nam thời Pháp thuộc. Số 4 (323), tr. 20-27.
- NGUYỄN THẾ HOÀN • Hương ước một số làng ở Quảng Bình trước năm 1945. Số 4 (323), tr. 28-35.

- PHAN TRỌNG BÁU
 - Vài nét về giáo dục của tỉnh Lạng Sơn thời Pháp thuộc. Số 4 (323), tr. 36-40.
 - NGÔ VĂN HOÀ
 - Hệ thống tiền tệ ở nước ta thời Cận đại. Số 5 (324), tr. 8-22.
 - PHẠM QUANG TRUNG
 - NGUYỄN NGỌC MÃO
 - LEE KANG WOO
 - HỒ KHANG
 - Quá trình xây dựng Đảng ở Tây Bắc trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Số 5 (324), tr. 23-33.
 - NGUYỄN VĂN TRÍ
 - Quá trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam. Số 5 (324), tr. 34-42.
 - LUONG VIẾT SANG
 - "Vành đai diệt Mỹ" - Nhân tố quan trọng góp phần đánh bại nỗ lực quân sự cao nhất của Mỹ trong cuộc chiến Việt Nam thời kỳ 1965-1968. Số 5 (324), tr. 43-50.
 - ĐINH QUANG HẢI
 - Chủ động tiến công ngoại giao đi đến ký kết Hiệp định Pari. Số 6 (325), tr. 49-57.
 - Những Nhật ký cuối cùng ở Việt Nam hồi hương sau năm 1954. Số 6 (325), tr. 63-67.
 - NGUYỄN CẨM HUỆ
 - LÊ TRUNG DŨNG
 - NGUYỄN VĂN SƯU
 - NGUYỄN HỮU TÂM
 - NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - NGUYỄN VĂN KIM
 - ĐÀO DUY ĐẠT
 - TÀO QUỐC KHÁNH
 - ĐỖ THANH BÌNH
 - ĐÀO TUẤN THÀNH
 - KENG LAO BLIA YAO
 - ĐẶNG THANH TOÁN
 - NGUYỄN THỊ GIANG
 - NGUYỄN PHAN QUANG
 - ĐỖ BANG
- Nhìn lại việc Ấn Độ công nhận Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Campuchia. Số 1 (320), tr. 69-76.
 - Những biến động chính trị ở Bungari (1989- 1990). Số 2 (321), tr. 70-78.
 - Tập thể hoá ở Lào qua tác phẩm "Nông dân Lào dưới chế độ xã hội chủ nghĩa". Số 2 (321), tr. 79-88.
 - Thành Trường An - Kinh đô của nhà Tuỳ và Đường (Trung Quốc). Số 3 (322), tr. 79-82.
 - Nền dân chủ Mỹ qua tác phẩm "Democracy in America". Số 3 (322), tr. 83-88.
 - Nhật Bản với những mối liên hệ lịch sử, văn hoá truyền thống. Số 4 (323), tr. 58-69.
 - Tìm hiểu chính sách văn hoá "Trung học vi thế - Tây học vi dụng" ở Trung Quốc trong phong trào Dương Vụ (1861- 1894). Số 4 (323), tr. 70-78.
 - Đặc điểm phổ biến của việc thi hành hương ước đời Minh. Số 5 (324), tr. 55-60.
 - Vai trò của Rumani trong việc góp phần chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Số 5 (324), tr. 61-65.
 - "Lịch sử Lào (từ thời Cổ đại đến nay" - Một bước phát triển của Sử học Lào. Số 5 (324), tr. 66-69.
 - Quá trình bình thường hóa quan hệ hai miền Triều Tiên sau "chiến tranh lạnh". Số 6 (325), tr. 68-75.
- TU LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU**
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Người Hoa trên thị trường lúa gạo Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859- 1945). Số 1 (320), tr. 77-87.
 - ĐỖ BANG
 - Tình hình lũ lụt ở Thanh Hoá hồi thế kỷ XIX. Số 4 (323), tr. 79-82.

- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT
- NGUYỄN HỮU TÂM
- NGUYỄN QUANG HỒNG
- ĐÀO TÂM TĨNH
- NGUYỄN HẢI VÂN
- Góp phần tìm hiểu một nhân vật lịch sử thế kỷ XVI (Qua tư liệu địa phương). Số 5 (324), tr. 70-72.
- Thêm 35 loại tiền cổ Trung Quốc được phát hiện trên địa bàn Nghệ-Tĩnh. Số 5 (324), tr. 73-77.
- Đình Diệm (Bắc Ninh). Số 6 (325), tr. 76-79.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- NGUYỄN VĂN KHOAN
- Góp một số ý kiến nhỏ với sách "Hà Huy Tập - Tổng Bí thư của Đảng (1906-1938)". Số 1 (320), tr. 88-90.
- NGUYỄN TRỌNG HẬU
- Một vài suy nghĩ cần trao đổi với tác giả sách "Khắc họa chân dung tử tù trong lịch sử đấu tranh giữ nước giai đoạn 1858-1975". Số 2 (321), tr. 89-91.
- MINH CHÍNH
- Mấy ý kiến về bài "Mạc Hồng Ninh và di tích tưởng niệm ông ở Nghệ An". Số 3 (322), tr. 89-90.
- HUỲNH CÔNG BÁ
- Hiểu thêm về khái niệm "Nam tiến" từ trong công cuộc khai khẩn Thuận Hoá hồi trung thế kỷ. Số 4 (323), tr. 83-85.
- NGUYỄN PHÚ LỢI
- Một số ý kiến về bài: "Vài nét về tình hình công giáo ở Liên khu IV trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp". Số 5 (324), tr. 78-87.
- HUỲNH CÔNG BÁ
- Về địa điểm và địa danh "Cần Húc" trên đất Quảng Nam. Số 6 (325), tr. 80-84.

ĐỌC SÁCH

- ĐÌNH XUÂN LÂM
- BÙI ĐÌNH PHONG
- NGÔ PHƯƠNG BÁ
- "Về thực trạng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay". Số 1 (320), tr. 91-94.
- BÙI XUÂN ĐÍNH
- "Thế giới - Những sự kiện lịch sử thế kỷ XX". Số 2 (321), tr. 92-93.
- ĐÌNH XUÂN LÂM
- "Lịch sử triều Mạc qua thư tịch và văn bia". Số 3 (322), tr. 91-93.
- ĐÌNH THU CÚC
- Chung quy vẫn là vấn đề phương pháp luận. Số 4 (323), tr. 86-91.
- ĐÌNH XUÂN LÂM
- "Các chế độ Sài Gòn: Tôn giáo và chính trị ở Nam Việt Nam (1945-1963)". Số 5 (324), tr. 88-91.
- ĐÌNH XUÂN LÂM
- "Bản anh hùng ca của các nhân viên thuế quan Đông Dương 1874-1954". Số 6 (325), tr. 85-87.

THÔNG TIN

- PHƯƠNG CHI
- Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - Hội nghị cộng tác viên năm 2001. Số 1 (320).
- CAO VĂN LIÊN
- Phát hiện một Đại Đô đốc triều Tây Sơn ở Nông Cống, Thanh Hoá. Số 1 (320).
- PHẠM THỊ UNG
- Hội thảo khoa học "Thanh Hoá thời kỳ 1802- 1930". Số 1 (320).
- N.P.C
- Về thời điểm tiếp xúc ban đầu với Ấn Độ ở Đồng bằng sông Cửu Long. Số 1 (320).
- P.C
- Giới thiệu sách: "Địa chí Bắc Giang - Từ điển". Số 1 (320).

- N.P.C
 - Nghiên cứu cổ môi trường di tích Đông Sơn ở Châu Can. Số 2 (321).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học: "Danh nhân Lý Nhật Quang với Nghệ An". Số 2 (321).
- VĂN TỐI
 - Địa chỉ Làng Vạc và Lễ hội văn hóa thể thao Làng Vạc lần thứ ba. Số 2 (321).
- P.C
 - Giới thiệu sách. Số 2 (321).
- VIỆN SỬ HỌC
 - Vĩnh biệt Giáo sư, Nhà giáo ưu tú, Nhà sử học Nguyễn Đức Nghinh (1929-2002). Số 3 (322).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Hội thảo khoa học "Kỷ niệm 40 năm phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Đậu (1962-2002). Số 3 (322).
- THU HẰNG
 - Khai mạc "Ngày Văn hóa Đồng Đậu". Số 3 (322).
- LINH NAM
 - Viện Nghiên cứu châu Âu (Trung Quốc). Số 3 (322).
- QUANG HẢI
 - Hội thảo Quốc tế EuroViet lần thứ V. Số 4 (323).
- K.C
 - Hội thảo khoa học "Kỷ niệm 25 năm Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Lào và 40 năm quan hệ ngoại giao giữa hai nước". Số 4 (323).
- LINH NAM
 - Di tích Trụ sở Ủy ban Kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ (1946-1949). Số 4 (323).
- PHƯƠNG CHI
 - Giới thiệu sách. Số 4 (323).
- N.C.P
 - Tìm thấy sọ người và một số hiện vật ở xóm Chũm (Hoà Bình). Số 4 (323).
- P.V
 - Thông báo của Ủy ban "Giải thưởng khoa học Trần Văn Giàu". Số 4 (323).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Kính báo. Số 4 (323).
- VIỆN SỬ HỌC
 - Vô cùng thương tiếc Nhà sử học Minh Tranh. Số 5 (324).
- TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
 - Vĩnh biệt TS. Phạm Quang Trung. Số 5 (324).
- VIỆN SỬ HỌC
 - Hội thảo khoa học: "Vai trò lịch sử của dinh trấn Quảng Nam". Số 5 (324).
- VĨNH THỊNH
 - Hội nghị thông báo Khảo cổ học lần thứ 37. Số 5 (324).
- PHƯƠNG CHI
 - Giới thiệu sách. Số 5 (324).
- LINH NAM
 - Chúc mừng các nhà khoa học thuộc chuyên ngành Lịch sử được phong Giáo sư, Phó Giáo sư. Số 6 (325).
- TẠP CHÍ NCLS
 - Hội thảo khoa học Quốc gia: Nghiên cứu và giảng dạy lịch sử thời Nguyễn ở Đại học - Cao đẳng sư phạm và Phổ thông. Số 6 (325).
- PHƯƠNG CHI
 - Cải cách về sở hữu ruộng đất ở Mỹ vào nửa cuối thế kỷ XVIII. Số 6 (325).
- P.C
 - Phát hiện chữ viết cổ khắc trên đá tại Hòn Kẽm Đá Dừng (Quảng Nam). Số 6 (325).
- P.V
 - Giới thiệu sách. Số 6 (325).
- LINH NAM
 - Mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 2002. Số 6 (325).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 2001

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- TRẦN ĐỨC CƯỜNG

- Viên Sử học - tập thể được phong danh hiệu Anh hùng lao động. Số 1 (314), tr. 5-9.
- Cát Tiên - Di tích và lịch sử. Số 2 (315), tr. 16-20.
- Làng của người Hmông ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Số 3 (316), tr. 27-32.
- Vài nét về lịch sử người Nùng An ở bản Phia Chang. Số 3 (316), tr. 33-42.
- Không gian phân bố có từ tố "Chiêng" từ Việt Nam đến Thái Lan. Số 3 (316), tr. 66-70.
- Sự truyền bá đạo Thiên chúa rạ vùng đất ngoại từ phát kiến địa lý đến hết thế kỷ XIX. Số 4 (317), tr. 58-68.
- Giáo sư Trần Văn Giàu - Nhà cách mạng lão thành, Nhà sử học lớn. Số 5 (318), tr. 3-7.
- Giáo sĩ Bồ Đào Nha Francisco de Pina - người tiên phong sáng tạo ra chữ Quốc ngữ. Số 5 (318), tr. 24-29.
- Giáo sư, Viện sĩ Trần Huy Liệu - Nhà sử học cách mạng tiêu biểu của đất nước. Số 6 (319), tr. 3-8.

- TRẦN ĐỨC CƯỜNG

- NGUYỄN PHƯỚC TƯƠNG

- TRẦN ĐỨC CƯỜNG

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- THÁI QUANG TRUNG

- Vài nét về tình hình ruộng đất công ở Thừa Thiên - Huế nửa đầu thế kỷ XIX. Số 1 (314), tr. 62-67.

- NGUYỄN THỊ BÁY

- Đị sản gồm sứ ở Thăng Long - Hà Nội (Qua các đồ nẫu nướng). Số 1 (314), tr. 73-76.

- TRẦN QUỐC VƯỢNG

- Vị thế Luy Lâu. Số 2 (315), tr. 3-7.

- TRƯƠNG MINH ĐẠT

- Họ Mạc trong thời kỳ đầu khai sáng đất Hà Tiên. Số 2 (315), tr. 8-15.

- NGUYỄN VĂN ĐĂNG

- Tổ chức tượng cục dưới triều Nguyễn (1802-1884). Số 2 (315), tr. 21-29.

- NGÔ VĂN DOANH

- Thành Hồ - Cửa ngõ châu Thượng Nguyên (Tây Nguyên) của Cham pa. Số 3 (316), tr. 55-60.

- ĐỖ BANG

- Tình hình lũ lụt ở Quảng Nam vào thế kỷ XIX và những biện pháp cứu trợ của triều Nguyễn (1802-1884). Số 3 (316), tr. 61-65.

- PHAN PHƯƠNG THẢO

- Biến đổi sở hữu ruộng đất ở Kiên Mỹ (Bình Định) sau chính sách quân dién-nam Minh Mệnh thứ 20 (1839). Số 4 (317), tr. 23-32.

- NGUYỄN HỮU THÔNG,
NGUYỄN PHƯỚC BAO ĐÀN

- "Tinh Man Trường lüyü" và những cuộc nổi dậy của Thạch Bích Man dưới triều Nguyễn. Số 4 (317), tr. 38-44.

- NGUYỄN QUANG HỒNG

- Thêm một số ý kiến về cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan năm Nhâm Tuất (722). Số 4 (317), tr. 54-57.

- NGUYỄN QUANG NGỌC

- Giá trị của các trang sử liệu viết về Hoàng Sa, Trường Sa trong sách "Phủ biên tạp lục". Số 5 (318), tr. 30-38.

- TRẦN KHÁNH

- Sự hình thành cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX. Số 5 (318), tr. 39-47.

- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP

- Tình hình tư hữu ruộng đất ở Tiền Giang nửa sau thế kỷ XIX. Số 5 (318), tr. 48-55.

- NGÔ VĂN DOANH

- Thành nhà Ngo ở Quảng Bình. Số 5 (318), tr. 56-60.

- NGUYỄN VĂN ĐĂNG

- Hoạt động của các xưởng sản xuất vũ khí ở Huế thời Nguyễn. Số 5 (318), tr. 61-67.

- NGUYỄN ĐỨC NHUỆ

- Về quê hương của Vũ Văn Dũng danh tướng triều Tây Sơn (Qua tư liệu Tộc phả họ Vũ). Số 5 (318), tr. 68-72.

- TRẦN HỮU ĐÌNH

- Trần Tấn và cuộc khởi nghĩa Giáp Tuất 1874. Số 6 (319), tr. 28-32.

- TA NGỌC LIÊN

- KIKUCHI SEIICHI

- ĐÀM THỊ UYÊN

- TRỊNH THỊ THUÝ

- PHẠM XUÂN NAM

- NGUYỄN ĐÌNH LỄ,
BÙI THỊ THU HÀ

- TRỊNH HỒNG HẠNH

- TRẦN THỊ TƯỜNG VÂN

- VŨ THỊ MINH HƯƠNG

- NGUYỄN THỊ ĐÀM

- NGUYỄN THÙY DƯƠNG

- TRẦN THỊ MỸ HẠNH

- LÊ VĂN ĐẠT

- LUONG THI THOA

- TRIỆU QUANG TIẾN

- ĐOÀN MINH HUẤN

- LÊ CUNG

- NGUYỄN VĂN KHÁNH

- NGUYỄN THỊ KIM VÂN

- ĐINH THU CÚC

- TRẦN HỮU ĐÍNH

- NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN

- HỒ TUẤN DUNG

- PHẠM XUÂN NAM

- ĐINH XUÂN LÂM

- ĐINH QUANG HẢI

- VŨ QUANG HIỂN

- TRẦN THỊ MỸ HẠNH

- Lược khảo về ngành khí tượng thủy văn Cổ - Trung đại. Số 6 (319), tr. 42-46.
- Sự hình thành và phát triển khu phố cổ Hội An (Qua tư liệu văn bia, thư tịch và khảo cổ học). Số 6 (319), tr. 47- 54.
- Tình hình ruộng đất ở Quảng Hoà (Cao Bằng) theo địa bạ Gia Long năm thứ 4 (1805). Số 6 (319), tr. 55-60.
- Tình hình ruộng đất và kinh tế ở huyện Đông Sơn (Thanh Hoá) nửa đầu thế kỷ XIX. Số 6 (319), tr. 61-69.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI

- Mấy nét tổng quan về quá trình đổi mới kinh tế xã hội ở Việt Nam 15 năm qua. Số 1 (314), tr. 10-16.
- Cuộc xung đột vũ trang giữa các giáo phái ở miền Nam với chính quyền Ngô Đình Diệm (1955-1956). Số 1 (314), tr. 17-24.
- Đấu tranh chống địch cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam ở khu Tả ngạn sông Hồng (7-1954-1955). Số 1 (314), tr. 25-30.
- Vài nét về quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở huyện Gia Lâm - Hà Nội trong thời kỳ 1981-1996. Số 1 (314), tr. 31-43.
- Chợ gia súc và việc buôn bán trâu bò ở Bắc Kỳ thời kỳ 1919-1939. Số 1 (314), tr. 44-55.
- Quá trình hình thành và phát triển khu vực hành chính Nam sông Hương - Huế cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX. Số 1 (314), tr. 56-61.
- Tìm hiểu các loại ngân sách của thực dân Pháp trên địa bàn Hà Tiên - Rạch Giá (1867-1914). Số 1 (314), tr. 68-72.
- Tình hình kinh tế của Vĩnh Long trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Số 2 (315), tr. 30-38.
- Vài nét về tình hình giáo dục ở vùng tự do Liên khu V trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). Số 2 (315), tr. 39- 48.
- Quá trình du nhập đạo Tin Lành-Vàng Chử vào dân tộc Hmông trong những năm gần đây. Số 2 (315), tr. 49-57.
- Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương tháng 5-1941. Số 3 (316), tr. 3-7.
- Vài nét về cải cách bộ máy Nhà nước ở Việt Nam những năm 1986-1996. Số 3 (316), tr. 8-17.
- Phong trào đô thị Huế trong những năm 1964-1965. Số 3 (316), tr. 19-26.
- Địa bạ Bắc Kỳ thời Pháp thuộc. Số 3 (316), tr. 43-48.
- Sự ra đời và phát triển của hệ thống giao thông ở Gia Lai-Kom Tum trước năm 1975. Số 3 (316), tr. 49-54.
- Mười năm xây dựng và phát triển các khu công nghiệp Việt Nam (1991-2000). Số 4 (317), tr. 3-15.
- Vai trò của Cứu quốc quân đội với sự ra đời của lực lượng vũ trang và căn cứ địa trọng thời kỳ Cách mạng tháng Tám 1945. Số 4 (317), tr. 16-22.
- Hải Vân Sơn - vị trí chiến lược quan trọng phòng vệ kinh đô Huế hồi đầu chống Pháp xâm lược. Số 4 (317), tr. 33- 37.
- Tìm hiểu hệ thống thuế thực dân Pháp áp dụng ở Việt Nam trước năm 1945. Số 4 (317), tr. 69-74.
- Nhìn lại những bước thăng trầm của nông nghiệp, nông thôn nước ta trước và trong thời kỳ đổi mới. Số 5 (318), tr. 8-17.
- Sự phát triển của giáo dục Liên khu IV trong kháng chiến chống Pháp. Số 5 (318), tr. 18-23.
- Vài nét về quá trình phát triển tiểu thủ công nghiệp Việt Nam (1945-1975). Số 6 (319), tr. 9-17.
- Phong trào đấu tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ phối hợp với chiến dịch Hòa Bình trong Đông Xuân 1951-1952. Số 6 (319), tr. 18-22.
- Vài nét về nghề trồng lúa và một số loại cây trồng ở Vĩnh Long thời kỳ 1954-1975. Số 6 (319), tr. 23-27.

- TRẦN THỊ MAI
 - Tình hình phân phối và sở hữu ruộng đất ở Sóc Trăng thời Pháp thuộc (1867-1945). Số 6 (319), tr. 33-38.
- HỒ TUẤN DUNG
 - Tiền tệ và sự biến động của tiền tệ ở Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945). Số 6 (319), tr. 39-41.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- PHẠM HỒNG TUNG
 - Về bản chất phát xít của tập đoàn thống trị Decoux ở Đông Dương trong Chiến tranh Thế giới II. Số 1 (314), tr. 77-85.
- HOÀNG VĂN HIẾN
 - Tình hình kinh tế - xã hội của Hàn Quốc trong giai đoạn tái kiến thiết đất nước (1953-1960). Số 2 (315), tr. 58-65.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - Nhật Bản mở cửa - Phân tích nội dung các bản Hiệp ước bất bình đẳng do Mac phủ EDO ký với phương Tây. Số 3 (316), tr. 71-78; Số 4 (317), tr. 75-85.
- CHO JEA HYUN
 - Về sự kiện một số người dân đảo Tế Châu - Triều Tiên trôi dạt đến Hội An hồi thế kỷ XVII. Số 4 (317), tr. 45-53.
- NGUYỄN TIẾN LỰC
 - Các cuộc thương thuyết về thương mại giữa Nhật Bản và Đông Dương (1940-1941). Số 5 (318), tr. 73-78.
- NGUYỄN THỊ QUẾ
 - 25 năm quan hệ Việt Nam - Thái Lan. Số 6 (319), tr. 70-78.

KỶ NIỆM 130 NĂM CÔNG XÃ PARI (1871-2001)

- NGUYỄN CÔNG KHANH
 - Tim hiểu ý kiến của V.I.Lê nin về Công xã Pari. Số 2 (315), tr. 66-71.
- LÊ TIẾN GIÁP
 - Công xã Pari với chủ nghĩa Mác. Số 2 (315), tr. 72-76.
- PHAN HOÀNG MINH
 - Từ Công xã Pari đến Cách mạng tháng Mười Nga. Số 2 (315), tr. 77-81.
- PHẠM NGỌC TÂN
 - Nhìn lại một vài nguyên nhân thất bại của Công xã Pari. Số 2 (315), tr. 82-85.

TU LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Vài tư liệu về thuế ruộng đất ở Nam Kỳ (nửa đầu thế kỷ XX). Số 1 (314), tr. 86-91.
 - Trần Huy Liệu - Ông thầy của tôi. Số 2 (315), tr. 86-87.
 - Phát hiện lưỡi cày, rìu đồng ở Nghệ An - Hà Tĩnh. Số 2 (315), tr. 88-90.
- HOÀNG TÙNG
 - Một nhà khoa học trung thực. Số 3 (316), tr. 79-80.
- NGUYỄN QUANG HỒNG, ĐAO TAM TÌNH
 - Thêm một số tư liệu về nghề thủ công truyền thống ở Nam Bộ thời Pháp thuộc (1867-1945). Số 3 (316), tr. 81-90.
- VĂN TẠO
 - Nhớ anh Trần Huy Liệu. Số 4 (317), tr. 86-87.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Một số tư liệu về phong trào giáo dục cách mạng ở Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (thời kỳ 1961- 1969). Số 4 (317), tr. 88-91.
 - Vai trò của tư liệu trong công tác bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc cung đình Huế. Số 5 (318), tr. 79-84.
 - Một số tư liệu về phong trào của nhân dân nông thôn Thừa Thiên - Huế những năm đầu sau Hiệp định Geneve (1954). Số 6 (319), tr. 79-82.
- VÕ NGUYỄN GIÁP
 - Một số tư liệu về phong trào cách mạng ở Phước Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (thời kỳ 1961- 1969). Số 4 (317), tr. 88-91.
- VÕ THỊ THU NGA
 - Vai trò của tư liệu trong công tác bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc cung đình Huế. Số 5 (318), tr. 79-84.
- PHAN TIẾN DŨNG
 - Một số tư liệu về phong trào của nhân dân nông thôn Thừa Thiên - Huế những năm đầu sau Hiệp định Geneve (1954). Số 6 (319), tr. 79-82.
- LÊ CUNG
 - Một số tư liệu về phong trào của nhân dân nông thôn Thừa Thiên - Huế những năm đầu sau Hiệp định Geneve (1954). Số 6 (319), tr. 79-82.

ĐỌC SÁCH

- BÙI ĐÌNH PHONG
 - "Việt Nam cận đại - Những sử liệu mới". Tập 3: "Sóc Trăng (1867-1945)". Số 2 (315), tr. 91.
- NGUYỄN NGỌC CƠ
 - "Hồ Chí Minh - Chiến sĩ cách mạng quốc tế". Số 3 (316), tr. 91.
- NGUYỄN DANH PHIỆT
 - "Liên tục chuyển đổi hệ thống hành chính quan lại ở miền Bắc Việt Nam (cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX) Quan và lại từ thời độc lập đến thời bảo hộ". Số 4 (317), tr. 92-94.
- HỒ SONG
 - "Gia Định phong cảnh vịnh". Số 5 (318), tr. 85-88.
- NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG
 - Nước Mỹ trong tác phẩm "Những bức thư của người nông dân Mỹ". Số 5 (318), tr. 89-92.
- PHẠM NGỌC LIÊN
 - Quyển "Ho Chi Minh" của William J. Duiker: Một số vấn đề pháp lý cần trao đổi". Số 6 (319), tr. 83-88.

THÔNG TIN

- THU HÀNG
 - Viện Sử học đón nhận Danh hiệu Anh hùng lao động. Số 1 (314).
- P.C
 - Lê đón nhận "Danh hiệu Anh hùng lao động" của Khoa Lịch sử, trường Đại học KHXH & NV - Đại học Quốc gia Hà Nội. Số 1 (314).

- P.V
 - Đại hội thi đua toàn quốc giới Báo chí Việt Nam lần thứ nhất. Số 1 (314).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học Danh nhân Nguyễn Quý Đức nhà chính trị - văn hoá lớn thế kỷ XVII-XVIII. Số 1 (314).
- P.V
 - Một số nhà sử học được Nhà nước tặng Danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú. Số 1 (314).
- NCLS
 - Quyết định của Giám đốc Trung tâm KHXH & NVQG. Số 1 (314).
- NCLS
 - Chia buồn đến gia đình GS. Yamamoto Tatssuro và giới sử học Nhật Bản. Số 1 (314).
- THU LUÔNG
 - Salzburg Seminar lần thứ 373 và những vấn đề Trung Quốc học. Số 2 (315).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo khoa học: An Lạc (Chí Linh) - Đại bản doanh của Lê Đại Hành trong cuộc kháng chiến chống xâm lược, năm 981. Số 2 (315).
- THU HẰNG
 - Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba của Ban Nghiên cứu và Biên soạn Lịch sử Thanh Hoá. Số 2 (315).
- P.V
 - Nghiệm thu công trình Lịch sử khởi nghĩa Nam Kỳ. Số 2 (315).
- P.V
 - Khai mạc triển lãm Tư tưởng Hồ Chí Minh và sự nghiệp đổi mới đất nước. Số 3 (316).
- PHƯƠNG CHI
 - Lễ trao Huân chương Lao động hạng Nhất cho PGS. Cao Văn Lượng. Số 3 (316).
- THU HẰNG
 - Khai mạc trưng bày Gia phả Việt Nam - Từ truyền thống đến hiện đại. Số 3 (316).
- P.V
 - Các đề tài lịch sử trong bức tranh gốm lớn nhất Việt Nam . Số 3 (316).
- NGUYỄN TRỌNG THÁI SƠN
 - Giới thiệu sách "Các Bảo tàng Quốc gia Việt Nam". Số 3 (316).
- P.V
 - Bảo tàng Cách mạng trưng bày chuyên đề: Mặt trận Dân tộc thống nhất trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Số 3 (316).
- VĂN TẠO
 - Herbert Steiner - Nhà sử học (Áo) về phong trào công nhân quốc tế đã từ trần. Số 4 (317).
- P.V
 - Một số phát hiện mới về khu di tích Yên Tử. Số 4 (317).
- P.C
 - Lễ kỷ niệm 281 năm ngày mất và Lễ trao tượng đồng Danh nhân Nguyễn Quý Đức. Số 4 (317).
- PHƯƠNG CHI
 - Lớp tập huấn Biên soạn lịch sử địa phương và chuyên ngành. Số 4 (317).
- P.C.
 - Hội thảo khoa học: " Danh nhân lịch sử Lưu Nhân Chú". Số 5 (318).
- V.K.C
 - Hội thảo khoa học: "Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1960 - 1976)". Số 5 (318).
- N.P.C
 - Thông báo kết quả khai quật di chỉ Lung Leng (Kon Tum). Số 5 (318).
- LINH NAM
 - Kỷ niệm 560 năm ngày sinh của Trạng nguyên Lương Thế Vinh (1441-2001). Số 5 (318).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội nghị thông báo Khảo cổ học lần thứ 36. Số 5 (318).
- P.V
 - Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (1951-2001). Số 5 (318).
- P.C
 - Lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh và truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho GS.VS. Trần Huy Liệu. Số 6 (319).
- VĂN TẠO
 - Thông tin về quan hệ sử học Việt Nam - Hàn Quốc. Số 6 (319).
- N.P.C
 - Lễ kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Khoa Lịch sử và mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11. Số 6 (319).
- PHƯƠNG CHI
 - Hội thảo quốc tế "Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam - Thành tựu, phương hướng và triển vọng". Số 6 (319).
- L.T.H
 - "Cha Rồng Mẹ Tiên" - Biểu tượng lẽ giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm. Số 6 (319).
- THU HẰNG
 - Kỷ niệm 50 năm ngày mất của chí sĩ Từ Long - Lê Đại (1951-2001). Số 6 (319).
- P.V
 - Lễ trao giải thưởng sứ học Phạm Thận Duật năm 2001. Số 6 (319).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 2000

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

- NGUYỄN VĂN KIÊM
 - Chính sách đối với Thiên chúa giáo dưới thời Tự Đức.(1848- 1883). Số I (308), tr. 35-41; Số II (309), tr. 37-50.
 - Về vấn đề phân kỳ lịch sử Việt Nam tiền cận đại. Số I (308), tr. 70-79.
 - Chú trọng và tăng cường nghiên cứu lý luận sử học (Suy nghĩ về nền sử học Trung Quốc bước vào thế kỷ XXI như thế nào). Số I (308), tr. 79-82.
 - Vấn đề tiếp thu văn hoá phương Tây của Trung Quốc và Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số III(310), tr. 57-66.
 - Người Lạc Việt phải chăng là một nhóm Lava cổ. Số V(312), tr.56-69.
- HOÀNG VĂN HIẾN
- ***
- TA ĐỨC

LỊCH SỬ CỔ-TRUNG ĐẠI

- NGUYỄN PHÚC NGHIỆP
 - Quá trình khai hoang lập làng ở Tiền Giang thế kỷ XVII- XVIII. Số I (308), tr. 42-51.
 - Về vị trí của lỵ sở Lộ An Bang thời Trần. Số I (308), tr. 51-56.
 - Tình hình định cư, khai phá vùng Châu Đốc - Hà Tiên hồi thế kỷ XIX. Số II (309), tr. 51-58.
 - Về danh tướng Lê Niệm (1416-1485). Số II (309), tr 76-77.
 - Cấu trúc của làng xã Việt Nam ở đồng bằng Bắc Bộ và mối quan hệ của nó với nhà nước thời Lê (Còn nữa). Số III(310), tr. 22-35; Số IV(311), tr. 69-78.
 - Thành Hoá Châu trong lịch sử Chămpa và Đại Việt. Số III (310), tr. 36-41.
 - Quá trình thiết lập hệ thống phòng thủ cửa Thuận An (Huế) dưới triều Nguyễn. Số III(310), tr. 42-51.
 - Sông đào ở tỉnh thành Thanh Hoá dưới thời Minh Mạng và Thiệu Trị. Số III(310), tr. 52-56.
 - Những chính sách, biện pháp của Nhà nước Lê sơ phòng chống tệ nạn xã hội. Số IV(311), tr. 79-82.
 - Nghề giầy cổ truyền phường Bưởi. Số IV(311) , tr. 83-87.
 - Chính sách giáo dục đối với các dân tộc ít người dưới triều Minh Mạng (1820-1840). Số V (312), tr. 17-22.
 - Quá trình khai phá đất đai và tụ cư của người Việt ở Gia Lai - Kon Tum từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XX. Số V (312), tr. 43-49.
 - Thái hậu Dương Văn Nga và vai trò của người phụ nữ Việt Nam hồi thế kỷ X. Số V (312), tr. 50-55.
- NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN
- HÀ MẠNH KHOA
- LÊ NGỌC TẠO
- VŨ VĂN LUÂN
- PHẠM ÁI PHƯƠNG
- NGUYỄN THỊ KIM VÂN
- LEE SEON HEE

LỊCH SỬ CẬN-HIỆN ĐẠI

- LÊ CUNG
 - Phong trào công nhân Huế những năm đầu sau Hiệp định Genève 1954. Số I (308), tr. 25-28.
 - Bước đầu tìm hiểu Việt Nam dân chủ xã hội Đảng. Số I (308), tr.29-34.
 - Người La Hủ ở Mường Tè - Lai Châu. Số I (308), tr. 57-69.
 - Tìm hiểu thêm về Mặt trận Việt Minh. Số II (309), tr.3-11.
- BÙI THỊ THU HÀ
- DIỆP ĐÌNH HOA
- PHẠM HỒNG TUNG

- ĐINH THU CÚC
 - Một số liệu về sự hỗ trợ của ngành nông nghiệp miền Bắc cho vùng giải phóng miền Nam trong năm 1975. Số II (309), tr. 12-16.
- LÊ VĂN ĐẠT
 - Tình hình sản xuất nông nghiệp ở vùng tự do Liên khu V trong những năm 1947-1954. Số II (309), tr. 17-24.
- NGUYỄN ĐỨC CHIẾN
 - Tìm hiểu về sự biến đổi trong cơ cấu đội ngũ công nhân công ty cơ khí Hà Nội qua các thời kỳ từ 1958-1998. Số II (309), tr. 25-30.
- LÊ VĂN TÚC
 - Vài nét về sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Trung Kỳ trong việc xây dựng và bảo vệ Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930- 1931. Số II (309), tr. 31-36.
- VŨ THỊ MINH HƯƠNG
 - Triển lãm và hội chợ ở Hà Nội trước năm 1945. Số II (309), tr. 59-66.
- TÀ THỊ THUÝ
 - Chăn nuôi trâu bò ở Bắc Kỳ nửa đầu thế kỷ XX. Số II (309), tr. 67-75.
- VŨ QUANG HIẾN
 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng lực lượng dân quân du kích và chiến tranh du kích. Số III(310), tr. 3-10.
- TRẦN THỊ RỒI
 - Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc tổ chức Chính phủ ở Việt Nam (thời kỳ 1945- 1954). Số III(310), tr. 11-21.
- HOÀNG VĂN LÂN
 - Sự xâm nhập của Tập đoàn dầu mỏ Mỹ Rockefeller vào Việt Nam trước Cách mạng Tháng 8-1945. Số IV(311), tr. 58-68.
- CHƯƠNG THÂU
 - Quan hệ mậu dịch ở biên giới Việt - Trung từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Số V (312), tr. 23-31.
- NGUYỄN PHAN QUANG
TRẦN THỊ THANH THANH
 - Sài Gòn và thị trường lúa gạo Nam Kỳ (1860-1938). Số V (312), tr. 33-42.
- ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG
 - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam mới (1945-1954). Số V (312), tr. 70-79.
- ĐINH XUÂN LÂM
 - Đinh Nhật Tân (1838-1887) - một sĩ phu yêu nước chống Pháp xuất sắc đất Hồng Lam. Số VI (313), tr. 29-33.
- NGUYỄN VĂN CHIẾN
 - Vài nét về phong trào chống Pháp của đồng bào các dân tộc Gia lai Kon tum cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số VI (313), tr. 34-39.
- TÀ THỊ THUÝ
 - Việc nhượng và khai khẩn bãi bồi ven biển Kim Sơn (Ninh Bình) 1930-1945. Số VI (313), tr. 40-49.
- DIỆP ĐÌNH HOA
 - Người Xila ở Mường Tè - Lai Châu. Số VI (313), tr. 50-58.
- ĐINH QUANG HẢI
 - Tiểu thủ công nghiệp với vấn đề tạo việc làm cho người lao động thời kỳ 1975 - 1996. Số VI (313), tr. 59-66.
- TỔNG TRUNG TÍN
 - Tình hình trao đổi và buôn bán đồ gốm giữa Việt Nam và Nhật Bản (thế kỷ XIV - XVIII). Số III(310), tr. 67-73.
- PHẠM XUÂN HẰNG
TRẦN THỊ HOÀ
 - Về cuộc sống của người phụ nữ Nga thời Piotr Đại đế. Số III(310), tr. 74-80.
- NGUYỄN TRỌNG HẬU
 - Vị trí của địa bàn Thái Lan trong các hoạt động đối ngoại của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà những năm 1947-1949. Số V(312), tr. 80-84.
- NGUYỄN TIẾN LỰC
 - Quan hệ thương mại Việt - Nhật trong những năm 1929-1939. Số VI (313), tr. 67-73.
- ĐỐI DẬT
 - Đặc trưng của sử học Trung Quốc. Số VI (313), tr. 74-77.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN DUY QUÝ
 - Sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Số I (308), tr. 3- 6.

KỶ NIỆM 70 NĂM THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

- NGUYỄN DUY QUÝ
 - Sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Số I (308), tr. 3- 6.

- BÙI ĐÌNH THANH
- LÊ MẬU HÂN

- 70 năm chiến đấu và chiến thắng của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh (3/2/1930-3/2/2000). Số I (308), tr. 7-17.
- Cương lĩnh chiến lược cách mạng của Đảng rọi sáng con đường đến độc lập. Số I (308), tr. 18-24.

KỶ NIỆM 55 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1945-2000)

- CAO VĂN LƯỢNG
- TRẦN HỮU ĐÍNH
- NGUYỄN VĂN NHẬT
- LÊ TRUNG DŨNG
- ĐINH THU CÚC

- Nhìn lại quá trình xây dựng Nhà nước Việt Nam kiểu mới. Số IV(311), tr. 3-15.
- Tinh thần chủ động, sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám. Số IV(311), tr. 16-21.
- Cách mạng Tháng Tám - Biểu tượng sức mạnh tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân và mục tiêu độc lập dân tộc. Số IV(311), tr. 22-29.
- Thái độ của các nước đồng minh với vấn đề Đông Dương trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám. Số IV(311), tr. 30-38.
- Nội dung chủ yếu các thời kỳ phát triển của nông nghiệp Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám. Số IV(311), tr. 39-57.

KỶ NIỆM 700 NĂM NGÀY MẤT CỦA TRẦN QUỐC TUẤN (1300-2000)

- NGUYỄN DANH PHIỆT
- TRƯỜNG HỮU QUÝNH

- Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn qua di chúc của ông. Số V(312), tr.3-10.
- Trần Hưng Đạo - Người anh hùng dân tộc vĩ đại với nhân cách trong sáng. Số V (312), tr.11-16.

KỶ NIỆM 990 NĂM THĂNG LONG - HÀ NỘI (1010-2000)

- PHAN HUY LÊ
- NGUYỄN DANH PHIỆT
- PHẠM VĂN KÍNH
- ĐỖ VĂN NINH
- NGUYỄN VĂN HỒNG

- Vua Lý Thái Tổ và vương triều Lý trong lịch sử dân tộc. Số VI (313), tr. 3-9.
- Hành trình lịch sử Cố Loa - Hoa Lư - Thăng Long. Số VI (313), tr. 10-16.
- Từ La Thành đến Thăng Long. Số VI (313), tr. 17-21.
- Về "Thủ chiếu dời đô" của vua Lý Thái Tổ. Số VI (313), tr.22-25.
- Chiếu dời đô - Nhận thức về sự hưng thịnh của một triều đại và tầm vóc phát triển của đất nước. Số VI (313), tr.26-28.

TƯ LIỆU - ĐÍNH CHÍNH SỬ LIỆU

- BÙI VĂN TAM
- NGUYỄN PHAN QUANG
- NGUYỄN QUANG HỒNG
ĐÀO TÂM TĨNH
- NGUYỄN THUỲ DƯƠNG
(Sưu tầm, giới thiệu và dịch)
- NGUYỄN PHAN QUANG
- NGUYỄN VĂN KIỆM
- PHẠM HƯƠNG LAN
- CHU TUYẾT LAN
- HỒ SONG

- Ba công chúa thời Trần trên đất Thiên Bản. Số I (308), tr. 83-85.
- Cảng Sài Gòn thời Pháp thuộc. Số II (309), tr. 78-83.
- Các loại tiền cổ mới phát hiện ở lưu vực sông Lam. Số II (309), tr. 84-89.
- Tình hình kinh tế Nam Kỳ. Số III(310), tr. 80-89.
- Vài tư liệu sở hữu ruộng đất ở Nam Kỳ (thế kỷ XIX). Số IV(311), tr. 89-91.
- Nạn lụt, đói và tình trạng khốn cùng của nông dân Bắc Kỳ trong năm 1857 (Qua lời kể của Retord, Giám mục địa phận Tây Bắc Kỳ). Số V (312), tr.85-90.
- Một bức thư của Phan Bội Châu. Số VI (313), tr. 78-79.
- Một số tư liệu liên quan đến mối quan hệ giữa Việt Nam và phương Tây dưới triều Nguyễn. Số VI (313), tr. 80-83.

ĐỌC SÁCH

- Indochine. La Colonisation ambiguë (1858-1954). Số I (308), tr. 86-89.

- NGÔ PHƯƠNG BÁ
 - Mông Phụ - Một làng của đồng bằng sông Hồng (Việt Nam). Số I (308), tr. 90-92.
 - PHONG LÊ
 - Lịch sử Việt Nam qua cách nhìn của học giả Nhật Bản Furuta Motoo. Số II (309), tr. 90-94.
 - DINH XUÂN LÂM
 - NGUYỄN VĂN HỒNG
 - TRƯƠNG HỮU QUÝNH
 - ĐỖ THANH BÌNH
 - PHAN NGỌC LIÊN
 - TRỊNH ĐÌNH TÙNG
 - CHƯƠNG THẦU
 - PHƯƠNG CHI
 - PHƯƠNG CHI
 - PV
 - KC
 - PV
 - PV
 - PV
 - PV
 - PV
 - PV
 - PHƯƠNG CHI
 - PV
 - HQ&ĐT
 - TỐ OANH
 - PHƯƠNG CHI
 - N.P.C
 - PV
 - PV
 - PV
 - PV
 - PV
 - LINH NAM
 - PV
- Việt Nam thế kỷ XIX (1802 - 1884). Số III(310), tr. 90-92.
 - Duy Tân Mâu Tuất qua hai cuộc Hội thảo quốc tế (1988, 1998). Số III(310), tr. 93-95.
 - Sử học và hiện thực. Tập 2 : 10 cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam. Số IV(311), tr. 92-94.
 - Phương pháp luận sử học. Số V (312), tr. 91-95.
 - Where the Domino fell. America and Vietnam 1945 to 1995. Số VI (313), tr. 84-87.

THÔNG TIN

- Về việc sưu tầm tài liệu Phan Bội Châu tại Pháp. Số I (308).
- Đại hội lần thứ IV Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. Số I (308).
- Lễ truy tặng huân chương Độc lập hạng Ba cho cố Giáo sư Văn Tân. Số II (309).
- Giáo sư-Tiến sĩ Nguyễn Duy Quý được nhận bằng Viện sỹ Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Số II (309).
- Đại hội Đại biểu Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ VII. Số II (309).
- Giáo sư Trần Quốc Vượng được Trung tâm Tiểu sử quốc tế (JBC) bầu chọn là một trong 2000 học giả xuất chúng của thế kỷ XX. Số II (309).
- Phát hiện được di cốt trong trống đồng. Số II (307).
- Phát hiện bia miếu Quán Thánh và nhiều hiện vật gốm quý. Số III(310).
- Khởi công tôn tạo di tích đền Bạch Mã. Số III(310).
- Chia buồn cùng gia đình PGS, Nhà giáo ưu tú Hồ Sĩ Khoách. Số III(310).
- Phát hiện và khai quật kho gốm quý trên con tàu đắm Cù Lao Chàm. Số IV(311).
- Lễ cắt nóc ngôi nhà cổ của người Việt tại Bảo tàng Dân tộc. Số IV(311).
- Khởi công tôn tạo hai khu căn cứ cách mạng miền Nam. Số IV(311).
- Sách mới xuất bản. Số V(312).
- Hội thảo quốc tế: "Việt Nam trong thế kỷ XX". Số VI(313).
- Hội thảo khoa học: "Anh hùng dân tộc- thiền tài quân sự Trần Quốc Tuấn và quê hương Nam Định". Số VI(313).
- Khánh thành đền Sinh thờ các vua Trần. Số VI(313).
- Hội thảo khoa học: "Lý Công Uẩn và vương triều Lý". Số VI(313).
- Khánh thành nhà bia tưởng niệm vua Lý Thái Tổ tại Hoa Lư. Số VI(313).
- Lễ kỷ niệm 615 năm ngày sinh và 567 năm ngày mất của vua Lê Thái Tổ tại Lam Kinh. Số VI(313).
- Khánh thành công trình tu bổ, tôn tạo khu di tích tượng vua Lê ở Hà Nội. Số VI(313).
- Khai mạc trưng bày cổ vật Thăng Long- Hà Nội. Số VI(313).
- Hội thảo khoa học: "Về Hoàng giáp Nguyễn Tư Giản". Số VI(313).
- Mục lục "Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử" năm 2000. Số VI(313).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHÉAN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 1999

VĂN ĐỀ CHUNG

- BÙI ĐÌNH THANH • Giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. Số I (302), tr. 3-9.
- LUÔNG NINH • Đạo Hồi với người Chăm ở Việt Nam. Số I (302), tr. 51-58.
- *** • Đạo Hồi ở Đông Dương (tiếp theo và hết). Số I (302), 79-83.
- VĂN TÀO • Nhà nước phong kiến Việt Nam đối với người cao tuổi. Số II (303), tr. 27-31.
- PHAN ĐẠI DOĀN • Một số đặc điểm của Nho giáo Việt Nam. Số II (303), tr. 32-37.
- VĂN TÀO • Trần Huy Liệu với sử học Việt Nam thế kỷ XX. Số IV (305), tr. 3-7.
- NGUYỄN DANH PHIỆT • 45 năm Tạp chí "Nghiên cứu Lịch sử". Số IV (305), tr. 8-22.
- CAO VĂN LUẬNG • Hồ Chí Minh với vấn đề nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, ngăn chặn sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Số V (306), tr. 3-9.

LỊCH SỬ CẨN - HIỆN ĐẠI

- NGUYỄN TRI THỦ • Công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). Số I (302), tr. 10-17.
- NGUYỄN HUY CÁT • Quá trình biến đổi cách mạng khó khăn và chậm chạp của huyện Đồng Văn trong những năm sau Cách mạng Tháng Tám. Số I (302), tr. 18-27.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH • Biến đổi ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở Mộ Trạch (Hải Dương) trước và trong thời kỳ đổi mới. Số I (302), tr. 27-41.
- NGUYỄN SƯU • Tương quan kinh tế Pháp-Nhật tại Nam Kỳ 1940-1945 (Tiếp theo và hết). Số I (302), tr. 66-71.
- TRẦN ĐÌNH THÂN • Phan Trung - Một nhân sĩ yêu nước hời thế kỷ XIX. Số I (302), tr. 72-74.
- NGUYỄN TỐ UYÊN • Đồng bào các dân tộc Tây Bắc với chiến thắng Điện Biên Phủ. Số II (303), tr. 3-7.
- HỒ SƠNG • Vũ đán biển ở miền Trung Việt Nam vào đầu năm 1908. Số II (303), tr. 8-20.
- DƯƠNG KIỀU LINH • Một vài nét về chính sách báo chí của chính quyền Ngô Đình Diệm (1954-1963). Số II (303), tr. 21-26.
- STÉPHANE LAGRÉE • Vài nhận xét về cư dân và sự tiến triển của dân số vùng Tam Đảo (tỉnh Vĩnh Yên) trong nửa đầu thế kỷ XX. Số II (303), tr. 44-48; Số III (304), tr. 49-54.
- NGUYỄN PHÚ LỢI • Cơ cấu tổ chức xã hội - tôn giáo trong một số làng Công giáo ở Kim Sơn (Ninh Bình) nửa sau thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX. Số II (303), tr. 49-58.
- NGUYỄN THÀNH HUY • Một sự lầm lẫn về lịch sử. Số II (303), tr. 64-65.
- - "Dân dậy". Số II (303), tr. 66-67.
- ĐỖ QUANG HƯNG • Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng qua sự phản ánh của Lê Hồng Phong. Số III (304), tr. 3-8.
- LÊ CUNG • Chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo miền Nam trên lĩnh vực kinh tế- xã hội và văn hoá giáo dục. Số III (304), tr. 9-16; Số IV (305), tr. 31-40.

- NGUYỄN THỊ NGỌC LÂM • Vài nét về sự phân bố, tổ chức lực lượng nữ trong quân đội thời kỳ 1965-1975. Số III (304), tr. 17-23.
- KHÔNG ĐỨC THIÊM • Chính sách tiêu đòn diễn ở Yên Bái và những hệ quả của nó. Số III (304), tr. 40-48.
- PHAN NGỌC LIÊN • Trần Kỳ Phong - Một sĩ phu yêu nước ở Quảng Ngãi. Số V (306), tr. 9-14.
- TRƯỜNG CÔNG HUỲNH KÝ • Ảnh - Một nguồn tư liệu cần được khai thác trong nghiên cứu, giảng dạy và truyền bá lịch sử. Số V (306), tr. 15-23.
- ĐƯƠNG TRUNG QUỐC • Vài nét về tổ chức chính quyền địa phương trong năm đầu sau Cách mạng Tháng tám dưới góc độ pháp luật. Số V (306), tr. 24-31.
- NGUYỄN VĂN LUYỆN • Tình hình sở hữu tư nhân về ruộng đất ở một số làng xã thuộc huyện Yên Hưng (Quảng Ninh) từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Số V (306), tr. 32-41.
- BÙI VIỆT HÙNG • Phú Riềng đỏ trong phong trào công nhân ở miền Đông Nam Kỳ. Số V (306), tr. 42-47.
- HÀ MINH HỒNG • Việc trồng lúa ở Bắc Kỳ từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Số V (306), tr. 48-62.
- TÀ THỊ THUÝ • Một số vấn đề về làng nghề ở nước ta hiện nay. Số V (306), tr. 63-71.
- LƯU TUYẾT VÂN • Chính sách đất đai của thực dân Pháp ở Việt Nam. Số VI (307), tr. ..
- NGUYỄN VĂN KHÁNH • Tình hình sở hữu ruộng đất ở làng Mẽ Trì (tỉnh Hà Đông) nửa đầu thế kỷ XX. Số VI (307), tr. 29-42.
- KIM JONG OUK • Tập sự - Một trong những phương tiện đào tạo quan lại (1820-1918). Số VI (307), tr. 51-57.
- EMMANUEL POISSON • Những cuộc tiếp xúc Việt - Mỹ đầu tiên dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Số VI (307), tr. 58-64.
- HỒ SƠN ĐÀI • Quá trình thống nhất lực lượng vũ trang ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Số VI (307), tr. 65-71.
- PHẠM HỒNG TỰNG • Tìm hiểu thêm về Phan Bội Châu và vấn đề đoàn kết Lương - Giáo chống Pháp đầu thế kỷ XX. Số VI (307), tr. 72-81.
- PHẠM QUANG TRUNG • Cuộc tiếp kiến của Tướng Salan với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Số VI (307), tr. 82-84.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

- HÀ VĂN TẤN • Bài bia của Trương Hán Siêu và vấn đề phong thành hoàng. Số I (302).
- HOÀNG VĂN LÂN • Vấn đề xác định năm ra đời của thành phố Vinh hiện nay. Số I (302), tr. 42-50.
- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT • Qua tư liệu địa phương bổ sung thêm chính sử. Số I (302), tr. 75-78.
- LÊ THỊ KIM DUNG • Về các chuyến đi công cán nước ngoài dưới thời Minh Mạng (1820-1840). Số II (303), tr. 38-44.
- NGUYỄN THỊ DƯƠNG • Hải Học Đường và việc in sách đầu thế kỷ XIX. Số II (303), tr. 59-63.
- CAO THANH TÂN • Đồn binh Châu Đốc thời Nguyễn. Số II (303), tr. 68-75.
- TRƯỜNG MINH ĐẠT • Về vị trí cảnh "Châu Nham Lạc lộ". Số II (303), tr. 76-82.
- HÀ VĂN TẤN • Thủ tinh Trung Quốc thời Hán, Tam quốc, Lục Triệu: nguồn sử liệu nghiên cứu thực vật và nông nghiệp Việt Nam thời Lê. Số III (304), tr. 24-33.
- HOÀNG VĂN LÂN • Quan hệ giữa nhà nước quân chủ tập quyền với làng xã trong thế kỷ XV ở Việt Nam. Số III (304), tr. 34-39.
- NGUYỄN TIẾN LỘC • Bản danh mục làng xã huyện Thọ Xương - Vĩnh Thuận (Hà Nội) năm 1889. Số III (304), tr. 75-80.
- NGUYỄN THẾ Phường Chi • Phát hiện văn bản Hán Nôm cổ cách đây 546 năm tại Phong Điện (Thừa Thiên - Huế). Số III (304), tr. 81-86.

LƯƠNG NINH

- Văn hóa cổ Phù Nam - văn hóa đồng bằng sông Cửu Long. Số IV (305), tr. 23-30.
- Vương quốc An Nam trong ba thập kỷ đầu thế kỷ XIX (Qua nhận xét của người nước ngoài). Số IV (305), tr. 64-70; Số V (306), tr. 72-78; Số VI (307), tr. 85-90.
- Quá trình khai hoang lập làng Côi Trì (Yên Mô - Ninh Bình) dưới thời Lê Thánh Tông. Số VI (307), tr. 15-23.
- Bàn thêm về loại ruộng thường công cho Lê Phụng Hiểu. Số VI (307), tr. 24-28.
- Bước đầu tìm hiểu về các đơn vị lý, ấp, trại, giáp ở Tiên Hải (Thái Bình) thế kỷ XIX. Số VI (307).

LỊCH SỬ THẾ GIỚI**NGUYỄN TIẾN LỰC**

- Quan hệ thương mại Việt - Nhật (1913- 1928). Số III (304), tr. 55-65.
- Vai trò của các Tozama Daimyo trong tiến trình cải cách ở Nhật Bản thế kỷ XIX (Những vấn đề khoa học đang đặt ra). Số III (304), tr. 66-74; Số IV (305), tr. 53-63.
- Về các cuộc ly khai trong Giáo hội Kitô thời cổ trung đại. Số IV (305), tr. 41-52.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN**ĐỒ BANG**

- Trao đổi với tác giả Huỳnh Công Bá về bài: "Đời điều trao đổi ý tác phẩm: Tình hình ruộng đất, nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn". Số I (302), tr. 84-87.
- Một vài ý kiến trao đổi với ông Hồ Đắc Duy về công thần bình Ngô khai quốc Lê Lai. Số II (303), tr. 83-88.
- Đô Đốc Đặng Tiến Đông hay Đô Đốc Long. Số III (304), tr. 87-89.
- Về nhân vật Đặng Tiến Đông. Số IV (305), tr. 71-87.
- Nén đưa ba họ Khúc - Dương - Ngô vào vị trí mở đầu cho kỷ "Độc lập dân tộc", Số V (306), tr. 79-81.
- Một ý kiến về bài: "Về nơi sinh của Lê Thánh Tông và dòng họ Đinh trên đất Thái Bình". Số V (306), tr. 82- 85.

ĐỌC SÁCH**PHAN TRỌNG BẦU**

- "Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ XX" (Quyển I). Số I (302), tr. 88-93.
- "Việt Nam cận đại - Những sự kiện mới" (T.2). Số II (303), tr. 89-92.
- Vài suy nghĩ nhân đọc cuốn "Nguyễn ái Quốc ở Quảng Châu (1924- 1927)". Số III (304), tr. 90-94.
- "Khảo về các chiến dịch trong chiến tranh Trung - Pháp". Số IV (305), tr. 88-92.
- Những suy nghĩ có tính chiến lược từ sự nghiên cứu về văn hóa chính trị truyền thống và lịch sử hiện đại hóa ở Việt Nam. Số V (306), tr. 86-91.

THÔNG TIN**K.C. (TOE)**

- Lễ kỷ niệm 45 năm Viện Sử học Việt Nam và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng nhất. Số I (302), tr. 94.
- Giao sư sứ học - Nhà giáo Nhân dân Phan Huy Lê 65 tuổi. Số II (303), tr. 93.
- Hội thảo khoa học: Khúc Thừa Dụ và dòng họ Khúc trong lịch sử". Số II (303), tr. 94.

- P.V. **YÊN THỊ NGỌC LÂN** • Hội thảo khoa học "Từ Hoa Lư đến Thăng Long". Số II (303), tr. 94.
- P.C. **Q. XIX và sau năm 1945** • Hội thảo quốc tế "Phát triển đô thị bền vững - vai trò của nghiên cứu và giáo dục". Số II (303), tr. 95.
- P.V. **PHƯƠNG HÀ** • Kỷ niệm Tạp chí Xưa & Nay đầy 5 tuổi. Số II (303), tr. 95.
- P.V. **CỘNG HÒA NHẬT BẢN** • Hội thảo khoa học: "Quân và dân Tây Bắc với chiến thắng Điện Biên Phủ". Số III (304), tr. 95.
- PHƯƠNG CHI **PHƯƠNG HÀ** • Hội thảo khoa học: "Đường Hồ Chí Minh một sáng tạo chiến lược của Đảng". Số III (304), tr. 95.
- P.V. **HỆ HỐN** • Lê tưởng niệm nhà trí thức cách mạng Phan Thanh Giản (1908- 1939). Số III (304), tr. 96.
- P.V. **TẠP CHÍ NCLS** • Thành lập Tạp chí "Nghiên cứu Tôn giáo". Số III (304), tr. 96.
- P.V. **NGUYỄN VĂN KHÁNH** • Kỷ niệm lần thứ 75 năm sinh Phó giáo sư Sử học Bùi Định Thành. Số IV (305), tr. 93-94.
- P.V. **NGUYỄN QUÝ** • Lê tưởng niệm Nhà yêu nước - Nhà cách mạng - Nhà sử học Trần Huy Liệu (1901-1969). Số IV (305), tr. 94.
- K.C. **NGUYỄN QUÝ** • Hội thảo về xây dựng tượng đài Lê Lợi. Số IV (305), tr. 94-95.
- K.C. **NGUYỄN QUÝ** • Hội thảo khoa học về một số vấn đề lịch sử cổ - trung đại Cao Bằng. Số IV (305), tr. 95.
- PHƯƠNG CHI **PHƯƠNG HÀ** • Lớp tập huấn "Lý luận và thực tiễn biên soạn sách địa chí". Số IV (305), tr. 95.
- P.V. **NGUYỄN QUÝ** • Kỷ niệm 55 năm thành lập Đoàn Thanh niên Cứu quốc Hoàng Diệu (1944-1999). Số V (306), tr. 92.
- VĂN TẠO **NGUYỄN QUÝ** • Hội nghị Quốc tế của các nhà sử học nghiên cứu về phong trào công nhân. Số V (306), tr. 92-93.
- K.C. **NGUYỄN QUÝ** • Hội thảo khoa học: Hợp tác kinh tế ASEAN - Trung Quốc hướng tới thế kỷ XXI. Số V (306), tr. 93-94.
- K.C. **NGUYỄN QUÝ** • Hội nghị Thông báo Khảo cổ học lần thứ 34. Số V (306), tr. 94-95.
- PHƯƠNG CHI **NGUYỄN QUÝ** • Kỷ niệm 180 năm ngày sinh và 120 năm ngày mất của danh nhân Nguyễn Mậu Kiến. Số V (306), tr. 95-96.
- N.H.K. **NGUYỄN QUÝ** • Tìm thấy đồng tiền cổ ở khu vực Chợ Chā (Thái Nguyên). Số V (306), tr. 96.
- P.V.K. **NGUYỄN QUÝ** • Đại hội thành lập Hội khoa học Lịch sử Thanh Hoá. Số V (306), tr. 96.
- P.V. **NGUYỄN QUÝ** • Lê tưởng niệm danh nhân yêu nước Hoàng Diệu (1829-1882). Số VI (307), tr. 91.
- PHƯƠNG CHI **NGUYỄN QUÝ** • Hội nghị "Cộng tác viên và bạn đọc phía Nam". Số VI (307), tr. 91-92.
- T.T.M. **NGUYỄN QUÝ** • Hội nghị khoa học về công tác thông tin - tư liệu - thư viện. Số VI (307), tr. 92.
- P.C. **NGUYỄN QUÝ** • Kỷ niệm 500 năm mất của Thân Nhân Trung (1499-1999). Số VI (307), tr. 92.

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 1998

VẤN ĐỀ CHUNG

- LÊ MINH QUÂN

- Tìm hiểu một số tư tưởng liên quan đến nhà nước pháp quyền trong quá trình phát triển của xã hội thời cổ đại. Số I (296), tr.42-47.

- ***

- Đạo Hồi ở Đông Dương. Số I (296), tr.77-82.

- LÊ MẬU HÂN

- Tư tưởng chiến lược giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản Hồ Chí Minh. Số II(297), tr. 3-8.

- VI VĂN AN

- Về quá trình hình thành các tổ chức Mường của người Thái ở miền Tây Nghệ An. II(297), tr.50-55.

- DIỆP ĐÌNH HOA

- Giáp - Tổ chức xã hội giới nam của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ. Số IV(299), tr.44-52.

- LUÔNG THỊ THOA

- Vài ý kiến về giao lưu văn hoá Đông - Tây trong tình hình hiện nay. Số IV(299), tr. 59-64.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

- ĐỖ ĐỨC HÙNG

- Tại sao vua Minh Mệnh không lập hoàng hậu ? Số I (296), tr. 74 - 76.

- VŨ VĂN VINH

- Sự phát triển của Nho giáo thời Trần và sự đấu tranh chống Phật giáo của các Nho sĩ cuối thế kỷ XIV. Số II(297), tr. 41-45.

- HUỲNH CÔNG BÁ

- Tìm hiểu công cuộc khai khẩn vùng Bắc Quảng Nam dưới thời Trần (Qua tư liệu địa phương). Số II(297), tr. 46-49.

- HOÀNG VĂN LÂU

- Về một nhân vật lịch sử triều Lý - Lưu Khánh Đàm. Số II(297), tr. 78-80.

- VŨ XUÂN BÂN

- Hương ước làng Mỹ Lộc. Số II(297), tr. 81-84.

- ĐINH XUÂN LÂM

- "Tâm công" - một chiến thuật hữu hiệu của Nho tướng Phan Kính (1715-1761). Số III(298), tr. 47-51.

- VÕ XUÂN QUẾ

- Philiphê Binh và sách quốc ngữ viết tay "Nhật trình kim thư khất chính Chúa giáo". Số III(298), tr. 52-58.

- MAI HỒNG

- Về nơi sinh của Lê Thánh Tông và dòng họ Đinh trên đất Thanh Bình. Số III(298), tr. 84-89.

- NGUYỄN DANH PHIỆT

- Dương Hậu - Dương Thái Hậu: lịch sử và huyền thoại. Số IV(299), tr. 39-43.

- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI

- Thủ tìm hiểu vị trí, vai trò của một số tháp ấp ở các ngã ba sông thời Trần. Số IV(299), tr. 53-58.

- NGUYỄN ĐỨC NGHINH

- Hai tài liệu Hà Lan nói đến người Nhật Bản ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XVII. Số IV(299), tr. 71-72.

- PHẠM ÁI PHƯƠNG

- Khoa học quân sự triều Minh Mệnh trước ảnh hưởng của Phương Tây. Số V(300), tr.40-48.

- ĐẶNG KIM NGỌC

- Vấn đề tuyển dụng quan chức thời Lê sơ (1428-1527). Số V(300), tr.49-58.

- SONG JEONG NAM

- Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và tính chất của nó. Số V(300), tr. 59-68.

- VŨ VĂN LUÂN

- Hồ Khẩu - Một làng cổ của Thăng Long. Số V(300), tr. 69- 72.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

- HUỲNH THỊ GẤM

- Về thực trạng nông dân không có ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay. Số I(296), tr. 20-22.

- HỒ SONG
 - Đông Kinh Nghĩa thục trong phong trào Duy Tân ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX (tiếp theo và hết). Số I(296), tr. 23-32.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH
 - Biến đổi ruộng đất ở làng Mô Trạch (Hải Dương) từ đầu thế kỷ XIX đến năm 1945. Số I(296), tr. 33-41.
- NGUYỄN THÀNH
 - Ngõ Gia Tự trả lời phỏng vấn trước Phòng Dự thẩm Toà án tỉnh Bắc Ninh ngày 9, 22 và 24-1-1931. Số I(296), tr. 60-67.
- NGUYỄN TIẾN LỰC
 - "Các chí sĩ độc lập An Nam". Số I(296), tr. 68-73.
- PHẠM QUANG TRUNG
 - Góp thêm về phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908. Số II(297), tr. 9-13.
- NGUYỄN ĐỨC NGHINH
 - Ruộng đất công miền Đông Thái Bình cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Số II(297), tr. 14-23.
- NGUYỄN PHAN QUANG - LÊ HUỲNH HOA
 - Dân số Sài Gòn thời Pháp thuộc. Số II(297), tr. 24-32.
- CHƯƠNG THÂU
 - Tổng tài Cao Xuân Dục và bộ sách "Quốc triều chính biên toàn yếu". Số II(297), tr. 33-40.
- NGUYỄN THÀNH
 - Về tác phẩm "Các quyền tự do dân chủ với nhân dân Đông Dương" của đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Số II(297), tr. 63-67.
- KHỔNG ĐỨC THIỆM
 - Một số tư liệu về An Nam Cộng sản Đảng với việc thống nhất các lực lượng cách mạng ở Việt Nam năm 1930. Số II(297), tr. 68-77.
- CAO VĂN LUỘNG
 - Một số vấn đề xây dựng giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay. Số III(298), tr. 3-13.
- LÊ CUNG
 - Chính sách của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với Phật giáo miền Nam trên lĩnh vực tư tưởng - chính trị. Số III(298), tr. 14-21.
- PHAN VĂN HOÀNG
 - Bước đầu tìm hiểu về Đông Dương Lao động Đảng qua các tài liệu lưu trữ của Pháp. Số III(298), tr. 22-28.
- TRƯƠNG HỮU QUÝNH
 - Nhìn lại xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. Số III(298), tr. 29-36.
- NGUYỄN VĂN KIỆM
 - Vai trò của Giáo hội Thiên chúa trong cuộc xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX. (Giám mục Puginier với việc đánh chiếm và bình định Bắc Kỳ của thực dân Pháp). Số III(298), tr. 37-46; Số IV(299), tr. 29-38.
- CAO VĂN BIỂN
 - Kho Hương ước Cải lương Hương chính ở Bắc Kỳ. Số III(298), tr. 73-83.
- NGUYỄN TỐ UYÊN
 - Thi đua ái quốc - Một nhân tố thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954). Số IV(299), tr. 3-9.
- PHAN VĂN HOÀNG
 - Tình hình chính trị ở Việt Nam từ Nhật đảo chính Pháp đến Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Số IV(299), tr. 10-16.
- BÙI THỊ THU HÀ
 - Tín đồ Phật giáo Hoà Hảo trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Số IV(299), tr. 17-22.
- NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN
 - Việc sản xuất muối ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Số IV(299), tr. 23-28.
- NGUYỄN NGỌC MÃO
 - Suy nghĩ về nội dung của liên minh công nông hiện nay qua mô hình phát triển công nghiệp chế biến gắn phát triển nguyên liệu nông sản. Số V(300), tr. 27-33.
- NGUYỄN VĂN NHẬT
 - Vấn đề tranh chấp lao động trong một số doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh. Số V(300), tr. 34-39.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - Tương quan kinh tế Pháp - Nhật tại Nam Kỳ (1940-1945). Số V(300), tr. 83-89; Số VI(301), tr. 85-91. (Còn nữa)
- ĐINH THU CÚC
 - Nhìn lại một vài vấn đề lịch sử giai cấp nông dân miền Bắc Việt Nam trong giai đoạn 1965-1975. Số VI(301), tr. 67-73.
- LUÔNG NINH
 - Lịch sử văn hóa và vùng trong viễn cảnh Đông Nam Á (Lược thuật tác phẩm và vấn đề). Số I(296), tr. 48-59.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- LUÔNG NINH

- NGUYỄN VĂN KIM • Nhật Bản cuối thế kỷ XVI - đầu thế kỷ XVII qua con mắt của Giáo sĩ Alessandro Valignano (Từ sự phân tích tác phẩm "The Japanese and the Jesuit" của TS. J.F.Moran). Số II(297), tr. 56-62; Số III(298), tr. 66-72.
- NGUYỄN CÁNH HUỆ • Tìm hiểu tư tưởng hoà bình trong chính sách đối ngoại của nước Cộng hoà Án Độ. Số III(298), tr. 59-65.
- PHAN HẢI LINH • Trang viên Nhật Bản (thế kỷ VIII - XVI). Số IV(299), tr. 65-70.
- LÝ XUÂN CHUNG • Bản "Tuyên ngôn độc lập" của Triều Tiên. Số IV(299), tr. 73-76.
- ĐÀO DUY ĐẠT • Loại hình xí nghiệp "Quan đốc thương biến" - Bước đầu tiên trình cận đại hoá nền kinh tế Trung Quốc. Số V(300), tr. 73-82.
- NGUYỄN VĂN HỒNG • Một trăm năm phong trào Duy Tân Mậu Tuất (1898-1998) của Trung Quốc. Số VI(301), tr. 74-84.

KỶ NIỆM 30 NĂM CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỐI DÂY TẾT MẬU THÂN (1968)

- CAO VĂN LUỢNG • Vấn đề đánh giá đúng đắn, ta và thắng lợi của cuộc Tổng tiến công, nối dài Tết Mậu Thân (1968). Số I(296), tr. 3-10.
- HỒ KHANG • Công việc chuẩn bị chiến trường và nghi binh chiến lược của quân dân ta trong dịp "Tết Mậu Thân" 1968. Số I(296), tr. 11-13.
- ĐẶNG ĐỨNG CHÍ • Nỗ lực chiến tranh cuối cùng của Mỹ và Hiệp định Paris 1973. Số I(296), tr. 14-19.

NHÂN DỊP 45 NĂM THÀNH LẬP VIỆN SỬ HỌC

- CAO VĂN LUỢNG • Viện sử học Việt Nam 45 năm qua (1953 - 1998). Số V(300), tr. 3-18.
- VÕ KIM CƯƠNG • Nhìn lại 300 số Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử. Số V(300), tr. 19-26.

PHONG TRÀO NÔNG DÂN VIỆT NAM THẾ KỶ XVIII - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

- NGUYỄN DANH PHIỆT • Suy nghĩ thêm về Phong trào nông dân thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX. Số VI(301), tr. 3-8.
- VŨ VĂN QUÂN • Về nguyên nhân bùng nổ của Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Số VI(301), tr. 9-14.
- NGUYỄN CÁNH MINH • Vài suy nghĩ về mối quan hệ giữa vấn đề ruộng đất và khởi nghĩa nông dân (Qua khảo sát tình hình ruộng đất công ở huyện Yên Hưng, Quảng Ninh thế kỷ XIX). Số VI(301), tr. 15-23.
- ĐỖ ĐỨC HÙNG • Tác động của thiên tai lũ lụt đối với các cuộc bạo động ở nông thôn Bắc Bộ dưới thời Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Số VI(301), tr. 24-28.
- BÙI QUÝ LỘ • Vấn đề ruộng đất trong phong trào đấu tranh của nông dân đồng bằng ven biển Bắc Bộ dưới triều Nguyễn (Qua tư liệu địa phương). Số VI(301), tr. 29-36.
- TRẦN THỊ VINH • Một số biện pháp kinh tế xã hội của nhà Lê - Trịnh đối với nông dân ở thế kỷ XVIII. Số VI(301), tr. 37-42.
- HOÀNG VĂN LÂN - NGUYỄN QUANG HỒNG • Thêm một số ý kiến về nội dung, tính chất và diễn biến của khởi nghĩa Giáp Tuất (1874). Số VI (301), tr. 43-51.
- VÕ XUÂN ĐÀN • Tìm hiểu tư tưởng dân chủ nông dân thông qua phong trào đấu tranh của nông dân Việt Nam thời trung đại. Số VI (301), tr. 52-55.
- HOÀNG LUẬNG • Điểm lại một số ý kiến về Phong trào nông dân Việt Nam thế kỷ XVIII-nửa đầu thế kỷ XIX. Số VI (301), tr. 56-66.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

- VĂN TẠO • Có hay không có "khoảng trống vắng quyền lực" trong Cách mạng Tháng Tám? Số IV(299), tr. 77-79.

- TRƯỜNG MINH ĐẠT • Về một vài niên đại bất đồng trong cuốn Lịch sử Đông Nam Á. Số IV(299), tr. 80-90.
- HUỲNH CÔNG BÁ • Đối điều trao đổi về tác phẩm "Tình hình ruộng đất, nông nghiệp và đời sống nông dân dưới triều Nguyễn". Số V (300), tr. 90-95.

ĐỌC SÁCH

- NGUYỄN CẨM MINH • Hồ Quý Ly. Số I(296), tr. 83-86.
- THÁI BÁO • Sử học và hiện thực. Số II(297), tr. 85-88.
- PHẠM QUANG TRUNG • "Công nghiệp than Việt Nam (thời kỳ 1888 - 1945)". Số IV(299), tr. 91-92.
- K.C. • Hội thảo khoa học Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười (1917-1997). Số I (296).
- PV. • Hội thảo khoa học về danh nhân Nguyễn Bặc. Số I(296),
- PV. • Hội thảo khoa học: "Lê Thánh Tông - Con người và sự nghiệp". Số I(296).
- K.C. • Hội thảo khoa học về Ngô Sỹ Liên và kỷ niệm 300 năm bản khắc in lần thứ nhất ĐVSHTT (1697-1997). Số I(296).
- PV. • Hội thảo khoa học Kỷ niệm lần thứ 130 ngày sinh của Phan Bội Châu (26/12/1867-26/12/1997). Số I(296).
- TẠP CHÍ NCLS. • Võ cùng thương tiếc Giáo sư Nguyễn Hồng Phong. Số I(296).
- P.V. • Hội Sử học Hà Nội nhiệm kỳ II (1998-2002).Số II(297).
- P.V. • Lễ tưởng niệm nhà cách mạng Tô Hiệu (1912-1944). Số II(297).
- QUỲNH TƯƠNG • Nghiệm thu đề tài khoa học cấp nhà nước về triều Nguyễn. Số II(297).
- PHẠM NGỌC LIÊN - NGUYỄN ĐÌNH LỄ • Hội thảo: "Nhận thức về mối quan hệ Việt Nam - Nhật Bản". Số II(297).
- VĂN TẠO • Hội thảo về đề tài công nhân tại Bắc Kinh, Trung Quốc (Đối điều nhận thức). Số III(298).
- NHẬT PHƯƠNG • Hội thảo khoa học về cuộc Tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Số III(298).
- PV. • Kỷ niệm 60 năm thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ.. Số III(298).
- PV. • Một ngôi chùa cổ thời Trần mới được tìm thấy. Số III(298).
- PV. • Hai Bộ xương dưới ương mới được phát hiện. Số III(298).
- NGUYỄN PHƯƠNG THOAN - PHẠM BÁ SƠN • Về cuốn gia phả liên quan đến mộ tổ họ Mac ở Cổ Trai (Kiến Thụy - Hải Phòng). Số IV(299).
- K.C. • Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Hội khoa học Lịch sử Việt Nam (Khoa III). Số IV(299).
- PV. • Nói chuyện về tình hình nghiên cứu lịch sử quân đội ở Pháp. Số IV(299).
- K.C. • Hội thảo quốc tế về "Việt Nam học". Số IV(299).
- TẠP CHÍ NCLS • Bổ nhiệm Viện trưởng Viện Sử học. Số V (300).
- PV. • Sách lịch sử mới xuất bản. Số V (300).
- TẠP CHÍ NCLS • Quyết định của Trung tâm KHXH & NVQG. Số VI(301).
- PHƯƠNG CHI • Hội thảo khoa học Tưởng niệm anh hùng dân tộc Ngô Quyền và Chiến thắng Bach Đằng. Số VI(301).
- TẠP CHÍ NCLS • Mục lục Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử năm 1998. Số VI (301).

MỤC LỤC

TẠP CHÍ "NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ" NĂM 1997

— PHILIPPE PAPIN

VẤN ĐỀ CHUNG

- "Sự thay đổi hướng nghiên cứu lịch sử làng xã (từ vĩ mô đến vi mô). Một số gợi ý". (tiếp theo và hết). I (290), tr. 57-65.
- "Thư viện Viện Sử học Việt Nam. Sự phong phú và đa dạng của các tạp chí tiếng Pháp". I (290), tr. 81-82.
- "Động thái phát triển bản sắc các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong thời đổi mới". II (291), tr. 1-6.
- "Tiến trình múa tín ngưỡng dân tộc Tày". II (291), tr. 44-50.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

— CLAUDINE SALMON

- "Sứ thần Việt Nam Cao Bá Quát (1809-1854) và nhận thức của ông trong chuyến di công cán "vùng Hạ Châu" (tiếp theo và hết). I (290), tr. 11-27.

— NGUYỄN PHÚC NGHIỆP

- "Vài nét về tình hình giáo dục ở Tiền Giang từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX". I (290), tr. 28-36.

— HOÀNG CHẤN NAM

- "Về năm sinh, năm mất và mối quan hệ thân thuộc của Nùng Trí Cao". I (290), tr. 37-44.

— NGUYỄN DUY HINH

- "Kinh tế - Xã hội Nguyễn". I (290), tr. 45-56.

— HOÀNG VĂN LÂU

- "Giá trị khảo chứng của bộ "Việt sử Cương mục tiết yếu" của Đặng Xuân Bảng". II (292), tr. 39-43.

— NGUYỄN VĂN KHÁNH

- "Quan Tử - một làng Nho học - một làng Tiến sĩ thời Lê sơ". III (292), tr. 63-70.

- LÊ KIM BÁ YẾN

- "Một số tư liệu mới phát hiện về hành cung Lưu Đồn của nhà Trần và trận thuỷ chiến cửa Đại Bàng (8-1-1288)". III (292), tr. 71-83.

— HÀ MẠNH KHOA

- "Đường thuỷ ở Thanh Hoá thế kỷ X". III (292), tr. 84-89.

— PHAN ĐẠI DOĀN

- "Tìm hiểu công cuộc khai hoang thành lập làng Cống Thuỷ (Ninh Bình) từ cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX". V (294), tr. 33-45.

- VŨ HỒNG QUÂN

- NGUYỄN ĐỨC NHUẬT • "Tìm hiểu tổ chức "Phiên" trong bộ máy Nhà nước thời Lê Trung Hưng". V (294), tr. 46-51.
- BÙI VIẾT HÙNG • "Một số vấn đề về lịch sử làng xã khu Hà Nam - huyện Yên Hưng - Quảng Ninh qua văn bia". V (294), tr. 52-58.
- TRƯƠNG MINH ĐẠT • "Về niên đại thành lập đất Hà Tiên - Rạch Giá - Phú Quốc". V (294), tr. 75-80.
- TRƯƠNG HỮU QUÝNH • "Lê Thánh Tông - Con người và Sự nghiệp rạng rỡ một thời". VI (294), tr. 52-56.
- PHAN ĐẠI DOÀN • "Vài suy nghĩ về cải cách của Lê Thánh Tông". VI (295), tr. 57-66.
- ĐINH DUNG • "Thử tìm hiểu ảnh hưởng của Nho giáo trong đường lối ngoại giao của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX". VI (295), tr. 73-78.
- NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI • "Vài nét về diền trang thời Trần ở Lệ Thuỷ (Quảng Bình)". VI (296), tr. 79-83.
- NGUYỄN VĂN KHÁNH • "Tìm hiểu về chúa Giã Năng và ấp Thái Bình thời Lý Bí". VI (295), tr. 84-86.

LỊCH SỬ CẬN - HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

- ĐÔ QUANG HUNG • "Ảnh hưởng của văn hoá Xô viết ở Việt Nam trong giai đoạn 1945-1954". I (290), tr. 1-6.
- LÊ VĂN THỊNH • "Chính sách của thực dân Pháp đối với ảnh hưởng của Tân thư ở Việt Nam". I (290), tr. 7-10.
- CHƯƠNG THÂU • "Nhận thức về Meiji Duy tân của các nhà tư tưởng cải cách Việt Nam cuối thế kỷ XIX - Trường hợp Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch". I (290), tr. 76-80; II (291), tr. 59-63.
- NGUYỄN TIẾN LỰC • "Cảng Bá Văn - Nơi rèn luyện ý chí cách mạng của các chiến sĩ công sản". I (290), tr. 83-87.
- VĨNH SÍNH • "Đóng góp vào việc tìm hiểu thêm về Phạm Hồng Thái và tiếng bom Sa Diện". II (291), tr. 7-15.
- HỒ SONG - CHƯƠNG THÂU • "Sự chuyển hướng tư tưởng trong Phong trào quốc gia - dân tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX". II (291), tr. 16-31.
- ĐINH VĂN HẠNH • "Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa" với Phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX". II (290), tr. 32-38.
- **** • "Một vài tư liệu về tín ngưỡng của người Việt Nam ở thế kỷ XIX qua một số thư của Giáo sĩ Phương Tây". II (291), tr. 64-70; V (294), tr. 71-74.
- KHỔNG ĐỨC THIỀM • "Về một số văn bản gốc thời dựng Đảng". II (291), tr. 71-76.

- NGUYỄN PHAN QUANG
 - "Cao Thắng chế tạo súng kiểu Tây". II (291), tr. 77-81.
- VĂN TẠO
 - "Đồng chí Trường Chinh - Một nhà lãnh đạo cách mạng có tầm nhìn chiến lược về công tác khoa học". IV (292), tr. 39-43.
- VĨNH SÍNH
 - "Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924-1925). Giới thiệu tài liệu mới phát hiện". III (292), tr. 44-51.
- TÀ THỊ THÚY
 - "Một vài kết quả nghiên cứu bước đầu về công cuộc nhượng đất khẩn hoang ở Bắc Kỳ sau Chiến tranh thế giới lần thứ Nhất". III (292), tr. 52-57.
- EMMANUEL POISSON
 - "Quan chức, thuộc viên hành chính cấp tỉnh và địa phương tại Bắc Kỳ (cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX). Những tiếp cận bước đầu". III (292), tr. 58-62; IV (293), tr. 63-74.
- NGUYỄN TIẾN LỰC
 - "Nhận thức về Meiji Duy tân của giới trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX. Trường hợp Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh". IV (293), tr. 21-31.
- MẠC ĐƯỜNG
 - "Vấn đề cộng đồng dân tộc và tín ngưỡng tôn giáo ở thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1945". IV (293), tr. 32-43.
- ĐINH TRẦN DƯƠNG
 - "Sự chuyển hoá của các tổ chức yêu nước ở Việt Nam trong những năm 1925-1930". IV (293), tr. 44-49.
- NGUYỄN PHÚ LỢI
 - "Vài nét về công cuộc khai hoang thành lập làng Thiên chúa giáo Như Tân - huyện Kim Sơn - tỉnh Ninh Bình cuối thế kỷ XIX". IV (293), tr. 50-62.
- NGUYỄN ĐỨC
 - "Nên xác định tên chính thức: "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" hay "Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội"". IV (293), tr. 85-87.
- PHẠM QUANG TRUNG
 - "Bức thư của một số tù chính trị tại Sài Gòn gửi Ủy ban Điều tra Quốc hội Pháp". IV (293), tr. 88-91.
- NGUYỄN PHAN QUANG
 - "Về Hội kín "Thiên Địa Hội" ở Gia Định năm 1901", IV (293), tr. 92-94.
- SONG JEONG NAM
 - "Biến động dân số và những thay đổi ở nông thôn Hàn Quốc". I (290), tr. 66-75.
- NGUYỄN VĂN KIM
 - "Vài nét về tầng lớp thương nhân và hoạt động thương mại ở Nhật Bản trong thời kỳ Tokugawa". II (291), tr. 51-58.
- PHAN HẢI LINH
 - "Bunmei Kaika và sự biến đổi trong đời sống vật chất của người Nhật". IV (293), tr. 75-84.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

- NGUYỄN VĂN KIM
 - "Vài nét về tầng lớp thương nhân và hoạt động thương mại ở Nhật Bản trong thời kỳ Tokugawa". II (291), tr. 51-58.
- PHAN HẢI LINH
 - "Bunmei Kaika và sự biến đổi trong đời sống vật chất của người Nhật". IV (293), tr. 75-84.

— NGUYỄN VĂN KIM

- "Chế độ giáo dục ở Nhật Bản thời kỳ Tokugawa - Những đặc điểm tiêu biểu". V (294), tr. 59-70.

KỶ NIỆM 90 NĂM ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC (1907-1997)

— NGUYỄN VĂN KIỆM

- "Góp thêm vào sự đánh giá Đông Kinh Nghĩa thực". IV (293), tr. 1-10.

— CHƯƠNG THÂU

- "Đông Kinh Nghĩa thực và Phong trào Nghĩa thực ở các địa phương". IV (293), tr. 11-16.

— NGUYỄN THÀNH

- "Đông Kinh Nghĩa thực và Đại Nam (Đảng cổ Tùng báu)". IV (293), tr. 17-20.

— HỒ SONG

- "Đông Kinh Nghĩa thực trong Phong trào Duy Tân ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX (còn nữa)". VI (295), tr. 67-72.

KỶ NIỆM 80 NĂM KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN (1917-1997)

— ĐINH XUÂN LÂM

- "Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917). Các đặc điểm hình thành và phát triển". III (292), tr. 1-6.

— ĐƯƠNG KINH QUỐC

- "Về cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917". III (292), tr. 7-32.

— PHẠM QUANG TRUNG

- "Cuộc Khởi nghĩa Thái Nguyên với "Phong trào Châu Á thức tỉnh". III (292), tr. 33-38.

KỶ NIỆM 50 NĂM CHIẾN THẮNG VIỆT BẮC (THU - ĐÔNG 1947) (1947-1997)

— CAO VĂN LUỢNG

- "Máy vấn đề từ Chiến thắng Việt Bắc (Thu - Đông 1947)". V (294), tr. 1-8.

— NGUYỄN TỐ UYÊN

- "Việt Bắc. Mô chôn chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của bọn xâm lược Pháp". V (294), tr. 9-14.

— NGUYỄN MẠNH HÀ

- "Công thức "Đại đội độc lập. Tiểu đoàn tập trung". Một sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật dùng binh của Đảng ta trong cuộc phản công Việt Bắc Thu - Đông 1947". V (294), tr. 15-18.

— TRẦN ĐỨC CƯỜNG

- "Chiến trường Nam Bộ và Nam Trung Bộ với Chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947". V (294), tr. 19-25.

— NGUYỄN HỮU ĐẠO

- "Quân dân Bắc Bộ với Chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1947". V (294), tr. 26-28.

— ĐỖ NGUYỆT QUANG

- "Nhân dân Việt Bắc với Chiến thắng Thu - Đông 1947". V (294), tr. 29-32.

KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI (1917-1997)

— VĂN TẠO

- "Việt Nam tiếp tục giương cao ngọn cờ Độc lập Dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội theo con đường của Cách mạng Tháng Mười". VI (295), tr. 1-6.

— BÙI ĐÌNH THANH

- "Bảo vệ, xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười". VI (295), tr. 7-12.

— BÙI ĐÌNH PHONG

- "Chủ tịch Hồ Chí Minh với Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)". VI (295), tr. 13-20.

— VÕ KIM CƯƠNG

- "Bối cảnh lịch sử và ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Mười Nga". VI (295), tr. 21-26.

— NGUYỄN NGỌC MÃO

- "Cách mạng Tháng Mười với việc giải quyết vấn đề hòa bình". VI (295), tr. 27-34.

— LÊ TRUNG DŨNG

- "Bản chất dân chủ của Cách mạng Tháng Mười và ý nghĩa của nó trong thời đại ngày nay". VI (295), tr. 35-39.

— ĐINH THU CÚC

- "Bài học của chính quyền Xô viết trong việc nâng cao dân trí ở nông thôn trong năm đầu của Cách mạng Tháng Mười". VI (295), tr. 40-51.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

— PHẠM HỒNG TOÀN

- "Về người khai sáng ngành Thư mục học Việt Nam". I (290), tr. 88-92.

— NGÔ ĐĂNG LỢI

- "Bàn về niên hiệu của Lê Nhân Tông: Đại Hoà hay Thái Hoà?". II (291), tr. 82-84.

— ĐỖ TẤT LỢI

- "Trở lại vấn đề Đại danh y Thiền sư Tuệ Tĩnh là người của thế kỷ XIV hay cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII?". II (291), tr. 85-88.

— NGUYỄN ĐÌNH THỐNG

- "Về công tác bảo tồn di tích ở Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay". V (294), tr. 81-86.

— NGUYỄN THỊ CÔI

- "Về Sách giáo khoa Lịch sử ở trường Phổ thông Trung học Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay". V (294), tr. 87-93.

— PHẠM THỊ KIM ANH

- "Hai sự kiện lịch sử cần được chỉnh biên". VI (295), tr. 87.

ĐỌC SÁCH

— NGUYỄN THÀNH

- "Đọc: "Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris". I (290), tr. 93-94.

- PHAN NGỌC LIÊN • "Việt Nam trong Sách giáo khoa Lịch sử của một số nước". II (291), tr. 89-94.
- HOÀNG PHAN TRỌNG BÁU • "Đọc: "Khoa cử và Giáo dục Việt Nam". III (292), tr. 90-94.

THÔNG TIN

- PHƯƠNG CHI • "Kỷ niệm 50 năm ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946 - 19/12/1996)". I (290), tr. 94.
- P.C • "Hội nghị Khoa học Kỷ niệm Khởi nghĩa Yên Bái (1930)". I (290), tr. 94-95.
- P.C • "Hội thảo Khoa học Kỷ niệm danh nhân Phan Kính (1715-1761)". I (290), tr. 95.
- TRƯỜNG THỊ YẾN • "Hội thảo Khoa học Kỷ niệm 600 năm ngày sinh Cường Quốc Công Nguyễn Xí (1397-1997)". II (291), tr. 95.
- T.Q • "Kỳ thi học sinh giỏi Sử toàn quốc lần thứ nhất". II (291), tr. 95.
- P.V. • "Mừng thọ Nhà Sử học Minh Tranh". II (291), tr. 96.
- P.V. • "Lễ mừng Nhà giáo Nhân dân và Nhà giáo Ưu tú của Khoa Lịch sử. ĐHKHXH & NV - ĐHQG Hà Nội". III (292), tr. 95.
- P.V. • "Hợp báo giới thiệu cuốn sách: "Lịch sử Thanh Hoá" tập 5 (1930-1945)". III (292), tr. 96.
- PGS. VŨ HUY PHÚC • "Hội thảo quốc tế "Euro - Việt" lần thứ ba". IV (293), tr. 95.
- VSH. TẠP CHÍ NCLS • "Võ cùng thương tiếc Nhà Sử học Phan Gia Bền (1925-1997)". IV (293), tr. 95-96.
- P.V. • "Hội thảo Khoa học: "Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917)". V (294), tr. 94.
- KC • "Hội nghị về công tác Tạp chí và Đại hội thành lập Liên Chi hội Nhà báo Trung tâm KHXH và NVQG". V (294), tr. 94-95.
- KC • "Hội thảo Khoa học Quốc tế: "ASEAN hôm nay và ngày mai"". V (294), tr. 95-96.
- KC • "Lễ tưởng niệm 40 năm ngày mất của đồng chí Nguyễn Chánh (24/9/1957 - 24/9/1997)". V (294), tr. 96.
- P.V. • "Lễ tưởng niệm Nhà học giả Nguyễn Văn Tố (1889-1947)". VI (295), tr. 89.
- P.V. • "Hội thảo Khoa học "Thanh Hóa thời Lê". VI (295), tr. 89.
- P.V. • Mục lục tạp chí "Nghiên cứu Lịch sử" năm 1997. VI (295), tr. 90-95.

MỤC LỤC

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NĂM 1996

VẤN ĐỀ CHUNG

Tạp chí NCLS - Hướng về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng. I (284), tr. 1-3.

Phạm Xuân Hăng - Một số vấn đề về xử lý sử liệu học đối với tài liệu chữ viết. I (284), tr. 57-63.

Nguyễn Văn Hồng - Tân thư - Tân học. Thời đại và nhận thức lịch sử. IV (287), tr. 62-68.

LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Trương Thị Yến - Đặng Huy Trú và những hoạt động của ông trong lĩnh vực thương nghiệp thế kỷ XIX. I (284), tr. 32-35.

Trương Minh Đạt - Truy nguyên và dính chính một số điều sai lệch trong "Đại Nam nhất thống chí - Lục tỉnh Nam Việt" thuộc tỉnh Hà Tiên cũ. I (284), tr. 36-50.

Nguyễn Văn Tính - Về quê hương của Đào Cam Mộc. I (284) tr. 69.

Đỗ Văn Ninh - Bia đề tên Tiến sĩ triều Nguyễn (tiếp theo và hết). I (284), tr. 70-81. (Bài I : số V/1995, tr. 55-71).

Văn Tạo - Nhà Mạc và vấn đề nguy triều trong lịch sử Việt Nam. II (285), tr. 28-32.

Phan Huy Lê - Địa bạ cổ Hà Nội. II (285), tr. 33-43.

Philippe Papin - Sự thay đổi hướng nghiên cứu lịch sử làng xã (từ vi mô đến vĩ mô) - Một số gợi ý. (còn nữa) VI (289), tr. 53-67.

Văn Tạo - Giáo sư Trần Văn Giàu - Một tấm gương lao động vì sự nghiệp khoa học và cách mạng. VI (289), tr. 79-85.

Lê Thành Lân - Một mảng lớn của lịch sử nước ta qua ba cuốn lịch cổ. II (285), tr. 44-52.

Vũ Hiệp - Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có hậu duệ ở Cao Ly từ thế kỷ XIV đến nay ? II (285), tr. 76-81.

Phan Đại Doãn - Vài nét về tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX. III (286), tr. 23-34.

Bùi Thị Tân - Phú Bài. Một trung tâm luyện sét ở Đàng Trong thời Chúa Nguyễn. III (286), tr. 35-41.

Cao Văn Biền - Sự quản lý của Nhà nước đối với Hương ước trong lịch sử. III (286), tr. 42-51.

Trương Minh Đạt - Thủ soi sáng đôi điều trong cuốn sách "Hà Tiên Mạc thị thế hệ khảo" của

Trần Kinh Hoà (Cheng Chin Ho)". III (286), tr. 62-68.

Huỳnh Công Bá - Bàn thêm về nguồn gốc địa danh Đà Nẵng. III (286), tr. 69-71.

Nguyễn Duy Hinh - Kinh tế - xã hội thời Lý - Trần. IV (287), tr. 32-46.

Yao Takao - Khoá sát về niên hiệu vua Lê Nhân Tông : Đại Hoà chứ không phải Thái Hoà. IV (287), tr. 47-53.

Phạm Quốc Sứ - Làng chạm bạc Đồng Sâm (Kiến Xương - Thái Bình). IV (287), tr. 54-61.

Claudine Salmon. Tạ Trọng Hiệp - Sứ thần Việt

Nam Cao Bá Quát (1809-1854) và nhận thức của ông qua chuyến công cán "vùng Hạ Châu" (còn nữa). V (288), tr. 49-55.

Trịnh Cao Tường - Bước đầu tìm hiểu đồ gốm nước ngoài phát hiện ở các thương cảng cổ Việt Nam. V (288), tr. 56-61.

Đỗ Thịnh - Một cuốn xá chí cổ mới được phát hiện. (Hà Yên Quyết. Từ Liêm-Hà Nội). V (288), tr. 77-78.

Đỗ Bang - Chính sách ngoại thương của triều Nguyễn - Thực chất và hậu quả. VI (289), tr. 47-52.

LỊCH SỬ CẬN HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Phan Văn Hoàng - Phái đoàn đại biểu các giới. Một hình thức đấu tranh chính trị độc đáo trong lòng địch đầu năm 1950 ở thành phố Sài Gòn. I (284), tr. 4-13.

Tạ Thị Thuý - Việc quản lý đất công nông nghiệp và quy chế ruộng đất của Pháp ở Bắc Kỳ. Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX (tiếp theo và hết) I (284), tr. 14-20 (bài I : số VI/1995, tr. 58-67).

Laurent Burel - Hoạt động truyền giáo của Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. (1856-1883). I (284), tr. 21-31.

Phạm Quang Trung - Bức thư của Nguyễn An Ninh gửi Ủy ban Điều tra. I (284), tr. 64-65.

Đinh Xuân Lâm - Một bài văn tế chiến sĩ cách mạng thời kỳ vận động dân chủ (1936-1939): Lê Trà. I (284), tr. 66-68.

Nguyễn Thành - Hai phát hiện lý luận quan trọng trên cơ sở lịch sử qua Báo cáo của Nguyễn Ái Quốc viết năm 1924. II (285), tr. 1-4.

Lê Mậu Hân - "Làng Đỏ". Điểm mở đầu

truyền thống cách mạng của nông dân Việt Nam. II (285), tr. 5-8.

Nguyễn Tiến Lực - Phan Bội Châu và Lương Khải Siêu ở Nhật Bản - Tiếp xúc và ảnh hưởng. II (285), tr. 9-21.

Phạm Ngọc Liên - Trương Công Huỳnh Kỳ - Về cuộc khởi nghĩa Lê Trung Định. (1885). II (285), tr. 22-27.

Phạm Thị Ưng - Cầm Bá Thước với khối đoàn kết các dân tộc vùng Thượng du Thanh Hoá trong phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX. II (285) tr. 71-73.

Nguyễn Phan Quang - Thuỷ Dương - Đảo Phú Quốc. Một thế kỷ trước. II (285), tr. 74-75.

Saddek Hadjera. Quan hệ hữu nghị Pháp - Algérie - Việt Nam qua một bức thư. I (285), tr. 82-84.

Nguyễn Thành - Mặt trận Nhân dân ở Pháp và Mặt trận Dân chủ Đông Dương. III (286), tr. 10-17.

Đinh Xuân Lâm - Phạm Thận Duật trong công tác ngoại giao của nhà Nguyễn cuối thế kỷ XIX. III (286), tr. 18-22.

Thierry, F. Đồng tiền lụa thời Thành Thái. III (286), tr. 72-76.

Lê Mậu Hãn - Vai trò của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội tháng Tám năm 1945. IV (287), tr. 1-4.

Võ Kim Cương - Sơ lược về tình hình giáo dục phổ thông ở Lai Châu từ 1976 đến nay. IV (287), tr. 5-11.

Đỗ Đức Hùng - Phan Châu Trinh với Nho giáo. IV (287), tr. 12-18.

Philippe Le Failler - Độc quyền thuốc phiện ở Việt Nam. Những nguyên tắc chỉ đạo việc khai thác. Cuối thế kỷ XIX- đầu thế kỷ XX. IV (287), tr. 19-27.

Nguyễn Phúc Nghiệp - Về danh xưng "Bình Tây Đại Nguyên soái" của Trương Định. IV (287), tr. 28-31.

Đỗ Quang Hưng - Làn sóng Tân thư Trung Hoa trong tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam thời cận đại. IV (287), tr. 69-74.

Phan Văn Hoàng - Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi ông Cao Triều Phát (9/1947). IV (287), tr. 79-81.

Nguyễn Văn Khánh - Thêm một số tư liệu về Việt Nam Quốc dân đảng trên địa bàn Lâm Thao (Vĩnh Phú). IV (287), 82-86.

Phạm Quang Trung - Bức thư của Huỳnh Thủ Kháng gửi Ủy ban Điều tra của Quốc hội Pháp. V (288), tr. 67-71.

Mai Thị Phú Phương - Phong trào đấu tranh của nhân dân Nhật Bản ủng hộ Việt Nam

Nguyệt Trang - Thuỷ Dương. Nghiệp đoàn nước mắm Phú Quốc năm 1939. V (288), tr. 72-74.

Đinh Xuân Lâm - Về Cao Thắng. V (288), tr. 75-76.

Nguyễn Trọng Phúc - 50 năm bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của Việt Nam (9.11.1946 - 9.11.1996). VI (289), tr. 1-5.

Nguyễn Tri Thư - Nguyễn Huy Cát - Công cuộc xây dựng bộ máy hành chính - kháng chiến thời kỳ 1946-1954. VI (289), tr. 6-12.

Hồ Sơn Đài - Vai trò của căn cứ địa ở miền Đông Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954). VI (289), tr. 13-19.

Nguyễn Thành - Về hoạt động của nhóm văn hoá mác-xít Pháp ở Nam Bộ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp. VI (289), tr. 20-24.

Ngô Đăng Tri - Phong trào công nhân, viên chức Đắc Lắc thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954). VI (289), tr. 25-32.

Hồ Sĩ Lộ - Quá trình phát triển kinh tế ngoài quốc doanh ở Việt Nam (1986-1995). VI (289), tr. 33-38.

Đinh Trần Dương - Phong trào xuất dương cứu nước ở Nghệ-Tĩnh trong 30 năm đầu thế kỷ XX. VI (289), tr. 39-46.

Đinh Xuân Lâm - Về Đốc Thiết. VI (289), tr. 86-89.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

chống Mỹ (1954-1975). I (284), tr. 51-56.

Nguyễn Hồng Vân - Văn đề dân tộc. Một trong

những nguyên nhân tan rã của Liên bang Xô viết. II (285), tr. 53-64.

Takada Yako - Nghiên cứu lịch sử Việt Nam ở Nhật Bản. II (285), tr. 65-70; III (286), tr. 52-61.

Nguyễn Công Khanh - Indira Gandhi. Một bản lĩnh chính trị lớn. IV (287), tr. 75-78.

Nguyễn Văn Kim - Thời kỳ Tokugawa và những tiền đề cho sự phát triển kinh tế Nhật Bản hiện đại. V (288), tr. 62-66.

Nguyễn Tiến Lực - Kashiwabara Buntaro với Phong trào Đông du của Việt Nam (1905-1909). VI (289), tr. 68-78.

KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (19-12-1946 – 19-12-1996)

Nguyễn Tri Thư - Nguyễn Huy Cát. Công cuộc xây dựng bộ máy hành chính cách mạng thời kỳ 1945-1946. III (286), tr. 1-9.

Cao Văn Lượng - Bài học kinh nghiệm từ trong những năm chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. V (288), tr. 1-6.

Nguyễn Văn Nhật - Đoàn kết, tổ chức và động viên lực lượng toàn dân giữ vững chính quyền, chuẩn bị kháng chiến toàn quốc. V (288), tr. 7-13.

Trần Hữu Đính - Suy nghĩ về thời điểm bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (19-12-1946). V (288), tr. 14-18.

Đinh Thu Cúc - Một số giải pháp cấp bách về kinh tế trong những ngày đầu kháng chiến. V (288), tr. 19-27.

Nguyễn Tố Uyên - Vài nét về cuộc tổng di chuyển cơ quan, kho tàng, máy móc nhằm đưa đất nước bước nhanh vào cuộc chiến tranh vệ quốc. V (288), tr. 28-34.

Trần Đức Cường - Nam Bộ với cuộc kháng chiến toàn quốc. V (288), tr. 35-42.

Đỗ Thị Nguyệt Quang - Vài nét về nền giáo dục Việt Nam trước và trong năm đầu toàn quốc kháng chiến. V (288), tr. 43-48.

TRAO ĐỔI Ý KIẾN

Nguyễn Thành - Về Phong trào Đông Dương Đại hội. I (284), tr. 82-86.

Trương Hữu Quýnh - Suy nghĩ về sử học của chúng ta thời đổi mới. III (286), tr. 77-81.

Nguyễn Văn Kiệm - Về bài : "Hoạt động truyền giáo của Pháp ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ (1856-1883)". III (286), tr. 82-87.

ĐỌC SÁCH

Hồ Song - Đọc : "Chế độ quân chủ và sự kiện thuộc địa ở Việt Nam (1875-1925). I (284), tr. 87-89.

Phan Ngọc Liên - Lâm Quang Trực. Đọc: "Indonexia. Những chặng đường lịch sử". I (284), tr. 90-94.

Bùi Đình Phong - Đọc : "Luật sư Phan Văn Trường". II (285), tr. 85-89.

Trần Bá Chí - Giới thiệu bộ "Đại Việt Sử ký tiền biên". II (285), tr. 90-95.

Văn Lang - Đọc :"Phương thức sản xuất Châu Á. Lý luận và thực tiễn". III (286), tr. 88-90.

Mạch Quang Thắng - Đọc : "Nhà tù Côn Đảo:1955-1975". IV (287), tr. 87-89.

Nguyễn Đức Nghinh - Đọc : "Đòn điên của

người Pháp ở Bắc Kỳ : 1884-1918". IV (287), tr. 90-94.

Bùi Đình Phong - Đọc : "Việt Nam Cận đại. Những sử liệu mới". V (288), tr. 79-81.

Txetop. P. Sinh viên Nga cần biết gì về lịch sử Việt Nam. (Giới thiệu bộ "Lịch sử Việt Nam" 2 tập, xb ở Nga). V (288), tr. 82-87.

Võ Kim Cương - Đọc : "Lịch sử Ấn Độ". V (288), tr. 88-90.

THÔNG TIN

PV. Hội thảo khoa học về Alexandre de Rhodes. I (284), tr. 95.

PV. Hội thảo khoa học về Phan Đình Phùng. I (284), tr. 95.

PV - Hội thảo khoa học về Phạm Hy Lượng. I (284), tr. 95.

PV - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia đón nhận Huân chương Hồ Chí Minh. II (285), tr. 96.

PV - Hội thảo khoa học : "Dòng họ với truyền thống dân tộc". II (285), tr. 96.

PV - Đại hội "Hội Giáo dục Lịch sử" lần thứ nhất. II (285), tr. 96.

Bảo Hưng - Hội thảo khoa học về "Nhóm chủ chiến trong Triều đình Huế và Nguyễn Văn Tường". III (286), tr. 91-92.

+++ Sách lịch sử đã xuất bản. III (286), tr. 92-95.

Trương Công Huỳnh Kỳ - Hội thảo khoa học : "Phong trào Cần vương và cuộc khởi nghĩa Lê Trung Định" - IV (287), tr. 95.

KC - Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Hội KHLSVN lần thứ 3 (Khoá III). IV (287), tr. 95.

+++ Quyết định công nhận Học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư. IV (287), tr. 95.

Viện Sử học - Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - Mừng thọ Giáo sư Sử học - Nhà giáo Nhân dân Trần Văn Giàu 85 tuổi. V (288), tr. 91-94.

PV - Hội thảo "Xây dựng đề án quy hoạch tu bổ, tôn tạo di tích nhà Lý trên quê hương Đinh Bảng" (Tiên Sơn - Hà Bắc). V (288), tr. 94-95.

NDL - Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập khoa Lịch sử - Đại học Sư phạm (1956-1996) - Đại học Quốc gia Hà Nội . V (288), tr. 95.

PV - Kỷ niệm 40 năm thành lập khoa Lịch sử - Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (1956 - 1996) - Đại học Quốc gia Hà Nội . VI (289), tr. 90.

KC - Lễ tưởng niệm nhà sử học Nguyễn Lương Bích. VI (289), tr. 90.

PV - Lễ tưởng niệm Đại tướng Lê Trọng Tấn. VI (289), tr. 91.

Ph. Vũ - Hội thảo kỷ niệm 80 năm ngày sinh cố Giáo sư, Viện sĩ Phạm Huy Thông. VI (289), tr. 91.

+++ Mục lục tạp chí NCLS năm 1996. VI (289), tr. 92-96.

YU 6996

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA
VIỆN SỬ HỌC

TỔNG MỤC LỤC
TẠP CHÍ
NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ
(1954 - 1994)

HÀ NỘI - 1995

LỜI NÓI ĐẦU

Vào năm 1994, Tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử (NCLS) mà tiền thân của nó là tạp chí Văn Sử Địa (VSD) vừa tròn 40 năm ra mắt bạn đọc. Trong quãng thời gian từ đó đến nay đã xuất bản được 48 số tạp chí VSD và 277 số tạp chí NCLS, công bố trên 3000 luận văn nghiên cứu của giới nghiên cứu lịch sử. Năm 1976, Viện Sử học đã cho in "Tổng mục lục và sách dẫn" các luận văn đã công bố trên Tạp chí VSD và NCLS xuất bản từ năm 1954 đến năm 1973. Lần này để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, Viện Sử học và Tạp chí Nghiên Cứu Lịch Sử tổ chức biên soạn tiếp công trình nói trên cho đến hết năm 1994, nhưng có điều chỉnh trong việc sắp xếp, phân loại các chủ đề, để mục đẽ bạn đọc tiện theo dõi, tra cứu. Sách gồm có 2 phần :

1. **Tổng mục lục các luận văn** sắp xếp theo thứ tự vần A,B,C... của họ tên tác giả, tên luận văn (có in thêm phần dịch ra Anh ngữ), tên tạp chí (VSD hoặc NCLS), số tạp chí (số liên tục) và số trang.
2. **Phân loại các vấn đề** thay cho phần Sách dẫn trước đây.

Đây là một công việc khó khăn cho những người biên soạn, vì mỗi luận văn ngoài vấn đề chủ yếu còn đề cập đến nhiều vấn đề khác có liên quan; việc phân định các luận văn theo thời kỳ, giai đoạn lịch sử cũng khó rành mạch. Vì vậy chúng tôi chỉ căn cứ vào nội dung được đề cập đến trong mỗi luận văn để sắp xếp trên 3000 luận văn này vào 13 chuyên mục lớn : *Khoa học lịch sử ; Lịch sử chính trị - xã hội ; Kháng chiến chống ngoại xâm ; Chủ nghĩa Mác- Giai cấp công nhân- Đảng ; Ruộng đất và Nông dân ; Lịch sử văn hoá - văn minh Việt Nam ; Khảo cổ học ; Dân tộc học ; Địa lý học ; Văn học ; Nhân vật lịch sử ; Các tỉnh, thành phố ; Lịch sử thế giới.*

Mỗi chuyên mục lớn gồm có nhiều chuyên mục nhỏ, và trong mỗi chuyên mục nhỏ lại chia ra nhiều nội dung khác nhau. Riêng về chuyên mục "*Nhân vật lịch sử*", chúng tôi ghi họ tên của các nhân vật mà không phân biệt ý thức chính trị của mỗi nhân vật, miễn họ là đối tượng nghiên cứu của bài viết. Song chúng tôi không ghi tất cả họ tên của các nhân vật đã được nhắc đến trong các luận văn như cách làm của sách dẫn trước đây. Trong chuyên mục "*Các tỉnh, thành phố*", chúng tôi muốn giúp bạn đọc ở các địa phương có thể tìm hiểu các vấn đề có liên quan đến tỉnh, thành phố của mình mà các luận văn in trong Tạp chí đã đề cập tới. Song chúng tôi cũng chỉ có thể phân mục được đến cấp tỉnh, thành phố mà thôi.

Ngoài ra, mỗi luận văn lại đề cập đến nhiều vấn đề, nên chúng tôi đã cố gắng sắp xếp mỗi luận văn này vào nhiều chuyên mục khác nhau.

Cuối cùng, chúng tôi xin lưu ý bạn đọc là con số ghi trong phần **Phân loại các vấn đề** (Phần 2) là số thứ tự ghi trong **Tổng mục lục các luận văn** (Phần 1). Ví dụ : số 11 trong chuyên đề "Hình thành dân tộc và thống nhất dân tộc" ở Phần 2 tức luận văn số 11 của Phần 1, có tiêu đề "Việt Nam là một khối thống nhất từ Bắc đến Nam" của BNCVSD.

Ý muốn phục vụ bạn đọc thì rất lớn, nhưng khả năng của chúng tôi chỉ có hạn, vấn đề lại quá phức tạp nên không tránh khỏi sai sót. Chúng tôi rất hoan nghênh sự góp ý của bạn đọc.

Hà Nội, tháng 5 năm 1995

VIỆN SỬ HỌC
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ

Tạp chí: NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ (1954-1994)

MỤC LỤC

Lời nói đầu

Phần thứ nhất

TỔNG MỤC LỤC CÁC LUẬN VĂN	7
---------------------------------	---

Phần thứ hai

PHÂN LOẠI CÁC VĂN ĐỀ	241
----------------------------	-----

<i>Mục lục phân loại</i>	243
--------------------------------	-----

I. KHOA HỌC LỊCH SỬ	248
---------------------------	-----

II. LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI	250
--------------------------------------	-----

III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOAI XÂM	253
--	-----

IV. CHỦ NGHĨA MÁC - GIAI CẤP CÔNG NHÂN - ĐẢNG	255
---	-----

V. RUỘNG ĐẤT VÀ NÔNG DÂN	256
--------------------------------	-----

VI. LỊCH SỬ VĂN HÓA - VĂN MINH VIỆT NAM	258
---	-----

VII. KHÁO CỔ HỌC	260
------------------------	-----

VIII. DÂN TỘC HỌC	261
-------------------------	-----

IX. ĐỊA LÝ HỌC	262
----------------------	-----

X. VĂN HỌC	263
------------------	-----

XI. NHÂN VẬT LỊCH SỬ	265
----------------------------	-----

XII. CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ	269
--------------------------------	-----

XIII. LỊCH SỬ THẾ GIỚI	271
------------------------------	-----

Phần thứ nhất

**TỔNG MỤC LỤC
CÁC LUẬN VĂN**

(Sắp xếp họ và tên các tác giả theo thứ tự A, B, C)

A

1. A.D. Góp một số ý kiến về bài của đồng chí Trương Hữu Quỳnh đăng trong Tạp chí NCLS số 93 - On Truong Huu Quynh's article published in historical studies Review // NCLS, 1967, số 102.- tr. 54-56,62.
2. ALATÔSÈVA (A.I.). Việc nghiên cứu lịch sử khoa học lịch sử ở Liên Xô trong giai đoạn hiện nay - Work study on the History of historical science in USSR at the present period // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 49- 57.
3. AN DƯƠNG. Một vài vấn đề khi viết quyển "Lịch sử Việt Nam" - On some questions on writing Vietnam Histori Book // NCLS, 1967, số 98.- tr. 20-22.
4. ANDORÉEP (N.D). Vấn đề bình thường hóa cách phát âm trong tiếng Việt Nam -The question of normalization of pronunciation in Vietnamese language // VSD, 1956, số 18.- tr. 29-37.
5. APHANAXIÉP (N.D). Đề cập tới hệ thống trong nhận thức xã hội. Approach of system in the social knowledge // NCLS, 1980, -số 5 (194).- tr. 72- 83.
6. ASTAFIEP (G) Các nhà sử học Liên Xô nghiên cứu về bản chất của chủ nghĩa Mao - Soviet historians studying on the essence of Maoism // NCLS, 1980, 2(191).- tr. 83-86.

B

7. BNCVSD. Khoa học lịch sử và công tác cách mạng - Historical science and prévorutionary work // VSD, 1954, số 1.- tr. 2-7.
8. BNCVSD. Cách mạng Tháng Tám và vấn đề ruộng đất - August Revolution and Agrarian question // VSD, 1954, số 2.- tr. 3-8.
9. BNCVSD. Trách nhiệm của chúng ta - Our responsibility// VSD, 1954, số 3.- tr. 3-5.
10. BNCVSD. Lịch sử Thủ đô và lịch sử dân tộc - Capital History and our people History // VSD, 1955, số 4.- tr. 1-5.
11. BNCVSD. Việt Nam là một khối thống nhất từ Bắc đến Nam - Vietnam is an unified block from the North to the South // VSD, 1955, số 5.- tr. 1-4.
12. BNCVSD. Hồ Chủ tịch và thời đại chúng ta - President Ho and our Epoch // VSD, 1955, số 7.- tr. 1-4.
13. BNCVSD. Việt Nam là một dân tộc đang mạnh mẽ tiến lên - Vietnam is a people strongly going forward // VSD, 1955, số 8.- tr. 1-5.

14. BNCVSD. **Cách mạng Tháng Mười với Cách mạng Việt Nam - October Revolution and August Revolution // VSD, 1955, số 11.** - tr. 1-4.
15. BNCVSD. **Một trang sử mới trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân - A new historical page in Vietnam national democratic and popular Revolution // VSD, 1955, số 12.** - tr. 1-3.
16. BNCVSD. **Đảng Lao động Việt Nam , Đảng khoa học - The Vietnam Labour Party, the Party of science // VSD, 1956, số 15.** - tr. 1-6.
17. BNCVSD. **Quan hệ Việt - Xô trong quá trình cách mạng - The relations between Vietnam and Soviet Union in the revolutionary process // VSD, 1956, số 16.** - tr. 1-6.
18. BNCVSD. **Cùng bạn đọc thân mến - To dear readers // VSD, 1956, số 18 .** -tr. 26-28.
19. BNCVSD. **Âm mưu cản bước tiến của lịch sử nhất định sẽ bị nghiên nát - All conspiracy to prevent the advance of history will be crushed// VSD, 1956, số 19.** -tr. 1-4.
20. BNCVSD. **Những vấn đề lịch sử đề ra - The problems raised by the history // VSD, 1956, số 22.** - tr. 1-2.
21. BNCVSD. **Một tài liệu cổ sử mới phát hiện : Thẻ ngọc An Dương - An ancient historical document newly discovered : The gem Card An Duong // VSD, 1956, số 23.** - tr. 37-39.
22. BNCVSD. **Vấn đề thẻ ngọc An Dương - The question of the gem Card An Duong // VSD, 1957, số 28.** - tr. 1.
23. BNCVSD. **Giới sử học Việt Nam phải có đại biểu trong Đại hội Quốc tế các nhà sử học - The Vietnamese historians must have representatives in the International Congress of Historians // VSD, 1957, số 29.** - tr. 1-2.
24. BNCVSD. **Hoan nghênh Nghị quyết của Quốc hội về việc thành lập Ủy ban Khoa học . We acclaim the National Assembly decision on the establishment of the Committee of Sciences // VSD, 1958, số 41.** - tr. 1-6.
25. BNCVSD. **Cách mạng Tháng Tám và công tác nghiên cứu văn sử địa - The August Revolution and the literary, historical and geographical studies work // VSD, 1958, số 43.** - tr. 1-2.
26. BNCVSD. **Dế chuẩn bị tiến tới một giai đoạn mới : Tổng kết công tác của Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa từ ngày thành lập đến nay - Preparations for the advance towards a new phase : to report on the work of the literary, historical and geographical studies Committee from the establishment day to now // VSD, 1959, số 48.** - tr. 2-10.
27. BA KHÈ: **Đặt cơ sở vật liệu học ở Việt Nam - Laying down the basis of phenology in Vietnam // VSD, 1957, số 31.** - tr.18-32.
28. BA (Thị Nghè). **Đề luận đối với bộ "Lịch sử Việt Nam ". T1 (Đọc sách) - Opinions about the book "Vietnam history". Tome 1 (reading book) // NCLS, 1975, số 160.** - tr. 75-77.
29. BA THU. **Nguyễn Mậu Kiến - Một văn nhân yêu nước ở Thái Bình - Nguyen Mau Kien - A patriotic Scholar of Thai Binh // NCLS, 1975, số 161 .** -tr. 60-62.

30. BẠCH HÀO. **Cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn qua một ít bức thư của người ngoại quốc đã ở Việt Nam đương thời** - The insurrection of Tay Son peasants through some letters of the foreigners being present in Vietnam in this period // VSD, 1956, số 14.- tr. 69-74.

31. BẠCH NGỌC ANH. **Vấn đề phân kỳ lịch sử cách mạng và chiến tranh chống Mỹ cứu nước ở miền Nam Việt Nam** - About the periodisation of the revolutionary history and of the war against U.S. imperialists for national salvation in South Vietnam // NCLS, 1981, số 1 (196).- tr. 85-89.

32. BẠCH NGỌC ANH. **Vài nét về vùng đất diệt Mỹ bắc Chu Lai (Quảng Nam - Đà Nẵng)** - Some features about the anti imperialist U.S. zone at North Chu Lai (Quang Nam - Da Nang) // NCLS, 1982, số 1 (202). -tr. 73-77.

33. BẠCH THỌ ĐI. **Cổ và kim trong việc giảng dạy lịch sử** - The ancient and the modern in the teaching on History // VSD, 1959, số 6.- tr. 82-94.

34. BẠCH THỌ ĐI. **Vấn đề của lịch sử và lý luận** - The question of History and Theory // NCLS, 1962, số 38, . -tr. 48-50.

35. BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ NCLS. **Tổng kết cuộc trưng cầu ý kiến bạn đọc của tạp san Nghiên cứu Lịch sử** - An account of readers' opinions searched for by the Historical studies Review // NCLS, 1961, số 25.- tr. 1-10.

36. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU. **Vai trò của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lai Châu trong cuộc tiến công chiến lược Đông-Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ** - The role of Lai Chau local Party organization and population in the Winter-Spring strategic offensive of 1953-1954 and the Dien Bien Phu victory // NCLS, 1984, số 1(214).- tr. 33-39.

37. BAN CHẤP HÀNH TW ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. **Lời kêu gọi** - Appeal // NCLS, 1969 , số 126.- tr. 6-7.

38. BAN CHẤP HÀNH TW ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM. **Điếu văn** - Funeral oration // NCLS, 1969, số 126.- tr. 11-33.

39. BAN THANH NIÊN CÔNG NHÂN TW DOÀN . **Vài nét về đội ngũ công nhân trẻ trong thời kỳ xây dựng CNXH ở nước ta.** - The role of the corps of young workers in the process of development during the period of socialist edification of our country // NCLS, 1981 , số 1(196).- tr. 12-20.

40. BAN VẬN ĐỘNG HKHLS VIỆT NAM. **Lời kêu gọi của Ban Vận động Trung ương Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam** - Appeal of the Central Committee of preparation for the Establishment of the Vietnam historical science Association // NCLS, 1966,số 82.-tr. 60-61

41. BẾ VIẾT ĐẰNG. "Về sự phát triển của nhân dân Xô viết, một cộng đồng lịch sử mới" (**Đọc sách**) - Reading the book entiled "About the development of the Soviet people - A new historic community" / Bế Việt Đằng, M.N.Guböklö // NCLS, 1982, số 2(203).-tr. 83-90.

42. BÉ VIẾT ĐÀNG. Tổ chức bản mường cổ truyền của người Thái ở Mường Thanh (Diện Biên Phủ) - Traditional hamlet system with the Thai population at Muong Thanh (Dien Bien Phu) // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).- tr. 43-53.
43. BIRIUCÓVICH (V). Thời Trung cổ - The Middle Age // NCLS, 1964, số 63. -tr. 54-65.
44. BỘ BIÊN TẬP. Những vấn đề lịch sử (Tổng kết cuộc thảo luận Văn đề quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong kiến trong tạp chí :"Những vấn đề Lịch sử" của Liên Xô) - An account // VSD, 1955, số 10.- tr. 36-42.
45. BÓRIXCÓPXK I (B.I). Một số vấn đề nghiên cứu thời đại đồ đá ở Việt Nam - Some questions in the study of the Stone age in Vietnam // NCLS, 1961, số 24.- tr. 25 -32.
46. BÓRUYHA (G.). Nhà sử học đứng trước thời đại mình - The historian in front of his epoch // NCLS, 1962, số 42.- tr. 51-63.
47. BUGAI (N.P.). Những cơ quan đặc biệt của chuyên chính vô sản (phân tích, so sánh) - Special organs of the dictatorship of the proletariat // NCLS, 1982, số 1 (202).- tr. 56-57.
48. BÙI DANH PHONG. Tài nguyên khoáng sản và lịch sử khai thác, sử dụng chúng ở Việt Nam - Mineral resources and the history of their exploitation in Vietnam // NCLS, 1985, số 3 (223).- tr. 70-77.
49. BÙI DUY TÂN . Hồ Quý Ly qua thơ văn của Nguyễn Trãi - Ho Quy Ly through the poetry and literature of Nguyen Trai // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 56-61.
50. BÙI DUY TÂN. Hồ Quý Ly - Một văn nghiệp khiêm tốn - Ho Quy Ly - A modest literary career // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 38-42.
51. BÙI ĐÌNH PHONG. Liên minh chiến đấu Việt-Lào trong phong trào Cần vương ở Thanh-Nghệ-Tĩnh cuối thế kỷ XIX - Viet-Lao struggle alliance in "The movement for supporting the King" in Thanh-Nghe-Tinh //NCLS, 1987 , số 4 (235).- tr. 68-70.
52. BÙI ĐÌNH PHONG . Trở lại một trang của cuộc khởi nghĩa vũ trang năm Giáp Tuất (1874) - The armed uprising in Giap Tuat year (1874) / Bùi Đình Phong, Đỗ Quang Hưng // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 49-54.
53. BÙI ĐÌNH PHONG . Đọc "Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm" - Reading the book "Ky Dong Nguyen Van Cam" // NCLS, 1994, số 1 (272).-tr. 90-93.
54. BÙI ĐÌNH PHONG . Hồ Chí Minh với Điện Biên Phủ - Ho Chi Minh and Dien Bien Phu // NCLS, 1994, số 2 (273).-tr. 14-17.
55. BÙI ĐÌNH THANH . Đấu tranh vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám - Armed struggle in August Revolution // NCLS, 1960, số 17.-tr. 16-26.
56. BÙI ĐÌNH THANH. Một số kinh nghiệm qua các bản tham luận tại Hội nghị chuyên đề lịch sử địa phương - Some experiences through the contributions in the special Conference on history of the localities // NCLS, 1962, số 41.-tr. 3-7.
57. BÙI ĐÌNH THANH. Một vài ý kiến góp vào việc nghiên cứu các giai đoạn của cuộc kháng chiến - Some ideas contributing to the study on the different phases of the Resistance // NCLS, 1962, số 45.-tr.12-18.

58. BÙI ĐÌNH THANH. Một vài ý kiến về tăng cường đấu tranh tư tưởng trong lĩnh vực sử học, đánh bại những quan điểm phản động và luận điệu xuyên tạc lịch sử dân tộc Việt Nam - Some ideas on the task : Reinforcing the ideological struggle in the historical sphere, defeating the reactionary points of view and the distortions of Vietnam national history // NCLS, 1964, số 60.-tr.11-18,25.

59. BÙI ĐÌNH THANH. Ngọn lửa chiến thắng Điện Biên Phủ đang rực cháy trong phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-tinh - The Dien Bien Phu victory flames are burning in the national liberation movement in Asia, Africa and Latin America // NCLS, 1964 , số 62.-tr. 9-12.

60. BÙI ĐÌNH THANH. Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang - The liberation struggle of the South with the tight combination of political struggle and armed struggle // NCLS, 1964, số 64.-tr.17-22.

61. BÙI ĐÌNH THANH. Về tính Đảng trong khoa học lịch sử - On the party character in the historical science // NCLS, 1966, số 83.-tr.8-12.

62. BÙI ĐÌNH THANH. Một vài suy nghĩ về tính Đảng, tính khoa học trong công tác nghiên cứu lịch sử - Some thinkings on party character and scientific character in historical studies work // NCLS, 1966, số 90.- tr. 23-31.

63. BÙI ĐÌNH THANH. "Chính sách của Mỹ ở Việt Nam - Chiến lược của sự thất vọng" (Đọc sách) - Reading the book : "American policy in Vietnam - Strategy of disappointment" // NCLS, 1968, số 112.- tr. 45-50.

64. BÙI ĐÌNH THANH. Sự bế tắc của đế quốc Mỹ sau hơn ba năm mở rộng chiến tranh cục bộ ở miền Nam và tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc - The impasse of American imperialism after three years of widening of the partial war and reinforcement of sabotage war to the North // NCLS, 1968, số 115.- tr. 22-38.

65. BÙI ĐÌNH THANH. Từ Chương trình 10 điểm đến Cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - From the ten points Project to the political Program of the South Vietnam national liberation Front // NCLS, 1968, số 116.- tr. 24-38.

66. BÙI ĐÌNH THANH. Khối liên hiệp quân sự công nghiệp Mỹ và cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam - The U.S military and industrial complex and the aggressive war in Vietnam // NCLS, 1972, từ số 143 đến số 146.

67. BÙI ĐÌNH THANH. "Open secret - the Kissinger - Nixon Doctrine in Asia - Why we are never leaving?" - (Bí mật bị lộ. Học thuyết Kitxinggio - Nichxon ở châu Á - Tại sao chúng ta không bao giờ rút đi?) - Nxb Harpen and row New York, 1972 (Đọc sách) - (Reading the book) // NCLS, 1974, số 154 .tr. 75-78.

68 . BÙI ĐÌNH THANH. Hai mươi năm miền Nam Việt Nam chiến đấu (20-7-1954 - 20-7-1974) - Twenty years of struggle in South Vietnam // NCLS, 1974, số 157.- tr. 3-13.

69. BÙI ĐÌNH THANH. Ngọn cờ chiến thắng của cách mạng miền Nam - The victory flag of revolution in South Vietnam // NCLS, 1974, số 159.- tr. 3-7.

70. BÙI ĐÌNH THANH. Hai mươi năm đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1974) - Twenty years of struggle for reunification of the country (1954-1974) // NCLS, 1976, số 166.- tr. 6-23.
71. BÙI ĐÌNH THANH. "The logic of world power" (lôgich của cường quốc thế giới) (Đọc sách)-Reading "The logic of world power" //NCLS,1976, số 169.- tr. 87-90.
72. BÙI ĐÌNH THANH. Nhìn lại quá trình thất bại của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Việt Nam - Reviewing the process of the failure of the U.S. neo-colonialism in Vietnam // NCLS, 1976, số 171.- tr. 1-15.
73. BÙI ĐÌNH THANH. 'Vain hopes, grim realities - The economic consequences of the Vietnam war" của Robert Warren Stevens ("Hy vọng hão huyền, thực tế phủ phàng - Nhứng hậu quả kinh tế của chiến tranh Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the book: "Vain hopes, grim realities - The economic consequences of the Vietnam war" by Robert Warren Stevens // NCLS, 1977, số 6 (177).- tr. 85-88.
74. BÙI ĐÌNH THANH. "The lessons of Vietnam" (Những bài học ở Việt Nam) (Đọc sách) - Reading the book entitled "The lessons of Vietnam" // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr. 90-93.
75. BÙI ĐÌNH THANH. "Le Vietnam au XX^e siècle" (Việt Nam ở thế kỷ XX) (Đọc sách) - Reading the book:"Vietnam in the XXth Century "// NCLS, 1979, số 6 (189).- tr. 82-86.
76. BÙI ĐÌNH THANH. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Con người và thời đại - President Ho Chi Minh - The man and the epoch // NCLS, 1990, số 2 (249) . -tr. 1-8.
77. BÙI ĐÌNH THANH. Cách mạng Tháng Tám và sự nghiệp chiến đấu, xây dựng, đổi mới ở Việt Nam - The August Revolution and the cause of struggle construction and renovation in Vietnam // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 1-7.
78. BÙI ĐÌNH THANH. Chiến thắng Điện Biên Phủ - Một cống hiến to lớn vào phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX - Dien Bien Phu victory - A great contribution to the National liberation Movement in the XXth Century // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr. 1-8.
79. BÙI HẠNH CẨN. Ý đồ và hoạt động của các Giáo sỹ nước ngoài trên đất Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII - Intentions and activities of foreign Priests in Vietnam during the XVIIth and XVIIIth Centuries // NCLS, 1978, số 2 (179).- tr. 28-40, 48.
80. BÙI HỮU KHÁNH. Những điều kiện lịch sử đưa đến cao trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc nước ta - The historical conditions bringing to a high movement of agricultural cooperation in the Nord of our country // NCLS, 1961, số 26.- tr. 3-14.
81. BÙI HỮU KHÁNH . Một vài ý kiến về vấn đề phản phong trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh - Some thinkings on the problem of anti feudalism in the Nghe Tinh Soviet Movement // NCLS, 1962, số 34.- tr. 29-35, 52.
82. BÙI HỮU KHÁNH . Một vài ý kiến về ý nghĩa quốc tế của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam nước ta - Some thinkings on international significance of the liberation struggle in the South of our country // NCLS, 1964, số 64.- tr. 29-34, 54.

83. BÙI HỮU KHÁNH . Một vài suy nghĩ từ con đường đi tìm chân lý cứu nước của Hồ Chủ tịch đến việc thành lập Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam - Ho Chi Minh : from the national salvation path to the founding of a proletarian Party // NCLS, 1973, số 149.- tr. 22-30.
84. BÙI HỮU KHÁNH . Bước đầu tìm hiểu Hồ Chủ tịch với giai cấp công nhân trong cách mạng dân tộc dân chủ - President Ho Chi Minh and the working class in the democratic national revolution // NCLS, 1974, số 156 .-tr. 19-27.
85. BÙI KHÁNH THẾ . Tiếng Việt - Tiếng nói thống nhất của dân tộc Việt Nam - The Vietnamese unified language of the people of Vietnam // NCLS, 1976, số 1 (166).- tr. 49-60.
86. BÙI KHÁNH THẾ . Vấn đề giao tiếp ngôn ngữ trong quá trình hình thành dân tộc Việt Nam (Đặt vấn đề và những nhận xét bước đầu) - The problem of language contact in the process of formation of the Vietnamese nation // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 18-20.
87. BÙI QUÝ LỘ . Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất ở Tiền Hải (Hà Nam Ninh) nửa đầu thế kỷ XIX - Further remarks on the land regime in Tien Hai (Ha Nam Ninh province) in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1986, số 5 (230).- tr. 39-44.
88. BÙI QUÍ LỘ . Vấn đề quan hệ giữa lịch sử và địa lý trong Chương trình giảng dạy môn lịch sử - The relation between History and Geography in the History teaching Program /Bùi Quý Lộ, Vũ Thị Hiền// NCLS, 1993, số (268).-tr.47 -48.
89. BÙI QUÍ LỘ . Tìm hiểu tình hình khẩn hoang dưới triều Quang Trung qua địa bạ xã Đông Xá (Thanh Liêm - Nam Hà) cuối thế kỷ XVIII - Presearches about the wasteland clearing situation under the Quang Trung dynasty through the Cadastral registers of Dong Xa Commune (Thanh Liem - Nam Ha province) in the end of the XVIIIth Century // NCLS, 1994, số 3 (274).-tr.56 - 61.
90. BÙI SAN . Vài nét về anh Phan Đăng Lưu (Hồi ký) - About Phan Dang Luu (Memoirs) // NCLS, 1978, số 4 (181).-tr.50-54.
91. BÙI THANH KHIẾT . Sử học là một khoa học có tính giáo dục và chiến đấu cao - History is a science having high educative and militant character // NCLS, 1980, số 6 (195).-tr.10 - 13.
92. BÙI THỊ TÂN . Về một hình thức phân chia ruộng đất công ở làng Phú Kinh (Triệu Hải, Bình Tri Thien) hồi thế kỷ XVIII - The parcelling of communal land in Phu Kinh village (Trieu Hai district, Binh Tri Thien) in the late XVIIIth Century // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).-tr. 54-59.
93. BÙI THỊ TÂN . Nghề rèn làng Hiên Lương và tổ chức " Hàng Kinh" - Ironsmith craft in the commune Hien Luong (Hue) and the organization "Hang Kinh" // NCLS, 1992, số 6 (265).-tr. 40-43.
94. BÙI THỊ TÂN . Nhân dân làng Da Le Thuong (Hương Thuỷ-Thừa Thiên Huế) với Phong trào Tây Sơn - The Da Le Thuong village's inhabitants and the Tay Son Movement // NCLS, 1993, số 4 (269).-tr. 67-70.

95. BÙI THỊ TÂN. Tình hình ruộng đất và phương pháp sử dụng ruộng đất công ở làng Câu Hoan(huyện Hải Làng-Quảng Trị) thế kỷ XIX- The land situation and the communal land utilization mode in Cau Hoan village (Hai Lang district, Quang Tri province) in the XIXth Century // NCLS, 1994, số 6 (277).-tr. 35-40.

96. BÙI THIẾT. Ngọc phà và truyền thuyết về hai Bà Trưng ở làng Hạ Lôi - Genie register and legends concerning two Sisters Trung at Ha Loi village // NCLS, 1982, số 4 (205).-tr.58-62.

97. BÙI THIẾT. Có một phòng tuyến sông Day trong cuộc khởi nghĩa kháng chiến của Hai Bà Trưng- The defence line on the Day River during the insurrection and resistance of the Trung Sisters // NCLS, 1983, số 2 (209).- tr.28-37.

98. BÙI THIẾT. Sự hình thành và diễn biến của các tên làng người Việt cho đến năm 1945 - The emergence and modification of Vietnamese village name until 1945 // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).-tr. 16-28.

99. BÙI THIẾT. Sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" - Bản Nội các quan bản không phải được khắc in từ năm 1697 - The "Dai Viet Su ky toan thu" (ĐVSKTT) (Complete work on the history of Great Vietnam) was not printed from the Noi cac quan ban (NCQB) engraving in 1697 // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 2-14.

100. BÙI THIẾT. Đô đốc Long là ai? - Who is Admiral Long? // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).-tr. 49-52.

101. BÙI THIẾT. "Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX" (Thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra) (Đọc sách) - Reading the book : "The names of Vietnamese villages at the beginning of the XIXth Century" (From Nghe Tinh to the North Vietnam) // NCLS, 1990, số 1 (248).-tr.83-85.

102. BÙI TUẤN BÁCH. Sự khác nhau giữa đèo Ngang và đèo Ba Đọi . The difference between the Ngang Col and the Ba Doi Col // VSD, 1956, số 22.- tr. 81.

103. BÙI VĂN CHÉP . Vài ý kiến về tính khách quan trong sử học mác xít . Some ideas on the objective character in marxist history / Bùi Văn Chép, Vũ Dương Ninh // NCLS, 1964, số 94.- tr. 12-16.

104. BÙI VĂN NGUYỄN . Bàn thêm việc Nguyễn Trái tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào? - To discuss further on the time of participation to the Lam Son insurrection by Nguyen Trai // NCLS, 1966, số 90.- tr. 46-48.

105. BÙI VĂN NGUYỄN . Lại bàn về việc Nguyễn Trái tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào? - To discuss again on the time of participation to Lam Son insurrection by Nguyen Trai // NCLS, 1967, số 99.-tr. 25-33.

106. BÙI VĂN NGUYỄN . Góp thêm ý kiến về các cuộc khởi nghĩa chống Pháp thời kỳ đầu ở Nghệ Tĩnh : Thần Sơn Ngô Quang - Một trong những bộ tướng xuất sắc của Phan Đình Phùng - Some ideas contributing to the knowledge on the beginning of the anti - French colonialism insurrection in Nghe Tinh : Than Son Ngo Quang - One among remarkable generals of Phan Dinh Phung // NCLS, 1972, số 143.- tr. 42-45, 63.

107. BÙI VĂN TẠM. **Lương Thế Vinh - Một nhân tài xuất sắc của dân tộc hồi thế kỷ XV** - Luong The Vinh an ousttanding talent of our nation in the XVth Century // NCLS, 1984, số 2(215). -tr. 67-74.

108. BÙI XUÂN. **Về diễn biến của Phong trào chống thuế năm 1908 ở Quảng Nam** - Some features of the struggle Movement against the taxes in 1908 at Quang Nam province // NCLS, 1994, số 2 (273). - tr. 82-88.

109. BÙI XUÂN ĐÍNH. **Về một loại hình ruộng đất công làng xã : loại đất "công chau thổ" ở một làng ven sông** - About a type of communal ricefields and lands : the type of "common deltaic soil" at a river side village // NCLS, 1981, số 4 (199). - tr. 26-33.

110. BÙI XUÂN ĐÍNH. **Trở lại vấn đề "lão quyền" trong xã hội làng mạc cổ truyền người Việt (Qua tài liệu một làng ven sông : làng Yên Sở, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây)** - Further research into the "gerontocracy" in the traditional rural society of the Viets // NCLS, 1983, số 2 (209). - tr. 45-53.

111. BÙU NAM . **Vài suy nghĩ về Cách mạng Pháp 1789 và công cuộc đổi mới của chúng ta** - The French Revolution of 1789 and our restrucuturation // NCLS, 1989, số 2 (245). - tr. 91-94.

C

112. CA VĂN THỊNH . **"Mạc thị gia phả và trận Rạch Gầm - Xoài Mút"** - "Mac thi family register" and the fight of Rach Gam - Xoai Mut" // NCLS, 1965, số 79. - tr. 8-9.

113. CAO BẠCH MAI. **Một vài ý kiến về xây dựng bộ "Thư mục Việt Nam"** - Some ideas about the construction of the "Book and writing catalogue on Vietnam" // NCLS, 1977, số 1 (172). - tr. 56-59.

114. CAO DO HI. **Một số ý kiến khác nhau về vấn đề gió mùa** - Some different opinions on the question of the monsoon // VSD, 1958, số 43. - tr.65-79.

115. CAO HÙNG TRUNG. **Một ít tài liệu lịch sử trong "An Nam chí nguyễn"** - Some historical documents in "An Nam chí nguyễn" // VSD, 1956, số 20 . -tr. 57-75.

116. CAO HUY THUẦN . **Nhận định và phản ứng của Pháp trước phong trào cộng sản 1930-1931** - French's opinions and reactions towards the communist movement in 1930-1931 // NCLS, 1978, số 4 (181). -tr. 33-49 ; số 6 (183) . -tr. 129-136.

117. CAO HỮU LÂNG . **Vài nét về tình hình kinh tế ở Thừa Tuyên-Thuận Hoá thời Lê qua "Ô Chau cạn lục"** - Economic situation in Thuan Hoa province at the Le dynasty through "Ô Chau can lục" // NCLS, 1978, số 4 (181). - tr. 71-82.

118. CAO TỰ THANH. **Về Nguyễn Thông** - Apropos of Nguyen Thong // NCLS, 1983, số 4 (211). - tr. 80-81.

119. CAO TỰ THANH. Một vài tư liệu mới về Nguyễn Trung Trực ở Long An - Some documents regarding Nguyen Trung Truc recently discovered at Long An /Cao Tự Thanh, Huỳnh Ngọc Tràng // NCLS, 1983, số 5 (212).-tr.80-82,93.

120. CAO VĂN BIỀN . Những hình thức đấu tranh và sự chuyển biến về ý thức của công nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX - The forms of struggle and the change of Vietnam worker consciousness in the beginning of the XXth Centrury // NCLS, 1970, số 130.-tr.53-64.

121. CAO VĂN BIỀN. "Giai cấp công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở miền Nam Việt Nam (1885-1930)" của C.A. Mikhitarian (Đọc sách) - Reading the book of C.A. Mikhitarian on the "Working class and the national liberation Movement in Vietnam (1885-1930) // NCLS, 1970, số 135.-tr. 59-61.

122. CAO VĂN BIỀN . Tiền lương của công nhân thời kỳ 1936-1939 - Workers' wage in the 1936-1939 period // NCLS, 1974, số 156.- tr. 28-36.

123. CAO VĂN BIỀN . Phong trào Ái hữu và Nghiệp đoàn của công nhân thời kỳ 1936-1939 - Workers' friendly society and trade union movement in the 1936-1939 // NCLS, 1975, số 164.- tr. 39-45.

124. CAO VĂN BIỀN. Ngày 1-5 trong sự nghiệp giải phóng dân tộc - May 1th day in the national liberation task // NCLS, 1976, số 167.- tr. 69-73.

125. CAO VĂN BIỀN . Sự phát triển đội ngũ công nhân trước Cách mạng Tháng Tám - Development of the working class before the August Revolution // NCLS, 1977, số 2 (173).- tr. 57-67.

126. CAO VĂN BIỀN . Giới thiệu cuốn "Giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa" - Reading the book : "The Vietnamese working class in the national liberation revolution and the socialist revolution" // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr. 87-93.

127. CAO VĂN BIỀN. Về bản xá công diền, công thô ở Bắc Bộ trước Cách mạng Tháng Tám 1945 . Local communal lands in Tokin up to the August Revolution // NCLS, 1983, số 2 (209).- tr. 66-72.

128. CAO VĂN BIỀN. "Lịch sử cận đại Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the book : "The modern history of Vietnam" // NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 78-87.

129. CAO VĂN BIỀN. Về dân số nông thôn Thái Bình trước Cách mạng Tháng Tám 1945 - On the population in the country side of Thai Binh before the August Revolution // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr. 80-83.

130. CAO VĂN BIỀN . Về nạn đói năm Ất Dậu (1945) . On the famine in the year of At Dau (1945) // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 50-55.

131. CAO VĂN BIỀN . Phân bổ sở hữu ruộng đất tư ở Ninh Bình thời kỳ 1930-1945 - The repartition of private land properties in Ninh Binh in the period of 1930-1945 // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 35-43.

132. CAO VĂN BIỀN . **Tình hình chia gia tài ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of land heritage repartition in Ninh Bình province // NCLS, 1991, số 3 (256).- tr. 51-60.
133. CAO VĂN BIỀN . **Tình hình mua bán ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of land purchase and sale in Ninh Bình in 1930-1945 // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 71-79.
134. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình thế chấp ruộng đất ở nông thôn Ninh Bình (1930-1945)** - The situation of security on estate in Ninh Bình country (1930-1945) // NCLS, 1992, số 1 (160).- tr. 28-33.
135. CAO VĂN BIỀN. **Thử đánh giá các yếu tố trong sự phân hoá của chế độ tư hữu ruộng đất ở Ninh Bình (1930-1945)** - An attempt of evaluation on the factors in the differentiation of private proprietorship of land in Ninh Bình (1930-1945) // NCLS, 1992, số 4 (263).- tr. 27-31.
136. CAO VĂN BIỀN. **Tình hình chia gia tài ruộng đất ở Nam Định (1930-1945)** - The situation of land family inheritance distribution in Nam Định province (1930-1945) // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 24-28.
137. CAO VĂN BIỀN. **Các loại chủ sở hữu tư nhân về ruộng đất ở Nam Định thời kỳ 1930-1945** - The different categories of private land-proprietors in Nam Dinh in the period 1930-1945 // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr. 16-24.
138. CAO VĂN LUÔNG. **Bản chất giai cấp của chính quyền Ngô Đình Diệm** - Ngo Dinh Diem administration class essence // NCLS, 1961, số 24.- tr. 4-14.
139. CAO VĂN LUÔNG . **Âm mưu lợi dụng Giáo hội Thiên chúa để dàn áp phong trào cách mạng miền Nam của Mỹ-Diệm** - The conspiracy of taking advantage of the Catholic Church to close down on the revolutionary movement in the South by American imperialism and Ngo Dinh Diem // NCLS, 1963, số 48.- tr. 2-11.
140. CAO VĂN LUÔNG . **Vấn đề liên minh công nông trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam Việt Nam hiện nay** - The question of the worker and peasant alliance in the national democratic revolution in the South Vietnam of to day // NCLS, 1964, số 64.- tr. 23-28, 38.
141. CAO VĂN LUÔNG. **Công nhân miền Nam trên tuyến đầu chống Mỹ** - South workers on the front-line of the struggle against American imperialism // NCLS, 1969, số 119.- tr. 47-58, 64.
142. CAO VĂN LUÔNG. **Công nhân miền Nam từ đầu xuân Mậu Thân đến nay** - South workers from the beginning of Mau Than Spring till now // NCLS, 1970, số 131.- tr. 45-55 ; số 132.- tr. 114-119.
143. CAO VĂN LUÔNG . **Thủ đoạn của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đối với công nhân , lao động miền Nam Việt Nam** - Exploitation of the labouring people and workers in South Vietnam by U.S. neo - colonialism // NCLS, 1973, số 153.- tr. 15-28.

144. CAO VĂN LƯỢNG. **Bước đầu tìm hiểu về cơ cấu công nhân, lao động ở các thành thị miền Nam Việt Nam hiện nay** - Present structure of the working class and the labouring strata in South Vietnam towns and cities // NCLS, 1974, số 159.- tr. 8-20.
145. CAO VĂN LƯỢNG . **Vài nét về giai cấp tư sản mại bản ở miền Nam Việt Nam dưới chế độ thực dân mới của Mỹ** - Some considerations about the compradore bourgeoisie in South Vietnam under the U.S. neo-colonialism // NCLS, 1976, số 2 (167).- tr. 46-55.
146. CAO VĂN LƯỢNG. **Chính sách ruộng đất của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam** - The agrarian policy of the U.S. puppet regime in the South Vietnam // NCLS, 1976, số 6 (171).- tr. 16-29.
- 147 CAO VĂN LƯỢNG . **Nhìn lại sự thất bại thảm hại của đế quốc Mỹ trong chính sách sử dụng chính quyền tay sai ở miền Nam Việt Nam** - Reviewing the failure of the policy on the use of the puppet administration in South Vietnam // NCLS, 1977, số 6 (177).- tr. 1-14.
148. CAO VĂN LƯỢNG . **Tìm hiểu Phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam Việt Nam** - Study on the Movement of "Dong khoi" in the South Vietnam // NCLS, 1979, số 5 (188).- tr. 10-21.
149. CAO VĂN LƯỢNG. **Tìm hiểu sự vận dụng sáng tạo quy luật cách mạng bạo lực trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Việt Nam** - Essay of study on the creative application of the law of revolutionary force in the national democratic revolution in Vietnam // NCLS, 1980, số 4 (193).- tr. 36-44.
- 150 . CAO VĂN LƯỢNG. **Vài nét về cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội ở nông thôn miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng** - Some feature about the economic and social structures in the country side of South Vietnam before the liberation // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr. 55-62.
151. CAO VĂN LƯỢNG. **Nhìn lại việc nghiên cứu vấn đề ruộng đất và nông dân ở miền Nam Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám đến nay** - Retrospective study on the problem of rice fields and lands and of the peasantry on South Vietnam from the August Revolution to our days // NCLS, 1981, số 4 (199).- tr. 8-14.
152. CAO VĂN LƯỢNG. **Dimitrov và vấn đề kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản** - G. Dimitrov and the problem of combination between patriotism and proletarian internationalism // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr. 6-10, 23.
153. CAO VĂN LƯỢNG . **Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử những năm 1980-1982 và thời gian tới** - The Historical studies Review during the 1980-1982 period and in forthcoming years // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr. 1-5, 21.
154. CAO VĂN LƯỢNG . **Tìm hiểu hợp tác hoá nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ** - Researches in to movement of agricultural collectivization at Nam Bo // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 12-23.
155. CAO VĂN LƯỢNG. **Dường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và chiến thắng Điện Biên Phủ** - The raised banner of national independence and socialism and the Dien Bien Phu victory // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 1-8.

156. CAO VĂN LUÔNG. **Tìm hiểu về sự phân kỳ lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Research into the periodisation of the history of the resistance war against U.S. invaders // NCLS, 1984, số 5 (218).- tr. 1-8.
157. CAO VĂN LUÔNG. **Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thành quả tổng hợp sức mạnh của cả nước, của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** - The success of the anti-U.S. resistance, an achievement recorded by the united forces of all the nation, by national independence and socialism // NCLS, 1985, số 2 (221).- tr. 1-10.
158. CAO VĂN LUÔNG . **Ý nghĩa lịch sử và tầm vóc thời đại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp** - The historical significance and epochal import of our anti-French resistance war // NCLS, 1986, số 5 (230).- tr. 1-6.
159. CAO VĂN LUÔNG . **Tìm hiểu chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam dưới thời Mỹ-ngụy (1954-1975)** - Investigations on capitalism in South Vietnam under American puppet regime (1954-1975) // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 9-17.
160. CAO VĂN LUÔNG. **Suy nghĩ về một số di sản lịch sử trong nông thôn, nông nghiệp miền Nam khi tiến lên chủ nghĩa xã hội** - Reflection on some historical legacy in the country side and the agriculture in the South on the road to socialism // NCLS, 1990, số 2 (249).- tr. 76-83.
161. CAO VĂN LUÔNG. **Về cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt tết Mậu Thân (1968)** - About the General offensive and simultaneous uprising in the Mau Than lunar New Year Festival // NCLS, 1993, số 1 (266).- tr. 1-6.
162. CAO VĂN LUÔNG. **Chiến thắng Điện Biên Phủ, biểu tượng của khát vọng độc lập, tự do và hòa bình** - Dien Bien Phu Victory, A symbol of aspiration to independence, freedom and peace // NCLS, 1994, số 2 (273) . -tr. 9-13.
163. CAO XUÂN PHÒ. **Góp ý kiến về cuốn sách giáo khoa Lịch sử lớp 9 phổ thông. T.I (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1960)** - Some ideas contributing to the handbook on history for the 9th class of general education (Education Publishing house, 1960) // NCLS, 1963, số 54.- tr. 48-52.
164. CẨM GIANG. **Bức thư mỏ Cẩm (Thái Nguyên)** - A letter from Cam Mine (Thai Nguyen) // NCLS, 1959, số 7.- tr. 82-87.
165. CÀM TRỌNG. **Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng công và hình thái xã hội của người Thái ở Tây Bắc trước đây** - The regime of collective land and old Thai society in the North West / Cầm Trọng, Hữu Ứng // NCLS, 1973, số 151.- tr. 50-57.
166. CHÂN THÀNH. **Truyện thần thoại Mường có thể chứng minh sự tồn tại chế độ chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam không?** - Mythology of Muong people can it prove the existence of slavery in Vietnam history? // VSD, 1958, số 36.- tr. 75-80.
167. CHÂU HẢI. **Vai trò của các tổ chức xã hội truyền thống của người Hoa trong hoạt động thương mại** - The role of Chinese's traditional social organizations in the commercial activities // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr. 55-60.

168. CHÂU HÀI. "Trung Quốc Cách mạng Đồng minh Hội" và các nhóm cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á - "China revolutionary alliance Association" and the groups of Chinese communities in South East Asia // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 83-88.
169. CHÂU HÀI. Triều Nguyễn với các nhóm cộng đồng người Hoa ở Việt Nam thế kỷ XIX - The Nguyen court with the Chinese communities in Vietnam in the XIXth Century // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr. 32-37.
170. CHESNEAUX (J). Nghiên cứu theo quan điểm mác xít về sự thức tỉnh hiện nay của châu Á và châu Phi - To study from marxist point of view and the awakening of Asia and Africa of to day // NCLS, 1961, số 28.- tr. 5-17.
171. CHÍ CÔNG. Thêm vài ý kiến về quyển "Nước Việt Nam - lịch sử và văn hoá" của ông Lê Thành Khôi - Some remarks on the Le Thanh Khoi's book : "The historical and cultural Vietnam // NCLS, 1960, số 13.- tr. 71-73.
172. CHIÈM TẾ. Thủ tìm hiểu những đặc điểm phát triển lịch sử của xã hội phong kiến Việt Nam - To try to understand the particularities of the Vietnam feudal society historical development // NCLS, 1959, số 5.- tr. 6-19 ; số 6.- tr. 39-50.
173. CHIÈM TẾ. Nhân dân phương Đông đã tiếp thu bài học của Cách mạng Tháng Mười như thế nào? - How have assimilated the Orient people the lessons of October Revolution? // NCLS, 1959, số 8.- tr. 16-40.
174. CHIÈM TẾ. Cách mạng Tháng Tám là một bộ phận của cách mạng thế giới - The August Revolution is a part of the world revolution // NCLS, 1960, số 18.- tr. 21-30.
175. CHIÈM TẾ. Khắc phục khuynh hướng hiện đại hóa lịch sử, một biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan trong công tác nghiên cứu sử học của chúng ta - To overcome the history modernizaton trend, an expression of subjectivism in our historical studies work // NCLS, 1967, số 95.- tr. 21-31.
176. CHIÈM TẾ. Vài nét về tư tưởng và hoạt động của Hồ Chủ tịch liên quan đến sự nghiệp giải phóng của các dân tộc bị áp bức - Some features on the ideology and the activities of President Ho relative to the liberation cause of the oppressed peoples. // NCLS, 1970, số 132.- tr. 33-47.
177. CHIÉN. Đến sâu vào Cách mạng Việt Nam . Going profoundly to Vietnam revolution // VSD, 1954, số 1.- tr. 8-13.
178. CHU QUANG TIỀU. Tinh chất chống phong kiến của chiến tranh nông dân - The anti-feudal character of the peasant war // NCLS, 1965, số 78 . -tr. 56-64.
179. CHU QUANG TRÚ. Cần nghiêm khắc lén án Phan Thanh Giản - It is necessary to condemn severely Phan Thanh Gian // NCLS, 1963, số 51.- tr. 35-39, 48.
- 180 . CHU QUANG TRÚ. Bình luận về Trương Vĩnh Ký - Commentary on Truong Vinh Ky / Chu Quang Trú, Nguyễn Thành Hàng, Nguyễn Kim Thu, Hồ Hữu Phước // NCLS, 1964 , số 62.- tr. 27-29.

181. CHU QUANG TRÚ. **Tìm hiểu Phan Chu Trinh trong lịch sử cận đại Việt Nam**
 - To study on Phan Chu Trinh in Vietnam modern history / Chu Quang Trú -BT// NCLS, 1965, số 72.- tr. 50-56.
182. CHU QUANG TRÚ. **Vài nhận xét về đồ án triện tròn khắc hình rồng-mây in trên bìa sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" (Nội các quan bản)** - On the round seal carved with dragon and cloud figures being set to the cover of "Dai Viet Su ky toan thu" (printed from the Noi cac quan ban engraving) // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 73-74.
183. CHU QUANG TRÚ. **Mỹ thuật Việt Nam buổi giao lưu thời Trần - Hồ** - The Vietnamese art in the period of transition from Tran dynasty to Ho dynasty // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 80-85.
184. CHU QUANG TRÚ. **Xung quang nhân vật Lý Công Uẩn** - About the personality of Ly Cong Uan // NCLS, 1994 , số 5 (276).- tr. 57-65.
185. CHU THIỀN. **Một nhận xét nhỏ về những cuộc nông dân khởi nghĩa dưới triều Nguyễn** - Some unimportant remarks on the peasant insurrections under the Nguyen dynasty // NCLS, 1960, số 19.- tr. 11-20.
186. CHU THIỀN. **Vài nét về công thương nghiệp triều Nguyễn** - Some features on the industry and the trade under the Nguyen dynasty // NCLS, 1961, số 33.- tr. 47-62.
187. CHU THIỀN. **Ba bài thơ xuân nói đến sự thái bình, phồn thịnh ở đời Tây Sơn**
 - Three Spring poems speaking of the peace and the prosperity under the Tay Son dynasty // NCLS, 1963, số 48.- tr. 60-62.
188. CHU THIỀN. **Chính sách khẩn hoang của triều Nguyễn** - The clearing waste land policy of the Nguyen dynasty // NCLS, 1963, số 56.- tr. 45-63.
189. CHU THIỀN . **Nhân kỷ niệm 180 năm ngày mất của Lê Quý Đôn (1726-1783) -**
Dính chính một số chú thích sai về lịch sử trong bài thơ hoài cổ của ông "Cố Lộng thành" - On occasion of the 180th deathday anniversary of Le Quy Don (1726-1783) - Correction of some erroneous notes on history in his poem remembering things in the past : The Co Long Town // NCLS, 1964, số 59.- tr. 50-52.
190. CHU THIỀN. **Một bài thơ viết về thực dân Pháp đánh chiếm thành Nam Định lần thứ nhất (12-12-1873) : "Khốc Bảo Long Trần Chi Thiện"** - A poem writing on the first occupation of Nam Dinh Town by the army forces of French colonialism (12-12-1873) : "Khoc Bao Long Tran Chi Thien" // NCLS, 1965, số 80.- tr. 28-30.
191. CHU THIỀN. **Một lãnh tụ văn thân Cần vương miền sông Đáy (Nam Hà) : Thủ khoa Hoàng Văn Tuấn** - A leader of royalist scholars on the Day River region (Nam Ha) : The Honor Graduate Hoang Van Tuan // NCLS, 1966, số 84 . -tr. 29-31.
192. CHU THIỀN. **"Tây dương gia tộ bí lục" một tài liệu lịch sử quý giá nêu cao tinh thần yêu nước chống xâm lược** - "Tay duong gia to bi luc" - A precious historical document raising the patriotic spirit against aggression / Chu Thiên, Dinh Xuan Lam // NCLS, 1968, số 107.- tr. 56-62.

193. CHU TRỌNG HUYỀN . Phong trào học sinh yêu nước Nghệ-Tĩnh trong cao trào 1930-1931 - The student movement of Nghe Tinh in the high period of 1930-1931 // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 117-124.
194. CHỦ VĂN TÂN. Trở lại vấn đề văn hoá Hoà Bình - Bắc Sơn - Again on the question of Hoa Binh - Bac Son culture // NCLS, 1965, số 71.- tr. 44-58, 72.
195. CHỦ VĂN TÂN . Vai trò thuỷ lợi trong lịch sử các nước phương Đông - The role of irrigation in the history of the Orient countries // NCLS, 1966, số 84.- tr. 14-25 ; số 85.- tr. 55-59.
196. CHƯƠNG DƯƠNG. "Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XVIII" (Đọc sách) - Reading the book : "The resistance against the Mongol agression in the XIIIth Century // NCLS, 1968, số 114.- tr. 32-38.
197. CHƯƠNG DƯƠNG . Kỷ niệm 1030 năm chiến thắng Bạch Đằng lần thứ nhất - The 1030th anniversary of the first Bach Dang victory // NCLS, 1969, số 125.- tr. 60-63.
198. CHƯƠNG LỎ. Bàn về việc dịch và dùng danh từ "Dân tộc" - On the translation and the utilization of the term "Nation" // NCLS, 1962, số 44 . -tr. 31-35.
199. CHƯƠNG THÀU. Một tác phẩm của Phan Bội Châu "Trùng quang tam sử" hay là "Hậu Trần dật sử" - A work of Phan Boi Chau "Trung quang tam su" or "The missing history of the Tran posterior dynasty" // VSD, 1959, số 48 . -tr. 82-90.
200. CHƯƠNG THÀU. Quá trình hình thành của giai cấp công nhân Việt Nam (Ý kiến trao đổi cùng ông Đặng Việt Thanh) - The process of Vietnam working class formation (Exchange of view with Mr. Dang Viet Thanh) // NCLS, 1960 , số 13.- tr. 62-70.
201. CHƯƠNG THÀU. Lưu Vĩnh Phúc trong cuộc kháng Pháp của nhân dân Việt Nam - Luu Vinh Phuc in the resistance against the French colonialism of the Vietnam people /Chương Thâu, Minh Hồng // NCLS, 1962, số 36.-tr. 7-14.
202. CHƯƠNG THÀU. Ánh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu . The influence of Chinese revolutionon the idelogical change of Phan Boi Chau // NCLS, 1962, số 43.- tr. 12-26.
203. CHƯƠNG THÀU. Một số tài liệu và ý kiến về mối quan hệ giữa Phan Bội Châu và Cường Để (Góp thêm vào ý kiến của đồng chí Hồng Chương) - Some documents and opinions on the relation between Phan Boi Chau and Cuong De (Contribution to the opinion comrade Hong Chuong// NCLS, 1962, số 45.- tr. 19-24, 32.
204. CHƯƠNG THÀU. Một số tài liệu về ảnh hưởng của Phan Bội Châu đối với một số tổ chức cách mạng Trung Quốc đầu thế kỷ XX (1905 đến 1925) - Some documents on the influence of Phan Boi Chau on some revolutionary organizations at the beginning of the XXth Century (1905-1925) // NCLS, 1963, số 55.- tr. 33-43 : số 56.- tr. 32-44.
205. CHƯƠNG THÀU. Phan Bội Châu qua một số sách báo miền Nam hiện nay (Phê phán một số tài liệu dấn sai) - Phan Boi Chau through some South reviews and books of to day (Critique of some erroneously produced documents),// NCLS, 1964 số 67.- tr. 10-20.

206. CHƯƠNG THÀU. Về hai tập tự truyện của São Nam : "Ngục trung thư" và "Phan Bội Châu niên biếu" - On the two Autobiographies of Sao Nam : " Writings in prison" and " Phan Boi Chau directory" // NCLS, 1965, số 75 . -tr. 37-45.
207. CHƯƠNG THÀU. Tác phẩm "Tân Việt Nam" của Phan Bội Châu - Phan Boi Chau work "The New Vietnam" // NCLS, 1965, số 78.- tr. 31-39.
208. CHƯƠNG THÀU. Nhân ngày giỗ, nhắc lại lời di chúc của Phan Bội Châu - On the occasion of the Phan Boi Chau anniversary, we call to mind his testament // NCLS, 1965, số 79.- tr. 5-7.
209. CHƯƠNG THÀU. Dinh phu nhân hay chính là Áu Triệu - Dinh's wife or Au Trieu // NCLS, 1966 , số 82.- tr. 47-52.
210. CHƯƠNG THÀU. Nguồn gốc chủ nghĩa yêu nước của Phan Bội Châu - The origin of Phan Boi Chau's patriotism // NCLS, 1966, số 88.- tr. 21-24.
211. CHƯƠNG THÀU. Hai văn kiện ngoại giao đầu tiên của Phan Bội Châu - Two first Phan Boi Chau's documents on foreign affairs // NCLS, 1966, số 90.- tr. 61-64.
212. CHƯƠNG THÀU. Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và Cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX - The relation between Ton Trung Son and Vietnam revolution in the begining of the XX th Century // NCLS, 1966, số 91.- tr. 17-28.
213. CHƯƠNG THÀU. Cụ Phan Bội Châu sinh năm nào? - In what year was born Phan Boi Chau? // NCLS, 1967, số 97.- tr. 60=61.
214. CHƯƠNG THÀU. Tình hình nghiên cứu Phan Bội Châu từ trước đến nay - The situation of research on Phan Boi Chau until now // NCLS, 1967, số 104 . -tr. 6-16.
215. CHƯƠNG THÀU. Một số tài liệu lịch sử về tình hình hữu nghị chiến đấu giữa hai nước Việt-Trung thời cận đại - Some historical documents on the struggle friendship between the two nations Vietnam-China in the modern time // NCLS, 1968, số 115.- tr. 10-21.
216. CHƯƠNG THÀU. Giới thiệu và phê bình cuốn sách "Nhà yêu nước và nhà văn Phan Bội Châu" - Book review "Phan Boi Chau, the patriot and the writer" // NCLS, 1971, số 136.- tr. 35-41.
217. CHƯƠNG THÀU. Về cuốn "Việt Nam nghĩa liệt sử" - On the book :"Vietnam nghĩa liệt su" // NCLS, 1973, số151.- tr. 58-63.
218. CHƯƠNG THÀU. Bàn thêm về cuốn "Phan Bội Châu Niên biếu" (Đọc sách) - Again some reflections on the "Phan Boi Chau Nien bieu" // NCLS, 1976, số 5 (170).- tr. 82-91.
219. CHƯƠNG THÀU. Ảnh hưởng Cách mạng Tháng Mười đối với Phan Bội Châu - The influence of the October Revolution on Phan Boi Chau // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 55-60.
220. CHƯƠNG THÀU. Điều trần của Nguyễn Trường Tộ về vấn đề nông nghiệp - On the statement of Nguyen Truong To about the question of agriculture // NCLS, 1978, số 3 (180).- tr. 73-78.

221. CHƯƠNG THÀU. Góp phần đánh giá con người và tư tưởng của Nguyễn Công Trứ - Contributions to the appraisal of Nguyen Cong Tru personality and thoughts // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 76-82.
222. CHƯƠNG THÀU. Phan Bội Châu với chủ chương phát triển kinh tế, phục vụ cuộc vận động cách mạng đầu thế kỷ XX - Phan Boi Chau and his project of economic development seeking to serve the revolutionary movement at the beginning of the XXth Century / Chương Thâu, Đinh Xuân Lâm // NCLS, 1980, số 5 (194).- tr. 35-41.
223. CHƯƠNG THÀU. "Nửa thế kỷ đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" (Đọc sách) - Reading the book entitled : "A half century of struggle under the banner of independence and socialism // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr. 86-88.
224. CHƯƠNG THÀU. Về tấm bia kỷ niệm Thiền Vũ Tá Hỷ Thái Lang - On the stele commemorating Thien Vu Ta Hy Thai Lang // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 85-86.
225. CHƯƠNG THÀU. Huỳnh Thúc Kháng, nhà sĩ phu yêu nước (1876-1947) - Huynh Thuc Khang - A lettered patriot (1876-1947) // NCLS, 1984, số 2 (215).- tr. 56-66.
226. CHƯƠNG THÀU. "Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925" của Thu Trang (Đọc sách) - Reading the book entitled : "Phan Chau Trinh's activities in France during the 1911-1925 period" of Thu trang // NCLS, 1984, số 5 (218).- tr. 82-87.
227. CHƯƠNG THÀU. Thư của Phan Bội Châu gửi Cung kỳ Thảo Thiên (Miyazaki Toten) - Letter from Phan Boi Chau to Cung Ky Thao Thien (Miyazaki Toten) // NCLS, 1986, số 1 (226).- tr. 82.
228. CHƯƠNG THÀU. Giới thiệu bài "Cải chính về vụ đào mả Tự Đức và về vụ bom nổ ở Thái Bình và Hà Nội" của Phan Châu Trinh - On the article entitled "Dementi a proposito dell'unaerthing di Tu Duc's remains and of bomb explosion at Thai Binh and Hanoi" by Phan Chau Trinh // NCLS, 1986, số 2 (227).- tr. 81-85.
229. CHƯƠNG THÀU. Thực dân Pháp chống lại sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam - The French colonialists against the circulation of the Marxism and Leninism in Vietnam // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr. 25-35.
230. CHƯƠNG THÀU. Những gương mặt công giáo Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước thời cận đại - Vietnamese Catholic models in modern history in the struggle for building and safe guarding the country // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 55-60.
231. CHƯƠNG THÀU. Ảnh hưởng Cách mạng tư sản Pháp đối với một số nhà kho Việt Nam yêu nước và tiến bộ đầu thế kỷ XX - Influence of French revolution upon a number of patriotic interllectuals of the early XXth Century // NCLS, 1989, số 2 (245).- tr. 79-86.
232. CHƯƠNG THÀU. "Nhật Bản cận đại" (Đọc sách) - Reading the book entitled : "The modern Japan" // NCLS, 1991, số 3 (256).- tr. 86-87.

233. CHƯƠNG THÀU. Giới thiệu bài "Chính kiến của cụ Phan Châu Trinh" : Hiện trạng vấn đề : "Bất bạo động, bạo động tắc tử ! Bất vọng ngoại, vong ngoại già ngu !" Presenting the article "The political views of Phan Chau Trinh, the present situation of the question : Non violence, violence is death: No trust in foreigners, trust in foreigners is foolishness" // NCLS, 1992, số 3 (262).- tr. 71, 79.

234. CÔN (L.). "Khoa học lịch sử khủng hoảng" hay chính hệ thống tư tưởng phản động bị khủng hoảng - "The crisis of historical science" or the crisis of reactionary ideology? // VSD, 1956, số 22.- tr. 45-55.

235. CÔN (L.S). Triết lý sử học tư sản trên bước đường cùng - The philosophy of history of the bourgeois in the blind alley // NCLS, 1961, số 33.- tr. 42-46 ; 1962, số 35.- tr. 47-57.

236. CÔNTRIN (B.A.). Những phương pháp mới trong khảo cổ học - Tổng kết Hội nghị toàn Liên Xô về cách áp dụng những phương pháp khoa học tự nhiên và kỹ thuật vào khảo cổ học - The new methods in archeology - Account of the Soviet Union Conference on the application of the natural science and technics methods in archeology // NCLS, 1964, số 62.- tr. 30-39.

237. CÔTXOMINXKI (E.A.). Một số vấn đề chủ yếu có liên quan đến chủ nghĩa phong kiến Tây Âu trong khoa học lịch sử Xô viết - Some fundamental questions relative to the West Europa feudalism in Soviet Union historical science // NCLS, 1961, số 22.- tr. 74-80 ; số 23.- tr. 65-78.

238. CÓRAYNỐP (D.A.). Khảo cổ học và việc nghiên cứu địa phương - Archeology and the study on the localities // NCLS, 1960, số 15.- tr. 64-70.

239. CUMANEV (V.). Khoa học lịch sử trong nền giáo dục ở trường học - Historical science in the school // NCLS, 1986, số 1 (226).- tr. 70-79.

D

240. D.M. Giới thiệu văn học Việt Nam thời Tây Sơn : The Vietnam literature in the Tay Son period // VSD, 1956, số 14.- tr. 51-59.

241. D.M.. Nguyễn Huệ đã cả phá quân xâm lược Xiêm La ở Rạch Gầm - Xoài Mút vào ngày nào năm Giáp Thìn? - In what day of the Giap Thin year Nguyen Hue has won the Siamese aggressors in Rach Gam - Xoai Mut? // NCLS, 1965, số 70.- tr. 63-65.

242. D.M.. Một chút tài liệu về trận đánh quân Mán Thanh năm 1789 - Documents on the battle against the Sing's aggressors in 1789 // NCLS, 1976, số 5 (170).- tr. 81.

243. DIỆP ĐÌNH HOA. Vài ý kiến về bài "Xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc" - Some opinions on the article "Van Lang society and Au Lac society" // NCLS, 1961, số 26.-tr. 32-42 ; số 27.- tr. 34-48.

244. DIỆP DÌNH HOA. **Những ngôi mộ cổ tìm thấy ở Việt Khê (Hải Phòng) - The ancient tombs discovered in Viet Khe (Hai Phong)** / Diệp Dinh Hoa, Phạm Văn Kinh // NCLS, 1963, số 49.- tr. 48-61.
245. DIỆP DÌNH HOA. **Quá độ từ xã hội nguyên thuỷ đến sự hình thành Nhà nước đầu tiên - The transition from the primitive society to the emergence of the earliest state organization** // NCLS, 1984, số 5 (218). -tr. 25-24.
246. DIỆP DÌNH HOA. **Truyền thống với sự thử thách quyết liệt đổi mới ở lưu vực sông Hồng - Tradition and the decisive test in the renovation of Red River delta** // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 91-97.
247. DIỆP DÌNH HOA. **Lễ hội quần chúng - The mass feast** // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 9-19.
248. DIỆP DÌNH HOA. **Thực tiễn và triết lý sinh thái nhân văn của người Việt trong nông nghiệp - Practice and philosophy of anthropoecology of the Vietnamese in agriculture** // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr. 11-20.
249. DIỆP DÌNH HOA. **Dất đai và huyết thống - Vài nhận xét về quyền sở hữu đất rừng qua "Chuyện họ Phốc" (YAO PUL PHOC) của người Mnông Gar - tỉnh Đắc Lắc** - Land and consanguinity - Some remarks on the forest - land proprietorship through the "History of Phoc family" of the Mnong Gar people in Darlak // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 31-48.
250. DIỆP DÌNH HOA. **Lệ làng và ảnh hưởng của nó đối với pháp luật hiện đại - Village customs and their influences on the modern Law** // NCLS, 1994, số 1 (272).-tr. 1-11.
251. DIỆP VÂN. **Tài liệu về cuộc kháng chiến chống Pháp của Nguyễn Trung Trực (1861-1868) - Documents on the resistance against French colonialism of Nguyen Trung Truc** // NCLS, 1968, số 110.- tr. 53-60.
252. DOĀN ĐẠT. **Cải tiến công tác nghiên cứu khoa học lịch sử - To improve the historical studies work** // VSD, 1956, số 19.- tr. 59-66.
253. DU NGHỆ. **Cuộc nổi dậy chống Nguyễn (1816-1844) do Lê Duy Lương đứng đầu - The Insurrection led by Le Duy Luong against Nguyen Dynasty (1816-1844)** // NCLS, 1968, số 117.- tr. 38-43.
254. DUY HINH. **Vài ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam - Some ideas on the feudalization in Vietnam history** // NCLS, 1963, số 55.- tr. 9-17.
255. DUY HINH. **Tính chất cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng - The character of the two Trung Sisters insurrection** // NCLS, 1965, số 72.- tr. 2-13.
256. DUY MINH. **Dánh giá Phan Chu Trinh - Evaluation on Phan Chu Trinh** // NCLS, 1964, số 69.- tr. 15-19.
257. DUY MINH. **Chính sách của các vua thời Lê sơ đối với miền Tây Bắc và miền Tây nước Đại Việt - The policy of the Le dynasty Kings towards the North West and the West regions of the Great Viet country at the beginning of their dynasty** // NCLS, 1965, số 74.- tr. 43-46.

258. DUY MINH. Thủ tìm đặc điểm phong trào nông dân trong lịch sử Việt Nam - To try to search for the peasant movement particularities in Vietnam history // NCLS, 1965, số 78.- tr. 2-8.
259. DUY MINH. Vai trò của khởi nghĩa nông dân trong quá trình phát triển của dân tộc - The role of peasant insurrection in the process of nation development // NCLS, 1965, số 81.- tr. 3-7, 10.
260. DUY MINH . Vài ý kiến về cuốn "Tay Sơn thuỷ mạt khào" của Đào Nguyên Phố - Some remarks about the book of Dao Nguyen Pho "Tay Son thuy mac khao" (Essay on Tay Son from the beginning to the end) // NCLS, 1966, số 83.- tr. 45-48.
261. DUY MINH. Nguyễn Trãi tham gia nghĩa quân Lam Sơn từ năm nào? - In what year Nguyen Trai participated to the Lam Son rebels // NCLS, 1966, số 87.- tr. 17-18.
262. DUY MINH. Một số câu hỏi về thời kỳ Ngô, Dinh, Lê (939 - 1009) - Some interrogations about the Ngo, Dinh, Le periods (939-1009) // NCLS, 1967, số 101.- tr. 30-32
263. DƯƠNG ĐỨC NGUYÊN . Một cơ sở truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin đầu tiên ở tỉnh Thái Bình : Trường tư thục Minh Thành - A first propaganda tell for Marxism-Leninism in Thai Binh : Minh Thanh private school (1927-1928) // NCLS, 1976, số 167.- tr. 74-77.
264. DƯƠNG ĐỨC NGUYÊN . Về lễ truy diệu Phan Chu Trinh ở Nam Định, Thái Bình trong năm 1926 - The commemoration of Phan Chu Trinh at Nam Dinh - Thai Binh in 1926 // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 89-90.
265. DƯƠNG HƯỚNG KHUẾ . Học tập học thuyết lịch sử trong tư tưởng Mao Trạch Đông - Studying the historical doctrine in Mao Tse Tung thinking // VSD, 1955, số 5.- tr. 68-70.
266. DƯƠNG KINH QUỐC. Ngân sách của chính quyền thực dân Pháp (Từ đầu thời kỳ thuộc địa đến Chiến tranh thế giới thứ nhất) - The French colonial administration budget (From the beginning of colonialization to World War I) // NCLS, 1974, số 159.- tr. 61-74.
267. DƯƠNG KINH QUỐC. Một thủ đoạn xâm lược và thống trị thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam : "Chính sách hợp tác" - A manoeuvre of colonial aggression and administration of the French colonialists in Vietnam : "The policy of association" // NCLS, 1976, số 5 (170).- tr. 40-52.
268. DƯƠNG KINH QUỐC. Cuộc vận động khởi nghĩa ở Mỹ Tho năm 1883 - Insurrectionary movement of My Tho in 1883 // NCLS, 1979, số 1 (184).- tr. 62-69.
269. DƯƠNG KINH QUỐC. Hệ thống chính quyền của thực dân Pháp ở Việt Nam thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 (Quá trình thiết lập và cơ cấu tổ chức) - Organization system of power of the French colonialists in Vietnam in the time before the August Revolution 1945 // NCLS, 1982, từ số 2 (203) đến số 5 (206).
270. DƯƠNG KINH QUỐC. Vài nét về nước Pháp trước ngày cách mạng 1789 bùng nổ - An outline of France before Revolution 1789 // NCLS, 1989, số 2 (245) .-tr. 12-18.

271. DƯƠNG LÊ LONG. **Đọc bản dịch "Đại Việt thông sử" của Lê Mạnh Liêu** - After reading the version of "Dai Viet thong su" of Le Manh Lieu // NCLS, 1976, số 3 (168). - tr. 84-87.

272. DƯƠNG MINH. **Thử nhận định về những mũi tên đồng phát hiện ở Cố Loa** - To try to evaluate the brass shafts discovered in Co Loa // NCLS, 1960, số 14. - tr. 41-49.

273. DƯƠNG MINH. **Bảy năm công tác nghiên cứu cổ sử, trung thế kỷ và khảo cổ học** - Seven years of study work on Ancient history, on the Middle Age and Archaeology // NCLS, 1960, số 21. - tr. 28-35.

274. DƯƠNG MINH. **Đánh giá vai trò Hồ Quý Ly thế nào cho đúng?** - How to evaluate correctly the role of Ho Quy Ly? // NCLS, 1961, số 22. - tr. 60-73.

275. DƯƠNG MINH. **Những vấn đề lịch sử được nghiên cứu và thảo luận trong năm 1961** - The questions of history studies and discussed in 1961 // NCLS, 1962, số 34. - tr. 3-5, 23.

276. DƯƠNG MINH. **Thử xét xem nguyên nhân gì khiến cuộc kháng chiến của Trưng Trắc và Trưng Nhị phải thất bại?** - To try to examine the cause determining the defeat of Trung Trac and Trung Nhị resistance // NCLS, 1962, số 36. -tr. 3-6.

277. DƯƠNG MINH. **Dòng bào theo Phật giáo ở miền Nam đang tiếp tục truyền thống anh dũng bất khuất của dân tộc** - Our buddhistic compatriots are keeping on the heroic, unyielding tradition of the nation // NCLS, 1963, số 53. - tr. 1,24.

278. DƯƠNG MINH. **Tính chất quan trọng của chiến thắng Tuy Động và chiến thắng Chi Lăng** - The important character of Tuy Dong victory and Chi Lang victory // NCLS, 1963, số 55. - tr. 2-8.

279. DƯƠNG MINH. **Thử tìm hiểu phương pháp sưu tầm tài liệu của Lê Quý Đôn** - To try to understand the method carried out by Le Quy Don to search for documents // NCLS, 1964, số 61. - tr. 2-5.

280. DƯƠNG MINH. **Lê Anh Tuấn và xã hội Dàng Ngoài hồi nửa đầu thế kỷ XVIII** - Lê Anh Tuan and the society of Dang Ngoai in the first half XVIIIth Century // NCLS, 1978, số 2 (179). - tr. 60-63.

281. DƯƠNG MINH. **Vài suy nghĩ về người Hoa trên đất Việt** - Reflections on Chinese residents in Vietnam // NCLS, 1978, số 5 (182). - tr. 108-111.

282. DƯƠNG THÁI MINH. **Về cuốn sách "Ô Châu cận lục"** - On the book "O Chau can luc" // NCLS, 1975, số 2 (161). - tr. 75-77.

283. DƯƠNG TRUNG QUỐC. **Nghiên cứu Cách mạng Tháng Tám 1945** - Từ hiện thực đến nhận thức - The August Revolution - from reality to new knowledge in Vietnam // NCLS, 1990, số 4 (251). - tr. 8-14.



284. ĐÁI XUÂN NINH. **Chủ nghĩa nhân đạo trong thơ Hồ Xuân Hương** . The humanism in the Ho Xuan Huong poetry // VSD, 1955, số 12.- tr. 78-86.
285. ĐÀM XUÂN LINH. **Dánh giá Lưu Vĩnh Phúc cần thấy mặt tích cực là chủ yếu** - It is necessary to recognize that the positive side of Luu Vinh Phuc is his main side, in evaluating him // NCLS, 1962, số 40.- tr. 48-52.
286. DAN ĐỨC LỢI. **Vấn đề đặt chữ cho các dân tộc chưa có văn tự** - The question of writing for the illiterate ethnic minorities // VSD, 1957, số 29.- tr. 81-84.
287. DAN ĐỨC LỢI. **Một số ý kiến về Phan Chu Trinh** - Opinions on Phan Chu Trinh // NCLS, 1965, số 72.- tr. 57-58.
288. ĐÀO DUY ANH. **Văn hóa Đông Sơn hay văn hóa Lạc Việt** - Dong Son culture or Lac Viet culture // VSD, 1954, số 1.- tr. 14-29.
289. ĐÀO DUY ANH. **Mấy ý kiến về bộ "Sơ thảo lịch sử Việt Nam"** . Opinion on "The first draft of Vietnam history" // VSD, 1955, số 9.- tr. 77-81.
290. ĐÀO DUY ANH. **Phát biểu ý kiến về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** . Opinion on the Slavery in Vietnam // NCLS, 1960, số 16.- tr. 72-76.
291. ĐÀO DUY ANH. **Nhân những phát hiện mới về khảo cổ học của ta** - On occasion of the new discoveries of our Archaeology // NCLS, 1961, số 32 .-tr. 25-32.
292. ĐÀO DUY ANH. **Sự cần thiết chỉnh lý tài liệu trong công tác nghiên cứu và phiên dịch** - The necessity of the correction of documents in the study work and in the translation work // NCLS, 1962, số 37.- tr. 5-14.
293. ĐÀO DUY ANH: **Cuộc kháng chiến của nhà Trần đã ngăn chặn sự bành trướng của Mông Cổ xuống Đông Nam Á** . The resistance of Tran dynasty has stopped the Mongol expansion to Southeast-Asia // NCLS, 1962, số 42.- tr. 16-20.
294. ĐÀO DUY ANH. **Cái bia cổ ở Trường Xuân với vấn đề nhà Tiền Lý** . The ancient stele in Truong Xuan and the question of the anterior Ly dynasty // NCLS, 1963, số 50.- tr. 22-28.
295. ĐÀO DUY ANH. **Tình hình nước Chiêm Thành trước sau thế kỷ X (Theo chính sử Trung Quốc)** - The situation of Chiem Thanh country before and after the Xth Century // NCLS, 1963 , số 51.- tr. 23-28.
296. ĐÀO DUY ANH. **Sách "Phù biên tạp lục" và bản dịch** - The book "Phu bien tap luc" and its translation // NCLS, 1964, số 64.- tr. 35-38.

297. DÀO DUY ANH. **Tìm các đèo Khau Cấp và Nội Bang trên đường dụng binh của Trần Hưng Đạo** - In search of the cold Khau Cap and Noi Bang in the paths used for the war by Tran Hung Dao // NCLS, 1964, số 66.- tr. 36-38.

298. DÀO DUY ANH. **Nguyễn Trái có từng sang Trung Quốc hay không?** - Nguyen Trai has gone to China ? //NCLS, 1969, số 128.- tr. 50- 55.

299. DÀO DUY ANH. **Những cọc lim đào được với sự đổi dòng của Bạch Đằng** . The ironwood piles dug up with the stream change of Bach Dang River // NCLS, 1969, số 129.- tr. 10-18.

300. DÀO DUY ANH. **Chứng tích xưa nhất về chữ Nôm : Một tấm bia thời Lý Cao Tôn** - The mots ancient proof of demotic script : a stele from the Ly Cao Ton dynasty // NCLS, 1970, số 134.- tr. 45- 46.

301. DÀO DUY ANH. **Lai lịch thành Sài Gòn (Tư liệu địa lý lịch sử)** - On the origin of Sai Gon // NCLS, 1971, số 140.- tr. 63- 64.

302. DÀO DUY ANH. **Sách lược "Công tâm" - Cống hiến chủ yếu của Nguyễn Trái trong sự nghiệp giải phóng dân tộc** - The "attack to the hearth" tactics - A crucial contribution of Nguyen Trai to the work of national liberation // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr. 43-46.

303. DÀO HOÀI NAM. **Góp vào việc nghiên cứu tình hình và đặc điểm giai cấp tư sản Việt Nam trong thời thuộc Pháp** - Contribution to the study on the Vietnam bourgeoisie situation and particularities in the French colony period // NCLS, 1959, số 3.- tr. 56-71.

304. DÀO THỊ DIỄN. **Hà Nội - Những sự kiện trước và sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (Qua một số tư liệu lưu trữ trong thời kỳ 1940-1946)** - Hanoi - The events before August Revolution // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 62-69.

305. DÀO TỐ UYÊN. **Vài nét về công cuộc khẩn hoang thành lập tổng Hướng Đạo (Kim Sơn-Hà Nam Ninh)** - Some features on cleaning work for the setting up the Huong Dao canton (Kim Son - Ha Nam Ninh) / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 41-49.

306. DÀO TỐ UYÊN. **Chế độ ruộng đất ở huyện Kim Sơn trong nửa đầu thế kỷ XIX** - Land regim in Kim Son district in the first half of XIXth Century / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh // NCLS, 1991, số 2 (255).- tr. 61-66.

307. DÀO TỐ UYÊN. **Vài nét về tình hình phân bổ ruộng đất ở một ấp khai hoang trong thế kỷ XIX : Áp Thủ Trung (Kim Sơn)** - Some features about the situation of land repartition in a hamlet organized in the XIXth Century - Thu Trung Hamlet, Kim Son district, Ninh Binh province / Đào Tố Uyên, Nguyễn Cảnh Minh // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 49-55.

308. DÀO TỐ UYÊN. **Thêm một số ý kiến về vấn đề giảng dạy lịch sử Cổ-Trung đại Việt Nam** - Again some opinions about the question of Antique and Middle Age Vietnam history teaching // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr. 39-41.

309. ĐÀO TỐ UYÊN. **Bước đầu tìm hiểu tình hình kinh tế huyện Phúc Thọ (Hà Tây) - Thời kỳ 1981-1991** - Preliminary studies on economical situation in Phuc Tho district (Ha Tay) from 1981 to 1991 // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 33-39.

310. ĐÀO TÙNG. **Giá trị to lớn của tác phẩm thiên tài của Lê-nin (Cuốn "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán") đối với cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay** - The great value of Lenin's talented work relative to our ideological struggle of today : "Chu nghia duy vat va chu nghia kinh nghiem phe phan" // NCLS, 1959, số 8.- tr. 41-57.

311. ĐÀO TÙ KHÁI. **Vài ý kiến đóng góp về vấn đề di chỉ đồ đá mới Cố Nhuế (Lâm Thao, Phú Thọ)** - Some ideas contributing to the question of the neolithic instruments and utensils vestiges at Co Nhue (Lam Thao, Phu Tho) // NCLS, 1960, số 12.- tr. 4-13.

312. ĐÀO TÙ KHÁI. **Người Pháp đã làm gì đối với công tác khảo cổ và di tích lịch sử Việt Nam?** - What did the Frenchmen with the Vietnam historical vestiges? // NCLS, 1960, số 13.- tr. 49-54.

313. ĐÀO TÙ KHÁI. **Vấn đề có chế độ nô lệ hay không có chế độ nô lệ trong xã hội cổ đại Việt Nam** - On the problem : was there the slavery or not in the Vietnam Antique society? // NCLS, 1960, số 19.- tr. 63-70.

314. ĐÀO TÙ KHÁI. **Vài ý kiến trao đổi về một số điểm trong bài "Xã hội Việt Nam có trải qua một thời kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ hay không?"** của hai đồng chí Trần Quốc Vượng và Chu Thiên - Exchange of opinions on some points in the article "The Vietnam society had it a slavery period?" of the two authors Tran Quoc Vuong and Chu Thien // NCLS, 1961, số 24.- tr. 63-71.

315. ĐÀO TÙ KHÁI. **Vài ý kiến về chiếc thạp Dao Thịnh và văn hoá đồng thau** - Some ideas on the large glazed earthenware far Dao Thinh and the culture of the bronze age // NCLS, 1961, số 27.- tr. 49-56 ; số 29.- tr. 41-52.

316. ĐÀO TÙ KHÁI. **Những bước phát triển lớn của thị tộc Hồng Bàng. Có hay không có nhân vật Hùng Vương trong lịch sử dân tộc ta?** - The great development phases of Hong Bang clan. Was the personage Hung Vuong in our national history? // NCLS, 1967, số 101.- tr. 41-45, 57.

317. ĐÀO TÙ KHÁI. **Vài ý kiến về công tác nghiên cứu thành Cố Loa và việc tìm hiểu xã hội Âu Lạc** - Some ideas on the question of the study on Co Loa citadel and on the research on Au Lac society // NCLS, 1968, số 109.- tr. 51-54.

318. ĐÀO TÙ MINH. **Một vài ý kiến về vấn đề phiên âm và giải thích thơ quốc âm của nhà đại văn hào Nguyễn Trãi** - Some thinkings about the question of phonetic transcription and explanation of the great writer Nguyen Trai's poems in national language // VSD, 1958, số 36.- tr. 80-90.

319. ĐÀO TÙ MINH. **Khởi nghĩa Cờ Vàng năm Giáp Tuất (1874) - Một phong trào đấu tranh quyết liệt của nông dân Hà Tĩnh** - The Co Vang (Yellow flag) insurrection in Giap Tuat year (1874). A drastic movement of the Ha Tinh peasants' struggle / Đào Tử Minh, Dinh Xuân Lâm // NCLS, 1975, số 6 (165).- tr. 69-81.

320. DÀO TỬ MINH. Bài ca về một danh tướng của khởi nghĩa Lam Sơn : Nguyễn Tuân Thiện - A ballad exting a renowned general of the Lam Son insurgent troops : Nguyen Tuan Thien / Dào Tử Minh, Dinh Xuân Lâm // NCLS, 1984, số 6 (219).- tr. 74-77.

321. ĐĂNG BÍCH HÀ. Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Lào (1962-1975) - Great victory of the Lao revolution (1962-1975) // NCLS, 1975, số 165.- tr. 7-16.

322. ĐĂNG BÍCH HÀ. Đảng của giai cấp công nhân. người tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Lào - The working class Party, an organizer of every victory of the Laotian revolution // NCLS, 1983, số 4 (211).- tr. 52-62, 70.

323. ĐĂNG DŨNG CHÍ. "Nhà tù Côn Đảo (Cuốn I : "Nhà tù Côn Đảo (1862-1945)". Cuốn II : "Nhà tù Côn Đảo (1945-1954)") (Đọc sách) - Reading the book : "Con Dao prison" (Tome I : "Con Dao prison (1862-1945)". Tome II : "Con Dao prison (1945-1954)" // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 93-96.

324. ĐĂNG ĐỨC AN. Vài nhận xét về việc đưa nhân vật lịch sử thế giới vào Sách Giáo khoa Phổ thông Trung Học - Some remarks about the introduction of World History personages into the textbook of general Secondary education // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr. 54-56.

325. ĐĂNG HUY VÂN. Vài ý kiến nhỏ bàn góp thêm về những đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ cuối thế kỷ XIX (Ý kiến trao đổi với Ông Văn Tân) - Contribution to the discussion Nguyen Truong To reform motion at the end of the XIXth Century (An exchange of opinion with Mr. Van Tan) / Đăng Huy Vận, Chương Thủ // NCLS, 1961, số 25.- tr. 57-70.

326. ĐĂNG HUY VÂN. Góp ý kiến nhỏ về đánh giá Lưu Vĩnh Phúc và đội quân Cờ Đen trong lịch sử cận đại Việt Nam - Contribution to the estimation of Luu Vinh Phuc and the Black flag troops in the Vietnam modern history // NCLS, 1962, số 37.- tr. 15-19, 25.

327. ĐĂNG HUY VÂN. Phan Thanh Giản trong lịch sử cận đại Việt Nam - Phan Thanh Gian in the Vietnam modern history / Đăng Huy Vận, Chương Thủ // NCLS, 1963, số 48.- tr. 12-23.

328. ĐĂNG HUY VÂN. Cuộc kháng chiến chống Pháp của Đốc Den và bài văn tế Crévier tử trận ở Yên Lú, Thái Bình - The resistance of Doc Den against the French colonialists and the funeral oration decicated to Crevier killed in battle at Yen Lu, Thai Binh province // NCLS, 1963, số 49.- tr. 32-36.

329. ĐĂNG HUY VÂN. Thêm một số tài liệu về cuộc khởi nghĩa năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An và Hà Tĩnh - Some new documents on the Giap Tuat insurrection (1874) in Nghe An and Ha Tinh provinces//NCLS, 1965, số 75.- tr. 10-22.

330. ĐĂNG HUY VÂN. Về cuộc khởi nghĩa của Trần Tân và Đặng Như Mai năm Giáp Tuất (1874) ở Nghệ An và Hà Tĩnh - On the insurrection of Tran Tan and Dang Nhu Mai in Giap Tuat (1874) in Nghe An and Ha Tinh provinces //NCLS, 1965, số 79.- tr. 15-19.

331. ĐẶNG HUY VẬN. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nghĩa quân Hoàng Đinh Kinh - The resistance against the French colonialist invaders of the rebel troops of Hoang Dinh Kinh / Đặng Huy Vận, Nguyễn Đăng Duy // NCLS, 1965, số 81. 11-18.

332. ĐẶNG HUY VẬN. Đề đốc Tạ Hiện và phong trào chống Pháp ở Nam Định và Thái Bình cuối thế kỷ XIX - The rear Admiral Ta Hien and the movement against the French colonialists in Nam Dinh and Thai Binh in the end of XIXth Century / Đặng Huy Vận, Chu Thiên // NCLS, 1966, số 83.- tr. 37-44.

333. ĐẶNG HUY VẬN. Một điển hình của phong trào nông dân cuối triều Nguyễn : Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành - A typic example of peasant movement under the Nguyen dynasty : The Phan Ba Vanh insurrection / Đặng Huy Vận, Nguyễn Phan Quang, Chu Thiên // NCLS, 1966,- số 86.- tr. 27- 29.

334. ĐẶNG HUY VẬN. Tìm hiểu thêm về mối liên hệ giữa hai đội nghĩa quân Hùng Linh và Sông Đà trong những năm 1881 - 1892 qua một số tài liệu mới - Contribution to the understanding of the relations between two insurrection army troops Hung Linh and Song Da in 1891 and 1892, through some new documents./ Đặng Huy Vận, Đinh Xuân Lâm // NCLS,- 1966, số 87.- tr.- 19-25, 52.

335. ĐẶNG HUY VẬN. Lã Xuân Oai và những hoạt động chống pháp của ông trong những năm 1882-1889 - La Xuan Oai and his activities against the French colonialists in 1882-1889 / Đặng Huy Vận, Chu Thiên // NCLS,- 1966, số 89.- tr. 27-35.

336. ĐẶNG HUY VẬN. Tìm hiểu thêm về cuộc đấu tranh giữa phái "chủ chiến" và những phái "chủ hoà" trong cuộc kháng chiến chống Pháp cuối thế kỷ XIX - Contribution to the understanding of the struggle between the "advocates of war" and the "advocates of peace" in the war of resistance against French colonialists at the end of the XIXth Century // NCLS, 1967, số 94.- tr. 29-40.

337. ĐẶNG HUY VẬN. Thêm một số tài liệu về Đốc Ngữ và phong trào chống Pháp ở vùng hạ lưu Sông Đà cuối thế kỷ XIX - Again some new documents on Doc Ngu and the resistance movement against the French colonialism in the Da River downstream at the end of the XIXth Century // NCLS, 1967, số 96.- tr. 45-56.

338. ĐẶNG HUY VẬN. Bàn thêm về cuộc chiến đấu ở cứ điểm phòng ngự Ba Đình - Thanh Hoá (1886-1887) - To discuss further on the battle at the important defensive base Ba Dinh, Thanh Hoa province (1886-1887) / Đặng Huy Vận, Lê Ngọc Đông, Đinh Xuân Lâm // NCLS, 1967, số 99.- tr. 41-52.

339. ĐẶNG HUY VẬN. Phan Bội Châu và công cuộc vận động đồng bào Thiên chúa giáo ở đầu thế kỷ XX - Phan Boi Chau and the catholic compatriots campaign in the beginning of the XXth Century // NCLS, 1967, số 104.- tr. 32-40.

340. ĐẶNG HUY VẬN. Về cuộc kháng chiến kiên cường và anh dũng của nhân dân Quảng Bình cuối thế kỷ XIX - On the determined and heroic was of resistance of Quang Binh people at the end of the XIXth Century // NCLS, 1968, số 106.- tr. 24-37.

341. ĐẶNG HUY VẬN. **Thêm một vài ý kiến về công tác sử học của Phan Bội Châu** - Again some new thinkings on the historical work of Phan Boi Chau / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình // NCLS, 1968, số 109.- tr. 36-43.

342. ĐẶNG HUY VẬN. **Về cuộc đấu tranh anh dũng của những người sĩ phu yêu nước chủ chiến chống triều đình đầu hàng xâm lược ở cuối thế kỷ XIX** - On the patriotic scholars - advocates of war against the surrender politicy of the court to the invaders at the end of the XIXth Century // NCLS, 1968, số 112.- tr. 33-44.

343. ĐẶNG HUY VẬN. **Những năm đầu của phong trào chống Pháp ở Nghệ-Tĩnh và quá trình hình thành cuộc khởi nghĩa Phan Dinh Phung** - The first years of the war of resistance movement at Nghe-Tinh and the formation process of Phan Dinh Phung insurrection / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình // NCLS, 1970, số 133.- tr. 37-42.

344. ĐẶNG HUY VẬN. **Dè dốc Lưu Kỳ và những hoạt động chống Pháp của ông ở vùng Đông Bắc Bắc Kỳ cuối thế kỷ XIX** - Rear Admiral Luu Ky and his activities against French colonialism in the North East of Tonkin at the end of the XIXth Century / Đặng Huy Vận, Hoàng Đình Bình // NCLS, 1970, số 134.- tr. 37-44.

345. ĐẶNG HUY VẬN. **Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước với phong trào chống Pháp ở miền núi Thanh Hoá hồi cuối thế kỷ XIX** - Ha Van Mao and Cam Ba Thuoc and the movement against French colonialism in the Thanh Hoa mountainous region at the end of the XIXth Century / Đặng Huy Vận, Dinh Xuân Lâm // NCLS, 1971, số 140.- tr. 20-30.

346. ĐẶNG KIM NGỌC. **Vấn đề Nam Việt trong lịch sử cổ đại và trong sử sách Trung Quốc và Việt Nam** - The problem of "Nam Viet" state in Ancient history and in Chinese and Vietnamese historical records // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr. 58-60.

347. ĐẶNG KIM NGỌC. **Chùa Bồ Đề và dinh Bồ Đề trong lịch sử** - Bo De pagoda and Bo De barrack in history // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).- tr. 84-90.

348. ĐẶNG KIM NGỌC. **Về quả chuông đồng có niên đại "Thuộc Đường" (thế kỷ VIII)** - The bronze bell with the reign "under the protectorate of Duong dynasty" in the VIIIth Century // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 50-63.

349. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Sơ lược về sự thiêng di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam** - Summary on the emigration of the Thai tribus to the North West Vietnam // Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng // NCLS, 1965, số 78.- tr. 40-48.

350. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Những hoạt động của Hoàng Công Chất trong thời kỳ ở Tây Bắc** - The activities of Hoang Cong Chat in the North West / Đặng Nghiêm Vạn, Cầm Trọng // NCLS, 1965, số 81..- tr. 50-54.

351. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Vài ý kiến về vấn đề đối tượng của dân tộc học** - Some thinkings on the question of the object of ethnology // NCLS, 1967, - số 97.- tr. 53-57.

352. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Truyền thống chống xâm lăng của Điện Biên trong lịch sử** - The tradition of the Dien Bien people struggle against the invaders in history / Đặng Nghiêm Vạn, Dinh Xuân Lâm // NCLS, 1967,- số 102.- tr. 47-53,60.

353. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Tìm thấy gia phả dòng họ Lưu Nhân Chú - The discovery of Luu Nhan Chu lineage family register** // NCLS, 1967, số 105.- tr. 42-49,56.

354. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Sơ bộ bàn về quá trình hình thành các nhóm dân tộc Tày-Thái ở Việt Nam. Mối quan hệ với các nhóm ở Nam Trung Quốc và Đông Dương** - Preliminary discussion on the formation process of the minority people groups Tay- Thai in Vietnam. Their relations with the minority people groups of South China and Indochina // NCLS, 1968, số 108.- tr. 24-36.

355. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Tàn dư văn hóa nguyên thuỷ liên quan đến dòng họ, gia đình, hôn nhân người Khơ Mú - Vestiges of primitive culture concerning lineage family and marriage by the Khmu's** // NCLS, 1971, số 138.- tr. 46-54, 64 ; số 139.- tr. 59-64.

356. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Một tư liệu quý được phát hiện : "Bộ luật" của dân tộc Thái ở Mai Châu, Hoà Bình - The code of Thai of Mai Chau, Hoa Binh province** // NCLS, 1976.- số 169.- tr. 79-86.

357. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Những chặng đường hình thành dân tộc Việt Nam thống nhất - The stages of the formation of the unified Viets nation** // NCLS, 1978, số 2 (179).- tr. 9-18.

358. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Có một dân tộc Việt Nam, có một dân tộc Việt Nam xã hội chủ nghĩa - There exists a Vietnamese nation, a socialist Vietnamese nation** // NCLS, 1984.- số 2 (215).- tr 28-37.

359. ĐẶNG NGHIÊM VẠN. **Về vai trò của Chúa đất trong xã hội tồn tại chế độ Thổ ty, Lang đạo, Phia tao, Chúa đất (cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX) - The role of the land lord in the society of mountain mandarins headmen Thai Ruling class and land owners** // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 29-34.

360. ĐẶNG QUANG MINH. **Vấn đề tác động của điều kiện tự nhiên tới khuynh hướng phát triển của các quốc gia thời Cổ - Trung đại thế giới trong công tác nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy lịch sử - The question of the influences of the natural conditions on the development tendency of the nations in the Antiquity and the Middle Age in World History in teaching, studying and writing** // NCLS, 1993, số 3 (268) tr. 67-71.

361. ĐẶNG THÁI HOÀNG. **Nhìn lại quá trình phát triển của nền kiến trúc Việt Nam lâu đời và phong phú (Một số vấn đề về phân kỳ lịch sử và phân loại học trong kiến trúc Việt Nam) - Retrospect on the process of development of the old and copious architecture of Vietnam** // NCLS, 1977, số 5 (176). - tr. 71-80.

362. ĐẶNG THANH TỊNH. **Phương pháp so sánh trong nghiên cứu lịch sử ở Trung Quốc - The comparative method in the historical study in China** // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 72-73.

363. ĐẶNG TRẦN CẨU. **Thông tin liên lạc từ sau Cách mạng tháng Tám đến kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1945-1954) - The information and communication from after the August Revolution to the victory of the war of resistance against the French colonialism (1945-1954)** // NCLS, 1969, số 126.- tr. 58-64.

364. ĐẶNG VĂN LUNG. Thành cổ Long Biên - The ancient Long Bien citadel // NCLS, 1975.- số 1(160).- tr. 72-74.

365. ĐẶNG VIỆT THANH. Tìm hiểu giá trị tập "Sai Vai" của Nguyễn Cư Trinh - To understand the value of the Nguyen Cu Trinh book "Bonzes and buddhist nuns // VSD, 1957.- số 33.- tr. 32-42.

366. ĐẶNG VIỆT THANH. Tìm hiểu về thời đại, ý nghĩa và giá trị truyện "Trinh Thủ" - Studying on the epoch, the meaning and value of "Trinh Thu" story // VSD, 1958.- số 37.- tr. 44-52 ; số 39.- tr. 7-18.

367. ĐẶNG VIỆT THANH. Mấy ý kiến cùng ông Hoa Bằng về thể văn lục bát - Exchange of opinion with Mr. Hoa Bang about the category of poems in which verses are alternatively of six and eight feet // VSD, 1958, số 44.- tr. 81-87.

368. ĐẶNG VIỆT THANH. Mấy ý kiến về tính chất và xu hướng của các phong trào dân tộc cuối thế kỷ XIX ở nước ta.. Contribution to the discussion on national movement character and tendency in the end of the XIXth Century of our country // VSD, 1958.- số 45.- tr. 65-75.

369. ĐẶNG VIỆT THANH. Giai cấp công nhân Việt Nam hình thành từ bao giờ? When was formed the Vietnamese working class? // NCLS, 1959, số 6.- tr. 11-22 ; số 7.- tr. 41-52.

370. ĐẶNG VIỆT THANH. Một vấn đề về tài liệu lịch sử - A question on historical documents // NCLS, 1960, số 15.- tr. 58-63.

371. ĐẶNG VIỆT THANH. Cách mạng tháng Tám và cách mạng văn hoá - The August Revolution and the cultural revolution // NCLS, 1960, số 18.- tr. 31-37.

372. ĐẶNG VIỆT THANH. Phong trào Đồng Kinh Nghĩa Thục, một cuộc cách mạng văn hoá dân tộc, dân chủ đầu tiên ở nước ta - The movement "Dong Kinh Nghia Thuc", a first national, cultural and democratic movement in our country // NCLS, 1961, số 25.- tr. 14-24.

373. ĐẶNG VIỆT THANH. Trở lại bàn về giai cấp tư sản mại bản ở nước ta thời thuộc Pháp - To discuss again on the comprador bourgeoisie of our country under the French domination // NCLS, 1961, số 32.- tr. 15-24.

374. ĐẶNG VIỆT THANH. Vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa dưới thời phong kiến ở Việt Nam (Góp ý kiến với ông Nguyễn Việt) - The question of the capitalism germs under the feudalism in Vietnam (Exchange of opinion with Mr. Nguyen Viet) // NCLS, 1962.- số 39.- tr. 33-43 ; số 40.- tr. 41-52.

375. ĐẶNG VIỆT THANH. Cần nhận định và đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào? - How to judge and to evaluate Phan Thanh Gian? // NCLS, 1963, số 49.- tr. 27-31.

376. ĐẶNG VIỆT THANH. Đánh giá quan điểm luân lý, đạo đức của cụ Phan Chu Trinh - Evaluation on the Phan Chu Trinh moral and ethical point of view // NCLS, 1964.- số 68.- tr. 21-24.

377. ĐÀNG XUÂN KHÁNG. Fukuzawa - Nhà cải cách lừng danh thời Minh Trị duy tân - Fukuzawa - A renowned reformist in the Meiji reform period // NCLS, 1991, số 5(258).- tr. 80-82.
378. ĐÀU XÚ CÁT . Văn tế cai Mưu và bếp Tứu . Funeral oration to corporal Muu and private first class Tuu // NCLS, 1991, số 4(257).-tr. 74-75.
379. ĐÀU XUÂN MAI . Vai trò của Phan Chu Trinh trong lịch sử cận đại Việt Nam . The role of Phan Chu Trinh in Vietnam modern history // NCLS, 1965, số 71.-tr. 31-39.
380. DIỀN XƯƠNG NGŪ. Tìm hiểu chủ nghĩa lịch sử mác xít . To study the Marxist historicism // NCLS, 1965, số 65.- tr. 47-56.
381. ĐINH CÔNG BẮC. Văn đề Việt Nam trong quyển "Những quan hệ quốc tế trong thế giới hiện nay" . The question of Vietnam in the book "The International relations in the contemporary world" / Dinh Cong Bac, Kim Ngoc // NCLS, 1993, số 268.- tr. 87-88.
382. ĐINH GIA KHÁNH. Xác định giá trị của truyền thuyết đối với việc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương . To define the value of legend for the research of Hung Vuong Epoch history // NCLS, 1969, số 123.- tr. 25-31, 65.
383. ĐINH KHẮC THUÂN. Bia Mạc . The stelae under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6 (259).- tr. 51-59.
384. DINH NGỌC BẢO. Về việc xây dựng chương trình môn học lịch sử thế giới học theo phần . On the elaboration of the programme for the subject of the curriculum // NCLS, 1992, số 1(260).- tr. 56-59.
385. ĐINH QUANG HAI. Nhìn lại công nghiệp ở Hà Nội thời kỳ 1961- 1965 . Casting a retrospective glance at the industry of Hanoi in the period 1961-1965 // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 61-67.
386. ĐINH QUANG HAI. Vài nét về kinh tế cá thể, tư nhân ở thành thị miền Bắc thời kỳ 1954-1960 . Some features of the individual private economy in the cities of the North Vietnam in the period 1954-1960 // NCLS, 1992, số 4(263).- tr. 7-14.
387. ĐINH THU CÚC. Bước đầu tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển tư tưởng làm chủ tập thể của người nông dân Việt Nam . Early study of the process of formation and development of the Vietnamese peasants spirit of collective mastership // NCLS, 1976, số 2(167).- tr. 34-45.
388. ĐINH THU CÚC. Tìm hiểu quá trình từng bước củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc nước ta . Essay of research on the process of reinforcement and of improvement of the relation of socialist production in agricultural cooperatives in North Vietnam // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr. 37-50.
389. ĐINH THU CÚC. Những bước đầu tiên trên con đường đi lên CNXH của giai cấp nông dân Việt Nam . First steps taken by the Vietnamese peasantry on the road to socialism // NCLS, 1985, số 4(228).- tr. 28-38.

390. ĐỊNH THU CÚC. Về phong trào đổi công hợp tác trong sản xuất nông nghiệp thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) - On the mutual aid and cooperative movement in agriculture production in the anti - French resistance (1945-1954)// NCLS, 1986, số 5(230).- tr. 16-21.

391. ĐỊNH THU CÚC. Cách mạng Tháng Mười với nông dân các dân tộc ở Trung Á và Cazarctan - The October Revolution with the peasant of the nations in central Asia and Cazacxtan // NCLS, 1987, số 234.- tr. 42-48.

392. ĐỊNH TRẦN DƯƠNG. Nghệ Tĩnh với ngọn cờ độc lập dân tộc những năm trước sau 1930 - Nghe Tinh provinces and the national independence flag before and after 1930 // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr.9-12.

393. ĐỊNH TRẦN DƯƠNG. Những hoạt động cứu nước của đồng bào Thiên chúa giáo ở Nghệ Tĩnh đầu thế kỷ XX - The activities for the country salvation of our Catholic compatriots at the begining of the XXth Century // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr.25-31.

394. ĐỊNH TRUẬT. Hà Tây lại tìm thấy thành đất cổ có "lớp ngói" - Hà Tây discovers again an ancient earthen citadel "roofed with tiles" // NCLS, 1968, số 113.- tr.63-64.

395. ĐỊNH TRUNG KIÊN. Mahatma Gandhi với vấn đề đoàn kết nhân dân trong phong trào giành độc lập dân tộc ở Ấn Độ - Mahatma Gandhi and the problem of people unity in the national independence movement in India // NCLS, 1990, số 6(253).-tr. 67-71.

396. ĐỊNH VĂN HẠNH . Phòng tuyến của thực dân Pháp ở Vũng Tàu cuối thế kỷ XIX - The depence line of French colonialists at Vung Tau in the end of the XIXth Century // NCLS, 1994, số 6(277).-tr. 66-68.

397. ĐỊNH VĂN LIÊN. Thủ tìm hiểu về cơ cấu dân số và đặc điểm dân cư ở Tây Nguyên trước và sau năm 1975 - Getting at the problems of demographic structure and population features in the central Highlands before and after 1975// NCLS, 1984, số 3(216).-tr. 15-25.

398. ĐỊNH VĂN LIÊN. Tình hình dân số và đặc điểm dân cư các dân tộc Sông Bé - Population and demographie features of ethni groups at Song Be // NCLS, 1987, số 1-2(232-233).-tr. 73-81.

399. ĐỊNH VĂN LIÊN . Về sự phân bố các vùng dân cư tôn giáo ở Nam Bộ - The repartition of religious population zones in Cochinchina // NCLS, 1991, số 6(259).-tr. 1-10.

400. ĐỊNH VĂN NHẬT. Đất Cam Khê, căn cứ cuối cùng của Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 40-43 - Cam Khe, last base of the Trung Sisters (Me Linh uprising 40-43) // NCLS, 1973, số 148.- tr. 26-33; 41; số 149.- tr. 31-40.

401. ĐỊNH VĂN NHẬT. Vùng Làng Bạc thời Hai Bà Trưng - Lang Bac at the time of the Trung Sisters. // NCLS, 1974, số 155.- tr. 15-35; số 156.- tr. 44-49.

402. ĐỊNH VĂN NHẬT. Đất Cứu Chân về thời Hai Bà Trưng - Cuu Chan in the times of the Trung Sisters // NCLS, 1974, số 159.- tr. 21-40.

403. ĐINH VĂN NHẬT. **Đi tìm quê hương cũ của An Dương Vương Thục Phán - In the search of the old native place of An Duong Vuong Thuc Phan** // NCLS, 1976, số 1(166).- tr. 65-83.

404. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng - The distict of Me Linh at the period of the Trung Sisters** // NCLS, 1977, số 1(172).- tr. 24-43.

405. ĐINH VĂN NHẬT. **Ruộng Lạc về thời Hùng Vương** Rice - fields Lac at the time of Kings Hung // NCLS, 1978, số 3(180).- tr. 15-23, 32.

406. ĐINH VĂN NHẬT. **Vết tích của những ruộng Lạc đầu tiên quanh bờ hồ Láng Bạc và trên đất của quê hương Phù Đổng Thiên Vương - Vestiges of the earliest rice-fields "Lac" around Lang Bac lake and in the vicinity of the native village of Phu Dong Thien Vuong** // NCLS, 1979, số 4(187).- tr. 24-37.

407. ĐINH VĂN NHẬT. **Vùng đất bậc thềm Ba Vì - đất Mê Linh : trung tâm huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng (Tư liệu ảnh) - The terraced zone of Ba Vi - Me Linh, a centre of Me Linh district in the reign of the Trung Sisters (Photos)** // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 82-86.

408. ĐINH VĂN NHẬT. **Dất Mê Linh - Trung tâm chính trị, quân sự và kinh tế của huyện Mê Linh về thời Hai Bà Trưng - Me Linh - Potitcal, military and economic centre of Me Linh district in the reign of Trung Sistrs** // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 35-53, số 2(191).- tr. 35-39.

409. ĐINH VĂN NHẬT. **Trở lại vấn đề huyện lỵ Mê Linh và quê hương của Hai Bà Trưng qua thư tịch cổ - Once more on the problem of the head-quarter of the Me Linh district and the native region of two Sisters Trung through ancient writings** // NCLS, 1982, số 4(205).- tr. 50-57, 71.

410. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Khúc Dương về thời Hai Bà Trưng - The Khuc Duong district under the reign of the Trung** // NCLS, 1983, số 2(209).- tr. 18-22.

411. ĐINH VĂN NHẬT. **Góp phần xác định một số địa danh trên chiến trường chống xâm lược Tống năm 981 - Contribution to defining some placenames relating to battle field against Tsung aggressors (981)** // NCLS, 1983, số 5(212).- tr. 7-11.

412. ĐINH VĂN NHẬT. **Phương pháp vận dụng địa danh học trong nghiên cứu địa lý lịch sử cổ đại Việt Nam (Trả lời bài "Từ một số địa danh trong chuyên đề nghiên cứu địa lý lịch sử dưới thời Hai Bà Trưng") - The toponomy in practical use** // NCLS, 1984, số 5(218).- tr. 72-81.

413. ĐINH VĂN NHẬT. **Thành cổ Mê Linh của quân Hán và vết tích quân chiếm đóng phương Bắc ở bờ trái sông Con - The Me Linh citadel built by Han troops and vestiges of their occupation of Song Con's left river side** // NCLS, 1985, số 5(224).- tr. 43-47.

414. ĐINH VĂN NHẬT. **Huyện Chu Diên về thời Hai Bà Trưng - Chu Dien district under two Trung Sisters' time** // NCLS, 1987, số 5(235).- tr. 33-42.

415. ĐINH VĂN NHẬT. **Đi tìm quê hương gốc của Lý Bi** - Going in search of native village of Ly Bi // NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 78-82.

416. ĐINH VĂN NHẬT. **Hai huyện Câu Lâu và An Định về thời Hai Bà Trưng** - The rural districts Cau Lau and An Dinh under the reign of Hai Ba Trung // NCLS, 1990, số 5(252).- tr. 64-70.

417. ĐINH VIỆT NAM. **Vài nét về tình hình sử học miền Nam Việt Nam hiện nay** - Some features on the situation of the South history of to day // NCLS, 1964, số 61.- tr. 6-12.

418. ĐINH XUÂN LÂM. **Hình ảnh Tôn Thất Thuyết dưới mắt một tác giả dân gian qua bài về "Thất thủ Kinh đô"** - The portrait of Ton That Thuyet under the eyes of a popular author through the satirical folk song "The fall of the capital tow"/Đinh Xuân Lâm, Triệu Dương // NCLS, 1959, số 2.- tr. 76-80.

419. ĐINH XUÂN LÂM. **Cuộc khởi nghĩa năm 1866 ở Kinh thành Huế dưới ánh sáng của sử liệu mới : bài "Trung nghĩa ca" do chính thủ lãnh Đoàn Hưu Trung viết** -The insurrection of 1866 in Hue capital town under the light of a new dicovered historical document "Trung nghĩa ca" written by the insurrection leader Doan Huu Trung / Đinh Xuân Lâm, Triệu Dương // NCLS, 1959, số 9.- tr. 87-96 ; 1960, số 11.- tr. 58-71.

420. ĐINH XUÂN LÂM. **Góp một vài ý kiến về phân kỳ lịch sử cận đại Việt Nam** - Contribution to the periodization of Vietnam modern history/Dinh Xuân Lâm, Đặng Huy Vận // NCLS, 1962, số 44.- tr. 36-41,51.

421. ĐINH XUÂN LÂM. **Đối tượng sử học và lịch sử hiện đại** - The object of history and modern history // NCLS, 1966, số 93.- tr. 33-36,58.

422. ĐINH XUÂN LÂM. **Tống Duy Tân với phong trào chống Pháp của nhân dân Thanh Hóa hồi cuối thế kỷ XIX (1886-1892)** - Tong Duy Tan and the anti - French colonialism movement of Thanh Hoa people at the end of the XIX th Century / Dinh Xuân Lam, Đặng Huy Vận // NCLS, 1967, số 98.- tr. 52-62.

423. ĐINH XUÂN LÂM. **Nguyễn Xuân Ôn, một thủ lĩnh văn thân lối lạc cuối thế kỷ XIX (1825-1889)** - Nguyen Xuan On, an outstanding leader of the scholars' movement (1825-1889) // NCLS, 1974, số 158.- tr. 45-52.

424. ĐINH XUÂN LÂM. **Giới thiệu sách "Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam"** - Reading the book : "Problems concerning the history of the Vietnamese working class" // NCLS, 1975, số 162.- tr. 78-80.

425. ĐINH XUÂN LÂM. **Cao Thắng với phong trào yêu nước chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX** - Cao Thang and the patriotic movement against French aggression at the end of the XIX th Century / Dinh Xuân Lam, Phan Trọng Báu // NCLS, 1975, số 5(164).- tr. 46-55.

426. ĐINH XUÂN LÂM. **"Bốn bang thư", một tài liệu có giá trị về cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi (1833-1835)** - "Bon Bang Thu" (Bon Bang's letters), a precious document on the Le Van Khoi insurrection (1833-1835) / Dinh Xuân Lâm, Nguyễn Phan Quang // NCLS, 1978, số 1(178).- tr. 75-86.

427. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Tìm hiểu thêm về tư tưởng bạo động của Phan Bội Châu** - On the Phan Boi Chau's concept of revolt / Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu // NCLS, 1978, số 5(182).- tr. 18-33.
428. ĐỊNH XUÂN LÂM. "Giai cấp công nhân Việt Nam những năm trước khi thành lập Đảng" (Đọc sách) - Reading the book entitled : "The Vietnamese working class during the years before the foundation of the Party // NCLS, 1979, số 5(188).- tr. 89-91.
429. ĐỊNH XUÂN LÂM. "Giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ 1936 -1939" (Đọc sách) -Reading the book: "The Vietnamese working class in the period 1936-1939" // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 86-88.
430. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Phong trào chống thuế năm 1908 ở Nghệ Tĩnh** - Struggle movement of peasants of Nghe Tinh against taxes and prestations policy in 1908 / Đinh Xuân Lâm, Đỗ Quang Hưng // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 29-34.
431. ĐỊNH XUÂN LÂM. **25 năm xây dựng và trưởng thành của khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (1956-1980)** - 25 years of formation and maturation of the Faculty of History of the University of Ha Noi // NCLS, 1980, số 4(193).- tr. 13-18.
432. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Tư liệu mới về Nguyễn Xuân Ôn và cuộc khởi nghĩa do ông lãnh đạo (1885-1887)** - New materials relating to Nguyen Xuan On and his uprising / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sách // NCLS, 1982, số 6(207).- tr. 80-83.
433. ĐỊNH XUÂN LÂM. "Việt nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)" (Tập I và Tập II) (Đọc sách) - Reading the book entitled : "Vietnam historical events and facts from 1858 to 1945" (Tome I, Tome II) // NCLS, 1983, số 2(209).- tr. 89-91, 94.
434. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Xung quanh cái chết của Đề Thám** - On the death of De Tham / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Phan Quang // NCLS, 1983, số 2(209).- tr. 73-74.
435. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Ba văn kiện về phong trào Cần vương** - Three documents regarding the Can Vuong movement / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sách // NCLS, 1983, số 5(212).- tr. 76-79.
436. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Về Nguyễn Cao** - Apropos of Nguyen Cao / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sách // NCLS, 1983, số 4(211).- tr. 71-74.
437. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Nhận đọc bài "Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phú Yên từ 1885 đến 1887 theo những nguồn tài liệu Pháp"** (của Giáo sư Charles Fourniau) - About the article : "The national resistance at Phu Yen - Binh Dinh in the 1885 - 1887 period and its repression by French colonialism" // NCLS, 1984, số 2(215).- tr. 83-87.
438. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Thêm một số tư liệu mới về khởi nghĩa Yên Thế** - Some new documents about the Yen The uprising / Đinh Xuân Lâm, Đỗ Quang Hưng // NCLS, 1984, số 3(216).- tr. 79-81.
439. ĐỊNH XUÂN LÂM. **Phong trào đấu tranh vũ trang chống xâm lược Pháp cuối thế kỷ XIX ở Nghệ Tĩnh** - Những đặc điểm phát triển, nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử . The movement of armed struggle against the French invasion at Nghe Tinh in the late XIXth Century // NCLS, 1984, số 5(218).- tr. 25-30.

440. ĐINH XUÂN LÂM. Hai tư liệu lịch sử về phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hoá - Two documents relating to the Can vuong movement in Thanh Hoa // NCLS, 1985, số 2(221).- tr. 84-86.

441. ĐINH XUÂN LÂM. Một số tư liệu về phong trào Cần vương ở Bắc Kỳ - Some documents relating to the Can vuong movement in Tonkin / Đinh Xuân Lâm, Võ Văn Sách // NCLS, 1985, số 5(224).- tr. 87-89.

442. ĐINH XUÂN LÂM. Đề có một nhận định đúng đắn về Tôn Thất Thuyết trong lịch sử Việt Nam - The role of Ton That Thuyet in our national history // NCLS, 1985, số 6(225).- tr. 11-15.

443. ĐINH XUÂN LÂM. Bức thư của Đề Thám gửi Toàn quyền Đông Dương năm 1897 - Letter dated 1897 from De Tham to the Governor general of Indochina // NCLS, 1986, số 1(226).- tr. 80-81.

444. ĐINH XUÂN LÂM. Bàn thêm về tinh chất và vai trò lãnh đạo phong trào đấu tranh vũ trang chống xâm lược Pháp vào cuối thế kỷ XIX - On the nature and role of the leadership of the armed struggle movement against French invaders in the late XIXth Century / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh // NCLS, 1986, số 6(231).- tr. 31-35.

445. ĐINH XUÂN LÂM. Nông thôn Việt Nam trong thời kỳ cận đại - Vietnamese country side in modern times // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).- tr. 26-32.

446. ĐINH XUÂN LÂM. "Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945" (Đọc sách) - Reading the book : "Colonialist administration in Vietnam before August 1945 Revolution" // NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 91-92.

447. ĐINH XUÂN LÂM. "Việt Nam những sự kiện lịch sử (1858-1945)" (Tập III : 1919-1935; Tập IV : 1936-1945) (Đọc sách) - Reading the book : "Vietnam - The historical facts" (Tome III : 1919-1935 and Tome IV : 1936-1945) // NCLS, 1990, số 1(248).- tr. 79-80.

448. ĐINH XUÂN LÂM. Hồ Chí Minh và sự kết hợp văn hoá với Cách mạng - Ho Chi Minh and the combination of culture and revolution // NCLS, 1990, số 2(249).- tr. 16-19.

449. ĐINH XUÂN LÂM. "Khởi nghĩa Trương Định" (Đọc sách) - Reading the book : "Truong Dinh insurrection" // NCLS, 1990, số 5(252).- tr. 90-92.

450. ĐINH XUÂN LÂM. "Trung Kỳ - Bắc Kỳ : Những năm 1885-1896 (Văn thân và nông dân Việt Nam đứng trước cuộc chinh phục thuộc địa) (Đọc sách) - Reading the book : "Annam and Tonkin in 1885-1896" // NCLS, 1990, số 6(253). - tr. 80-84.

451. ĐINH XUÂN LÂM. "Phạm Thận Duật - Cuộc đời và tác phẩm" (Đọc sách) - "Pham Than Duat - Life and work" (Book review) // NCLS, 1991, số 2(255). - tr. 87-88.

452. ĐINH XUÂN LÂM. Sử học với đổi mới hay là đổi mới sử học (Một cái nhìn từ lịch sử cận đại Việt Nam) - History with renovation or the renovation of history / Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh // NCLS, 1991, số 5(258).- tr. 5-9.

453. ĐINH XUÂN LÂM. Vũ Phạm Khải - Nhà sử học yêu nước có quan điểm tiến bộ - Vu Pham Khai, a patriotic historian with progressist point of view // NCLS, 1992, số 2(261).- tr. 20-25.

454. ĐINH XUÂN LÂM. Nguyễn Mậu Kiến - Người xướng nghĩa đầu tiên trên đất Thái Bình - Nguyen Mau Kien, the first instigator of justice in Thai Binh // NCLS, 1992, số 3(262).- tr. 1-6.

455. ĐINH XUÂN LÂM. "Hồ Chí Minh - Từ Đông Dương đến Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the book : "Ho Chi Minh - from Indochina to Vietnam" // NCLS, 1992, số 4(263).- tr. 91-94.

456. ĐINH XUÂN LÂM. Về Đốc Tích, thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Hai Sông (1883-1889) - On Doc Tich, the leader of Hai Song insurrection (1883-1889) / Dinh Xuân Lâm, Trương Chính // NCLS, 1992, số 4(263).- tr. 61-63.

457. ĐINH XUÂN LÂM. Đỗ Quang - Một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân - Do Quang - A bright example of patriotism and responsibility before the people // NCLS, 1993, số 2(267).- tr. 11-14.

458. ĐINH XUÂN LÂM. Tìm hiểu thêm về phong trào Cân vương Hà Tĩnh (1885-1893) -Studying again about the "Devoted to the King" movement in Ha Tinh (1885-1893) // NCLS, 1993, số 4(269).- tr. 71-73.

459. ĐINH XUÂN LÂM. "Thất thủ kinh đô" - "The fall of the Capital" // NCLS, 1993, số 5(270).- tr. 75-77.

460. ĐINH XUÂN LÂM. Triều Nguyễn trước âm mưu bành trướng của tư bản phương Tây (1802-1858) -The Nguyen dynasty facing the invasion intention of European capitalism (1802-1858) // NCLS, 1993, số 6(271).- tr. 6-12.

461. ĐINH XUÂN LÂM. Việt Nam trong mối quan hệ Pháp - Đức thời kỳ chiến tranh Pháp - Đức (1870 - 1871) - Vietnam in the France - Germany relations in the period of French - Germany war (1870 - 1871) // NCLS, 1994, số 1(272).- tr. 77-80.

462. ĐINH XUÂN LÂM. Kêu gọi học Quốc ngữ - Appeal to study the Quốc ngữ // NCLS, 1994, số 5(276).- tr. 77.

463. ĐINH XUÂN LÂM. Trịnh Hoài Đức với "Gia Định thành thông chí" - Một hiện tượng hội nhập văn hoá Việt - Hoa tiêu biểu - Trinh Hoai Duc and the "Gia Dinh thanh thong chi" - A representative phenomenon of Vietnamese and Chinese cultural Integration // NCLS, 1994, số 6(277).- tr. 8-12.

464. DOÀN LÊ GIANG. Tư liệu : "Thiên hạ đại thế luận" của Nguyễn Lộ Trạch - "General situation of the world" by Nguyen Lo Trach // NCLS, 1987, số 5-6(236-237).- tr. 94-98.

465. ĐÔ BANG. Một số đóng góp của nhân dân Bình Tri Thôn trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mãn Thanh thế kỷ XVIII - Some contributions of the population of the three provinces Binh Tri Thien to the resistance against the Ts'ing aggressors in the XVIIIth Century // NCLS, 1979, số 1(184).- tr. 51-56.

466. ĐÔ BANG. Chính sách bành trướng của đế chế Mãn Thanh vào Việt Nam cuối thế kỷ XVII và sự thất bại thảm hại của nó - The expansionist policy of the Mandchu empire of Ts'ing towards Vietnam in the second half of XVIIth Century and its fiasco // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 27-34.

467. ĐỖ BANG. Trung thư phụng chính Trần Văn Kỳ - Tran Van Ky - A high mandarin of Quang Trung // NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 63-69.
468. ĐỖ BANG. Tình hình đấu tranh giai cấp ở Thuận Hoá thế kỷ XVIII - Class struggle in Thuan Hoa during the XVIIIth Century // NCLS, 1984, số 3(216).- tr. 38-47.
469. ĐỖ BANG. Tình hình Triều đình Huế trước vụ biến 1885 - Hue imperial court prior to the 1885 event // NCLS, 1985, số 5(224).- tr. 74-77.
470. ĐỖ BANG. Đoàn Hữu Trang và cuộc khởi nghĩa năm 1866 ở Kinh thành Huế - Doan Huu Trung and the insurgency of 1866 at Hue imperial city // NCLS, 1986, số 2(227).- tr. 42-51.
471. ĐỖ BANG. Chiến trận Hải Vân - An Nông trong chiến dịch giải phóng Phú Xuân năm 1786 của nghĩa quân Tây Sơn - The Hai Van - An Nong victory during the campaign for liberation Phu Xuan in 1786 by Tay Son insurgent troops // NCLS, 1986, số 6(231).- tr. 36-41.
472. ĐỖ BANG. Về cửa Kẻ Thủ (Nghĩa Bình) - On Ke Thu (Nghia Binh) / Đỗ Bang, Dinh Van Hạnh // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 101-103.
473. ĐỖ BANG. Phố cổ Thanh Hà - The ancient street of Thanh Ha // NCLS, 1992, số 2(261).- tr. 43-47.
474. ĐỖ CHU TUẤN. Năm sinh của Anh hùng dân tộc Trần Quốc Tuấn - Birthdate of national Hero Tran Quan Tuan // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 74-75.
475. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Bước đầu tìm hiểu về tri thuỷ, thuỷ lợi ở nước ta nửa đầu thế kỷ XIX - Preliminary study on hydraulict and irrigation worke in Viet Nam during the first half of the XIXth Century // NCLS, 1979, số 5(188).- tr. 46-56.
476. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Về tên đất Thái Bình, quê hương của Lý Bôn trong cuộc khởi nghĩa chống quân Lương - About the place name Thai Binh - native country of Ly Bon the uprising against the Luong dynasty // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 63-65.
477. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Vài nét về chế độ ruộng đất và kinh tế nông nghiệp thời Mạc - Some features on the land regime and the agricultural economy under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6(259).- tr. 16-21.
478. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Vấn đề tri thuỷ ở Hưng Yên dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX) - The question of irrigation in Hung Yen province under the Nguyen dynasty (XIXth Century) // NCLS, 1993, số 5(270).- tr. 42-47.
479. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Về vấn đề tri thuỷ - thuỷ lợi ở vùng khai hoang ven biển Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XIX - The problem of irrigation in the waste land clearing in the Northern coast in the first half of the XIXth Century) // NCLS, 1994, số 3(274).- tr. 26-33.
480. ĐỖ ĐỨC HÙNG. Về vấn đề tổ chức, quản lý công trình tri thuỷ ở Bắc Bộ của nhà Nguyễn (thế kỷ XIX) - About the organization of the irrigation work in the North

Vietnam under the dynasty of Nguyen (in the XIXth Century) // NCLS, 1994, số 4(275).- tr. 47-51.

481. ĐÔ HUY DĨNH. **Đào Duy Từ - Thân thế và sự nghiệp** - Dao Duy Tu - his life and his activities // NCLS, 1991, số 4(257).- tr. 42-48

482. ĐÔ HỮU NGHĨÉM . **Hoạt động của quân đội Tây Sơn ở Gia Định khi Nguyễn Ánh rước quân xâm lược Xiêm La về và sự hình thành cục diện chiến trường mới tại Tiền Giang đầu tháng 1-1785** - The activities of Tay Son troops at Gia Dinh and the emergence of a new field situation at Tien Giang // NCLS, 1985, số 1(220).- tr. 27-30.

483. ĐÔ HỮU THÍCH . **Hội thảo khoa học về "Hồ Quý Ly và nhà Hồ" với việc biên soạn "Lịch sử Thanh Hóa" T.II** - Scientific workshop on "Ho Quy Ly and Ho dynasty" and the redaction of the book "Thanh Hoa history" Tom II // NCLS, 1992, số 5(264).- tr. 93-94.

484. ĐÔ LƯU . **Hai chiếc thạp đồng mới phát hiện được ở Phú Thọ** - Two recently discovered copper jars in Phu Tho / Đỗ Lựu, Đoàn Thế Khải // NCLS, 1963, số 47.- tr. 60-62.

485. ĐÔ LƯU . **Vài ý kiến về bài "Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Việt" của hai ông Trần Khánh và Phan Hoàng Hiển** - Opinions on the article "The remnants of matriarchat in Viet society" of the two authors : Tran Khanh and Phan Hoang Hien // NCLS, 1964, số 62.- tr. 16-21, 26.

486. ĐÔ MINH CAO . **Việt Nam - Thất bại chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á** - Vietnam - A strategic failure of the U.S in Southeast Asia // NCLS, 1985, số 6(225).- tr. 5-10.

487. ĐÔ MINH CAO. **Chính sách thù địch của Mỹ đối với Đông Dương từ cuối những năm 80** - The hostile policy the U.S. against Indochina in the late 70's and early 80' of this Century // NCLS, 1986, số 5(230).- tr. 78-83.

488. ĐÔ MINH CAO . **"Quá trình cách mạng hiện nay ở ba nước Đông Dương"** (Đọc sách) - Reading the book : "The present revolutionary course of the Indochinese countries" // NCLS, 1987, số 3(234).- tr. 86-91.

489. ĐÔ NGỌC CHÂU . **Mác đã làm công tác tư liệu như thế nào khi tìm hiểu về nước Nga?** - How Marx collected documents when he studied on the Russia? // NCLS, 1966, số 92.- tr. 45-51, 54.

490. ĐÔ NGUYỆT QUANG . **Tìm hiểu về quá trình xây dựng nếp sống mới ở vùng các dân tộc ít người miền Bắc Việt Nam (1954-1975)** - Inquiries into the building of a new lifestyle among Norht Vietnamese ethnic minorities (1954-1975) // NCLS, 1984, số 4(217).- tr. 39-48.

491. ĐÔ QUANG HƯNG. **Về cuốn "Sự kiện lịch sử Đảng Hà Nam Ninh : 1929-1954"** (Đọc sách) - Reading the book : "Historical events of the Party at Ha Nam Ninh : 1929-1954" // NCLS, 1979, số 1(184).- tr. 80-82.

492. ĐỖ QUANG HƯNG. Chiến trận ở Đà Nẵng 130 năm trước. Diến biến và kết cục - The battle in Da Nang 130 years ago. Its evolution and results / Đỗ Quang Hưng, Quốc Trung // NCLS, 1987, số 5-6(236-237).- tr. 72-81.
493. ĐỖ QUANG HƯNG. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Cách mạng Pháp 1789 - The President Ho Chi Minh and the French Revolution of 1789 // NCLS, 1989, số 2(245).- tr. 68-74.
494. ĐỖ QUANG HƯNG. Chủ tịch Hồ Chí Minh với phong trào Công đoàn - Lịch sử và hiện tại - President Ho Chi Minh and Trade union movement - The History and the Present // NCLS, 1990, số 2(249).- tr. 34-41.
495. ĐỖ QUANG HƯNG. Nhận thức và thực tiễn của vấn đề xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất - Knowledge and practice of the question of a national unified front edification // NCLS / Đỗ Quang Hưng, Nguyễn Văn Khánh // NCLS, 1991, số 2(255).- tr. 13-17.
496. ĐỖ TẤT LỢI. Y miếu, một di tích lịch sử của y học Việt Nam - The temple of Medicine, a historical remnants of the Vietnam Medicine // NCLS, 1969, số 124.- tr. 61-62.
497. ĐỖ TẤT LỢI. Tuệ Tinh sinh và hoạt động ở thế kỷ nào? - In what century Tue Tinh was born and lived? // NCLS, 1986, số 3(228).- tr. 42-45.
498. ĐỖ TẤT LỢI. Văn bản xác minh năm mất của Đại danh y Thiền sư Tuệ Tinh là 1713 - Document confirming the death day of the Great famous physician the Buddist priest Tue Tinh, in 1713 // NCLS, 1993, số 1(266).- tr. 76-79.
499. ĐỖ THÁI BÌNH. Một ý kiến nhỏ về chiếc thuyền trên trống đồng Ngọc Lũ - A small idea about the boat on the Ngoc Lu bronze drum // NCLS, 1981, số 5(200).- tr. 57-59.
500. ĐỖ THANH BÌNH. Về việc giảng dạy chương "Các nước xã hội chủ nghĩa" trong các trường Đại học Sư phạm, Cao đẳng hiện nay - About the teaching on "The Socialist countries" in the Universities and the High School of Pedagogics at the present time // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 63-66.
501. ĐỖ THỊ HÀO. "Hàn các anh hào" và tác giả Ngô Thị Nhậm - "Han cac anh hao" and its author Ngo Thi Nham // NCLS, 1978, số 6(183).- tr. 139-150.
502. ĐỖ THỊ MINH DỨC. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn với vấn đề đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng - The transfer of the economical structure in the countryside and the question of the urbanization in the Red River Delta // NCLS, 1993, số 4(269).- tr. 6-10.
503. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. Vài nét về quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục ở các vùng dân tộc ít người thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (9-1945 - 5-1954) - Some features about the process of development of the educational work at the ethnic minority regions during the resistance against French colonialism (9-1945 - 5-1954) // NCLS, 1981, số 4(199).- tr. 63-69.
504. ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG. Tìm hiểu cuộc đấu tranh chống văn hoá nô dịch trong vùng tạm bị chiếm thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Research into the struggle against enslaved culture in French - occupied areas (1945-1954) // NCLS, 1986, số 1(226).- tr. 46-55.

505. ĐỖ THỊ MINH THUÝ. Chữ "trung" ở Nguyễn Bình Khiêm trong quan hệ với nhà Mạc - The loyalty of Nguyen Binh Khiem in relation with the Mac dynasty // NCLS, 1992, số 6(265).- tr. 56-60.
506. ĐỖ THIỆN. Một ít tài liệu quanh việc thất thủ thành Hà Nội lần thứ hai (1882) - Some documents about the second fall of Ha Noi capital Town (1882) // NCLS, 1962, số 36.- tr. 50-54.
507. ĐỖ THIỆN. Vài nét về lịch sử tỉnh Lai Châu (Khu Tự trị Tây Bắc) chống thực dân Pháp đầu thế kỷ XX - Some features of Lai Chau province history (In the North-West autonomous region) in the struggle against French colonialism at the beginning of the XXth Century // NCLS, 1962, số 45.- tr. 33-37.
508. ĐỖ THIỆN. Bàn thêm về lịch sử Lai Châu - To discuss again on Lai Chau province history // NCLS, 1964, số 62.- tr. 60-63.
509. ĐỖ THIỆN. Phong trào Kỳ Đồng năm 1897 - The Ky Dong movement in 1897 // NCLS, 1964, số 64.- tr. 55-58.
510. ĐỖ THỊNH. Về trận Cầu Giấy năm 1883 - On the Cau Giay battle in 1883 // NCLS, 1967, số 102.- tr. 61-62.
511. ĐỖ THỊNH. Thành ủy Hà Nội xây dựng "chỗ đứng chân" ở ngoại thành - The Ha Noi party Committe built revolutionary infrastructure in the suburbs // NCLS, 1975, số 4(163).- tr. 47-49.
512. ĐỖ THỊNH. Từ Quận công là ai? - Who is the Duke Tu? // NCLS, 1985, số 6(225).- tr. 76.
513. ĐỖ THỊNH. Tìm hiểu về Đỗ Bá Phẩm - Apropos of Do Ba Pham // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).- tr. 142-143.
514. ĐỖ TIẾN SÂM. Sách "Trung Quốc trên đường cải cách" (Đọc sách) - China on the road of reform" (Reading the book) // NCLS, 1991, số 3(256).- tr. 82-85.
515. ĐỖ TRÌNH. Vị trí của chiến thắng Ngọc Hồi - Đông Da trong chiến tranh chống xâm lược năm 1789 - The place of Ngoc Hoi - Dong Da victory in the war against foreign aggression in 1789// NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 1-5.
516. ĐỖ VĂN NINH. Khai quật hang Soi Nhu, Quảng Ninh - Exhumation of the Soi Nhu cave (Quang Ninh) // NCLS, 1968, số 117.- tr. 57-61.
517. ĐỖ VĂN NINH. Thành Quèn, căn cứ của Đỗ Cảnh Thạc, một trong 12 Sứ quân hời thế kỷ X - The Quen citadel, the basis of Do Canh Thac, one among 12 (twelve) regional leaders (Su quan) in the Xth Century // NCLS, 1970, số 132.- tr. 91-97.
518. ĐỖ VĂN NINH. Những mũi chông cù ấu bằng đất nung - Terra Cotta spikes // NCLS, 1973, số 150.- tr. 61-63.
519. ĐỖ VĂN NINH. Giếng thời Lê ở Chùa Keo - The well in Keo pagoda from the Le dynasty // NCLS, 1973, số 152.- tr. 62-63.

520. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Tây Sơn** - Old money under the Tay Son // NCLS, 1978, số 6(183).- tr. 96-112.
521. ĐỖ VĂN NINH. **Việc nghiên cứu tiền cổ ở Việt Nam** - About the study on the old pieces of money of Vietnam // NCLS, 1979, số 5(188).- tr. 57-66,79.
522. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Lý Trần** - The old currency of Ly anh Tran dynasties // NCLS, 1979, số 6(189).- tr. 26-34.
523. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Hồ** - Old money in the times of Ho // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 50-54.
524. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Lê sơ** - The old money at the begingning of the Le's dynasty // NCLS, 1980, số 5(194).- tr. 42-49.
525. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Mạc và thời Lê Trung hung** - The old money in the times of Mac and Le Trung hung's period // NCLS, 1981, số 5(200).- tr. 50-56.
526. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền Cảnh Hưng** - The Canh Hung money // NCLS, 1982, số 2(203).- tr. 67-74.
527. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Gia Long** - The old money used under Gia Long dynasty // NCLS, 1982, số 4(205).- tr. 79-85.
528. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Minh Mệnh** - Acient currency under Minh Mệnh dynasty // NCLS, 1983, số 1(208).- tr. 44-58.
529. ĐỖ VĂN NINH. **Xung quanh tư liệu về ba toà thành : Mê Linh, Dền, Vươn thời Hai Bà Trưng** - Apropos of ducuments regarding the : Me Linh, Den and Vuon citadels under the reign of the Trung Sisters // NCLS, 1983, số 2(209).- tr. 23-27.
530. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Thiệu Trị** - Ancient currency under the Thieu Tri reign // NCLS, 1984, số 2(215).- tr. 45-55.
531. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ thời Tự Đức** - Ancient currency under the Tu Duc dynasty // NCLS, 1984, số 3(216).- tr. 60-72.
532. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ cuối thời Nguyễn** - Acient currency in the late Nguyen dynasty // NCLS, 1985, số 1(220).- tr. 48-54.
533. ĐỖ VĂN NINH. **Tiền cổ và nền kinh tế hàng hoá ở Việt Nam** - Ancient currency and the commodity economy in Vietnam // NCLS, 1985, số 4(223).- tr. 64-66.
534. ĐỖ VĂN NINH. **Quốc Tử Giám Hà Nội** - Quoc Tu Giam (Ha Noi) an institution of higher education // NCLS, 1986, số 2(227).- tr. 52-59, số 3(228).- tr. 50-62, số 4(229).- tr. 56-61.
535. ĐỖ VĂN NINH. **Bia Nghè trường Giám** - The Giam school doctor's monuments // NCLS, 1987, từ số 3 đến số 6 (234-237) ; 1988, từ số 3 đến số 6 (240-243) ; 1989, số 3-4 (246-247); 1990, số 3 (250), số 4 (251); 1991, số 1(254), số 4(257); 1992, số 1-4(260-263) ; 1993, số 2(267), số 5(270); 1994, số 2(273), số 4(275).

536. ĐỖ VĂN NINH. **Dô thị thời Trần** - Towns of Tran dynasty // NCLS, 1988, số 3-4(240-241).- tr. 33-36.
537. ĐỖ VĂN NINH. **Khảo về Nội các** - Research into the imperial cabinet (Noi Cac) // NCLS, 1988, số 5-6(242-243).- tr. 46-51.
538. ĐỖ VĂN NINH. **Kế rút lui chấn giữ Tam Diệp và Biện Sơn của quân Tây Sơn năm 1788** - The stratagem of withdrawing the troops soas to defend Tam Diep and Bien Son of Tay son army in 1788 // NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 48-49.
539. ĐỖ VĂN NINH. **Quân đội nhà Nguyễn** - The Army of the Nguyen dynasty // NCLS, 1993, số 6(271).- tr. 45-53.
540. ĐỖ VIỆT CHÙNG. **Về quê quán của Lê Hoàn, anh hùng dân tộc có công giữ nước, dựng nước cuối thế kỷ X** - About the birthplace of Le Hoan, our national heroin (Xth Century) // NCLS, 1975, số 1(162).- tr. 59-64.
541. ĐỖ XUÂN TRẠCH. **Vài ý kiến về những nhận định của ông Văn Tân đối với vấn đề tòtem của người Việt nguyên thuỷ** - Some ideas about the judgments of Mr. Van Tan on the question of the primitive Viet totem // NCLS, 1959, số 7.- tr. 94-97.
542. ĐÔNG BA . **Nhờ Bác, tôi đã đến chủ nghĩa cộng sản (Hồi ký)** - Thanks to the Uncle Ho, I go to the communism // NCLS, 1970, số 132.- tr. 56-61.
543. ĐÔNG PHƯƠNG MINH . **Đẩy mạnh việc nghiên cứu và thảo luận về phương pháp luận sử học** - To push forward the study and the discussion on historidal methodology // NCLS, 1965, số 75.- tr. 46-49.
544. ĐÓI DẬT . **Vấn đề phân định thời kỳ lịch sử cận đại Trung Quốc** - The question on the China modern history periodization // VSD, 1956, số 21.- tr. 60-73; số 23.- tr. 60-77.
545. ĐÓI DẬT . **Quá khứ, hiện tại và tương lai của nền sử học mới của Trung Quốc** - The past, the present and the future of the new history of China // NCLS, 1992, số 2(261).- tr. 66-71.
546. DỨC NGUYỄN . "Tây Sơn Nguyễn Huệ" (Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu Phong trào nông dân Tây Sơn và Anh hùng Nguyễn Huệ - Ty VHTT Nghĩa Bình ; 1978) (Đọc sách) - Reading the book : "Tay Son - Nguyen Hue". Bulletin of the scientific conference on the Tay Son peasant movement and the Hero Nguyen Hue organized by the Service of culture and information of Nghia Binh prvince // NCLS, 1979, số 3(186).- tr. 88-90.
547. DỨC THUẬN . **Thử tìm hiểu sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đối với cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam thời kỳ trước năm 1930** - Research about the worker class historical mission towards the Vietnam national liberation revolution (in the period before 1930) // NCLS, 1970, số 131.- tr. 7-20.
548. DỨC VƯƠNG . **Về những hoạt động yêu nước, cách mạng của Nguyễn Danh Đổi** - On the patriotic, revolutionary activities of Nguyen Danh Doi // NCLS, 1992, số 3(262).- tr. 29-33.
549. ĐƯỜNG LAM . **Cần phải phá bỏ "Thế hệ sử vương triều"** - It is necessary to destroy the "Historical system of the Royal court" // NCLS, 1961, số 25.- tr. 41-44.

F

550. FOURNIAU (CH) . **Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Bình Định - Phú Yên (1885-1887) (Theo những tài liệu của Pháp)** - The national resistance at Phu Yen - Binh Dinh during the 1885-1887 period and its repression by French colonialism according to French materials // NCLS, 1982, số 6(207). - tr. 33-51.

551. FOURNIAU (CH) . **Người Hoa ở Bắc Kỳ trước Chiến tranh thế giới lần thứ nhất** - The Chineses in Tonkin before the first World War // NCLS, 1991, số 2(255).- tr. 67-74,81; số 3 (256).- tr. 61-70.

G

552. GANPERIN (A.L) . **Vấn đề hình thành của chủ nghĩa tư bản ở Nhật** - The question of the capitalism formation in Japan // VSD, 1958, số 39.- tr. 74-83; số 40.- tr. 64-72.

553. GILIES (R) . **Cảng Hải Phòng. Việc thiết lập cảng và những bước do dự đầu tiên (1874-1902)** - The Hai Phong sea-port - The edification and the hesitation at the beginning (1874-1902) // NCLS, 1991, số 1(254).- tr. 28-34.

554. GILIES (R) . **Cảng Hải Phòng từ những điều xác tín năm 1902 đến những điều ngờ vực năm 1940** - The sea-port of Hai Phong, from the faith of 1902 to the doubt of 1940 // NCLS, 1991, số 2(255).- tr. 75-80.

555. GIÓ NỒM . **Đô thị miền Nam Việt Nam trong giai đoạn "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ-ngụy** - The South Vietnam cities in the "partial war" period of the American imperialists and their henchmen // NCLS, 1968 từ số 109 đến số 112.

556. GIU CỐP (E) . **Lịch sử và hiện đại** - The historical and the modern // NCLS, 1960, số 15.- tr. 34-47.

557. GIU CỐP (E) . **Một số vấn đề phương pháp luận lịch sử** - Some problems of the methodology of history // NCLS, 1979, số 3(186).- tr. 60-67.

558. GIU CỐP (E.) . **Chủ nghĩa lịch sử của chủ nghĩa Mác** - Historism of the Marxism // NCLS, 1982, số 3(204).- tr. 80-85.

559. GOLMAN (L.I) . **Angghen và một số vấn đề về nhận thức lịch sử** - F. Engels and some problems about the knowledge of history // NCLS, 1976, số 5(170).- tr. 53-63; số 6(171).- tr. 64-70.

560. GORUSIN (B.A) . Mác và phương pháp hiện đại về nghiên cứu lịch sử - Marx and the historical study modern method // NCLS, 1967, số 100.- tr. 51-62.

561. GUBE (A.A) . Những sự thay đổi chính trị và kinh tế trong các nước Á - Phi ở thế kỷ XX - The political and economical changes in the Asian and African countries in the XXth Century / A.A.Gube, A.F. Min // NCLS, 1966, số 88.- tr. 41-49; số 89.- tr. 49-58.

562. GUGLIELMO (R.) . Địa lý và biện chứng - Geography and dialectics // VSD, 1956, số 20.- tr. 50-56; số 21.- tr. 54-59.

563. GULUGA (A.V.) . Bàn về tính chất của tri thức lịch sử - Discussion on the character of the historical knowledge // NCLS, 1966, số 84.- tr. 32-40,49.

564. GULUGA (A.V.) . Bàn về đối tượng của khoa học lịch sử - Discussion on the object of historical science // NCLS, 1966, số 87.- tr. 53-63.

H

565. H.H . Giới thiệu Trương Vĩnh Ký - Life and activities of Truong Vinh Ky // NCLS, 1963, số 56.- tr. 13-23.

566. H.H . Người vượn Lam Diền Trung quốc và con khủng long hoá thạch lớn nhất thế giới - Prehistoric Man Lam Dien in China and the most big fossil dinosauz in the world // NCLS, 1965, số 77.- tr. 60-61.

567. H.H . Về việc nghiên cứu người vượn Lam Diền Trung Quốc - About the study on Prehistoric Man Lam Dien China // NCLS, 1966, số 84.- tr. 50-57.

568. H.K . Ngày 1-5 trong quá trình đấu tranh cách mạng Việt Nam - The first of May in the Vietnam revolutionary struggle process // VSD, 1957, số 27.- tr. 1-3.

569. H.K. Cờ Tây Sơn màu gì? Đội quân nào của tướng Tây Sơn đã vào thành Thăng Long trước tiên? - What is the colour of Tay Son flag? What is the Tay Son Army and who is its commander going in Thang Long city firstly? // NCLS, 1963, số 46.- tr. 21, 48.

570. H.L. Lại tìm thấy xương sọ người vượn ở Trung Quốc - A new discovery of prehistoric man cranium in China // NCLS, 1964, số 69.- tr. 64.

571. HÀ KÌNH. Thành Sơn Tây với chiến công oanh liệt chống xâm lăng (12-1883) - The Son Tay citadel and its brillant histories against the invaders (December 1883) // NCLS, 1971, số 136.- tr. 61-64.

572. HÀ KÌNH. Bản "Chúc thư" lụa mang niên đại Hồng Đức 1471 mới được phát hiện ở Đà Bắc - A testament written on silk // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr. 82-86.

573. HÀ MANH KHOA. Dấu vết về Hồ Quý Ly ở Nga Sơn - Thanh Hóa - The traces of Ho Quy Ly in Nga Son, Thanh Hoa // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr. 34-36.

574. HÀ MANH KHOA. **Tìm hiểu những trận đánh quân Chiêm Thành và quân Minh của Hồ Quý Ly ở Thanh Hoá** - A study on the battles of Ho Quy Ly against the Chiem Thanh troops and the Ming troops in Thanh Hoa // NCLS, 1992 , số 5 (264).- tr. 61-64.

575. HÀ PHÚ HƯƠNG. "Con Rồng An Nam", một sự xuyên tạc lịch sử trắng trợn và một sự vu cáo bỉ ổi của Bảo Đại - "The Annamise Dragon" of Bao Dai, a brazen distortion of history and ignominious calumny // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr. 80-88.

576. HÀ VĂN TÂN. Trở lại vấn đề tòtem của người Việt (Vài ý kiến nhỏ góp cùng ông Văn Tân) - To discuss again on the question of Viet totem (some ideas to contribute to Mr. Van Tan) // NCLS, 1959, số 4.- tr. 66-79.

577. HÀ VĂN TÂN. **Mấy điểm quanh vấn đề Việt Nam và phương Đông cổ đại** - About the question of Vietnam and the ancient Orient // NCLS, 1960, số 18.- tr. 65-71.

578. HÀ VĂN TÂN. Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư - From a column of Buddha prayer recently discovered in Hoa Lu // NCLS, 1965, số 76.- tr. 39-50.

579. HÀ VĂN TÂN. **Bài minh trên chuông Thông thánh quán và một số vấn đề lịch sử đời Trần** - The text engraved on the Thong Thanh quan bell and some historical questions under the Tran's dynasty / Hà Văn Tân, Phạm Thị Tâm // NCLS, 1966, số 88.- tr. 25-32.

580. HÀ VĂN TÂN. **Mấy suy nghĩ về phương pháp lịch sử và phương pháp logic** - Some thinkings on historical method and logic method // NCLS, 1967, số 96.- tr. 57-60.

581. HÀ VĂN TÂN. **Một số vấn đề về văn hoá Phùng Nguyên** - Some questions of Phung Nguyen culture // NCLS, 1968, số 112.- tr. 51-59.

582. HÀ VĂN TÂN. **Chiến thắng được nhìn từ bên ngoài chiến trận** - Victories viewed from outside // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 8-10.

583. HÀ VĂN THÂN. **Về chính sách của Mỹ đối với Trung Mỹ từ những năm 60 đến nay** - The central America policy advocated by the U.S over two decades // NCLS, 1985, số 4 (223).- tr. 76-83.

584. HÀ VĂN THÂN. **Vài nét về những hoạt động chống cách mạng Nicaragua của đế quốc Mỹ** - On anti - Nicaragua activities of U.S. imperialism // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr. 74-79.

585. HÀ NÃI. **Việc nghiên cứu xã hội nguyên thuỷ Trung Quốc từ sau ngày giải phóng** - The research on China primitive society from after the liberation // NCLS, 1965 , số 81.- tr. 55-60.

586. HÀI AN. **Dà Nẵng chống xâm lược Pháp qua thơ văn đương thời** - Da Nang in its fight against the aggressors through writers at that time // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 89-98.

587. HÀI ÂU. **Tính chất của Cách mạng Tháng Tám** - The character of August Revolution // NCLS, 1963, số 54.- tr. 10-17.

588. HÀI KHÁCH. Phong trào chống di phu, chống nộp thuế ở Trung Kỳ (1908) - The movement against the recruitment of coolies and the payment of taxes // VSD, 1955, số 9.- tr. 39-52.
589. HÀI KHÁCH. Xét lại "hồ sơ" của giai cấp phong kiến địa chủ - Reexamining the "dossier" of the feudal landlord class // VSD, 1957, số 25 .- tr. 33-42.
590. HÀI KHÁCH. Góp ý kiến về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ sử học - Some ideas contributing to the formation and the fostering of historical cadres // NCLS, 1959, số 4 .- tr. 7-11.
591. HÀI KHÁCH. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập trong một bối cảnh lịch sử nào? - In what historical context is formed the Vietnam communist Party? // NCLS, 1963, số 47.- tr. 1-2.
592. HÀI KHÁCH. Trang sử Huế - The historical pages of Hue city // NCLS, 1968, số 108.- tr. 4-6.
593. HÀI LINH. Vai trò của phong trào cách mạng nông dân Tây Sơn trong sự nghiệp đấu tranh lập lại nền thống nhất đất nước hồi cuối thế kỷ XVIII - Role of the Tay Son revolutionary peasant movement in the struggle for national reunification (end of the XVIIIth Century) // NCLS, 1973, số 150.- tr. 30-43.
594. HÀI THU. Một vài ý kiến về Phan Bội Châu (Bàn cùng ông Tôn Quang Phiệt) - Some ideas about Phan Boi Chau (discussion Mr. Ton Quang Phiet) // VSD, 1957, số 29.- tr. 70-81.
595. HÀI THU. Góp ý về Phan Thanh Giản - Some ideas about Phan Thanh Gian // NCLS, 1963, số 53.- tr. 48-52.
596. HÀI THU. Thủ tinh hiếu thái độ của Nguyễn Trãi đối với hoà bình và chiến tranh - A study on the position of Nguyen Trai towards peace and war // NCLS, 1965, số 65.- tr. 7-13, 64.
597. HÀI THU. Về việc Lê Lợi đánh Đèo Cát Hán (Và thêm mấy ý kiến góp cùng đồng chí Lê Văn Ký) - On the battle of Le Loi against Deo Cat Han (and some ideas to comrade Le Van Ky).// NCLS, 1966, số 84.- tr. 41-46.
598. HÀI THU. Bàn thêm về thái độ của Nguyễn Trãi đối với nhân dân lao động - On the Nguyen Trai's attitude towards the working people // NCLS, 1966, số 85.- tr. 24-29.
599. HÀI THU. Một thủ đoạn khủng bố, dàn áp nhân dân của bọn cầm quyền Mỹ hiện nay - Some tricks of terror and repression towards the people by the Americal authorities of today // NCLS, 1969, số 120.- tr. 23-36.
600. HÀI THU. Việc giết hại người Anh diêng ở Mỹ - The assassination of the Indians America // NCLS, 1969, số 127.- tr. 57-63 ; số 128.- tr. 56-60.
601. HÀNG PHƯƠNG. Ảnh hưởng về ngôn ngữ của ca dao đến truyện Kiều Influence of popular songs language on Kieu story // VSD 1955, số 8.- tr. 47-56.

602. HÀNG PHƯƠNG. Giới thiệu truyện Phạm Công - Cúc Hoa - Instroduction story about Pham Cong - Cuc Hoa // VSD 1955, số 10.- tr. 43-54.
603. HÀNG PHƯƠNG. Góp ý kiến về việc hiệu dính và chú thích "Chinh phu ngam" - Some remarks on the reviece and the annotation of "Chinh phu ngam" (Warrior's wife poem) // VSD, 1957, số 32.- tr. 65-69.
604. HÀNG PHƯƠNG. Cần đánh giá "Hạnh thực ca" cho đúng mức - An adequate estimation on the poem "Hanh thuc ca" is equired // VSD, 1958, số 43.- tr. 89-95.
605. HÀU NGOAILU. Làm công tác nghiên cứu khoa học theo một yêu cầu nghiêm túc - To do the study work according to a serious request // NCLS, 1962, số 34.- tr. 24-28.
606. HEMERY (D). Qua 200 năm - Những vấn đề về Cách mạng Pháp - Problems of French revolution after 200 years // NCLS, 1989, số 2 (245).- tr. 26-34.
607. HIỀN MINH. Vài ý kiến phê bình quyển "Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du" của Ông Trương Tứu - Some critical notes on Mr. Truong Tuu's work "Kieu story and the Nguyen Du epoch" // VSD, 1957, số 32.- tr. 83-89.
608. HOA BẰNG. Khảo luận về truyện Thạch Sanh (từ rìu, búa, dao, cung tên đến niêu cơm và cây đàn đá tượng trưng và thực hiện ý nghĩa như thế nào?) - Treatise on "Thach Sanh" story (from axe, hammer knife, bow and arrow to a small cooking pot and a musical instrument, - what are their symbolization and their meaning?) // VSD, 1956, số 16.- tr. 63-72.
609. HOA BẰNG. Lược khảo về lịch sử đè qua các triều đại - A summary essay on the dykes history through the dynasties // VSD, 1957, số 31.- tr. 1-17.
610. HOA BẰNG. Thử xét một số tài liệu có liên quan đến thể văn lục bát trên lịch sử văn văn Việt Nam - Essay of study on some documents relative to the category of poems in which verses are alternatively of six and eight feet and their effect upon the Vietnam verse history // VSD, 1958, số 42.- tr. 53-68.
611. HOA BẰNG. Qua mấy nét ca dao, thử nhận định một vài khía cạnh về lịch sử Hà Nội - An essay of fudment on some historical aspects of Ha Noi through the folk-songs // NCLS, 1959, số 7.- tr. 88-93.
612. HOA BẰNG. Nhận đọc cuốn "Cố tích và thăng cảnh Hà Nội", thử tìm hiểu về thành Thăng Long qua Lý, Trần, Lê và các cửa ô cuối thế kỷ XVIII - On occasion of reading the book "Legends and fine spots of Ha Noi", to try understand the Thang Long city through the Ly, Tran, Le dynasties and the city gates in the end of the XVIIIth Century // NCLS, 1960, số 14.- tr. 73-79.
613. HOA BẰNG. Vài nét sơ bộ nhận định về "Việt sử thông giám cuong mục" - Some preliminary remarks on "Viet su thong giam cuong muc" (Outline of Vietnam general history) // NCLS, 1964, số 67.- tr. 46-54, 64.

614. HOA BÀNG. Phan Chu Trinh (1872-1926) - On Phan Chu Trinh (1872-1926) // NCLS, 1965, số 72.- tr. 46-49.
615. HOA BÀNG. Nguyễn Hữu Cầu với cuộc khởi nghĩa nông dân giữa thế kỷ XVIII
- Nguyen Huu Cau and the peasant insurrection in the middle of the XVIIIth Century // NCLS, 1965, số 75.- tr. 23-28,36.
616. HOA BÀNG. Cuộc khởi nghĩa (1826-1827) do Phan Bá Vành lãnh đạo - The insurrection (1826-1827) led by Phan Ba Vanh // NCLS, 1966, số 83. - tr. 50-54.
617. HOA BÀNG. Nhà Tây Sơn đối với hai nữ anh hùng Nguyệt Thai và Nguyệt Độ
- The Tay Son dynasty attitude towards the two heroines Nguyet Thai and Nguyet Do // NCLS, 1966, số 86.- tr. 35-38.
618. HOA BÀNG. Cuộc khởi nghĩa (1862-1864) do Cai Vàng và vợ Ba ông lãnh đạo
- The insurrection (1862-1864) led by Cai Vang and third wife // NCLS, 1967, số 94.- tr. 49-54.
619. HOA BÀNG. Phê bình, giới thiệu tác phẩm "Lược sử tên phố Hà Nội" - Critique of the book presentation "Summary history of the Ha Noi streets names" // NCLS, 1967, số 95.- tr. 54-60.
620. HOA BÀNG. Chung cục của triều Tây Sơn và những thủ đoạn trả thù tàn bạo của bọn phản động nhà Nguyễn - The end of Tay Son dynasty and the brutal revenges of the reactionis of Nguyen dynasty // NCLS, 1967, số 105. - tr. 57-59.
621. HOA BÀNG. Một số cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ đầu thời Nguyễn - Some scattered insurrections at the beginning of Nguyen dynasty // NCLS, 1968, số 109.- tr. 61-65.
622. HOA BÀNG. Cao Bá Quát với cuộc khởi nghĩa chống triều Nguyễn (1854-1856)
- Cao Ba Quat and the insurrection against the Nguyen dynasty // NCLS, 1969, số 121.- tr. 27-40.
623. HOA BÀNG. Tài liệu tham khảo về Văn Miếu (Quốc tử giám) Hà Nội - Reference documents on Van Mieu (Quoc tu giam) in Ha Noi // NCLS, 1969, số 127.- tr. 46-56.
624. HOA BÀNG. Cuộc nổi dậy "Chay voi" (1866) chống triều đình mục nát Tự Đức
- The "Chay voi" upsurge (1866) against the decadent Tu Duc's Court // NCLS, 1969, số 128.- tr. 32-39.
625. HOA BÀNG. Kỹ thuật ấn loát của ta thời xưa - Printing technique in the past of our country // NCLS, 1970, số 133.- tr. 52-55.
626. HOA BÀNG. Góp với Ông bạn Trần Văn Giáp về bài "Nguồn gốc của chữ Nôm"
- Opinions on Tran Van Giap article "Origin of Nom" (demotic scrip) // NCLS, 1971, số 140.- tr. 57-62.
627. HOA BÀNG. Bài "Nhàn tình thảo" của Ngô Vi Quý thời Tây Sơn - A written work by Ngo Vi Quy under the Tay Son : "Nhan tinh thao" // NCLS, 1974, số 158.- tr. 69-71.
628. HOÀI GIANG. Hồi thế kỷ XVIII trước khởi nghĩa Tây Sơn, tại sao các cuộc khởi nghĩa nông dân khác đều thất bại - Why in the XVIIIth Century before the Tay Son insurrection, the other peasant insurrections are defeated? // NCLS, 1965, số 75.- tr. 29-36.

629. HOÀI NAM. Về gốc tích ông Đề Thám - On the origin of De Tham // NCLS, 1962, số 38.- tr. 35-37.

630. HOÀI NAM. Cuộc khởi nghĩa năm Kỷ Dậu 1909 của dân tộc Mường ở Hoà Bình - The insurrection of the Ky Dau year (1909) of the Muong people in Hoa Binh // NCLS, 1963, số 47.- tr. 55-59.

631. HOÀI NGUYÊN. Phạ Ngùm với việc thành lập Vương quốc Lạn Xang - Pha Ngum the and the foudation of Lan Xang Kingdom // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 60-65.

632. HOÀI NGUYÊN. Vài nét về quá trình xâm lược và thực hiện chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp ở Lào (1893-1954). - Some features about the process of invasion and realization of old French colonialism in Laos (1893-1954) // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 44-53.

633. HOÀI PHƯƠNG. Tìm hiểu nguồn gốc tư tưởng nhân dân của Nguyễn Trãi - To try to understand the Nguyen Trai ideology about the people // NCLS, 1965, số 80.- tr. 2-15.

634. HOÀNG DŨNG. Tìm hiểu về chiến lược tiến công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Research into the offensive strategy in the anti - U.S. resistance war // NCLS, 1965, số 2 (221).- tr. 11-17.

635. HOÀNG ĐÌNH CHIẾN. Về việc sử dụng tài liệu tham khảo trong dạy, học lịch sử ở trường Phổ thông Trung học hiện nay - On the use of reference documents in the teaching on history in secondary school for today // NCLS, 1992, số 3 (262).- tr. 66-70.

636. HOÀNG HIỆP. Sự phá sản của chính sách bao bọc, phá hoại, cô lập của đế quốc Mỹ đối với cách mạng Cuba - The bankruptcy of the policy of blockade, sabotage and insulation practised by the U.S. to wards Cuba // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 84-88.

637. HOÀNG HỒ. Bàn thêm về bài "Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam" của Ông Văn Tạo - To discuss again on the article "To try to understand the formation and development process of the Vietnam national reunification Front" of Mr. Van Tao // NCLS, 1959, số 5.- tr. 47-62.

638. HOÀNG HỒNG. Vài nét về quá trình nghiên cứu các nhân vật lịch sử trên tạp san Văn Sử Địa và tạp chí Nghiên cứu lịch sử 1954-1992 - The process of research about historical personages in the "Litterary, Historical and Geological" Review and in the "Historical studies" Review from 1954-1992 // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 50-55.

639. HOÀNG HƯNG. Thủ tìm niêm đại những chiếc gương đồng thau Thiệu Dương, Thanh Hoá - To try to understand the century of the copper glass Thieu Duong (Thanh Hoa) // NCLS, 1961, số 33.- tr. 17-25 ; 1962, số 34. - tr. 45-52.

640. HOÀNG HƯNG. Về bài "Vài ý kiến về chiếc tháp đồng Đào Thịnh và văn hoá đồng thau" của ông Đào Tử Khải - On the article "Some ideas on the brass jar Dao Thinh and the brass culture "of Mr. Dao Tu Khai // NCLS, 1962, số 40.- tr. 58-61.

641. HOÀNG HƯNG. Vài ý kiến bước đầu về địa điểm khảo cổ học Đại Áng, Thường Tin (Hà Tây) - Some preliminary ideas on archeological place of Dai Ang, Thuong Tin, Ha Tay / Hoàng Hưng, Nguyễn Minh Chương // NCLS, 1968, số 113.- tr. 48-51, 64.

642. HOÀNG HUNG. Trần Quốc Tuấn và vai trò của ông trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ - Tran Quoc Tuan and his role in the resistance war against the Mongol aggressors // NCLS, 1968, số 114.- tr. 4-8.

643. HOÀNG HUNG. Thời đại Hùng vương trong thư tịch xưa - Hung Vuong Epoch in the ancient books // NCLS, 1969, số 123.- tr. 6-13.

644. HOÀNG HỮU TRIẾT. Một vài nhận xét về chương "Khí hậu Việt Nam" trong cuốn "Sơ thảo địa lý Việt Nam" (Q.I) của ông Lê Xuân Phương - Some remarks on the chapter "Vietnam climate", in the book "First draft of Vietnam geography" // VSD, 1957, số 34.- tr. 58-63.

645. HOÀNG HỮU TRIẾT. Một vài ý kiến trao đổi với ông Lê Xuân Phương về vấn đề khí hậu Việt Nam - Exchange of opinions with Mr. Le Xuan Phuong about the question of Vietnam climate // VSD, 1958, số 38.- tr. 82-88.

646. HOÀNG KHÔI. Hồ Quý Ly và vấn đề cải cách giáo dục - Ho Quy Ly and the question of education reform // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 34-35.

647. HOÀNG LÊ. Về bước đường dẫn Ninh Tốn đến với Tây Sơn - The way bringing back Ninh Ton to the Tay Son movement // NCLS, 1979, số 184.- tr. 57-61.

648. HOÀNG LƯƠNG. Bàn góp về vấn đề tò tem của người Việt nguyên thuỷ - To discuss and to contribute to the question of the primitive Viet totem // NCLS, 1959, số 5.- tr. 69-77.

649. HOÀNG LƯƠNG. Thử bàn về quan hệ trao đổi trong xã hội nguyên thuỷ Việt Nam - To try to discuss on the exchange rapport in Vietnam primitive society / Hoàng Lương, Trần Hà // NCLS, 1961, số 31.- tr. 36-48 ; số 32. - tr. 33-37.

650. HOÀNG LƯƠNG. Vài nét về tình hình kinh tế của giai cấp tư sản mại bản miền Nam - Some features of the comprador bourgeoisie economical situation in South Vietnam // NCLS, 1961, số 31.- tr. 28-35.

651. HOÀNG LƯƠNG. Về cuộc Cách mạng Tháng Tám ở Thường Tin, Phú Xuyên (Hà Tây) - Thuong Tin and Phu Xuyen (Ha Tay) during the August revolution // NCLS, 1974, số 157.- tr. 74-75.

652. HOÀNG LƯƠNG. Giới thiệu "Lịch sử Thanh Hoá" Tập I, Tập II ; "Di dân của người Việt từ thế kỷ X đến giữa thế kỷ XIX" - "History of Thanh Hoa province, Tom I and Tom II"; "The Vietnamese emigration from the Xth Century to the Middle of the XIXth Century"// NCLS, 1994, số 4 (275).- tr. 89-93.

653. HOÀNG MINH HOA. Truyền thống và hiện đại của Nhật Bản từ Minh Trị duy tân đến nay - Tradition and modernity of Japan from Meiji Reform to now // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 82-87.

654. HOÀNG MINH HOA. Từ Hiến pháp Minh Trị đến Hiến pháp 1946 của Nhật Bản - From the Meiji Constitution to the Constitution of 1946 of Japan // NCLS, 1994, số 1 (279). - tr. 59-61

655. HOÀNG MINH THÁO. **Bạch Đằng, chiến công vang dội nhất trong lịch sử đấu tranh giữ nước thời Trần - Bach Dang victory - The most resounding one in the national defence under Tran dynasty** // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 4-7.

656. HOÀNG NAM. **Dánh giá vai trò Nguyễn Trường Tộ trong lịch sử cận đại Việt Nam - Estimation on the role of Nguyen Truong To in Vietnam modern history** // NCLS, 1961, số 29.- tr. 34-40.

657. HOÀNG NHẬT TÂN. **Nêu một số vấn đề cần di sâu nghiên cứu về Cách mạng Tháng Tám - To raise some questions requiring a profound study on the August revolution /** Hoàng Nhật Tân, Lê Quốc Sử // NCLS, 1963, số 47.- tr. 13-21.

658. HOÀNG NHẬT TÂN. **Mấy ý kiến về nhận thức sự thật lịch sử, nâng cao tính khách quan khoa học và tính chiến đấu cách mạng của sử học - Some thinkings on the knowledge of the historical truth, on the increasing of the scientific objectivity and the revolutionary combativeness in the historical science** // NCLS, 1966, số 92.- tr. 6-16.

659. HOÀNG NGỌC PHÁCH. **Trả lời bài "Góp ý kiến về việc hiệu đính và chú thích Chinh phụ ngâm" của ông Nguyễn Văn Lại - Answer to Mr. Nguyen Van Lai's article "Remarks on the revise and the annotation of 'Chinh phu ngam'" (Warrior's wife poem)** // VSD, 1957, số 32.- tr. 62-65.

660. HOÀNG NGỌC THANH. **Có hay không trên thực tế tổ chức Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam ? - Was there or not really a Trade Union of South Vietnam Liberation?** // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr. 36-41.

661. HOÀNG NGUYỄN KHỎI. **Một nhận xét về việc giảng dạy lịch sử - Some remarks about the teaching of history** // VSD, 1955, số 4.- tr. 47-56.

662. HOÀNG PHƯƠNG. **Từ chiến dịch Điện Biên Phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử - From Dien Bien Phu to the Ho Chi Minh military campaign** // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 65-73,88.

663. HOÀNG PHƯƠNG. **Tinh thần tốc của cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 - The speediness of the general offensive and upheaval in Spring 1975** // NCLS, 1985, số 2.(221).- tr. 25-28.

664. HOÀNG PHƯƠNG. **Nhìn lại những cải cách quân sự của Hồ Quý Ly - Looking back on the military reform of Ho Quy Ly** // NCLS, 1992, số 5 (264). - tr. 56-57.

665. HOÀNG THỊ CHÂU. **Về việc tìm sử liệu trong ngôn ngữ dân tộc - About the searching for historical documents in the national language** // NCLS, 1967, số 100.- tr. 44-47.

666. HOÀNG THỊ CHÂU. **Tìm hiểu từ "phụ đạo" trong truyền thuyết về Hùng Vương - In search of the meaning of the term "Feminine duty" in the legend on Hung Vuong** // NCLS, 1967, số 102.- tr. 22-28.

667. HOÀNG THỊ CHÂU. **Nước Văn Lang qua tài liệu ngôn ngữ - The Van Lang country through the documents on language** // NCLS, 1969, số 120.- tr. 37-48.

668. HOÀNG TÔN HÁN. Nghiên cứu khoa học cần phải sưu tầm tài liệu thật phong phú - The scientific study require a search for abundant documents // NCLS, 1963, số 48.- tr. 57-59.

669. HOÀNG THANH. Năm lần Tôn Trung Sơn đến Việt Nam - Five times Ton Trung Son came to Vietnam // NCLS, 1991, số 6 (259).- tr. 78-64.

670. HOÀNG TRUNG THỰC. Một điều suy nghĩ về tính chất và phương pháp công tác nghiên cứu lịch sử Đảng - Some thinkings on the character and method of the study on Party history // NCLS, 1963, số 57.- tr. 8-16.

671. HOÀNG TRUNG THỰC. Giới thiệu cuốn sách 'Các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác bàn về khoa học lịch sử' - Presentation of the book "The classics of Marxism discuss about the historical science" // NCLS, 1966, số 82.- tr. 55-59.

672. HOÀNG TRUNG THỰC. Gợi ý một số vấn đề về nhận thức chung để tìm hiểu chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa khách quan trong công tác sử học - To evoke some questions of general knowledge for the seach and the understanding of the subjectivism and the objectivism in historical work // NCLS, 1966, số 85.- tr. 15-23, 45.

673. HOÀNG TRUNG THỰC. Một điều thu hoạch sau khi nghiên cứu tập I "Ba mươi lăm năm đấu tranh của Đảng". Some results obtained after the study of the 1st tom of "Thirsty five years Party struggle" / NCLS, 1966, số 91.- tr. 50-56.

674. HOÀNG TRUNG THỰC. Tìm hiểu phương châm "Thêm bạn, bớt thù" trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám - To search for and to understand the direction line "increasing friends, diminishing ennemisies" in the August revolution period // NCLS, 1967, số 101.- tr. 7-20.

675. HOÀNG TUẤN PHỐ. Về bản đồ cứ điểm phòng ngự Ba Đình - On the map of defensive base Ba Dinh // NCLS, 1965, số 74.- tr. 61-63.

676. HOÀNG TUẤN PHỐ. Trở lại vấn đề Ba Đình - Again on the question of Ba Dinh // NCLS, 1965, số 81.- tr. 38-43.

677. HOÀNG TUẤN PHỐ. Góp ý kiến về "Hệ ý thức phong kiến thế kỷ XIX" - On feudal ideology in the XIXth Century // NCLS, 1975, số 2(161). - tr. 69-74.

678. HOÀNG VĂN LÂN. Nhìn nhận Trương Vĩnh Ký thế nào cho đúng? - How to estimate justly Truong Vinh Ky? / Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận // NCLS, 1964, số 61.- tr. 16-30.

679. HOÀNG VĂN LÂN. Mưu đồ chính trị của Aléchxangdorốt và vấn đề chữ quốc ngữ - The political ambition of Alexandre de Rhodes and the question of latinization of the national language / Hoàng Văn Lân, Đặng Huy Vận // NCLS, 1964, số 63.- tr. 14-28.

680. HOÀNG VĂN THÁI. Sử học nước ta đã có những đóng góp vào công tác quân sự - Our historiography has contributed to the military // NCLS, 1980, số 6(195).- tr. 6-9.

681. HOÀNG VĂN THÁI. Một số suy nghĩ về những bài học lớn của cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ - Reflections on the great lessons of the 1953-1954 Winter-Spring strategic offensive which culminates in the Dien Bien Phu campaign // NCLS, 1984, số 8 (216).- tr. 1-8.

682. HOÀNG VĨ NAM. Chính sách phá hoại Hội nghị và Hiệp định Geneva 1954 về Việt Nam trong những năm 1954-1960 (Cơ sở của con đường phạm tội ác xâm lược và chiến tranh của đế quốc Mỹ, một bước thay đổi mới của chủ nghĩa thực dân Mỹ ở Việt Nam) - The policy of sabotage towards the Geneva Conference and Accord on Vietnam in 1954 in the years from 1954 to 1960 (Basis of the invasion and war crime committed by American imperialists, a new defeat step of the American colonialism in Vietnam) // NCLS, 1969, số 124.- tr. 3-18.

683. HOÀNG VĨ NAM. Sau mươi năm nhìn lại sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - After ten years, to review from the birth of the South Vietnam national liberation Front // NCLS, 1970, số 135.- tr. 41-59.

684. HOÀNG XUÂN CHINH. Thủ bàn về vị trí thành Thăng Long (Trao đổi cùng ông Trần Huy Bá) - To try to discuss on the place of Thang Long citadel (Exchange with Mr. Tran Huy Ba) // NCLS, 1959, số 9.- tr. 58-63.

685. HOÀNG XUÂN CHINH. Nhận đọc bài "Mấy ý kiến về nền văn hóa Đông Sơn" - Reading the article "Some ideas on Dong Son culture" // NCLS, 1962, số 44.- tr. 42-51.

686. HOOCDRECHSLE. Chủ nghĩa thực dân mới Tây Đức xâm nhập châu Phi - The West Germany neocolonialism penetrating in Africa // NCLS, 1967, số 94. - tr. 55-62.

687. HỒ CHÍ MINH. Lời di chúc - Will and Testament // NCLS, 1969, số 126.- tr. 4-5.

688. HỒ HẢI. Một vài ý kiến về mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị nước ta trong thời kỳ 1939-1945 - Some ideas about the relations between the country and the city of our land in the period of 1939-1945 // NCLS, 1963, số 52.- tr. 12-19.

689. HỒ HỮU PHƯỚC. Một vài ý kiến nhỏ về việc đánh giá vai trò cá nhân Hồ Quý Ly trong lịch sử - Some ideas about the estimation of the personal role of Ho Quy Ly in history // NCLS, 1961, số 30.- tr. 43-45.

690. HỒ HỮU PHƯỚC. Góp thêm ý kiến về việc đánh giá Nguyễn Trường Tộ - Contributions to the estimation of Nguyen Truong To / Hồ Hữu Phước, Phạm Thị Minh Lệ // NCLS, 1961, số 31.- tr. 60-62.

691. HỒ HỮU PHƯỚC. Góp ý với hai bạn Đinh Xuân Lam và Đặng Huy Vận về việc phân kỳ lịch sử hiện đại Việt Nam - Exchange of view with the two friends Dinh Xuan Lam and Dang Huy Van about the periodization of the Vietnam contemporary history // NCLS, 1963, số 46.- tr. 47-48.

692. HỒ HỮU PHƯỚC. Nhận đọc bài "Mấy ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam" - Reading the article "Some ideas about the feudalization in Vietnam history" // NCLS, 1964, số 61.- tr. 13-15, 41.

693. HỒ HỮU PHƯỚC. Trong lịch sử Việt Nam đến giai đoạn nào thì ruộng tư chiếm ưu thế? - In what period of Vietnam history the private land predominated? // NCLS, 1964, số 69.- tr. 39-45.

694. HÒ HỮU PHƯỚC. Mấy nét về tình hình ruộng đất ở xã Thạch Khê trước Cách mạng tháng Tám 1945 - Some features about the land situation in Thach Khe Commune (Thach Ha - Ha Tinh) before the August revolution // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 54-58.
695. HÒ SĨ PHẨN. "Thành phố Thanh Hoá" (Đọc sách) - Reading on the book : "Thanh Hoa city" // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr. 93-95.
696. HÒ SONG. Bàn thêm về Trương Vĩnh Ký - To discuss again on Truong Vinh Ky // NCLS, 1964, số 61.- tr. 31-34.
697. HÒ SONG. Vài nhận xét về "Lịch sử cận đại Việt Nam" tập III - Some remarks on IIIrd tome "Vietnam modern history" // NCLS, 1964, số 64. - tr. 39-45.
698. HÒ SONG. Phan Chu Trinh với thời đại của ông - Phan Chu Trinh and his epoch // NCLS, 1965, số 73.- tr. 38-43.
699. HÒ SONG. Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề độc lập dân tộc trong cách mạng Việt Nam - President Ho Chi Minh and the question of national independence in the Vietnamese revolution // NCLS, 1990, số 2 (249).- tr. 29-34.
700. HÒ SONG. "Năm 1946 - Khởi phát cuộc chiến tranh Đông Dương" (Đọc sách) - Reading the book : "The year of 1946 : The beginning of the war Indochina" // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 87-92.
701. HÒ SONG. "Phan Bội Châu toàn tập" với việc nghiên cứu Phan Bội Châu - Phan Boi Chau's complete work and the research work on Phan Boi Chau // NCLS, 1991, số 4 (257).- tr. 60-66.
702. HÒ SONG. "Pari - Sài Gòn - Hà Nội" (Đọc sách) - Reading the book : "Paris-Saigon-Hanoi" // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr. 81-88.
703. HÒ SONG. Đòi trả tự do cho Nguyễn An Ninh trên báo "Việt Nam hồn" - Claim' of liberation for Nguyen An Ninh on the "Vietnam hon" (Vietnam's spirit) Newspaper // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 66-70
704. HÒ SONG. Báo "Việt Nam hồn" với Phan Bội Châu - The "Vietnam Hon" (Vietnam Spirit Newspaper) and Phan Boi Chau // NCLS, 1993, số 4 (269). - tr. 88-92.
705. HÒ SONG. Thư của Lương Trúc Đàm gửi Toàn quyền Đông Dương kháng nghị việc bắt Phan Châu Trinh - The letter of Luong Truc Dam protesting the Phan Chau Trinh arrest, to the Indo-China General Governor // NCLS, 1994, số 1 (272).- tr. 75-76.
706. HÒ THẮNG. Việc nghiên cứu lịch sử xã hội trở thành khoa học như thế nào? - How the social history study becomes a science? // VSD, 1957 từ số 25 đến số 27.
707. HÒ TUẤN NIÊM. Bàn góp về nguồn gốc giai cấp của Hồ Xuân Hương - To discuss and contribut to the class origin of Ho Xuan Huong // VSD, 1957, 1958, số 25.- tr. 78-81.
708. HÒ TUẤN NIÊM. Tìm hiểu chế độ công diền, công thô ở Bắc Bộ - To search for and understand the public rice-field and land regim in Tonkin // VSD, 1957, 1958, số 36, số 37, số 38.

709. HỒ TUẤN NIÊM. Một nghi vấn về tác giả 'Mười bài thơ cảm hoài liên hoàn' - A doubtful question about the author of "Ten linked together poems on moving remembrance" // VSD, 1958, số 46.- tr. 89-95.

710. HỒ TUẤN NIÊM. Thủ đánh giá Học Lạc, nhà thơ trào phúng miền Nam - Essay of estimation of Hoe Lac, a humorous poet in the South // VSD, 1958, số 47.- tr. 43-58.

711. HỒ TUẤN NIÊM. Xung quanh vấn đề tiểu sử Hồ Xuân Hương - About Ho Xuan Huong's biography // NCLS, 1973, số 152.- tr. 43-46.

712. HỒ TUẤN NIÊM. Truyền thống yêu nước của nhân dân xã Quỳnh Đôi - Patriotic tradition of the village of Quynh Doi / Hồ Tuấn Niêm, Phan Hữu Thịnh // NCLS, 1976, số 5(170).- tr. 68-74.

713. HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM. Vì độc lập của dân tộc, vì tự do của nhân dân - For national independence, for people liberty // NCLS, 1973, số 150.- tr. 1-3.

714. HỒNG BÍCH. Tìm hiểu vốn cũ trong văn học dân tộc : Giới thiệu truyện Phan Trần - A study on the ancient heritage in the national literature : Presentation of the Phan Tran story // VSD, 1955, số 12.- tr. 59-70.

715. HỒNG CHƯƠNG . Cường Đế, anh hùng cứu nước hay Việt gian bán nước? - Cuong De was a hero for the country salvation or a traitor selling the country ? // NCLS, 1962, số 43.- tr. 37-43.

716. HỒNG GIAO . Vài ý kiến về tiếng Việt hiện thời - Some ideas about modern language Vietnamese // VSD, 1957, số 26.- tr. 66-82.

717. HỒNG HẠNH. Sự thống nhất về tính chất phản động của Phạm Quỳnh trong lĩnh vực chính trị và văn hóa - The unity of Pham Quynh reactionary character in the political and cultural field // VSD, 1959, số 48.- tr. 60-81.

718. HỒNG KIỀU. Tìm hiểu lịch sử âm lịch và dương lịch - To search and understand for the lunar calendar // VSD, 1957, số 33.- tr. 43-56.

719. HỒNG KIỀU. Về các đơn vị hành chính ở Nam Bộ qua các chế độ - Administrative unities in Cochinchina under various regimes // NCLS, 1979, số 1(184).- tr. 31-38.

720. HỒNG LINH. Trần Quốc Tuấn nói về những nhân tố quyết định thắng lợi của cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thời Đinh - Lê chống quân Tống xâm lược - Tran Quoc Tuan said about the decisive factors of the victory over the Sung invaders in the war of defence of the Fatherland under the Dinh - Le's dynasties / Hồng Linh, Văn Dị // NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 25-26,40.

721. HỒNG NAM. Những trang sử vẻ vang của dân tộc Việt Nam chống phong kiến xâm lược - Glorious pages in the history of the struggle waged by Vietnamese people against Chinese invaders / Hồng Nam, Hồng Linh // NCLS, 1985, số 5 (244).- tr. 1-11.

722. HỒNG QUANG. Học tập Lênin, đẩy mạnh công tác sử học phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng trước mắt - Studying the Leninism to push on the historical work serving the immediate revolutionary task // NCLS, 1960 từ số 14 đến số 17.

723. HỒNG QUANG. Những vấn đề của lịch sử cận hiện đại đã được đề xuất và nghiên cứu trong 7 năm qua - The questions of modern and contemporary history raised and studies in the past seven years // NCLS, 1960, số 21. - tr. 18-27.

724. HỒNG QUANG. Một ý nghĩ về vấn đề nghiên cứu ý nghĩa và tác dụng lịch sử của Xô viết Nghệ Tĩnh - Some thinking about the study question on significance and historical effect of Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1962, số 35.- tr. 5-10,34.

725. HỒNG QUANG. Chủ nghĩa Mác-Lênin bất diệt - The Marxism - Leninism will live // NCLS, 1962, số 38.- tr. 1-7.

726. HỒNG QUANG. Cách mạng Tháng Mười và lịch sử hiện đại - The October Revolution and the modern history // NCLS, 1962, số 44.- tr. 3-8, 28.

727. HỒNG QUANG. Lịch sử và chủ nghĩa anh hùng - History and heroism // NCLS, 1967, số 99.- tr. 1-9.

728. HỒNG THÁI. Vài nét về Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong 30 năm qua (1946-1976) - Some considerations about the national Assembly of the DRV in the past 30 years (1946-1976)// NCLS, 1976, số 2 (167).- tr. 27-33.

729. HỒNG THÁI. Liên minh công nông trong bước chuyển biến trực tiếp từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc Việt Nam (1954-1960) - The worker-peasant alliance in the stage of direct transformation from the national people's democratic revolution to the socialist revolution in North Vietnam (1954-1960) // NCLS, 1978, số 1(178).- tr. 20-28.

730. HỒNG THÁI. Liên minh công nông trong công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1961-1975) - About the alliance of worker and peasants in the work of socialist industrialisation and in the struggle against the destructive war of American imperialism (1961-1975) // NCLS, 1978, số 2(179).- tr. 1-8, 18.

731. HỒNG THÁI. Vài nét về thành tựu nghiên cứu và phổ biến CMXHCN Tháng Mười Nga vĩ đại ở Việt Nam - Some words about the successes of diffusion and research works on the Russian Great socialist October Revolution in Vietnam // NCLS, 1979, số 5(189).- tr. 74-79.

732. HỒNG THÁI. Vài suy nghĩ về việc vận dụng phương pháp luận sử học nói chung vào việc nghiên cứu giai cấp công nhân và phong trào công nhân - Some reflections about the application of the methodology of history in the study on working class and on working movement // NCLS, 1981, số 1(196).- tr. 65-68.

733. HỒNG THÁI. **Mẫu hình con người mới Việt Nam - người công nhân xã hội chủ nghĩa** - The model of the new man of Vietnam - The socialist worker // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 47-52.

734. HỒNG THÁI. **Vài nét về quan hệ giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á trong lịch sử** - On the relations between Vietnam and other Southeast Asian countries in the course of history // NCLS, 1986, số 3 (228).- tr. 63-69.

735. HỒNG THÁI. **Dại hội lần thứ VI của Đảng - Đại hội dựng nước ở một trong những nấc thang của thời kỳ quá độ** - The VI Party Congress : A Congress for building the country a ladder - step of the transitional period // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr. 1-8.

736. HỒNG VIỆT. **Học tập Mác, Ăngghen, Lê nin trong công tác nghiên cứu lịch sử cổ đại** - Studying Marx, Engels, Lenin in the study on ancient history // NCLS, 1968, số 106.- tr. 38-43.

737. HUỆ NHẬT. **Về bài "Bước chuyển từ yêu nước đến tư tưởng cứu nước của Hồ Chí Minh"** - About the article "The evolution from patriotism to national salvation thinking of Ho Chi Minh // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 83-85.

738. HUMMLER H. **Dường lối liên minh của Đảng XHCN Thống nhất Đức trong lịch sử và hiện đại** - The coalition line of the socialist unity Party of Germany in history and the present day // NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 69-75.

739. HUY VŨ. **Sơ lược về quá trình phát triển kiến trúc thời Lý - Trần** - On the development of architecture under the Ly and Tran dynasties // NCLS, 1973, số 150.- tr. 52-60,63.

740. HUY VŨ. **Vài nét về đê điều, thuỷ lợi làng xã Việt Nam thời trước** - Some considerations on dikes and hydraulic works in the Vietnamese villages the old times // NCLS, 1978, số 3(180).- tr. 46-53.

741. HUY VŨ. **Đạo và đời - Một bài học từ quá khứ** - Spiritual and temporal life - Some lessons drawn from the past // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 37-41.

742. HUY YÊN. **Cần nghiên cứu lịch sử sử học** - The study on history of historical science is required // NCLS, 1966, số 86.- tr. 15-20.

743. HUYỀN NGỌC. **Phát hiện khuôn rìu hình dao xén bằng đá** - Discovering a mould for axes in shape of culting knife of stone // NCLS, 1965, số 72.- tr. 63-64.

744. HUỲNH CÔNG BÁ. **Công cuộc khẩn hoang của người Việt tại xã Ba Phong (Diện Bàn, Quảng Nam - Đà Nẵng)** - The work of waste land clearing of the Viet in Ba Phong commune (Dien Ban, Quang Nam - Da Nang) // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 48-49, 55.

745. HUỲNH CÔNG BÁ. **Diện Bàn phủ dưới thời Tiên chúa Nguyễn Hoàng** - The Dien Ban district under the late king Nguyen Hoang dynasty // NCLS, 1994, số 3 (274).- tr. 62-68.

746. HUỲNH CÔNG BÁ. Qua một bản địa bạ dời Thái Đức góp phần tìm hiểu công cuộc khẩn hoang đất Bàu Tròn (Quảng Nam - Đà Nẵng) - Through a cadastral register under the dynasty of Thai Duc contributing to the knowledge about the clearing of waste land in Bau Tron (Quang Nam - Da Nang) // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 41-43.

747. HUỲNH KIM KHÁNH. Cuộc chiến tranh ở Việt Nam, đường lối của Mỹ - The war in Vietnam, American line // NCLS, 1970, số 130.- tr. 26-34.

748. HUỲNH LÚA. Quá trình xâm nhập của đế quốc Mỹ vào nước ta từ giữa thế kỷ XIX đến năm 1954 - The process of American imperialists intrusion in our country from the Middle of the XIXth Century to 1954 // NCLS, 1963, số 46.- tr. 30-42,48.

749. HUỲNH LÚA. Thái Lan, một thuộc địa kiểu mẫu của chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Đông Nam Á - Thailand, a neocolonialist model colony of the American imperialism in South East Asia // NCLS, 1963, số 55.- tr. 21-32.

750. HUỲNH LÚA. Vài nét về con đường phát triển của Miến Điện từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay - Some features of the Birma development line from after the second world war to now // NCLS, 1964, số 61.- tr. 48-62.

751. HUỲNH LÚA. Vài nét về quá trình xâm lược của đế quốc Mỹ ở Viễn Đông và Đông Nam Á - Some features on the invasion process of American imperialism in the Far East and the South East Asia // NCLS, 1965, số 70.- tr. 21-37.

752. HUỲNH LÚA. Cuộc tranh luận về vấn đề lịch sử chiến tranh nông dân Trung Quốc của giới sử học Trung Quốc - The discussion on the peasant war of the Chinese historiens // NCLS, 1965, số 74.- tr. 21-34,42.

753. HUỲNH LÚA. Vài nét về cuộc di chuyển dân cư và khai thác những vùng đất mới ở Đồng Nai - Gia Định trong các thế kỷ XVII-XVIII - Some cosiderations on the migration of population and the exploitation of new lands at Dong Nai - Gia Dinh at the XVIIth - XVIIIth Centuries // NCLS, 1978, số 3(180).- tr. 33-45.

754. HUỲNH LÚA. Một nhận xét về cơ cấu chế độ sở hữu ruộng đất ở vùng Đồng Nai - Gia Định (Nam Bộ cũ) vào nửa đầu thế kỷ XIX - Some remarks on land ownership in the Dong Nai - Gia Dinh (former Nam Bo) are in the first halft of the XIXth Century // NCLS, 1984, số 2 (215).- tr. 14-27.

755. HUỲNH NGỌC NHÂN. Chính sách cấm vận của đế quốc Mỹ và việc khôi phục nền kinh tế Liên Xô những năm đầu sau chiến tranh - Embargo policy of U.S imperialism and economic rehabilitation in Soviet Union during first postwar years // NCLS, 1982, số 6 (207).- tr. 8-19.

756. HUỲNH THỊ CẨN. Tìm hiểu nghề đúc đồng ở "Phường đúc" Huế - Preliminary study about the bronze founding at Hue // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 70-79.

757. HUÀ SỨ KHIÈM. Đi vào lao động, cùng nhân dân lao động viết lịch sử - To go in labour, together with the working people, and to write history // VSD, 1958, số 47.- tr. 34-42.

758. HUNG HÀ. Tư tưởng quốc gia cải lương của Phan Chu Trinh - The national reformation idea of Phan Chu Trinh // NCLS, 1964, số 68.- tr. 17-20,25.

759. HƯƠNG PHỐ. Nhân đọc một tác phẩm, góp phần đánh giá tư tưởng Phan Bội Châu - Contribution to the estimation on ideology of Phan Boi Chau after reading a book // NCLS, 1967, số 94.- tr. 23-28.

760. HƯƠNG SƠN. Nguyễn Đôn Tiết, một thủ lĩnh của phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hoá - Nguyen Don Tiet, a leader of the movement "Devoted to the King" in Thanh Hoa province / Hương Sơn, Thái Vũ// NCLS, 1966, số 92.- tr. 31-37.

761. HƯƠNG SƠN. Thêm một số tài liệu về cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành - More documents on the Phan Ba Vanh uprising / Hương Sơn, Cần Mẫn // NCLS, 1973, số 153.- tr. 54-58.

762. HƯƠNG TÂN. Dánh đổ thuyết Mantuýt trong khoa học địa lý - Demolishing the Malthusianism in the geographical science // VSD, 1955, số 6.- tr. 54-64.

763. HƯƠNG TÂN. Vài nét về khu Hải Phòng - Hòn Gay - Some features on the region of Hai Phong - Hon Gay // VSD, 1955, số 7.- tr. 62-78.

764. HỮU HỢP. Công giáo Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Vietnamese Catholics in the Resistance against French aggression / Hữu Hợp, Tô Thành // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 61-65.

765. HỮU THÉ. Một vấn đề lai lịch "Đại Nam quốc sử diễn ca" - Some questions of the historical account of "The Great Nam national history song" (Dai Nam Quoc su dien ca) // NCLS, 1967, số 101.- tr. 46-50.

766. HỮU THÔNG. Về tập bản đồ vừa tìm thấy ở Huế - On the maps recently found at the Hue // NCLS; 1985, số 6 (225).- tr. 77-78.

767. HỮU ỨNG. Góp phần tìm hiểu chế độ ruộng đất công và hình thái xã hội của người Thái Tây Bắc trước đây - The regime of collective land and old Thai society in the North West / Hữu Ứng, Cầm Trọng // NCLS, 1973, số 151.- tr. 50-57.

768. HỮU ỨNG. Xã hội của người Xtiêng qua tài liệu điều tra tại sóc Bom Bo - The Stieng society seen in the light of the materials gathered in the BomBo hamlet // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr. 50-59.

I

769. IGRITSKI (Y). Giới viết sử phi mác xít hiện đại và vấn đề nước Nga và Phương Tây - The modern non - marxist historians and the "Russia and the West" matter // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr. 53-64.

770. IVANOP. Lý luận chủ quan duy tâm và lý luận địa lý học - The subjective idealist theory and the geographical theory / Ivanop, Omski // VSD, 1955, số 12.- tr. 71-77.

J

771. JCHENGUELOVA (M). Chủ tịch Hồ Chí Minh và con đường lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam - President Ho Chi Minh and the road to socialism non passing the capitalist stage of development // NCLS, 1986, số 3 (228).- tr. 1-10.

772. JOUKOV (E). Một số vấn đề phương pháp luận lịch sử - Some problems of the methodology of history // NCLS, 1979, số 3(186).- tr. 60-67.

773. JOUKOV (E). Chủ nghĩa lịch sử của chủ nghĩa Mác - Historism of the Marxism // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr. 80-85.

K

774. K.Q. Phong trào nông dân hay phong trào dân tộc? Peasant movement or national movement? // VSD, 1957, số 35.- tr. 78-80.

775. K.T. Chút ít tài liệu về Trần Nguyên Hãn - A few documents on Tran Nguyen Han // NCLS, 1967, số 103.- tr. 60-61.

776. KAIGÔRÔDÖP (A.M). Thành tựu to lớn của thư mục học Việt Nam - Great achievements of Vietnamese bibliography // NCLS, 1973, số 153.- tr. 61-62.

777. KHÁNH TƯỜNG. Phan Liêm? - Phan Liem? // NCLS, 1990, số 1 (248). - tr. 76-78.

778. KHẮC TÙNG. Một vài nhận xét về hai nhóm người có cùng tên gọi là Sán Chỉ ở Bắc Thái - Some observations on the two minority people groups named by a same appellation of Sán Chỉ in Bac Thai province // NCLS, 1969, số 120.- tr. 49-52.

779. KHÔNG ĐÌNH MỊCH. Vài nét về phong trào công nhân cao su ở miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - The struggle movement of rubber plantation workers in Eastern Nam Bo during the resistance was against U.S. invaders// NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 55-68.

780. KHÔNG ĐỨC THIỆM. Sự tham gia của nhân dân Vũ Ninh vào cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng - The participation of the Vu Ninh population in the Trung Sister's uprising // NCLS, 1975, số 161.- tr. 54-59.

781. KIỀN CƯỜNG. Sự phản bội của những người lãnh đạo Trung Quốc tại Hội nghị Geneva năm 1954 về Đông Dương - The betrayal of Chinese authorities at the Geneva Conference on Indochina in 1954 // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 14-22.

782. KIỀU MỘC. Bùi Quốc Hưng, vị công thần khai quốc triều Lê sơ - Bui Quoc Hung, the valorous high mandarin, founder of the early period of Le dynasty // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr. 84-87.

783. KIM KHÓI. Vài nét về quá trình khai thác nông nghiệp ở đồng bằng Sông Cửu Long - The process of exploitation of the Mekong River Delta // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 25-35.

784. KOVATCHENKO (I). Chủ nghĩa cơ cấu và những phương pháp cơ cấu - định lượng trong khoa học lịch sử - Structuralism and structure quantitative methods in historical sciences / Ivan Kovatchenko, Nicolai Sivatchev // NCLS, 1979, số 4(187).- tr. 87-93 ; số 6(189).- tr. 71-81.

785. KOVATCHENKO (I). Nguồn tư liệu lịch sử dưới ánh sáng của lý luận thông tin - Historical source seen in the light of information theory // NCLS, 1985, số 5 (224).- tr. 77-86.

786. KOVATCHENKO (I). Vị trí của sử học trong hệ thống các khoa học xã hội - The position of history in the system of social sciences // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 70-79.

L

787. L.T. Một số tư liệu về chiến dịch Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược - Some documents about the Dien Bien Phu operation and the resistance against French colonialists // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 90-91.

788. L.V.L. Tìm được nơi cất giấu di vật của thời đại đồ đồng ở núi Mai Độ (Nam Định) - Discovering hiding - place for relires from the brass time in the mountain of Mai Do (Nam Dinh) // NCLS, 1964, số 61.- tr. 63-64.

789. L.V.L. Những phát hiện khảo cổ học mới ở miền đồng bằng ven biển Bắc Bộ - The new archoeological discoveries in the delta at the Tonkin coast // NCLS, 1964, số 69.- tr. 63.

790. LÂM VĂN LỘ. Ba mươi năm thực hiện chính sách dân tộc của Đảng - Thirty years of carrying out the Party policy on nationalities // NCLS, 1960, số 10.- tr. 68-76.

791. LÂM VĂN LỘ. Ngành dân tộc học mới của Trung Quốc - The new ethnology of China // NCLS, 1960, số 11.- tr. 89-96.

792. LÂM VĂN LỘ. Mấy ý kiến về hướng nghiên cứu dân tộc học ở Việt Nam - Some ideas about the direction of ethnological study in Vietnam // NCLS, 1960, số 15.- tr. 19-24.

793. LÃ VĂN LÔ. Chung quanh vấn đề An Dương Vương, Thục Phán hay là truyền thuyết "Cầu chùa cheng vừa" của đồng bào Tày - About the question An Duong Vuong - Thuc Phan, or the legend "Cau Chua cheng vua" of Tay compatriots // NCLS, 1963, số 50.- tr. 48-57, số 51.- tr. 58-62.
- 794. LÃ VĂN LÔ. Tìm hiểu về nguồn gốc lịch sử của người Cao Lan - Research on the historical source the Cao Lan people // NCLS, 1963, số 55. - tr. 58-64.
795. LÃ VĂN LÔ. Bước đầu nghiên cứu nhà cửa của người Tày - The debut of the research on the Tay people habitation // NCLS, 1964, số 58.- tr. 54-62.
796. LÃ VĂN LÔ. Thủ bàn về ba bộ tộc Tày - Nùng - Thái ở Việt Nam đã hình thành như thế nào? - To try to discussion on the formation of the three tribus Tay - Nung - Thai in Vietnam? // NCLS, 1964, số 60.- tr. 46-56,64.
797. LÃ VĂN LÔ. Lịch sử xã hội nguyên thủy của người Tày qua truyền thuyết "Pú luong quân" - Primitive society history of the Tay people through the legend "Pu luong quan" / Lã Văn Lô, Lê Bình Sự // NCLS, 1964, số 65.- tr. 57-63.
798. LÃ VĂN LÔ. Bước đầu nghiên cứu về chế độ xã hội vùng Tày-Nùng-Thái dưới thời Pháp thuộc - The debut of a study on the social regime in the Tay-Nung-Thai regions under the French colonization // NCLS, 1964, số 68.- tr. 38-46.
799. LÃ VĂN LÔ. Tìm hiểu về tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng Tày-Nùng-Thái - Research on the religion and beliefs in the Tay-Nung-Thai regions // NCLS, 1965, số 75.- tr. 55-64.
800. LÃ VĂN LÔ. Bước đầu tìm hiểu về nền thơ ca cổ truyền của người Tày - Preliminary study on the traditional poetry of the Tay people // NCLS, 1965, số 79.- tr. 41-51.
801. LÃ VĂN LÔ. Thủ bàn về việc viết lịch sử của dân tộc thiểu số anh em - To try a discussion on the writing of the minority people brothers history // NCLS, 1966, số 91.- tr. 39-42.
802. LÃ VĂN LÔ. Cách mạng Việt Nam với các dân tộc thiểu số theo tinh thần của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại - The Vietnam Revolution with the minority people in the spirit of the Great October Revolution // NCLS, 1967, số 103.- tr. 12-20,32.
803. LẠI BÍCH NGỌC. Một vài ý kiến bổ sung vào chương trình lịch sử châu Âu thời phong kiến - Some ideas completing the European history program in the feudalism // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr. 57-59.
804. LANGLET (P). Nguồn gốc địa phương của các vị dok Cử nhân trong những kỳ thi Hương ở vùng châu thổ sông Hồng từ 1802 đến 1884 (suy nghĩ bước đầu qua tập hợp những dữ kiện số liệu) - The localities of the Doctors graduated in the triennial examinations (thi Hương) in the Red river delta (1802-1884) // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr. 13-19.
805. LÂM BÁ NAM. Hồ Quý Ly và ý thức dân tộc - Ho Quy Ly and the national conscience // NCLS, 1992 , số 5 (264).- tr. 54-55.
806. LÂM BÁ TUYỀN. Chủ nghĩa lịch sử và quan điểm giai cấp - Historism and the class point of view // NCLS, 1963, số 57.- tr. 43-50.

807. LÀM CÔNG ĐỊNH. Về trận huyết chiến bảo vệ cửa biển Thuận An năm 1883 - On the bloody fight waged in defence of the Thuan An river mouth in 1883 // NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 76-78.
808. LÀM ĐÌNH. Một số vấn đề cần được xác minh trong phong trào Cần vương tỉnh Thanh Hoá cuối thế kỷ XIX - Some questions requiring the confirmation in the movement "devoted to the King" in Thanh Hoá province in the XXIth Century // NCLS, 1968, số 115.- tr. 58-63.
809. LÀM ĐÌNH. Cần khai thác sử liệu một cách nghiêm túc - We must seriously exploit the historical documents / Lâm Đình, Nhật Tảo // NCLS, 1980, số 5(194).- tr. 88-91.
810. LÀM ĐÌNH. "Đặng Huy Trứ - Con người và tác phẩm" (Đọc sách) - Reading the book : "Dang Huy Tru - His life and works // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr. 83-88.
811. LÀM HÀ. Một số tài liệu về địa tô phong kiến trong lịch sử Việt Nam (Từ thế kỷ I đến nửa đầu thế kỷ XIX) - Some questions on the feudal landed rent in Vietnam history (From the Ist Century to the end of the XIXth Century // VSD, 1956 , số 15.- tr. 36-50.
812. LÀM QUANG THỦ. Bác Hồ tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khoá I (Hồi ký) - Uncle Ho at the first reunion of the first legislature of the national Assembly (Memory) // NCLS, 1979, số 1(184).- tr. 7-10.
813. LÀM QUANG THỦ. Niềm hy vọng cuối đời của Phan Chu Trinh - Phan Chu Trinh's hope in his declining years // NCLS, 1979, số 3(186).- tr. 85-87.
814. LÀM TÂM. Hôn nhân và gia đình của một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam - Marriage and family of some minorities peoples in Vietnam // NCLS, 1961, số 26.- tr. 66-77.
815. LÀM TÂM. Lịch sử di cư và tên gọi của người Mèo - The history of emigration and the name of Meo people // NCLS, 1961, số 30.- tr. 54-58.
816. LÀM TÂM. Tên gọi của người Mường và mối quan hệ giữa tên gọi của người Mường với người Việt - The name of the Muong people and its relation to that of the Viet people // NCLS, 1961, số 32.- tr. 47-54.
817. LÀM TÂM. Sơ lược về người Mèo ở huyện Kỳ Sơn (Nghệ An) - Summary on the Meo people in Ky Son (Nghe An) // NCLS, 1966, số 86.- tr. 50-62.
818. LÀM XUÂN ĐỊNH. "Những sự kiện lịch sử của Đảng bộ thị xã Thanh Hoá" (Đọc sách) - Reading the book entitled "Historical events of the committee of Party of the Urban Center Thanh Hoá" // NCLS, 1980, số 4(193). - tr. 85-89.
819. LÈ BẦU. Viết về đồng chí Nguyễn Đức Cảnh - Writing about comrade Nguyen Duc Canh // NCLS, 1980, số 4(193).- tr. 93-94.
820. LÀM TÔ LỘC. Múa dân tộc Việt thế kỷ XIX - The dances of the Viet nationality in the XIXth Century // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr. 66-70.

821. LECREROLE (J.L). **Những vấn đề khoa học của văn học** - The scientific problems of the literature / J.L. Lecreroles, P. Albouy // VSD, 1955, số 12 .-tr. 41-58.
822. LÊ CUNG. **Tìm hiểu những sự kiện đầu tiên trong Phong trào Phật giáo miền Nam 1963** - Research about the first factors in the Buddhist movement in the South Vietnam in 1963 // NCLS, 1994, số 4(275).-tr. 8-12.
823. LÊ CUNG. **Về Phong trào Phật giáo miền Nam 1963** - About the South Vietnam Buddhist movement 1963 // NCLS, 1994, số 5(276).-tr. 5-8.
824. LÊ ĐÌNH HÀ. **Một di tích khảo cổ ở Thuận Châu** - An archaeological vestige in Thuan Chau // NCLS, 1969, số 128. -tr. 62-63.
825. LÊ ĐÌNH SĨ. **Mấy suy nghĩ về sự chỉ đạo chiến thuật của Nguyễn Huệ trong trận quyết chiến Rạch Gầm - Xoài Mút** - On the tactics used by Nguyen Hue the Rach Gam - Xoai Mut battle // NCLS, 1985, số 1(220). -tr. 23-26.
826. LÊ ĐÌNH SĨ. **Tư chất quân sự Nguyễn Huệ** - Military innate charater of Nguyen Hue // NCLS, 1989, số 1(244). -tr. 9-12.
827. LÊ GIA HIẾN . **Một nhầm lẫn về nhân vật Hoàng Tung trong bài "Thứ tìm ý nghĩa và giá trị Nhị Độ Mai" của Văn Tân** - An error on the personage Hoang Tung in the Van Tan's article "Essay of study on the meaning and the value of Nhi Do Mai" // VSD, 1956, số 22. -tr. 80-81.
828. LÊ GIA XỨNG . **Chủ nghĩa phục thù Tây Đức, kẻ tiếp tay cho Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** - The West Germany Revengism, the assistant of American Imperialism in the Invasion War in Vietnam // NCLS, 1968, số 108. -tr. 37-44.
829. LÊ GIÁN . "Những người cộng sản Pháp và chiến tranh ở Đông Dương (1944-1954)" - "Les Communistes Français et la guerre d'Indochine (1944-1954)" (Đọc sách) - Reading the book: "The French communists and the Indochina war of 1944-1954" / Lê Gián, Văn Phong // NCLS, 1986, số 3(228). -tr. 79-90.
830. LÊ HỒNG. **Vài nét về phong trào Bà Cháy** - Some features on the movement Ba Chay // NCLS, 1964, số 67. -tr. 55-57.
831. LÊ HỒNG LONG . **Về Bùi Tá Hán (? - 1568)** - On Bui Ta Han (? - 1568,)/Lê Hồng Long, Bùi Hồng Nhân, Cẩm Thanh//NCLS, 1992, số 1(260). -tr. 66-70.
832. LÊ HUY TRÀM . **Thánh Lương với Hồ Quý Ly** - Thanh Luong and Ho Quy Ly // NCLS, 1992, số 5(264). -tr. 88-91.
833. LÊ KHÔI . **Nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh G. Di-mi-tơ-rốp (1888-1972).** Những trang sử cuộc đời một người cộng sản lỗi lạc - 90th - birthdat anniversary of G.Dimitrov : The life of an oustanding communist militant // NCLS, 1972, số 145. -tr. 18-22.
834. LÊ KHÔI . **Thăm Viện Hàn lâm khoa học nước Cộng hoà xã viết Moldavia** - A visit to the Academy of Sciences of the SR of Moldavia // NCLS, 1973, số 148. -tr. 55-56.
835. LÊ KHÔI . **Năm 1973 „Năm khoa học Ba Lan”** - 1973 - year of science in Poland // NCLS, 1973, số 152. -tr. 59-61.

836. LÊ KHÔI . Chặng đường hai thế kỷ rưỡi của Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô - The Soviet Academy of science in two and half centuries old // NCLS, 1974, số 155. -tr. 79-81.
837. LÊ KHÔI . Viện Hàn lâm khoa học Hung-ga-ri vừa tròn 150 tuổi (1825-1975) - The science Academy of Hungary is 150 years old (1825-1975) // NCLS, 1975, số 161. -tr. 66-68.
838. LÊ KHÔI . Hội đồng khoa học về đề tài nghiên cứu tổng hợp vấn đề "Lịch sử văn hóa thế giới" - Scientific commission for a synthetic thesis on the "History of world culture" // NCLS, 1976, số 1(166). -tr. 93-94.
839. LÊ KHÔI . Một gia tài lý luận vĩ đại được đọc khắp thế giới - A great literary heritage read all over the world // NCLS, 1977, số 2(173). -tr. 68-70.
840. LÊ KHÔI . Viện Sử học và Viện Đông Phương học thuộc Viện Hàn lâm khoa học U-giơ-bê-kit-xtan - The Institute of history and the Orient Institute of the Uzbekistan Academy of science // NCLS, 1978, số 1(178). -tr. 87- 88.
841. LÊ KHÔI . Giới thiệu tình hình hợp tác nhiều bên giữa các Viện Hàn lâm khoa học các nước XHCN và Hội đồng nghiên cứu về đề tài "Lịch sử Cách mạng Tháng Mười và cuộc cách mạng XHCN tiếp theo" - Many-sided cooperation between the Academies of Sciences from socialist countries and the Research Council on the theme "Histoty of the October Revolution and the following socialist revolutions" // NCLS, 1978, số 5(182). -tr. 112-116.
842. LÊ KHÔI . Công trình "Vladimia Illich Lenin - Những sự kiện của một tiểu sử" (xuất bản Tập VII) (Đọc sách) - On the work 'V.I.Lenin - Events of biography' tome VII // NCLS, 1979, số 1(184). -tr. 78-79.
843. LÊ KIM HÀI . Góp thêm vào việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử Việt Nam giai đoạn 1945-1946 - Contributing to the Vietnam history study and teaching in the period 1945-1946 // NCLS, 1993, số 3(268). -tr. 36-38.
844. LÊ KIM NGÂN . Giới học giả mác-xít thế giới và vấn đề "Phương thức sản xuất châu Á" - The Marxist scholars of the word and the problem of the Asiatic mode of production // NCLS, 1982, số 1(202). -tr. 38-42.
845. LÊ MẬU HÂN . Hồ Chủ tịch. Chân lý và thời đại - President Ho Chi Minh and the truth of our times // NCLS, 1980, số 3(192). -tr. 7-11.
846. LÊ MẬU HÂN . Hồ Chí Minh hoàn thiện về đường lối chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Thống nhất ở Việt Nam - The improvement of Ho Chi Minh on the political and organizational line for the birth of the Unified National front in Vietnam // NCLS, 1992, số 2(261). -tr. 1-5.
847. LÊ NGỌC . Vài kinh nghiệm về xây dựng và bảo vệ chính quyền trong 40 năm qua - Some experiances from the building and safeilarding of the power over the past 40 years // NCLS, 1985, số 4(223). -tr. 11-16.

848. LÊ NGỌC CANH . **Người Chàm và xứ sở Chàm pa** - The Champaneses and the Champa country // NCLS, 1992, số 2(261). -tr. 48-56.
849. LÊ NGỌC CANH . **Dinh làng chài Vạn Ví** - The communal house in the casting - net village Van Vi // NCLS, 1992, số 6(265). -tr. 61-64.
850. LÊ NGỌC DONG . **Nên xác định lại vị trí núi Chi Linh, một chiến tích quan trọng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn** - To redefine the place of the mountain Chi Linh, an important exploit of arms gained by the insurrection Lam Son // NCLS, 1968, số 106. -tr. 44-45.
851. LÊ NGUYỄN LƯU . **Lê Quang Quyền (1812-1844)** - Le Quang Quyen (1812-1884)/ Lê Nguyên Lưu, Huỳnh Dinh Kết // NCLS, 1994, số 6(277). -tr. 62-65.
852. LÊ NHÂN . **Một số ý kiến rút ra từ việc nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương ở Thanh Hoá** - Some considerations appearing through out the studying and the drawing up on regional history at Thanh Hoa // NCLS, 1977, số 4(175). -tr. 7-9.
853. LÊ QUỐC SỬ . **Vài ý kiến về bài học : Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám** - Some ideas contributing to the lesson : "Well coordinating the political and armed struggle forms in the August Revolution" // NCLS, 1963, số 50. -tr. 11-21, 28.
854. LÊ QUỐC SỬ . **Chung quanh bài học "Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám"** - About the lesson "Well coordinating the political and armed struggle forms in the August Revolution" // NCLS, 1963, số 55. -tr. 47-57.
855. LÊ SĨ GIÁO . **Đổi mới và những vấn đề cấp bách có liên quan đến khả năng dự báo của dân tộc học** - The renovation and the urgent questions relative to prevision in ethnology // NCLS, 1991, số 5(258). -tr. 24-27.
856. LÊ SĨ THẮNG . **Thử nêu lên một số nhận xét về tư tưởng triết học của Phan Bội Châu** - To try to give some remarks on the philosophical thinking of Phan Boi Chau // NCLS, 1967, số 104. -tr. 17-31, 44.
857. LÊ SĨ THẮNG . **Hồ Chủ tịch và sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam** - Ho Chi Minh and the introduction of Marxism-Leninism into Vietnam // NCLS, 1972, số 144. -tr. 12-23, 35, số 145. -tr. 50-61.
858. LÊ SĨ TOÁN . **Vài ý kiến sau khi đọc kỹ bài giới thiệu "Một số tài liệu bằng chữ viết mới tìm thấy được về mấy cuộc khởi nghĩa ở miền núi Nghệ Tĩnh"** trong tạp chí **Nghiên cứu Lịch sử** số 50-51 - Some ideas after throughly reading the presentation article on "Some written documents newly discovered about some upsurges in the mountainous region of Nghe Tinh" // NCLS, 1964, số 59. -tr. 47-49, 52.
859. LÊ SĨ TOÁN . **Nên nhận định Phượng hoàng Trung đô của vua Quang Trung ở chỗ nào?** - Where was the Phuong Hoang Trung do of the King Quang Trung? // NCLS, 1964, số 63. -tr. 32-35.

860. LÊ SĨ TOÁN. Nguyễn Xuân Ôn và cuộc khởi nghĩa "Đồng Thống" ở Nghệ An (1885-1887) - Nguyen Xuan On and the insurrection "Dong Thong" in Nghe An (1885-1887) // NCLS, 1965, số 65. -tr. 43-46.

861. LÊ SĨ TOÁN. Vài ý kiến góp vào tác phẩm "Giai cấp công nhân Việt Nam" của ông Trần Văn Giàu - Some ideas contributing to the work of Tran Van Giau on "The Vietnam working class" // NCLS, 1964, số 68. -tr. 25-27.

862. LÊ TAO. Từ Ly Cung đến Tây Đô - From Ly Cung to Tay Do capital // NCLS, 1990, số 6(253). -tr. 31-33.

863. LÊ TẠO. Một số ý kiến xung quanh việc xây dựng Tây Đô - Some thoughts about the construction of Tay Do // NCLS, 1992, số 5(264). -tr. 76-79.

864. LÊ THANH QUANG. Trao đổi với tác giả bài "Bàn thêm về pho tượng lợ ở chùa Bộc" - On the article on the strange statue in Boc Pagoda // NCLS, 1991, số 3(256). -tr. 84.

865. LÊ THANH TINH. Một vài suy nghĩ về nguồn gốc danh xưng Giao Chỉ - Some reflections on the origin of the name Giao Chi // NCLS, 1977, số 4(175). -tr. 77-82.

866. LÊ THÀNH KHÔI. Ý kiến trao đổi - Exchange of opinions on some questions of history // NCLS, 1960, số 12. -tr. 55-60.

867. LÊ THÀNH LÀN. Vài ý kiến về việc biên soạn Niên biểu Việt Nam - On the compilation of the Vietnamese chronology // NCLS, 1986, số 6(231). -tr. 61-68.

868. LÊ THÀNH LÀN. Tuần lẻ và "lịch sao" vĩnh cửu - The week and the eternal star calendar // NCLS, 1992, số 1(260). -tr. 43-50.

869. LÊ THẾ LOAN. Thêm vài tư liệu văn học dân gian xung quanh chiến thắng Bạch Đằng - Addition to folk literature - Bach Dang victory // NCLS, 1988, số 3-4(240-241). -tr. 82-94.

870. LÊ THỊ NĂM. Phụ nữ miền Nam trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước - The South women in the war against American imperialism for country salvation // NCLS, 1967, số 101. -tr. 33-40, 50.

871. LÊ THỊ NGỌC ÁI. Một số nét về xã hội người Bana - Some features of Bana people society // NCLS, 1969, số 121. -tr. 50-55, số 122. -tr. 57-64.

872. LÊ THỊ QUÝ. Âm mưu và thủ đoạn của Mỹ - nguy trong việc biến Nghiệp đoàn miền Nam thành công cụ của chủ nghĩa thực dân mới - Practices and manoeuvres of U.S. imperialism and its stooges in turning South Vietnamese Syndicales into instruments of neo-colonialism // NCLS, 1982, số 6(207). -tr. 19-32.

873. LÊ THUỘC. Thử xét lại cái án Nguyễn Trái - To try to review the condemnation of Nguyen Trai / Lê Thước, Trương Chính // VSD, 1957, số 24. -tr. 63-73.

874. LÊ THUỘC. Bài ca "Người dân hay ở Long Thành" cũng là một khúc ca đoan trường của Nguyễn Du - The song about the good player in musis at Long Thanh is also a song about the misfortunes of Nguyen Du // VSD, 1958, số 41. -tr. 77,83.

875. LÊ THUỐC. Công chúa Ngọc Hân chết năm nào? - At what year died the Princess Le Ngoc Han? // NCLS, 1962, số 34. -tr. 53-57.
876. LÊ THUỐC. Nhận xét về tập bản đồ Hồng Đức số A.2499 của Thư viện Khoa học - Remarks about the Hong Duc maps collection № A.2499 in the Scientific Library // NCLS, 1963, số 54. -tr. 27-28.
877. LÊ THUỐC. Cụ Phan Bội Châu mất năm nào và ngày nào? - At what day and year died Phan Boi Chau? // NCLS, 1963, số 55. -tr. 44.
878. LÊ THUỐC. Nhận xét một số di tích và hiện vật gốc về thời Tây Sơn -Remarks on the vestiges and the things in nature about the Tay Son period // NCLS, 1964, số 59. -tr. 27-32, 46.
879. LÊ THUỐC. Một số chữ in sai về thơ văn Nguyễn Trãi trong "Úc trai di tập" - Some erroneously printed words of Nguyen Trai's prose and poetry in Uc Trai inheirited work // NCLS, 1964, số 66. -tr. 32-35.
880. LÊ THUỐC. Một văn kiện của cụ Phan Đình Phùng vừa mới phát hiện - A new discovered document of Phan Dinh Phung // NCLS, 1965, số 71. -tr. 23-25.
881. LÊ THUỐC. Một tài liệu văn sử "Chính khí ca Việt Nam" - A literary and historical document : The Vietnam righteous sentiment song // NCLS, 1965, số 73. -tr. 21-29.
882. LÊ THUỐC. Vì sao cuốn "Bài ngoại liệt truyện" của ông Phan Trọng Mưu trước kia đã trở thành cuốn "Bài ngoại mậu kiến liệt truyện" khuyết danh hiện nay? - Why the previous book : Biographies of the xenophobe famous men of Mr. Phan Trong Muu was transformed in the present anonymous book on false Biographies of the xenophobe famous men? // NCLS, 1969, số 129. -tr. 19-25.
883. LÊ THUỐC. Tấm bia đá trước sân đền Hai Bà Trưng ở Hà Nội - About the stone stele in the groundfloor before the Trung Sister's temple / Lê Thuốc, Trần Huy Bá // NCLS, 1973, số 149. -tr. 51-55.
884. LÊ THUỐC. Làng Trung Lê trong phong trào chống Pháp - The Trung Le village during the anti - French colonialists resistance // NCLS, 1973, số 152. -tr. 33-42.
885. LÊ TIỀN GIÁP. Vài ý kiến về mốc mở đầu thời kỳ lịch sử cận đại thế giới - Some ides about the boundary mark of the World Modern history begining period// NCLS, 1994, số 5(276). -tr. 88-91.
886. LÊ TIỀN THI. Một vài đóng góp với tác giả bài "Thứ bàn về địa danh Việt Nam" - Some contributions made to the author of the article "On the country noun of Vietnam" // NCLS, 1977, số 1(172). -tr. 91-93.
887. LÊ TRẦN DƯC. Sự nghiệp của Tuệ Tĩnh - The useful work of Tue tinh // NCLS, 1967, số 100. -tr. 48-49.
888. LÊ TRẦN DƯC. Tình hình y học thời Trần - Medical sciences under Tran dynasty // NCLS, 1985, số 5(224). -tr. 71-76.

889. LÊ TRẦN ĐỨC . **Sơ lược lịch sử y học dân tộc Việt Nam** - An outline of traditional medicine history of Vietnam // NCLS, 1990, số 3(250). -tr. 45-50.

890. LÊ TRẦN ĐỨC. **Vài nét về quân y Việt Nam thời xưa** - Some features of Vietnam army medical corps in the past // NCLS, 1992, số 1(260). -tr. 51-55.

891. LÊ TRẦN ĐỨC. **Đối chiếu từ ngữ chữ Nôm trong "Nam dược quốc ngữ phú" (NDP) với "Quốc âm thi tập" (QATT) để thấy được thời điểm trước tác của Tuệ Tinh là ở thế kỷ XIV** - In comparison with the Nom "Nam duoc quoc ngu phu" and "Quoc am thi tap", where is the date in the XIVth century the Tue Tinh's work // NCLS, 1994, số 1(272). -tr. 65-69.

892. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Thử nghiên cứu vai trò của những bài văn chữ Hán do người Việt Nam viết trong văn học sử Việt Nam** - An essay of study on the role of texts written in Chinese characters by the Vietnamese in Vietnam literary history // VSD, 1956, số 19. -tr. 45-58.

893. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Sự chuyển biến từ chế độ cộng sản nguyên thuỷ sang chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - The passage from the primitive communism to the slavery in Vietnam // NCLS , 1960, số 19. -tr. 70-76.

894. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội ở miền Nam Trung Bộ năm 1916** - The Insurrection of Vietnam restoration Association in the South of Central Vietnam in 1916/ Lê Trọng Khanh, Đặng Huy Vận // NCLS, 1961, số 22. -tr. 32-50.

895. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Từ cứ liệu địa danh ngôn ngữ có từ "Kẻ", suy nghĩ về không gian cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng** - Reflexions on the extent of the Trung Sisters upheaval // NCLS, 1983, số 2(209). -tr. 38-41.

896. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Quan hệ biện chứng về niên đại bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư" - bản in Nội các quan ban và vấn đề chủ quyền quốc gia về di sản văn hoá dân tộc** - Dialectical correlation between the "Dai Viet Su ky toan thu" printed from the Noi cac quan ban engraving and the national sovereignty on cultryral legacy // NCLS, 1988, số 5-6(242-243). -tr. 15-17.

897. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Góp phần nhận thức lại nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ trong chiến thắng Đồng Da** - Contribution to the thinking over military art of Nguyen Hue in the Dong Da victory // NCLS, 1989, số 3-4(246-247). -tr. 43-48.

898. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Về thời gian Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng không điều kiện Đồng Minh** - On the period of proclamation by the Japan Emperor of the unconditional surrender // NCLS, 1991, số 5(258). -tr. 89-90.

899. LÊ TRỌNG KHÁNH . **Những tín hiệu thu nhận từ bản lược đồ địa danh - ngôn ngữ Việt Cổ . Bước đầu góp phần vào việc tiếp cận một số vấn đề lịch sử cổ đại** - The signals received from the scheme of place name and language of antique Viet first contribution to the approach on some questions of Antique history // NCLS, 1992, số 4(263). -tr. 32-49.

900. LÊ TRUNG DŨNG . **Bước đầu tìm hiểu về cách mạng giải phóng dân tộc ở Ănggôla - Preliminary study on the revolution of national liberation of Angola** // NCLS, 1978, số 2(179). -tr. 49-59.
901. LÊ TRUNG DŨNG . **Mười ba thế kỷ tồn tại của Nhà nước Bungari - Bulgaria - 1300 years of national building and defence** // NCLS, 1981, số 6(201). -tr. 65-72.
902. LÊ TRUNG DŨNG . **Phong trào ủng hộ Việt Nam chống Mỹ cứu nước ở nước Cộng hoà Nhân dân Bungari - P.R. of Bulgaria's movement of supporting Vietnam in its resistance war against U.S.A for national salvation** // NCLS, 1984, số 5(218). -tr. 68-71.
903. LÊ TRUNG DŨNG . "Đường lối tháng Tư" trong sự phát triển kinh tế của nước CHND Bungari - "April's line" in the economic development of Bulgaria // NCLS, 1987, số 4(235). -tr. 71-75.
904. LÊ TÙNG SƠN . **Góp ý kiến vào vấn đề "Những bài văn chữ Hán do người Việt Nam viết có được kể vào văn học sử Việt Nam không?" - Contributing to the question "Can be the texts written in Chinese characters by the Vietnamese inscribed in the Vietnam literary history?** // VSD, 1956, số 14. -tr. 89-91.
905. LÊ TÙNG SƠN . **Những quan điểm phi lịch sử, phi giai cấp trong vấn đề nhận định văn học dân tộc - The non - historical and non-class view points in the question of estimation on national literature** // VSD, 1956, số 17. -tr. 74-76.
906. LÊ TÙNG SON . **Trong giai đoạn lịch sử văn học chữ Hán, phong kiến Việt Nam có đấu tranh để thoát ly sự lệ thuộc chữ Hán không? - In the historical period of literature written in Chinese characters, the Vietnam feudalists did they struggle for getting out of the dependence to the Chinese characters?** // VSD, 1956, số 20. -tr. 79-84.
907. LÊ TÙNG SƠN . **Hoạt động của Đảng ở Vân Nam - Activities of the Party in Van Nam** // NCLS, 1976, số 2(167). -tr. 56-68.
908. LÊ TÙNG SON . **Bác Hồ ở Trung Quốc (Hồi Ký) - Uncle Ho at China (Memory)** // NCLS, 1977, số 3(168). -tr. 31-37.
909. LÊ TƯ LÀNH . **Tìm hiểu tấm bia thời Trần nói về Công chúa Phụng Dương, vợ Trần Quang Khai - Study of the stele (Tran dynasty) in honour of Princess Phung Duong (Wife of Tran Quang Khai)** // NCLS, 1971, số 139. -tr. 38-49.
910. LÊ TƯ LÀNH . **Tự ký của Phạm Văn Nghị về việc lập đội nghĩa dũng di đánh giặc Pháp ở Đà Nẵng năm 1860 - Pham Van Nghi's memoirs on the founding of guerilla groups for fighting the French colonialists in Da Nang (1860)** // NCLS, 1973, số 150. -tr. 4-12.
911. LÊ TUQONG . **Góp thêm ý kiến về Đốc Ngữ và phong trào chống pháp ở vùng hạ lưu Sông Đà cuối thế kỷ XIX - Contribution to a further understanding about Doc Ngu and the movement against French colonialism in the Da River lownstream in the half of XIXth Century** // NCLS, 1967, số 101. -tr. 51-57.
912. LÊ TUQONG . **Quá trình hình thành khu di tích lịch sử thời Vua Hùng trên núi Hùng (Vĩnh Phú) - How the historical site of Hung Kings has come into being / Lê Tượng, Nguyễn Đình Ái** // NCLS, 1975, số 1(160). -tr. 66-72.

913. LÊ TUỢNG . Về Kinh đô Văn Lang - About the capital Van Lang / Lê Tuợng; Nguyễn Lộc // NCLS, 1979, số 2(185). -tr. 34-45.

914. LÊ UY . Một bản khắc gỗ có giá trị lịch sử - An engraving on wood of historical value // NCLS, 1991, số 4(257). -tr. 76-77.

915. LÊ VĂN HÁO . Xã hội và văn hoá ở thành thị miền Nam dưới sự thống trị của chủ nghĩa thực dân mới Hoa Kỳ - Society and culture of the South cities under the domination of U.S.A neo-colonialism // NCLS, 1969, số 119. -tr. 23-36.

916. LÊ VĂN HÁO . Thực trạng khoa học xã hội vùng đô thị miền Nam - The real situation of the social sciences in the South cities // NCLS, 1969, số 123. -tr. 32-47.

917. LÊ VĂN HÁO . Vài ý kiến nhỏ trao đổi với các nhà sử học miền Bắc về phương pháp nghiên cứu vấn đề Hung Vương trên quan điểm dân tộc học - Exchange of oppinions with the North historians on the study method about the question Hung Vuong form the ethnological point of view // NCLS, 1969, số 125. -tr. 39-40.

918. LÊ VĂN HÁO . Khoa học xã hội miền Bắc nhìn từ miền Nam : 15 năm nghiên cứu dân tộc học ở miền Bắc - The North social sciences from the angle of the South : Fifteen years of ethnological study in the North // NCLS, 1970, số 133. -tr. 1-15.

919. LÊ VĂN HÁO . Vài suy nghĩ về quá trình hòa hợp và gắn bó Việt Nam - Chăm pa trong lịch sử dân tộc - Some reflections about the process of concord and cohesion between Vietnam and Champa in the national history // NCLS, 1979, số 3(186). -tr. 47-51.

920. LÊ VĂN HÁO . Nguyễn Trãi với "Lam Sơn thực lục" - Nguyen Trai and the book entitled "Lam Son thuc luc" // NCLS, 1980, số 3(192). -tr. 53-59.

921. LÊ VĂN HOË . Góp thêm ý kiến về việc hiệu đính và chú thích "Chinh phu ngâm" - Contributing to the revise and the annotation of Chinh phu ngam (Warrior's wife poem) // VSD, 1957, số 32. -tr. 70-72.

922. LÊ VĂN HOË . Góp ý với ông Đào Duy Anh về vấn đề Loa Thành - Exchange of view with Mr. Dao Duy Anh about the question of Loa citadel // NCLS, 1966, số 86. -tr. 39-44.

923. LÊ VĂN KHUË . Chính sách của Bắc Kinh đối với người Hoa ở Đông Nam Á - The policy of Pekin towards the Hoa (overseas Chinese) in South East Asia // NCLS, 1979, số 3(186). -tr. 9-26.

924. LÊ VĂN KỲ . Tư tưởng "dân" của Nguyễn Trãi với chúng ta - The Nguyen Trai's thought on "people" and we // NCLS, 1965, số 81. -tr. 19-30.

925. LÊ VĂN LAN . Phát hiện di chỉ khảo cổ học Phú Hậu (Phú Thọ) -Discovery of the archaeological vestiges Phu Hau (Phú Thọ) // NCLS, 1961, số 27. -tr. 68-73

926. LÊ VĂN LAN . Mấy ý kiến về nền văn hoá Đông Sơn - Some opinions on Dong Son culture // NCLS, 1961, số 30. -tr. 13-24, số 31. -tr. 7-19.

927. LÊ VĂN LAN . Một ít tài liệu về những chiếc rìu cổ của ta - A few documents on our ancient axes // NCLS, 1962, số 36. -tr. 15-27.
928. LÊ VĂN LAN . Phát hiện trống đồng ở Hữu Chung (Hải Dương) - Discovery of copper drums in Huu Chung (Hai Duong) // NCLS, 1962, số 37. -tr. 61-64.
929. LÊ VĂN LAN . Thủ tìm hiểu nguồn gốc của những chiếc trống đồng cổ - Research on the source of the ancient copper drums // NCLS, 1962, số 42. -tr. 30-38.
930. LÊ VĂN LAN . Di tích khảo cổ trên đất Phong Châu, địa bàn gốc của các vua Hùng - The archaeological vestiges in Phong Chau land, origin region of the Kings Hung / Lê Văn Lan, Phạm Văn Kinh // NCLS, 1968, số 107. -tr. 34-46.
931. LÊ VĂN LAN . Tài liệu khảo cổ học và việc nghiên cứu thời đại các vua Hùng - Archaeological documents and the research on the Kings Hung epoch // NCLS, 1969, số 124. -tr. 52-60.
932. LÊ VĂN LAN . Về một hình thức sinh hoạt văn hóa tinh thần ở thời đại các vua Hùng - About the spiritual and cultural life forms in the Kings Hung epoch // NCLS, 1970, số 130. -tr. 35-44.
933. LÊ VĂN LAN . Về tục hoả táng ở thời đại các vua Hùng - On the customs or cremation ceremony in the Kings Hung epoch // NCLS, 1970, số 132. -tr. 74-80.
934. LÊ VĂN LAN . Tài liệu khảo cổ học và việc nghiên cứu thời kỳ Hai Bà Trưng - Archaeological documents and the research on the Hai Ba Trung dynasty // NCLS, 1973, số 148. -tr. 35-40.
935. LÊ VĂN LAN . Nguyễn Trãi trên tiến trình lịch sử văn hóa nước nhà - Nguyen Trai in the evolution of the history of culture of our country // NCLS, 1980, số 4 (193) .-tr. 52-58.
936. LÊ VĂN LAN . Nhìn lại việc nghiên cứu cội nguồn dân tộc - Retrospective study on the origin of the Vietnamese nation // NCLS, 1981, số 3(198). -tr. 15-21.
937. LÊ VĂN LAN . Thủ phác họa bối cảnh kinh tế - xã hội của chiến công Sông Bạch Đằng - To make a sketch of the socio-economic situation of the victory of Bach Dang // NCLS, 1982, số 2(203). -tr. 21-25, 90.
938. LÊ VĂN LAN . Có một chiến dịch Thăng Long năm 1789. Nguyễn Huệ, bậc thầy của tư tưởng và nghệ thuật chiến dịch - There is one Thang Long operation in 1789. Nguyen Hue, the teacher in ideology and art of military operation // NCLS, 1989, số 1(244). -tr. 6-8.
939. LÊ VĂN NĂM . Sản xuất hàng hoá và thương nghiệp ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX - Goods production and trade in Mekong River delta in XVIIth and at the begining of XIXth Centuries // NCLS, 1988, số 3-4(240-241). -tr. tr. 54-60, số 5-6(242-243). -tr. 80-85.

940. LÊ VĂN QUÂN. **Bước đầu tìm hiểu thời kỳ xuất hiện chữ Nôm** - Preliminary study about the apparition time of the "Nom" charaters // NCLS, 1981, số 5(200). -tr. 40-43.
941. LÊ VĂN SÁU. **Bình luận về cuốn "Một di sản cay đắng : Văn đê Việt Nam"** của một nhà sử học Mỹ - Commentary of the book "A bitter heritage : The question of Vietnam" // NCLS, 1968, số 110. -tr. 35-44.
942. LÊ VĂN TRINH. **Góp vài ý kiến về Phan Bội Châu** - Opinions on Phan Boi Chau // VSD, 1957, số 31. -tr. 80-90.
943. LÊ VĂN TRINH. **Vài ý kiến về bản dịch ra tiếng Việt : "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"** - Some remarks about the Vietnamese translation of "The proclamation of the communist Party" // NCLS, 1982, số 5(206). -tr. 75-77.
944. LEVIN(M.G). **Tài liệu dân tộc học và nhân loại học là tài liệu lịch sử góp phần vào phương pháp nghiên cứu lịch sử những dân tộc chưa có chữ viết** - Ethnological and anthropological documents are historical documents contributing to the method of historical study on no writing people // NCLS, 1961, số 29. -tr. 28-30.
945. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Ảnh hưởng giữa thiên nhiên và sinh hoạt xã hội** - The influence between nature and social life // VSD, 1955, số 4. -tr. 61-71.
946. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Về địa đồ và phiên âm địa danh** - Mapping and pronetically transcribing the place name // VSD, 1955, số 4. -tr. 77-80.
947. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Vấn đề chia khu vực địa lý ở nước ta** - The question of divising the geographical zones in our country // VSD, 1957, số 25. -tr. 23-32.
948. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Mưa ở nước ta ảnh hưởng đến việc trồng trọt như thế nào?** - How is the influence of rains upon the culture? // VSD, 1957, số 30. -tr. 70-77.
949. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Một vài ý kiến trao đổi với ông Hoàng Hữu Triết về vấn đề khí hậu Việt Nam** - Exchange of opinions with Mr. Hoang Huu Triet about the climat of Vietnam // VSD, 1957, số 34. -tr. 63-79.
950. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Cần định rõ đối tượng của địa lý kinh tế** - Definiting clearly the object of economical geography // VSD, 1958, số 37. -tr. 54-63.
951. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Trao đổi ý kiến về chương khí hậu trong "Sơ thảo địa lý Việt Nam** - Exchange of opinions about the chapter climate in the book "First drupt of Vietnam geography" // VSD, 1958, số 40. -tr. 84-98.
952. LÊ XUÂN PHƯƠNG. **Tư liệu về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917** - Bản khẩu cung của Nguyễn Văn Nhiên - Documents on Thai Nguyen uprising in 1917 // NCLS, 1987, số 4(235). -tr. 76-80.
953. LÊ XUÂN QUANG. **Cuộc khởi nghĩa Vũ Đình Dung ở trấn Sơn Nam hồi cuối thế kỷ XVIII** - The uprising of Vu Dinh Dung in Son Nam region at the end of the XVIIIth Century // NCLS, 1982, số 5(206). -tr. 59-66.

954. LÊ XUÂN QUANG. **Tấm bia mới phát hiện ở thị xã Tam Điệp** - About the stele recently discovered in Tam Diep // NCLS, 1984, số 4(217). -tr. 78-79.

955. LÊ XUÂN QUANG. **Làng Bà Liệt và nhân vật Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản** - Ba Liet village and Tran Quoc Toan // NCLS, 1986, số 4(229). -tr. 46-47.

956. LÊ XUÂN QUANG. **Đình Diên và khu tháp mộ của ông** - Dinh Dien and his tom-tower // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233). -tr. 140-141.

957. LÊ XUÂN QUỲNH. **Cu Ba với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân** - Cuba and its national defence // NCLS, 1987, số 1-2(232-233). -tr. 119-126.

958. LÉINHARDT (R.). **Những thành quả và kinh nghiệm của Đảng XHCN Thống nhất Đức trong việc xây dựng khối liên minh giữa công nhân và nông dân** - Achievements and experiences recorded by the Socialist unity Party of Germany in the building of the worker and peasant alliance // NCLS, 1986, , số 2(227). -tr. 17-23.

959. LIUBLINSKAIA. . **Vấn đề phát triển bộ tộc Pháp từ thế kỷ IX đến thế kỷ XV** - The question of the development of the French tribe (from the IXth to the XVth Century) // VSD, 1957, số 26. -tr. 50-59.

960. LONG DIỀN. **Góp ý kiến với bài "Mấy nhận xét về nền khảo cổ học thực dân Pháp ở Việt Nam trước đây" của ông Nguyễn Lương Bích** - About the article "Some remarks on the archaeology of the French colonialism in Vietnam in the past" of Mr Nguyen Luong Bich / Long Diên, Vạn Thành // NCLS, 1959, số 6, . -tr. 60-65.

961. LONG DIỀN. **Tổ chức và hoạt động của cơ quan USAID trong lãnh vực giáo dục thực dân mới ở miền Nam trước đây** - Organization and activities of USAID within the neo-colonialist educational system in South Vietnam in the past // NCLS, 1977, số 2 (173) .- tr. 74-79.

962. LULEI(W). **Phong trào đoàn kết của nhân dân nước CHDC Đức với nhân dân Việt Nam** - Movement of solidarity of the people of the Germany Democratic Republic with Vietnamese people // NCLS, 1979, số 2(185). -tr. 67-75.

963. LUONG AN. **Giới thiệu bài về "Thất thủ Kinh đô", một tác phẩm văn nghệ nhân dân đáng chú ý về Bình Trị Thiên chống Pháp** - The satirical folk song "The fall of the Capital" a remarkable popular literary and artistic work of Binh Tri Thien in the period of struggle against the French colonialists // VSD, 1958, số 40. -tr. 4-13.

964. LUONG CAO KHOAT. **Sự phối hợp chiến đấu của quân dân Hà Nội trong cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ** - The combinat fighting of the Hanoi population and armed forces in the Winter-Spring strategic offensive of 1953-1954 and the Dien Bien Phu victory // NCLS, 1984, số 1(214). -tr. 25-32.

965. LUONG CHI MINH. **Nghiên cứu, so sánh Phan Bội Châu với Phan Châu Trinh** - Studying, comparing Phan Boi Chau and Phan Chau Trinh // NCLS, 1994, số 1(272). -tr. 81-89.

966. LUÔNG NINH . **Góp vào vấn đề hình thành dân tộc - Lý luận và thực tế -** Contribution to the problem of formation of the nation - Theory and practice // NCLS, 1981, số 5(200). -tr. 28-32.
967. LUÔNG NINH . **Văn bia Campuchia - Kampuchean inscriptions** // NCLS, 1982, số 6(207). -tr. 76-79.
968. LUÔNG NINH . **Nghi về đổi mới chương trình giảng dạy lịch sử -** Reflection on the renovation of history teaching Program // NCLS, 1993, số 3(268). -tr. 11-13.
969. LUÔNG KHÈ . **Góp mấy ý kiến đánh giá Phan Chu Trinh -** On the evaluation of Phan Chu Trinh // NCLS, 1964, số 69. -tr. 20-28.
970. LUU ĐỨC HẠNH . **Một số ý kiến về tư tưởng Hồ Quý Ly -** Some reflexions on the ideology of Ho Quy Ly // NCLS, 1990, số 6(253). -tr. 20-24.
971. LUU ĐỨC HẠNH . **Hồ Quý Ly - Ông là ai? -** Ho Quy Ly - Who is he? // NCLS, 1992, số 5(264). -tr. 51-53.
972. LUU HÙNG . **Vài nét về làng Tây Nguyên -** Villages in Central Highlands (Tay Nguyen) // NCLS, 1987, số 1-2(232-233). -tr. 92-104.
973. LUU HÙNG . **Tìm hiểu thêm về một khía cạnh của xã hội cổ truyền trong các dân tộc bản địa ở Trường Sơn - Tây Nguyên : Sự nảy sinh quan hệ bóc lột -** A further research into one aspect of the traditional society in the autochthonous people in Truong Son - Tay Nguyen : The birth of exploitation relations // NCLS, 1992, số 2(261). -tr. 57-65.
974. LUU HÙNG . **Tìm hiểu thêm về một khía cạnh của xã hội cổ truyền trong các tộc người bản địa ở Trường Sơn - Tây Nguyên : Chế độ sở hữu -** Studying again about some sides of the autochthonous ethnies traditional society in Truong Son - Tay Nguyen : The regime of proprietorship // NCLS, 1993, số 4(269). -tr. 59-66.
975. LUU KHẮC LÂM . **Thắng lợi vĩ đại của cuộc đấu tranh vũ trang yêu nước chống Mỹ của nhân dân miền Nam Việt Nam -** The great victory of the South Vietnam people patriotic armed struggle against the American imperialism // NCLS, 1964, số 64. -tr. 7-16.
976. LUU NGUYỄN . **Nhà tù Sơn La - Trường học cách mạng -** The Son La prison - A school of the revolution // NCLS, 1975, số 4(163). -tr. 57-71.
977. LUU THỊ TUYẾT VÂN . **Quan hệ giữa thủ công nghiệp và nông nghiệp trong các làng nghề ở miền Bắc Việt Nam -** The relations between handicraft and agriculture in the handicraft villages in the North Vietnam // NCLS, 1994, số 1(272). -tr. 28-34.
978. LUU TRẦN TIỀU . **Cọc Bạch Dang trong đợt khai quật 1976 -** The Bach Dang pickets in the exhumation of 1976 / Luu Tran Tieu, Trịnh Cẩn -// NCLS, 1977, số 1(172). -tr. 67-74.
979. LUU TRẦN TIỀU . **Thành nhà Hồ, nhìn từ góc độ di sản văn hóa -** The citadel of the Ho dynasty under the angle of cultyral heritage // NCLS, 1992, số 5 (264) . -tr. 68-70.

980. LUU TUYẾT VÂN . **Vài nét về vai trò của thuỷ lợi trong quá trình hợp tác hoá nông nghiệp ở Việt Nam** - Some reflections about the role of hydraulics and irrigation works during the of agricultura cooperation in Vietnam // NCLS, 1980, số 5(194). -tr. 15-23.

981. LUU VĂN TRÁC . **Tình hình giai cấp công nhân miền Bắc XHCN trong giai đoạn đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ 1965-1968** . The situation of working class in the socialist North in the phase of wining the American imperialism war of sabotage (1965-1968) // NCLS, 1970, số 132. - 98-113.

982. LUU VĂN TRÁC . **Đồng bào dân tộc ít người với chiến dịch Điện Biên Phủ** - The national minorities and the Dien Bien Phu military campaign // NCLS, 1984, số 1(214). -tr. 40-44.

983. LUU VĂN TRÁC . **Nhân kỷ niệm một ngày lịch sử đáng ghi nhớ của nhân dân Rumani : ngày 1-5-1939** - A historic memorable day of the Rumanian peoples : May 1st, 1939 // NCLS, 1984, số 3(216). -tr. 73-78.

984. LUU VĂN TRÁC . **Bốn mươi năm xây dựng và bảo vệ CNXH ở nước CHND Ba Lan (1944-1984)** - Forty years of building and safeguarding socialism in the People's Republic of Poland (1944-1984) // NCLS, 1984, số 5(218). -tr. 56-67.

985. LUU VĂN TRÁC . **Một số tư liệu về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)** - Some facts and documents concerning the anti U.S. resistance war (1954-1975) // NCLS, 1985, số 2(221). -tr. 77-83.

986. LUU VĂN TRÁC . **Một số sự kiện và tư liệu liên quan đến Chiến tranh thế giới lần thứ hai** - Facts and materials relating to the second world war // NCLS, 1985, số 3(222). -tr. 78-83.

987. LÝ THUÝ LUÔNG . **Lô Tấn và khoa học lịch sử** - Lou Tsin and the historical science // NCLS, 1961, số 33. -tr. 26-41.

988. LÝ TRẦN QUÝ . **Có thể xếp những bài "Hịch tướng sĩ văn" "Bình Ngô đại cáo" ... vào văn học Việt Nam được không?** - Can be classified in Vietnam literature the writings: "Hich Tuong Si van", "Binh Ngo dai cao" ...? // VSD, 1955, số 10. -tr. 61-68.

989. LÝ TRẦN QUÝ . **Vấn đề tiêu chuẩn phân định thời kỳ lịch sử** - The question of the periodization of the historical epochs // VSD, 1955, số 10. -tr. 63-67.

M

990. M.N . **"Ba mũi giáp công" trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ và tay sai ở miền Nam** - "Three face to face fight points" in the people war against American imperialists and their henchmen in the South // NCLS, 1966, số 86. -tr. 5-14, 62.

991. M.N . **Sự khùng hoảng liên miên của nguy quyền Sài Gòn trong suốt thời kỳ "Chiến tranh đặc biệt"** là một thất bại nặng của Mỹ . The continual crisis Sai Gon authorities in all the "Special war" period is a serious defeat of the American imperialism // NCLS, 1966, số 88. -tr. 4-20.

992. MN. **Về vai trò Phật giáo miền Nam trong cuộc lật đổ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm** . The role Buddhism in the South in the overthrow of the Ngo Dinh Diem dictatorship// NCLS, 1966, số 99. - tr 4 - 11.

993. M.N. **Phương châm hoạt động đối ngoại của MTDTGP miền Nam Việt Nam trong giai đoạn "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ** - South Vietnam National liberation Front direction for foreign activities in the "Special war" phase of American imperialism // NCLS, 1967, số 94. -tr. 5-11.

994. M.N . **Mấy nét lớn về phong trào công nhân Sài Gòn từ 1945 đến 1954** - Some great features of Sai Gon working Movement from 1945 to 1954 // NCLS, 1967, số 95. -tr. 3-13.

995. MAI HỒNG . **Có phải Tuệ Tĩnh đã giải nghĩa "Khoa hу lục" ở thế kỷ XVII không?** - Is is Tue Tinh who explained "Khoa hu luc" in the XVII th Century? // NCLS, 1994, số 1(272). -tr. 63-64.

996. MAI HỒNG . **Xác định văn bản các tư liệu về Tuệ Tịnh** - The confirmation of documentary texts about Tue Tinh / Mai Hồng, Phó Đức Thảo // NCLS, 1994, số 1(272). -tr. 62-63.

998. MAC ĐƯỜNG . **Nguồn gốc lịch sử và sự di cư của người Mán ở Việt Nam** - Historical source and the emigration of Man people in Vietnam // NCLS, 1959, số 5. -tr. 81-86

999. MAC ĐƯỜNG . **Nghiên cứu về sự cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam** - Research on the habitation and the house of the Dao people in Vietnam // NCLS, 1959, số 9. -tr. 80-86.

1000. MAC ĐƯỜNG . **Một vài ý kiến về dân tộc học đối với vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** - On the ethnology in relation with the slavery in Vietnam // NCLS, 1960, số 17. -tr. 54-63.

1001. MAC ĐƯỜNG . **Quan hệ công xã trong các tộc thiểu số miền Bắc trước và sau Cách mạng Tháng Tám** - The relation of commune in the North minority people before and after the August Revolution // NCLS, 1960, số 18. -tr. 38-45.

1002. MAC ĐƯỜNG , **Xã hội và ruộng đất ở vùng Muồng trước Cách mạng Tháng Tám** - Society and land in the Muong region before the August Revolution // NCLS, 1962, số 37. -tr. 49-56, số 38. -tr. 38-44.

1003. MAC ĐƯỜNG . **Tìm hiểu về người Rục ở miền núi tỉnh Quảng Bình** - Research on the Ruc people in the mountainous region of Quang Binh province // NCLS, 1963, số 48. -tr. 32-44.

1004. MAC DUONG . Các loại hình kinh tế - văn hoá và nền văn hoá vật chất của các dân tộc thiểu số ở Bắc Trung Bộ . The economical-cultural typologies and the material culture of the minority people in the North of Central Vietnam // NCLS, 1963, số 54. -tr. 29-39.
1005. MAC DUONG . Chủ nghĩa đế quốc xâm lược vào Tây Nguyên và lịch sử đấu tranh của các dân tộc Tây Nguyên chống đế quốc - The imperialist aggression in Tay Nguyen and the struggle history of the Tay Nguyen nationalities against the imperialists // NCLS, 1965, số 70. -tr. 38-50,64.
1006. MAC DUONG . Quá trình phát triển dân cư và dân tộc ở đồng bằng Sông Cửu Long từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX - The process of development of inhabitant and nation at Cuu Long River delta during the XVth - XIXth Centuries // NCLS, 1982, số 3(204). -tr. 34-43.
1007. MAC DUONG . Về vấn đề dân cư và dân tộc ở đồng bằng Sông Cửu Long vào những năm đầu của thế kỷ XX - Problem of population and nationalities in the Mekong plain in the early XX Century // NCLS, 1983, số 4(211). -tr. 35-45,51.
1008. MAI HANH . Giá trị truyện Trạng Quỳnh - The value of the story about the first Doctor Quynh (Trạng Quỳnh) // VSD, 1956, số 21. -tr.35-48, số 22. -tr. 56-63.
1009. MAI HANH . Tống Trần - Cúc Hoa, tấm gương tình yêu rực rỡ của nhân dân Việt Nam trong xã hội phong kiến - "Tong Tran - Cuc Hoa" - A striking example of love in the people // VSD, 1957, số 25. -tr. 11-22; số 26. -tr. 45-49.
1010. MAI HANH . Nguyễn Du và bài thơ "Chiêu hồn" - Nguyen Du and the poem : Calling up the mind ("Chiêu hồn") // VSD, 1957, số 34. -tr. 13-30; số 35. -tr. 10-18.
1011. MAI HANH . Tìm hiểu thực chất vấn đề Trương Vĩnh Ký trong lịch sử Việt Nam - To study the essence of the question Truong Vinh Ky in Vietnam history // NCLS, 1964, số 58. -tr. 15-28.
1012. MAI HANH . Trương Định, người anh hùng tiêu biểu cho tinh thần chống ngoại xâm của nhân dân miền Nam Việt Nam thời kỳ cận đại - Truong Dinh, the heros-symbol of the South Vietnam people struggle spirit against the foreign agression in the modern time // NCLS, 1964, số 66. -tr. 59-62.
1013. MAI HANH . Về giai đoạn chiến đấu cuối cùng của nghĩa quân Hương Khê do cụ Phan Định Phùng lãnh đạo - On the last struggle phase of the Huong Khe rebellions troops led by Phan Dinh Phung // NCLS, 1966, số 85. -tr. 47-54.
1014. MAI HANH . Đốc Ngữ và lực lượng nghĩa quân Sông Đà trong phong trào chống ngoại xâm của nhân dân Việt Nam thời kỳ cuối thế kỷ XIX - Doc Ngu and the Song Da rebellious armed forces in the Vietnam people movement against the agression at the end of the XIXth Century // NCLS, 1967, số 97. -tr. 28-42.
1015. MAI HOÀ . Những điều nghi vấn của chúng tôi về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - Our doubtful questions about the slavery in Vietnam // NCLS, 1964, số 62. -tr. 13-15.

1016. MAI HỒNG. **Vấn đề niên đại Tuệ Tính** - The dating of Tue Tinh // NCLS, 1986, số 1(226). -tr. 34-38.
1017. MAI KHẮC ỨNG. Từ "Người cùng khổ" đến "Việt Nam độc lập", một chặng đường lịch sử khó quên của dân tộc - From the "Paria" to the "Independent Vietnam" an unforgettable historic stage of our nation / Mai Khắc Ứng, Minh Phương // NCLS, 1976, số 2(167). -tr. 18-26.
1018. MAI KIM CHÂU. **Hồ Chủ tịch viết về Cách mạng Tháng Mười trong tác phẩm "Đường Kách mệnh** - President Ho write on the October Revolution in his book "Duong Kach menh" (Revolutionary Road) // NCLS, 1978, số 1(178). -tr. 29-34.
1019. MAI QUỐC LIÊN. **Góp một vài ý kiến về việc tìm hiểu tư tưởng Nguyễn Trãi** - Contribution the study on Nguyen Trai ideology // NCLS, 1968, số 86. -tr. 45-49.
1020. MAI TRANG. **Tìm hiểu thêm về những trận đánh quân Nguyên - Mông trên vùng đất Vĩnh Phú xưa** - Additional study on the fights against Yuan aggressors in the old Vinh Phu region // NCLS, 1979, số 2(185). -tr. 49-56,97.
1021. MAI ỦNG . **Hồ Chí Minh, tên Người trên những chặng đường lịch sử cứu nước** - Ho Chi Minh and his pseudonyms at the various stages of our struggle for national salvation // NCLS, 1974, số 156. -tr. 11-18.
1022. MAI XUÂN THƯỜNG. **Cuộc nổi dậy vũ trang của đồng bào Rác Glai và Chu Ro ở huyện Bắc Ai, tỉnh Ninh Thuận** - The armed uprising of the Raglai and Churo minorities in Bac Ai district (Ninh Thuận province) / Mai Xuân Thường, Lê Bình, Bùi Đức Thành, Tạ Công Trình // NCLS, 1974, số 158. -tr. 27-44.
1023. MAKOV (P.) . G. Dimitrop - **Nhà yêu nước, nhà cách mạng và nhà quốc tế vĩ đại** - G. Dimitrov - A great patriot, great revolutionary and great internationalist // NCLS, 1982, số 3(204). -tr. 1-5.
1024. MATSEV (B.) . **Liên minh công nông và sự thắng lợi của CNXH ở Bungari** - Worker and peasant alliance and the victory of socialism in Bulgaria // NCLS, 1986, số 2(227). -tr. 24-27.
1025. MÃN QUỐC . **Trương Vinh Ký, một nhà bác học trứ danh dã ngang nhiên đóng vai đặc vụ, tinh báu, làm tay sai đặc lực cho giặc Pháp** - Truong Vinh Ky, a renowned scholar playing haughty the rob of a special agent, an intelligence agent, a zealous lakey for the French pirates // NCLS, 1964, số 60. -tr. 39-45.
1026. MÂYMAN (N.N) . **Đề cập đến vấn đề sự quá độ trực tiếp chuyển sang chế độ phong kiến trên cơ sở tan rã của phương thức sản xuất của công xã nguyên thuỷ** - An approach to the question of the immediate passage to the feudalism on the basis of the desintegration of the primitive commune mode of production / N.N. Mâymán, S.D. Xcadokin // NCLS, 1965, số 79. -tr. 52-61, số 80. -tr. 29-39, 46.
1027. MEDVEDEV (R.) . **Sử học Xô viết: công cuộc cải tổ vẫn còn ở phía trước** - Soviet history : reconstructing in still put ahead // NCLS, 1988, số 3-4(240-241). -tr. 80-81.

1028. MIGUEP (V) . Cơ giới hoá nông nghiệp ở Bulgaria thời kỳ quá độ (1944-1958) - Mechanized agriculture in Bulgaria in the transitional period of 1944-1958 // NCLS, 1986, số 1(226). -tr. 61-69.
1029. MINH CHÂN . Một tác phẩm của các nhà "Việt Nam học" Xô viết: "Lịch sử Việt Nam trong thời hiện đại (1917-1965)" - A Soviet historical book on Vietnam: "Contemporary Vietnam (1917-1965)" // NCLS, 1974, số 157. -tr. 76-80.
1030. MINH HAI . Suy nghĩ về các tên gọi Mông - Nguyên, Sông Rừng - Thinking about the so called "Mong Nguyen" and "Song Rung" // NCLS, 1988, số 3-4(240-241). -tr. 85-86.
1031. MINH THÀNH . Về cuộc khởi nghĩa Bái Sậy - On the Bai Say insurrection // NCLS, 1969, số 122. -tr. 47-56; số 123. -tr. 48-64.
1032. MINH THÀNH . Nguyễn Công Trứ trong giới nghiên cứu từ trước đến nay - Nguyen Cong Tru and the researchers up to now // NCLS, 1978, số 5(182). -tr. 83-96.
1033. MINH THÀNH . Thư mục về nhà Nguyễn - Bibliography about the Nguyen dynasty in the first half of the XIX Century // NCLS, 1993, số 6(271). -tr. 70-91.
1034. MINH TRANH . Nhân dân Trung Quốc bạn chiến đấu của nhân dân Việt Nam trong lịch sử - The China people - the companion in arms of the Vietnam people // VSD, 1954, số 1. -tr. 50-56.
1035. MINH TRANH . Một vài nét về vấn đề ruộng đất trong lịch sử Việt Nam - Some features of the agrarian question in Vietnam history // VSD, 1954, số 2. -tr. 32-52.
1036. MINH TRANH . Phong trào nông dân trong lịch sử xã hội phong kiến nước ta - The peasant movement in the feudal society history of our country // VSD, 1954, số 3. -tr. 6-20.
1037. MINH TRANH . Góp ý kiến vào việc tìm hiểu văn học nhân dân của ta - Contribution to the study on our popular literature // VSD, 1955, số 4. -tr. 6-24.
1038. MINH TRANH . Vấn đề tiêu chuẩn để nhận định những thời kỳ lịch sử ở nước ta - The question of critical for the periodization in our country history // VSD, 1955, số 5. -tr. 17-30.
1039. MINH TRANH . Có thể liệt những bài văn yêu nước do người Việt Nam trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc ta không? - Can be ranked in our national literature the texts written in Chinese characters? // VSD, 1955, số 6. -tr. 9-19.
1040. MINH TRANH . Văn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - The question of slavery in Vietnam // VSD, 1955, số 7. -tr. 5-26.
1041. MINH TRANH . Tìm hiểu truyện Kiều và Nguyễn Du - Studying on Kieu story and Nguyen Du // VSD, 1955, số 8. -tr. 18-38; số 9. -tr. 5-21.
1042. MINH TRANH . Nhân bài giới thiệu "Sơ thảo lịch sử Việt Nam" của Ông Đào Duy Anh trong Tập san Đại học Sư phạm số 2 - Một vấn đề cần làm cho sáng rõ - On the article of Mr. Dao Duy Anh presenting the book : "First draft on Vietnam history" in the

Review of the Faculty of pedagogy, n^o2 - some questions of explanation // VSD, 1955, số 9. -tr. 65-76.

1043. MINH TRANH . **Những bài học đại đoàn kết, bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử nước ta** - The lessons of great unity of the defence of the Motherland in our country history // VSD, 1955, số 10. -tr. 1-7.

1044. MINH TRANH . **Sự phát triển của chế độ phong kiến ở nước ta và vai trò của Hồ Quý Ly trong cuối thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV** - The development of feudal regime in our country and the role of Ho Quy Ly in the end of the XIVth Century at the beginning of the XVth Centry // VSD, 1955, số 11. -tr. 5-9.

1045. MINH TRANH . **Những bài học của Cách mạng Nga 1905 và Việt Nam** - The lessons of the Russian Revolution 1905 and Vietnam // VSD, 1956, số 13. -tr. 19-40.

1046. MINH TRANH . **Xã hội Việt Nam trong thế kỷ XVIII và những phong trào nông dân khởi nghĩa** - The Vietnam society in the XVIIIth Century and the peasant insurrection movements // VSD, 1956, số 14. -tr. 15-29.

1047. MINH TRANH . **Thử bàn về sự hình thành của giai cấp tư sản Việt Nam** - To try to discuss on the formation of the Vietnam Bourgeoisie // VSD, 1956, số 17. -tr. 18-32.

1048. MINH TRANH . **Chống sùng bái cá nhân, nhưng phải nhận rõ vai trò cá nhân trong lịch sử** - Againts the cult of personality, but well discern the role of personality in history // VSD, 1956, số 18. -tr. 1-11.

1049. MINH TRANH . **Nguyễn Trãi, một nhà ái quốc tiêu biểu cho lòng nhân nghĩa và ý chí hoà bình của nhân dân ta trong đầu thế kỷ XV** - Nguyen Trai, a patriot symbolizing the humanism and the loyalty, the will of peace of our people in the beginning of the XVth Century // VSD, 1956, số 20. -tr. 7-20.

1050. MINH TRANH . **Một vài đặc điểm của tư sản Việt Nam và vai trò của họ trong cách mạng giải phóng dân tộc** - Some particularities of the Vietnam bourgeoisie and its role in the national liberation revolution // VSD, 1956, số 23. -tr. 24-26.

1051. MINH TRANH . **Khởi nghĩa Tây Sơn và sự hình thành dân tộc Việt Nam** - Tay Son insurrection and the formation of the Vietnam nation // VSD, 1957, số 24. -tr. 6-18.

1052. MINH TRANH . **Sự hình thành giai cấp công nhân Việt Nam và sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương** - The formation of the Vietnam working class and the establishment of the Indochina Communist Party // VSD, 1957, số 26. -tr. 3-18.

1053. MINH TRANH . **Những đặc điểm chính của phong trào nông dân Việt Nam** - The essential particularities of the Vietnam peasant movement // VSD, 1957, số 31. -tr. 33-45.

1054. MINH TRANH . **Vấn đề ruộng đất, vấn đề nông dân và thắng lợi của cách mạng Việt Nam** - The agrarian question, the peasantry question and the victory of Vietnam revolution // VSD, 1958, số 42. -tr. 3-10.

1055. MINH TRANH . **Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến là một cuộc cách mạng quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng** - The August Revolution and the war of resistance are a popular revolution under the direction of the Party // VSD, 1958, số 44. -tr. 1-5.

1056. MINH TRANH . **Cần đi sâu và rộng hơn nữa vào những chuyên đề** - Go more profoundly and widely to the special subjects // VSD, 1958, số 46. -tr. 1-6.

1057. MINH TRANH . **Sử học phải phục vụ cách mạng như thế nào?** - How history must serve the revolution? // NCLS, 1959, số 3. -tr. 1-8.

1058. MINH TRANH . **Đồng chí Nguyễn Ái Quốc và vấn đề nông dân Việt Nam** - Comrade Nguyen Ai Quoc and the Vietnam peasantry question // NCLS, 1960, số 12. -tr. 14-22.

1059. MINH TRANH . **Một số ý kiến về quan điểm và phương pháp viết sử của các tác giả "Khâm định Việt sử thông giám cương mục** - Some opinions on the point of view and the method of writing history of the authors of "Kham dinh Viet su thong giam cuong muc" // NCLS, 1963, số 57. -tr. 39-42.

1060. MINH TRANH . **Tính khoa học và tính đảng, tính khách quan và tính chủ quan, tính lịch sử và tính lô gich** - The scientific character and the Party character, the objectivity and the subjectivity, the historicity and the logicity // NCLS, 1967, số 94. -tr. 17-22.

1061. MINH TRANH . **Đọc "Việt Nam đối diện với chiến tranh" của Charles Fourniau** - Reading Charles Fourniau's book "Vietnam facing the war" // NCLS, 1967, số 97. -tr. 7-12.

1062. MINH TRANH . **Đọc lại bức thư "Kính cáo đồng bào" của Nguyễn Ái Quốc (viết ngày 6-6-1941)** - To read over again the "Letter from abroad" of Nguyen Ai Quoc / Minh Tran, Hoang Luong // NCLS, 1990, số 2(249). -tr. 48-56.

1063. MINH TÚ . **Về Lý Nam Đế** - On Ly Nam De // NCLS, 1991, số 1(254). -tr. 62-68.

1064. MINH TÚ . **Về địa điểm trận Ninh Kiều năm 1426** - On the location of the Ninh Kieu battle (1426) // NCLS, 1991, số 6(259). -tr. 74-77.

1065. MINH TÚ . **Về trận Tốt Động (11-1426)** - On the battle Tot Dong (11-1426) // NCLS, 1992, số 3 (262). -tr. 72-78.

1066. MINH TÚ . **Đào Trực - Vị tướng có công lớn trong chiến thắng quân Tống năm 981** - Dao Truc - A general of hight exploits in the military victory against the Tong Army in 981 // NCLS, 1994, số 5 (276). -tr. 78-79, 91.

1067. MÔNG ALIT . **Nền khảo cổ học của giai cấp tư sản lâm vào bước đường cùng** - The archaeology of the bourgeoisie going to the blind alley // NCLS, 1960, số 19. -tr. 21-33.

1068. MÓROZOVA (L.E) . **Kinh nghiệm vận dụng phương pháp định lượng, xác định nguyên thể văn bản tác giả** - Experience of the application of quantitative methods aiming at determining the original text // NCLS, 1982, số 2(203). -tr. 52-66.

1069. MÔNG LỤC . **Giới thiệu vài nét về chữ Thái** - Presentation of some features on the Thai scripr // VSD, 1958, số 38. -tr. 34-50.



1070. N.T.S THI SÁNH . **Cuộc tổng bãi công tháng 11-1936 của thợ mỏ ở Công ty Pháp mỏ than Bắc Kỳ (SFCT)** - The November 1936 general strike of the miners of SFCT (Société Française des Charbonnages du Tonkin) // NCLS, 1971, số 138.- tr. 28-45.

1071. N.T.S. THI SÁNH. **Sự phát triển về số lượng công nhân mỏ Quảng Ninh trong giai đoạn 1897-1929** - Increase on the number of miners in Quang Ninh during the period 1897-1929 // NCLS, 1972, số 147.- tr. 23-34.

1072. NGHĨA. **Góp thêm một ít tài liệu về tổ chức và phát động phong trào đấu tranh ở Nam Kỳ sau khi Đảng ta vừa mới thống nhất ra đời** - To provide a few documents on the organization and the launching of a struggle movement in Cochinchina when our unified Party was born // NCLS, 1964, số 67.- tr. 58-64.

1073. NGHIÊM ĐÌNH VỸ. **"Nước Việt Nam phong kiến thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV"** (Đọc sách) - Reading the book : "The development of feudal Vietnam in the end of the XIVth Century and at the XVth Century // NCLS, 1990, số 6(253).- tr. 76-79.

1074. NGHIÊM ĐÌNH VỸ. **Một vài suy nghĩ về đổi mới nội dung giảng dạy lịch sử ở trường Phổ thông Trung học hiện nay** - Some thoughts on the renovation of the teaching contents on history in Secondary schools of today / Nghiêm Đình Vỹ, Trịnh Đình Tùng // NCLS, 1991, số 5(258).- tr. 57-62.

1075. NGHIÊM ĐÌNH VỸ. **Vấn đề đổi mới chương trình và nội dung giảng dạy lịch sử hiện nay** - The question of renovation of history teaching program and content at the present time // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 1-4.

1076. NGHIÊM VĂN THÁI. **Một vài nét về công nhân miền Bắc trong 10 năm xây dựng CNXH (1955 - 1965)** - Some features of North Worker after ten years of socialist construction // NCLS, 1970, số 131.- tr. 34-43.

1077. NGHIÊM VĂN THÁI. **Mấy vấn đề sử học trong thời đại ngày nay** - Some traits about the historiography at the present time // NCLS, 1981, số 6(201).- tr. 58-64.

1078. NGHIÊM XUÂN HOÈ. **Nước ta có qua chế độ nô lệ không?** - Did our country go through slavery // VSD, 1955, số 11.- tr. 75-77.

1079. NGỌC DUNG. **Một pho tượng đá mới tìm thấy trong một di chỉ đồ đá** - A stone statue newly discovered the vestiges of stone things // NCLS, 1966, số 87.- tr. 64.

1080. NGỌC LAN. **Bàn về bài "Thằng Bờm"** - Discussion about the poem : "Thang Bom" // VSD, 1955, số 10.- tr. 67-69.

1081. NGỌC LIÊN. **Góp phần nghiên cứu nguồn gốc tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi** - About the origin of Nguyen Trai's humanism // NCLS, 1971, số 137.- tr. 35-53,60.

1082. NGỌC LIÊN. Từ märk ván bản viết dời Tây Sơn mới phát hiện - Rencenly discovered minuscripts from the Tay Son period // NCLS, 1975, số 162.- tr. 40-44.
1083. NGÔ ĐÀNG LỢI. Người Hải Phòng tham gia chống giặc Nguyên - Mông thế kỷ XIII - Hai Phong inhabitants in struggles against Mong-Nguyen invaders // NCLS, 1988, số 3-4(240-241).- tr. 37-41.
1084. NGÔ ĐÀNG TRI. Về chức năng của Mặt trận Việt Minh trước ngày Cách mạng Tháng Tám thắng lợi - On the function of Viet minh front before the triumph day of the August Revolution // NCLS, 1991, số 2(255).- tr. 22-28.
1085. NGÔ ĐÀNG TRI. Về quan hệ giữa các mặt hoạt động chính trị, tư tưởng và tổ chức trong lịch sử của Đảng ta - On the relations between the political, ideological and organizational activities in our Party history // NCLS, 1991, số 5(258).- tr. 41-42.
1086. NGÔ ĐỨC THỊNH. Người Khơ me đồng bằng Sông Cửu Long là thành viên của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - The Khmer in the Mekong delta are members of the communitiy of Vietnamese people // NCLS, 1984, số 3(216). - tr. 26-32.
1087. NGÔ ĐỨC THỊNH. Tìm hiểu thuyền bè truyền thống Việt Nam (Đặt một số vấn đề dưới góc độ dân tộc học) - Research into Vietnamese traditional boats / Ngô Đức Thịnh, Nguyễn Việt // NCLS, 1984, số 6(219).- tr. 48-55.
1088. NGÔ HÀM. Bàn về vấn đề đánh giá nhân vật lịch sử - Discussion on the estimation of historical personages // NCLS, 1962, số 41.- tr. 42-51.
1089. NGÔ NHỦ KHANG. Những ý kiến về nguồn gốc loài người trong nhân loại học thế giới hiện nay - The opinions on the origin of the human race in the anthropology of the present world // NCLS, 1966, số 92.- tr. 55-62.
1090. NGÔ PHƯƠNG BÁ. Cơ cấu chính quyền thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam - Neo-colonialist regime structure in South Vietnam // NCLS, 1977, số 6(177).- tr. 28-41.
1091. NGÔ PHƯƠNG BÁ. Sự phản bội cách mạng, phản bội phong trào công nhân và phong trào cộng sản của tập đoàn Pônpốt - Iêngxary - Khiêusamphon - The revolution, the working class movement and the communist movement betrayed by the Polpot - Iengsary - Khieu Samphan clique / Ngô Phương Bá, Ngô Văn Hoà // NCLS, 1983, số 5(212).- tr. 68-75,91.
1092. NGÔ PHƯƠNG BÁ. Chiến thắng của các lực lượng chống phát xít và sự phát triển vượt bậc của phong trào giải phóng dân tộc ở Á-Phi 15 năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai - The victory of anti-fascist forces and the stormy development of the national liberation movement in Asia and Africa 15 years after the Second world war // NCLS, 1985, số 3(222).- tr. 35-40.
1093. NGÔ PHƯƠNG BÁ. Sự xuất hiện các nước định hướng XHCN Á-Phi sau thắng lợi của những cuộc cách mạng theo gương Cách mạng Tháng Mười - The coming in to being of the socialism intending countries in Asia and Africa after the victory of those revolutions that have followed the October revolution // NCLS, 1987, số 3(234).- tr. 49-52.

1094. NGÔ PHƯƠNG BÁ. Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào công giáo Việt Nam - President Ho Chi Minh and Catholic fellow country men // NCLS, 1988, số 1-2(238-239).- tr. 76-80.
1095. NGÔ PHƯƠNG BÁ. "Công hội dò Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the boock : "Red Trade - Union of Vietnam" // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 109-110.
1096. NGÔ PHƯƠNG BÁ. "Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam (1921-1930)" (Đọc sách) - Reading the book : "Nguyen Ai Quoc and the propagation of Marxism - Leninnism in Vietnam(1921-1930)" // NCLS, 1990, số 4(251).- tr. 84-85.
1097. NGÔ QUÀN MIỆN. Lại chuyện "Thăng Bờm" - Once more about the poem : "Thang Bom" // VSD, 1954, số 3.- tr. 50-54.
1098. NGÔ THẾ LONG. Những chức tước của Nguyễn Trãi trong cuộc đời tận tụy vì dân, vì nước của ông - Honorary titles obtained by Nguyen Trai during his life being entirely devoted to his people and to his country // NCLS, 1980, số 3(192).- tr. 33-42.
1099. NGÔ THẾ LONG. Nhận xét về niên đại ván khắc bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư" - Remarks on the dating of the carved board for "Dai Viet Su ky toan thu" // NCLS, 1988, số 5-6(242-243).- tr. 68-70.
1100. NGÔ THẾ THỊNH. Công trình Cố Loa - The work of Co Loa citadel // NCLS, 1979, số 2(185).- tr. 46-48.
1101. NGÔ THẾ THỊNH. Hoa Lư - Thăng Long - Thủ bàn về những quan hệ tự nhiên, xã hội và lịch sử - Hoa Lư- Thang Long - Social, natural and historical relations // NCLS,, 1979, số 6(189).- tr. 43-47.
1102. NGÔ THỌ DÂN. Nhiều trống đồng tìm thấy ở Nghệ An - Most of copper drums discovered in Nghe An // NCLS, 1970, số 132.- tr. 120.
1103. NGÔ TIẾN CHÁT. Vài nét về truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân các dân tộc Tây Bắc từ sau Cách mạng tháng Tám đến cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện nay - Some features of the heroic struggle traditions of the North-West minority people from the August Revolution to the war against American imperialism for country salvation // NCLS, 1967, số 95.- tr. 32-45.
1104. NGÔ TIẾN CHÁT. Về những cuộc đấu tranh vũ trang của nhân dân các dân tộc tỉnh Hòa Bình trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) - About the armed struggle of the Hoa Binh province minority people in the war of resistance against the French colonialists (1945-1954) // NCLS,, 1968, số 109.- tr. 44-50.
1105. NGÔ TIẾN CHÁT. Vài nét về truyền thống đấu tranh anh dũng của nhân dân các dân tộc Việt Bắc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) - Some features of the heroic struggle traditions of the North Vietnam in the war of resistance against the French colonialist (1945-1954) // NCLS, 1969, số 122.- tr. 4-14.
1106. NGÔ VĂN HOÀ. Tầng lớp công nhân Việt Nam trước cuộc khai thác lần thứ nhất - The Vietnam working class before the first exploitation // NCLS, 1961, số 24.- tr. 54-62.

1107. NGÔ VĂN HOÀ. **Có phải giai cấp công nhân Việt Nam đã hình thành giai cấp "tự mình" từ trước cuộc Đại chiến lần thứ nhất hay không?** - Was formed the Vietnam working class as a class "in itself" from before the First world war? // NCLS, 1962, số 38.- tr. 8-18 ; Số 39.- tr. 48-54.

1108. NGÔ VĂN HOÀ. **Vai trò của châu Phi trên trường quốc tế từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai** - The role of Africa on the international field from after the Second world war // NCLS, 1963, số 54.- tr. 53-60.

1109. NGÔ VĂN HOÀ. **Phong trào giải phóng dân tộc Vénéduela** - The Venezuela national liberation movement // NCLS, 1964, số 63.- tr. 37-47.

1110. NGÔ VĂN HOÀ. **Chính sách thực dân của đế quốc Đức đối với các nước Á Phi và Mỹ la tinh** - The colonial policy of the German imperialism towards the Asia, Africa and latin America countries // NCLS, 1964, số 68.- tr. 28-38.

1111. NGÔ VĂN HOÀ. **Một ý kiến về những tiền đề của liên minh công nông trước khi Đảng ra đời (1930)** - Premises to the peasant worker alliance before the founding of the Party // NCLS, 1973, số 152.- tr. 15-32 ; số 153.- tr. 41-53,62.

1112. NGÔ VĂN HOÀ. **Bản về hình thức bóc lột tiền tư bản chủ nghĩa của tư bản thực dân Pháp đối với giai cấp công nhân Việt Nam** - Pre-capitalist forms of exploitation used by the French colonialists in Vietnam // NCLS, 1974, số 157.- tr. 34-44.

1113. NGÔ VĂN HOÀ. **Về hai cuộc đấu tranh của công nhân mỏ than trước Đại chiến thế giới thứ nhất** - The two struggles of the coal-mines workers before the First world war // NCLS, 1976, số 4(169).- tr. 69-78.

1114. NGÔ VĂN HOÀ. **Những thể lệ lao động chính được thực dân Pháp ban hành ở Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám** - Chief labour regulations applied by the French colonialist in Vietnam before the August Revolution // NCLS, 1977, số 6(177).- tr. 53-66.

1115. NGÔ VĂN HOÀ. **Bản về vai trò của Đề Thám trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908** - About the role of De Tham in the uprising on 27th june 1908 // NCLS, 1978, số 3(180).- tr. 64-72.

1116. NGÔ VĂN HOÀ. **Thứ tìm hiểu về ảnh hưởng của công dien đối với một số đặc điểm trong việc hình thành đội ngũ công nhân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám** - The influences of Cong dien (communal rice-fields) towards some characteristics of the process of formation of the Vietnamese working class in the time before the August Revolution // NCLS, 1982, số 4(205).- tr. 19-28.

1117. NGÔ VĂN HOÀ. **Tổ chức quản lý xã thôn và cộng đồng làng xã ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc** - Village administration and village community in Cochinchina under Fench rule // NCLS, 1983, số 5(212).- tr. 42-61,67.

1118. NGÔ VĂN HOÀ. **Một suy nghĩ về Đề Thám qua vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa 27-6-1908** - Further reflections on De Tham in the light of his role in the uprising of 27-6-1908 // NCLS, 1984, số 4(217). - tr. 57-66.

1119. NGÔ VĂN HOÀ. "Những sự tiếp xúc Pháp-Việt ở Trung và Bắc Kỳ từ 1885 đến 1896" của Charles Fourniau ("Les contacts Franco - Vietnamiens en Annam et au Tonkin de 1885 à 1896") (Đọc sách) - Reading the book : "The French-Vietnamese contact in Tonkin and Annam the 1885-1896 period" by Charles Fourniau // NCLS, 1984, số 6(219).- tr. 78-82.

1120. NGÔ VĂN HOÀ. Mấy suy nghĩ về cuộc khởi nghĩa Ba Đình - Reflections on the Ba Dinh insurgency // NCLS, 1986, số 6(231).- tr. 18-30.

1121. NGÔ VĂN HOÀ. Vài suy nghĩ về quyền tư hữu ruộng đất ở Việt Nam hồi thế kỷ XIX - Reflections on private ownership of farmlands in Vietnam during the XIXth Century // NCLS, 1987, số 1-2(232-233).- tr. 33-42.

1122. NGUYỄN HÀ. Xung quanh vấn đề văn hoá Hoà Bình (Góp ý kiến với Ông Trần Quốc Vượng) - About the question of Hoa Binh culture (Exchange of opinion with Mr.Tran Quoc Vuong) // NCLS, 1963, số 63.- tr. 40-47.

1123. NGUYỄN AM. Nguyễn Tư Giản với công tác trị thuỷ ở nửa cuối thế kỷ XIX - Nguyen Tu Gian and the irrigation work in the second half of XIXth Century // NCLS, 1993, số 1(266).- tr. 58-62.

1124. NGUYỄN AM. Công tác thuỷ lợi và sự thay đổi của nông thôn Thái Bình (1954-1990) - The irrigation work and the transformation of Thai Binh countryside (1954-1960) // NCLS, 1993, số 5(270).- tr. 19-23.

1125. NGUYỄN AM. Vài nét về tình hình khẩn hoang ở đồng bằng Bắc Bộ vào nửa cuối thế kỷ XIX - Some features about the Northern delta waste-clearing situation in the second half of the XIXth Century // NCLS, 1994, số 3(274).- tr. 6-12.

1126. NGUYỄN ANH. Đông Kinh Nghĩa thực có phải là một cuộc vận động cách mạng văn hoá dân tộc dân chủ không? - "Đông Kinh Nghĩa thuc' was a national and democratic revolutionary movement? // NCLS, 1961, số 32.- tr. 38-46.

1127. NGUYỄN ANH. Về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản - About the historical personage Phan Thanh Gian // NCLS, 1963, số 50.- tr. 29-35.

1128. NGUYỄN ANH. Vài ý kiến về Trương Vĩnh Ký - Some ideas contributing to the estimation of Truong Vinh Ky // NCLS, 1963, số 57.- tr. 17-27,38.

1129. NGUYỄN ANH. Bàn thêm về nguyên nhân ra đời của hai xu hướng cải lương và bạo động trong phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX - To discuss again about the causes of appearance of the two tendencies in the revolutionary movement at the beginning of the XXth Century : The reformist tendency and the tendency of violence // NCLS, 1965, số 65.- tr. 35-42,46.

1130. NGUYỄN ANH. Bàn thêm về tư tưởng nhân dân của Nguyễn Trãi (Trao đổi với bạn Lê Văn Ký) - To discuss again on the Nguyen Trai thought on people (Exchange of opinion with Le Van Ky) // NCLS, 1966, số 84.- tr. 47-49.

1131. NGUYỄN ANH. **Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ khi Pháp xâm lược đến cuối chiến tranh thế giới lần thứ nhất** - Some features on education in Vietnam from the French colonialist invasion to the end of the First World war // NCLS, 1967, số 98.- tr. 39-51.

1132. NGUYỄN ANH. **Vài nét về giáo dục ở Việt Nam từ sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất đến Cách mạng tháng Tám** - Some features on education in Vietnam from after the First World war to before the August Revolution // NCLS, 1967, số 102.- tr. 29-46.

1133. NGUYỄN ANH. **Giáo dục vùng dân tộc ít người, giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục tư thục ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc** - The education in the minority people region, specialized education and private education in Vietnam under the French domination // NCLS, 1968, số 107.- tr. 28-33.

1134. NGUYỄN ANH. **Vài nét về quá trình đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai trên lĩnh vực văn hoá của nhân dân ta trong 30 năm đầu thế kỷ XX** - Some features on the process of struggle against the colonialists and their henchmen on the cultural field of our people in the first thirty years of the XXth Century // NCLS, 1968, số 116.- tr. 47-66.

1135. NGUYỄN ANH. **Vài nét về thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh chống văn hoá nô dịch của thực dân Pháp do Đảng lãnh đạo (1930-1939)** - Some features on the first period of the struggle led by the Party (1930-1939) against the enslaving culture of the French colonialists // NCLS, 1969, số 127.- tr. 26-45.

1136. NGUYỄN ANH. **Vài nét về tình hình văn hoá ở nước ta thời kỳ 1939-1945** - Some features on the cultural situation of our country in the period 1939-1945 // NCLS, 1970, số 134.- tr. 27-38,64.

1137. NGUYỄN ANH. **Một số tài liệu về hoạt động văn hoá của công nhân thời kỳ 1930-1939** - Documents on the cultural activities of the Vietnamese workers in 1930-1939 // NCLS, 1974, số 156.- tr. 70-74.

1138. NGUYỄN ANH DŨNG. **Nghệ thuật lập thế và đánh địch trên thế mạnh trong chiến thắng Rạch Gầm-Xoài Mút** - The art of building a position of strength and fighting the enemy in this position during the Rach Gam - Xoai Mut battle // NCLS, 1985, số 1(220).- tr. 18-22.

1139. NGUYỄN ANH THÁI. **Vài nét về sự phát triển và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc từ sau Cách mạng tháng Mười** - On the development and the successes of the national emancipation movement after the October Revolution // NCLS, 1977, số 5(176).- tr.36-46.

1140. NGUYỄN ANH THÁI. **Chủ nghĩa Xiêm và tinh chất cực đoan, phản động của nó** - The sionism and its extremist and reactionary characteristic // NCLS, 1978, số 4(181).- tr. 83-92.

1141. NGUYỄN ANH THÁI. **Etiopi : 1974-1979-Dấu tranh và lựa chọn** - Ethiopia : 1974-1979 - Struggle and choice // NCLS, 1979, số 6(189).- tr. 61-70.

1142. NGUYỄN ANH THÁI. **Vài nét về quá trình cách mạng Nicaragua (1961-1979)** - Some features about the process of revolution of Nicaragua (1961-1979) / Nguyễn Anh Thái, Nguyễn Hồng Bích // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 76-82.

1143. NGUYỄN ANH THÁI. Âm mưu của Trung Quốc từ Điện Biên Phủ đến Geneva - The Chinese schemes from Dien Bien Phu to Geneve // NCLS, 1983, số 6(213).- tr. 28-42.

1144. NGUYỄN ANH THÁI. Bàn về nền dân chủ tư sản được thiết lập trong Đại Cách mạng Pháp 1789 - On the bourgeois democracy set up in the course of the French Revolution in 1789 // NCLS, 1989, số 2(245).- tr. 49-57.

1145. NGUYỄN ANH THÁI. Những đặc điểm nổi bật của cách mạng Iran năm 1979 - The outstanding particularities of Iran revolution in 1979 // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 91-96.

1146. NGUYỄN ANH THÁI. Một vài suy nghĩ về giảng dạy lịch sử thế giới ở các trường Phổ thông và Đại học trong bối cảnh hiện nay - Some opinions on teaching the World history in Schools and Universities in the present context // NCLS, 1991, số 6(259).- tr. 70-78.

1147. NGUYỄN ANH THÁI. Về mốc mở đầu của lịch sử thế giới hiện đại - About the mark inaugurating the Contemporary World history // NCLS, 1993, số 1(266).- tr. 82-84.

1148. NGUYỄN ANH THÁI. Đổi mới cấu tạo chương trình biên soạn tài liệu và giảng dạy lịch sử thế giới ở phổ thông và đại học - Renovating the structure of Program, the writing of documents and the teaching on World history in the Secondary and High School // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 49-53.

1149. NGUYỄN ANH THÁI. Sự sụp đổ của một mô hình dân tộc và đôi điều suy ngẫm về nhận thức vấn đề dân tộc trong bối cảnh hiện nay - The fallingdown of a model of nation and some thinkings about the knowledge of the national question in the actual context // NCLS, 1994, số 2(273).- tr. 55-60.

1150. NGUYỄN BÁ LINH. Tìm hiểu về Hội nghị Trung ương Đảng (tháng 10-1930) - An elaborate study on the Plenum of our Party (October 1930) // NCLS, 1992, số 4(263).- tr. 1-6.

1151. NGUYỄN BÌNH MINH. Góp phần tìm hiểu quá trình hình thành giai cấp tư sản Việt Nam - Contribution to the understanding on the process of Vietnam bourgeoisie formation // VSD, 1957, số 24.- tr. 45-58.

1152. NGUYỄN BÌNH MINH. Giới thiệu vài nét về tình hình công nhân Việt Nam thời Pháp thuộc - Some features of Vietnam workers situation under the French domination // VSD, 1957, số 27.- tr. 22-40.

1153. NGUYỄN BÌNH MINH. Tính chất và giai cấp lãnh đạo hai phong trào Đông Kinh Nghĩa thục và Đông du - The character and the leading class of the two movements Dong Kinh Nghia thuc and Dong du // VSD, 1957, số 33.- tr. 19-31 ; số 34.- tr. 6-12.

1154. NGUYỄN BÌNH MINH. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ngọn cờ đại đoàn kết, ngọn cờ tất thắng - The South Vietnam national liberation Front - The standard of great unity, the standard of victory // NCLS, 1983, số 57.- tr. 8-7.

1155. NGUYỄN BÌNH MINH. Cuộc biểu tình ở Duyên Hà, Tiên Hưng trong dịp kỷ niệm ngày Lao động quốc tế (1.5.1930) - The Manifestation of Duyen Ha - Tien Hung on the occasion of the International day of workers 1-5-1930// NCLS, 1963, số 50.- tr. 43-47.

1156. NGUYỄN CÁNH MINH. Tìm hiểu thêm cuộc khởi nghĩa Lê Hữu Tạo - Le Huu Tao uprising / Nguyễn Cảnh Minh, Nguyễn Bình Minh // NCIS, 1990, số 1(248).- tr. 59-68.

1157. NGUYỄN CÁNH MINH. "Nam Dàn - Quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh" (Đọc sách) - Reading the book: Nam Dan - Birth place of President Ho Chi Minh // NCLS, 1990, số 5(252).- tr. 86-89.

1158. NGUYỄN CÁNH MINH. "Nhà Đinh dẹp loạn và dựng nước" (Đọc sách) - "The Dinh quelling the revolts and keeping the country" (Book review) // NCLS, 1991, số 3(256).- tr. 79-81.

1159. NGUYỄN CÁNH MINH. Nhìn lại chủ trương sử dụng nghĩa quân Phan Bá Vành vào công cuộc khai hoang thành lập hai huyện Tiên Hải, Kim Sơn của triều Nguyễn ở nửa đầu thế kỷ XIX - Looking back at the policy of making use of Phan Ba Vanh insurgent troops for the clearing of waste land and the creation of two rural districts of Tien Hai and Kim Son under the Nguyen dynasty, in the first half of XIXth Century / Nguyễn Cảnh Minh, Bùi Quý Lộ // NCLS, 1991, số 4(257).- tr. 35-41.

1160. NGUYỄN CÁNH MINH. Vài nét về công cuộc khai hoang thành lập ấp Văn Hải (huyện Kim Sơn - Ninh Bình) - Some features on the waste land clearing work for the establishment of Vañi Hai hamlet (Kim Son district, Ninh Binh province) / Nguyễn Cảnh Minh, Nguyễn Phú Lợi // NCLS, 1992, số 3(262).- tr. 40-45.

1161. NGUYỄN CÁNH MINH. Vài ý kiến xung quanh vấn đề đánh giá Hồ Quý Ly - Some opinions about the estimation of Ho Quy Ly // NCLS, 1992, số 5(264).- tr. 23-26.

1162. NGUYỄN CÁNH MINH. Sử dụng tài liệu lịch sử địa phương trong dạy, học lịch sử Việt Nam thời phong kiến ở các trường Đại học Sư phạm - Utilizing the local history documents in the teaching, the study of Vietnam history in the feudal period in the High school of Pedagogics // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 42-43.

1163. NGUYỄN CÁNH MINH. Đọc "Tay Nguyên sử lược" - Reading the book : "Brief History of Tay Nguyen" // NCLS, 1994, số 2(273).- tr. 93-95.

1164. NGUYỄN CÁNH MINH. Chính sách chiêu dân khai hoang lập ấp ở Nam Kỳ của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX - The policy of recruiting people for the Cochinchina waste land clearing and domair foundation under the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth Century / Nguyễn Cảnh Minh, Dương văn Huề // NCLS, 1994, số 3(274).- tr. 13-19.

1165. NGUYỄN CÁNH MINH. Vài nét về tình hình văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng ở các làng khai hoang Tiên Hải, Kim Sơn nửa đầu thế kỷ XIX - Some fearures about the cultural religion and beliefs situation in the villages carrying out the waste land clearing of Tien Hai, Kim Son in the first half on the XIXth Century / Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Bùi Quý Lộ // NCLS, 1994, số 3(274) .- tr. 34-43.

1166. NGUYỄN CHƯƠNG. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua ý kiến của một số chính khách Phương Tây - President Ho Chi Minh through some opinions of Western politicians // NCLS, 1990, số 2(249).- tr. 66-70.

1167. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Hoạt động kinh doanh của tư sản dân tộc Việt Nam dưới thời Pháp thuộc - The business activities of the Vietnam national bourgeoisie under the French domination // VSD, 1955, số 4.- tr. 72-76.

1168. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Từ Phong trào chống thuế ở Trung kỳ đến Phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh - From the movement against tariffs to the Soviet Nghe-Tinh movement // VSD, 1955, số 5.- tr. 52-59.

1169. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Tình hình và đặc tính của giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc - The situation and the special particularity of Vietnam bourgeoisie under the French domination // VSD, 1958 từ số 41 đến số 46.

1170. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Nhân dịp kỷ niệm ngày tạ thế của Hoàng Hoa Thám, lãnh tụ nông dân Yên Thế. Tính chất cuộc khởi nghĩa Yên Thế - On the anniversary of the death day of Hoang Hoa Tham, the leader of Yen The peasants - The character of Yen The insurrection // VSD, 1959, số 48.- tr. 28-43.

1171. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Chủ nghĩa đế quốc với vấn đề ruộng đất ở Việt Nam - The imperialism and the agrarian question of Vietnam // NCLS, 1959, số 1.- tr. 56-70 ; số 2.- tr. 54-62.

1172. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Bàn lại mấy điểm quanh vấn đề giai cấp tư sản Việt Nam thời thuộc Pháp - To discuss again on some points about the question of Vietnam bourgeoisie under the French domination // NCLS, 1959, số 4.- tr. 43-58 ; số 5.- tr. 63-68.

1173. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Tầng lớp phú nông trong cách mạng Việt Nam - The class of rich peasants in the Vietnam revolution // NCLS, 1959 - 1960, số 7.- tr. 3-32, số 11.- tr. 12-26.

1174. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Bàn về tính chất cuộc Cách mạng Tháng Tám - Discussion on the character of the August Revolution // NCLS, 1960, số 17.- tr. 1-5.

1175. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Bàn về bản chất chế độ độc tài, phát xít, gia đình trị Ngô Đình Diệm với những bối cảnh mâu thuẫn của nó - Discussion on the essence of the Ngo Dinh Diem dictatorial, fascist, repotist regime with its contradictions // NCLS, 1961, số 22.- tr. 23-31.

1176. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Thủ bàn về giai cấp tư sản mại bản Việt Nam - To try to discuss on the Vietnam comprador bourgeoisie // NCLS, 1961, từ số 23 đến số 25.

1177. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Sự phân hoá về chính trị trong các tầng lớp địa chủ miền Nam ngày nay - The political differentiation in the strates of land proprietors in the South of today // NCLS, 1961, số 27.- tr. 6-22.

1178. NGUYỄN CÔNG BÌNH. Về mốc khởi đầu và kết thúc của cuộc Cách mạng Tháng Tám - The begining mark and the end mark of the August Revolution // NCLS, 1963, số 51.- tr. 17-22.

1179. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Bàn về sự phát triển mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị miền Nam** - Discussion on the development of contradictions on the inside of the rulers in the South // NCLS, 1964, số 67.- tr. 2-9.

1180. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Về cuốn "Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, thực chất và huyền thoại" của ông Nguyễn Văn Trung (Đọc sách)** - On the book of Mr. Nguyen Van Trung "The French colonialism in Vietnam - Essence and mythe" // NCLS, 1965, số 73.- tr. 4-20.

1181. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Về vấn đề đối tượng của khoa học lịch sử** - About the question of the object of history // NCLS, 1966, số 83.- tr. 4-8.

1182. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **"Việt Nam chống chủ nghĩa thực dân"** - Những suy nghĩ độc lập của nhà sử học Mỹ David G. Marr - "Vietnamese anticolonialism 1885-1925" - Personal reflexions of the American historian David G. Marr // NCLS, 1972, số 144.- tr. 43-53.

1183. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Viện nghiên cứu xã hội học Liên Xô** - Những hoạt động khoa học hiện nay của Viện - The Soviet Institute of sociology and its activities // NCLS, 1973, số 152.- tr. 49-52.

1184. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Linh mục Trương Bá Cần và tác phẩm của ông "25 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc"** (Đọc sách) - Father Truong Ba Can and his book "25 years of socialist building in the North" (Reading the book) // NCLS, 1974, số 156.- tr. 76-84.

1185. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **Giai cấp công nhân Việt Nam thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình theo đường lối của Đảng tiền phong** - The Vietnamese working class has been carrying out its historic mission by following the path of the vanguard Party // NCLS, 1975, số 160.- tr. 8-18.

1186. NGUYỄN CÔNG BÌNH. **"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"** (Lời Hồ Chủ tịch) - "To save the country and liberate the nation, there is no way than revolution" (President Ho Chi Minh) // NCLS, 1975, số 162.- tr. 3-12.

1187. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Chính quyền trung ương thời Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần với vấn đề thống nhất đất nước và hiện tượng "cát cứ, phân liệt"** - The central power at the period Ngo, Dinh, Le, Ly, Tran faced the problem of unification and the phenomenon of "moicellation and scission" // NCLS, 1976, số 4(169) .- tr. 15-30.

1188. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý-Trần** - Some features about the system of examination at the period of Ly Tran // NCLS, 1977, số 2(173).- tr. 22-31.

1189. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Một vài suy nghĩ về phong trào Tây Sơn với sự nghiệp thống nhất đất nước hồi thế kỷ XVIII** - Some reflections on the movement of Tay Son and the work of national unification in the XVIIIth Century // NCLS, 1978, số 6(183).- tr. 57-75.

1190. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Thế kỷ X, một thế kỷ đặc sắc trong lịch sử dân tộc** - The Xth Century - a remarkable century in the history of the Vietnamese nation // NCLS, 1979 , số 6(189) .- tr. 8-16.

1191. NGUYỄN DANH PHIỆT. "Đường phố Hà Nội" (Đọc sách) - Reading the book entitled "Streets of Ha Noi" // NCLS, 1980, số 2(191). - tr. 80-89.

1192. NGUYỄN DANH PHIỆT. Lê Hoàn với tập thể anh hùng triều đình Hoa Lư - Le Hoan with the collectivity of heros of Hoa Lu court // NCLS, 1981, số 2(197). - tr. 14-17.

1193. NGUYỄN DANH PHIỆT. Vùng đất Bình Kiều và ngôi thành của Sứ quân Ngô Xương Xi - Bình Kieu region and the citadel of Ngo Xuong Xi // NCLS, 1981, số 4(199). - tr. 76-82.

1194. NGUYỄN DANH PHIỆT. Quá trình nghiên cứu về "Phương thức sản xuất châu Á" ở Việt Nam - The process of study on the problem of the Asiatic mode of production in Vietnam // NCLS, 1982, số 1(202). - tr. 26-37.

1195. NGUYỄN DANH PHIỆT. Ngô Quyền với châu Ái - Ngo Quyen and the region of Ai / Nguyễn Danh Phiệt, Phạm Văn Kính // NCLS, 1982, số 2(203). - tr. 26-29, 74.

1196. NGUYỄN DANH PHIỆT. Vài suy nghĩ về vận dụng khái niệm "Công xã" trong việc nghiên cứu nông thôn Việt Nam trong lịch sử, nhân đọc bài của Nguyễn Võ Kỳ - On the notion of "Community" in the studies of Vietnamese countryside in history // NCLS, 1983, số 1(208). - tr. 59-64.

1197. NGUYỄN DANH PHIỆT. "Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng ở Hà Nội" (Đọc sách) - Reading the book : "The Trung Sisters Insurrection in the Ha Noi area" // NCLS, 1983, số 2(209). - tr. 87-88.

1198. NGUYỄN DANH PHIỆT. Lê Lợi trong sự nghiệp xây dựng đất nước - Le Loi and the national building // NCLS, 1984, số 6(219). - tr. 21-29.

1199. NGUYỄN DANH PHIỆT. Vài suy nghĩ về chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút - Some reflections on the Rach Gam-Xoai Mut victory // NCLS, 1985, số 1(220). - tr. 11-15.

1200. NGUYỄN DANH PHIỆT. "12 Sứ quân" và sự nghiệp thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh - The 12 local lords and the reunification of the country by Dinh Bo Linh // NCLS, 1985, số 6(225). - tr. 32-40; 1986, số 1(226). - tr. 16-23.

1201. NGUYỄN DANH PHIỆT. "Lệ làng, phép nước" (Đọc sách) - Reading the book entitled "Village usages and national legislation" by Bui Xuan Dinh // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233). - tr. 145-147.

1202. NGUYỄN DANH PHIỆT. Từ việc "Cấm đạo" hồi thế kỷ XVIII đến việc 6 Giáo sĩ được phong Thánh - From the prohibition of Catholicism in XVIIIth Century to the canonization of 6 Missionaries // NCLS, 1988, số 1-2(238-239). - tr. 24-27.

1203. NGUYỄN DANH PHIỆT. Thời Trần sau ba lần thắng giặc Nguyên - Mông - Tran dynasty after three victories over Nguyen - Mong aggressions / Nguyễn Danh Phiệt, Phạm Văn Kính // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241). - tr. 15-20.

1204. NGUYỄN DANH PHIỆT. Nhà Tây Sơn với sự nghiệp dựng nước - The Tay Son and the work of construction of the country // NCLS, 1989 , số 1(244). - tr. 28-33.

1205. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Chế độ phong kiến trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV và những di sản của nó** - The feudal regime in Vietnam history from Xth to XVth Centuries and its remnants // NCLS, 1990, số 3(250).- tr. 21-37.
1206. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Địa danh Mộc Hoàn trong chiến trường chống giặc Minh cuối năm 1406 đầu năm 1407** - Place name of Moc Hoan in the war at the end of 1406 and the beginning of 1407 // NCLS, 1991, số 2(256).- tr. 71-73.
1207. NGUYỄN DANH PHIỆT. **Suy nghĩ về bộ máy Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Some thinkings about the centralized monarchic Stale Apparatus of the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6(271).- tr. 13-20.
1208. NGUYỄN DUY. **Mấy ý kiến về nguồn gốc dân tộc Việt Nam** - Opinions on the Viet people origin // NCLS, 1968, số 107.- tr. 53-55.
1209. NGUYỄN DUY HINH. **Yên Tử - Vua Trần - Trúc Lâm - Yen Tu - King of Tran - Truc Lam** // NCLS, 1977, số 2(175).- tr. 10-21.
1210. NGUYỄN DUY HINH. **Chùa Dâu (Suy nghĩ sử học)** - The Dau pagoda - Historical considerations // NCLS, 1983, số 4(221).- tr. 20-26.
1211. NGUYỄN DUY HINH. **Lê Văn Hưu với "Đại Việt Sử ký toàn thư"** - Le Van Huu and the historiographical work "Dai Viet Su ky toan thu" // NCLS, 1984, số 4(217).- tr. 67-74.
1212. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Lý** - The Ly ideology // NCLS, 1986, số 1(226).- tr. 7-15.
1213. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Trần** - The Tran ideology // NCLS, 1986, số 4(229).- tr. 36-45.
1214. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Lê** - The Le ideology // NCLS, 1986, số 6(231).- tr. 42-52.
1215. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng trước Lý** - Ideology before Ly dynasty // NCLS, 1987, số 5-6(236-237).- tr. 51-60.
1216. NGUYỄN DUY HINH. **Suy nghĩ về nhà Tây Sơn** - Reflections on Tay Son dynasty // NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 20-27.
1217. NGUYỄN DUY HINH. **Hệ tư tưởng Nguyễn** - The Nguyen ideology // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 6-18.
1218. NGUYỄN DUY HINH. **Về một pho tượng ở Chùa Bộc** - On a statue of Boc Pagoda // NCLS, 1990, số 3(250).- tr. 38-44.
1219. NGUYỄN DUY THÔNG. **Cuộc đấu tranh chống thuế lương bổng và tổng hợp lợi tức của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định năm 1971** - The struggle of the workers of Sai Gon - Cho Lon - Gia Dinh in 1971 against the taxing on the wages // NCLS, 1977, số 3(174).- tr. 80-84.

1221. NGUYỄN DUY TÝ. Cuộc khai quật khảo cổ ở làng Vạc (Nghệ An) - The archaeological exhumation of Lang Vac (Nghe An) // NCLS, 1973, số 150.- tr. 64.
1222. NGUYỄN DUYÊN BÀNG. Sơ bộ nghiên cứu về một số hiện vật đồ đồng tìm thấy ở xã Thủy Dương, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng - Preliminary study on some copper things discovered in Thuy Duong commune, Thuy Nguyen district, Hai Phong town // NCLS, 1970, số 131.- tr. 62-64.
1223. NGUYỄN DUYÊN BÀNG. Một số di tích lịch sử thờ các vị có công trong chiến thắng Bạch Đằng năm 1288 tại Hải Phòng. Danh sách các vị có công và các tướng lĩnh tham gia chiến trận Bạch Đằng được thờ ở Hải Phòng. Văn bia Trần Quốc Bảo - Some historic relics to Worship those people who had made contribution to Bach Dang victory (1288) in Hai Phong. List of commanders and people talking in Bach Dang fight and Worshipped in Hai Phong. Tran Quoc Bao monument/ Nguyễn Duyên Bàng, Hồ Chu, Trịnh Minh Hiển // NCLS, 1988, số 3-4(240-241).- tr. 87-94.
1224. NGUYỄN ĐẮC XUÂN. Thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế - Uncle Ho's boyhood // NCLS, 1979, số 3(186).- tr. 79-84,90.
1225. NGUYỄN ĐẮC XUÂN. Đính chính sử liệu về cuốn "Búp sen xanh" - About the book entitled "Bup sen xanh" // NCLS, 1982, số 4(205).- tr. 86-92.
1226. NGUYỄN ĐÌNH CHI. Nguyễn Lý, một vị tướng xuất sắc trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV - Nguyen Ly, an eminent general of the Lam Son uprising and of the war of national liberation at the beginning of the XVth Century // NCLS, 1977, số 3(174).- tr. 85-89.
1227. NGUYỄN ĐÌNH GIẢN. Giới thiệu hai bài "Thăm đảo Xây Lan" của Phạm Phú Thứ - On two articles "Visite Ceyland" by Pham Phu Thu // NCLS, 1986, số 3(228).- tr. 76-78.
1228. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. Về yếu tố Indonesia trong thành phần nhân chủng học dân tộc ở Đông Nam châu Á - On the Indonesian element in the ethnological composition of the South East Asia people // NCLS, 1965, số 75.- tr. 50-54.
1229. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. Thử tìm hiểu đặc điểm hình thái nhân chủng học người Việt - To try to understand the ethnological forms particularities of the Viet people // NCLS, 1968, số 113.- tr. 52-61.
1230. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. Thành phần nhân chủng học của một số nhóm dân tộc miền núi tỉnh Quảng Bình - The ethnological composition of some minority people groups in the mountainous region of Quang Binh // NCLS, 1969, số 121.- tr. 41-49.
1231. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. Về mối quan hệ Mường - Việt trên cơ sở tài liệu nhân chủng học - About the relations between the Muong people and the Viet people on the ethnological base // NCLS, 1969, số 125.- tr. 47-59.
1232. NGUYỄN ĐÌNH KHOA. Người Xá ở Tây Bắc - An anthropological study about "Xa" at North West Vietnam // NCLS, 1971 - 1972, số 141 .- tr. 56-61; số 142.- tr. 52-64.
1233. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. Sự bành trướng và xâm lược của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản ở Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX - The expansion and aggression of Japanese

militarism in Vietnam in the first half of the XXth Century // Nguyễn Đình Lễ, Nguyễn Anh Thái // NCLS, 1985, số 3(222).- tr. 29-34.

1234. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. Về ý nghĩa của những đoạn trích trong "Tuyên ngôn độc lập" của Hồ Chủ tịch - Some significations of the quotations in the "Declaration of Independence" of President Ho Chi Minh // NCLS, 1990, số 2(249).- tr 61-65.

1235. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. Mặt trận Việt Minh - Thành quả của sự hoàn chỉnh và phát triển đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương - The Viet minh Front - Fruit of the perfection and the development of Indochina Communist Party strategic line // NCLS, 1991, số 2(255).- tr. 1-6.

1236. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. Nhìn nhận của Hồ Chí Minh về đế quốc Nhật Bản (Từ những năm đầu thế kỷ XX đến kết thúc chiến tranh thế giới thứ hai) - Ho Chi Minh view on Japanese imperialism // NCLS, 1992, số 2(261).- tr. 6-12.

1237. NGUYỄN ĐÌNH LỄ. Suy nghĩ về nghề sơn mài ở làng Giê Thượng, tỉnh Hà Tây (1957-1990) - Reflection about the lacquering in the village of Gie Thuong, Ha Tay province (1957-1990) // NCLS, 1993, số 4(269).- tr. 40-43.

1238. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Suy nghĩ về cuộc khởi nghĩa Bà Triệu - Some reflections on Ba Trieu's revolt // NCLS, 1972, số 147.- tr. 47-53.

1239. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Góp phần xác định những địa điểm hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn - Determination of the areas where the Lam Son insurgent troops were active // NCLS, 1975, số 3(162).- tr. 45-58.

1240. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Nguyễn Trãi gặp Lê Lợi vào năm nào? - In what year did Nguyen Trai meet Le Loi? // NCLS, 1976, số 167.- tr. 78-82.

1241. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Các khu vực hành chính của quận Cửu Chân thời Hai Bà Trưng (Nhân bài "Đất Cửu Chân ..." của Ông Đinh Văn Nhật, // NCLS số 159) - The administrative divisions of the Cuu Chan district at the period of two Sisters Trung // NCLS, 1976, số 5(170).- tr. 68-74.

1242. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Tìm hiểu hình thể sông ngòi xưa và những thay đổi lớn các dòng sông chính ở đồng bằng Thanh Hoá - Study of the shape of the old rivers and the great changes of the main rivers of the plain of Thanh Hoa // NCLS, 1978, số 1(178).- tr. 48-56.

1243. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Về các công trình giao thông thuỷ lợi trên đất Ai Châu thời Trần - Hydraulic works and communication networks in Ai Chau under the reign of the Tran // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 63-64.

1244. NGUYỄN ĐÌNH THỰC. Tìm hiểu vài nét sơ lược về bộ Cửu Chân - A few features on Cuu Chan region // NCLS, 1987, số 4(235).- tr. 53-58.

1245. NGUYỄN ĐÌNH UỐC. Hồ Quý Ly và triều Hồ nhìn từ phía lịch sử quân sự - Ho Quy Ly and Ho dynasty viewed from the angle of military history // NCLS, 1990, số 6(253).- tr. 25-30.

1246. NGUYỄN ĐOÀN. Tìm hiểu về bưu chính đời Gia Long, Minh Mạng - Research on postal office in the time of Gia Long and Minh Mang // NCLS, 1967, số 102.- tr. 57-60.

1247. NGUYỄN ĐOÀN. Bưu điện - Công cụ xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp (trước 1858-1897) - Post Office - The French colonialists' instrument for Vietnam invasion // NCLS, 1968, số 108.- tr. 45-49.

1248. NGUYỄN ĐOÀN. Nhà cửa, đường sá và các dụng cụ dùng cho việc thông tin liên lạc của thời Minh Mạng - Houses, roads and instruments for the use of information and communication in the time of Minh Mang // NCLS, 1968, số 111.- tr. 61-63.

1249. NGUYỄN ĐOÀN. Thủ tìm hiểu về võ tay không cổ truyền Việt Nam - Vietnam traditional wrestling // NCLS, 1977, số 2(173).- tr. 84-88.

1250. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Nên phân chia thời đại lịch sử nước ta như thế nào? - How carrying out the periodization of our country history?// VSD, 1954, số 3.- tr. 71-75.

1251. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Quá trình phát triển và thống nhất của tiếng Việt - The process of development and unification of the Viet language // VSD, 1955, số 8.- tr. 39-46.

1252. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Văn đề chữ viết trong văn học sử Việt Nam - The question of handwriting characters in Vietnam literary history // VSD, 1955, số 9.- tr. 22-38.

1253. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Một vài vấn đề về văn học sử - Some questions about literary history // VSD, 1955-1956 từ số 11 đến số 13.

1254. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Giới thiệu Nguyễn Huy Lượng với bài phú "Tụng Tây Hồ" - Presenting Nguyen Huy Luong with his poem "The chant of Tay Ho" (The chant of the Lake in the West of Ha Noi) // VSD, 1956, số 14.- tr. 60-68.

1255. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Ý nghĩa truyện "Chử Đồng Tử" - The meaning of Chu Dong Tu story // VSD, 1956, số 17.- tr. 53-61.

1256. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Văn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam qua ý nghĩa một truyện cổ tích - The question of slavery in Vietnam through the signification of a legend // VSD, 1956, số 18.- tr. 53-63.

1257. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Chế độ nô tỳ ở Việt Nam qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần- The regime of maid-servant through the dynasties of Dinh, Le, Ly, Tran // VSD, 1956, số 19.- tr. 29-44.

1258. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Quyền "trưởng nam" ở Việt Nam có từ bao giờ? - In what time the right of the "Eldest son" in Vietnam had been in existence? //VSD, 1957, số 32.- tr. 42-50.

1259. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Một số tục và trò chơi của người Việt Nam trong Tết nguyên dân và mùa xuân- Some ancient customs and plays of the Vietnam people in the new Lunar Year and in Spring // VSD, 1958, số 37.- tr. 5-17.

1260. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Quan điểm phản động, phản khoa học của Phan Khoi phải chăng là học mót của Hồ Thích? - The reactionary, anti-scientific point of view of Phan Khoi isn't a copy of that of Ho Thich? // VSD, 1958, số 41.- tr. 7-24.

1261. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Thủ đánh giá Nguyễn Hữu Chỉnh - To try to give an estimation on Nguyễn Hữu Chỉnh // VSD, 1958, số 48.- tr. 20-42.

1262. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Ý nghĩa chính sách quân diền trong thời kỳ phong kiến Việt Nam - The signification of the policy of granting the land of the King in the Vietnam feudal epoch // NCLS, 1960, số 12.- tr. 23-35 ; số 13.- tr. 41-48.

1263. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Chế độ chiếm hữu nô lệ đã từng có một thời kỳ chiếm địa vị chủ đạo trên đất nước Việt Nam - The slavery had taken a dominating place in the Vietnam country in one period // NCLS, 1960, số 18.- tr. 52-65.

1264. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Qua trạng thái kinh tế, thử xét tính chất xã hội Việt Nam thời kỳ Bắc thuộc (Bàn góp về vấn đề hình thành chế độ phong kiến ở Việt Nam) - Through the economical situation, to try to examine the social character of Vietnam under the period of Chinese domination (Contribution to the question of the formation of the feudal regime in Vietnam) // NCLS, 1960, từ số 19 đến số 21.

1265. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vấn đề hình thành chế độ phong kiến Việt Nam xét về mặt thượng tầng kiến trúc - The formation of the feudal regime in Vietnam on the superstructural plan // NCLS, 1961, số 30.- tr. 25-32 ; số 31.- tr. 20-27.

1266. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Về vai trò của đẳng cấp và giai cấp trong các phong trào khởi nghĩa nông dân và chiến tranh nông dân ở nửa đầu thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVIII - The role of caste and class in the peasant insurrection movement and in the peasant war at the first half of the XVIth Century and the middle of the XVIIIth Century // NCLS, 1964, số 60.- tr. 19-25.

1267. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Về một loại công cụ bằng đồng tìm thấy trong các địa điểm khảo cổ Đông Sơn và Thiệu Dương - About the agricultural copper instruments discovered in the archaeological locations Dong Son and Thieu Duong // NCLS, 1964, số 61.- tr. 35-41.

1268. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vấn đề sử dụng tài liệu văn học dân gian - The question of the use of folkloric documents on literature // NCLS, 1964, số 63.- tr. 48-64.

1269. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Một vài điểm quan hệ đến chế độ gia đình của người Việt Nam thời cổ đại (Bàn góp vào vấn đề hình thành chế độ phong kiến Việt Nam) - Some points relative to the family system of the ancient Viet people (Contribution to the question of the formation of the Vietnam feudal regime) // NCLS, 1964, số 66.- tr. 46-58.

1270. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vài nhận xét về đặc điểm truyền thống bất khuất của đồng bào Thượng - Some remarks on the particularities of unyielding tradition of our compatriots in the mountainous region // NCLS, 1965, số 76.- tr. 28-38.

1271. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Nông dân trong thời kỳ phong kiến có tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc hay không? - The peasants in the feudal period had the patriotic spirit and the national conscience? // NCLS, 1965, số 80.- tr. 6-14.

1272. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Phong trào nông dân trong lịch sử xã hội phong kiến Việt Nam và vấn đề yêu sách ruộng đất của nông dân - The peasant movement in the

Vietnam feudal society history and the question of peasant's land revendication // NCLS, 1966, số 84.- tr. 3-13.

1273. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Một vài điểm về phương pháp cụ thể trong khi tiến hành nghiên cứu hai phong trào nông dân đầu thế kỷ XVI và giữa thế kỷ XVIII (Trả lời đồng chí Nguyễn Khắc Dạm) - Some points on the concrete method in the study of two peasant movement in the beginning of the XVIth Century and in the middle of the XVIIIth Century (Answer to comrade Nguyen Khac Dam) // NCLS, 1966, số 89.- tr. 36-44.

1274. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Chế độ nô tỳ thời Lê sơ và tác dụng của phong trào quần chúng ở thế kỷ XIV và đầu thế kỷ XV (Trao đổi ý kiến với đồng chí Nguyễn Đức Nghinh) - The regime of maid-servant under the beginning of the Le dynasty and the effect of the popular movement in the XIVth Century and at the beginning of the XVth Century (Exchange of opinion with comrade Nguyen Duc Nghing) // NCLS, 1967, số 99.- tr. 34-40.

1275. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Bàn thêm về quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Phan Bội Châu - To discuss again on the conception of heroism of Phan Boi Chau // NCLS, 1968, số 111.- tr. 15-23.

1276. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vài nhận xét về quan niệm chủ nghĩa anh hùng thời Trần - Some remarks on the conception of heroism under the Tran's dynasty // NCLS, 1968, số 114.- tr. 39-48.

1277. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Một số ý kiến về xã hội thời đại Hùng Vương - Opinions on the society in the time of the Kings Hung // NCLS, 1969, số 123.- tr. 14-24.

1278. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vài nét về quan niệm chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Trãi - Some features on the conception of heroism of Nguyen Trai // NCLS, 1970, số 132.- tr. 62-73.

1279. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Tinh thần khoa học và tinh thần phục vụ quần chúng của Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác - The scientific spirit and the serviceable Apirit the people of Hai Thuong Lan Ong Le Huu Trac // NCLS, 1970, số 135.- tr. 25-40, 58.

1280. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Thử xác định nguồn gốc và quá trình hình thành chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Đình Chiểu - To try to definite the origin and the process of formation of Nguyen Dinh Chieu conception on heroism // NCLS, 1972, số 145.- tr. 23-36.

1281. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Thử bàn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời đại Tây Sơn - Revolutionary heroism as understood in the Tay Son period // NCLS, 1974, số 154.- tr. 45-62.

1282. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Nhận đọc "Đất lè, quê thói, phong tục Việt Nam" của Nhất Thanh và "Phố phường Hà Nội xưa" của Hoàng Đạo Thuý - After reading "Đất lè quê thói" (Vietnamese customs) of Nhat Thanh and "Phố phường Hà Nội-xưa" (Streets and quarters of Hanoi in the old times) of Hoang Dao Thuy // NCLS, 1976, số 2(167).- tr. 83-88.

1283. NGUYỄN ĐỒNG CHI. Vấn đề chiếm hữu nô lệ thời Lý - Trần - The problem of slave - forestalling regime at the period Ly-Tran // NCLS, 1976, số 4(169).- tr. 31-41.

1284. NGUYỄN ĐỐNG CHI. Một bài hịch lưu hành ở Gia Định vào thời kỳ thực dân Pháp bắt đầu xâm lược - A manifesto propagated in Gia Dinh province at the beginning of the French aggression period // NCLS, 1977, số 2(173).- tr. 71-73.

1285. NGUYỄN ĐỐNG CHI. Tìm hiểu văn bản sách "Đại Việt Sử ký bản kỷ tục biên" hay là những phần cuối của bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư". Researches into the "Dai Viet Su Ky ban ky tuc bien" text or the last parts of the "Dai Viet Su ky toan thu" // NCLS, 1982, số 6(209).- tr. 69-75.

1286. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. Tìm hiểu truyện "Quan Âm Thị Kính" - A study on "Quan Am Thi Kinh" story // VSD 1956, số 17.- tr. 33-43.

1287. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. Vài nét về Nguyễn Dữ và tập "Truyện kỳ mạn lục" - Some features on Nguyen Du's character and his book "Truyen ky man luc" // VSD, 1957, số 24.- tr. 31-44.

1288. NGUYỄN ĐỨC ĐÀN. Mấy ý kiến về Nhất Linh và Khái Hưng, hai nhà văn tiêu biểu cho "Tự lực văn đoàn" - Some opinions about Nat Linh and Khai Hung, two writers symbolizing the literary group "Tu luc van doan" // VSD, 1958, số 46.- tr. 7-28.

1289. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Tước Đại vương và Trường Công chúa thời Trần và chính sách hạn điền của Hồ Quý Ly- The titles prince and princess and the limit of land ownership in the Ho Quy Ly period // NCLS, 1963, số 57.- tr. 61-62.

1290. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Thử bàn về đặc điểm của chế độ nô tỳ thời Lê sơ - Trying to discuss about the maid-servants regime particularities under the beginning of the Le dynasty // NCLS, 1966, số 90 .- tr. 35-45.

1291. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Tình hình phân phối ruộng đất ở xã Mạc Xá giữa hai thời điểm 1789-1805 - Land distribution in Mac Xa village (1789-1805) // NCLS, 1974, số 157.- tr. 53-60.

1292. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Tình hình phân phối ruộng đất của thôn Định Công giữa hai thời điểm (1790-1805) - Land distribution at Dinh Cong between (1790-1805) // NCLS, 1975, số 2(161).- tr. 44-53.

1293. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Về tài sản ruộng đất của một số chức dịch trong làng xã thuộc huyện Từ Liêm vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX - On the properties of a lot of village notables in the Tu Liem district at the end of the XVIIIth Century and in the early part of the XIXth Century // NCLS, 1975, số 6(165).- tr. 49-57.

1294. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Xã Thượng Phúc giữa hai thời điểm 1790-1805 - The village of Thuong Phuc between two dates 1790-1805 // NCLS, 1977, số 2 (173).- tr. 80-84.

1295. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Một tư liệu về ruộng đất công làng xã dưới triều Tây Sơn - Some documents about communal fields under the dynasty of Tay Son // NCLS, 1977, số 4(175).- tr. 83-90.

1296. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. Chợ- Chùa ở thế kỷ XVII - "Cho-Chua" in the XVIIth Century // NCLS, 1979, số 4(187).- tr. 53-64.

1297. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Máy nét phác thảo về chợ làng qua những tài liệu các thế kỷ XVII-XVIII** - The village-market in the XVIIth-XVIIIth Centuries // NCLS, 1980, số 5(194).- tr. 55-64.

1298. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về một loại nô tỳ đặc biệt : Những nô tỳ phục vụ cho việc thờ cúng** - Domestic serfs (no ty) in service of the cult // NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 80-83.

1299. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về một vụ kiện tranh giành bến đò ở thế kỷ XVII** - About a ferry lawsuit at the XVIIth Century // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 73-75.

1300. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về vấn đề ruộng đất và phong trào nông dân ở thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The problems of rice-fields and lands of peasant movement from the XVIIIth to the beginning of the XIXth Century // NCLS, 1981, số 4(199).- tr. 34-36, 50.

1301. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Chợ làng, một nhân tố củng cố mối liên hệ dân tộc** - Market-village, a consolidation factor of the national relations // NCLS, 1981, số 5(200).- tr. 26-27.

1302. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về quy mô làng xã người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ vào cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - About the extent of the Viet village at the Bac Bo delta in the time from the end of the XVIIIth to the beginning of the XIXth Centuries // NCLS, 1982, số 1(202).- tr. 43-49.

1303. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Góp phần nghiên cứu triều đại Tây Sơn từ mấy văn bản thuế dưới triều Quang Trung và Cảnh Thịnh** - From some texts concerning the taxes under Quang Trung and Canh Thinh dynasties // NCLS, 1982, số 5(206).- tr. 36-42.

1304. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Đi tìm dấu vết những Sở đồn điền ở Dàng Ngoài (Thế kỷ XV- thế kỷ XVIII)** - In search of the traces left by the State plantations registers in Dang Ngoai (XVth - XVIIIth Century) // NCLS, 1986, số 3(228).- tr. 30-41.

1304 (bis). NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về những Sở đồn điền thời Lê ở Dàng Ngoài thế kỷ XV - thế kỷ XVIII** - On land control services under the Le dynasty in the Outer region (XVth - XVIIIth Century) // NCLS, 1986, số 5(230).- tr. 46-58.

1305. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Về quyền sở hữu ruộng đất khẩn hoang dưới thời phong kiến** - On the ownership of break fresh ground under feudal regime // NCLS, 1987, số 5-6(236-237).- tr. 41-50.

1306. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Một số tư liệu ruộng đất ở vùng Kiến Xương (Thái Bình) mấy năm đầu thế kỷ XIX** - Some documents on land situation in Kien Xuong region Thai Binh, in the first years of the XIXth Century / Nguyễn Đức Nghinh, Nguyễn Thị Thanh Nhàn // NCLS, 1989, số 1(244).- tr. 57-77.

1307. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Vấn đề ruộng đất trong phong trào nông dân Tây Sơn và dưới triều đại Tây Sơn** - The question of land in the Tay Son movement and Tay Son dynasty // NCLS, 1989, số 3-4(246-247).- tr. 34-43.

1308. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Máy tư liệu ruộng đất vùng Thái Ninh - Thái Bình cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - Some documents on land of Thai Ninh (Thai Binh) in

the end of XVIIIth Century and at the begining of XIXth Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền // NCLS, 1990, số 3(250). - tr. 69-79.

1309. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tư liệu ruộng đất vùng Thụy Anh (Thái Bình) cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - Documents on land in the region of Thuy Anh (Thai Binh) in the end of the XVIIIth Century and at the beginning of XIXth Century/ Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền // NCLS, 1991, số 1(254).- tr. 45-55.

1310. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Ruộng đất miền Đông Thái Bình vào những năm cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The communal land in the East of Thai Binh province from the end of the XVIIIth Century to the beginning of the XIXth Century // NCLS, 1991, số 3(256).- tr. 42-50.

1311. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất trong một số làng xã vùng Quỳnh Côi (Thái Bình) cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX** - The situation of land repartition in some villages and communes in Quynh Coi (Thai Binh) from the end of XVIIIth Century to the beginning of XIXth Century/ Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền // NCLS, 1992, số 1(260).- tr. 21-27.

1312. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Một suy nghĩ về giảng dạy lịch sử** - Some reflections on teaching history // NCLS, 1993, số 3(268).- tr. 9-10.

1313. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tư liệu về sở hữu ruộng đất vùng Đông Quan - Thái Bình (cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX)** - Documente on land proprietorship in Dong Quan - Thai Binh region (in the end of the XVIIIth Century and at the begining of the XIXth Century / Nguyễn Đức Nghinh, Bùi Thị Minh Hiền // NCLS, 1993, số 5(270).- tr. 61-71.

1314. NGUYỄN ĐỨC NGHINH. **Tình hình phân phối ruộng đất tư hữu ở miền Đông Thái Bình vào những năm cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX** - The situation of private land repartition in the East of Thai Binh province in the last years of the XVIIIth Century and at the beginning of the XIXth Century // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr. 38-46.

1315. NGUYỄN ĐỨC NHUẬT. **Hồ Quý Ly với vấn đề Chiêm Thành** - Ho Quy Ly and the Chiem Thanh question // NCLS, 1992, số 5(264).- tr. 65-67.

1316. NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Vài ý kiến về "Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam" (Quyển III và quyển IV) của Nhà xuất bản Văn Sử Địa** - Some remarks about the book "First draft of Vietnam literature history" // NCLS, 1959, số 6.- tr. 66-76.

1317. NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Phan Chu Trinh với nhiệm vụ chống đế quốc trong cách mạng Việt Nam** - Phan Chu Trinh and the task against imperialism in Vietnam revolution // NCLS, 1964, số 69.- tr. 29-33.

1318. NGUYỄN ĐỨC SỰ. **Chủ nghĩa yêu nước Phan Bội Châu** - The patriotism of Phan Boi chau // NCLS, 1966, số 83.- tr. 28-36.

1319. NGUYỄN ĐỨC TÂM. **Một giai đoạn lịch sử liên quan với hoạt động của kỷ đệ tứ và đặc điểm quy luật khảo cổ học Việt Nam và Đông Nam Á** - Some historical phases relative to the activities of the fourth millennium and the particularities of the archaeological law in Vietnam and South East Asia // NCLS, 1969, số 122.- tr. 28-46.

1320. NGUYỄN ĐỨC TOÀN. Vài suy nghĩ về nghề kim hoàn ở Việt Nam - Some thinkings on the goldsmith trade in Vietnam // NCLS, 1992, số 3(262).- tr. 46-50.

1321. NGUYỄN ĐỨC TOÀN. Mối liên hệ giữa "Bửu Sơn Kỳ Hương" với phong trào chống Pháp tại đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỷ XIX - The relation between "Buu Son Ky Huong" and the movement of struggle against French colonialists in the Mekong Delta in XIXth Century // NCLS, 1993, số 1(266).- tr. 35-39.

1322. NGUYỄN GIA PHU. Một ý kiến về vấn đề Hồ Quý Ly - Some thinkings about the question of Ho Quy Ly // NCLS, 1961, số 31.- tr. 49-59.

1323. NGUYỄN GIA PHU. Các Mác với Phương Đông - Karl Marx and the Orient // NCLS, 1983, số 2(209).- tr. 10-14.

1324. NGUYỄN GIA PHU. Những trang sử xâm lược của Trung Quốc dưới thời phong kiến - The historical pages of the invasions made by feudal China // NCLS, 1984, số 2(215).- tr. 75-82.

1325. NGUYỄN GIA PHU. Thuật ngữ "Chế độ phong kiến" và vấn đề chế độ phong kiến ở Phương Đông - The term "feudality" and the Oriental feudalism // NCLS, 1987, số 1-2(232-233) .- tr. 3-6.

1326. NGUYỄN GIA PHU. Nội các ở Trung Quốc dưới thời phong kiến - Chinese imperial Cabinet // NCLS, 1988, số 5-6(242-243).- tr. 56-57.

1327. NGUYỄN HÀI KẾ. Đề Hồng Đức và công cuộc khấn hoang vùng ven biển Nam sông Hồng thời Lê sơ - Hong Duc dyke system and land reclamartion in coastal areas South of Red river under : Early Le dynasty // NCLS, 1985, số 5(224).- tr. 35-42.

1328. NGUYỄN HÀO HÙNG. Chiến thắng Điện Biên Phủ, chiến thắng chung của liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia - The Dien Bien Phu Victory - A common victory of the Vietnam - Laos-Kampuchea alliance of militant solidarity // NCLS, 1984, số 1(214).- tr. 45-56.

1329. NGUYỄN HOÀI. Một số tài liệu về việc thực hiện phương châm tự lực cánh sinh trong thời kỳ kháng chiến (1945-1954) - Some documents on the carrying out the directive : Relying on their own force, in the resistance war period (1945-1954) // NCLS, 1965, số 80.- tr. 47-64.

1330. NGUYỄN HOÀI. Về công tác binh vận trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954) - About the propaganda work with the troops in the resistance war period against the French colonialism (1945-1954) // NCLS, 1967, số 97.- tr. 13-26.

1331. NGUYỄN HOÀI. Vấn đề hậu phương trong chiến tranh nhân dân Việt Nam - The question of the rear in the Vietnam popular War // NCLS, 1968, số 117.- tr. 44-56.

1332. NGUYỄN HOÀI. Về hậu phương trực tiếp của chiến trường miền Nam Việt Nam : vùng giải phóng - On the question of the immediat rear of the South Vietnam battle-field - The liberation zone // NCLS, 1969, số 129.- tr. 42-58.

1333. NGUYỄN HOÀI. Từ Mặt trận Dân tộc Giải phóng đến Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam - From the National Liberation Front to the

Provisory Revolutionary Government of the South Vietnam Republic // NCLS, 1973, số 153.- tr. 1-14.

1334. NGUYỄN HOÀNG. "Hai Bà Trưng" (Đọc sách) - On the book: "Hai Ba Trung" // NCLS, 1977, số 2(173).- tr. 89-94.

1335. NGUYỄN HOÀNG. "Kỳ Đồng -Tiểu sử và thơ văn" (Đọc sách) - Reading the book : "Ky Dong - His biography and literary works" // NCLS, 1984, số 6(219).- tr. 83-88.

1336. NGUYỄN HOÀNG. 1945-1985 - Một bước phát triển của nền sử học Việt Nam - 1945-1985. A new stage of development of the Vietnamese historical science // NCLS, 1985, số 4 (223). - tr. 48-53.

1337. NGUYỄN HỒNG. Bước đầu tìm hiểu đường lối của Đảng Dân chủ Nhân dân Afghanistan về vấn đề ruộng đất - Preliminary research into the land policy adopted by the People's Democratic Party of Afghanistan // NCLS, 1986, số 2 (227). - tr. 65-70.

1338. NGUYỄN HỒNG BÍCH. Những chặng đường phát triển của Cách mạng Palestin (Từ các tổ chức Giải phóng đến Nhà nước độc lập) - The phases of development of Palestine revolution // NCLS, 1990, số 3 (250). - tr. 61-68.

1339. NGUYỄN HỒNG CẨM. Vai trò của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa - About the role of the Vietnamese working class in the socialist revolution // NCLS, 1981, số 1 (196). - tr. 7-11.

1340. NGUYỄN HỒNG DƯƠNG. Về một số làng công giáo ở huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình (nửa đầu thế kỷ XIX) - About some Catholic villages in Kim Son district, Ninh Bình province (in the first half of the XIXth Century) // NCLS, 1994, số 3 (274). - tr. 44-51.

1341. NGUYỄN HỒNG PHONG. Triết lý về "lé tự nhiên" trong truyện "Trê Cá" - The philosophy of "Natural Law" in the story "The Catfish and the Toad" // VSD, 1956, số 18. - tr. 74-84.

1342. NGUYỄN HỒNG PHONG. Tìm hiểu "Gia huấn ca" - Research on "Gia huan ca" (The song of familial education) // VSD, 1957, số 27. - tr. 4-25, số 29. - tr. 23-39.

1343. NGUYỄN HỒNG PHONG. Vấn đề ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam (Từ thế kỷ X đến Pháp xâm lược) - The agrarian question in the history of the Vietnam feudal regime (From the Xth Century to the French invasion) // NCLS, 1959, số 1. - tr. 42-55 ; số 2. - tr. 26-53.

1344. NGUYỄN HỒNG PHONG. Trở lại vấn đề nguyên nhân hình thành Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt Nam - Going back to the question of the causes of formation of the Vietnam central centralized feudal State // NCLS, 1959, số 5. - tr. 78-80.

1345. NGUYỄN HỒNG PHONG. Sự phát triển của kinh tế hàng hoá và vấn đề hình thành của chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam dưới thời phong kiến - The development of the marketable economy and the question of the formation the capitalism under the feudal time in Vietnam // NCLS, 1959 - 1960, từ số 9 đến số 13.

1346. NGUYỄN HỒNG PHONG. Sự thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương là một bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam . The creation of the

Indochina communist Party is a great decisive turning step in the Vietnam modern history // NCLS, 1960, số 10. - tr. 6-29.

1347. NGUYỄN HỒNG PHONG. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với lý luận của chủ nghĩa Lenin về vấn đề dân tộc và dân tộc thuộc địa - Comrade Nguyen Ai Quoc and the Leninism theory on the national question and the colonial nations // NCLS, 1960, số 14. - tr. 1-10.

1348. NGUYỄN HỒNG PHONG. Các nhà sử học cần phải lấy các vấn đề thời sự quan trọng làm đối tượng nghiên cứu - The historians must take the important matters of present interest as the studying objects // NCLS, 1960, số 20. - tr. 1-8

1349. NGUYỄN HỒNG PHONG. Công tác lý luận của ngành sử học trong 7 năm qua - The theoretical work of the branch of history in the past seven years // NCLS, 1960, số 21. - tr. 6-17.

1350. NGUYỄN HỒNG PHONG. Khoa học của thời đại cộng sản chủ nghĩa - The science of the communism era // NCLS, 1961, số 27. - tr. 1-5.

1351. NGUYỄN HỒNG PHONG. Cách mạng tháng Tám và chủ nghĩa xã hội - The August Revolution and the socialism // NCLS, 1961, số 1 (29). - tr. 1-6.

1352. NGUYỄN HỒNG PHONG. Về 'Phương thức sản xuất châu Á' - Lý thuyết và thực tiễn - On "The Asiatic mode of production" - Theory and practice // NCLS, 1982, số 1 (202). - tr. 5-20,37.

1353. NGUYỄN HỒNG PHONG. Về chế độ quân chủ quý tộc thời Trần - On the Tran dynasty aristocratic monarchy // NCLS, 1986, số 4 (229). - tr. 26-35.

1354. NGUYỄN HUỆ CHI. Văn học thời Trần trong âm hưởng của cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên-Mông - Tran literature in reflection of resistance war against Nguyen - Mong aggressors // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241). - tr. 26-32.

1355. NGUYỄN HUY QUÝ. Chủ nghĩa đế quốc Mỹ và cuộc chiến tranh thế giới thứ hai - U.S. imperialism and the Second world war // NCLS, 1985, số 3 (222). - tr. 22-28.

1356. NGUYỄN HUY QUÝ. Bàn thêm về phương pháp luận sử học - Again on historical methodology // NCLS, 1991, số 5 (258). - tr. 35-38.

1357. NGUYỄN HỮU ĐẠO. Bước đầu tìm hiểu cơ cấu của đội ngũ công nhân miền Bắc Việt Nam trong những năm 1961-1964 - Preliminary study on the structure of the corps of workers of the North Vietnam during 1961-1964 // NCLS, 1981, số 1 (196). - tr. 21-31.

1358. NGUYỄN HỮU ĐẠO. Tìm hiểu về chất lượng của thanh niên công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - Essay of study about the quality of young Vietnamese workers in the Vietnam's socialist revolution // NCLS, 1982, số 5 (206). - tr. 18-25.

1359. NGUYỄN HỮU ĐẠO. Phong trào nổi dậy của quần chúng trong Đại thắng mùa xuân 1975 - The mass uprising movement and the great victory of Spring 1975 /Nguyễn Hữu Đạo, Quốc Hưng // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 43-48.

1360. NGUYỄN HỮU ĐẠO. Nhìn lại sự phát triển đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam trong 40 năm qua - Forty years of evolution of the Vietnamese working class in retrospect // NCLS, 1985, số 4 (223). - tr. 17-27.

1361. NGUYỄN HỮU HIẾU. Về cái chết của Võ Duy Dương - About the death of Vo Duy Duong // NCLS, 1991, số 4 (257). - tr. 71-73

1362. NGUYỄN HỮU HIẾU. Về cuộc kháng chiến chống Pháp của Thiên hộ Võ Duy Dương (1827-1866) - About the war of resistance against the French colonialist of Thien ho Vo Duy Duong (1827-1866) // NCLS, 1993, số 3 (268). - tr. 74-79.

1363. NGUYỄN HỮU HỢP. Bước đầu tìm hiểu về cơ cấu của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp 1946-1954 - Preliminary study of the structure of the Vietnamese working class during the anti - French resistance 1946-1954 // NCLS, 1979, số 3 (186). - tr. 27-37.

1364. NGUYỄN HỮU HỢP. Góp phần tìm hiểu về liên minh công nông trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) - Preliminary study on the workers-peasants alliance in the resistance war against French colonialists (1945-1954) // NCLS, 1981, số 6 (201). - tr. 16-24.

1365. NGUYỄN HỮU HỢP. Sức mạnh tổng hợp của cả nước và chiến thắng Điện Biên Phủ - The joint forces of the whole country and the Dien Bien Phu victory / Nguyễn Hữu Hợp, Nguyễn Hữu Đạo // NCLS, 1984, số 1 (224). - tr. 9-18.

1366. NGUYỄN HỮU HỢP. Tìm hiểu mặt trận đấu tranh ngoại giao và thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - Research into the diplomatic front and the success for the anti - U.S. resistance (1954-1975) // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 33-42.

1367. NGUYỄN HỮU HỢP. Trở lại vấn đề đấu tranh ngoại giao để giữ vững và củng cố cách mạng, tranh thủ chuẩn bị cuộc kháng chiến toàn quốc (9-1945 - 12-1946) - The diplomatic struggle to uphold and consolidate the revolutionary power and gain on time to prepare for the national resistance // NCLS, 1986, số 5 (230). - tr. 7-15,26.

1368. NGUYỄN HỮU TÂM. Bước đầu tìm hiểu sự thâm nhập và phát triển của đạo Thiên chúa ở Việt Nam qua biên niên sử (thế kỷ XVI - cuối thế kỷ XVIII) - The penetration and development of Catholicism in Vietnam through annals // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 20-23.

1369. NGUYỄN HỮU TÂM. Tình hình giáo dục thi cử thời Mạc - Some features on the situation of education and examination under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6 (259). - tr. 28-32.

1370. NGUYỄN HỮU TÂM. Tìm hiểu quan chức của Phùng Khắc Khoan - Research about the position of official of Phung Khac Khoan // NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 47-51.

1371. NGUYỄN HỮU THÁU. Phong trào N. Trang Lợn (1912-1935) - The movement N. Trang Lon (1912-1935) // NCLS, 1964, số 69. - tr. 55-62.

1372. NGUYỄN HỮU THÔNG. Vài nét về 'Ne ngoá tuong cục' ở Huế - Some features about the "Ne ngoa tuong cuc" (construction office in Hue city) // NCLS, 1984, số 4 (217). - tr. 75-77.

1373. NGUYỄN HỮU THÔNG. Về nguồn gốc nghề gốm ở Phước Tích (Phong Dien - Thừa Thiên Huế) - About the origin of potter's workshop at Phuoc Tich (Phong Dien - Thua Thien - Hue provinces) / Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Trung Tiến // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr. 52-53,59.

1374. NGUYỄN HỮU THUỲ. Phong trào giải phóng dân tộc Angieri từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai - The Algeria national liberation movement from after the Second world war // NCLS, 1962, số 42. - tr. 39-52; số 43. - tr. 44-54.

1375. NGUYỄN HỮU THUỲ. Phong trào công nhân Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai - The Japanese workers movement from after the Second world war // NCLS, 1963, số 53. - tr. 25-38.

1376. NGUYỄN HỮU THUỲ. Chính sách thực dân mới của Mỹ ở châu Phi - The policy of American neocolonialism in Africa // NCLS, 1965, số 72. - tr. 37-45 ; số 73. - tr. 30-37.

1377. NGUYỄN HỮU THUỲ. Vài nét về quá trình can thiệp và xâm lược của đế quốc Mỹ đối với Lào (1954-1962) - Some features on the process of American intervention and invasion towards the Laos // NCLS, 1968, số 113. - tr. 32-47.

1378. NGUYỄN HỮU UÂN. Con người và di tích lịch sử Đông Sơn (Thanh Hoá) - The man and the historical vestiges of Dong Son (Thanh Hoa province) // NCLS, 1991, số 3 (256). - tr. 76-78.

1379. NGUYỄN HỮU UÂN. Những ghi chép sai lầm về danh nhân lịch sử tỉnh Thanh Hoá - The erroneous notes on the famous personalities of history in Thanh Hoa province // NCLS, 1992, số 3 (262). - tr. 89-90.

1380. NGUYỄN KHA. Phát hiện những tài liệu liên quan đến sử gia Lê Văn Hưu - Discovery of documents relative to the historian Le Van Huu / Nguyễn Kha, Trần Huy Bá // NCLS, 1964, số 62. - tr. 64.

1381. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Ngành sử học phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân - The historical science serving the revolution and the people // NCLS, 1959, số 2. - tr. 1-9.

1382. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Những điều cần chú ý hiện nay trong khi bàn về phương pháp luận sử học - The questions deserving of attention today in the discussion on the historial methodology // NCLS, 1966, số 90. - tr. 1-7.

1383. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Kỷ niệm 100 năm ngày xuất bản quyển "Tư bản" của Các Mác - Centenary anniversary of the publication day of "The capital" of Karl Marx // NCLS, 1967, số 102. - tr. 1-11.

1384. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Bác sống mãi trong lòng chúng ta, trong non sông hùng vĩ của chúng ta, trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của chúng ta - Uncle Ho lives eternally in our heart, in our heroic people, in our strong and grand Fatherland, in our great revolutionary cause // NCLS, 1969, số 126. - tr. 14-17.

1385. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Vị trí và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng tháng Tám** - The place and the international signification of the August Revolution // NCLS, 1969, số 126. - tr. 37-43.
1386. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Bốn mươi năm dưới ngọn cờ vinh quang của chủ nghĩa Mác-Lênin** - Forty years under the glorious flag of Marxism-Leninism // NCLS, 1970, số 130. - tr. 4-16.
1387. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Chủ nghĩa Lê nin và cách mạng Việt Nam** - The Leninism and the Vietnam revolution // NCLS, 1970, số 131. - tr. 1-6.
1388. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Một năm thắng lợi mới bắt đầu** - A year full of success begins // NCLS, 1972, số 142. - tr. 1-5.
1389. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Dưới lá cờ vĩ đại của Lê nin, tiến lên** - Under Lenin's great banner, forward // NCLS, 1972, số 144. - tr. 1-8.
1390. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hồ Chủ tịch, nhà kiến trúc sư thiên tài của lịch sử Việt Nam hiện đại** - Ho Chi Minh, the architect of genius of Vietnam history // NCLS, 1972, số 144. - tr. 9-11.
1391. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Thắng lợi lịch sử vĩ đại (Nhân kỷ niệm 50 năm Liên bang Cộng hoà Xô viết XHCN)** - On the occasion of the founding of the USSR A great historical victory // NCLS, 1972, số 147. - tr. 1-9.
1392. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Chân lý của Lê nin mãi mãi sáng ngời. Cuộc khủng hoảng của thế giới tư bản** - The truth of Leninism will never fall. The crisis of the capitalist world // NCLS, 1974, số 155. - tr. 3-14.
1393. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hai mươi năm tiến trên con đường XHCN** - Twenty years on the way to socialism // NCLS, 1974, số 158. - tr. 3-15.
1394. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Dưới ngọn cờ của chủ nghĩa Mác-Lênin, có Đảng tiền phong của giai cấp công nhân lãnh đạo, dân tộc Việt Nam trở nên một lực lượng cách mạng lớn của thời đại anh hùng của chúng ta** - Under the banner of Marxism-Leninism and the direction of the vanguard Party of the working class the Vietnamese people has become a powerful revolutionary force in our heroic epoch // NCLS, 1975, số 1 (160) . - tr. 3-7,27.
1395. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Kỷ niệm 50 năm "Bản án chế độ thực dân Pháp"** - **Một sự kiện lịch sử, một nhát cuốc đầu tiên đào mồ chôn chủ nghĩa thực dân** - On the occasion of the 50th anniversary of the publication of "The trial of French colonialism", a historic event, the initial spade stroke to dig colonialism's grave // NCLS, 1975, số 2 (161). - tr. 3-17.
1396. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. **Hồ Chủ tịch - người Cha, người Thầy vĩ đại của dân tộc, vị lãnh tụ thiêng tài dời dời kính yêu của cách mạng Việt Nam** - President Ho - the Father, the Great teacher of the nation, the gifted and eternally beloved leader of the Vietnamese revolution // NCLS, 1976, số 3 (168). - tr. 1-7.

1397. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Nhiệt liệt đón mừng Đại hội lần thứ tư của Đảng Lao động Việt Nam - Hearty welcome to the IVth Congress of the Vietnam workers' Party // NCLS, 1976, số 5 (170). - tr. 1-9.

1398. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật - Strongly promote the scientific and technological revolution // NCLS, 1977, số 1 (172). - tr. 1-4.

1399. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Nhân kỷ niệm 60 năm Cách mạng XHCN Tháng Mười vĩ đại - Kỷ nguyên mở đầu mùa xuân của loài người - The 60th Anniversary of the Great October socialist Revolution - Era opening the mankind's Spring // NCLS, 1977, số 5 (176). - tr. 1-5,35.

1400. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Vài nét về phương hướng trong công tác lịch sử địa phương và chuyên ngành - Some world about the orientation of study on the history of regions and of special activities branches // NCLS, 1979, số 5 (188). - tr. 1-3.

1401. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Về nguyên nhân phát sinh cuộc chiến tranh thế giới thứ hai - Origins of the Second world war // NCLS, 1979, số 6 (189). - tr. 1-6.

1402. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Phần thưởng cao quý dành cho ngành sử học - High and precious prize being awarded to the branch of historical studies // NCLS, 1980, số 6 (195). - tr. 21-24.

1403. NGUYỄN KHÁNH TOÀN. Chiến thắng chủ nghĩa phát xít Hitler : Một bước ngoặt quyết định trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội - The victory over the Hitlerite fascism : A decisive turning point in the transitional period from capitalism to socialism // NCLS, 1985, số 3 (222). - tr. 1-8.

1404. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Tài liệu tham khảo về lịch sử đường sắt Hải Phòng - Côn Minh - Reference documents about the Hai Phong - Con Minh railway history / Nguyễn Khắc Dạm, Phan Gia Bên // VSD, 1956, số 20. - tr. 33-49.

1405. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Lịch sử khai thác cao su của tư bản Pháp ở Việt Nam - History of rubber exploitation by the French capitalists in Vietnam // NCLS, 1957, số 30. - tr. 53-60.

1406. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Lưu vực sông Hồng trong lịch sử - The Red River basin in history / Nguyễn Khắc Dạm, Võ Văn Nhhung // NCLS, 1959, số 4. - tr. 80-88.

1407. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Vai trò của Nhà nước về vấn đề khai hoang trong lịch sử Việt Nam - The role of State in the question of clearing waste land in the Vietnam history // NCLS, 1962, số 39. - tr. 5-14 ; số 40. - tr. 31-40.

1408. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Nguyễn Cao, một văn thân yêu nước chống Pháp - Nguyễn Cao, a patriotic scholar against the French colonialists // NCLS, 1962, số 44. - tr. 27-28.

1409. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Góp ý kiến cùng hai bạn Nguyễn Văn Di - Văn Lang về bài "Nghiên cứu về trận Bạch Đằng năm 1288" - Exchange of idea with two friends Nguyen Van Di and Van Lang on the article "Study on the Bach Bang battle in 1288" // NCLS, 1963, số 47. - tr. 51-52,54.

1410. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Dánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?** - How estimate justly Phan Thanh Gian? // NCLS, 1963, số 51. - tr. 29-34.

1411. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Cần nhận rõ chân tướng của Trương Vĩnh Ký để đánh giá cho đúng** - Truong Vinh Ky's true physionomy must be well discerned for a just estimation on him // NCLS, 1964, số 59. - tr. 33-42,46.

1412. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Thử bàn lại một điểm về vấn đề hành quân chớp nhoáng của Nguyễn Huệ** - To try to discuss a new on the question of Nguyen Hue's aring operation with lighting speed // NCLS, 1964, số 60. - tr. 35-38.

1413. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Góp mấy ý kiến về vấn đề ruộng tư trong lịch sử Việt Nam** - Some contributions to the private land in Vietnam history // NCLS, 1964, số 65. - tr. 22-34.

1414. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Vài ý kiến góp cùng ông Hồ Hữu Phước về vấn đề ruộng tư** - Opinions exchanged with Mr. Ho Huu Phuoc on the question of the private land // NCLS, 1965, số 74. - tr. 35-42.

1415. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Tại sao các cuộc khởi nghĩa nông dân ở Việt Nam ít có màu sắc tôn giáo?** - Why the peasant insurrections in Vietnam had the religion color? // NCLS, 1965, số 81. - tr. 8-10.

1416. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Mấy ý kiến cùng ông Nguyễn Đồng Chi về phong trào nông dân thế kỷ XVI và thế kỷ XVIII** - Exchange of opinion with Mr. Nguyen Dong Chi on the peasant movement in the XVIth Century and XVIIIth Century // NCLS, 1966, số 87. - tr. 38-44.

1417. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Cần xác định cho đúng các cuộc khởi nghĩa nông dân dưới thời phong kiến Việt Nam** - Determining justly the peasant insurrections in the history of the Vietnam under the feudal period // NCLS, 1966, số 92. - tr. 38-44.

1418. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Một vấn đề đáng được nghiên cứu kỹ : Cuộc nổi dậy chống nhà Hán của La Gia** - La Gia's uprising against the Hans // NCLS, 1973, số 149. - tr. 52-62.

1419. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Hai mươi năm lớn lên của thư viện Viện Sử học** - The Library of the Institute of history is 20 years old // NCLS, 1973, số 153. - tr. 63-64.

1420. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Hà Nội ba mươi sáu phố phường?** - Old Hanoi and its 36 streets? // NCLS, 1974, số 157. - tr. 71-74.

1421. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Bàn thêm về vị trí thành và lũy Hà Nội thời phong kiến** - On the position of Hanoi citadel and ramparts in the feudal period // NCLS, 1975, số 165. - tr. 58-68.

1422. NGUYỄN KHÁC ĐẠM. **Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất và tô thuế thời Lý-Trần** - Some more ideas about the agrarian and rent system at the period of Ly-Tran // NCLS, 1977, số 1 (172). - tr. 79-90.

1423. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Về chế độ chiếm hữu nô lệ thời Lý-Trần (Trao đổi ý kiến với ông Nguyễn Đồng Chi) - About the slavery under the dynasties of Ly-Tran (Exchange of opinions with Mr. Nguyen Dong Chi) // NCLS, 1979, số 1 (184). - tr. 83-89.

1424. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Về vấn đề ruộng công và ruộng tư trong lịch sử Việt Nam - About the problem of communal and private rice fields in the history of Vietnam // NCLS, 1981, số 4 (199). - tr. 20-21.

1425. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Lý Phục Man có phải là Pham Tu hay không? - Ly Phuc Nam and Pham Tu aren't they one and the same person? // NCLS, 1983, số 6 (213). - tr. 70-72.

1426. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Mặt trái của việc truyền giảng đạo Thiên chúa ở Việt Nam (thế kỷ XVI-XIX) - The reverse of the medal regarding the praching of Catholicism in Vietnam from XVIth to XIXth Centuries // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 28-32,48.

1427. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Góp phần tìm hiểu thêm về Trúc Khê Ngô Văn Triện - Contribution to a better knowledge on Truc Khe Ngo Van Trien // NCLS, 1991, số 3 (256). - tr. 89-90.

1428. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Nhận nhận và đánh giá về Nguyễn Trường Tộ - Recognition and evaluation on Nguyen Truong To // NCLS, 1992, số 1 (260). - tr. 88-92.

1429. NGUYỄN KHẮC ĐẠM. Vị trí, kích thước thành Thăng Long, Tử Cấm thành và Đông cung - Position, dimension of Thang Long Town, Royal Palace and Crown Prince's Palace // NCLS, 1992, số 6 (265). - tr. 65-70.

1430. NGUYỄN KHẮC HIẾU. Long Đọi Sơn với việc cày ruộng tịch diên của Lê Đại Hành - Long Ddoi Son (Mount of Long Ddoi) and the personally plowing of the King Le Dai Hanh // NCLS, 1981, số 2 (197). - tr. 38-40.

1431. NGUYỄN KHẮC PHI. Tội bành trướng xâm lược của phong kiến Trung Hoa qua bức thư của Tô Thực - Criminal expansionist and aggressive tentatives of feudal China seen through To Thuc's letter // NCLS, 1979, số 6 (189). - tr. 56-60.

1432. NGUYỄN KHẮC TUNG. Bước đầu tìm hiểu các nhóm người Dao ở Việt Nam - Preliminary study on the Dao people in Vietnam // NCLS, 1966, số 87. - tr. 45-52.

1433. NGUYỄN KHẮC TUNG. Vấn đề phân bố cư trú và nhà ở của người Dao ở Việt Nam - The question of inhabitation and the houses of the Dao people in Vietnam // NCLS, 1968, số 106. - tr. 46-60

1434. NGUYỄN KHẮC TUNG. Bức tranh quê - Một chặng đường (Một số yếu tố đặc trưng của làng xã người Việt ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ từ trước Cách mạng tháng Tám đến nay - A rural landscape - A little way // NCLS, 1990, số 1 (248). - tr. 52-58.

1435. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. Truyền thuyết Hùng Vương ở Vĩnh Phù và công cuộc tìm hiểu lịch sử thời đại Hùng Vương - The legend of Kings Hung in Vinh Phu and the research their time // NCLS, 1970, số 134. - tr. 47-52.

1436. NGUYỄN KHẮC XƯƠNG. Mấy vấn đề về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng qua tư liệu Vĩnh Phù - The Trưng Sister uprising as revealed by documents found in Vinh Phu province // NCLS, 1973, số 151. - tr. 41-49.

1437. NGUYỄN KHÁC XƯƠNG. Biên giới Việt-Trung với vương triều Mạc - The Sino-Vietnamese frontier and the Mac dynasty // NCLS, 1983, số 5 (212). - tr. 12-23.
1438. NGUYỄN KHÁC XƯƠNG. Về vùng đất dài phủ An Tây, trấn Hưng Hóa thời Lê mạt - The An Tay district of the Hung Hoa province under the degeneration of the Le dynasty // NCLS, 1985, số 1 (220). - tr. 42-47.
1439. NGUYỄN LÂN. Vấn đề thống nhất cách phát âm tiếng Việt - The question of unification of pronunciation in Vietnam langue // VSD, 1956, số 19. - tr. 74-76.
1440. NGUYỄN LÊ THỊ. Tìm thêm dấu vết của Nguyễn Hữu Cầu và cuộc khởi nghĩa của ông hồi thế kỷ XVIII - Tracing documents on Nguyen Huu Cau and his uprising (XVIIIth Century) // NCLS, 1973, số 151. - tr. 33-40.
1441. NGUYỄN LIỀN. Phong trào Giáp Dân hay là cuộc đấu tranh chống Pháp (1913-1914) của nhân dân các dân tộc Mán (Yên Bái) - The Giap Dan movement or the struggle against the French colonialists of the Man people (Yen Bai) // NCLS, 1961, số 26. - tr. 55-65.
1442. NGUYỄN LIỀN. Những đồ đá mới tìm được ở Yên Bái - The things of neolithic time newly discovered in Yen Bai / Nguyễn Liên, L.V.L // NCLS, 1963, số 57. - tr. 63-64.
1443. NGUYỄN LINH. Di chỉ Gò Mun và vấn đề thời đại đồng thau ở Việt Nam - The vestiges of Go Mun and the question of the brass time in Vietnam // NCLS, 1964, số 58. - tr. 29-40.
1444. NGUYỄN LINH. Vài suy nghĩ về việc tìm hiểu thời đại Hồng Bàng - Some thinkings for the study on the Hong Bang time // NCLS, 1967, số 100. - tr. 32-39.
1445. NGUYỄN LINH. Vấn đề Hùng Vương và khảo cổ học - The question of Hung Vuong and archaeology / Nguyễn Linh, Hoàng Hưng // NCLS, 1968, số 108. - tr. 18-23.
1446. NGUYỄN LINH. Phải chăng Hùng Vương thuộc dòng dõi Thần-Nông? - The Kings Hung were the descendants of the God of agriculture? // NCLS, 1968, số 111. - tr. 24-35.
1447. NGUYỄN LINH. Về sự tồn tại của nước Văn Lang - About the existence of Van Lang country // NCLS, 1968, số 112. - tr. 19-32.
1448. NGUYỄN LINH. Bàn về nước Thục và Thục Phán - Discussion about the Thuc country and Thuc Phan // NCLS, 1969, số 124. - tr. 33-51.
1449. NGUYỄN LỘC. Có thể liệt những bài văn viết bằng chữ Hán vào kho tàng văn học của ta được không? - Can be ranked in our literary treasure the texts written in Chinese characters? // VSD, 1956, số 16. - tr. 81-84.
1450. NGUYỄN LỘC. Phong kiến Việt Nam có đấu tranh để thoát ly sự lệ thuộc vào chữ Hán không? (Góp mấy ý kiến nhận đọc bài của Lê Tùng Sơn) - The Vietnam feudalists, did they struggle for getting out of the dependence to the Chinese characters? (Exchange of opinions in the occasion of reading the article of Le Tung Son) // VSD, 1957, số 25. - tr. 81-86.

1451. NGUYỄN LỘC. "Tiếng cười Việt Nam" T.I của Văn Tân (Đọc sách) - Reading the Van Tan's work : Tome I "The Vietnam baugther" // VSD, 1957, số 32. - tr. 57-62.

1452. NGUYỄN LỘC. Góp mấy ý kiến về quyển "Sơ khảo lịch sử văn học Việt Nam" Q.I do Nxb Văn Sứ Địa xuất bản - Some remarks about the book : "First draft of Vietnam literary history" // VSD, 1958, số 41. - tr. 83-90.

1453. NGUYỄN LỘC. Qua các truyền thuyết và thần tích ở Vĩnh Phú, bước đầu tìm hiểu mối quan hệ Hùng Vương và Thục Vương - Preliminary study of connections between Hung Vuong and Thuc Vuong // NCLS, 1971, số 137. - tr. 54-60.

1454. NGUYỄN LỘC. Phát hiện một số tư liệu lịch sử ở Hương Nộn (Vĩnh Phù) - Discovery of some historical documents in Huong Non (Vinh Phu province) // NCLS, 1972, số 143. - tr. 64.

1455. NGUYỄN LỘC. Di tìm dấu vết thời kỳ Hai Bà Trưng trên miền đất đóng đô của Hai Bà - Tracing the Sisters Trung's period in the former capital area / Nguyễn Lộc, Văn Lang // NCLS, 1973, số 150. - tr. 44-51.

1456. NGUYỄN LỘC. Vài ý kiến về bài "Huyện Mê Linh thời Hai Bà Trưng" - Some considerations of after reading the article "The sub-pefecture of Me Linh at the times of two Sisters Trung" // NCLS, 1977, số 4 (175). - tr. 91-94.

1457. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Những tiêu chuẩn nhận định sự hình thành dân tộc - The criterions for an estimation on the national formation // VSD, 1955, số 12. - tr. 29-40.

1458. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Nguyên nhân thành bại của cuộc cách mạng Tây Sơn - The causes of Tay Son revolution victory and of defeat // VSD, 1956, số 14. - tr. 45-50.

1459. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Các nhà sử học Liên Xô nhận xét lại về những đặc điểm chủ yếu của quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong kiến (Trong cuốn sách giáo khoa "Kinh tế chính trị học" do Viện Nghiên cứu Kinh tế Liên Xô biên soạn) - The Soviet historians estimate a new on the essential particularities of the fundamental economical law of feudalism (In the handbook of politican economy, written by the Soviet Institute for recach in economy) // VSD, 1956, số 22. - tr. 64-68.

1460. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Nhận định về mấy kiến giải khác nhau trong vấn đề chế độ nô lệ ở Việt Nam - Estimation on some different understandings in the question of slavery in Vietnam // VSD, 1957, số 24. - tr. 19-30 ; số 25. - tr. 51-59.

1461. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Một ý kiến thêm về chủ trương lịch sử Việt Nam không có thời kỳ chế độ nô lệ của ông Đào Duy Anh - Again some ideas contributing to the point of view "There was not slavery period in the Vietnam history" of Mr. Dao Duy Anh // VSD, 1957, số 32. - tr. 9-18.

1462. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Lịch sử Việt Nam có hay không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ? - In the Vietnam history, there was or there wasn't slavery period // VSD, 1957, số 35. - tr. 34-46.

1463. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Những vấn đề được sửa lại trong cuốn sách giáo khoa "Chính trị kinh tế học" sắp xuất bản lần thứ ba** - The questions corrected in the handbook of political economy, third edition ready to publish // VSD, 1958, số 39. - tr. 33-42.

1464. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại trong công tác sử học của Trung Quốc** - The struggle against revisionism in history work in China // VSD, 1958, số 40. - tr. 14-34.

1465. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Dính chính bài "Những vấn đề được sửa lại trong cuốn sách giáo khoa "Chính trị kinh tế học" sắp xuất bản lần thứ ba"** - Some corrections to the article "The questions corrected in the handbook of political economy, third edition ready to publish" // VSD, 1958, số 41. - tr. 72-76.

1466. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Một nét sơ lược về dân tộc học mác xít** - Some summary features on marxist Ethnology // VSD, 1958, số 47. - tr. 15-33.

1467. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Góp ý kiến về công tác dân tộc học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện tại** - Contribution to the Ethnological work in the present phase in Vietnam // NCLS, 1959, số 3. - tr. 17-29.

1468. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Một số nhận xét về nền khảo cổ học của thực dân Pháp ở Việt Nam trước đây** - Some remarks on the Archaeology of the French colonialism in Vietnam in the past // NCLS, 1959, số 4. - tr. 12-23.

1469. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Không sùng bái học giả thực dân, cần nhận rõ và phê phán những sai lầm, thiếu sót của họ trong khảo cổ học** - Don't idolize the colonialist scholars, it is necessary to have a good discernment and to criticize their errors and insufficiency in Archaeology // NCLS, 1960, số 11. - tr. 72-87.

1470. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Sự phát triển của sức sản xuất đã quyết định sự hình thành quan hệ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam thời cổ đại** - The development of the productive forces determined the formation of slavery relations in Vietnam in the Antiquity // NCLS, 1960, số 16. - tr. 52-61.

1471. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Một lần nữa chúng tôi nhận định xã hội cổ đại Việt Nam đã qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ** - Again we estimate that the Vietnam antique society had past through the slavery period // NCLS, 1960, số 19. - tr. 42-53.

1472. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Bảy năm công tác dân tộc học ở Việt Nam** - Seven years of Ethnological work in Vietnam // NCLS, 1960, số 21. - tr. 41-45.

1473. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Vấn đề lịch sử hiện đại tại "Tuần lễ tư tưởng mác-xít" ở Pháp** - The question of writing contemporary history in "The week of Marxist thinking" in French // NCLS, 1962, số 41. - tr. 52-59.

1474. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Một số ý kiến về công tác nghiên cứu lịch sử địa phương** - Some ideas about the historical study work in the localities // NCLS, 1963, số 48. - tr. 24-31.

1475. NGUYỄN LUÔNG BÍCH. **Quá trình phát triển của các cộng đồng người là từ bộ lạc lên bộ tộc, từ bộ tộc lên dân tộc hay là tiến thẳng từ bộ lạc lên dân tộc?** - The

process of human communities development is from tribe to clan, from clan to people, or from tribe passing directly to people? // NCLS, 1963, số 49. - tr. 10-19.

1476. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. "Phương thức sản xuất châu Á" là gì? - What is the Asiatic Mode of production? // NCLS, 1963, số 53. - tr. 2-10 ; số 54. - tr. 18-26.

1477. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Lạc Việt, Lạc Vương, Lạc Hầu, Lạc tướng, Lạc dân là tổ tiên của người Việt chúng ta hay là tổ tiên chung của nhiều dân tộc khác - Lac Viet, Lac Vuong, Lac Hau, Lac tuong, Lac dan was our Viet people's common ancestors or they was common ancestors of most other people? // NCLS, 1963, số 56. - tr 3-12.

1478. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Thử tìm hiểu thêm về vấn đề Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ khi nào? - To try to understand more concretely about the question Nguyen Trai participated to Lam Son insurrection from what time? // NCLS, 1967, số 98. - tr. 23-38.

1479. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Một số suy nghĩ về vấn đề sở hữu ruộng đất trong xã hội phong kiến Việt Nam - Some thinkings about the question of land proprietorship in Vietnam feudal society // NCLS, 1968, số 109. - tr. 27-35

1480. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Một điểm nổi bật trong đường lối chỉ đạo chiến tranh chống xâm lược của dân tộc ta thời Lý - Trần : Vấn đề tổ chức hậu phương - A conspicuous character in the direction of our people's war under the Ly-Tran's dynasty against the foreign invastion : the question of rear organisation // NCLS, 1968, số 115. - tr. 3-9, 21.

1481. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. "Phương thức sản xuất châu Á" tại miền núi Việt Nam trong các thời đại trước - The "Asiatic mode of production" in the Vietnam mountainous region in the past dynasties // NCLS, 1968, số 117. - tr. 4-19.

1482. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Giới thiệu mấy nét về giòng họ Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Văn Cừ - Some features of presentation the Nguyễn Trãi's descendants : Nguyễn Thiện Thuật, Nguyễn Văn Cừ // NCLS, 1969, số 119. - tr. 59-63.

1483. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Giai cấp thống trị ở Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII là giai cấp gì? (Nhân đọc bài "Giai cấp lãnh đạo của Việt Nam tiền thuộc địa" của nhà sử học Liên Xô Tchekhov đăng trên tạp chí Pháp "Tư tưởng" số 114 (4-1969) - What was the class governing Vietnam from the XVth Century to the XVIIth Century? (On occasion of reading the article "The leading class in the precolonialist Vietnam" of a Soviet historian Tchekhov published in "La Pensée" (thinking the French Review, No^o 114, April 1969) // NCLS, 1969, số 128. - tr. 40-49.

1484. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Một điểm soi sáng thêm sử liệu - Some features giving more light to historical documents // NCLS, 1970, số 133. - tr. 32-36.

1485. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Tài điều giặc và đại phá tuyệt giỏi của quân dân ta trong trận Bạch Đằng năm 1288 (Nhân kỷ niệm 692 năm chiến thắng Bạch Đằng 9-1288) - Excellent talent of Vietnamese army and people in mastering their Chinese aggressors and in attacking them during the naval battle of Bach Dang in 1288 // NCLS, 1980, số 2 (191). - tr. 23-28,49.

1486. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. Về thời điểm Nguyễn Trãi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn - About the Nguyen Trai's time of participation to the Lam Son uprising // NCLS, 1980, số 3 (192). - tr. 27-32.
1487. NGUYỄN LƯƠNG BÍCH. "Nguyễn Trãi - Thân thế và Sự nghiệp" (Đọc sách) - Reading the book entitled "Nguyen Trai his familiar issue and works" // NCLS, 1981, số 2 (197). - tr. 87-90.
1488. NGUYỄN MINH. Ôn lại cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng - Reviewing the insurrection of two Sisters Trung // VSD, 1955, số 5. - tr. 48-51.
1489. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Góp phần xác định vị trí sông Thiên Mạc trong cuộc kháng chiến chống Nguyên năm 1285 - Contribution to the location of Thien Mac river at the time of anti Mongolian resistance war of 1285 // NCLS, 1985, số 6 (225). - tr. 41-44.
1490. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Quan hệ bang giao giữa nhà Mạc và nhà Minh thế kỷ XVI - The relations between nations of the Mac dynasty with the Ming dynasty in the XVIth Century // NCLS, 1991, số 6 (259). - tr. 33-38.
1491. NGUYỄN MINH TƯỜNG. Chính sách đối với dân tộc thiểu số của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX - The national monorities policy of the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6 (271). - tr. 37-44.
1492. NGUYỄN MINH VĂN. Có thể xếp loại văn dịch những tác phẩm chữ Hán do người Việt Nam viết vào văn học Việt Nam không? - Can be ranked in Vietnam literature the translated books written in Chinese characters by the Vietnamese authors? // VSD, 1955, số 7. - tr. 58-61.
1493. NGUYỄN MINH VĂN. Vì sao không thể liệt những bài văn chữ Hán vào văn học của ta được? - Why can't it be ranked in our national literature the texts written in Chinese characters? // VSD, 1956, số 15. - tr. 71-86.
1494. NGUYỄN NGHĨA. Góp thêm một ít tài liệu về công cuộc hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam và vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc - Adding a few documentation about the reunification of the first communist organizations in Vietnam and the role of comrade Nguyen Ai Quoc // NCLS, 1964, số 59. - tr. 3-8.
1495. NGUYỄN NGHĨA. Công cuộc hợp nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước sau Hội nghị Hương Cảng và việc tổ chức Ban Trung ương lâm thời đầu tiên - The reunification of the Communist organizations at home, after the Hong Kong congress and the organization of the provisory first central committee // NCLS, 1964, số 62. - tr. 54-59.
1496. NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG. Thủ tìm hiểu một số hoa văn trên trống đồng Ngọc Lũ - About ornemantal designs on the Ngoc Lu drums // NCLS, 1971, số 141. - tr. 28-44.
1497. NGUYỄN NGỌC CHƯƠNG. Bước đầu giới thiệu một số nguồn tư liệu xung quanh di tích lịch sử thuộc về khởi nghĩa Hai Bà Trưng - Documentation sources about historical sites concerning the Trung Sisters uprising (preliminary introduction) // NCLS, 1972, số 146. - tr. 23-27.

1498. NGUYỄN NGỌC CƠ. **Vài ý kiến về nội dung giảng dạy lịch sử Việt Nam thời kỳ 1858-1945** - Some opinions on Vietnam History teaching content in the period 1858-1945 // NCLS, 1993, số 3 (268). - tr. 32-35.

1499. NGUYỄN NGỌC CƠ. **Sự biến đổi đời sống vật chất của nông dân đồng bằng sông Hồng từ 1976 đến nay (Qua số liệu thống kê của một số địa phương)** - The change of peasants material life in the Red River delta from 1976 to now (Through statistical data of some regions) / Nguyễn Ngọc Cơ, Nguyễn Việt Hiển// NCLS, 1993, số 4 (269). - tr. 11-18,39.

1500. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Vài nét về cuộc đấu tranh chống sự nô dịch về kinh tế của đế quốc Mỹ ở châu Mỹ Latinh từ sau cách mạng Cuba** - Some features about the struggle against the economic subjection of US imperialism at Latin America since Cuban revolution / Nguyễn Ngọc Mão, Hán Văn Tâm // NCLS, 1981, số 1(196). - tr. 77-84.

1501. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Vài nét về sự ủng hộ của Cuba đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam** - Some features about the support of Cuba toward the Vietnam's revolutionary work // NCLS, 1982, số 1 (202). - tr. 68-72.

1502. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Bước đầu tìm hiểu về quá trình giải quyết vấn đề ruộng đất và nông dân của cách mạng Cuba** - First inquiries in to the settlement of land and peasant problems by the Cuba revolution // NCLS, 1983, số 6 (213). - tr. 73-79.

1503. NGUYỄN NGỌC MÃO. **Cuba và Mỹ la tinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam** - Cuba and Latin America and the anti US resistance war waged by the Vietnamese people // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 59-63.

1504. NGUYỄN NGỌC MINH. **Tuyên ngôn 1789 về quyền con người và quyền của người dân** - **Ý nghĩa lịch sử và thời đại của nó** - The Declaration of 1789 of human and civil rights - Its epoch making meaning // NCLS, 1989, số 2 (245). - tr. 35-39.

1505. NGUYỄN NGỌC QUẾ. **Cách mạng Cuba** - About the Cuban revolution / Nguyễn Ngọc Quế, Nguyễn Xuân Kỳ // NCLS, 1967, số 105. - tr. 50-56.

1506. NGUYỄN NGỌC THUỴ. **Về con nước triều trong trận Bạch Đằng 1288** - About the flux and the reflux in the Bach Dang battle 1288 // NCLS, 1964, số 63. - tr. 36-53.

1507. NGUYỄN NGỌC THUỴ. **Giá trị khoa học của các tài liệu quan sát thiên nhiên trong sử cũ** - Scientific value of astronomical observation documents in the ancient history // NCLS, 1964, số 68. - tr. 47-49.

1508. NGUYỄN NGỌC THUỴ. **Thủy triều trong chiến thắng vĩ đại Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785** - The role of tides in the great victory of Rach Gam - Xoai Mut in 1785 // NCLS, 1980, số 6 (195). - tr. 73-76.

1509. NGUYỄN NGỌC THUỴ. **Thuỷ triều trong chiến thắng Bạch Đằng năm 938** - The tide in the victory of Bach Dang in 938 year // NCLS, 1982, số 2 (203) . - tr. 30-36.

1510. NGUYỄN NGỌC THUỴ. **Góp phần nghiên cứu lịch sử thời kỳ Hai Bà Trưng : ý nghĩa khoa học của các sử liệu trong lĩnh vực khí tượng thủy văn** - The scientific meanings of historical documents in hydrometeorology // NCLS, 1983, số 2 (209). - tr. 42-44.

1511. NGUYỄN NGỌC TUẤN. Phát hiện về một bài văn bia của vua Lê Thái Tông ở khu Tây Bắc - Discovery of a writing on stele of the King Le Thai Tong in the North West region // NCLS, 1966, số 89. - tr. 59-60.
1512. NGUYỄN NGỌC TUẤN. Tìm thấy bài thơ của vua Lê Thái Tổ ở Lai Châu - Discovery of a poem of the King Le Thai To in Lai Chau / Nguyễn Ngọc Tuấn, Trần Tâm // NCLS, 1967, số 103. - tr. 55-59.
1513. NGUYỄN PHAN HOÀNG. Bước đầu tìm hiểu về một làng Thiên chúa giáo thời cận đại : làng Lưu Phương - About a Catholic village in modern times in Vietnam : Luu Phuong // NCLS, 1986, số 4 (229). - tr. 62-72.
1514. NGUYỄN PHAN QUANG. Thêm vài ý kiến đánh giá những cải cách và thất bại của Hồ Quý Ly - Some ideas contributing to the estimation on the reforms and the defeat of Ho Quy Ly // NCLS, 1961, số 28. - tr. 18-24.
1515. NGUYỄN PHAN QUANG. Vài ý kiến về phong trào nông dân Tây Sơn - Some thinkings about the peasant movement Tay Son // NCLS, 1962, số 35. - tr. 11-20.
1516. NGUYỄN PHAN QUANG. Vài ý kiến về tình hình ruộng đất thời Tây Sơn - About the land situation in the time of Tay Son // NCLS, 1962, số 45. - tr. 25-32.
1517. NGUYỄN PHAN QUANG. Dánh giá phong trào nông dân khởi nghĩa trong nửa đầu thế kỷ XIX - The evaluation on the peasant insurrection movement in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1964, số 61. - tr. 42-47,62.
1518. NGUYỄN PHAN QUANG. Bước đầu tìm hiểu tình hình đấu tranh giai cấp ở thời Gia Long (1802 -1819) - In the first step studying on the class struggle situation in the time of Gia Long (1802-1819) / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận // NCLS, 1965, số 78. - tr. 9-23.
1519. NGUYỄN PHAN QUANG. Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều Gia Long - Studying the hard work regime and the military service under the Gia Long dynasty (1802-1819) / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận // NCLS, 1965, số 80. - tr. 15-25.
1520. NGUYỄN PHAN QUANG. Về vấn đề yêu sách ruộng đất trong phong trào nông dân ở Việt Nam thời kỳ phong kiến - About the claims of land in the peasant movement in Vietnam feudal time // NCLS, 1966, số 91. - tr. 34-38.
1521. NGUYỄN PHAN QUANG. Tìm hiểu một điểm liên quan đến nguyên nhân cuộc bạo động Lê Văn Khôi : Vấn đề Lê Văn Duyệt - Studying a point relative to the causes of the rebellion of Le Van Khoi : The question of Le Van Duyet / Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận, Chu Thiên // NCLS, 1967, số 105. - tr. 24-34,41.
1522. NGUYỄN PHAN QUANG. Thêm mấy điểm về cuộc bạo động Lê Văn Khôi (1833-1835) - Again some new point contributing to the study on the rebellion of Le Van Khoi (1833-1835) // NCLS, 1972, số 147. - tr. 39-46.
1523. NGUYỄN PHAN QUANG. Vấn đề Cố Du (Marchand) trong cuộc bạo động Lê Văn Khôi (1833-1835) - Father Du (Marchand) and Le Van Khoi's uprising // NCLS, 1974, số 158. - tr. 53-68.

1524. NGUYỄN PHAN QUANG. Cuộc khởi nghĩa Nông Văn Văn ở Bảo Lạc - First studies on the Nong Van Van insurrection at Bao Lac / Nguyễn Phan Quang, Lê Xuân Liên, Nguyễn Văn Thạc // NCLS, 1975, số 5 (164). - tr. 56-69.

1525. NGUYỄN PHAN QUANG. Về cuốn sách 'Lịch sử nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802' của Tạ Chí Đại Trưởng - On the 'History of the Vietnam civil war from 1771 to 1802' of Ta Chi Dai Truong // NCLS, 1976, số 167. - tr. 89-93, số 168. - tr. 88-94.

1526. NGUYỄN PHAN QUANG. Một vài suy nghĩ khi đọc "Máy tư liệu về ruộng đất công làng xã dưới triều đại Tây Sơn" của đồng chí Nguyễn Đức Nghinh - Some reflections after reading the article of Nguyen Duc Nghinh entitled "Some documents on the communal lands and rice - fields under the Tay Son's dynasty // NCLS, 1978, số 3 (180). - tr. 79-82.

1527. NGUYỄN PHAN QUANG. Máy tư liệu về khởi nghĩa Nông Văn Văn ở huyện Chợ Rá (Bắc Thái) - Some documents on the Nong Van Van insurrection at Cho Ra district (Bac Thai) / Nguyễn Phan Quang, Đỗ Trung Đan // NCLS, 1978, số 4 (181). - tr. 93-106.

1528. NGUYỄN PHAN QUANG. Vài ý kiến về nhân vật Nguyễn Công Trứ - Some throughs on the personage of Nguyen Cong Tru / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Danh Phiệt // NCLS, 1978, số 5 (182). - tr. 59-70.

1529. NGUYỄN PHAN QUANG. Trở lại vấn đề lai lịch Lê Văn Khôi - Econsidering of origin of Le Van Khoi // NCLS, 1979, số 2 (185). - tr. 78-86.

1530. NGUYỄN PHAN QUANG. Khởi nghĩa Ba Nhàn, Tiền Bột chống triều Nguyễn ở trung du Bắc Bộ (1833-1843) - The uprising of Ba Nhan, Tien Bot in the middle region of Bac Bo against the Nguyen dynasty (1833-1943) // NCLS, 1979, số 4 (187). - tr. 38-52.

1531. NGUYỄN PHAN QUANG. Tìm hiểu thêm khởi nghĩa Phan Bá Vành - Additional study on Phan Ba Vanh uprising / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Tiến Đoàn, Nguyễn Cảnh Minh // NCLS, 1979, số 5 (188). - tr. 31-45.

1532. NGUYỄN PHAN QUANG. Phong trào Kỳ Đồng, Mạc Đĩnh Phúc những năm cuối thế kỷ XIX - The movement of Ky Dong - Mac Dinh Phuc in the last years of the XIXth Century / Nguyễn Phan Quang, Nguyễn Tiến Đoàn // NCLS, 1980, số 5 (194). - tr. 24-34.

1533. NGUYỄN PHAN QUANG. Tìm hiểu mối quan hệ giữa hai cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi và Nông Văn Văn (1833-1835) - Study on the relations between two uprisings of Le Van Khoi and of Nong Van Van (1833-1835) // NCLS, 1981, số 1 (196). - tr. 69-76.

1534. NGUYỄN PHAN QUANG. Khởi nghĩa Nông Văn Văn ở Cao Lạng 1833-1835 - The uprising of Nong Van Van at Cao Lang province in 1833-1835 // NCLS, 1981, số 4 (199). - tr. 37-51.

1535. NGUYỄN PHAN QUANG. Giới thiệu ba bức thư của Kỳ Đồng gửi Toàn quyền, Công sứ Pháp - Three letters of Ky Dong // NCLS, 1982, số 5 (206). - tr. 67-73.

1536. NGUYỄN PHAN QUANG. Bản khai cung của Kỳ Đồng ngày 22-9-1897 - The verbal statement of Ky Dong on the 22th September 1897// NCLS, 1983, số 1 (208). - tr. 76-81.

1537. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Nông Văn Văn ở Hà Tuyên 1833-1835 - The insurrection of Nong Van Van at Ha Tuyen** // NCLS, 1983, số 3 (210). - tr. 39-51.
1538. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lâm Sâm ở Lạc Hoá, tỉnh Cửu Long (1841-1842) - The insurrection of Lam Sam at Lac Hoa, province of Cuu Long 1841-1842** // NCLS, 1983, số 4 (211). - tr. 27-34.
1539. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Ba Xuyên, tỉnh Hậu Giang (1841-1842) - The Ba Xuyen insurrection at Hau Giang (1841-1842)** // NCLS, 1983, số 5 (212). - tr. 35-41.
1540. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Thất Sơn, tỉnh An Giang (1841-1842) - The That Son insurrection in the An Giang province (1841-1842)** // NCLS, 1983, số 6 (213). - tr. 64-69.
1541. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa ở Hà Âm, Hà Dương - Tỉnh Kiên Giang (1841-1842) - The Ha Am, Ha Duong insurgency in the province of Kien Giang (1841-1842)** // NCLS, 1984, số 2 (215). - tr. 38-44.
1542. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Vũ Đình Dung - The Vu Dinh Dung uprising / Nguyễn Phan Quang, Hoàng Đình Chiến** // NCLS, 1984, số 3 (216). - tr. 48-59.
1543. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Nguyễn Tuyễn, Nguyễn Cù - The insurgency of Nguyen Tuyen, Nguyen Cu** // NCLS, 1984, số 6 (219). - tr. 56-67,82.
1544. NGUYỄN PHAN QUANG. **Về địa danh Trà Luật trong chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút - On the Tra Luat place name / Nguyễn Phan Quang, Dương Văn Huề** // NCLS, 1985, số 1 (220). - tr. 36-41.
1545. NGUYỄN PHAN QUANG. **Cánh binh vận G.4 (khu Bảy Hiền, quận Tân Bình) trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975 - Apropaganda unit acting secretly in enemy ranks. Its activities the general offensive and upheaval of Spring 1975 / Nguyễn Phan Quang, Đỗ Bích Liên** // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 53-58.
1546. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lê Duy Lương - The Le Duy Luong insurgency** // NCLS, 1985, số 5 (224). - tr. 64-70.
1547. NGUYỄN PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Đá Vách - The Da Vach insurgency** // NCLS, 1985, số 6 (225). - tr. 16-22.
1548. NGUYỄN PHAN QUANG. **Thêm vài suy nghĩ về phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX - The peasant movement during the early half of the XIXth Century in Vietnam** // NCLS, 1986, số 2 (227). - tr. 34-41.
1549. NGUYỄN PHAN QUANG. **Hai bản đồ đầu tiên về nhà tù Côn Đảo - Two first maps on Con Dao prison / Nguyễn Phan Quang, Lê Hữu Phước** // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247). - tr. 97-100.
1550. NGUYỄN PHAN QUANG. **Ba bức thư từ Nam Kỳ năm 1863 - Three letters from the Cochinchina in 1863** // NCLS, 1990, số 5 (252). - tr. 80-83.

1551. NGUYỄN PHAN QUANG. "Hồi ký về xứ Cochinchine" năm 1744 - "Memoir on Cochinchina" in 1744 // NCLS, 1991, số 1 (254). - tr. 75-79.

1552. NGUYỄN PHAN QUANG. Phong trào chống Pháp do Đào Công Bửu lãnh đạo (1893-1894) - The movement against the French colonialists under the direction of Dao Cong Buu (1893-1894) // NCLS, 1991, số 4 (257). - tr. 67-70.

1553. NGUYỄN PHAN QUANG. Thời đại Nguyễn Bình Khiêm qua thơ văn của ông - Nguyen Bin Khiem epoch through his poetry and prose // NCLS, 1991, số 6 (259). - tr. 39-41.

1554. NGUYỄN PHAN QUANG. Cuộc nổi dậy của tù nhân Côn Đảo tại hòn Bảy Cạnh (tháng 8 - 1883) - The uprising of Con Dao prisoners in Bay Canh islet (August of 1883) / Nguyễn Phan Quang, Lê Hữu Phước // NCLS, 1992, số 2 (261). - tr 72-78.

1555. NGUYỄN PHAN QUANG. Một số nhận định của Philippe Langlet về hoạt động của Quốc sử quán triều Nguyễn - Some opinions of Philippe Langlet on the activities of National history institute under the Nguyen dynasty / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng // NCLS, 1992, số 4 (263). - tr. 83-90.

1556. NGUYỄN PHAN QUANG. Về lăng mộ Trương Định xây năm 1875 - On the Truong Dinh Tomb erected in 1875 // NCLS, 1992, số 6 (265). - tr. 77-80.

1557. NGUYỄN PHAN QUANG. Đốc Tích và những năm lưu đày ở Algérie - Doc Tich and the years living in exile in Algeria // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 80-81.

1558. NGUYỄN PHAN QUANG. Nhà sử học Mỹ Stephen E.Ambrose viết về chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam - Stephen E.Ambrose writing on the American War in Vietnam / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 88-91.

1559. NGUYỄN PHAN QUANG. Phan Văn Trường và Nguyễn Ái Quốc - Phan Van Truong and Nguyen Ai Quoc / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng // NCLS, 1994, số 2 (273). - tr. 71-73

1560. NGUYỄN PHAN QUANG. Vụ trả hàng của Đội Văn, thủ lĩnh xuất sắc của phong trào Bãi Sậy - The submission feint of Sergeant Van, a remarkable leader in the Bai Say Movement // NCLS, 1994, số 3 (274). - tr. 73-77.

1561. NGUYỄN PHAN QUANG. Phan Châu Trinh dưới mắt Phan Văn Trường - Phan Chau Trinh under the eyes of Phan Van Truong / Nguyễn Phan Quang, Phan Văn Hoàng // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr. 64-68.

1562. NGUYỄN PHAN QUANG. Độc quyền thuốc phiện ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX - The opium monopoly in Cochinchina in the end of the XIXth Century // NCLS, 1994, số 6 (277). - tr. 69-71.

1563. NGUYỄN QUANG HỒNG. Văn đề niên đại của văn bản "Đại Việt Sử ký toàn thư" - Bản Nội các quan bản lưu trữ tại Paris- Dating of the "Dai Viet Su ky toan thu" version still preserved in Paris // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243). - tr. 40-45.

1564. NGUYỄN QUANG HUY. **Cần loại bỏ mọi yếu tố chính trị để sự phong Thánh trở nên sinh hoạt tôn giáo thuần tuý** - It is necessary to reject all political elements so that the canonization becomes the purely religious life.// NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 6-8.

1565. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Căn cứ địa buổi đầu của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn** - Resistance bases at the beginning of the Tay Son's insurrectionary movement / Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đại Doãn // NCLS, 1979, số 1 (184). - tr. 39-50.

1566. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Từ một số địa danh trong chuyên đề nghiên cứu địa lý học lịch sử thời kỳ Hai Bà Trưng, suy nghĩ về một phương pháp địa danh học** - About some place names used in the study by historical geography method on the Two Sisters Trung's period. A reflection on a method of toponymy // NCLS, 1982, số 5 (206). - tr. 78-85.

1567. NGUYỄN QUANG NGỌC. "Chế độ ruộng đất ở Việt Nam (T.I : thế kỷ XI-XV)" (Đọc sách) - Apropos of the book entitled "Land administration in Vietnam" (vol I : From the XIth to the XVth Centuries) // NCLS, 1983, số 6 (213). - tr. 80-87.

1568. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Mấy nhận xét về kết cấu kinh tế của một số làng thương nghiệp ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII - XIX** - Remarks on the economic structure of some villages of trades people in the North Vietnamese delta in XVIII-XIX Centuries // NCLS, 1984, số 5 (218). - tr. 38-43.

1569. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Mấy ý kiến về hoạt động thương nghiệp ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ thế kỷ XVIII-XIX (hiện tượng và bản chất)** - Trading activities in the Bac Bo delta in XVIII-XIX Centuries / Nguyễn Quang Ngọc, Phan Đại Doãn // NCLS, 1985, số 5 (224). - tr. 26-32.

1570. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Góp thêm ý kiến về vấn đề Hoàng thành Thăng Long thời Lý-Trần và lịch sử "Thập tam trại"** - Contribution to the location of Thang Long imperial city under Ly and Tran dynasties and the history of "Thap tam trai" // NCLS, 1986, số 1 (226). - tr. 25-33.

1571. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Niên đại bản in "Nội các quan ban" - Sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" có thể là năm 1856 được không?** - Can the "Noi Các quan ban" engraving for "Đại Viet Su ky toan thu" date from the year 1856? // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243). - tr. 71-72.

1572. NGUYỄN QUANG NGỌC. **Thêm vài ý kiến về Tam Diệp** - Some supplementary ideas about Tam Diep // NCLS, 1989, số 1 (244). - tr. 50-52.

1573. NGUYỄN QUANG QUYỀN. **Những hiểu biết hiện nay về nguồn gốc các loại hình chủng tộc Việt Nam** - The actual knowledge about the origin of different races in Vietnam // NCLS, 1981, số 3 (198). - tr. 22-29.

1574. NGUYỄN QUỐC DŨNG. **Tìm hiểu hoạt động vũ trang tại các căn cứ thuộc miền Đông Nam Bộ trước đồng khởi** - Armed resistance activities in Eastern Nam Bo on the eve of the "General uprising" // NCLS, 1983, số 5 (212). - tr. 62-67.

1575. NGUYỄN QUỐC DŨNG. Một số suy nghĩ bước đầu về Chủ tịch Hồ Chí Minh với thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - President Ho Chi Minh and the total success of the anti U.S. resistance war // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 18-24.

1576. NGUYỄN QUỐC DŨNG. Vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng trong 40 năm qua - The combination of economy and national defence over the past 40 years // NCLS, 1985, số 4 (223). - tr. 39-47.

1577. NGUYỄN QUỐC HÙNG. Một giai đoạn lịch sử vẻ vang của một dân tộc anh hùng (Nhân đọc cuốn "Lịch sử cách mạng Cuba" của Phạm Xuân Nam) - Reading the book : "History of the revolution of Cuba" // NCLS, 1977, số 3 (174). - tr. 90-93.

1578. NGUYỄN QUỐC HÙNG. Liên Xô, người quyết định chiến thắng - The Soviet Union, the decisive element of victory // NCLS, 1985, số 3 (222). - tr. 9-16.

1579. NGUYỄN QUỐC HÙNG. Mặt trận Việt Minh - Những khía cạnh quốc tế - The Vietminh Front and the international aspects // NCLS, 1991, số 2 (255). - tr. 37-42.

1580. NGUYỄN QUỐC HÙNG. Lịch sử thế giới và việc chúng ta "muốn là bạn với tất cả các nước" - World history and the motto : "We are friend of all the countries" // NCLS, 1991, số 5 (258). - tr. 31-34.

1581. NGUYỄN QUỐC HÙNG. Thủ bàn về mốc mở đầu của giai đoạn lịch sử thế giới hiện đại - About the beginning period of contemporary world history // NCLS, 1992, số 3 (262). - tr. 91-94.

1582. NGUYỄN QUỐC TUẤN. Làng cổ truyền Hrê và Ka Dzong : Những vấn đề kinh tế và xã hội - Traditional villages with the Hre and Ka Dzong // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233). - tr. 60-72.

1583. NGUYỄN SINH DUY. Án Nai và trận Phú Thượng (Quảng Nam)- An Nai and the Phu Thuong battle (Quang Nam) // NCLS, 1976, số 6 (171). - tr. 71-77.

1584. NGUYỄN SINH DUY. Trận đột kích Nam Chon (Quảng Nam) (2-1886) - An attack on enemy position at Nam Chon (Quang Nam province) (2-1886) // NCLS, 1981, số 2 (197). - tr. 77-79.

1585. NGUYỄN SINH DUY. Thái Phiên và vụ giành đất Cẩm Đinh (Nghi An - Quảng Nam) với thực dân Pháp - Thai Phien and the struggle for reconquest of the land Cam Dinh (Nghi An village - Quang Nam province) against French colonialists // NCLS, 1982, số 4 (205). - tr. 72-78.

1586. NGUYỄN SINH DUY. Trở lại bản án của Trần Quý Cáp - Again about the process of Tran Quy Cap // NCLS, 1994, số 2 (273). - tr. 74-81.

1587. NGUYỄN TÀI. Đặng Thúc Húa, một tấm gương yêu nước bền bỉ, bất khuất - Dang Thuc Hua, an example of an unyielding persevering patriotist / Nguyễn Tài, Hoàng Trung Thực // NCLS, 1965, số 76 . . tr. 51-60

1588. NGUYỄN TÀI. **Những mẩu chuyện về cụ Đặng Thúc Hứa** - The bish of history on Dang Thuc Hua // NCLS, 1965, số 79. - tr. 26-40 ; số 80. - tr. 40-46.

1589. NGUYỄN TÀI CẨN. **Về vấn đề niên đại và giá trị của bản in "Đại Việt Sử ký toàn thư" do Giáo sư Demiéville còn giữ được ở Paris** - Dating and value of the "Đại Việt Su ky toan thu" version still preserved in Paris by Pr. Demiéville // NCLS, 1988, số 5-6 (243-244). - tr. 33-37.

1590. NGUYỄN TÀI SÁNG. **Cầm Bá Thước và những ngày cuối cùng của phong trào Cần vương ở Thanh Hoá** - Cam Ba Thuoc and the last days of the Can vuong scholars' movement in Thanh Hoa // NCLS, 1975, số 2 (161). - tr. 63-65.

1591. NGUYỄN TÀI THƯ. **Nguyễn Công Trứ, con người nho sĩ** - Nguyen Cong Tru, the scholar // NCLS, 1978, số 5 (182). - tr. 39-49.

1592. NGUYỄN TẠO. **Vượt ngục lần thứ hai** - Second escape from prison // NCLS, 1971-1973, số 141 đến số 148.

1593. NGUYỄN THANH NAM. **Mấy nhận xét về Phan Chu Trinh** - Some remarks on Phan Chu Trinh // NCLS, 1965, số 71. - tr. 40-42.

1594. NGUYỄN THANH SỸ. **Những thủ đoạn cưỡng bức lao động của tư bản thực dân Pháp ở khu mỏ Hòn Gai - Đông Triều (Từ khi chúng chiếm đoạt đến năm 1940)** - The working coercive measures of French colonialist capitalists in the Hongai - Dong Trieu region of mines (From the time of their appropriation to 1940) / Nguyễn Thanh Sỹ, Thi Sản // NCLS, 1968, số 110. - tr. 26-34.

1595. NGUYỄN THANH SỸ. **Điều kiện làm việc cực nhọc và đời sống khốn cùng của công nhân vùng mỏ Hòn Gai - Đông Triều trước Cách mạng tháng Tám** - The hard conditons of working and the poor life of mine workers in Hon Gai - Dong Trieu before the August Revolution / Nguyễn Thanh Sỹ, Thi Sản // NCLS, 1969, số 118. - tr. 20-35.

1596. NGUYỄN THANH TUYỀN. **Công nhân và lao động ở các đô thị miền Nam trong cuộc tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975** - Workers and working people of the South Vietnam cities in the general offensive and uprising at the Spring of 1975 // NCLS, 1978, số 2 (179). - tr. 64-69.

1597. NGUYỄN THANH VÂN. **Nguyễn Doán Cử - Người thầy học, nhà văn thân yêu nước (1821-1890)** - Nguyen Doan Cu, the teacher, the patriotic scholar (1821-1890) / Nguyễn Thanh Vân, Nguyễn Tiến Đoàn // NCLS, 1992, số 1 (260). - tr. 71-75.

1598. NGUYỄN THANH VÂN. **Vài suy nghĩ về Nguyễn Mậu Kiến (1819-1879)** - Some thinkings on Nguyen Mau Kien (1819-1879) // NCLS, 1992, số 3 (262). - tr. 7-11.

1599. NGUYỄN THANH XUÂN. **"Cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành (1811-1827)" (Đọc sách)** - Reading the book : "The revolt led by Phan Ba Vanh (1811-1827)" // NCLS, 1986, số 2 (227). - tr. 86-88.

1600. NGUYỄN THANH XUÂN. "Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX" (Đọc sách) - Reading the book : "The peasant movement in Vietnam in the early half of XIXth Century / Nguyễn Thanh Xuân, Cao Văn Biền // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243). - tr. 106-111.

1601. NGUYỄN THÀNH. Văn đề chữ của dân tộc Thái - The question of handwriting script of the Thai people // VSD, 1958, từ số 39 đến 41.

1602. NGUYỄN THÀNH. Mấy ý kiến về báo chí tiến bộ cách mạng trong thời kỳ 1936-1939 và báo Dân chúng - Cơ quan trung ương của Đảng - On the progressive and revolutionary press over the 1936-1939 period and the "Dan chung" journal, organ of the C.C of the Party // NCLS, 1978, số 4 (181). - tr. 121-127.

1603. NGUYỄN THÀNH. Đánh chính sử liệu báo "Le Travail" - About the news paper "Le Travail" // NCLS, 1980, số 4 (193). - tr. 90-92.

1604. NGUYỄN THÀNH. "Báo chí cách mạng Việt Nam (1925-1945)" (Đọc sách) - On the book entitled "Revolutionary press of Vietnam (1925-1945)" // NCLS, 1981, số 1 (196). - tr. 90-93.

1605. NGUYỄN THÀNH. Về báo "Le Paria" - About the "Le Paria" // NCLS, 1982, số 1 (202). - tr. 81-84.

1606. NGUYỄN THÀNH. Báo "Sông Hương tục bản" với cuộc tranh cử vào Viện dân biểu Trung Kỳ năm 1937 - The "Song Huong tuc ban" gazette and the campaign for the election to the Annamese chamber of people' Deputies in 1937 // NCLS, 1983, số 4 (211). - tr. 75-79.

1607. NGUYỄN THÀNH. Văn tự bán Hòn Gá (tỉnh Quảng Yên cũ) của triều đình Huế cho tư bản Pháp - The act silling Hon Gac Island (acent province of Quang Yen) of the Court of Hue to French capitalism // NCLS, 1984, số 3 (216). - tr. 81-83..

1608. NGUYỄN THÀNH. Liên đoàn chống đế quốc - The anti-imperialist league // NCLS, 1986, số 6 (231). - tr. 9-17.

1609. NGUYỄN THÀNH. Những người cộng sản Việt Nam kỷ niệm 150 năm Cách mạng Pháp (1789-1939) - The 150th anniversary of French revolution celebrated by Vietnamese communists (1789-1939) // NCLS, 1989, số 2 (245). - tr. 73-78.

1610. NGUYỄN THÀNH. Về văn đề văn bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh - About the manuscripts of President Ho Chi Minh // NCLS, 1990, số 2 (249). - tr. 57-60.

1611. NGUYỄN THÀNH. Cách mạng tháng Tám 1945 trong dư luận chính trị ở Pháp - The August Revolution 1945 in the political public opinion in France // NCLS, 1990, số 4 (251). - tr. 70-73.

1612. NGUYỄN THÀNH. Vài sử liệu trong sách "Mặt trận Dân chủ Đông Dương" - On some historical materials in the books "Indochina democratic Front" // NCLS, 1992, số 1 (260). - tr. 86-87.

1613. NGUYỄN THÀNH. Tư liệu về bà Andréé Viollis trong cuốn "Lịch sử nhà dày Buôn Ma Thuột (1930-1945)" - Documents on Miss A.Viollis in the book "History of the prison of Buon Ma Thuot (1930-1945)" // NCLS, 1992, số 2 (261). - tr. 86.
1614. NGUYỄN THÀNH. Tìm hiểu tư tưởng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng - Research on the political ideology of Huynh Thuc Khang // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 7-15.
1615. NGUYỄN THÀNH. "Hồ Chí Minh à Paris 1917-1923" (Đọc sách) - Reading the book : "Ho Chi Minh à Paris (1917-1923)" // NCLS, 1993, số 3 (268). - tr. 89-90.
1616. NGUYỄN THÀNH. Vài ý kiến về bản "Yêu sách của nhân dân An Nam" năm 1919 - Some thinkings about the text "Certain requirements of the An Nam people" in 1919 // NCLS, 1994, số 3 (274). - tr. 87-90
1617. NGUYỄN THÀNH. Đọc "Sự trấn áp thuộc địa ở Việt Nam (1908-1940)" - Reading the book : "The colonial repression in Vietnam (1908-1940)" // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr. 78-84.
1618. NGUYỄN THÀNH. Bàn về thời điểm khởi đầu và kết thúc của Cách mạng tháng Tám 1945 - Discussion about the beginning and the ending period of the August Revolution of 1945 // NCLS, 1994, số 5 (276). - tr. 80-83.
1619. NGUYỄN THẾ HUỆ. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc với Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội - Comrade Nguyen Ai Quoc and the Vietnam Revolutionary youth Association // NCLS, 1985, số 3 (222). - tr. 48-56.
1620. NGUYỄN THẾ HUỆ. Về dân số Việt Nam thời Cổ-Trung đại - On the Vietnamese population in the Antiquity and the Middle Ages // NCLS, 1991, số 6 (259). - tr. 60-65.
1621. NGUYỄN THẾ HUỆ. Vài nét về dân số Hà Nội từ thập kỷ 20 đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai - Some features on the Ha Noi population from the 20 of the XXth Century to the Second World War // NCLS, 1992, số 2 (262). - tr. 38-42.
1622. NGUYỄN THẾ HUỆ. Về dân số Việt Nam từ thập kỷ 20 đến trước Cách mạng tháng Tám - Vietnam population from the second decade of the XXth Century to the eve of August Revolution // NCLS, 1992, số 6 (265). - tr. 49-52.
1623. NGUYỄN THẾ HUỆ. Xã Xuân Tiến 50 năm qua (Từ góc độ dân số và phát triển) - The commune of Xuan Tien (district of Xuan Thuy province of Nam Ha) in the past 50 years (From the angle of population and development) // NCLS, 1993, số 3 (268). - tr. 80-86.
1624. NGUYỄN THẾ HUỆ. Về di dân nông nghiệp vùng nông thôn châu thổ sông Hồng giai đoạn 1981-1990 - About the emigration of agricultural population in the Red River Delta between 1981-1990 // NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 35-38.
1625. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG. Góp ý kiến với ông Nguyễn Đồng Chí về "Một vài vấn đề về văn học sử" - Exchange of opinions with Mr. Nguyen Dong Chi about "Some questions of literary history" // VSD, 1956, số 17. - tr. 77-82.

1626. NGUYỄN THẾ PHƯƠNG. Tiếng Mường và mối liên quan về nguồn gốc giữa người Mường và người Kinh - The Muong language and the relations on the source between the Muong people and the Kinh people // VSD, 1958, số 42. - tr. 68-75.

1627. NGUYỄN THẾ TĂNG. Vài nét về tình hình nghiên cứu lịch sử Việt Nam trong thời gian gần đây ở Nhật Bản - Researches on Vietnam's history in Japan // NCLS, 1973, số 152. - tr. 53-57.

1628. NGUYỄN THẾ TĂNG. Vài nét về nước Campuchia thời kỳ Angco - Some features about Kampuchea in the Angkor times // NCLS, 1980, số 4 (193). - tr. 79-84.

1629. NGUYỄN THẾ TĂNG. Tìm hiểu về ruộng đất tư ở Campuchia thời kỳ Angco - Study on private ricefields and lands in the Angkor period at Kampuchea // NCLS, 1981, số 4 (199). - tr. 70-75.

1630. NGUYỄN THỊ CÔI. Về sách giáo khoa lịch sử Phổ thông Trung học (chương trình cải cách) - About the textbooks on general history for Secondary school in the program of reform // NCLS, 1993, số 3 (268). - tr. 25-28.

1631. NGUYỄN THỊ ĐÁM. Tìm hiểu về ngành vôi thuỷ Long Thọ ở Huế - Research in the hydraulic lime craft "Long Tho" in Hue // NCLS, 1992, số 6 (265). - tr. 44-48.

1632. NGUYỄN THỊ ĐÁM. Tìm hiểu mối quan hệ của công nhân Nhà máy vôi thuỷ Long Thọ (Huế) với làng xã (1896-1945) - Research about the relations of hydraulic lime factory workers at Long Tho (Hue) with the villages and communes (1896-1945) // NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 24-27.

1633. NGUYỄN THỊ QUẾ. Con đường hòa hợp dân tộc của cách mạng Lào (1954-1975) - The national concord advocated by Lao - tinan revolution in the 1954-1975 period // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243). - tr. 94-101.

1634. NGUYỄN THỊ QUẾ. Tình hình nước Lào sau Hiệp nghị Giơneva 1954 và con đường hòa bình, trung lập, hòa hợp dân tộc - The situation of Laos Country after the Geneva treaty of 1954 and the road to peace neutrality and national Concord // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 63-69.

1635. NGUYỄN THỊ QUẾ. Lực lượng trung lập yêu nước trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào - The patriotic forces in the national democratic revolution in the Laos // NCLS, 1993, số 5 (270). - tr. 56-60,93.

1636. NGUYỄN THỊ THUÝ NGA. Những đóng góp của Nguyễn Thông qua tác phẩm "Việt sử cương giám khảo lược" - Nguyen Thong's contributions through the work "Viet su cuong giam khao luoc" / Nguyễn Thị Thuý Nga, Dương Thái Minh // NCLS, 1990, số 2 (249). - tr. 84-90.

1637. NGUYỄN THỊ THU. Lenin và "Sự thức tỉnh châu Á" - Lenin and the "Wakening of Asia" / Nguyễn Thị Thư, Nguyễn Anh Thái // NCLS, 1984, số 5 (217). - tr. 9-14,24.

1638. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI. **Phan Bội Châu trong lịch sử cách mạng Việt Nam** - Phan Boi Chau in the Vietnam revolutionary history // NCLS, 1967, số 104. - tr. 41-44.
1639. NGUYỄN THÙA HỶ. **Về kết cấu đẳng cấp của thiết chế chính trị - xã hội thời Lý-Trần** - On the structure of caste of the politico-social institutions at the period Ly-Tran // NCLS, 1976, số 169. - tr. 42-53.
1640. NGUYỄN THÙA HỶ. **Mạng lưới chợ ở Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII-XVIII-XIX** - The network of market places of Thang Long - Ha Noi in the XVIIth, XVIIIth, XIXth Centuries // NCLS, 1983, số 1 (208). - tr. 33-43.
1641. NGUYỄN THÙA HỶ. **Phố phường Thăng Long - Hà Nội trong những thế kỷ XVII-XVIII-XIX** - The streets in the Thang Long - Ha Noi city in the XVIIth, XVIIIth, XIXth centuries// NCLS, 1983, số 3 (210). - tr. 52-60; số 4. - tr. 46-51.
1642. NGUYỄN THUỜNG. **Lịch với lịch sử kinh tế chính trị và chiến tranh** - Calendar and economical, political and war history // NCLS, 1992, số 3 (262). - tr. 51-59.
1643. NGUYỄN THƯỢNG HIỀN. **Giọt lệ bể dâu (Tang lê hải đàm)** - The drops of tear in the ups and downs of life (Tang hai le dam) // VSD, 1958, số 43. - tr. 80-88.
1644. NGUYỄN TIẾN DOÀN. **Qua cuốn "Ngô gia thế phả" mới tìm thấy được ở Thái Bình** - After reading the book "Ngo gia the pha" recently found out at Thai Binh / Nguyễn Tiến Đoàn, Thanh Văn // NCLS, 1976, số 6 (171). - tr. 80-83.
1645. NGUYỄN TIẾN LỰC. **Phan Bội Châu viết về các nhà lãnh đạo công cuộc duy tân ở Nhật Bản** - Yoshida Shoin và Saigo Takamori - The writings of Phan Boi Chau about the leadess of the Reform in Japan : Yoshida Shoin and Saigo Takamori // NCLS, 1994, số 5 (276). - tr. 38-49.
1646. NGUYỄN TRI THU. **Mặt trận Việt Minh - Văn đề dân tộc và giai cấp** - The Viet Minh Front - The question of nation and class // NCLS, 1990, số 4 (251). - tr. 21-26.
1647. NGUYỄN TRI THU. **Lịch sử Việt Nam hiện đại - Đôi điều về phương pháp luận và trách nhiệm** - Vietnam contemporary history - Some opinions on method and responsibility // NCLS, 1991, số 5 (258). - tr. 39-40.
1648. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Một số tư liệu về thuỷ thủ Việt Nam trong các Công ty hàng hải Pháp** - Documents o Vietnamese sailors in the French maritime transport Companies // NCLS, 1973, số 150. - tr. 13-20.
1649. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Những hình thức tổ chức và đấu tranh của thuỷ thủ Việt Nam từ năm 1919 đến 1935** - Organizations and struggles of the Vietnamese sailors from 1919 to 1935 // NCLS, 1973, số 151. - tr. 26-32.
1650. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Phong trào thuỷ thủ Việt Nam ở Pháp thời kỳ Mặt trận nhân dân Pháp (1934-1939)** - Vietnamese seamen's movement in France tin the people's Front period (1934-1939) // NCLS, 1974, số 159. - tr. 41-50.
1651. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Phong trào thuỷ thủ và lao động Việt Nam ở Pháp trong Đại chiến thế giới thứ hai (1939-1945)** - The movement of the Vietnamese seaman and workers in France during World War II (1939-1945) // NCLS, 1975, số 162. - tr. 20-28.

1652. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Vài nét về phong trào diệt giặc dốt ở Việt Nam trong 5 năm đầu kháng chiến chống Pháp (1946-1950)** - Some features about the anti-analphabetism campaign in Vietnam during the first five years of the anti French resistance (1946-1950) // NCLS, 1979, số 3 (186). - tr. 38-46.

1653. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Tình cảnh công nhân Việt Nam ở Tân Thế và Tân Đảo** - Situation of Vietnamese works in New Hebrides and New Caledonia // NCLS, 1980, số 6 (195). - tr. 66-72.

1654. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Phong trào công nhân Việt Nam ở Tân Thế, Tân Đảo trong Đại chiến thứ hai** - The movement of Vietnamese workers at New Hebrides and New Caledonia in the period of the Second World War // NCLS, 1981, số 4 (199). - tr. 83-89.

1655. NGUYỄN TRỌNG CỐN. **Một số hoạt động yêu nước của công nhân Việt Nam ở Tân Thế, Tân Đảo sau Cách mạng Tháng Tám 1945** - Some patriotic activities of Vietnamese workers in New Caledonia and New Hebrides since the August Revolution of 1945 // NCLS, 1983, số 4 (211). - tr. 63-70.

1656. NGUYỄN TRỌNG HOÀNG. **Chính sách giáo dục của thực dân Pháp ở Việt Nam** - The French colonialists policy on education in Vietnam // NCLS, 1967, số 96. - tr. 13-25.

1657. NGUYỄN TRỌNG THU. **Xã Nam Liên và làng Kim Liên quê hương của Hồ Chủ tịch** - Nam Lien commune and Kim Lien village - Native land of President Ho // NCLS, 1965, số 74. - tr. 3-17.

1658. NGUYỄN TRỌNG VĂN. **Giới thiệu hai bài báo của Chủ tịch Hồ Chí Minh mới tìm thấy** - Two newly discovered articles by President Ho Chi Minh // NCLS, 1986, số 3 (228). - tr. 70-78.

1659. NGUYỄN TRỌNG VĂN. **Nguyễn Trường Tộ với vấn đề hòa nhập vào thế giới để phát triển** - Nguyen Truong To and the question of intergation into the world for the development // NCLS, 1993, số 5 (270). - tr. 29-31.

1660. NGUYỄN QUANG TRUNG TIẾN. **Nhân sĩ Quang Ngai trong vụ kháng thuế năm 1908** - The confucian Scholars in Quang Ngai in the struggle against taxes in the 1908 // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 70-75.

1661. NGUYỄN TRƯỜNG. **Nhận thức của Phan Bội Châu về vai trò quần chúng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc** - Phan Boi Chau's conception of the role masses in the national liberation struggle // NCLS, 1972, số 143. - tr. 31-41.

1662. NGUYỄN TUẤN LIÊU. **Một số nét về tình hình và nhận xét về chế độ Quang trong dân tộc Tày ở Hà Giang** - Some features of situation and remarks on the Quang regime in the minority people Tay in Ha Giang // NCLS, 1962, số 44. - tr. 17-26.

1663. NGUYỄN TUẤN LUÔNG. **Thêm một số tư liệu về khởi nghĩa Hai Bà Trưng trên đất Lĩnh Nam** - Complementary documents relative to the revolt of Trung Sisters in Linh Nam region // NCLS, 1980, số 1 (190). - tr. 81.

1664. NGUYỄN TƯ HOÀNH. Có nên chữa lại những tác phẩm văn học trước cách mạng hay không? - Is it required to correct the literary works before the revolution? / Nguyễn Tư Hoành, Nguyễn Huệ Chi // VSD, 1957, số 35. - tr. 71-77.

1665. NGUYỄN TƯ HOÀNH. Nhận đọc "Văn học trào phúng Việt Nam" của ông Văn Tân - Reading the work of Mr. Van Tan : "The Vietnam humourous literature" / Nguyễn Tư Hoành, Nguyễn Huệ Chi // VSD, 1958, số 42. - tr. 80-96.

1666. NGUYỄN VĂN BÁCH. Đội chiếu "Nam dược thần hiệu" (NDTH) của Tuệ Tính với các tác phẩm của Cung Dinh Hiền - Confronting "Nam duoc than hieu" (Southers medicine miraculous effects) with Cung Dinh Hien's works// NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 68-69.

1667. NGUYỄN VĂN BÁCH. Đội chiếu "Nam dược thần hiệu" (NDTH) với "Bản thảo Cương mục" (BTCM) của Lý Thời Trần - Confronting "Nam duoc than hieu" (Southers medicine miraculous effects) with "Ban thao cuong muc" (Outline rough copy) of Ly Thoi Tran/ Nguyễn Văn Bách, Nguyễn Thịện Quyến // NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 70-71.

1668. NGUYỄN VĂN BỘI. Vài suy nghĩ về di sản tài nguyên biển và tác động của con người trong quá trình lịch sử dân tộc - Inherited resources of the sea and man's action in the course of our history // NCLS, 1984, số 1 (214). - tr. 80-83.

1669. NGUYỄN VĂN DỊ. Nghiên cứu về trận Bạch Đằng (1288) - Research on the Bach Dang battle (1288) / Nguyễn Văn Dị, Văn Lang // NCLS, 1962, số 43. - tr. 27-36.

1670. NGUYỄN VĂN DỊ. Bàn thêm về trận Bạch Đằng (1288) - Discussing more concretely on the Bach Dang battle (1288) / Nguyễn Văn Dị, Văn Lang // NCLS, 1963, số 49. - tr. 37-45.

1671. NGUYỄN VĂN DỊ. Nghiên cứu về chiến dịch Tốt Động, Chúc Động (1426) - Research on the operation Tot Dong, Chuc Dong (1426) // NCLS, 1963, số 56. - tr. 24-31.

1672. NGUYỄN VĂN DỊ. Nghiên cứu về chiến tuyến phòng ngự Sông Cầu năm 1076-1077 - Research on the defensive battle line on the Cau River 1076-1077/ Nguyễn Văn Dị, Văn Lang // NCLS, 1965, số 72. - tr. 28-36.

1673. NGUYỄN VĂN DỊ. Tìm hiểu thêm về cuộc chiến tranh chống quân xâm lược Đông Hán của nhân dân ta thời Hai Bà Trưng (Đầu năm 42- mùa thu 44) - Added study of our resistance against the aggression of Dong Han troops at the period of Hai Ba Trung / Nguyễn Văn Dị, Thanh Ba // NCLS, 1977, số 2 (173). - tr. 32-42.

1674. NGUYỄN VĂN DỊ. Chiến tranh thần tốc đại phá quân Thanh - The prompt war or resistance making great defeat to the aggressive army of Ts'ing // NCLS, 1978, số 6 (183). - tr. 28-33.

1675. NGUYỄN VĂN DỨC. Một số ý kiến về quyển "Công xã Paris" của Hoàng Vĩ Nam - Some remarks on the Hoang Vi Nam's book "The comune of Paris" / Nguyễn Văn Đức, Phan Ngọc Liên // NCLS, 1967, số 100. - tr. 21-31.

1676. NGUYỄN VĂN HOAN. **Tìm hiểu phong trào "Vô sản hoá" năm 1930 - A research on the movement of "proletarization" in 1930** // NCLS, 1970, số 134. - tr. 10-17.

1677. NGUYỄN VĂN HOAN. **Truyền đơn ủng hộ Cách mạng tháng Mười. Vũ khí chiến đấu của những người cộng sản Việt Nam - Leaflets supporting the October Revolution. Arms of struggle of Vietnamese communists / Nguyễn Văn Hoan, Đức Vượng** // NCLS, 1987, số 4 (235). - tr. 6-13.

1678. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Bước đầu tìm hiểu quá trình phát triển của Cách mạng tháng Tư năm 1978 ở Afghanistan - Preliminary study on the process of development of the April revolution 1978 in Afghanistan** // NCLS, 1982, số 2 (203). - tr. 75-82.

1679. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Vài nét về hoạt động chống phá Cách mạng Afghanistan của đế quốc Mỹ và phản động quốc tế - The anti revolutionary activities of US imperialism and other international reactionaries in Afghanistan** // NCLS, 1985, số 2 (221). - tr. 71-76.

1680. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Chiến thắng lịch sử của Liên Xô ở Viễn Đông, nhân tố quyết định sự đầu hàng của phát xít Nhật - The historic victory won by the Soviet Union at the Far - East, a decisive factor leading to the Japanese surrender** // NCLS, 1985, số 3 (222). - tr. 17-21.

1681. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Cách mạng Tháng Tám 1945 trong Đông Nam Á - Thách đố và biến động - The August Revolution in the Sud East Asia - Challenge and change** // NCLS, 1990, số 4 (251). - tr. 36-43, 49.

1682. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Mặt trận Việt Minh, con đường hợp lực có hiệu quả của Cách mạng Việt Nam trong cảnh quan Đông Nam Á những năm 40 - The Viet Minh Front, a way combining the Vietnam revolution forces in the context of South Eastern Asia in the 1940 years** // NCLS, 1991, số 2 (255). - tr. 29-36.

1683. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Sử học, nhìn lại để đổi mới - Chủ đề và tư duy nghiên cứu - History, a retrospective view for the renovation of the subject and the study through** // NCLS, 1991, số 5 (258). - tr. 43-44.

1684. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Tuệ Trung Thượng Sĩ - trí tuệ Việt Nam, thiền Việt Nam - The venerble Scholar Tue Trung, Vietnam Intellect, Vietnam Buddism representant** // NCLS, 1993, số 1 (266). - tr. 29-34.

1685. NGUYỄN VĂN HỒNG. **Phan Châu Trinh. Hệ luận phê phán đúng và con đường không tưởng - Phan Chau Trinh - Justcritical corollary and utopian line** // NCLS, 1993, số 5 (270). - tr. 1-8.

1686. NGUYỄN VĂN HUY. **Một số vấn đề về phương pháp luận nghiên cứu sự hình thành cộng đồng nhân dân Việt Nam XHCN - Some methodological problems of researching the formation of the socialist community of Vietnamese people** // NCLS, 1983, số 3 (210). - tr. 69-78,90.

1687. NGUYỄN VĂN HUY. Một số vấn đề cải tạo cơ cấu giai cấp xã hội ở miền núi miền Bắc - Some problems relating to the reformation of the structure of classes and society in North Vietnamese mountain areas // NCLS, 1984, số 4 (217). - tr.23-38,48; số 5 (218).- tr. 44-55.

1688. NGUYỄN VĂN HUYỀN. Cuộc khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738-1770) có phải là cuộc khởi nghĩa nông dân không? - The insurrection of Le Duy Mat (1738-1770) was it a peasant insurrection? // NCLS, 1965, số 81. - tr. 44-49.

1689. NGUYỄN VĂN HUYỀN. Một ấn đồng thời Lê Thánh Tông mới phát hiện ở Hà Nội - Discovery of a bronze seal under King Le Thanh Tong // NCLS, 1974, số 158. - tr. 79-80.

1690. NGUYỄN VĂN HUYỀN. Vết tích văn hoá Đông Sơn mới phát hiện được ở Lào Cai - The vestiges of the Dong Son's Culture discovered at Lao Cai // NCLS, 1974, số 159. - tr. 75.

1691. NGUYỄN VĂN HUYỀN. Tìm hiểu thêm về Phạm Văn Nghị, một sĩ phu yêu nước - Further study on Pham Van Ngan // NCLS, 1975, số 5 (164). - tr. 16-23.

1692. NGUYỄN VĂN HUYỀN. Một số đặc điểm trong lịch sử nước Lào Lan Xang - Some particularities in the History of the Laos Lan Xang // NCLS, 1994, số 2 (278). - tr. 66-70.

1693. NGUYỄN VĂN KHÁNH. "Đông Kinh Nghĩa thục và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỷ XX"(Đọc sách) - Reading the book : "The Dong Kinh Nghia thuc school and the cultural reform movement in the early XXth Century" // NCLS, 1983, số 5 (212). - tr. 83-86.

1694. NGUYỄN VĂN KHÁNH. Thanh niên trí thức và phong trào cộng sản ở Việt Nam trước năm 1930 - Young intellectuals and the communist movement in Vietnam prior to 1930 // NCLS, 1985, số 4 (223). - tr. 67-75.

1695. NGUYỄN VĂN KHÁNH. Phong trào Cần vương chống Pháp ở miền núi Thanh Nghệ cuối thế kỷ XIX - The anti - French movement in upland Thanh - Nghe late the XIXth Century // NCLS, 1986, số 1 (226). - tr. 39-45.

1696. NGUYỄN VĂN KHÁNH. Văn - Hiền Lương - một căn cứ cách mạng ở miền Tây Bắc - Van- Hien Luong, a revolutionary base in the North - Western Region / Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Danh Tiên // NCLS, 1993, số 2 (267). - tr. 71-78.

1697. NGUYỄN VĂN KHÁNH. Vài suy nghĩ về thế hệ thanh niên trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX - Some reflections about the intellectual young generation at the begining of the XXth Century // NCLS, 1994, số 5 (276). - tr. 25-28.

1698. NGUYỄN VĂN KHOA. Chế độ côn húơn ở vùng Thái, Khu tự trị Thái Mèo - The regime of Con Huon in the autonomous region of Thai Meo people // NCLS, 1961, số 27. - tr. 63-67.

1699. NGUYỄN VĂN KHOAN. **Giao thông liên lạc của Đảng ta trong Cao trào vũ trang khởi nghĩa 1941 - 1945** - The communication and the liaison of our Party in the high of armed insurrection movement of 1941 - 1945 // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 32 - 35

1700. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Tìm hiểu xu hướng và thực chất của Đông Kinh Nghĩa Thục** - An inquiry on the tendency and the essence of Dong Kinh Nghia thuc // NCLS, 1964, số 66.- tr. 39-45.

1701. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Một vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu thêm về mối liên hệ giữa giai cấp công nhân Việt Nam với giai cấp nông dân** - Some problems about the relations between the Vietnamese working class and the Vietnamese peasant class must be studied more deeply // NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 70-73.

1702. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Sự thành lập Hội Thừa sai Paris** - The foundation of the Paris Foreign Mission // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 9-13, 23.

1703. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Cuộc đấu tranh chống Giáo hội Thiên chúa La Mã trong Cách mạng tư sản Pháp (1789 - 1801)** - The struggle against Roman Catholic Church (1789 - 1801) // NCLS, 1989, số 2 (245).- tr. 58-67.

1704. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Về mấy vấn đề xung quanh cuộc khởi nghĩa Yên Thế** - About some questions relative to the Yen The insurrection // NCLS, 1991, số 4 (257).- tr. 49-61.

1705. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Sự du nhập của đạo Thiên chúa vào Việt Nam. Thực chất, hậu quả và hệ lụy** - The admittance of Catholicism to Vietnam. Its essence, consequences and involvements // NCLS, 1993, số 1 (266).- tr. 16-28.

1706. NGUYỄN VĂN KIỆM. **Chính sách tôn giáo của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The religion policy of the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr. 21-31.

1707. NGUYỄN VĂN KIM. **Người Hà Lan - Những năm đầu ở Nhật Bản** - The Dutchmen in Japan in the first years of their arrival // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr. 54-59.

1708. NGUYỄN VĂN KIM. **Một số suy nghĩ về thời kỳ Tokugawa trong lịch sử Nhật Bản** - Some reflexions about the Tokugawa period in the Japan history // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 54-61.

1709. NGUYỄN VĂN LAI. **Góp ý kiến về một vài điểm trong việc hiệu đính và chú thích "Chinh phu ngam"** - Contributing to the revise and the annotation of "Chinh phu ngam" (The warrior's wife song) // VSD, 1957, số 30.- tr. 84-87.

1710. NGUYỄN VĂN LỘC. **Cầu Xa Lộc, thành Tam Giang ở đâu?** - On the site of the Xa Loc bridge and the Tam Giang citadel / Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Thị Chúc // NCLS, 1974, số 158.- tr. 71-73.

1711. NGUYỄN VĂN NGHĨA. **Báo cáo về công tác phát hiện và thăm dò di chỉ tàn thạch kỳ ở Cố Nhuế, Lâm Thao, Phú Thọ** - Report on the discovery and research on the vestiges of the neolithic time at Co Nhue (Lam Thao, Phu Tho) // NCLS, 1960, số 11.- tr. 27-34.

1712. NGUYỄN VĂN NHÂN. **Cuộc điều tra về hành động của quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc tại một số làng thuộc ngoại thành Hà Nội** - An inquiry on the activities of the

Luu Vinh Phuc black flag troupes in some villages in the suburb of Ha Noi // NCLS, 1962, số 42.- tr. 26-29.

1713. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Mấy nét về tình đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông Dương từ 1945 đến nay** - Some features about the solidarity between people of three countries of Indochina in their struggle against common enemy since 1945 to our days // NCLS, 1981, số 1(196).- tr. 45-56.

1714. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Tìm hiểu về tầng lớp trung nông ở đồng bằng Nam Bộ trước ngày giải phóng** - The middle peasantry in the Nam Bo's plain before liberation // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr. 15-21.

1715. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Cải tạo nông nghiệp ở Nam Bộ - Những chặng đường và bài học** - Agricultural reformation in the South Vietnam. Its phases of evolution and the lessons drawn from them // NCLS, 1990 , số 3 (250).- tr. 11-20.

1716. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Về tầng lớp lao động làm thuê trong nông nghiệp ở Nam Bộ - Lịch sử và hiện trạng** - On the agricultural salaried labours stratum in Cochinchina. History and present state // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 63-70.

1717. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Vài nét về hệ thống tín dụng nông nghiệp ở miền Nam trước ngày giải phóng** - Some features on the land bank system in the South of Vietnam before the liberation // NCLS, 1992 , số 3 (262).- tr. 34-39.

1718. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Về việc đào tạo cán bộ hành chính của nguy quyền Sài Gòn trước 1975** - About the administrative cadres formation of the false political power at Saigon before 1975 // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 13-18.

1719. NGUYỄN VĂN NHẬT. **Chính sách ruộng đất của chính quyền Sài Gòn ở Tây Nguyên trước ngày giải phóng** - The agrarian policy of the Saigon Administration in Tay Nguyen before the liberation Day // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr. 9-15.

1720. NGUYỄN VĂN PHÙNG. **Quan hệ hữu cơ giữa lịch sử Đảng và lịch sử dân tộc** - Organic relations between Party history and National history // NCLS, 1980, số 6(195).- tr. 14-20.

1721. NGUYỄN VĂN SAN. **Văn tự Thổ và cách ghi âm** - The writing of Tho people and its phonetic transcription // VSD, 1956, số 16.- tr. 79-81.

1722. NGUYỄN VĂN THÀNH. **Chuông chùa An Xá dúc năm Canh Ngọ (1690) liên quan đến quê hương Lý Thường Kiệt** - The bell of the An Xa Pagoda, founded in the year of Canh Ngọ (1690) relating to the native land of Ly Thuong Kiet // NCLS, 1992, số 3 (262).- tr. 87-88,90.

1723. NGUYỄN VĂN THÀM. **Một vấn đề sử liệu học lịch sử Việt Nam** - Some problems relating to the source material of the history of Vietnam / Nguyễn Văn Thám, Phan Đại Doãn // NCLS, 1984, số 5 (218).- tr. 31-37.

1724. NGUYỄN VĂN THÀM. **Vấn đề phân loại các nguồn sử liệu của lịch sử Việt Nam** - Classification of Vietnamese historiographical sources/ Nguyễn Văn Thám, Phan Đại Doãn // NCLS, 1985, số 6 (225).- tr. 60-68.

1725. NGUYỄN VĂN THÂM. Phương pháp hệ thống và việc nghiên cứu các nguồn sử liệu của lịch sử - System methodology and the study of sources in the history of Vietnam // NCLS, 1986, số 5 (230).- tr. 68-77.
1726. NGUYỄN VĂN THÂM. Các nguồn sử liệu và nhận thức lịch sử - The historical sources and the historical knowledge // NCLS, 1991, số 5 (258). - tr. 28-30.
1727. NGUYỄN VĂN THƯ. Thời cơ trận quyết chiến chiến lược Điện Biên Phủ - The opportunity for the strategic offensive at Dien Bien Phu // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr. 13-20.
1728. NGUYỄN VĂN TOẠI . Vài nét về chi bộ xã Xuân Lũng của Việt Nam Quốc dân đảng năm 1930 - Some features about the Xuan Lung village cell of the Vietnam nationalists party in 1930 // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 72-75.
1729. NGUYỄN VĂN TRÒ. Bàn thêm về căn cứ địa Trường Yên - Further discussion on the Truong Yen area // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr. 53-55.
1730. NGUYỄN VĂN TU. Văn đề từ của ngữ ngôn - The word in language // VSD, 1957, số 30.- tr. 77-83.
1731. NGUYỄN VĂN XUÂN. Thông tri chống thuế ở Nghệ Tĩnh năm 1908 - Circular protesting against taxes at Nghe Tinh province in 1908// NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 74-76.
1732. NGUYỄN VĂN XUÂN. Sự thật về phong trào chống thuế năm 1908 ở Nghệ Tĩnh - The verity about the movement of protestation against taxes at Nghe Tinh in 1908 // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 66-72.
1733. NGUYỄN VĂN XUÂN. Tìm hiểu về vũ khí và một số phương tiện chiến đấu thời Tây Sơn (Nhân dọc "Tìm hiểu thiêng tài quân sự của Nguyễn Huệ") - Research into weapons and other war materials in the reign of Tay Son // NCLS, 1983, số 5 (212).- tr. 24-34.
1734. NGUYỄN VĂN XUÂN. Đà Nẵng 100 năm về trước - Da Nang 100 years ago / Nguyễn Văn Xuân, Quốc Anh // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 82-88.
1735. NGUYỄN VIỆT. Vài nét về địa lý và lịch sử liên quan đến việc xây dựng Hà Nội - Some features on geography and history relative to the construction of Ha Noi city // VSD, 1958, số 46.- tr. 82-88.
1736. NGUYỄN VIỆT. Góp ý kiến với ông Đào Trọng Truyền về mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam dưới thời phong kiến - Exchange of opinion with Mr. Dao Trong Truyen about the capitalist germ under feudalism of Vietnam // NCLS, 1961, số 30.- tr. 46-53.
1737. NGUYỄN VIỆT. Bàn về mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam dưới thời phong kiến - Dicussion on the capitalist germ in Vietnam under the feudalism // NCLS, 1962, số 35.- tr. 21-34, số 36.- tr. 28-37.
1738. NGUYỄN VIỆT. Xung quanh vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam : Lò Chum Thanh Hoá - About the capitalist germ in Vietnam : The factories of jars in Thanh Hoa // NCLS, 1962, số 39.- tr. 44-47.

1739. NGUYỄN VIỆT. **Bổ sung một số điểm vào tập tài liệu "Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn" của ông Phan Huy Lê** - Completing some points to the document "The situation of mine exploitation under the Nguyen dynasty" of Mr. Phan Huy Le / Nguyễn Việt, Hoàng Trọng Lượng // NCLS, 1964, số 62.- tr. 22-26.

1740. NGUYỄN VIỆT HOÀI. **Góp ý kiến với ông Nguyễn Văn Lai và các soạn giả "Chinh phu ngâm"** - Remaks to Mr. Nguyen Van Lai and the editors of "Chinh phu ngam" (The warrior's wife song) // VSD, 1957, số 32.- tr. 73-83.

1741. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Bộ đội Trường Sơn và hệ thống đường Hồ Chí Minh** - Vietnamese soldiers at Truong Son and system of Ho Chi Minh road // NCLS, 1979, số 2(185).- tr. 22-23.

1742. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG . **Tìm hiểu vai trò trọng yếu của những công trình chuẩn bị sẵn trên đường Hồ Chí Minh trong chiến dịch phản công Đường Chín - Nam Lào** - Study about the importance role of the edifices having been prepared all along the Ho Chi Minh road for the counter offensive operation at the Road N° 9 - South Lao's// NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 53-58.

1743. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Tìm hiểu vai trò hậu phương đối với đại thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954)** - A study on the role of the rear towards the great historic victory of Dien Bien Phu (1954) // NCLS, 1982, số 2 (203).- tr. 1-11.

1744. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Vai trò hậu phương quốc gia đối với Đại thắng mùa Xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử** - The role of national rear in the great victory of Spring 1975 and the historical Ho Chi Minh campaign // NCLS, 1983, số 5 (212).- tr. 1- 6.

1745. NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG. **Đường Hồ Chí Minh, tuyến hậu cần chiến lược phía trước trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975** - The Ho Chi Minh trail, a strategic line for logistical purpose in the general offensive of Spring 1975 // NCLS, 1985, số 2 (221).- tr. 49-52.

1746. NGUYỄN VINH PHÚC. **Các cửa ô ở Hà Nội** - Entrances to Ha Noi // NCLS, 1975, số 1(160).- tr. 60-65.

1747. NGUYỄN VINH PHÚC. **Có một trận Bình Lô** - There was a Binh Lo battle // NCLS, 1981, số 2(197).- tr. 34-37.

1748. NGUYỄN VINH PHÚC. **Góp ý kiến về bài "Mấy vấn đề dòng họ, gia đình và cuộc đời Nguyễn Trãi"** - Some opinions about the article entitled "Some problems about the issue, the family and the life of Nguyen Trai" // NCLS, 1981, số 3(196).- tr. 83-87.

1749. NGUYỄN VINH PHÚC. **Nhân dân Hà Nội và Tây Sơn** - Ha Noi people and the Tay Son // NCLS, 1989, số 1 (244).- tr. 53-56.

1750. NGUYỄN VÔ KÝ . **Góp bàn về từ "Công xã"** - Contribution to the definition of "Commune" // NCLS, 1982, số 6 (207).- tr. 84-87.

1751. NGUYỄN XUÂN CẦN. Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông trên đất Hà Bắc - The resistance against Mongolian invaders in the region of Ha Bac // NCLS, 1980, số 1(190).- tr. 65-73.
1752. NGUYỄN XUÂN CẦN. Lương Văn Nám và vai trò của ông trong cuộc khởi nghĩa Yên Thế - The role of Luong Van Nam in the Yen The uprising // NCLS, 1980, số 6(195).- tr. 60-65.
1753. NGUYỄN XUÂN CẦN. Về năm sinh của Nguyễn Cao - Nguyen Cao's birthday // NCLS, 1986, số 1 (226).- tr. 83.
1754. NGUYỄN XUÂN DƯƠNG. Nguyễn Duy Hinh và cuộc khởi nghĩa Ba Đình - Nguyen Duy Hinh and Ba Dinh insurrection // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr. 53-55.
1755. NGUYỄN XUÂN HIẾN. Nghề trồng lúa của ta trong "Văn Đài loại ngũ" của Lê Quý Đôn - The profession of planting rice in "Van Dai loại ngũ" of Le Quy Don // NCLS, 1963, số 52.- tr. 31-37.
1756. NGUYỄN XUÂN LÂN. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng trong lịch sử sách cổ kim (Thư mục nghiên cứu) - The Trung Sisters' uprising in historical and literary documents // NCLS, 1973, số 148.- tr. 41-46.
1757. NGUYỄN XUÂN THÔNG. Nguyễn Ái Quốc với vấn đề giải phóng các dân tộc bị áp bức - Nguyen Ai Quoc and the liberation of oppressed nations // NCLS, 1985, số 3 (222).- tr. 57-66.
1758. NGUYỄN XUÂN TRÚC. Tìm hiểu con đường phát triển không qua tư bản chủ nghĩa của các nước châu Phi - On the way of developping not through the capitalist stage of African countries // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr. 14-20.
1759. NGUYỄN XUÂN TRÚC. "Tự do - Bình đẳng" trong quan niệm của các nhà cách mạng Pháp - "Freedom - Equality" as conceived by French revolutionaries // NCLS, 1989, số 2 (245).- tr. 40-48.
1760. NGUYỄN XUÂN TỬU. Bước đầu tìm hiểu về biến động khí hậu ở nước ta trong lịch sử - Preliminary research into climatic variations in our country in the course of history // NCLS, 1983 , số 6 (213).- tr. 60-63.
1761. NGUYỆT HƯƠNG . Hôn nhân và địa vị của phụ nữ Thái đen ở Tây Bắc trước và sau cách mạng - Marriage and place of black Thai Women in the North West before and after the Vietnam revolution // NCLS, 1967, số 96. - tr. 26-35.
1762. NGUYỆT HƯƠNG. Một số tư liệu về Cách mạng tháng Mười Nga với Cách mạng Việt Nam - Some documents about the influence of the October Revolution on the August Revolution /Nguyệt Hương, Mai Khắc Ứng // NCLS, 1967, số 103.- tr. 33-44.
1763. NGUYỆT HƯƠNG. Phụ nữ miền Nam Việt Nam trong đấu tranh chống Mỹ-ngụy - South Vietnamese women struggle against the U.S aggressors and their henchmen // NCLS, 1971, số 137.- tr. 25-34.

1764. NHÀ XUẤT BẢN SƯ HỌC. Đính chính sách "Quan trung từ mệnh tập" - Corrections to the book "Quan trung tu menh tap" // NCLS, 1962, số 40. - tr. 62-63.

1765. NHẬT NGUYÊN. Chủ nghĩa Mác-Lênin bàn về nhân vật lịch sử - The Marxism-Leninism discuss on the historical personage // NCLS, 1960, số 14. - tr. 11-23.

1766. NHẬT TÂN. Khảo thêm về bia Tiến sĩ và nhà bia ở Văn miếu Hà Nội . A further inquiry on Doctor's steles and on the house of steles in the Temple of Litterature in Ha Noi // NCLS, 1963, số 49.- tr. 46-47.

1767. NHUẬN CHI. Cần vạch rõ hơn nữa trách nhiệm của Phan Thanh Gian trước lịch sử - It is necessary to point out the responsibilities of Phan Thanh Gian in the face of history // NCLS, 1963, số 52.- tr. 38-46.

1768. NHUẬN CHI. Tìm hiểu "Tác giả Hán nôm Hải Hưng" - On the book "Tac gia Han - Nom Hai Hung" // NCLS, 1976, số 6(171).- tr. 84-87.

1769. NHUẬN CHI. "Lịch sử phong trào công nhân và hoạt động của Công đoàn Thanh Hoá " (Đọc sách) - Reading the book "History of the working class movement and the trade union activities of Thanh Hoa" // NCLS, 1984, số 2 (215).- tr. 88-91.

1770. NHUẬN VŨ. "Đấu án Điện Biên Phủ trên chiến lược quân sự Mỹ" - "The Dien Bien Phu imprint" on the U.S. military strategy // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 74-79.

1771. NIKIPLOP (F.N). Bàn về mấy quy luật chung của sự chuyển biến từ chế độ chiếm hữu nô lệ sang chế độ phong kiến trong các nước khác nhau - Discussion on some general laws of the slavery to the feudalism in different countries // VSD, 1957, số 30.- tr. 41-52.

1772. NINH KHÁ. Bàn về chủ nghĩa lịch sử và quan điểm giai cấp - Discussion on historicism and the class point of view // NCLS, 1964, số 58.- tr. 44-53,62.

1773. NINH VIẾT GIAO. Đọc truyện "Trè cúc" - Reading "Tre Coc" story // VSD, 1956, số 17.- tr. 66-73.

1774. NINH VIẾT GIAO. Tìm hiểu giá trị truyện "Phạm Tài - Ngọc Hoa" - In search of the value of "Pham Tai - Ngoc Hoa" story // VSD, 1957, số 26.- tr. 33-42.

1775. NINOV (A).. Kinh nghiệm của một nhà văn Liên Xô về công tác biên soạn văn học sử để di đến sự đính chính lại văn học sử Liên Xô - The experiences of a Soviet writer about the redaction of literary history aiming at the revise of Soviet literary history // VSD, 1956, số 23. - tr. 53-59.

1776. NIVONNE XAY NHA VONG. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt tăng cường" của đế quốc Mỹ ở Lào và một vài đặc điểm chủ yếu của nó (1969-1973) - The strategy of "Reinforced particular war" of the American imperialists in the Laos // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 71-75.

1777. NOVOVXAMBUN (X). **Con đường phát triển phi tư bản như một dạng đặc biệt của sự quá độ lên CNXH** - Non - capitalist way of development as a specific form of transition to socialism // NCLS, 1985, số 5 (224).- tr. 11-19.

1778. NÓNG ÍCH THUỶ. **Vấn đề đặt chữ và cải tiến chữ của dân tộc** - The question of the choice of dialect basic sound and standard phonetic in the creation of writing script for the ethnic minorities // VSD, 1956, số 21. - tr. 53-59.

1779. NÓNG ÍCH THUỶ. **Vấn đề chọn tiếng phương ngôn cơ sở và âm tiêu chuẩn trong việc đặt chữ cho các dân tộc** - The question of creation and amelioration of the hand writing character for the ethnic minorities // VSD, 1958, số 36.- tr. 91-95.

1780. NÓNG TRUNG. **Sơ lược tìm hiểu mối quan hệ giữa các ngành Nùng ở Việt Nam** - A summary study on the relations between different Nung branches in Vietnam // NCLS, 1962, số 45.- tr. 38-44.

1781. NÓNG TRUNG. **Tìm hiểu về người Pú Peo ở Hà Giang** - A research on the Pu Peo people in Ha Giang // NCLS, 1966, số 88.- tr. 33-40.

1782. NÓNG TRUNG. **Tìm hiểu về tộc danh Xá** - An inquiry on family name of Xa people // NCLS, 1968, số 111.- tr. 48-46.

O

1783. ÔREROP (L). **Bàn về những hình thức quá độ tiến lên CNXH ở các nước khác nhau** - Discussion on the forms of passage towards the socialism in different countries // NCLS, 1960, số 20.- tr. 9-22.

P

1784. PANCORATOVA. **Ý nghĩa lịch sử thế giới của Cách mạng 1905 - 1907** - Worldly historical signification of the Revolution of 1905 - 1907 // VSD 1956, số 13.- tr. 7-18.

1785. PAPIN(P). **Ruộng đất công và chính quyền cấp làng cuối thế kỷ XIX. Trường hợp làng Quỳnh Lôi** - The communal land and the village power in the end of the XIXth Century. The case of Quynh Loi village // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 21-34.

1786. PHẠM ÁI PHƯƠNG. Làng gốm Thổ Hà - Tho Ha, a ceramic village // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 55-62.

1787. PHẠM ÁI PHƯƠNG. Tìm hiểu nghề trồng trọt ở Việt Nam thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX - Plant growing in Vietnam during the XVIIIth - early XIXth Century // NCLS, 1985, số 5 (224).- tr. 48-54.

1788. PHẠM ÁI PHƯƠNG. Vài nét về tình hình công thương nghiệp Việt Nam thời Tây Sơn - General outline of the industrial and trading situation in Vietnam under Tay Son Epoch // NCLS, 1989, số 1 (244).- tr. 34-41.

1789. PHẠM ÁI PHƯƠNG. Bước đầu tìm hiểu nhà Nguyễn với quá trình thảo luận về vấn đề tri thuỷ ở đồng bằng Bắc Bộ nửa đầu thế kỷ XIX - Nguyen dynasty and the processus of discussion on the question of harnessing floods in the delta of the North Vietnam in the first half of XIXth Century // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).- tr. 19-33.

1790. PHẠM ÁI PHƯƠNG. Nhìn lại quá trình nghiên cứu Hồ Quý Ly với việc cải cách cuối thế kỷ XIV- đầu thế kỷ XV - To make a re - examination on the study process on Ho Quy Ly with the reform in the end of the XIVth Century and at the beginning of the XVth Century // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr. 37-47.

1791. PHẠM BÌNH. Nhìn lại quá trình lịch sử của Cách mạng tháng Tám - To look back to the historical process of August Revolution / Phạm Bình, Trường Giang // NCLS, 1963, số 77.- tr. 8-11.

1792. PHẠM CÚC. Hồ Quý Ly. Nhà cải cách giáo dục tiến bộ - Ho Quy Ly - A progressive education reformer // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 36-37.

1793. PHẠM DIỆP. Gia phả học và một số vấn đề về làng họ - Genealogy and some questions relating to village and family // NCLS, 1986, số 5 (230). - tr. 59-67.

1794. PHẠM DỨC DƯƠNG. Từ vấn đề ngôn ngữ Việt - Mường góp phần tìm hiểu nguồn gốc dân tộc - The problem of Viet - Muong language contributing to the study about the origin of the nation // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 30-36.

1795. PHẠM DỨC DƯƠNG. Cội nguồn mô hình văn hóa - xã hội lúa nước của người Việt Nam qua cứ liệu ngôn ngữ - Origin of the socio - cultural model of the Viet's water - rice society through linguistic arguments // NCLS, 1982, số 5 (206).- tr. 43-52.

1796. PHẠM DỨC MẠNH. Tiền sử Đông Nam Bộ (Việt Nam) - Một thế kỷ khám phá và thành quả - The prehistory of the East of Cochinchina - A Century of discovery and results // NCLS, 1994 , số 6 (277).- tr. 12-20.

1797. PHẠM HÀN. Lầm lẫn trong việc sao chép "Phủ biên tạp lục" cần được dính chính - The errors in the copy of "Phu bien tap luc" must be corrected // NCLS, 1993 , số 2 (267).- tr. 90-92.

1798. PHẠM HỒNG TOÀN. Phải chăng thư mục Việt Nam có từ thế kỷ XIV? - Has been in existence the Vietnam book - Catalogue from the XIV Century? // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 85-88.

1799. PHẠM HUY THÔNG. Chào mừng Hội nghị khoa học lịch sử toàn quốc CHDC Đức - Greeting to the National Conference of historical sciences of the G.D.R // NCLS, 1979, số 4(187).- tr. 73-77.
1800. PHẠM HỮU LƯU. Thủ tim hiếu tinh thần yêu nước của các thầy giáo Việt Nam trong lịch sử 80 năm chống Pháp - To try to study on the patriotist spirit of Vietnam teachers in eighty years of struggle against the French colonialists // NCLS, 1969, số 118.- tr. 36-46.
1801. PHẠM MAI. Trương Tửu đầu cơ văn học khi phê phán truyện Kiều - The speculation of Truong Tuu in literature in critique of Kieu story // VSD, 1958, số 45.- tr. 76-88.
1802. PHẠM MAI HÙNG. Từ công tác bảo tàng, suy nghĩ về Cách mạng tháng Tám 1945 - Some reflexions on the August Revolution from the angle of museology // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 15-21.
1803. PHẠM MAI HÙNG. Cơ sở tạo nên sức mạnh của Mặt trận Việt Minh - The strength base of Viet Minh Front // NCLS, 1991, số 2 (255).- tr. 18-21.
1804. PHẠM NGỌC LIÊN. Góp một số ý kiến về vấn đề cấu tạo nội dung lịch sử Việt Nam theo quan điểm đa dân tộc - Some ideas contributing to the question of the constitution of Vietnam historical content according to the pluri-national conception // NCLS, 1963, số 48.- tr. 50-56.
1806. PHẠM NGỌC UYỀN. Một điều thể nghiệm bước đầu qua việc nghiên cứu tư tưởng của Hồ Chủ tịch - Initial acquisitions after studying the thought of President Ho // NCLS, 1977, số 3(174).- tr. 38-39.
1807. PHẠM NGUYÊN LONG. Cuộc khởi nghĩa chống ách thống trị Xiêm của nhân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Chậu A Nu (1827-1828) - Insurrection of the Lao people under the leading of Chau A Nu against the Siamese // NCLS, 1972, số 143.- tr. 11-21.
1808. PHẠM NHƯ CƯỜNG. Khẳng định phương hướng "Sống Phúc âm trong lòng dân tộc" dựa Giáo hội Thiên chúa Việt Nam lên một bước phát triển mới - To affirm the tendency of "living according to the Gospel in the people's heart" in order to bring the Vietnamese Catholic church to a new step // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 81-84.
1809. PHẠM NHƯ CƯỜNG. Kỷ niệm 200 năm Cách mạng Pháp 1789 - Bicentennial of the French Revolution of 1789 // NCLS, 1989, số 2 (245). - tr. 1-5.
1810. PHẠM NHƯ HỒ. Cọc Bạch Dăng năm 1288 : Dữ kiện khảo cổ học - Bach Dang in 1288 - Archeologic datum / Phạm Như Hồ, Nguyễn Duy Hinh // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 46-49.
1811. PHẠM NHƯ THOM. Quá trình chuyển biến tư tưởng của Trần Huy Liệu trước năm 1936 qua hồi ký của ông - The evolution process of Tran Huy Lieu thinking before 1936, through his recollection // NCLS, 1990 , số 5 (252). - tr. 11-23..
1812. PHẠM NHUỘC NGU. Cách mạng Nga lần thứ nhất với Trung Quốc - The first Russian Revolution with China // VSD, 1956, số 13.- tr. 41-52.

1813. PHẠM QUANG TOÀN. **Vài nét về phong trào đấu tranh của thanh niên học sinh, sinh viên vùng tạm bị chiếm trong thời kỳ kháng chiến (1946-1954)** - Some features of the struggle movement of youths of students, school boys and girls in the occupied zone in the period of resistance war (1946-1954) // NCLS, 1964, số 59.- tr. 53-60.

1814. PHẠM QUANG TOÀN. **Phong trào công nhân Việt Nam vùng tạm bị chiếm trong thời kỳ kháng chiến (1945-1954)** - The Vietnam worker's movement in the occupied zone in the period of resistance war (1945-1954) // NCLS, 1965, số 74.- tr. 47-60,63.

1815. PHẠM QUANG TOÀN. **Công nhân khu mỏ Hòn Gai trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ** - The Vietnam mine workers of Hon Gai in the resistance war against the French colonialists and the American interventionists // NCLS, 1966, số 90.- tr. 49-60.

1816. PHẠM QUANG TOÀN. **Tìm hiểu vai trò của nhân tố chính trị trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và trong cuộc kháng chiến chống Mỹ hiện nay** - Research on the role of political factor in the resistance war against the French colonialists and the American imperialists for the country salvation of to day // NCLS, 1968, số 111.- tr. 3-15.

1817. PHẠM QUANG TOÀN. **Vai trò của làng xá chiến đấu trong chiến tranh nhân dân ở miền Nam** - The role of combat villages in the people's war in South Vietnam // NCLS, 1971, số 136.- tr. 21-34.

1818. PHẠM QUANG TOÀN. **Tác động của chiến tranh xâm lược Việt Nam đối với quân đội Mỹ** - Impact of the U.S. aggressive war in Vietnam on U.S. army // NCLS, 1973, số 153.- tr. 29-40.

1819. PHẠM QUANG TOÀN. **Hậu quả 20 năm "bình định" tàn bạo và thảm độc của Mỹ - nguy đối với nông thôn miền Nam Việt Nam** - Consequences of the pacification policy of the U.S and their puppet in rural areas of South Vietnam // NCLS, 1976, số 171.- tr. 45-58.

1820. PHẠM QUANG TOÀN. **Phong trào nổi dậy ở vùng tạm bị chiếm năm 1953-1954 và chiến thắng Điện Biên Phủ** - The uprising movement in French - occupied zones during the 1953-1954 period and the Dien Bien Phu victory // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 19-24.

1821. PHẠM QUANG TRUNG. **Về chính sách vơ vét lúa gạo của tư bản Pháp và quá trình phát triển của giai cấp địa chủ ở Nam Bộ thời Pháp thuộc** - Rice engrossment by the French capitalism and the development process of Cochinchinese landocracy under French domination // NCLS, 1985 , số 6 (225). - tr. 23-31.

1822. PHẠM QUANG TRUNG. **Sắc luật 21-7-1925 của thực dân Pháp với vấn đề sở hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ ở Nam Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc** - Decree issued in 21, July, 1925 of the French colonialists and land possession of the Cochinchina feudal class under the French domination // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 61-67,86.

1823. PHẠM QUANG TRUNG. **Nạn lụt năm Ất Dậu với cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền ở đồng bằng Bắc Bộ năm 1945** - The inundation in the year of At Dau and the general insurrection for power in the plain of the North Vietnam // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 56-60.

1824. PHẠM QUANG TRUNG. **Hoạt động của ngành địa chính ở nước ta trong thời Pháp thuộc** - The activities of cadastre under the French domination // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr. 34-42.

1825. PHẠM QUANG TRUNG. **Vấn đề mắc nợ đất đai ở Nam Kỳ dưới thời Pháp thuộc** - The land debt in Cochinchina under the French domination // NCLS, 1993, số 1 (266).- tr. 40-48.

1826. PHẠM SANG. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề đoàn kết dân tộc trong cách mạng dân tộc dân chủ ở Lào** - The President Ho Chi Minh and the question of national unity in the national democratic revolution of the Laos // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 77-81.

1827. PHẠM THANH BIỀN. **Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quang Ngãi mùa thu 1959** - The Tra Bong uprising and Western Quang Ngai in Autumn of 1959 year / Phạm Thanh Biền, Hồng Sơn, Đỗ Quang Trinh // NCLS, 1972, số 146.- tr. 11-22.

1828. PHẠM THÀNH VINH. **Các Hiệp nghị xâm lược và bất bình đẳng của đế quốc Mỹ về Việt Nam** - The invasion and inequality Accords of American imperialism relative to Vietnam // NCLS, 1963, số 52.- tr. 3-11.

1829. PHẠM THÀNH VINH. **Bản cáo trạng tóm tắt về tội ác xâm lược của đế quốc Mỹ với nhân dân Việt Nam** - A succinct bill of indictment on the invasion crime of the American imperialism towards the Vietnam people // NCLS, 1966, số 93.- tr. 4-15.

1830. PHẠM THỊ TÂM. **Vài nhận xét về ruộng đất tư hữu ở Việt Nam thời Lý- Trần** - Some remarks on private land in Vietnam under the dynasties of Ly-Tran / Phạm Thị Tâm, Hà Văn Tân // NCLS, 1963, số 52.- tr. 20-30,62.

1831. PHẠM THỊ TÂM. **Câu "Hoàng Lê triều vạn vạn thế" có hay không có trong "Đại Việt Sử ký toàn thư" bắn in "Nội các quan bản"?** - Is the sentence "Hoang Le trieu van van the" mentioned in the "Dai Viet Su ky toan thu" printed from the "Nội các quan bản" engraving ? // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 63-64.

1832. PHẠM TRỌNG DIỆM. **Một vài ý kiến trao đổi với bạn Đào Tử Minh về vấn đề phiên âm và chú giải cuốn "Quốc âm thi tập"** - Exchange of opinion with comrade Dao Tu Minh about the phonetical transcription and the annotation of "Quoc am thi tap" (Collection of poems in national language) // VSD, 1958, số 38.- tr. 70-82.

1833. PHẠM TUẤN KHÁNH. **Một bài văn của Đặng Huy Trứ** . An article of Dang Huy Tru // NCLS, 1990, số 1 (248).- tr. 69-75.

1835. PHẠM VĂN KÍNH. **Chiếc trống đồng mới tìm thấy ở xã Hoằng Vinh, Thanh Hoá** - The brass drum new discovered in the Hoang Vinh commune (Thanh Hoa province) // NCLS, 1973, số 148.- tr. 63-64.

1836. PHẠM VĂN KÍNH. **Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Chích chống quân Minh xâm lược vào đầu thế kỷ XV** - Nguyen Chich's uprising against the Ming invaders (beginning of the XVth Century) // NCLS, 1974, số 155.- tr. 68-78.

1837. PHẠM VĂN KÍNH. **Một số nghề thủ công thế kỷ X-XIV : nghề dệt, nghề gốm, nghề khai khoáng và luyện kim - Some handicrafts in the Xth - XIVth Centuries : weaving, pottery - mineral exploitation and metallurgy** // NCLS, 1976, số 3(168).- tr. 42-53.

1838. PHẠM VĂN KÍNH. **Tìm hiểu kinh tế nông nghiệp Đàng Trong qua tác phẩm "Phủ biên tạp lục" của Lê Quý Đôn - Research on agricultural economy of Dang Trong through the work "Phu bien tap luc" of the Le Quy Don** // NCLS, 1977, số 4(175).- tr. 63-76.

1839. PHẠM VĂN KÍNH. **Vai trò của Nguyễn Chích trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn**
- The role of Nguyen Chich in the course of the Lam Son uprising // NCLS, 1979, số 3(188).- tr. 52-59.

1840. PHẠM VĂN KÍNH. **Bộ mặt thương nghiệp Việt Nam thời Lý-Trần - Vietnamese trade under Ly and Tran dynasties** // NCLS, 1979, số 3(188). - tr. 35-42.

1841. PHẠM VĂN KÍNH. **Nhà Minh xâm lược nước ta lần thứ nhất và sự thất bại của nó - The first aggression of our country by the Ming dynasty and its defeat** // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 61-68.

1842. PHẠM VĂN KÍNH. **Lò Chum (Thanh Hoá) - Pottery oven in Thanh Hoa** // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).- tr.68-76.

1843. PHẠM VĂN KÍNH. **Vài nét về thủ công nghiệp Việt Nam thế kỷ XIX - Some features about the Vietnam handicraft in the first half of the XIXth Century** // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr. 60-69.

1844. PHẠM VĂN KÍNH. **Báo cáo về việc phát hiện tượng người bằng đá ở di chỉ Văn Điện - Report on the discovery of a stone statue of a man in Van Dien / Phạm Văn Kinh, Hà Tú Nhã** // NCLS, 1967, số 96.- tr. 61-64.

1845. PHẠM VĂN KÍNH. **Xưởng chế tạo đồ đá ở Đậu Dương (Tam Nông, Phú Thọ) - A factory of stone things in Dau Duong (Tam Nong, Phu tho) / Phạm Văn Kinh, Lê Văn Lan** // NCLS, 1968, số 109.- tr. 55-60.

1846. PHẠM VĂN KÍNH. **Vài ý kiến về một nhóm di tích khảo cổ mới phát hiện được ở miền Bắc Việt Nam - Some ideas on a group of archaeological vestiges newly discovered in North Vietnam** // NCLS, 1969, số 120.- tr. 53-60.

1847. PHẠM VĂN KÍNH. **Vài ý kiến về một số vấn đề khảo cổ học trong quyển "Kinh tế thời nguyên thuỷ ở Việt Nam" - Certain archaeological problems in "Primitive economy in Vietnam"** // NCLS, 1971, số 136.- tr. 45-52,64.

1848. PHẠM VŨ TUỜNG. **Một vài suy nghĩ về Đặng Tiến Đông (Nhân đọc bài của đồng chí Phan Huy Lê đăng trong NCLS số 154, tháng 1,2 - 1974) - About the article by Phan Huy Le (Historical studies N° 154) : Dang Tien Dong** // NCLS, 1975, số 1(160).- tr. 77-80.

1849. PHẠM XANH. **Tìm hiểu quá trình hình thành một làng đảo : làng An Hải (Côn Đảo) - The formation process of an isle-village An Hai (Con Dao)** // NCLS, 1987, số 1-2 (232-233).- tr. 105-109.

1850. PHẠM XANH. Một vài đặc điểm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc - Some particularities of the Marxism-Leninism propagation by Nguyen Ai Quoc in Vietnam // NCLS, 1990, số 2 (249).- tr. 42-47.

1851. PHẠM XANH. Cuộc đảo chính của phát xít Nhật và sự phản ứng mau lẹ của Đảng ta - The coup d' etat of Japanese fascist and the instantaneous reaction of our Party // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr. 28-32.

1852. PHẠM XANH. Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam với việc nghiên cứu lịch sử cận - hiện đại nước nhà - The Vietnam Revolution Museum and the studies of our country Modern and Contemporary history // NCLS, 1994 , số 3 (274).- tr. 78-79,86.

1853. PHẠM XUÂN HÀNG. Sử học - Một khoa học, một thực trạng - History - A science, a state // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 20-23.

1854. PHẠM XUÂN HUYỀN. Những tên gọi của thành nhà Hồ - The names given to the citadel of Ho dynasty // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 71-75.

1855. PHẠM XUÂN NAM. Những thủ đoạn thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ ở Venezuela - The neocolonialist measures of American imperialism in Venezuela // NCLS, 1965, số 77.- tr. 28-43.

1856. PHẠM XUÂN NAM. Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Châu Mỹ la tinh - The American neo-colonialism in Latin America // NCLS, 1966, số 92.- tr. 17-30 ; số 93.- tr. 47-58.

1857. PHẠM XUÂN NAM. Một trăm năm đấu tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Cuba anh hùng - A hundred years of struggle for independence, freedom of the heroic Cuban people // NCLS, 1968, số 115.- tr. 39-51, 57.

1858. PHẠM XUÂN NAM. Nguồn gốc phát triển rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước vừa qua - Origin of the splendid development of the Vietnamese revolutionary heroism during the recent period of struggle against U.S. imperialism for national salvation // NCLS, 1975, số 164.- tr. 3-15.

1859. PHẠM XUÂN NAM. Thủ nhìn lại những bước chuyển biến lịch sử của quần chúng nông dân lao động nước ta trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội - Reviewing the historic changes of the rural working masses of our country on the way towards socialism // NCLS, 1977, số 1(172).- tr. 5-23.

1860. PHẠM XUÂN NAM. Hoxè Mácti - Người Thầy của nền độc lập Cuba Hoxemarty, the Teacher of the Cuban independance // NCLS, 1978, số 1(178). - tr. 57-73.

1861. PHẠM XUÂN NAM. Về những nguyên nhân phát sinh cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (Xét theo nhận định của những người cộng sản Việt Nam trước đó) - About the origins of the Second World War // NCLS, 1979, số 5(188).- tr. 67-73,79.

1862. PHẠM XUÂN NAM. Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người anh hùng thời đại - President Ho Chi Minh - Hero of our times // NCLS, 1980, số 3(192).- tr. 1-6.

1863. PHẠM XUÂN NAM. **Tiến bộ văn hoá của nông dân Việt Nam trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội** - Cultural progresses of the Vietnamese peasantry on the road towards socialism // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr. 11-23.
1864. PHẠM XUÂN NAM. **Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh sau ngày tuyên bố độc lập** - On foreign activities of President Ho Chi Minh after the Independence Declaration day // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr 76-79.
1865. PHẠM XUÂN NAM. **Mấy nét về tình hình các làng xã tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 1921-1945 qua Hương ước** - Some features about Bac Ninh province villages and communes situation in the period between 1921-1945 through village customs / Phạm Xuân Nam, Cao Văn Biền // NCLS, 1994, số 1 (272). - tr. 12-23.
1866. PHẠM XUYÊN. **Tư tưởng Cách mạng tháng Mười soi sáng con đường giải phóng các dân tộc** - The October Revolution idea gives light to the way to national liberation // NCLS, 1987, số 3 (234). - tr 36-41.
1867. PHAN AN. "Binh thư yếu lược" (Đọc sách) - Reading the book entitled: : Binh thu yeu luoc" // NCLS, 1971, số 137 - tr 61-64.
1868. PHAN AN. **Vấn đề quyền sử dụng và quyền sở hữu đất đai của Tây Nguyên trong lịch sử** - The use and the ownership of farmland on Central highlands in the course of history // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr. 43-49.
1869. PHAN CHU TRINH. **Thư gửi Toàn quyền Bô (Beau)** - Letter sent to the General Governor Beau // NCLS, 1964, số 66.- tr. 8-14.
1870. PHAN CHU TRINH. **Thất điều trần** - The seven explanations // NCLS, 1964, số 66.- tr. 21,33.
1871. PHAN CHU TRINH. **Bài diễn thuyết về "Đạo đức và luân lý Đông Tây"** - Speech on "Ethics and morality of East and West" // NCLS, 1964, số 66. - tr. 22-31.
1872. PHAN CHU TRINH. **Bài diễn thuyết về "Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa"**- Speech on "The Royal rulership and the people rulership" // NCLS, 1964, số 67.- tr. 21-28.
1873. PHAN CÚ ĐỆ. **Một vấn đề cần được xét lại** - A question must be examined again // VSD, 1956, số 23.- tr. 86-90.
1874. PHAN ĐẠI DOĀN. **Tìm hiểu công cuộc khẩn hoang thành lập hai huyện Tiền Hải, Kim Sơn đầu thế kỷ XIX** - A study on the breaking up of land for the establishment of the two districts Tien Hai and Kim Son at the beginning of the XIXth Century // NCLS, 1978, số 3(180).- tr. 24-32.
1875. PHAN ĐẠI DOĀN. **Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã** - About the nature of the property of communal rice fields and lands // NCLS, 1981, số 4 (199).- tr. 24-32.

1876. PHAN ĐẠI DOĀN. Chiến lược "Hai gọng kìm" xâm lược Đại Việt của nhà Tống và sự thất bại thảm hại của nó - The "pincers" strategy and its graveous defeat in the aggressive war led by the Sung against Dai Viet // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 36-41.

1877. PHAN ĐẠI DOĀN. Một nét về công cuộc khai hoang thành lập hai tổng Hoành Thu, Ninh Nhất (Hà Nam Ninh) - Some traits about the breaking up of land : the establishment of two cantons Hoanh Thu and Ninh Nhat // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr. 24-33.

1878. PHAN ĐẠI DOĀN. Lê Lợi và tập hợp Lũng Nhai - Chuyển biến quyết định thắng lợi phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV - Le Loi and the rally at Lung Nhai, a decisive turning point of the national liberation movement in the early XVth Century // NCLS, 1984, số 6 (219). - tr. 34-41.

1879. PHAN ĐẠI DOĀN. Một vấn đề làng xã Việt Nam (Lý luận và thực tiễn) - Some problems of Vietnamese village (Theory and practise) // NCLS, 1987, số 1 (232-233).- tr. 7-15.

1880. PHAN ĐẠI DOĀN. Về Nội các thời Lê-Trịnh - (Nhân đọc "Đại Việt Sử ký toàn thư" - Nội các quan bẩn) - On Le-Trinh imperial cabinet // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 52-55.

1881. PHAN ĐẠI DOĀN. Thị tứ - Hiện tượng đô thị hóa (Qua tư liệu tỉnh Bình Định) - Townlet - A phenomenon of urbanization (From the documents Bình Dinh province) / Phan Đại Doān, Vũ Hồng Quân // NCLS, 1992, số 4 (263).- tr. 15-26.

1882. PHAN ĐẠI DOĀN. Một suy nghĩ về cải cách chính quyền cấp hương của Hồ Quý Ly - Some thoughts on the Ho Quy Ly's reform of power at village level // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 27-28.

1883. PHAN ĐĂNG NHẬT. Chứng tích văn hóa dân gian về cội nguồn dân tộc. Những yếu tố trùng hợp giữa sử thi-mo và sách "Lĩnh Nam chích quái" - The testimonies of popular culture concerning the origin of the nation // NCLS, 1981, số 3(198).- tr. 37-46.

1884. PHAN GIA BỀN. Tài liệu tham khảo về đường sắt Hải Phòng - Côn Minh - Reference documents on the history of railway Hai Phong - Konmin / Phan Gia Bền, Nguyễn Khắc Đạm // VSD, 1956, số 20.- tr. 33-49.

1885. PHAN GIA BỀN. Tư bản Pháp với thủ công nghiệp Việt Nam - French capitalism and Viet nam handicraft // VSD, 1958, số 37.- tr. 18-33.

1886. PHAN GIA BỀN. Phát huy tác dụng của việc liên lạc hợp tác quốc tế với công tác sử học - Developing the effect of the international cooperation liaison upon the historical work // NCLS, 1960, số 21.- tr. 46-51.

1887. PHAN GIA BỀN. Một nét về quá trình can thiệp của đế quốc Mỹ vào Lào và sự phá sản của nó - Some features of the intervention process of American imperialism in Laos and its defeat // NCLS, 1961, số 28.- tr. 49-60.

1888. PHAN GIA BỀN. Một vài suy nghĩ về vấn đề nâng cao chất lượng công trình nghiên cứu sử học - Some thinkings on the question of raising the historical study quality // NCLS, 1964 - 1965, số 69.- tr. 3-14, số 70.- tr. 51-62.

1889. PHAN GIA BÈN. Tiến tới thành lập Hội Sử học nhằm góp phần đẩy mạnh hơn nữa công tác khoa học lịch sử - Going forwards to the establishment of an Association of history aiming at pushing again the historical work // NCLS, 1966, số 82.- tr. 5-6, 36.

1890. PHAN GIA BÈN. Cuộc khởi nghĩa Ông Kẹo Komadam (1901-1937) và cuộc khởi nghĩa Phò Cà Duot (1901-1903) - The uprisings of On Keo - Komadam (1901-1903) and Pho CaDuo (1901-1903) // NCLS, 1971, số 137.- tr. 18-24.

1891. PHAN HÀ. Vài chi tiết về Phan Phù Tiên - Some details on Phan Phu Tien // NCLS, 1978, số 2(197).- tr. 93-94.

1892. PHAN HUY CHÙ. Văn đề ruộng đất trong triều đình nhà Lê - The agrarian question in the time of the dynasty of Lê // VSD, 1954, số 2. - tr. 53-67.

1893. PHAN HUY LÊ. Lao động làm thuê trong chế độ phong kiến Việt Nam từ thế kỷ XVIII về trước - The salaried work in the Vietnam feudal society from the XVIIIth Century back to the past // NCLS, 1959, số 9.- tr. 40-57.

1894. PHAN HUY LÊ. Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - The existence of the slavery relations vestiges in the feudal society and the slavery regime in Vietnam // NCLS, 1960, số 16.- tr. 62-71.

1895. PHAN HUY LÊ. Bàn thêm mấy vấn đề về phong trào nông dân Tây Sơn - Discussing again on some questions of peasant movement of Tay Son // NCLS, 1963, số 49.- tr. 20-26, 47; số 50.- tr. 36-42, 61.

1896. PHAN HUY LÊ. Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn - Mine exploitation situation under the dynasty of Nguyen // NCLS, 1963 từ số 51 đến số 53.

1897. PHAN HUY LÊ. Tác phẩm "Việt lâm xuân thu" có giá trị về mặt sử liệu hay không? - The work "Viet lam xuan thu" had or hadn't some value on the plan of historical documents? // NCLS, 1964, số 58.- tr. 41-43.

1898. PHAN HUY LÊ. Thêm vài ý kiến về tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn - Some ideas again contributing to understand the mine exploitation situation under the dynasty of Nguyen // NCLS, 1964, số 64.- tr. 46-54.

1899. PHAN HUY LÊ. Một bài hịch của Quang Trung - A proclamation of Quang Trung / Phan Huy Le, Dinh Xuan Lam // NCLS, 1965, số 79.- tr. 10-14.

1900. PHAN HUY LÊ. Cần xác minh lại vấn đề Nguyễn Trái tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ lúc nào? - How confirming the question of the participation of Nguyen Trai to the Lam Son insurrection from what time? // NCLS, 1967, số 94.- tr. 41-49.

1901. PHAN HUY LÊ. Chiến dịch Tốt Động, Chúc Động. Một chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn - The operation Tot Dong - Chuc Dong - A glorious victory of the Lam Son insurgent troops // NCLS, 1969, số 121.- tr. 3-26.

1902. PHAN HUY LÊ. Chiến thắng Ngọc Hồi-Đống Đa ngày 5 Tết Kỷ Dậu, tức ngày 30-1-1789 - The victory at Ngoc Hoi-Dong Da on the 5th day of the first lunar month of the Ky Dau year (January, 30th, 1789)// NCLS, 1974, số 154.- tr. 63-70.

1903. PHAN HUY LÊ. **Đô đốc Đặng Tiến Đông - một tướng Tây Sơn chỉ huy trận Đồng Da** - Dang Tien Dong, the Tay Son general commanding operation Dong Da // NCLS, 1974, số 154.- tr. 63-70.

1904. PHAN HUY LÊ. **Phong trào nông dân Tây Sơn và cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc cuối thế kỷ XVIII** - The peasant movement of Tay Son and the struggle against the foreign aggression for the defence of national independence at the end of the XVIIIth Century // NCLS, 1978, số 6(180).- tr. 8-27.

1905. PHAN HUY LÊ. **Một vấn đề về dòng họ, gia đình và cuộc đời Nguyễn Trãi (1380-1980)** - Some problems about the issue the family and the life of Nguyen Trai / Phan Huy Le, Nguyen Phan Quang // NCLS, 1980, số 3(192). - tr. 12-26.

1906. PHAN HUY LÊ. **Chế độ ban cấp ruộng đất thời Lê sơ và tính chất sở hữu của loại ruộng đất thế nghiệp** - About the regime of octroi of rice-fields and lands at the beginning of the Le's posterior dynasty, and the nature of the property of the hereditary rice-fields and land stype // NCLS, 1981, số 4(199).- tr. 15-19.

1907. PHAN HUY LÊ. **Cuộc Hội thảo về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam** - Colloquy on the problem of formation of the Vietnamese nation // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 1-8.

1908. PHAN HUY LÊ. **Trở lại một vấn đề trong tiểu sử Nguyễn Trãi** - Some ideas again about one question in the biography of Nguyen Trai / Phan Huy Le, Nguyen Phan Quang // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 73-88.

1909. PHAN HUY LÊ. **Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Vị trí, ý nghĩa lịch sử và những vấn đề khoa học đang đặt ra** - The victory of Bach Dang in 938 - Its historic position and significance and scientific problems must be put forward // NCLS, 1982, số 2 (203).- tr. 12-18.

1910. PHAN HUY LÊ. **Tính chất, chức năng của Nhà nước thế kỷ X và hình thái kinh tế - xã hội đương thời** - Character and function of the State in the Xth Century and the contemporaneous socio-economic formation // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr. 22-32,58.

1911. PHAN HUY LÊ. **"Đại Việt Sử ký toàn thư" : Tác giả, văn bản, tác phẩm** - The "Dai Viet Su ky toan thu" : author and text // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 24-38 ; số 4 (211).- tr. 7-19.

1912. PHAN HUY LÊ. **Lê Lợi (1385-1433) - Sự nghiệp cứu nước và dựng nước** - Le Loi (1385-1433) - His career of national salvation and building the country // NCLS, 1984, số 6 (219).- tr. 1-12.

1913. PHAN HUY LÊ. **Chiến thắng Rạch Gầm- Xoài Mút trong lịch sử Tây Sơn và lịch sử dân tộc** - The Rach Gam - Xoai Mut victory in the history of the Tay Son movement and the nation history // NCLS, 1985 , số 1 (220).- tr. 3-10.

1914. PHAN HUY LÊ. **Nhận xét về tổ chức và tính chất Nhà nước thời Trần** - Organization and character of State under Tran dynasty // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr. 27-32.

1915. PHAN HUY LÊ. Về niên đại bản in "Nội các quan bản" của "Đại Việt Sử ký toàn thư" (Trả lời Lê Trọng Khánh, Bùi Thiết) - On the dating of "Dai Viet Su Ky toan thu" printed from the "Noi cac quan ban" engraving (Reply to Le Trong Khanh and Bui Thiet) // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 18-28.

1916. PHAN HUY LÊ. 200 năm Cách mạng Pháp và phong trào Tây Sơn. Mối quan hệ giữa hai sự kiện lịch sử cùng thời điểm khác tính chất - 200 years of French Revolution and the Tay Son movement // NCLS, 1989, số 2 (245). - tr. 87-90.

1917. PHAN HUY LÊ. Cải cách của Hồ Quy Ly và sự thất bại của triều Hồ - The reform of Ho Quy Ly and the defeat of the Ho dynasty // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 2-8.

1918. PHAN HUY NGAN. Về việc phân kỳ lịch sử cận đại và hiện đại Việt Nam - About the periodization in the modern and the contemporary history of Vietnam // NCLS, 1962, số 43.- tr. 55-58.

1919. PHAN HUY NGAN. Nghiên cứu quan điểm của Hồ Chủ tịch về vấn đề nông dân trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta - Study on the conception of President Ho about the problem of the peasantry in the stage of the popular democratic and national revolution of our country // NCLS, 1977, số 3(177).- tr. 24-30.

1920. PHAN HUY NGAN. Hồ Chủ tịch viết về vấn đề nông dân trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - President Ho Chi Minh writings about the peasantry in the stage of the socialist revolution in our country // NCLS, 1978, số 2(179).- tr. 19-27.

1921. PHAN HUY THIỆP. Bàn thêm một số vấn đề xung quanh trận Như Nguyệt mùa Xuân 1077 - On some problems about the battle of Nhu Nguyet in Spring 1077 / Phan Huy Thiệp, Trịnh Vương Hồng // NCLS, 1977, số 6(177). - tr. 67-73.

1922. PHAN HUY THIỆP. Bước đầu tìm hiểu một số vấn đề về sự chỉ đạo nghệ thuật quân sự của Đảng trong chiến dịch biên giới Thu - Đông 1950 - Preliminary study on some problems concerning the direction of the Party in sphere of military art during the Autumn - Winter border operation of 1950 / Phan Huy Thiệp, Trịnh Vương Hồng // NCLS, 1980, số 2(191).- tr. 5-13.

1923. PHAN HUY THIỆP. Một số vấn đề về Lê Lợi và chiến lược kháng chiến chống Minh - Some problems relating to Le Loi and his strategy in the resistance war against the Ming // NCLS, 1984, số 6 (219).- tr. 13-25.

1924. PHAN HUY THIỆP. Từ Rạch Gầm - Xoài Mút đến Ngọc Hồi - Đồng Da - From Rach Gam- Xoai Mut to Ngoc Hoi - Dong Da // NCLS, 1985, số 1 (220). - tr. 16-17.

1925. PHAN HUY THIỆP. Cuộc Tổng Tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, trận tiêu diệt lớn nhất trong lịch sử chiến tranh chống xâm lược ở Việt Nam - The general offensive and upheaval of Spring 1975 the most deadly blow in the history of resistance wars against aggression in Viet Nam // NCLS, 1985, số 2 (221).- tr. 28-32.

1926. PHAN HỮU ĐẠT. Về vấn đề phân kỳ xã hội nguyên thuỷ - About the periodization of primitive society // NCLS, 1968, số 108.- tr. 50-54.

1927. PHAN HỮU DẬT. Ăng ghen và dân tộc học - F.Engels and ethnography // NCLS, 1971, số 140.- tr. 31-41.

1928. PHAN KHÔI. Thủ tìm hiểu sử liệu Việt Nam trong ngôn từ - To try to discover the Vietnam historical documents in linguistics // VSD, 1954 từ số 1 đến số 3.

1929. PHAN MINH TÁNH. . Loại bỏ những yếu tố chính trị ra khỏi việc phong Thánh để Giáo hội tiếp tục gắn bó với dân tộc, thực hiện đoàn kết lương-giáo . Political considerations should be removed from the canonization to step up the union of the Church to the people and realize the union of the people irrespective of religious beliefs // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 3-5.

1930. PHAN NGỌC LIÊN. Cách mạng XHCN Tháng Mười Nga vĩ đại và con đường thắng lợi của cách mạng thế giới - The Great October socialist Revolution / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Xuân Kỳ // NCLS, 1967, số 103.- tr. 21-32.

1931. PHAN NGỌC LIÊN. Vài nét về lịch sử đấu tranh của người Mỹ da đen - Some features of the struggle history of the Black Americans / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng // NCLS, 1969, số 122.- tr. 15-27.

1932. PHAN NGỌC LIÊN. Công xã Pari với cách mạng Việt Nam - The Commune of Paris and the Vietnamese revolution / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Văn Đức // NCLS, 1971, số 137.- tr. 4-7.

1933. PHAN NGỌC LIÊN. Tìm hiểu việc sử dụng số liệu và tài liệu thống kê trong công tác nghiên cứu của Hồ Chủ tịch - How President Ho Chi Minh made use of figures and statistics in his studies / Phan Ngọc Liên, Hồ Song // NCLS, 1971, số 138.- tr. 5-18.

1934. PHAN NGỌC LIÊN. Lịch sử nước Mỹ trong tác phẩm của Hồ Chủ tịch - U.S. history through President Ho's works / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng // NCLS, 1972, số 144.- tr. 24-35.

1935. PHAN NGỌC LIÊN. Tìm hiểu về công tác vận động, giáo dục quần chúng của Hồ Chủ tịch trong thời gian Người ở Pác Bó - Ho Chi Minh's agitation work among the masses at Pac Bo // NCLS, 1973, số 149.- tr. 13-21.

1936. PHAN NGỌC LIÊN. Một vấn đề về phương pháp luận sử học trong các tác phẩm của Hồ Chủ tịch - Problems of historical methodology in Ho Chi Minh's works / Phan Ngọc Liên, Trương Hữu Quýnh // NCLS, 1975, số 162. - tr. 7-19.

1937. PHAN NGỌC LIÊN. Vai trò và những bước chuyển biến của sĩ phu yêu nước Quang Ngai trên con đường đấu tranh chống Pháp - The role and the stages of transformation of patriotic scholars of Quang Ngai on the way of the anti - French struggle // NCLS, 1978, số 2(179).- tr. 86-92.

1938. PHAN NGỌC LIÊN. Bước trưởng thành của khoa Sử, trường Đại học Sư phạm Hà Nội I - The maturation of the Facutly of History of the High school of Pedagogy of Ha Noi I/ Phan Ngọc Liên, Nguyễn Phan Quang // NCLS, 1980, số 4(193).- tr. 19-23.

1939. PHAN NGỌC LIÊN. Hồ Chủ tịch - Nhà sử học cách mạng - President Ho Chi Minh - A revolutionary historian // NCLS, 1980, số 4(193).- tr. 24-35.

1940. PHAN NGỌC LIÊN. Một số tài liệu cần nghiên cứu để bổ sung vào tập I và tập II "Hồ Chí Minh - Toàn tập" - About some documents which must be studied in order to add to the "Ho Chi Minh - Complete works". Tomes I and II // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 66-69.

1941. PHAN NGỌC LIÊN. Quá trình nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường Cách mạng Tháng Mười đối với phong trào giải phóng dân tộc - The process of cognizance by President Ho Chi Minh of the impact of the October Revolution path on national liberation movements / Phan Ngọc Liên, Nguyễn An // NCLS, 1982, số 6 (207).- tr. 1-7.

1942. PHAN NGỌC LIÊN. Ảnh hưởng và tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với phong trào giải phóng dân tộc - Influence and impact of the historical victory of Dien Bien Phu upon the national liberation movement / Phan Ngọc Liên, Đỗ Thành Bình // NCLS, 1984, số 1 (214).- tr. 57-64.

1943. PHAN NGỌC LIÊN. Về một đặc điểm nổi bật của phong trào nông dân Tây Sơn : sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc - On one distinguished characteristic of peasants movement Tay Son : the combination between class struggle and national struggle / Phan Ngọc Liên, Nghiêm Định Vỹ // NCLS, 1984, số 3 (216).- tr. 33-37, 47.

1944. PHAN NGỌC LIÊN. "Phương pháp luận sử học" (Đọc sách) - Reading the book: "Historical methodology" by E.M.Jukov // NCLS, 1986, số 1 (226). - tr. 84-88.

1945. PHAN NGỌC LIÊN. Vài suy nghĩ về quan hệ giữa nghiên cứu lịch sử với giáo dục lịch sử - Reflexions on the connexion between historical studies and history teaching // NCLS, 1986, số 2 (227).- tr. 60-64.

1946. PHAN NGỌC LIÊN. Kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1 - 5 ở Việt Nam - The May day in Vietnam/ Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ // NCLS, 1986, số 3 (229).- tr.23-29.

1947. PHAN NGỌC LIÊN. "Lịch sử quan hệ Liên Xô - Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the book : "History of the Soviet - Vietnamese intercourse" / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr.86-90.

1948. PHAN NGỌC LIÊN. Từ chủ trương "Üng hộ Liên bang Xô viết" đến tư tưởng "Đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô" - From the direction : "support the Soviet State" to the idea "Solidarity and cooperation overall with the Soviet Union" / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr.19-24.

1949. PHAN NGỌC LIÊN. Về tác giả cuốn "Điều tra chân tướng Nga La Tú" - On the author of the book "Inquiry of the true physionomy of the Russia" / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Đình Lễ // NCLS, 1991, số 3 (256).- tr.74-75.

1950. PHAN NGỌC LIÊN. Những vấn đề trong dạy học lịch sử ở trường Phổ thông hiện nay - Some questions about the teaching on history in Secondary school at the present time / Phan Ngọc Liên, Nguyễn Thị Côi // NCLS, 1991, số 4 (257).- tr. 20-24.

1951. PHAN NGỌC LIÊN. Giáo dục truyền thống dân tộc cho thế hệ trẻ qua môn lịch sử - The education on national tradition for the young general on by historical science / Phan Ngọc Liên, Trịnh Tùng, Nguyễn Thị Côi // NCLS, 1992, số 2 (261).- tr.31-37.

1952. PHAN NGỌC LIÊN. Đổi mới việc giảng dạy, học lịch sử ở trường Phổ thông hiện nay - Renovating the history teaching and study in the Secondary school at the present time // NCLS, 1998, số 2 (268).- tr.17-20.

1953. PHAN NGỌC LIÊN. **Quan hệ Việt - Mỹ trong những năm 1945 - 1954** - The Vietnam - USA relations in the years 1945 - 1954 / Phan Ngọc Liên, Trịnh Vương Hồng // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr.29-35.

1954. PHAN NGỌC LIÊN. **Về đơn xin học trường Thuộc địa Pháp của Nguyễn Tất Thành năm 1911** - About the application of Nguyen Tat Thanh for a studying place in the French Colonies School/ Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr.84-87.

1955. PHAN PHƯƠNG THÁO. **Vài số liệu thống kê 16 năm tạp chí Nghiên cứu Lịch sử (1975 - 1990)** - Some statistical figures : 16 years of Historical studies Review (1975 - 1990) // NCLS, 1992, số 3 (262).- tr.60-65.

1956. PHAN QUANG. **Khởi nghĩa Lê Duy Lương** - The Le Duy Luong insurgency // NCLS, 1985, số 5 (224).- tr.64-70.

1957. PHAN TRỌNG BÁU. **Dinh Công Tráng với khởi nghĩa Ba Đình** - The Dinh Cong Trang and the Ba Dinh uprising // NCLS, 1971, số 141.- tr.17-27.

1958. PHAN TRỌNG BÁU. **Để tiến tới một bản đồ hoàn chỉnh về cứ điểm Ba Đình** - To complete the map of Ba Dinh base / Phan Trọng Báu, Nguyễn Đình Luyện // NCLS, 1973, số 148.- tr.47-50.

1959. PHAN TRỌNG BÁU. **Một số hoạt động chống Pháp của văn nhân xã Trung** - Some anti-French colonialist activities of Scholars of the village Trung / Phan Trọng Báu, Trần Xuân Hòa // NCLS, 1979, số 5 (188).- tr.86-88.

1960. PHAN TRỌNG BÁU. **Vài ý kiến về cuốn "Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm 1945"** - Reading the book: "Inquiry into the education work in Vietnam prior to 1945" // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr.89-92.

1961. PHAN TRỌNG BÁU. **Thử tìm hiểu dòng giáo dục yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX-dầu thế kỷ XX** - Trying to understand the patriotic education movement from the end of the XIXth Century to the beginning of the XXth Century // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr.29-39.

1962. PHAN TUONG. **Tìm hiểu công cuộc xây dựng thành Phú Xuân** - Essay of study on the construction of the Phu Xuan citadel // NCLS, 1978, số 2 (179).- tr.70-77.

1963. PHAN VĂN BAN. **Vài ý kiến nhận cuốn "Bàn về sự hình thành của dân tộc Việt Nam" của Giáo sư Đào Duy Anh** - Some remarks about the book of Professor Dao Duy Anh 'Discussion on the Vietnam people formation' // VSD, 1958, số 37.- tr.85-90.

1964. PHAN VĂN BAN. **Đảng Cộng sản Pháp đối với cách mạng Việt Nam** - The French communist Party and the Vietnam revolution // NCLS, 1961, số 23.- tr.39-53.

1965. PHAN VĂN BAN. **Một số ý kiến về việc phân kỳ lịch sử cận đại và hiện đại Việt Nam** - Some opinions about the periodization of the modern and contemporary history of Vietnam // NCLS, 1961, số 26.- tr.15-20.

1965(bis). PHAN VĂN BAN. **Về vấn đề phân kỳ lịch sử thế giới hiện đại** - About the periodization of the contemporary World History // NCLS, 1993, số 1 (260).- tr.85-87.

1966. PHAN VĂN CÁNH. **Các dân tộc thiểu số với phong trào Cần vương ở Bình Định (1885 - 1887)** - The ethnic minorities and the "devoted to the King movement" in Binh Dinh (1885 - 1887) // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr. 60-63.
1967. PHAN VĂN HOÀNG. **Dấu ấn Điện Biên Phủ trong Hồi ký của một Tổng thống Mỹ** - The Dien Bien Phu impression in the memoir of an American President // NCLS, 1994, số 3 (274).- tr.80-86.
1968. PHAN VĂN HOÀNG. **Hồ Chủ tịch với những yếu tố tích cực của Nho giáo** - President Ho Chi Minh and the active elements of Confucianism // NCLS, 1994, số 4 (275).- tr.1-7.
1969. PHAN VĂN HOÀNG. **Nguyễn Tất Thành đến Paris từ lúc nào?** - When Nguyen Tat Thanh got to Paris? // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr.80-84.
1970. PHAN XUÂN HẠT. **Bức thư cuối cùng của đồng chí Phan Đăng Lưu** - The last letter of comrade Phan Dang Luu // NCLS, 1980, số 6 (195).- tr. 57-59.
1971. PHEDOSEEP (P.N.) **Sự phát triển của khoa học xã hội dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô** - The development of the socialist sciences under the light of the made by the XXVII Congress of the communist Party of the Soviet Union // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr.65-73.
1972. PHONG CHÂU. **"Chinh phụ ngâm" khúc ca oán chiến tranh** - The "Warior's Wife song" complaining against the war // VSD, 1956, số 18.- tr. 39-46.
1973. PHONG CHÂU. **"Tám Cám" có thật ở Việt Nam không ?** - The story of "Tam Cam" did exist it really in Vietnam ? // VSD, 1958, số 39.- tr.91-98.
1974. PHONG HIỀN. **Từ "Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, thực chất và huyền thoại" đến "Hành trình"** - From "The French colonialism in Vietnam - Essence and legend" to "Itinerary" // NCLS, 1965, số 76.- tr.2-10.
1975. PHONG HIỀN. **Cộng đồng Vatican II (1962 - 1965) và Giáo hội Việt Nam**. Từ Thư chung năm 1951 đến Thư chung năm 1980 - Vatican II (1962 - 1965) and Vietnamese Church. From the Common letter 1951 to the Common letter 1980 // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr.71-75.
1976. PHÓ ĐỨC THÁO. **Đối chiếu "Nam được quốc ngữ phủ" (NDP) với "Bản thảo Cương mục" (BTQM) để thấy sự khác biệt giữa hai tác phẩm** - Confronting "Nam duoc quoc ngu phu" and "Ban thao cuong muc" to understand the difference between the tow works // NCLS, 1994, số 1 (272).- tr. 71-74.
1977. PHÙNG ĐỨC THÁNG. **Bàn thêm về việc đánh giá tổ chức "Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội** - To discuss further on the evaluation of the Organization : ALLIANCE ASSOCIATION FOR VIETNAM REVOLUTION" ("Vietnam Cách Mạng Đồng minh Hội")// NCLS, 1992, số 6 (262).- tr.35-39.
1978. PHÙNG GIA THỌ. **Bước đầu tìm hiểu cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Dimbabuê** - Preliminary study on the revolution of national liberation of the people of Zimbabwe // NCLS, 1980, số 6 (195).- tr.42-45.

1979. PHÙNG HỮU PHÚ. **Liên minh công nông trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH ở Việt Nam** - Worker and peasant alliance in the early stage of the transitional period to socialism in Vietnam // NCLS, 1986, số 2 (227).- tr.8-16.

1980. PHÙNG HỮU PHÚ. **Công cuộc đổi mới và những vấn đề đặt ra đối với sử học** - The renovation and the problems put to history // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr.2-4.

1981. PHÙNG VĂN CƯỜNG. **Một tấm bia dài Trần mới được phát hiện** - A newly discovered stele from the Tran period // Phung Van Cuong, Pham Van Kinh // NCLS, 1974, số 156.- tr.60-69.

1982. PHƯƠNG HẠNH. **Về Châu Văn Liêm (1902 - 1930)** - On Chau Van Liem (1902 - 1930) // NCLS, 1992, số 4 (263).- tr.57-60.

1983. PHƯƠNG PHƯƠNG. **Tìm hiểu về trận Bạch Đằng năm 1288** - Research on the Bach Dang battle in 1288 // NCLS, 1968, số 114.- tr.16-25.

1984. PIGULEPSKAIA (N.V.). **Vấn đề tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thành chủ nghĩa phong kiến** - The disintegration of the slavery and the formation of the feudalism // NCLS, 1960, số 14.- tr.57-61.

1985. POLIAKOV (I.). **Tháng Mười vĩ đại, cách mạng Việt Nam và quá trình cách mạng thế giới** - The Great October, the Vietnamese revolution and the world revolution course // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr.5-7.

1986. POLIAKOV (Y.). **Phẩm chất công dân của sử học** - The quality of the citizen - historian // NCLS, 1989, số 1 (214).- tr.83-90.

1987. POLSKI (M.). **Cuộc đấu tranh của Liên Xô giành hòa hoãn và giới sử học phi mác xít ở các nước phương Tây những năm gần đây** - The struggle of the Soviet Union for the detente through the prism of Western anti - marxist historians in recent years // NCLS, 1986, số 2 (227).- tr.71-80.

1988. POCHEKHIN (I.). **Những vấn đề cơ bản của lịch sử các dân tộc châu Phi** - The fundamental questions of the history of the Africa's people // NCLS, 1962, số 39.- tr.15-25.

Q

1989. QUÁCH MẤT NHUỘC. **Máy vấn đề nghiên cứu lịch sử trước mắt** - Some actual questions of historical study // NCLS, 1959, số 4.- tr. 24-32.

1990. QUANG CHÍNH. **Vấn đề cấu tạo nội dung lịch sử Việt Nam theo quan điểm đa dân tộc** - The question of the Vietnam historical content composition from the plurianational point of view // NCLS, 1963, số 50.- tr. 7-10, 28.

1991. QUANG HƯNG. **Bước đầu tìm hiểu báo chí vô sản ở Nghệ An thời kỳ đầu cách mạng** - Essay of research on the proletarian news papers and periodicals of the Nghe An at the beginning of the revolution / Quang Hung, Quoc Anh // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr.19-27.
1992. QUANG HƯNG. Lê Hồng Sơn, người chiến sĩ xuất sắc thuộc thế hệ những người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam - Le Hong Son, an eminent righter among the first Vietnamese communists / Quang Hung, Quoc Anh // NCLS, 1979, số 1 (184).- tr.11-20.
1993. QUỐC ANH. **Về mối quan hệ giữa các khuynh hướng chính trị tiểu tư sản với phong trào công nhân trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trước 1930** - About the relations between the petty bourgeois political tendencies and the workers movement in the movement of national liberation in Vietnam before 1930 // NCLS, 1975, số 160.- tr.28-48.
1994. QUỐC ANH. **Góp phần tìm hiểu lịch sử báo chí Việt Nam từ "Đại Nam đồng văn nhật báo" đến "Đảng cổ tung báo"** - From the "Dai Nam Dong van nhat bao" daily to the "Dang co tung bao" journal // NCLS, 1975, số 164.- tr.24-33.
1995. QUỐC ANH. **Bài học lịch sử của "Nam Kỳ tự trị" - Số phận của những kẻ đi ngược lại ý chí thống nhất của dân tộc Việt Nam** - Historical lesson of the "Autonomous Nam Ky" fate of those who were against the Vietnamese people will of unification // NCLS, 1976, số 1 (166).- tr.24-34.
1996. QUỐC ANH. **Về tờ báo "Việt Nam hồn" (Đọc sách)** - On the "Vietnam hon" journal (the Soul of Vietnam) // NCLS, 1978, số 1 (178).- tr.89-91.
1997. QUỐC ANH. **Hướng tới việc nghiên cứu lịch sử văn hóa Việt Nam** - To an approach to the study about the history of the Vietnamese culture // NCLS, 1981, số 3 (198).- tr.11-14.
1998. QUỐC ANH. **Làm cho sáng chân dung các Thánh** - In order to the light up the portraits of Saints // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 42-48.
1999. QUỐC ANH. **"Nghiên cứu Đông Dương - Kỷ yếu" T.II (Đọc sách)** - Reading the book: "Etudes Indochinoises" II - Miscellanées "Annals of research on Indochina" (Tome II) // NCLS, 1990, số 1 (248).- tr.81-83.
2000. QUỐC ANH. **Giới thiệu sách "Thư mục Champa và Chàm"** - (P.B. Lafont et Po Dharma "Bibliographie Campa et Cam" Editions L' Harmattan, Paris, 1989, 139 p.) - Presentation of books: "Bibliography of Champa and Cham" // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr.92-93, 95.
2001. QUỐC ANH. **"Từ điển lịch sử Việt Nam" (Đọc sách)** - "Vietnam historical dictionary" (Book review) // NCLS, 1991, số 2 (255).- tr.88-89.
2002. QUỐC ANH. **"Thừa sai Công giáo Pháp và chính sách của chủ nghĩa đế quốc ở Việt Nam, giai đoạn 1857 - 1914" (Đọc sách)** - On the book : "The Messenger of French Christianity and the policy of French imperialism in Vietnam in the phase 1857 - 1914" (Book review) // NCLS, 1991, số 4 (257). - tr.82-84.
2003. QUỐC CHÂN. **Phong trào nông dân hay phong trào dân tộc?** - The peasant movement or the national movement ? // VSD, 1958, số 36.- tr.69-74.

2004. QUỐC QUANG. **Góp ý kiến về Cường Đế** - Contribution to the research on Cuong De // NCLS, 1963, số 48.- tr.46-49, 56.
2005. QUỲNH CÚ. **Tài liệu về tình hình đấu tranh của nông dân trong thời kỳ Mặt trận Bình dân (1936 - 1939)** - Documents on the struggle situation of peasants in the Popular Front period (1936 - 1939) // NCLS, 1964, số 60.- tr. 57-64.
2006. QUỲNH CÚ. **Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam** - The American people movement against the invasion war in South Vietnam // NCLS, 1966, số 91.- tr.5-16..
2007. QUỲNH CÚ. **Mấy nét về Mặt trận nhân dân thế giới chống Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân miền Nam** - Some features of World people front against the American imperialism and for the South Vietnam people liberation struggle // NCLS, 1967, số 99.- tr.10-22.
2008. QUỲNH CÚ. **Một vài ý kiến về ý nghĩa quốc tế của cuộc chiến đấu chống Mỹ của nhân dân miền Nam** - Some thinkings on international signification of the South people struggle movement against the American imperialism // NCLS, 1967, số 104.- tr.45-57.
2009. QUỲNH CÚ. **Về mâu thuẫn của ngụy quyền Sài Gòn trong giai đoạn chiến tranh cục bộ hiện nay** - On the contradictions in the Saigon puppet Power in the present phase of partial war // NCLS, 1968, số 113.- tr.14-31.
2010. QUỲNH CÚ. **Bàn tiếp về mâu thuẫn của ngụy quyền Sài Gòn trong giai đoạn chiến tranh cục bộ hiện nay** - Continued discussion on the contradictions in the Sai Gon false Power in the present phase of partial war // NCLS, 1968, số 117.- tr.20-37.
2011. QUỲNH CÚ. **Ngụy quyền Sài Gòn từ mùa xuân 1968 đến nay** - The Sai Gon puppet power from Spring of 1968 to now // NCLS, 1970, số 130.- tr. 45-53, 64 ; số 131.- tr.57-61.
2012. QUỲNH CÚ. . **Vai trò của đội ngũ sĩ quan ngụy trong chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam** - The role of puppet officers corps in the U.S.neo-colonialist policy in South Vietnam // NCLS, 1976, số 171.- tr.30-44.
2013. QUỲNH CÚ. **Mấy nét về cơ sở giai cấp của ngụy quyền Sài Gòn thời kỳ 1954 - 1975** - On the class basic of the Saigonese puppet administration during the period 1954 - 1975 // NCLS, 1977, số 6 (177).- tr.15-27.
2014. QUỲNH CÚ. **Tìm hiểu "Đội quân chính trị" của quần chúng trong cách mạng miền Nam (1954 - 1975)** - Essay of study on the "political army" of the mass in the revolution at the South Vietnam(1954 - 1975) // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr.73-80.
2015. QUỲNH CÚ. **Giáo hội Thiên chúa giáo miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)** - Catholic Church in South Vietnam in the period of anti - American struggle (1954 - 1975)// NCLS, 1988, số 1-2 (288-289).- tr. 66-70.

R

2016. REVUE (B.). **Những trống đồng Phác si cổ của Miến Điện II** (Tạp chí Tiến lên" của Miến Điện, 1977) - The ancient Pharsi drums of Burma II // NCLS, 1978, số 3 (180).- tr.91-94, 96.

2017. ROBERT K.BRIGHAM. **Những đồng minh thận trọng : Mặt trận Việt Minh - người Mỹ và Cách mạng tháng Tám** - The prudent allies : The Vietminh front, the Americans and the August Revolution // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr.74-76.

2018. ROESLER (J). **Nước CHDC Đức và nền công nghiệp hóa XHCN** - The German Democratic Republic and the socialist industrialization // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr.73-79.

S

2019. SA ANH. **Tác dụng của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử** - The effect of the popular mass and of the individual in the history // VSD, 1955, số 10.- tr. 73-85.

2020. SCHMIDT (S.). **Xã hội và thiên nhiên, những vấn đề nghiên cứu các nguồn tư liệu lịch sử** - Society and nature : questions historical sources // NCLS, 1985, số 6 (225).- tr. 70-72.

2021. SHIMAO MINORU. **Sơ lược về tình hình nghiên cứu lịch sử cổ trung đại Việt Nam tại Nhật Bản** - Summary about the Vietnam Antiquity and Middle age History studies in Japan // NCLS, 1991, số 3 (256).- 91-92.

2022. SERINI (E.). **Từ Mác đến Lenin : Phạm trù "Hình thái kinh tế - xã hội"** - From Marx to Lenin : On the category "Socio-economic form" // NCLS, 1977, số 3 (174).- tr.51-79.

2023. SIVATCHEV (N.). **Chủ nghĩa cơ cấu và những phương pháp cơ cấu định lượng trong khoa học lịch sử** - Structuralism and structure - quantitative methods in historical sciences / Sivatchev (N.), Kovaltchenko (I) // NCLS, 1979, số 4 (187)87-92 ; số 6 (189).- tr.71-81.

2024. SMIDT (S.D.). **Tư duy lịch sử, nghiên cứu lịch sử và những vấn đề tư liệu học** - Historical thought, historical research and problems of documentology // NCLS, 1980, số 2 (191).- tr.76-82.

2025. SMOLENSKI (N.). **Bản chất của các khái niệm lịch sử** - Nature of the historical concepts // NCLS, 1978, số 1 (178).- tr.64-74.

2026. SOTAIIN (V.M.). **Trước sự xâm nhập của các cường quốc châu Âu thì những nhân tố bản chất chủ nghĩa dâ có trong nền kinh tế của các nước phương Đông chưa?**

- Before the infiltration of the European powers, the capitalist factors had they been in existence in the East countries economies ? // NCLS, 1959, số 7.- tr.53-66.

2027. STORUVE (V.V.). **Vấn đề tan rã của chế độ chiếm hữu nô lệ và hình thái chủ nghĩa phong kiến** - The question of the disintegration of the slavery and the formation of the feudalism // NCLS, 1960, số 14.- tr.50-56.

T

2028. T.B. "Lê quý kỵ sự" viết về trận cá phá quân Mân Thanh ngày 5-1 năm Kỷ Dậu - The battle of destroying the Man Thanh troops in the fifth January of the lunar year Ky Dau // NCLS, 1967, số 104.- tr.62.

2029. T.C. Nhìn lại các cơ sở bí mật của cơ quan lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 - 1935) - Looking back to the clandestine bases of the Indochina Communist Party leading Organ // NCLS, 1962, số 37.- tr. 20-25.

2030. TCNCLS. Các bạn đọc thân mến - Dear readers // NCLS, 1959, số 1.- tr.1-2.

2031. TCNCLS. Một vấn đề của Cách mạng Tháng Tám cần đi sâu nghiên cứu - Some scientific questions of the August Revolution require a through study // NCLS, 1960, số 18.- tr.1-20.

2032. TCNCLS. 1961// NCLS, 1961, số 22.- tr.2-5.

2033. TCNCLS. Dánh giá một số nhân vật lịch sử - Estimation some historical personages // NCLS, 1961, số 23.- tr.5-7.

2034. TCNCLS. Vấn đề Xô viết Nghệ Tĩnh - The question of Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1961, số 30.- tr.1.

2035. TCNCLS. Từ Đại hội XXIII Đảng Cộng sản Liên Xô, một thời kỳ vĩ đại của lịch sử loài người bắt đầu : Thời kỳ chủ nghĩa cộng sản - From the XXIIIrd Congress of the Soviet Union Communist Party, a great epoch of human history, the beginning of the communist epoch // NCLS, 1961, số 32.- tr.1-6.

2036. TCNCLS. Số kết cuộc thảo luận về hai nhân vật Hồ Quý Ly và Nguyễn Trương Tộ - Preliminary conclusion of the discussion on two personages: Ho Quy Ly and Nguyen Truong To // NCLS, 1961, số 33.- tr.8-16.

2037..TCNCLS. Những đề mục nghiên cứu năm 1962 - The study themes for 1962 // NCLS, 1962, số 34.- tr.1-2

2038. TCNCLS. Bình luận một số nhân vật lịch sử - Commentary on some historical personages // NCLS, 1962, số 34.- tr.6.

2039. TCNCLS. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam hiện nay là một tất yếu lịch sử - The revolutionary struggle of the South people to day is a historical necessity // NCLS, 1962, số 40.- tr.1-2.

2040. TCNCLS. Nguyễn Trãi, một nhân vật vĩ đại trong lịch sử Việt Nam - Nguyen Trai, a great personage in Vietnam history // NCLS, 1962, số 42.- tr.1-7, 15.

2041. TCNCLS. Về bài "Ánh hưởng của cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu"-About the article "The China revolution influence on the ideological shift of Phan Boi Chau" // NCLS, 1963, số 48.- tr.45.

2042. TCNCLS. Những tài liệu lịch sử quý giá vừa được đưa về nước - The precious historical documents recently sent back to the country // NCLS, 1963, số 53.- tr.39.

2043. TCNCLS. Những bức thư thăm thiết - The intimate letters // NCLS, 1964, số 60.- tr.1-2.

2044. TCNCLS. Cần tiến hành công tác phê bình tài liệu - It is necessary to do the critique of documents // NCLS, 1964, số 63.- tr.1-4.

2045. TCNCLS. 20-8-1964 : Kỷ niệm 100 năm ngày mất của Trương Định- 20-8-1964 Centenary anniversary of the death day of Truong Dinh // NCLS, 1964, số 65.- tr.6.

2046. TCNCLS. Chuẩn bị thảo luận về một nhân vật lịch sử: Phan Chu Trinh - Preparation for discussion about the historical personage: Phan Chu Trinh// NCLS, 1964, số 66.- tr.8.

2047. TCNCLS. Một lần lầm về tài liệu cần chấm dứt - An error in document must end // NCLS, 1965, số 71.- tr.43.

2048. TCNCLS. Trở lại việc xác minh vụ ném bom ở Hà Nội - Going back to the bombardment of Ha Noi for confirmation // NCLS, 1965, số 75.- tr.64.

2049. TCNCLS. Thảo luận về những cuộc khởi nghĩa của nông dân và chiến tranh nông dân trong quá trình lịch sử Việt Nam - Discussion on the peasant insurrections and on the peasant war in the process of Vietnam history // NCLS, 1965, số 76.- tr.27.

2050. TCNCLS. Một lần nữa xác minh địa điểm vụ ném bom ở Hà Nội năm 1913 - Confirming again the bombarded place in Ha Noi in 1913 // NCLS, 1965, số 77.- tr.62.

2051. TCNCLS. Những việc làm trong năm qua và trọng tâm nghiên cứu trong năm mới - The activities of the past year and the central studying themes of the new year // NCLS, 1967, số 94.- tr.1-4.

2052. TCNCLS. Nên nghiên cứu vấn đề thời đại Hồng Bàng - We ought to study the Hong Bang epoch // NCLS, 1967, số 97.- tr.5-6.

2053. TCNCLS. Điểm lại 100 số TCNCLS - Checking a hundred issues of Historical Studies Review // NCLS, 1967, số 101.. tr. 1-6.

2054. TCNCLS. Vấn đề An Dương Vương, Thục Phán và nước Âu Lạc - The questions of An Duong Vuong, Thuc Phan and the Au Lac country // NCLS, 1968, số 107.- tr.25-27.

2055. TCNCLS. Cần nghiên cứu có hệ thống đặc điểm xã hội Việt Nam - It is necessary to study the system of Vietnam society particularities // NCLS, 1968, số 115.- tr.1-2.

2056. TCNCLS. Để kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - For the anniversary of the birthday of the South Vietnam National Liberation Front // NCLS, 1968 số 116.- tr.1, 38.

2057. TCNCLS. Năm 1968. Tạp chí NCLS đã làm được những gì ? - In 1968, what are done by the Historical Studies Review ? // NCLS, 1968, số 117.- tr.1-3.

2058. TCNCLS. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập trong điều kiện lịch sử nào ? - In what historical conditions, is established the South Vietnam Republic provisory Revolutionary Goverment ? // NCLS, 1969, số 123.- tr.1-3.

2059. TCNCLS. Những cán bộ công tác sử học chúng ta trước 4 ngày kỷ niệm lớn năm 1970 - We, the cadres of historical science, facing towards the four great anniversary days in 1970 // NCLS, 1969, số 124.- tr.1-2.

2060. TCNCLS. Chuẩn bị kỷ niệm 900 năm thành lập Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội - Preparation for the 900th anniversary of the creation of the Temple of litterature - Quoc tu giam in Ha Noi // NCLS, 1969, số 127.- tr. 5-6.

2061. TCNCLS. Nhận ngày kỷ niệm thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - On the occasion of the anniversary of the creation of the South Vietnam National Liberation Front // NCLS, 1969, số 129.- tr.1-2.

2062. TCNCLS. 1970, năm những ngày lễ lớn - 1970, the year of great anniversaries days // NCLS, 1970, số 130.- tr.1-3.

2063. TCNCLS. Hồ Chủ tịch vĩ đại của Đảng và dân tộc ta - The great President Ho of our Party and our nation // NCLS, 1970, số 132.- tr.3-6.

2064. TCNCLS. Một sự kiện lịch sử quan trọng : Hội nghị cấp cao nhân dân Đông Dương - An important historical fact : the Indochina people high degree Conference // NCLS, 1970, số 133.- tr.1-2.

2065. TCNCLS. Kỷ niệm 150 năm ngày sinh Ăng ghen, người đã cùng Mác sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học - The 150th anniversary of the birthday of Engels, the founder, together with Marx, of the scientific socialism // NCLS, 1970, số 136.- tr.1-2, 17.

2066. TCNCLS. Mấy ngày kỷ niệm của năm 1971 - Anniversaries days celebrated in 1971 // NCLS, 1971, số 137.- tr.1-3.

2067. TCNCLS. Kỷ niệm 25 năm ngày Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp - 25th anniversary day of our National resistance against the French colonialists // NCLS, 1971, số 141.- tr.1-2.

2068. TCNCLS. Hai ngày kỷ niệm, một ý nghĩa - Two anniversaries days one meaning // NCLS, 1972, số 145.- tr.1.

2069. TCNCLS. Ý nghĩa lịch sử Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với Cách mạng Tháng Tám và các phong trào chống ngoại xâm từ

1945 cho đến ngày nay - Importance of the 6th Conference of the Party Central Committee : The 1945 August Revolution and the struggles against aggression since 1945 today // NCLS, 1972, số 146.- tr.1-4.

2070. TCNCLS. Kỷ niệm năm thứ 20 : Quyết định của Trung ương Đảng thành lập Ban Nghiên cứu lịch sử, địa lý, văn học, phẩn khởi đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học của chúng ta - On the occasion of the 20th founding anniversary of the Committee of historical literary and geographical studies of Vietnam (Founded by Decision of the VN worker's Party) // NCLS, 1973, số 152.- tr.1-4.

2071. TCNCLS. Phong trào Tây Sơn và thế kỷ XVIIIth - The Tay Son movement and the XVIIth Century // NCLS, 1974, số 154.- tr.3-4.

2072. TCNCLS. Dư luận dõi với bộ "Lịch sử Việt Nam" T.I - Readers's opinions : "History of Vietnam" (I) // NCLS, 1975, số 1 (166).- tr.75-77.

2073. TCNCLS. Việt Nam là một nước thống nhất - Vietnam is a unified nation // NCLS, 1976, số 1 (166).- tr.3-5.

2074. TCNCLS. Về nông nghiệp Việt Nam trong lịch sử - On the Vietnamese agriculture in the history // NCLS, 1978, số 3 (180).- tr.1-4.

2075. TCNCLS. Nghiên cứu các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử Việt Nam. Nhiệm vụ cấp thiết của chúng ta - To carry out researches into socio-economic formations existing in the process of the history of Vietnam - Our urgent task // NCLS, 1982, số 1 (202).- tr.1-4.

2076. TCNCLS. Các Mác và vai trò của sử học mác xít - Karl Marx and the role of marxist historical sciences // NCLS, 1983, số 2 (209).- tr.1-3.

2077. TCNCLS. Cần tìm hiểu di sản lịch sử với điểm xuất phát di lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta - Historical legacy with the starting point in the transition of socialism in Vietnam // NCLS, 1987, số 1 (232-233).- tr.1-2.

2078. TCNCLS. Nghiên cứu về cải cách, canh tân đất nước trong lịch sử - A study on innovating, reform of the country in the history // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr.1-2.

2079. TCNCLS. Văn đề đổi mới trong công tác nghiên cứu lịch sử ở nước ta hiện nay - The question of renovation in the historical studies of our country of today // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr.1.

2080. TCNCLS. Phương hướng, mục tiêu hoạt động của Tạp chí NCLS năm 1992 - Direction, objective of "Historical Studies" review in 1992 // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr.1-2.

2081. TCNCLS. Nghiên cứu về nông dân, nông nghiệp và nông thôn đồng bằng sông Hồng từ năm 1954 đến nay - Research about the peasantry, the agriculture and the country side in the Red River Delta from 1954 to now // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr.1.

2082. TCNCLS. Nhà Nguyễn trong lịch sử nửa đầu thế kỷ XIX - The Nguyen dynasty in the history of the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr.1.

2083. T.H.. Thư Bắc Kinh - The letter from Peking // NCLS, 1959, số 2.- tr.82-88.

2084. T.H.L. **Tinh thần đấu tranh để bảo vệ độc lập và hòa bình của dân tộc Việt Nam** - The Vietnam nation struggle spirit for the defence of independence and peace // VSD, 1955, số 6.- tr.1-8.
2085. T.K. **Tài liệu về cuộc kháng chiến của Trương Định** - Documents on the resistance war of Truong Dinh // NCLS, 1965, số 77.- tr.44-55, số 78.- tr.49-55, 64.
2086. T.X. **Có bao nhiêu dân tộc trên đất Liên Xô ?** - How many nations are there in the Soviet Union ? // NCLS, 1967, số 95.- tr.61-62.
2087. T.X. **Chúa Nguyễn Phúc Khoát và triều thần dưới con mắt thương nhân phương Tây** - The Seigneur Nguyen Phuc Khoat and the royal court under the eyes of European merchants // NCLS, 1969, số 120.- tr.61-63.
2088. T.X. **Con đường hành quân của Đô đốc Mưu và Đô đốc Bảo năm 1789** - The operation road of Admiral Muu and Admiral Bao in 1789 // NCLS, 1969, số 120.- tr.63-64.
2089. T X. **Pô Kum Pao và Trương Quyền hay là ý nghĩa cuộc liên minh chiến đấu của hai dân tộc Khơ me và Việt Nam** - Po Kum Pao and Truong Quyen or the signification of the struggle alliance between the two people Khmer and Vietnam // NCLS, 1970, số 133.- tr.3-8.
2090. TẠ NGỌC LIỄN. **Đi tìm tác giả "Hoàng Lê nhất thống chí"** - Who was the author of "Hoang Le Nhat thong chi" // NCLS, 1974, số 157.- tr.14-23.
2091. TẠ NGỌC LIỄN. **Nguyễn Thiếp** - Nguyen Thiep // NCLS, 1975, số 164.- tr.24-32.
2092. TẠ NGỌC LIỄN. **Đại Tư mã Ngô Văn Sở, một danh tướng của Tây Sơn** - Ngo Van So, a well known General of Tay Son // NCLS, 1976, số 4 (169).- tr. 54-62.
2093. TẠ NGỌC LIỄN. **Vài nhận xét về Thiền Tông và phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần** - Some considerations on Thien Tong and the sect Truc Lam Yen Tu under Tran's dynasty // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr.53-62.
2094. TẠ NGỌC LIỄN. **Phát hiện một tài liệu Nôm đời Tây Sơn : Văn cúng quân Thanh chết trận Đồng Da** - A funeral oration dedicated to destroyed Ts'ing aggressor at the Dong Da battle // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr. 87-89.
2095. TẠ NGỌC LIỄN. **Một sự nghiệp còn mãi (Nhân kỷ niệm 200 năm năm sinh Phan Huy Chú: 1782 - 1982)** - On the occasion of the 2nd birth centenary of Phan Huy Chu - An everlasting work // NCLS, 1982, số 5 (206).- tr.10-17.
2096. TẠ NGỌC LIỄN. **Tìm hiểu thể loại địa chí** - Research into various genres of geographic monographies // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr.69-73.
2097. TẠ NGỌC LIỄN. **Máy nét về vai trò, đặc điểm của Nho giáo thời Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features about the role, the particularities of Confucianism of the Nguyen dynasty in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr.32-36.
2098. TẠ THỊ THÚY. **Bước đầu tìm hiểu một số quy chế cơ bản về việc thiết lập đồn điền ở Bắc Kỳ của thực dân Pháp (giai đoạn 1884 - 1896)** - Investigation of a number

of essential regulations concerning the setting up of plantations in Tonkin by French colonialists (1884 - 1896) // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr.21-26.

2099. TẠ THỊ THÚY. **Việc thiết lập dồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ trong giai đoạn 1884 - 1896** - The foundation of French plantations in Tonkin in 1884 - 1896 // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr.98-107.

2100. TẠ THỊ THÚY. **Về tầng lớp chủ dồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ trong giai đoạn 1884 - 1896** - French concessionaires in Tonkin during the 1884 - 1896 period // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr.86-95.

2101. TẠ THỊ THÚY. **Vài nét về việc khai thác và sử dụng đất dồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ giai đoạn 1884 - 1896** - Some features on exploitation and utilization of plantation land of French colonialists in Tonkin in the period 1884 - 1896 // NCLS, 1991, số 2 (155).- tr.50-60.

2102. TẠ THỊ THÚY. **Việc sử dụng công nhân dồn điền của thực dân Pháp ở Bắc Kỳ giai đoạn 1884 - 1896** - The use of worker in the plantations of French colonialists in Tonkin in the phase 1884 - 1896 // NCLS, 1991, số 4 (257).- tr.25-34.

2103. TẠ XUÂN LINH. **Cuộc đồng khởi Trà Bồng (28-8-1959)** - The Tra Bong uprising (28-8-1959)/ Tạ Xuân Linh, Nguyễn Hò, Nguyễn Khánh Tường// NCLS, 1971, số 138.- tr.19-27.

2104. TẠ XUÂN LINH. **Cuộc đồng khởi Bến Tre** - Ben Tre in the concerted uprisings movement // NCLS, 1975, số 2 (161).- tr.24-35.

2105. TAYLOR (K). **Dư luận nước ngoài đối với bộ "Lịch sử Việt Nam" T.I (Trích trong : The Journal of Asian studies. Vol XXXIII, № 2, 2.1974, tr. -338-340) (Đọc sách)** Reading the book "History of Vietnam" T.I // NCLS, 1974, số 158.- tr.74-76.

2106. TÀM VŨ. **Khuynh hướng cộng sản trong tờ báo " La Cloche fêlée" và "L'Annam" ở Sài Gòn 1923 - 1928** - About the communist tendency of the two periodicals "La Cloche fêlée" and "L'Annam" // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr. 19-26.

2107. TÀM VŨ. **"Thanh niên" tờ tuần báo đầu tiên của cuộc vận động truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin trên đất nước Việt Nam** - "Youth", the first weekly of the Marxism - Leninism diffusion movement in Vietnam // NCLS, 1978, số 1 (178).- tr.10-19.

2108. TÀM VŨ. **Đấu tranh tư tưởng và chính trị giữa Đảng Cộng sản và nhóm tờ-rốt-kit trong những năm 1930** - Ideological and political struggle of the Communist Party and the trotskyist groups over the thirties years (1930) // NCLS, 1978, số 4 (181).- tr.9-32.

2109. TÀM VŨ. **Chủ nghĩa quốc tế vô sản, một trong những động lực tinh thần của cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến tháng 8-1945** - The proletarian internationalism - one of the moral motive forces of the Vietnamese revolution from the end of the World war I to August 1945 // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr.9-21.

2110. TÀM VŨ. **Một đặc điểm trong nội dung tư tưởng của thơ văn đời Lý** - Some characteristics of the ideological content of the poetry and prose of the Ly's dynasty // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr.33-39.

2111. TÀM VU. Một cuộc đấu tranh giữa thần bí và duy lý trong Phật giáo Giao Châu thế kỷ V - A struggle between mysticism and rationalism in Buddhism at Giao Chau in the Vth Century // NCLS, 1982, số 3 (204).- tr.44-51.

2112. THÁI ĐỒNG. Mấy ý kiến về bài "Đoàn Thị Điểm với 'Chinh phụ ngâm' hay là một tác phẩm văn học chống chiến tranh" - Some remarks about the article "Doan Thi Diem and the 'Warrior's wife song' or a literary work against the war // VSD, 1956, số 23.- tr.91-97.

2113. THÁI NHÂN HÒA. Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân - Pham Phu Thu and the thought of Reform // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr.50-55.

2114. THÁI VŨ. Ông Tú Gi Luân, một lãnh tụ nghĩa quân trong phong trào Cần vương ở Quảng Bình - The Bachelor Gi Luan, a leader of insurrection troops in the movement "Devoted to the King" in Quang Binh // NCLS, 1965, số 72.- tr.61-62.

2115. THÁI VŨ. Tìm hiểu thêm về cứ điểm Ba Đình - Research on the important base of Ba Dinh // NCLS, 1965, số 76.- tr.61-65.

2116. THÁI VŨ. Mấy bài thơ của các lãnh tụ Cần vương tỉnh Thanh Hóa : Trần Xuân Soạn, Hoàng Bật Đạt - Some poems of "Devoted to the King" movement leaders in Thanh Hoa : Tran Xuan Soan, Hoang Bat Dat // NCLS, 1966, số 86.- tr.63-64.

2117. THANH BA. Bàn thêm về quan điểm của Nguyễn Trãi trong vấn đề chiến tranh và hòa bình - Discussion on the Nguyen Trai's point of view about the question of war and peace // NCLS, 1964, số 69.- tr.34-38.

2118. THANH BA. Xung quanh bài "Tư tưởng dân của Nguyễn Trãi với chúng ta" - On the article "The Nguyen Trai's thought on 'man' with we" // NCLS, 1966, số 85.- tr.30-34.

2119. THANH BÌNH. Từ nền kinh tế suy sụp đến bế tắc (Hay là sự thất bại của đế quốc Mỹ trong việc sử dụng kinh tế miền Nam làm hậu cần tại chỗ) - From a decreasing economy to a blocked economy (or the defeat of American imperialism in making use of the South economy as supply services on the spot) // NCLS, 1968, số 116.- tr.39-46.

2120. THANH ĐẠM. Tìm hiểu lịch sử Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo (1947-1973) - History of the Tran Hung Dao mechanical engineering plant // NCLS, 1974, số 157.- tr.24-33.

2121. THANH ĐẠM. Nghiên cứu vấn đề tầng lớp trung gian trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám - The middle strata in the August Revolution // NCLS, 1975, số 163.- tr.7-27.

2122. THANH ĐẠM. Ít nhiều tư liệu và chính sách chia để trị của thực dân Pháp ở Việt Nam - Some materials on the "divide and rule" policy of French colonialism in Vietnam // NCLS, 1976, số 166.- tr.35-48.

2123. THANH ĐẠM. Tìm hiểu về ba cuộc Đại hội của Đảng - On the three Congresses of the Vietnam worker's Party // NCLS, 1976, số 170.- tr.20-29.

2124. THANH ĐẠM. Suy nghĩ về việc biên soạn lịch sử xí nghiệp - Some reflections upon the compilation of a history of the factory // NCLS, 1978, số 4 (181).- tr.54-70..

2125. THANH DẠM. Về bài *chế* truy điệu Hồ Bá Ôn - On the speech delivered in memory of Ho Ba On // NCLS, 1986, số 3 (228).- tr.74-75.
2126. THANH DẠM. "Địa chí Hà Bắc" (Đọc sách) - Reading the book: "Ha Bac province monography" // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr.105-108.
2127. THANH DẠM. "Từ Thổ Đôi Trang đến xã Quỳnh Đôi" (Đọc sách) - Reading the book: "From Tho Doi farm to Quynh Doi village" // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).- tr.111-113, 118.
2128. THANH DẠM. Các nhà cách mạng Việt Nam tham gia khởi nghĩa Quảng Châu - The participation of Vietnamese revolutionist in the Kwang Tcheou (China) insurrection // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr.72-75.
2129. THANH DẠM. Lớp huấn luyện chính trị thứ hai ở Quảng Châu (Trung Quốc) - The second political course in Kwang Tcheou (China) // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr.71-74.
2130. THANH DẠM. Tìm gặp con trai của liệt sỹ Phạm Hồng Thái - Finding and meeting with the child of the Hero Pham Hong Thai // NCLS, 1994, số 3 (274).- tr.69-72.
2131. THANH DẠM. Nền tư tưởng và bước thăng trầm của Cách mạng Tân Hợi - The ideological base and the rise and fall of the Tan Hoi Revolution // NCLS, 1994, số 5 (276).- tr.71-76.
2132. THANH LÊ. Phan Chu Trinh, một sĩ phu phong kiến tư sản hóa giàu lòng yêu nước - Phan Chu Trinh, a feudal scholar becoming bourgeois, but a fervent patriot // NCLS, 1965, số 71.- tr.26-30.
2133. THANH LUÔNG. Chủ nghĩa Lê nin và sự phát triển giai cấp công nhân Việt Nam - Leninism and the development of the Vietnamese working class // NCLS, 1974, số 156.- tr.37-43, số 157.- tr.45-52.
2134. THANH SƠN. Sách "Hồ" của David Halberstam (Đọc sách) - Reading the book on "Ho" of David Halberstam // NCLS, 1990, số 4 (251).- tr.86-89.
2135. THANH XUÂN. Cuộc khởi nghĩa "Quân áo son" chống thực dân Pháp xâm lược 1884 - The insurrection of "the troops wearing red coat" against the French aggressive colonialist in 1884 // NCLS, 1967, số 97.- tr.58-59.
2136. THÀNH THẾ VĨ . Một số tài liệu về ngoại thương ở Dàng Ngoài đầu thế kỷ XVII - Some documents about the foreign trade of the North Vietnam at the beginning of the XVIIth Century // VSD, 1958, số 44.- tr.66-80.
2137. THÀNH THẾ VĨ . Văn học cổ điển và chủ nghĩa cổ điển - The classical literature and the classicism // VSD, 1959, số 48.- tr.44-59.
2138. THÉ DAT . Lịch sử tiền tệ Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám - History of Vietnam currency before the August Revolution // NCLS, 1959, số 9.- tr.64-79.
2139. THÉ DAT . Tình hình phát triển tiền tệ Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám - The development of Vietnam currence after the August Revolution // NCLS, 1962, số 37.- tr.26-35.

2140. THÉ ĐẠT. Kinh nghiệm lịch sử : công tác quản lý kinh tế của Liên Xô sau Cách mạng Tháng Mười - About the economic management of USSR after the October Revolution // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr.24-35.

2141. THÉ LONG. Bước đầu tìm hiểu về sĩ phu với phong trào nông dân Tây Sơn - Preliminary study on the scholars towards the peasant movement of Tay Son // NCLS, 1978, số 6 (183).- tr.113-128.

2142. THÉ TÀNG. Vai trò hậu phương của Đại Việt trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh - The role played by Dai Viet's rear areas in the resistance against the Ming // NCLS, 1984, số 6 (219).- tr.42-47.

2143. THI SÁNH. Giai cấp công nhân mỏ Quảng Ninh trong việc bảo vệ và xây dựng thắng lợi chính quyền cách mạng ở khu mỏ (9-1945 - 12-1946) - The workers of Quang Ninh and the victorious building and safeguarding of the people's power in coal field zone // NCLS, 1980, số 1 (190).- tr.54-62.

2144. THI SÁNH. Công nhân mỏ Quảng Ninh đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai sau Hiệp định Geneva 1954 -Mine workers of Quang Ninh fighting against U.S imperialist and their valets since the Geneva Agreement 1954 // NCLS, 1981, số 1 (196).- tr.32-44.

2145. THIẾT THẠCH. Về một số điểm cần xác minh trong cuốn "Việt Nam nghĩa liệt sử" - About some documents which must be clarified in the "Vietnam Nghia liet su" // NCLS, 1976, số 1 (166).- tr.84-87.

2146. TIỀN SƠN. Một số cống hiến của Nguyễn Trãi trong chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV - Some contributions of Nguyen Trai to the direction of national liberation war at the beginning of the XVth Century // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr.47-52.

2147. TIỀN BÁ TÂN. Một vài vấn đề trong việc bình luận nhân vật lịch sử - Some questions in the commentary on historical personage // VSD, 1954, số 3.- tr.58-70.

2148. TIỀN BÁ TÂN. Đấu tranh giữa hai đường lối trên mặt trận khoa học lịch sử - The struggle between the two lines on the historical science front // NCLS, 1959, số 1.- tr.71-79.

2149. TIỀN BÁ TÂN. Vài vấn đề trước mắt trong việc giảng dạy lịch sử - Some instant questions in the teaching on history // NCLS, 1959, số 5.- tr. 20-34.

2150. TIỀN BÁ TÂN. Vấn đề xóa bỏ thể hệ Vương triều - The question of suppressing the system of dynasties of Kings // NCLS, 1961, số 23.- tr. 34-38.

2151. TIỀN BÁ TÂN. Một số vấn đề trong việc đánh giá nhân vật lịch sử - Some questions in the estimation of historical personage // NCLS, 1961, số 25.- tr.34-40.

2152. TIỀN BÁ TÂN. Mấy ý kiến sơ bộ về việc xử lý một số vấn đề lịch sử - Some preliminary thinkings on the dealing with some historical questions // NCLS, 1962, số 36.- tr.55-62, 64.

2153. TIKHVINSKI (S). Sự tán tụng chủ nghĩa bá quyền trong nền sử học Trung Quốc -The exaltation of hegemonism by Chinese historical sciences // NCLS, 1983, số 1 (208).- tr.65-75.

2154. TIKHVINSKI (X.L). Về nhiệm vụ của các nhà sử học Xô viết - On the task of the Soviets historians // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr.74-79.
2155. TÒA SOẠN TC VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC. Tổng kết thảo luận vấn đề địa lý tự nhiên và địa lý kinh tế - Summary of the discussion about the question of natural geography and economical geography // VSD, 1955, số 8.- tr. 65-72.
2156. TÔ MINH TRUNG. Bàn về vấn đề mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam - Discussion on the germs of capitalism in Vietnam // NCLS, 1962, số 37.- tr.36-42.
2157. TÔ MINH TRUNG. Một ý kiến đánh giá vai trò Lưu Vĩnh Phúc trong cuộc kháng Pháp của nhân dân Việt Nam - Some ideas about the estimation on the role of Luu Vinh Phuc in the Vietnam people struggle against the French colonialism // NCLS, 1962, số 38.- tr.31-34.
2158. TÔ MINH TRUNG. Góp ý kiến với ông Nguyễn Việt về một vài vấn đề trong việc đánh giá mầm mống tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam - Exchange of view with Mr. Nguyen Viet about some questions of estimation on the germs of capitalism in Vietnam // NCLS, 1962, số 41.- tr.23-28.
2159. TÔ MINH TRUNG. Góp ý kiến với ông Chương Thâu về bài "Ảnh hưởng của Cách mạng Trung Quốc đối với sự chuyển biến tư tưởng của Phan Bội Châu" - Exchange of opinions with Mr. Chuong Thau about the article "The influence of China Revolution on the ideological shift of Phan Boi Chau" // NCLS, 1963, số 46.- tr.51-59.
2160. TÔ MINH TRUNG. Phong trào nông dân Tiền Hải 1930 - The movement of Tien Hai peasants in 1930 // NCLS, 1963, số 52.- tr.60-62.
2161. TÔ MINH TRUNG. Chung quanh bài học "Khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị và vũ trang trong Cách mạng Tháng Tám" (Góp ý kiến với đồng chí Lê Quốc Sử) - About the lesson "Well combining the forms of political struggle and armed struggle in the August Revolution (Exchange of opinion with comrade Le Quoc Su) // NCLS, 1963, số 53.- tr.16-24.
2162. TÔ MINH TRUNG. Trương Vĩnh Ký, tên tay sai đặc lực đầu tiên của chủ nghĩa thực dân Pháp trong lịch sử nước ta - Truong Vinh Ky, the first zealous lackey of the French colonialism in the history of our country // NCLS, 1964, số 59.- tr.43-46.
2163. TÔ MINH TRUNG. Bàn về chủ nghĩa cải lương Phan Chu Trinh - Discussion on the reformism of Phan Chu Trinh // NCLS, 1964, số 67.- tr. 29-38.
2164. TÔ MINH TRUNG. Phong trào đấu tranh chống Mỹ và tay sai của học sinh, sinh viên miền Nam (1954-1965) - The students and the pupils struggle movement against the American imperialists and their henchmen (1954-1965) // NCLS, 1966, số 82.- tr.7-19.
2165. TÔ MINH TRUNG. Quá trình hình thành và phát triển của vùng giải phóng miền Nam - The process of formation and development of the liberation zones in the South // NCLS, 1966, số 87.- tr.6-16.
2166. TÔ MINH TRUNG. Sự tan rã không ngừng của nguy quân miền Nam - The continuous disintegration of the puppet army in the South // NCLS, 1966, số 90.- tr.8-22.

2167. TÔ MINH TRUNG. Về kế hoạch Giònxon - Macnamara và giai đoạn chót của "Chiến tranh đặc biệt" - On the Johnson - Mc Namara's plan and the ending phase of the "Special war" // NCLS, 1967, số 98.- tr.4-15.

2168. TÔ MINH TRUNG. Mấy nét lớn về nền văn hóa miền Nam Việt Nam dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ - The main outlines of culture of the South Vietnam under the domination of the American colonialism // NCLS, 1967, số 103.- tr.45-53.

2169. TÔ MINH TRUNG. Nền giáo dục phản động của Mỹ-ngụy ở miền Nam Việt Nam - The reactionary education of the American imperialism and their henchmen in the South Vietnam // NCLS, 1968, số 114.- tr.49-57.

2170. TÔ MINH TRUNG. Ngọn cờ đầu của phong trào "Đồng khởi" toàn miền Nam Việt Nam - The first flag of the "simultaneous uprising" movement in the whole South Vietnam // NCLS, 1969, số 118.- tr.47-54, 57.

2171. TÔ MINH TRUNG. Văn đề Hùng Vương theo quan điểm của một số người làm công tác sử học ở miền Nam Việt Nam - The question of Hung Vuong from the view point of some historians in South Vietnam // NCLS, 1969, số 121.- tr.56-59.

2172. TÔ SANH. Về sự tích ghi trong bia Sùng Thiện Diên Linh ở làng Long Đọi Sơn - About the story engraved on the stele Sung Thien Dien Linh in the village Long Doi Son // NCLS, 1966, số 85.- tr.60-61.

2173. TÔ TRUNG. Phong trào Đông Kinh Nghĩa thục, một cuộc cải cách xã hội đầu tiên (Trao đổi ý kiến với ông Đặng Việt Thành) - The Dong Kinh Nghia thuc movement, a first social reformation (Exchange of opinion with Mr. Dang Viet Thanh) // NCLS, 1961, số 29.- tr.53-55.

2174. TÔ THANH. Tìm hiểu chính sách của Nhật đối với khu vực Đông Nam Á thời kỳ "Sau Việt Nam" - Preliminary study on the policy of Japan towards South - East Asia in the "post - Vietnam" period // NCLS, 1980, số 2 (191).- tr.68-75.

2175. TÔ THANH. Chiến dịch Thượng Lào - The Upper Laos military campaign / Tô Thanh, Hữu Hợp // NCLS, 1980, số 1 (208).- tr.6-14.

2176. TÔ THANH. Cuộc đấu tranh nhằm củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng ở Nam Bộ thời kỳ 1945-1946 - The struggle to keep up and consolidate the revolutionary power in Nam Bo in the 1945 - 1946 period // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr.15-25 ; số 5 (230).- tr.22-26.

2177. TÔ THANH. Văn đề đại đoàn kết toàn dân để củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng thời kỳ 1945 - 1946 - The great union of all the people to consolidate and maintain the revolutionary power in 1945 - 1946 period // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 18-28.

2178. TÔ THANH. Hồ Chủ tịch với vấn đề chính quyền của dân, do dân và vì dân - President Ho Chi Minh with the question of a government of the people, by the people and for the people // NCLS, 1990, số 2 (249).- tr. 20-28.

2179. TÔN KÍNH CHI. **Stalin và khoa học địa lý** - Stalin and the geographical science // VSD, 1955, số 4.- tr.57-60.
2180. TÔN QUANG DUYỆT. **Một vài ý kiến bổ sung về lịch sử hai đồng chí : Trần Phú và Nguyễn Thị Minh Khai** - More on the biographies of Tran Phu and Nguyen thi Minh Khai // NCLS, 1971, số 139.- tr.22-29.
2181. TÔN QUANG DUYỆT. **Phan Đăng Lưu, một chiến sĩ cộng sản lối lạc, kiên cường, một trí thức cách mạng tiêu biểu** - Phan Dang Luu, an outstanding communist militant and a typical revolutionary intelectual // NCLS, 1975, số 4 (163).- tr.50-56.
2182. TÔN QUANG PHIỆT. **Cụ Phan Bội Châu trong lịch sử giải phóng dân tộc của chúng ta** - Phan Boi Chau in our national liberation history // VSD, 1956, số 13.- tr. 53-65.
2183. TÔN QUANG PHIỆT. **Nói thêm về Phan Bội Châu sau khi đọc hai bài góp ý kiến của các ông Hải Thu và Lê Văn Trinh** - Some ideas against on Phan Boi Chau after reading the two articles of Mr. Hai Thu and Mr.Le Van Trinh // VSD, 1958, số 44.- tr.53-65.
2184. TÔN QUANG PHIỆT. **Phan Chu Trinh, tư cách con người và chủ trương chính trị** - Phan Chu Trinh, the quality of a man and his political orientation // NCLS, 1965, số 70.- tr.11-18.
2185. TÔN QUANG PHIỆT. **Phải chăng Hoàng Hoa Thám đã bị giết ngày 10-2-1913 ?** - Hoang Hoa Tham was he killed in 10-2-1913 ? // NCLS, 1966, số 82.- tr.27-36.
2186. TÔN QUANG PHIỆT. **Về đồng chí Phan Đăng Lưu, một trí thức cách mạng kiên cường** - On comrade Phan Dang Luu, a brave revolutionary intelectual // NCLS, 1972, số 147.- tr.10-22.
2187. TỔNG TRUNG TÍN. **Đóng góp một số tư liệu mới phát hiện về Hồ Quý Ly** - Some new documents about Ho Quy Ly // NCLS, 1980, số 6 (195).- tr. 77-82.
2188. TỔNG TRUNG TÍN. **Nghệ thuật thời Mạc** - The art under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6 (259).- tr.45-50.
2189. TRẦN BÁ CHÍ. **Một số tài liệu liên quan đến Mai Thúc Loan và cuộc khởi nghĩa của ông** - Some documents relative to Mai Thuc Loan and his insurrection // NCLS, 1964, số 68.- tr.50-57.
2190. TRẦN BÁ CHÍ. **Sử Hy Nhan và Sử Đức Huy - hai nhân vật lịch sử thời Trần** - Su Hy Nhan and Su Duc Huy - Two historical personalities of Tran dynasty // NCLS, 1979, số 6 (189).- tr.48-55.
2191. TRẦN BÁ CHÍ. **Quê quán, gia tộc Lê Đại Hành** - Native village and familiar issue of Le Dai Hanh // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr.18-24.
2192. TRẦN BÁ CHÍ. **Vị trí Hà Nội trong cuộc chống Tống thời Tiền Lê** - The place of Ha Noi in the war against the Tsung at the Tien Le period (Xth Century) // NCLS, 1986, số 3 (228).- tr.46-49.
2193. TRẦN BÁ CHÍ. **Tìm hiểu hai chữ "Lịch triều" trên bìa sách "Đại Việt Sử ký toàn thư", bản in "Nội các quan bản"** - Research into the compound word "Lich Trieu" on the title page of the book "Dai Viet Su Ky Toan Thu", printed in "Nội các quan bản" - Research into the compound word "Lich Trieu" on

the front cover of "Dai Viet Su Ky toan thu" printed from the "Noi cac quan ban" engraving // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr.65-67.

2194. TRẦN BÁ CHÍ. **Nguồn gốc Hồ Quý Ly và dòng họ Hồ** - The origin of Ho Quy Ly and his lineage // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr.13-17.

2195. TRẦN BÁ CHÍ. **Hồng Giang thời cổ và Sông Hồng ngày nay** - The Red river in the past and of today // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr.56-59.

2196. TRẦN BÁ DÊ. **Từ Điện Biên Phủ đến "Điện Biên Phủ trên không" . Đế quốc Mỹ từ chún bước đến thất bại** - From Dien Bien Phu to the "Dien Bien Phu in air battle" the U.S imperialism : From discouragement to fiasco // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr.21-27.

2197. TRẦN BÁ DÊ. **Một ý kiến về đổi mới nội dung nghiên cứu, giảng dạy lịch sử miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1954-1975)** - Some ideas on the renovation the study and the teaching on the history of the North Vietnam in the transition to the socialism (1954-1975) // NCLS, 1991, số 6 (259).- tr.66-69.

2198. TRẦN BÁ DÊ. **Một ý kiến về đổi mới biên soạn và giảng dạy lịch sử Việt Nam giai đoạn từ 1919 đến nay** - Some opinions on the renovation of Vietnam history writing and teaching in the period from 1919 to now // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr.29-31.

2199. TRẦN CUNG. **Khởi nghĩa Dệ tử chiến khu** - Insurrection in the IVth Strategic War theatre // NCLS, 1969, số 126.- tr.44-57.

2200. TRẦN CUNG. **Từ Côn Dao trở về (Hồi ký)** - Coming back from Con Dao (Memoir) // NCLS, 1970, số 134.- tr.18-26.

2201. TRẦN CUỘNG. **Chính sách bành trướng của Bắc Tống và tình hình nhà Tống sau thất bại ở Việt Nam năm 981** - The policy of expansion of the Sung's dynasty and the situation or the Sung's dynasty after its defeat at Vietnam in 981 // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr.46-54.

2202. TRẦN CUỘNG. **Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng qua một số thư tịch Trung Quốc** - The Trung Sister's insurrection through the books of Chinese // NCLS, 1983, số 2 (209).- tr.75-80.

2203. TRẦN CUỘNG. **Một điều cần làm sáng tỏ trong lịch sử Việt Nam nửa cuối thế kỷ VI** - A few facts needing clarification on Vietnamese history in VIth Century // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr.59-66.

2204. TRẦN ĐẮC THO. **Bàn về pho tượng lạ ở Chùa Bộc** - To discuss further on the strange statue in Boc Pagoda // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 69-74.

2205. TRẦN DỘ. **Hành động xâm lược Việt Nam và sự thất bại của quân Minh dưới ngòi bút của sử gia hiện đại Trung Quốc** - The Minh armies' aggressive act and defeat in their invasion at Vietnam, under the pen of Chinese historians contemporary // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr.42-48.

2206. TRẦN DỘ. **Vài nét về tình hình chiếm hữu ruộng đất và khai thác nông nghiệp của tư bản thực dân Pháp ở Campuchia cuối thế kỷ XIX - giữa thế kỷ XX** - Some features about the confiscation of lands and the agricultural exploitation of the French

capitalists at Kampuchea from the end of the XIXth Century to the middle of the XXth Century // NCLS, 1982, số 4 (205). - tr.63-71.

2207. TRẦN ĐỘ. **Máy ý kiến nhân đọc cuốn "Lịch sử cận đại Trung Quốc"** - Some opinions on the book entitled "The modern history of China" // NCLS, 1984, số 4 (219). - tr.80-89.

2208. TRẦN ĐỘ. **Bàn về vị trí địa lý của "Quận Tương"** - Some opinions about the geographical position of "Tuong district" // NCLS, 1987, số 4 (235). - tr.43-52.

2209. TRẦN ĐỘ. **Về trận thắng quân Pháp tại Hữu nghị quan và Lạng Sơn (3-1885)** - The victory against the French colonialist in Friendship Frontier post (Huu Nghi quan) and Lang Son (3-1885) // NCLS, 1993, số 2 (267). - tr.26-30.

2210. TRẦN ĐỘ. **Người Hoa ở Việt Nam trong một số tác phẩm của học giả Trung Quốc (xuất bản gần đây)** - The Chinese in Vietnam in some works of Chinese authors (recently published) // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr.90-94.

2211. TRẦN DỨC ANH SƠN. **Một số định chính về niên đại các vua triều Nguyễn** - Some rectifications about the dynasty title of Nguyen dynasty Kings // NCLS, 1994, số 4 (275). - tr.69-72.

2212. TRẦN DỨC CƯỜNG. **Nhìn lại quá trình chuyển hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp từ bậc thấp lên bậc cao ở miền Bắc nước ta** - Retrospective glance at the process of transformation of the agricultural cooperatives from low to high degree in North Vietnam // NCLS, 1979, số 4 (187). - tr. 14-23.

2213. TRẦN DỨC CƯỜNG. **Vài nét về tổ chức và các hình thức hoạt động của một số cơ quan điều hành "văn hóa" thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)** - An outline of the organizations and activities of some "cultural" institutions of the U.S neo-colonialism in South Vietnam // NCLS, 1984, số 6 (219). - tr.68-73.

2214. TRẦN DỨC CƯỜNG. **Điện Biên Phủ - Nỗi ám ảnh của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam** - Dien Bien Phu - An obsession of the Americans in the invasion war of Vietnam // NCLS, 1994, số 2 (273). - tr. 18-23.

2215. TRẦN DỨC CƯỜNG. **Hoàng Văn Thủ (1909-1944), một chiến sĩ cách mạng kiên trung** - Hoang Van Thu (1909-1944) - A loyal revolutionary / Trần Đức Cường, Phùng Đức Thắng // NCLS, 1994, số 5 (276). - tr.1-4.

2216. TRẦN DỨC CƯỜNG. **Đọc: "Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960)"** - Reading the book : "The History of Vietnam National Assembly (1946-1960)" // NCLS, 1994. - số 6 (277). - tr.88-91.

2217. TRẦN DỨC THÁO. **Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong cuộc khủng hoảng của xã hội phong kiến Việt Nam** - The productive forces and the rapports of production in the crisis of the Vietnam feudal society // VSD, 1954, số 1. - tr.35-49.

2218. TRẦN DỨC THÁO. **Tìm hiểu giá trị văn chương cũ** - A study on the value of the ancient literature // VSD, 1954, số 3.. - tr.27-39.

2219. TRẦN DỨC THÁO. **Bài "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo và xã hội Việt Nam trong thời kỳ thịnh của chế độ phong kiến** - The proclamation of Tran Hung Dao

to the officers and the Vietnam society in the prosperity period of the feudalism // VSD, 1955, số 5.- tr.31-39.

2220. TRẦN GIANG. **Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ - Nam Ky uprising** // NCLS, 1979, số 5 (188).- tr.83-85.

2221. TRẦN HÀ. **Xung quanh trận Bạch Đằng năm 1288** - About the Bach Dang battle in 1288 // NCLS, 1963, số 46.- tr.60-66.

2222. TRẦN HAI LUONG. **Bàn về dia giới thành Thăng Long** - About the limits of Thang Long Citadel // NCLS, 1959, số 6.- tr.77-81.

2223. TRẦN HAI LUONG. **Vài suy nghĩ về sông Tô Lịch** - Some reflexions about the To Lich River // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr.51-54.

2224. TRẦN HUY BÁ. **Thứ bàn về vị trí thành Thăng Long đời Lý** - The position of Thang Long Citadel under the dynasty of Ly // NCLS, 1959, số 6.- tr.77-81.

2225. TRẦN HUY BÁ. **Thử tìm vị trí Phủ Chúa Trịnh** - Trying to discover the position of Seigneur Trinh place // NCLS, 1960, số 11.- tr.35-38.

2226. TRẦN HUY BÁ. **Bàn thêm về nội thành Thăng Long ở thời Lý, Trần, Lê** - Again on the inside of Thang Long Citadel under the dynasties of Ly, Tran, Le // NCLS, 1966, số 91.- tr.57-63.

2227. TRẦN HUY BÁ. **Ngọc phả triều Hùng Vương và Hùng Vương bát cảnh** - The family annals of the Kings Hung and the eight scenes under the Hung // NCLS, 1968, số 107.- tr.47-52.

2228. TRẦN HUY BÁ. **Một tấm bia cổ gần 900 năm mới phát hiện** - A recently discover ancient stele from 900 years ago // NCLS, 1969, số 125.- tr.41-46.

2229. TRẦN HUY BÁ. **Chút ít tài liệu về việc mở mang thành phố Hà Nội** - Some documents on the development of Ha Noi City // NCLS, 1971, số 139.- tr. 50-58.

2230. TRẦN HUY BÁ. **Một vài tài liệu về ruộng đất ở Hà Tây cũ hồi thế kỷ XVI - XVII qua cuốn ngọc phả "Tản viễn từ di tích"** - Some documents on the agrarian system in the old province of Ha Tay during the XVIth - XVIIth Centuries through the precious register "Tan Vien tu di tích" // NCLS, 1977, số 6 (117).- tr.83-84.

2231. TRẦN HUY LIỆU. **Những người hoạt động văn hóa với việc cải cách ruộng đất** - The cultural cadres and the land reform // VSD, 1954, số 1.- tr.75-78.

2232. TRẦN HUY LIỆU. **Dánh giá cho đúng những anh hùng dân tộc của chúng ta** - Justly estimating our national heros // VSD, 1954, số 1.- tr. 30-31.

2233. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề ruộng đất trong cách mạng Việt Nam** - The question of land in the Vietnam revolution // VSD, 1954, số 2.- tr.9-32.

2234. TRẦN HUY LIỆU. **Phong trào cách mạng trong giai đoạn thứ hai từ sau Đại chiến I đến năm 1930 do giai cấp nào lãnh đạo ?** - The revolutionary movement in the second phase from the First World War to 1930 was led by what class ? // VSD, 1954, số 3.- tr.22-26.

2235. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng tôi đã thấy những gì ở kho sử liệu của Liên Xô -** What see we in the historical documents treasure of Soviet Union ? // VSD, 1955, số 4.- tr.35-46.

2236. TRẦN HUY LIỆU. **Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ ?** - When was formed the Vietnam nation ? // VSD, 1955, số 5.- tr.5-16.

2237. TRẦN HUY LIỆU. **Bóc trần quan điểm thực dân và phong kiến trong quyển "Việt Nam sử lược" của Trần Trọng Kim -** Unmask the colonialist and feudal point of view in the book "Vietnam history" of Tran Trong Kim // VSD, 1955, số 6.- tr.20-37.

2238. TRẦN HUY LIỆU. **Ôn lại quá trình đấu tranh chống xâm lược của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam -** A review of the Vietnam minority people struggle process against the aggression // VSD, 1955, số 7.- tr.42-57.

2239. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề phân định giai đoạn lịch sử cận đại Việt Nam -** The question of periodization of the Vietnam modern history // VSD, 1955, số 8.- tr.6-17.

2240. TRẦN HUY LIỆU. **Cách mạng tháng Tám với việc lập lại thống nhất đất nước trên một giai đoạn mới -** August Revolution and the country reunification in a new phase // VSD, 1955, số 9.- tr.1-4.

2241. TRẦN HUY LIỆU. **Việt Nam thống nhất trong quá trình đấu tranh cách mạng -** The unified Vietnam in the revolutionary struggle process // VSD, 1955, số 9.- tr.53-64.

2242. TRẦN HUY LIỆU. **Vai trò lịch sử của Trần Quốc Tuấn -** The historical role of Tran Quoc Tuan // VSD, 1955, số 10.- tr.8-17.

2243. TRẦN HUY LIỆU. **Những cuộc vận động Đông du và Đông Kinh Nghĩa thục, Duy tân ... là phong trào tư sản hay tiểu tư sản ?** - The Dong du and Dong Kinh Nghia thuc movements, the movement of renovation ... Were the movements of the bourgeoisie or of the petty - bourgeoisie ? // VSD, 1955, số 11.- tr.35-38.

2244. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài nét đặc biệt về Đảng Cộng sản Đông Dương -** Some special features of the Indochina Communist Party // VSD, 1955, số 12.- tr.4-18.

2245. TRẦN HUY LIỆU. **Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và những người công tác khoa học Việt Nam -** The Soviet Union Academy of sciences and the Vietnam scientific cadres // VSD, 1956, số 13.- tr.1-3.

2246. TRẦN HUY LIỆU. **Tổng kết công tác của Ban Nghiên cứu Văn - Sử - Địa trong một năm qua và đề án công tác năm 1956 -** Summing up the works of the Committee for Literature, History and Geography in the past year and the project of the activities for 1956 // VSD, 1956, số 14.- tr.1-14.

2247. TRẦN HUY LIỆU. **Dánh giá cuộc cách mạng Tây Sơn và vai trò lịch sử của Nguyễn Huệ -** Estimation on the Tay Son revolution and the historical role of Nguyen Hue // VSD, 1956, số 14.- tr.30-44.

2248. TRẦN HUY LIỆU. **Xung quanh cái chết của Hoàng Diệu và việc thất thủ thành Hà Nội năm 1882 -** About the death of Hoang Dieu and the capitulation of the Ha Noi citadel in 1882 // VSD, 1956, số 16.- tr.25-37.

2249. TRẦN HUY LIỆU. Giỗ tổ Hùng Vương - The anniversary our ancester the King Hung // VSD, 1956, số 17.- tr.1-4.

2250. TRẦN HUY LIỆU. Bàn thêm về vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam - Discuss again on the question of the Vietnam nation formation // VSD, 1956, số 18.- tr.14-27.

2251. TRẦN HUY LIỆU. Bàn thêm về vấn đề chống sùng bái cá nhân - Discuss again on the cult of personality // VSD, 1956, số 19.- tr.5-9.

2252. TRẦN HUY LIỆU. Một nét đặc biệt về Cách mạng Tháng Tám - Some characters of the August Revolution // VSD, 1956, số 20.- tr.1-6.

2253. TRẦN HUY LIỆU. Nguyễn Trãi, một nhà đại chính trị, đại văn hào Việt Nam - Nguyen Trai. A great politician, a great writer of Vietnam // VSD, 1956, số 21.- tr.1-21.

2254. TRẦN HUY LIỆU. Một vài nhận xét về quyển "Cống hiến vào lịch sử của dân tộc Việt Nam" của Jean Chesneaux - Some remarks on the book of Jean Chesneaux "Contribution to the Vietnam nation history" // VSD, 1956, số 22.- tr.3-15.

2255. TRẦN HUY LIỆU. Kiểm điểm công tác của Ban Nghiên cứu Văn - Sử - Địa năm 1956 và đề án công tác năm 1957 - Summing up the works of the Committee for Literature, History and Geography in 1956 and the project of the activities for 1957 // VSD, 1956, số 23.- tr.1-9.

2256. TRẦN HUY LIỆU. Vấn đề công tác và tổ chức khoa học đã được đề ra trong Quốc hội khoá VI - The question of the scientific work and organization is put in the VIth National Assembly // VSD, 1957, số 24.- tr. 1-5.

2257. TRẦN HUY LIỆU. Chuẩn bị viết lịch sử Đảng - Preparation for the writing of Party history // VSD, 1957, số 25.- tr.1-3.

2258. TRẦN HUY LIỆU. Đi sâu vào những đặc điểm của xã hội Việt Nam - Go in profoundly to the particularities of Vietnam society // VSD, 1957, số 26.- tr.1-2.

2259. TRẦN HUY LIỆU. Phong trào cách mạng Việt Nam qua thơ văn - Vietnam revolutionary movements through poems and proses // VSD, 1957 - 1958. Từ số 27 (4-1957) đến số 47 (12-1958) và NCLS từ số 1 (3-1959) đến số 29 (8-1961).

2260. TRẦN HUY LIỆU. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 với cuộc Cách mạng Tháng Tám - The Decision of the VIIIth Plenum and the August Revolution // VSD, 1957, số 30.- tr.1-4.

2261. TRẦN HUY LIỆU. Bài học lịch sử về Xô viết Nghệ-Tĩnh - The historical lesson of Nghe Tinh Soviet // VSD, 1957, số 32.- tr.1-8.

2262. TRẦN HUY LIỆU. Cách mạng Tháng Mười và Cách mạng Việt Nam - The October Revolution and the Vietnam Revolution // VSD, 1957, số 33.- tr. 1-18.

2263. TRẦN HUY LIỆU. Nhân dịp kỷ niệm toàn quốc kháng chiến, điểm lại thuyết "Ba giai đoạn" của chúng ta - On the occasion of the anniversary of the all country resistance, check our "Three phases" theory // VSD, 1957, số 34.- tr.1-5.

2264. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác của Ban Nghiên cứu Văn - Sử - Địa trong một năm qua** - The activities of the Committee for Literature, History and Geography in the past year // VSD, 1957, số 35.- tr.1-9.
2265. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề tổ chức khoa học Việt Nam** - The question of the Vietnam sciences organization // VSD, 1958, số 36.- tr.1-4.
2266. TRẦN HUY LIỆU. **Một điểm cần đi sâu vào cuộc Yên Thế khởi nghĩa** - It is necessary to go in profoundly to some points relative to the Yen The Insurrection // VSD, 1958, số 37.- tr.1-4.
2267. TRẦN HUY LIỆU. **Những yếu tố thắng lợi của trận lịch sử Đồng Da** - The factors of victory in the historical battle Dong Da // VSD, 1958, số 38.- tr.1-7.
2268. TRẦN HUY LIỆU. **Chủ nghĩa nhân văn với người cộng sản** - The humanism and the communist // VSD, 1958, số 40.- tr.1-3.
2269. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc khởi nghĩa Phan Đình Phùng, tiêu biểu của phong trào Văn nhân 1885 - 1896** - The insurrection of Phan Dinh Phung symbolizing the movement of scholars 1885-1896 // VSD, 1958, số 45.- tr. 1-14.
2270. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu lịch sử báo chí Việt Nam** - Introduction to the history of Vietnam press // NCLS, 1959, số 1.- tr.8-26.
2271. TRẦN HUY LIỆU. **Một ý kiến về công tác sử học của chúng ta** - Some ideas on our historical work // NCLS, 1959, số 3.- tr.9-16.
2272. TRẦN HUY LIỆU. **Bản Hiến pháp sửa đổi của ta là một thành quả của quá trình đấu tranh cách mạng** - Our modified Constitution is a result of the revolutionary struggle process // NCLS, 1959, số 4.. tr.1-7.
2273. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác sử học bắt đầu di vào cán bộ và nhân dân** - The historical work begins to go in the cadres and the people // NCLS, 1959, số 5.. tr.1-5.
2274. TRẦN HUY LIỆU. **Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám, điểm qua quá trình công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng** - On the occasion of the anniversary of the August Revolution, to give a general outline of the ideological and cultural works process of our Party // NCLS, 1959, số 6.- tr.1-10.
2275. TRẦN HUY LIỆU. **Sưu tầm tài liệu lịch sử** - Search for historical documents // NCLS, 1959, số 9.- tr.1-6.
2276. TRẦN HUY LIỆU. **Phấn đấu để trở thành một đảng viên cộng sản** - To strive for one's adhesion to the communist Party // NCLS, 1960, số 10.- tr. 77-90.
2277. TRẦN HUY LIỆU. **Triển vọng công tác sử học năm 1960** - The prospect of the historical work in 1960 // NCLS, 1960, số 11.- tr.1-3.
2278. TRẦN HUY LIỆU. **Sưu tầm và nghiên cứu tài liệu lịch sử** - Search and study the historical documents // NCLS, 1960, số 12.- tr.1-3.

2279. TRẦN HUY LIỆU. **Ba mươi năm đấu tranh của phụ nữ Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - 30 years of Vietnam women's struggle under the leading of the Party // NCLS, 1960, số 13. - tr. 1-12.

2280. TRẦN HUY LIỆU. **Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng lần thứ III** - Historical meanings of the third Party Congress // NCLS, 1960, số 13. - tr. 1-3.

2281. TRẦN HUY LIỆU. **Một điểm rút ra từ cuộc toạ đàm vừa rồi** - Some points drawn from the recent colloquy // NCLS, 1960, số 16. - tr. 1-3.

2282. TRẦN HUY LIỆU. **Đi dự Quốc dân Đại hội ở Tân Trào** - Go to Tan Trao for the participation to the National Congress // NCLS, 1960, số 17. - tr. 35-43.

2283. TRẦN HUY LIỆU. **Tước ấn kiếm của Hoàng đế Bảo Đại** - Take away the seal and the sword of Emperor Bao Dai // NCLS, 1960, số 18. - tr. 46-51.

2284. TRẦN HUY LIỆU. **Kỷ niệm 950 năm thành lập Thủ đô Hà Nội** - The 950th anniversary of the creation of the Ha Noi capital City (Speech) // NCLS, 1960, số 20. - tr. 74-78.

2285. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu quá trình hoạt động của thanh niên Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - Presentation of the Vietnam youth's activities process under the leading of the Party // NCLS, 1961, số 22. - tr. 6-17.

2286. TRẦN HUY LIỆU. **Trích diễn văn khai mạc Hội nghị tổng kết công tác 7 năm của Viện Sử học ngày 7-1-1961** - Excerpt from the opening address of the conference summing up the seven years activities of the Historical Institute the 7-1-1961// NCLS, 1961, số 23. - tr. 1-4.

2287. TRẦN HUY LIỆU. **Đề cao chất lượng tác phẩm** - Heighten the quality of the book // NCLS, 1961, số 24. - tr. 1-3.

2288. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về việc viết sử xí nghiệp** - Some ideas on writing the history of the enterprise // NCLS, 1961, số 26. - tr. 1-2.

2289. TRẦN HUY LIỆU. **Trở lại vấn đề sử dụng tài liệu trong công tác nghiên cứu lịch sử** - Go back to the question of making use of documents in the historical study work // NCLS, 1961, số 28. - tr. 1-4.

2290. TRẦN HUY LIỆU. **Vấn đề chính quyền Xô viết** - The question of Soviet power // NCLS, 1961, số 33. - tr. 1-7.

2291. TRẦN HUY LIỆU. **Việc xây dựng lịch sử các ngành, các xí nghiệp và các địa phương** - The creation of branches, enterprises and localities history // NCLS, 1962, số 35. - tr. 1-4.

2292. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về việc bình luận nhân vật lịch sử** - Some ideas contributing to the commentary of historical personages // NCLS, 1962, số 36. - tr. 1-2.

2293. TRẦN HUY LIỆU. **Công tác sử học trong cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay** - The historical work in the struggle of the ideology of today // NCLS, 1962, số 37. - tr. 1-4.

2294. TRẦN HUY LIỆU. Xung quanh cái chết của Hoàng Diệu và việc thất thủ thành Hà Nội năm 1882 - About the death of Hoang Dieu and the capitulation of Ha Noi citadel in 1882 // NCLS, 1962, số 39. - tr. 1-4.

2295. TRẦN HUY LIỆU. Việc xây dựng lịch sử các địa phương, các xí nghiệp, các ngành cần di vào tổ chức - The creation of localities, enterprises and branches history must be organized // NCLS, 1962, số 40. - tr. 3-5,21.

2296. TRẦN HUY LIỆU. Ghi mấy nét lớn trong bài tổng kết Hội nghị của đồng chí Trần Huy Liệu - Recording the outlines of the Conference summing - up speech of comrade Tran Huy Lieu // NCLS, 1962, số 40. - tr. 18-19.

2297. TRẦN HUY LIỆU. Cách mạng Tháng Tám với việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong toàn quốc - The August Revolution and the accomplishment of the national democratic revolution in the whole country // NCLS, 1962, số 41. - tr. 1-2.

2298. TRẦN HUY LIỆU. Góp ý kiến về việc đánh giá Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ Đen trong cuộc kháng Pháp ở Việt Nam - Some thinkings about the estimation on Luu Vinh Phuc and the Black flag troops in the resistance of Vietnam // NCLS, 1962, số 42. - tr. 21-25,38.

2299. TRẦN HUY LIỆU. Trận chiến thắng Borodino theo quan điểm sử học mới - The victory on Borodino from the new historical point of view // NCLS, 1962, số 43. - tr. 1-11.

2300. TRẦN HUY LIỆU. Xung quanh việc kỷ niệm các danh nhân trong nước - About the anniversaries of the great men in the country // NCLS, 1962, số 44. - tr. 1-2

2301. TRẦN HUY LIỆU. Nhân dịp kỷ niệm 16 năm ngày Toàn quốc kháng chiến đề ra việc viết lịch sử kháng chiến - On the occasion of the 16th anniversary of the resistance in the whole country, to propose a written work on the history of resistance // NCLS, 1962, số 45. - tr. 1-2.

2302. TRẦN HUY LIỆU. Ý kiến tôi về việc phân kỳ lịch sử cận đại và hiện đại Việt Nam - My opinion on the periodization of the Vietnam modern and contemporary history // NCLS, 1963, số 46. - tr. 49-50

2303. TRẦN HUY LIỆU. Nhớ lại ông già Bến Ngu - In memory of the old man in Ben Ngu // NCLS, 1963, số 47. - tr. 40-44.

2304. TRẦN HUY LIỆU. Kỷ niệm 675 năm chiến thắng trận Bạch Đằng - The 675th anniversary of Bach Dang victory // NCLS, 1963, số 50. - tr. 1-6.

2305. TRẦN HUY LIỆU. Góp ý kiến vào việc xây dựng lịch sử Đảng - Some ideas contributing to the writing the history of Party // NCLS, 1963, số 51. - tr. 1-2.

2306. TRẦN HUY LIỆU. Mấy ý kiến về công tác sử học trong quan hệ quốc tế - Opinions on the historical work in the international relations // NCLS, 1963, số 52. - tr. 1-2.

2307. TRẦN HUY LIỆU. Cần giới thiệu lịch sử nước ta ra nước ngoài - It is necessary to present the history of our country abroad // NCLS, 1963, số 54. - tr. 1,17.

2308. TRẦN HUY LIỆU. **Cần có ngay một quy chế cho những người công tác khoa học** - A statute for the scientific workers is immediately required // NCLS, 1963, số 55. - tr. 1-8.

2309. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản** - We are in accord with the estimation on Phan Thanh Gian // NCLS, 1963, số 55. - tr. 18-20.

2310. TRẦN HUY LIỆU. **Học tập truyền thống** - Study the traditions // NCLS, 1963, số 56. - tr. 1-2.

2311. TRẦN HUY LIỆU. **Học tập kinh điển Mác- Lênin và liên hệ thực tế** - Study the Marxist-Leninist classic works and link with the reality // NCLS, 1963, số 57. - tr. 1-2,16.

2312. TRẦN HUY LIỆU. **Theo quan điểm lịch sử, nhìn vào cuộc đảo chính ở miền Nam Việt Nam và số kiếp Ngô Đình Diệm** - From the historical point of view, study the coup d'Etat in South Vietnam and the fate of Ngo Dinh Diem // NCLS, 1964, số 58. - tr. 1-4.

2313. TRẦN HUY LIỆU. Trích bài diễn văn khai mạc của đồng chí Trần Huy Liệu đọc trong Hội nghị tổng kết công tác 10 năm của Viện Sử học (1953-1963) - Excerpt of comrade Tran Huy Lieu's opening address in the Conference summing - up the activities of the Institute of History in 10 years (1953-1963) // NCLS, 1964, số 59. - tr. 1-2.

2314. TRẦN HUY LIỆU. Trích đăng bản báo cáo 10 năm công tác của Viện Sử học (1953-1963) - Excerpt of the Institute of History report on 10 years activities (1953-1963) // NCLS, 1964, số 59. - tr. 9-13,21.

2315. TRẦN HUY LIỆU. **Nghị quyết 9 của Trung ương Đảng Lao động Việt nam với công tác sử học của chúng ta** - The Decisions of the 9th Plenum of the Vietnam Labour Party and our historical work // NCLS, 1964, số 61. - tr. 1-5.

2316. TRẦN HUY LIỆU. **Những mâu thuẫn cơ bản và biến chuyển lớn trên thế giới hiện nay dương biểu hiện rõ rệt tại miền Nam nước ta** - The fundamental contradictions and the great changes in the contemporary world are expressed clearly in the South of our country // NCLS, 1964, số 62. - tr. 1-2,15.

2317. TRẦN HUY LIỆU. **Nhận định về Trương Vĩnh Ký** - Estimation on Truong Vinh Ky // NCLS, 1964, số 63. - tr. 29-31.

2318. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc kháng chiến cứu nước của đồng bào miền Nam hiện nay là một cuộc chiến tranh nhân dân** - The war of resistance for country salvation of the South compatriots of today is a people's war // NCLS, 1964, số 64. - tr. 1-6.

2319. TRẦN HUY LIỆU. **Một nhận xét về cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 và cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam hiện nay** - Some remarks on the August Revolution 1945 and the Vietnam liberation struggle of today // NCLS, 1964, số 65. - tr. 1-5

2320. TRẦN HUY LIỆU. **Chào mừng Hội nghị khoa học Bắc Kinh** - Greetings to the Peking scientific Conference // NCLS, 1964, số 66. - tr. 1,14.

2321. TRẦN HUY LIỆU. **Hai nước Việt Nam và Trung Quốc trong lịch sử hiện đại** - The two countries Vietnam and China in the contemporary history // NCLS, 1964, số 67. - tr. 1,20.

2322. TRẦN HUY LIỆU. **Tiếng nói của các nhà sử học trong Hội nghị thảo luận khoa học ở Bắc Kinh vừa rồi** - The voice of historians in the recent Peking scientific Conference // NCLS, 1964, số 68. - tr. 1-3.

2323. TRẦN HUY LIỆU. **Vai trò của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam trong cuộc chiến tranh yêu nước chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai ở miền Nam nước ta hiện nay** - The role of the South National Liberation Front in the patriotic war against the American imperialists and their henchmen in the South of our country today // NCLS, 1964, số 69. - tr. 1-2.

2324. TRẦN HUY LIỆU. **Một năm qua** - After an year // NCLS, 1965, số 70. - tr. 1-2.

2325. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài nét về cuộc đấu tranh tư tưởng của Đảng từ ngày thành lập đến Cách mạng Tháng Tám 1945** - Some features of the Party ideological struggle from the establishment day to the August Revolution // NCLS, 1965, số 71. - tr. 1-6.

2326. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc của chúng ta dương mở ra những trang sử mới** - The South liberation struggle for our fatherland peaceful reunification opens the new historical pages // NCLS, 1965, số 73. - tr. 1-3.

2327. TRẦN HUY LIỆU. **Trên giai đoạn mới của lịch sử dân tộc ta : giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc** - On our national history new phase: the liberation of the South, the defence of the North // NCLS, 1965, số 74. - tr. 1-2, 16.

2328. TRẦN HUY LIỆU. **Chúng ta đang sống những ngày oanh liệt nhất, vinh quang nhất của lịch sử dân tộc ta** - We are living the most brilliants, the most glorious days of our national history // NCLS, 1965, số 75. - tr. 1-3.

2329. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài ý kiến về công tác sử học trong lúc này** - Some ideas on the historical work in the present time // NCLS, 1965, số 76. - tr. 1,10.

2330. TRẦN HUY LIỆU. **Từ Cách mạng Tháng Tám đến cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước hiện nay là quá trình liên tục của một giai đoạn lịch sử** - From the August Revolution to the struggle against the American imperialism for the country salvation today is a continuous process of a historical phase // NCLS, 1965, số 77. - tr. 1-2,27.

2331. TRẦN HUY LIỆU. **Dành lâu dài** - A lasting struggle // NCLS, 1965, số 78. - tr. 1,8

2332. TRẦN HUY LIỆU. **Vị trí cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của ta trong phong trào giải phóng dân tộc và chống đế quốc trên thế giới hiện nay** - The place of our war against American imperialism for country salvation in the world national liberation and anti-imperialism movement of to day // NCLS, 1965, số 79. - tr. 2-4.

2333. TRẦN HUY LIỆU. **Cần kiện toàn tổ chức và đẩy mạnh công tác khoa học xã hội** - It is necessary to consolidate the organization and to push forward the social sciences work // NCLS, 1965, số 80. - tr. 1,14.

2334. TRẦN HUY LIỆU. **Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam gắn liền với phong trào phản chiến đương đầu lên ở nước Mỹ** - The Vietnam

people's war against American imperialism for the country salvation is linked closely with the anti-war movement that is climbing up in U.S.A // NCLS, 1965, số 81. - tr. 1-2.

2335. TRẦN HUY LIỆU. Dân tộc Việt Nam là một dân tộc bất khuất - The Vietnam nation is an unyielding nation // NCLS, 1966, số 82. - tr. 1-4, 16.

2336. TRẦN HUY LIỆU. Trí thức Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc - The Vietnam intellectuals in the national liberation struggle process // NCLS, 1966, số 83. - tr. 60-64.

2337. TRẦN HUY LIỆU. Chúng ta sẽ làm gì trong năm 1966 - What do we do in 1966 // NCLS, 1966, số 84. - tr. 1-2.

2338. TRẦN HUY LIỆU. Một bước tiến mới - A new step forward // NCLS, 1966, số 85. - tr. 1-2.

2339. TRẦN HUY LIỆU. Sự nghiệp ngày nay và truyền thống từ trước - The present cause and the previous tradition // NCLS, 1966, số 86. - tr. 1-4.

2340. TRẦN HUY LIỆU. Hai sự kiện lớn gần đây trong quá trình chống Mỹ và tay sai của đồng bào miền Nam - Two recent important facts in the South compatriots struggle process against the American imperialists and their henchmen // NCLS, 1966, số 87. - tr. 1-5.

2341. TRẦN HUY LIỆU. Quan hệ lịch sử giữa hai nước Việt-Trung - The historical relations between Vietnam and China // NCLS, 1966, số 88. - tr. 1-3.

2342. TRẦN HUY LIỆU. Cách mạng Tháng Tám và cuộc đánh Mỹ cứu nước hiện nay - The August Revolution and the present war of resistance against American imperialists for the country salvation // NCLS, 1966, số 88. - tr. 1-3.

2343. TRẦN HUY LIỆU. Việc đặt tên các đường phố, thôn, xã, đèo, dào ... trên đất nước ta - About the names given to the streets, the villages ... in our country // NCLS, 1966, số 91. - tr. 1-4.

2344. TRẦN HUY LIỆU. Một số vấn đề đề ra trong việc biên soạn cuốn lịch sử Việt Nam - Some questions raised by the redaction of a book on Vietnam history // NCLS, 1966, số 92. - tr. 1-5.

2345. TRẦN HUY LIỆU. Một vài ý nghĩ về chủ nghĩa anh hùng cách mạng ở nước ta - Some thinkings on the revolutionary heroism of our country // NCLS, 1966, số 93. - tr. 1-3.

2346. TRẦN HUY LIỆU. Trung với Đảng - Loyalty to the Party // NCLS, 1967, số 95. - tr. 1-2.

2347. TRẦN HUY LIỆU. Một khía cạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng: Anh hùng tạo thời thế hay thời thế tạo anh hùng? - An aspect of the revolutionary heroism - the hero creates the circumstances or the circumstances creates the hero // NCLS, 1967, số 96. - tr. 1-3.

2348. TRẦN HUY LIỆU. Một vài ý nghĩ về chiến tranh nhân dân - Some thinkings about the people war // NCLS, 1967, số 97. - tr. 1-4.

2349. TRẦN HUY LIỆU. Một vài ý nghĩ về cuộc chiến tranh nhân dân đánh Mỹ cứu nước của ta hiện nay - Some thinkings about our present people war against the American imperialism for the country salvation of today// NCLS, 1967, số 98. - tr. 1-3.

2350. TRẦN HUY LIỆU. Nâng cao nhiệt tình yêu nước trong khi nghiên cứu lịch sử dân tộc - Raising the patriotic enthusiasm in studying the national history // NCLS, 1967, số 100. - tr. 1-2.

2351. TRẦN HUY LIỆU. Kỷ niệm Nguyễn Trãi trong cuộc đánh Mỹ cứu nước của ta hiện nay - Keeping the Nguyen Trai anniversary in our present war of resistance against the American imperialism for the country salvation // NCLS, 1967, số 102. - tr. 12-13,46.

2352. TRẦN HUY LIỆU. Cách mạng Tháng Mười Nga và Cách mạng Việt Nam - The October Revolution Russian and Vietnam revolution // NCLS, 1967, số 103. - tr. 1-3.

2353. TRẦN HUY LIỆU. Giới thiệu một vài ý kiến của cụ Phan Bội Châu về sử học - Presentation of some opinions of Phan Boi Chau on history // NCLS, 1967, số 104. - tr. 1-5,16.

2354. TRẦN HUY LIỆU. Phan Bội Châu tiêu biểu cho những cuộc vận động yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỷ XX - Phan Boi Chau, representative of the patriotic movements in Vietnam at the beginning of the XX Century // NCLS, 1967, số 105. - tr. 1-10.

2355. TRẦN HUY LIỆU. Một trang sử mới trong phong trào chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam - A new page in our Vietnam people movement against the American imperialism for the country salvation // NCLS, 1968, số 107. - tr. 1-3.

2356. TRẦN HUY LIỆU. Gắn liền cuộc chiến tranh vĩ đại của nhân dân ta đối với sự ủng hộ to lớn của các bạn quốc tế - Linking our people great war with the great soutien of the international friends // NCLS, 1968, số 109. - tr. 1-4.

2357. TRẦN HUY LIỆU. Một vài ý kiến về đỏ và chuyên - Some thinkings about Red and specialist // NCLS, 1968, số 110. - tr. 1-2.

2358. TRẦN HUY LIỆU. Dánh và đàm - Making war or negotiating // NCLS, 1968, số 111. - tr. 1-2,14.

2359. TRẦN HUY LIỆU. Việc hạ 3000 máy bay Mỹ ở miền Bắc nước ta nói lên những gì? - What is the signification of 3000 U.S. Air planes falling down in the North of our country? // NCLS, 1968, số 112. - tr. 1-5.

2360. TRẦN HUY LIỆU. Nhân dịp kỷ niệm cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, triển vọng của cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam ở nước ta hiện nay - On the occasion of the August general insurrection anniversary, speaking about the prospect of our South country liberation struggle of to day // NCLS, 1968, số 113. - tr. 1-3.

2361. TRẦN HUY LIỆU. Dánh giá cao tinh thần yêu nước và chủ trương "nói sức dân" của Trần Quốc Tuấn - Highly estimating the spirit for the country salvation and the direction of "husbanding the people's forces" of Tran Quoc Tuan // NCLS, 1968, số 114. - tr. 1-3.

2362. TRẦN HUY LIỆU. Quân dân Việt Nam có quyền và có nghĩa vụ đánh giặc Mỹ xâm lược trên khắp đất nước Việt Nam - The Vietnam's people and soldiers have the

right and the responsibility of fighting the American imperialism every where on the Vietnam country // NCLS, 1969, số 118. - tr. 1-2.

2363. TRẦN HUY LIỆU. **Giới thiệu mấy nét lớn về tình hình và công tác sử học ở Việt Nam hiện nay** - Presentation of some great traits of the present Vietnam situation and the historical work // NCLS, 1969, số 118. - tr. 58-61.

2364. TRẦN HUY LIỆU. **Cần xây dựng một số lý luận về bản lĩnh anh hùng của dân tộc ta** - It is necessary to elaborate a theory on the heroic quality of our people // NCLS, 1969, số 120. - tr. 1-2.

2365. TRẦN HUY LIỆU. **Phân biệt chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi** - Distinguishing the true heroism from the narrow nationalism // NCLS, 1969, số 121. - tr. 1-2, 40.

2366. TRẦN HUY LIỆU. **Vị trí cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân Việt Nam ta trên thế giới hiện nay** - The position of our Vietnam people war of resistance against the American imperialism for the country salvation on the present world // NCLS, 1969, số 122. - tr. 1-3.

2367. TRẦN HUY LIỆU. **Một vài suy nghĩ bước đầu về tư tưởng quân sự của Hồ Chủ tịch** - Some preliminary thinkings on the President Ho's military thought // NCLS, 1969, số 126. - tr. 18-36, 64.

2368. TRẦN HUY LIỆU. **Các nhà sử học thế giới tìm hiểu, nghiên cứu và viết lịch sử Việt Nam** - The world historians search for understanding, study and write on Vietnam history // NCLS, 1969, số 128. - tr. 1-3.

2369. TRẦN HUY NHƯỢNG. **Vùng Thuận Bồng - Hạ Bồng, một căn cứ quan trọng của nghĩa quân Hương Sơn** - The Thuong Bong - Ha Bong region, an important base of Huong Son uprising // NCLS, 1983, số 2(209). - tr. 81-86.

2370. TRẦN HỮU CHÍ. **Góp ý kiến về bài "Chung quanh truyện Tré Cóc"** - Remarks on the article "About the Tre Coc story" // VSD, 1956, số 22. - tr. 74-79.

2371. TRẦN HỮU DÍNH. **Phong trào thi đua của giai cấp công nhân miền Bắc trong giai đoạn 1965-1975** - The movement of emulation of the working class in North Vietnam during the period 1965-1975// NCLS, 1976, số 2(167). - tr. 6-16.

2372. TRẦN HỮU DÍNH. **Vài nét về quá trình tiến quân vào khoa học kỹ thuật của giai cấp công nhân miền Bắc** - On the advance in science and technology of the working class in North Vietnam // NCLS, 1978, số 178. - tr. 35-48.

2373. TRẦN HỮU DÍNH. **Mười năm cải tạo và xây dựng văn hoá, giáo dục ở miền Nam (1975-1985)** - Ten years of reforming and building the culture and education in South Vietnam // NCLS, 1985, số 4(223). - tr. 52-63.

2374. TRẦN HỮU DÍNH. **Tìm hiểu quá trình hình thành căn cứ địa miền núi khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước** - Research into the building process of upland base areas in the Vth interzone during the anti - US the war of resistance // NCLS, 1986, số 228. - tr. 11-19.

2375. TRẦN HỮU ĐÍNH. Tiếp xúc Việt - Mỹ 1945 - The Vietnam - USA contact in 1945 // NCLS, 1990, số 4 (251). - tr. 44-49.

2376. TRẦN HỮU ĐÍNH. Quá trình trung nông hoá ở đồng bằng sông Cửu Long (1945-1975) - The process of formation and development of the middle peasantry in the Mekong River delta (1945-1975) // NCLS, 1991, số 4 (267). - tr. 11-19.

2377. TRẦN HỮU ĐÍNH. Một vài đặc điểm của nông dân - nông thôn đồng bằng Sông Cửu Long trước khi tiến lên chủ nghĩa xã hội - Some of characteristical features of the peasantry, the countryside in the Mekong River delta before the advance towards the socialism // NCLS, 1998, số 4(269). - tr. 48-53.

2378. TRẦN HỮU ĐÍNH. Quá trình hình thành lực lượng vũ trang và căn cứ địa ở Nam Bộ trong những năm 1959-1960 - The process of formation of armed forces and field-base in the Cochinchina from 1954 to 1960 // NCLS, 1994, số 6(277). - tr. 1-7.

2379. TRẦN HỮU ĐỨC. Một số địa danh ở Nghệ Tĩnh liên quan đến Nguyễn Trãi - Some place names of Nghe Tinh having relation with Nguyen Trai // NCLS, 1980, số 2(191). - tr. 87.

2380. TRẦN HỮU ĐỨC. Nam Thanh Hoá, Bắc Nghệ An dưới con mắt của Hồ Quý Ly - The South of Thanh Hoa, the North of Nghe An under the eyes of Ho Quy Ly // NCLS, 1992, số 5(264). - tr. 92.

2381. TRẦN GIANG. Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ - Nam Ky uprising // NCLS, 1979, số 5(188). - tr. 83-85.

2382. TRẦN KHÁNH. Tàn dư của chế độ mẫu hệ trong xã hội người Việt - The vestiges of the matriarcat in the Viet people society / Trần Khánh, Phan Hoàng Hiến // NCLS, 1963, số 57. - tr. 51-60.

2383. TRẦN KHOA TRINH. Vài ý kiến góp với ông Nguyễn Duy trong bài "Tìm thấy di tích những người cổ sống trong thời đại đồng thau" - Opinions exchange with Mr. Nguyen Duy on the article "Findings of the prehistorical men vestiges in the brass time" // NCLS, 1966, số 82. - tr. 53-54.

2384. TRẦN KHOA TRINH. Tìm hiểu những đĩa vàng, đĩa bạc cổ và di tích Trần Thị Ngọc Ám, vợ Chúa Trịnh Tráng phát hiện được tại Công Vũ (Hưng Yên) - To search for understanding of the ancient gold - plates, silver-plates and vestiges of Tran Thi Ngoc Am, Seigneur Trinh Trang's wife, discovered in Cong Vu (Hung Yen) // NCLS, 1966, số 83. - tr. 55-59.

2385. TRẦN KHOA TRINH. Phát hiện tiền vàng, cúc vàng, gối bạc cổ trong thành nhà Mạc tại Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh - Discoveries of ancient gold money, gold buttons, silver pillows in the Mac's dynasty citadel, in Cam Pha, Quang Ninh province // NCLS, 1968, số 108. - tr. 55-57.

2386. TRẦN KHUÊ. Tìm hiểu hai bài thơ diếu Phan Thanh Giản của Nguyễn Đình Chiểu - A study about two funeral orations in verse to Phan Thanh Gian by Nguyen Dinh Chieu // NCLS, 1994, số 4(275). - tr. 20-24,31.

2387. TRẦN KIỀN. Trao đổi một số ý kiến về tính chất phong trào nghĩa quân Yên Thế - Opinions about the quality of Yen The insurrection troops // VSD, 1958, số 42. - tr. 76-79.

2388. TRẦN KIM ĐÌNH, "Nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội" (Đọc sách) - Reading the book entitled "The Vietnamese peasants on the way to socialism" // NCLS, 1980, số 5(194). - tr. 84-87.

2389. TRẦN KIM ĐÌNH. "Tìm hiểu phong trào đồng khởi ở miền Nam Việt Nam" (Đọc sách) - Reading the book entitled "Researches into the movement of general uprising in South Vietnam" // NCLS, 1983, số 3(210). - tr. 87-90.

2390. TRẦN KIM ĐÌNH. "Lịch sử công nhân vùng mỏ Quảng Ninh" (Đọc sách) - Reading the book entitled "History of the working class of Quang Ninh coal field" / Trần Kim Định, Đàm Xuân Linh // NCLS, 1985, số 5(224). - tr. 90-94.

2391. TRẦN KIM ĐÌNH. Lịch sử sử học và đổi mới sử học - The history of historical science and the renovation of historical science // NCLS, 1991, số 5(258). - tr. 45-47.

2392. TRẦN KIM HÀ. Về bài "Mấy ý kiến về vấn đề phong kiến hóa trong lịch sử Việt Nam" (Góp ý kiến với ông Duy Hinh) - About the article "Opinions on the question of feudalization in the Vietnam history" (Exchange of opinions with Mr. Duy Hinh) // NCLS, 1964, số 60. - tr. 26-34.

2393. TRẦN LÀM. Phát hiện thêm bia và bệ đá ở thời Trần - Newly discovered stone steles and socles under the Tran dynasty // NCLS, 1974, số 158. - tr. 77-78.

2394. TRẦN MINH THÌN. Sự ủng hộ của Ba Lan đối với Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) - The support of Poland to Vietnam in the years of struggle against the Americans for the salvation of the country // NCLS, 1987, số 5-6(236-237). - tr. 61-65.

2395. TRẦN MINH THU. Từ "Ngục trung thư" đến "Phan Bội Châu - Niên biểu" - From "Ngục trung thư" (Writings in prison) to "Phan Boi Chau - Nien bieu" (Year book of Phan Boi Chau) // NCLS, 1964, số 69. - tr. 46-51,62.

2396. TRẦN MINH THU. Cố gắng tiến tới thống nhất nhận định về "Đông Kinh Nghĩa thục" - Strive to get to an unanimous estimation on Dong Kinh Nghia thuc // NCLS, 1965, số 81. - tr. 31-37.

2397. TRẦN NGHĨA. Về bài 'Giới thiệu và phê bình cuốn sách "Nhà yêu nước và nhà văn Phan Bội Châu" - On the article : "Presentation and criticism the book "Phan Boi Chau the patriot and the write" / Trần Nghĩa, Trần Lê Sáng // NCLS, 1971, số 138. - tr. 55-64.

2398. TRẦN NGHĨA. Về niên đại bản khác in sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" do Nhà xuất bản KHXH vừa cho dịch lại và công bố - On the dating of the DVSKTT version latterly translated and put out by the Social sciences publishing House // NCLS, 1988, số 5-6(242-243). - tr. 38-39.

2399. TRẦN NGỌC ĐÌNH. Chế độ sở hữu ruộng đất lớn ở Nam Bộ trong thời kỳ đế quốc Pháp thống trị - The great proprietorship of land in the Cochinchina under French domination // NCLS, 1970, số 132. - tr. 81-90,113.

2400. TRẦN NGỌC ĐỊNH. Tập đoàn quân phiệt Thanom Praphat - Công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở Thái Lan - Thanom Praphat military clique, a tool of US neo-colonization in Thailand // NCLS, 1974, số 157. - tr. 61-69.
2401. TRẦN NGỌC ĐỊNH. Nền giáo dục đại học thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng - U.S. neo-colonialist high education in South Vietnam before the liberation // NCLS, 1975, số 165. - tr. 17-25.
2402. TRẦN NGỌC ĐỊNH. Viện trợ Mỹ, nhân tố quyết định sự tồn tại của chế độ nguy quyền Sài Gòn - U.S. aid, a decisive factor of the survival of the puppet regime in Saigon // NCLS, 1977, số 6(177). - tr. 42-52.
2403. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Một vấn đề địa lý học lịch sử : Những trung tâm chính trị của đất nước ta trong thời cổ đại (Từ mạt kỳ cộng sản nguyên thuỷ đến thời kỳ thuộc Hán) - A problem on historical geography : the political centres of our country in the antiquity (from the disintegration period of the primitive communism to the period under the domination of Han's dynasty) // NCLS, 1959, số 6. - tr. 23-38.
2404. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Địa lý lịch sử miền Hà Nội (Trước thế kỷ XI) - Historical geography of Hanoi region (before the XIth Century) // NCLS, 1960, số 15. - tr. 48-57, số 17. - tr. 44-53.
2405. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Xã hội Việt Nam có trải qua một thời kỳ của chế độ chiếm hữu nô lệ hay không? - Vietnam society went it through a slavery period? Trần Quốc Vượng, Chu Thiên // NCLS, 1960, số 16. - tr. 10-36.
2406. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Về quyển "Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thuỷ ở Việt Nam" (Trả lời ông Văn Tân) - About the book "Vietnam primitive communism history" (Answer to Mr. Van Tan) / Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tân // NCLS, 1962, số 37. - tr. 43-48, 64.
2407. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Về quyển "Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam" tập 1 (Trả lời ông Văn Tân) - About the I st tome of "Vietnam feudal regime history" (Answer to Mr. Van Tan) / Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tân // NCLS, 1962, số 39. - tr. 55-64.
2408. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Đôi điều chung quanh vấn đề văn hoá Hòa Bình - About the question of Hoa Binh culture // NCLS, 1963, số 55. - tr. 45-46.
2409. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Xác định địa điểm Đông Bộ Đầu - Defining the place of Dong Bo Dau (an important port of Thang Long City) / Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán // NCLS, 1965, số 77. - tr. 56-59.
2410. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Vài nhận xét nhỏ về những viên gạch "Giang tay quan" - Some remarks on the bricks "Giang tay quan" // NCLS, 1966, số 83. - tr. 49-64.
2411. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Bàn thêm về thành Thăng Long đời Lý-Trần - Again discussion on the Thang Long citadel under the Ly and the Tran dynasties / Trần Quốc Vượng, Vũ Tuấn Sán // NCLS, 1966, số 85. - tr. 35-45.
2412. TRẦN QUỐC VƯỢNG. Vài ý kiến về vấn đề quán triệt nguyên tắc tính đảng trong công tác nghiên cứu khảo cổ học - Some thinkings about the deep knowledge of the character of Party in the archaeological work // NCLS, 1966, số 91. - tr. 43-49.

2413. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Dối diếm về lịch sử người Dao** - Some ideas about the Dao people history // NCLS, 1967, số 95. - tr. 46-53.
2414. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Về quê hương của Ngô Quyền** - About the native village of Ngo Quyen // NCLS, 1967, số 101. - tr. 60-62.
2415. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Nguyễn Trãi trong bối cảnh văn hoá Việt Nam** - Nguyen Trai in the situation of the culture of Vietnam // NCLS, 1980, số 4(193). - tr. 45-51.
2416. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Văn minh Việt Nam thế kỷ X-XV** - The culture of Vietnam at the X-XV Centuries // NCLS, 1981, số 3(198). - tr. 4-10.
2417. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Một cái nhìn tổng quát về thế kỷ X với văn minh thế giới và văn minh Việt Nam** - The Xth Century. The world and Vietnamese culture // NCLS, 1982, số 1(202). - tr. 21-25.
2418. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Thái Đen, Thái Trắng và phân bố cư dân Tày** - Thai co ở Việt Nam - Black Thai and white Thai and the distribution on ancient Tay-Thai population in Vietnam / Trần Quốc Vuông, Cầm Trọng // NCLS, 1987, số 5-6(236-237). - tr.35-40.
2419. TRẦN QUỐC VUỌNG. **Giải áo hiện thực về Gò Đồng Da** - To dismiss the illusion on the origin of Dong Da parish and Dong Da hillock // NCLS, 1989, số 1(244). - tr. 13-19.
2420. TRẦN THANH MẠI. **Giảng văn về ca dao cổ của nông dân đấu tranh** - Teaching the ancient folk song on the struggle of the peasant // VSD, 1954, số 1. - tr. 62-70.
2421. TRẦN THANH MẠI. **Chủ nghĩa hiện thực trong thơ văn của Tú Xương** - The realism in the poetry and prase of Tu Xuong // VSD, 1958, số 47. - tr. 82-88.
2422. TRẦN THANH TÂM. **Một số tài liệu bằng chữ viết mới tìm được về mấy cuộc khởi nghĩa ở miền núi Nghệ Tĩnh** - Some written documents newly discovered about some insurrections in the Nghe Tinh mountainous region // NCLS, 1963, số 50. - tr. 58-61, số 51. - tr. 49-53.
2423. TRẦN THANH TÂM. **Thứ bàn về địa danh Việt Nam** - Discussion on the place names of Vietnam // NCLS, 1976, số 168. - tr. 60-73, số 169. - tr. 63-68.
2424. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Tình hình sản xuất lúa gạo ở Nam Bộ dưới thời Pháp thuộc (1862-1945)** - Rice production in Cochinchina under French rule (1862-1945) // NCLS, 1985, số 5(244). - tr. 55-63.
2425. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Vị trí chính trị - kinh tế của Sài Gòn - Gia Định ở Đông Dương, Đông Nam Á và thế giới ở thế kỷ XVII-XIX** - The political and economic place taken by Sai Gon - Gia Dinh in Indochine, Southeast Asia and the world during the XVII-XIX Centuries // NCLS, 1985, số 6(224). - tr. 56-59.
2426. TRẦN THỊ BÍCH NGỌC. **Chủ nghĩa thực dân mới và vấn đề sở hữu ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long (1954-1975)** - Neo-colonialism and the proprietorship of land in the Mekong delta from 1954 to 1975 // NCLS, 1986; số 2(227). - tr. 28-33.

2427. TRẦN THỊ THÌN. Vài nét về chủ nghĩa Apartheid và phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi - Some features about the Apartheid and the movement of struggle against racism of South Africa // NCLS, 1981, số 5(200). - tr. 59-65.
2428. TRẦN THỊ VINH. Công tác triều thuỷ và thuỷ lợi thời Lý-Trần- Regulation of the water system and hydraulic works at the period of Ly-Tran // NCLS, 1976, số 3(168). - tr. 54-59.
2429. TRẦN THỊ VINH. Những biểu hiện của chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc ở Châu Phi - Expressions of the Chinese expansionism at Africa // NCLS, 1980, số 5(194). - tr. 65-71.
2430. TRẦN THỊ VINH. Tìm hiểu thiết chế và tổ chức Nhà nước thời Trần - State mechanism and organizations under Tran dynasty // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241). - tr. 21-25,84.
2431. TRẦN THỊ VINH. Tìm hiểu tổ chức Nhà nước thời Tây Sơn - Investigation on State organization under Tay Son epoch : // NCLS, 1989, số 1(244). - tr. 42-47.
2432. TRẦN THỊ VINH. Thiết chế chính trị ở Việt Nam cuối thế kỷ XIV-dầu thế kỷ XV và những hoạt động chính trị của Hồ Quý Ly - Political institution of Vietnam in the end of the XIVth Century and at the beginning of the XVth Century and political activities of Ho Quy Ly // NCLS, 1990, số 6(259). - tr. 10-19.
2433. TRẦN THỊ VINH. Thiết chế Nhà nước thời Mạc - The State institution under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6(259). - tr. 11-15.
2434. TRẦN THỊ VINH. Nhà nước thời Hồ (1400-1407) - The State under the Ho epoch (1400-1407)// NCLS, 1992, số 5(264). - tr. 29-30,42.
2435. TRẦN THỊ VINH. Giảng dạy lịch sử khu vực Đông Nam Á trong chương trình lịch sử thế giới hiện đại ở Phổ thông và Đại học - The teaching on the History of the South east Asia region in the program of contemporary World history in the Secondary and High school // NCLS, 1993, số 3(268). - tr. 60-62.
2436. TRẦN THỊ VINH. Bước đầu tìm hiểu về công cuộc khai hoang lập làng Trình Phố (An Ninh, Tiên Hải, Thái Bình) - First research about the waste land clearing and foundation the Trinh Pho village (in the Tien Hai district, Thai Binh province) // NCLS, 1994, số 3(274). - tr. 52-55.
2437. TRẦN TU HOÀ. Một số văn hoá phẩm từ Việt Nam truyền sang Trung Quốc trong thời cổ đại - Some cultural products from Vietnam transferring to China in the antiquity // NCLS,, 1964, số 69. - tr. 52-54.
2438. TRẦN TÙ. Góp phần tài liệu diền dã về chế độ nhà Lang : xung quanh các hình thức khai thác ruộng Lang - Documents of investigation on the spot about the Lang regime : The Lang land exploitation forms // NCLS, 1970, số 133. - tr. 16-31,36.

2439. TRẦN TÙ. Cõi sống và cõi chết trong quan niệm cổ truyền của người Mường - Traditional conception of life and death by the Muong // Trần Tù, Bạch Dinh // NCLS, 1971, số 140. - tr. 42-53,62, số 141. - tr. 45-61.
2440. TRẦN TÙ. Góp phần tìm hiểu làng xã cổ truyền : làng xã Hương Sơn (Ghi chép dân tộc học) - Contribution to the study of the Vietnamese traditional village : the Huong Son village // NCLS, 1975, số 165. - tr. 34-48.
2441. TRẦN TƯỜNG VÂN. Nhìn lại Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống bọn phản động Trung Quốc xâm lược - World people front helps Vietnam in its struggle against Chinese reactionary aggressors // NCLS, 1980, số 6(195). - tr. 51-56..
2442. TRẦN VĂN GIÁP. Trống đồng với chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - The copper drums and the slavery regime in Vietnam // VSD, 1956, số 15. - tr. 30-35.
2443. TRẦN VĂN GIÁP. Một tài liệu quan trọng cho lịch sử cổ đại Tây phương - An important document for the Occidental antiquity history // VSD, 1956, số 16. - tr. 73-74.
2444. TRẦN VĂN GIÁP. Một số ý kiến của các nhà sử học Trung Quốc hiện đại về một bộ thông sử Trung Quốc - Opinions of the contemporary Chinese historians on the General history of China // VSD, 1956, số 18. - tr. 48-52.
2445. TRẦN VĂN GIÁP. Một vài ý kiến về "An Dương ngọc giản" và vấn đề Thục An Dương Vương - About "An Duong ngoc gian" (the gem tablet of An Duong) and the question of Thuc An Duong Vuong // VSD, 1957, số 28. - tr. 2,75.
2446. TRẦN VĂN GIÁP. Bốn bài văn xuôi nguyên văn chữ Nôm viết vào giữa thế kỷ XVIII- Four writings in demotic script from the middle of the XVIIIth Century // VSD, 1958, số 39. - tr. 43-52 ; số 40. - tr. 49-63.
2447. TRẦN VĂN GIÁP. Một vài ý kiến về tài liệu cổ sử Việt Nam - Opinions on the Vietnam ancient history // NCLS, 1959, số 1. - tr. 80-85.
2448. TRẦN VĂN GIÁP. Hai bài văn bia cổ có liên quan đến Nùng Tri Cao mới tìm thấy ở Quế Lâm (Trung Quốc) - Two ancient writings engraved on steles relative to Nung Tri Cao recently discovered in Que Lam (China) // NCLS, 1962, số 38. - tr. 51-56.
2449. TRẦN VĂN GIÁP. Nguyễn Huệ với bia Tiến sĩ ở Văn miếu Hà Nội - Nguyen Hue and the steles for Doctors in Van mieu (the Temple of litterature) - Hanoi // NCLS, 1963, số 46. - tr. 4-20.
2450. TRẦN VĂN GIÁP. Tài liệu mới về Trương Công Định (1821-1864), vị anh hùng dân tộc miền Nam - New documents discovered on Truong Cong Dinh (1821-1864), the national hero of South Vietnam // NCLS, 1963, số 59. - tr. 22-26.
2451. TRẦN VĂN GIÁP. Nguyên bản hai tờ đặc chỉ và một tờ thông tư triều Cảnh Thịnh (1795) về việc tuyển dụng và đào tạo nhân tài văn võ và việc bố trí canh phòng ở các trấn - The originals of two special decrees and of one circular under the dynasty of Canh Thinh (1795) about the civil and military talented men recruitment and formation, and about the watch disposition at the military sectors // NCLS, 1964, số 59. - tr. 22-26.

2452. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo về bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư" cùng tác giả của nó** - Summary study on the set of book "Dai Viet Su ky toan thu" (the whole history of the Great Viet nation) and its author // NCLS, 1964, số 63. - tr. 5-13.

2453. TRẦN VĂN GIÁP. **Vài ý kiến về "Thiên Nam dư hạ tập", một bộ sách điển lệ của triều Lê** - Opinions on "Thien Nam du ha tap", a set of books on the laws under the dynasty of Le // NCLS, 1964, số 68. - tr. 4-7,46

2454. TRẦN VĂN GIÁP. **Giới thiệu "Minh dô sứ" và tác giả của nó** - Presentation of the book "Minh Do su" and its author // NCLS, 1965, số 78. - tr. 24-30.

2455. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn của Nguyễn Trái I : Ba văn kiện bang giao giữa Lê Lợi và các tướng triều Minh mới phát hiện** - Posthumous writings of Nguyen Trai I : three documents on foreign affairs between Le Loi and the Generals of the Minh Court / Trần Văn Giáp, Cao Huy Giu // NCLS, 1965, số 79. - tr. 20-25.

2456. TRẦN VĂN GIÁP. **Sách "Vinh lạc đại diển" "bản "Giao Châu ký" mới phát hiện là một nguy thư (sách giả tạo)** - The book "Vinh Lac dai dien", the copy "Giao Chau ky", recently discovered is a false book // NCLS, 1966, số 84. - tr. 26-28,31.

2457. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn Nguyễn Trái II : Ba lá thư dụ tướng sĩ các thành giặc Minh chiếm đóng (Bình Than, Xương Giang)** - Posthumous writings of Nguyen Trai II : Three letters enticing the officers in the forts occupied by the pirates Minh (Binh Than, Xuong Giang) // NCLS, 1966, số 91. - tr. 29-33.

2458. TRẦN VĂN GIÁP. **"Hoàng Việt xuân thu", một bộ sách phản động, xuyên tạc lịch sử Lam Sơn khởi nghĩa do Lê Lợi và Nguyễn Trái lãnh đạo** - "Hoang Viet Xuan thu", a reactionary book deforming the history of Lam Son insurrection led by Le Loi and Nguyen Trai // NCLS, 1967, số 99. - tr. 23-24,33.

2459. TRẦN VĂN GIÁP. **Hai tài liệu lịch sử có giá trị dân tộc học về tỉnh Cao Bằng do người địa phương viết** - Two historical documents of ethnological value about Cao Bang province written by people in the locality // NCLS, 1967, số 101. - tr. 58-59,62.

2460. TRẦN VĂN GIÁP. **Di văn của Nguyễn Trái mới phát hiện** - Posthumous writings of Nguyen Trai recently discoverd // NCLS, 1967, số 102. - tr. 14-21,28.

2461. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo địa lý học Việt Nam và một số tên sách cổ về môn ấy trong kho tàng sách Hán-Nôm** - Summary study on Vietnam geography and some names of ancient books written in Chinese charactes in the treasure of scripts // NCLS, 1967, số 104. - tr. 58-61.

2462. TRẦN VĂN GIÁP. **Sách "Lĩnh Nam chích quái"** - The book "Linh Nam chich quai" // NCLS, 1968, số 115. - tr. 52-57.

2463. TRẦN VĂN GIÁP. **Văn bia Việt Nam (Công dụng thác bản văn bia Việt Nam đối với khoa học xã hội và những thác bản văn bia hiện còn có ở Thư viện Khoa học xã hội)** - Vietnam writings engraved on stelae (their utility for the social sciences and those of them still preserved in the social sciences library) // NCLS, 1969, số 118. - tr. 8-18,85.

2465. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo về nguồn gốc chữ Nôm - Summary study on the origine of demotic script** // NCLS, 1969, số 127. - tr. 7-25.

2466. TRẦN VĂN GIÁP. **Lược khảo sách "Thượng Kinh phong vật chí" mạo dè là của Lê Quý Đôn (1726-1784) - Preliminary study of the book "Thuong Kinh phong vat chi"** ascribed to Le Quy Don // NCLS, 1971, số 139. - tr. 30-37.

2467. TRẦN VĂN GIÁP. **"Đại Việt sử ký tiệp lục tổng tự", một quyển Việt sử tóm tắt dịch nôm và khắc in dưới triều Tây Sơn - "Dai Viet su ky tong tu" - a brief history of Vietnam translated into demotic characters and printed under the Tay Son dynasty** // NCLS, 1972, số 142. - tr. 10-13.

2468. TRẦN VĂN GIÀU. **Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu thế tiến công của cách mạng đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới - The October Russian Revolution opened the offensive position of the revolution against the world imperialism** // NCLS, 1967, số 103. - tr. 4-11.

2469. TRẦN VĂN GIÀU. **Chính sách "bình định" của Mỹ-nguy trong thời kỳ chiến tranh cục bộ đang diễn. Sự thất bại của nó - The "pacification policy" of the American imperialist and their henchmen in the period of partial war under manoeuvre. Its defeat** // NCLS, 1967, số 105. - tr. 11-23, số 106. - tr. 3-18.

2470. TRẦN VĂN GIÀU. **Chính sách "bình định" của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam trong giai đoạn "Chiến tranh một phía" từ 1954 đến 1960 - The "pacification policy" of the American imperialists and their henchmen in the phase of "single-side war" from 1954 to 1960** // NCLS, 1968, số 107. - tr. 8-18

2471. TRẦN VĂN GIÀU. **"Mỹ thua đá rõ ràng" trong giai đoạn đầu của "chiến tranh cục bộ" - The American has lost clearly the battle in the first phase of the "partial war"** // NCLS, 1968, số 116. - tr. 2-23.

2472. TRẦN VĂN GIÀU. **Tìm hiểu thiên đạo quan của triều đình và của các nhà nho trong thời Nguyễn - Searching for understanding the world conception of the Royal court and the Confucianist scholars under the dynasty of Nguyen** // NCLS, 1969, số 120. - tr. 3-22,48.

2473. TRẦN VĂN GIÀU. **Hiệu nghiệm chiến lược vĩ đại của chiến tranh du kích ở miền Nam Việt Nam qua 10 năm đấu tranh vũ trang - The efficacyity of the great strategy of the guerilla war in South Vietnam after ten years of armed struggle** // NCLS, 1969, số 124. - tr. 19-32.

2474. TRẦN VĂN GIÀU. **Lịch sử quan của triều đình và Nho gia trong thời Nguyễn - The historical point of view of the Royal Court and the Confucianist scholars under the dynasty of Nguyen** // NCLS, 1969, số 125. - tr. 24-38,46.

2475. TRẦN VĂN GIÀU. **Các nguyên lý của đạo đức Nho giáo ở Việt Nam thế kỷ XIX - The principles of virtues of Confucianism in Vietnam in the XIXth Century** // NCLS, 1969, số 128. - tr. 4-17.

2476. TRẦN VĂN GIÀU. **Chủ nghĩa yêu nước, tình cảm và tư tưởng lớn nhất của người Việt Nam** - The patriotism, the greatest sentiment and ideology of Vietnam people // NCLS, 1969, số 129. - tr. 3-9.

2477. TRẦN VĂN GIÀU. **Phong trào "Chấn hưng Phật giáo" và các vấn đề tư tưởng triết học mà phong trào ấy đã nêu lên ở nước ta trong thời kỳ lịch sử giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới** - The movement of "Buddhism prosperity" and the questions of philosophical through raised by it in our country in the historical period between the two World Wars // NCLS, 1971, số 139. - tr. 8-21, số 140. - tr. 7-19.

2479. TRẦN VĂN GIÀU. **Giáo sư Jean Chesneaux và một số vấn đề về lịch sử Việt Nam** - The Professor Jean Chesneaux and some questions of Vietnam history // NCLS, 1972, số 142. - tr. 14-23,42.

2480. TRẦN VĂN GIÀU. **Chủ nghĩa dân tộc cách mạng ở Việt Nam và sự biến chuyển của nó trong giai đoạn lịch sử giữa hai cuộc Chiến tranh thế giới** - The revolutionary nationalism in Vietnam and its change in the historical period between the two World Wars // NCLS, 1973, số 151. - tr. 6-25.

2481. TRẦN VĂN GIÀU. **Giới thiệu và phê bình "Chủ nghĩa cộng sản Việt Nam thời kỳ trước khi cầm quyền (1925-1945)" của Ông Huỳnh Kim Khanh** - Reading the book "Vietnamese communism : the prepower phase (1925-1945) "by Huynh Kim Khanh // NCLS, 1975, số 3(162). - tr. 65-77.

2482. TRẦN VĂN GIÀU. **Những người cách mạng Việt Nam và chính quyền thực dân ở Đông Dương** Sách của Daniel Hémery, Nxb François Maspero, Paris - "The Vietnamese revolutionaries and the colonialist power in Indochina" by Daniel Hémery // NCLS, 1976, số 1(166). - tr. 88-92.

2483. TRẦN VĂN GIÀU. **Lại bàn về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân** - Further reflexions on the historical role of the working class // NCLS, 1983, số 2(209). - tr. 4-9.

2484. TRẦN VĂN KHANG. **Về vấn đề đánh giá vai trò lịch sử của Hồ Quý Ly** - About the question of estimation on the historical role of Ho Quy Ly // NCLS, 1961, số 27. - tr. 57-62.

2485. TRẦN VĂN LA. **Về việc Pháp nộp tiền cho Nhật ở Đông Dương (1940-1944)** - On the transfer of money by the French imperialists to the Japanese fascists in Indochina (1940-1944) // NCLS, 1992, số 6(265). - tr. 75-76,93.

2486. TRẦN VĂN NGUYỄN. **Tính chất phức tạp và thất thường của khí hậu miền Bắc Việt Nam** - The complicated and irregular character of the climate in North Vietnam // VSD, 1957, số 35. - tr. 19-23.

2487. TRẦN VĂN QUÝ. **Một số tư liệu thời Tây Sơn mới phát hiện** - Documents concerning the Tay Son times recently discovered // NCLS, 1981, số 2(17). - tr. 84-86.

2488. TRẦN VĂN THÂN. **Tìm hiểu phong trào chống thực dân Pháp của người Xê dăng ở vùng Đông Bắc Kon Tum** - About the Se Dangs anti the French colonialist movement in the North East Kontum province // NCLS, 1973, số 150. - tr. 21-29,43,

2489. TRẦN VÂN THÂN. **Dấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược của các dân tộc ở tỉnh Kon Tum (Tây Nguyên) (1954-1972)** - Minority peoples in Kontum province (South Vietnam plateau) struggle against U.S. aggressors (1954-1972) // NCLS, 1974, số 159. - tr. 51-60

2490. TRẦN VĂN TÝ. **Tìm hiểu những kinh nghiệm của hình thái đấu tranh trong Cách mạng Tháng Tám** - Studying the experiences of the struggle forms in the August Revolution // NCLS, 1961, số 29. - tr. 7-13, số 30. - tr. 6-12.

2491. TRẦN XUÂN CẦU. **Cách mạng Tháng Tám Lào năm 1945** - The 1945 August revolution in Laos // NCLS, 1975, số 4(163). - tr. 28-46.

2492. TRẦN XUÂN HÒA. **Một số hoạt động chống Pháp của văn nhân xã Trung - Some anti - French colonialist activities of Scholars of the village Trung** / Trần Xuân Hòa, Phan Trọng Báu // NCLS, số 1(188). - tr. 86-88.

2493. TRIỀU DƯƠNG. **Một số tài liệu và nhận định về Tôn Thất Thuyết** - Some documents and estimations on Ton That Thuyet // VSD, 1958, số 45. - tr. 15-25, số 46. - tr. 43-53.

2494. TRIKHOVINXKI. **Chủ nghĩa Mao và khoa học lịch sử** - Maoism and historical sciences // NCLS, 1980, số 1(190). - tr. 18-26,34.

2495. TRỊNH MINH HIÊN. **Về khu di tích lịch sử và danh thắng Tràng Kênh - Bạch Đằng** - On Trang Kenh - Bach Dang beauty spot and historic relic // NCLS, 1988, số 3-4(240-241). - tr. 42-45.

2496. TRỊNH NHU. **Phong trào chống Pháp của đồng bào Mường (Thanh Hoá) qua một số tư liệu mới** - The Muong's struggle in Thanh Hoa against the French colonialist as seen in the light of new documents / Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm // NCLS, 1975, số 2(161). - tr. 36-43.

2497. TRỊNH NHU. **Về phong trào chống Pháp xâm lược cuối thế kỷ XIX ở Hà Nam Ninh** - On the movement of struggle against the French aggressors during the end of the XIXth Century at Ha Nam Ninh // NCLS, 1977, số 3(174). - tr. 40-50.

2498. TRỊNH NHU. **Về cuộc khởi nghĩa Hùng Linh (1886-1892)** - On the Hung Linh insurrection (1886-1892) // NCLS, 1983, số 2(209). - tr. 54-65.

2499. TRỊNH NHU. **Cuộc khởi nghĩa Yên Thế : một điển hình sáng ngời trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX** - The Yen The insurgency, a brilliant model of the national liberation movement in the late XIXth and the early XXth Centuries / Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm // NCLS, 1984, số 4(217). - tr. 49-56.

2500. TRỊNH NHU. **Bài tự thuật của Nguyễn Cao, một tư liệu lịch sử có giá trị** - Nguyen Cao's auto biographical notes, a valuable historical document / Trịnh Nhu, Phan Văn Các // NCLS, 1986, số 5(230). - tr. 84-88.

2501. TRỊNH NHU. **Nhà Thanh đối với Việt Nam qua sự phản kháng Hiệp ước năm 1874** - Attitude of Ts'ing dynasty towards Vietnam through the opposition to the Treaty of 1874 // NCLS, 1989, số 3-4(246-247). - tr. 53-60.

2502. TRỊNH NHU. **Sự tranh chấp quyền lợi và vai trò tôn chủ của nhà Thanh ở Việt Nam** - The controversy of interests and the suzerain role of the Ts'ing dynasty in Vietnam // NCLS, 1990, số 5(252). - tr. 32-40.

2503. TRỊNH NHU. **Vấn đề tranh chấp và nhân nhượng giữa thực dân Pháp với nhà Thanh trong quá trình hoạch định biên giới Việt - Trung** - The question of disputes and concessions between French colonialism and the Court of Ts'ing on the frontier of Vietnam // NCLS, 1993, số 2(267). - tr. 15-25.

2504. TRỊNH THỊ HƯỜNG. **Một vài địa danh và truyền thuyết có liên quan đến Hồ Quý Ly và thời Hồ ở quanh vùng Tây Đô** - Some place names and legends relative to Ho Quy Ly and Ho dynasty in the environment of Tay Do / Trịnh Thị Hường, Trịnh Tiến Huỳnh // NCLS, 1992, số 5(264). - tr. 86-87.

2505. TRỊNH TÙNG. **Về vấn đề phương pháp dạy, học lịch sử ở trường Đại học Sư phạm** - About the question of the method of teaching and of learning the history in the High School of Pedagogy // NCLS, 1993, số 3(268). - tr. 21-24.

2506. TRỊNH VƯƠNG HỒNG. **Hiểu biết thêm về bộ đội Bình Xuyên** - Further knowledge on Binh Xuyen troops / Trịnh Vương Hồng, Hồ Khang // NCLS, 1992, số 2(261). - tr. 13-19.

2507. TRUNG CHÍNH. **Một vài ý kiến về tính chất hiện thực của Xô viết Nghệ-Tĩnh** - Some ideas about the real character of Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1961, số 30. - tr. 2-5

2508. TRUNG CHÍNH. **Tính chất tự phát của Xô viết Nghệ Tĩnh** - The spontaneous character of Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1961, số 31. - tr. 1-6.

2509. TRUNG CHÍNH. **Tính chất đặc đáo của Xô viết Nghệ Tĩnh** - The special character of Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1961, số 32. - tr. 7-14.

2510. TRUNG CHÍNH. **Thử tìm xem Hồ Chủ tịch đã tiếp thu chủ nghĩa Lê nin truyền bá vào Việt Nam như thế nào?** - Trying to study how President Ho assimilated and propagated the Leninism in Vietnam? // NCLS, 1970, số 132. - tr. 48-55

2511. TRUNG CHÍNH. "Tâm tam xá" là gì? - What was the organization "Tam tam xa"? // NCLS, 1970, số 134. - tr. 5-9.

2512. TRUNG CHÍNH. **Kỷ niệm 60 năm ngày sinh đồng chí Nguyễn Văn Cừ, một cán bộ lãnh đạo thời kỳ 1938-1940** - 60th birthday anniversary of Nguyen Van Cu, one of the Party leaders during the period 1938-1940 // NCLS, 1972, số 145. - tr. 7-17.

2513. TRUNG CHÍNH. **Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và hai cuộc khởi nghĩa đầu tiên do Đảng ta lãnh đạo** - The 6th Conference of the Central Committee and the first two uprisings carried out under the leadership of the Party // NCLS, 1972, số 146. - tr. 5-10.

2514. TRUNG CHÍNH. **Kỷ niệm 50 năm Phạm Hồng Thái hy sinh vì việc nước** - Fifty years ago, Pham Hong Thai died for the country // NCLS, 1974, số 158. - tr. 16-26.

2515. TRUNG THUẦN. **Qua con người Việt Nam chiến đấu và sản xuất ở Quảng Bình** - Through the Vietnam men fighting and producing at Quang Binh // NCLS, 1966, số 82. - tr. 20-26.

2516. TRUNG THỰC. Mọi quan hệ giữa tính đảng và tính khoa học trong việc nghiên cứu lịch sử Đảng - The relation between the character of Party and the scientific character in the study on the Party history / Trung Thực, Hồ Hải // NCLS, 1963, số 251.- tr. 12-16.

2517. TRƯƠNG CHÍNH. Bàn góp vào vấn đề có thể liệt những bài văn yêu nước do người Việt Nam trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc của ta không? - Discussion and contribution to the question : is it possible to classify the patriotic writings composed by the ancient Vietnamese in Chinese characters to our national literature? // VSD, 1955, số 11.- tr. 70-74.

2518. TRƯƠNG CHÍNH. Góp ý kiến vào vấn đề chữ Nôm - Some ideas contributing to the question of demotic script // VSD, 1956, số 13.- tr. 93-94.

2519. TRƯƠNG CHÍNH. Từ tiếng Trung Quốc sang tiếng Hán Việt - From Chinese language to Han-Viet language // VSD, 1956, số 18.- tr. 84-90.

2520. TRƯƠNG CHÍNH. Xung quanh truyện "Trê Cóc" - Again about the "Tre Coc" story // VSD, 1956, số 19.- tr. 79-85.

2521. TRƯƠNG CHÍNH. Xung quanh cuốn "Nhị Độ Mai" - About the "Nhi Do Mai" story // VSD, 1956, số 20.- tr. 84-91.

2522. TRƯƠNG CHÍNH. Văn xung quanh truyện "Trê Cóc" - Once more about the "Tre Coc" story // VSD, 1957, số 26.- tr. 82-86.

2523. TRƯƠNG CHÍNH MINH. Thủ bàn về sự hình thành của dân tộc Hán - About the formation of Han nation // VSD, 1956, số 15.- tr. 51-56 ; số 16.- tr. 51-62.

2524. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. Một số vấn đề về đấu tranh giai cấp của nông dân trong xã hội phong kiến Việt Nam - Some questions of peasant class struggle in Vietnam feudal society // NCLS, 1962, số 41.- tr. 29-41.

2525. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. Một số nhận thức về đặc điểm của xã hội thời trung thế ở Việt Nam - Some knowledges on the particularities of Vietnam society in the Middle age // NCLS, 1963, số 47.- tr. 28-39, 59.

2526. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. Nền văn hóa khảo cổ học duy nhất trong thời đại đồng thau Việt Nam và vấn đề nước Văn Lang, Hùng Vương - The unique archaeological culture in the Vietnam brass age and the question of Van Lang, the country of Kings Hung // NCLS, 1967, số 105.- tr. 35-41.

2527. TRƯƠNG HOÀNG CHÂU. Toà thành đất cổ trên đất Cố Loa - The ancient earthen citadel on the Co Loa soil // NCLS, 1969, số 129.- tr. 26-41.

2528. TRƯƠNG HỌC. Một vài ý kiến về vấn đề phân kỳ thời đại đồ đá ở Việt Nam - Opinions on the question of periodizing the lithic Age in Vietnam // NCLS, 1963, số 47.- tr. 45-50, 54.

2529. TRƯƠNG HỮU KÝ. Dánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng? - How do we give a just estimation on Phan Thanh Gian? // NCLS, 1963, số 54.- tr. 40-47, 64.

2530. TRƯƠNG HỮU KỲ. Thêm một số tài liệu về cụ Phan Chu Trinh - Some new documents about Phan Chu Trinh // NCLS, 1965, số 71.- tr. 19-20.
2531. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Những đặc điểm của phong trào nông dân Việt Nam - The particularities of the Vietnam peasant movement // VSD, 1958, số 37.- tr. 90-98.
2532. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Lịch sử Việt Nam có trải qua chế độ chiếm hữu nô lệ hay không? - The Vietnam history wen it through the slavery regime? // NCLS, 1960, số 19.- tr. 54-63.
2533. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Đánh giá lại vấn đề cải cách của Hồ Quý Ly - A new estimation on the question of Ho Quy Ly's reform // NCLS, 1960, số 20.- tr. 44-58.
2534. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Về bài "Đánh giá vai trò Hồ Quý Ly thế nào cho đúng?" - About the article " What is estimated justifiability the role of Ho Quy Ly ?" // NCLS, 1961, số 26.- tr. 21-31.
2535. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Về một số đặc điểm của cuộc đấu tranh giai cấp của nông dân Việt Nam thời phong kiến - About some particularities of Vietnam peasant class struggle in the feudal epoch // NCLS, 1966, số 83.- tr. 18-27, 54.
2536. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Về khả năng cách mạng của người nông dân Việt Nam thông qua đặc điểm không tôn giáo của các cuộc đấu tranh giai cấp - About the revolutionary capacity of the Vietnamese peasant through the non-religious particularities of the class struggles // NCLS, 1966, số 90.- tr. 32-38, 45.
2537. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Thủ bàn về quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV - Trying to discuss on the process of formation and development of the Vietnam feudal State from the Xth Century to the XVth Century // NCLS, 1966 , số 93.- tr. 37-46.
2538. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Vài ý kiến bàn thêm về vấn đề phân kỳ lịch sử - Again some ideas on the question of periodization // NCLS, 1967 , số 100.- tr. 40-43.
2539. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Một vài nét về truyền thống đánh giặc cứu nước của dân tộc ta - Some features of the struggle traditions against the ennemis for country salvation of our people // NCLS, 1968, số 110.- tr. 45-52.
2540. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Buổi đầu tìm hiểu Phố Hiến - A preliminary searching for understanding Hien Street /Truong HUU Quynh, Đặng Chí Uyển // NCLS, 1968, số 112.- tr. 60-64.
2541. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Chiến thắng Ngọc Hồi Xuân Kỳ Dậu 1789 - The Ngoc Hoi victory in Spring of Ky Dau (1789) // NCLS, 1971, số 136.- tr. 12-20.
2542. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Một vài tư liệu địa phương về cuộc khởi nghĩa Phan Bá Vành - Some local documents on Phan Ba Vanh's revolt // NCLS, 1972, số 147.- tr. 35-38.

2543. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Một số vị tướng của nghĩa quân Lam Sơn được phát hiện . Some military chiefs of the Lam Son uprising have just discovered // NCLS, 1973, số 148.- tr. 51-54.

2544. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Tìm hiểu chế độ nô tỳ thời Lê sơ qua luật pháp - Research the family slavery in the early period of the Le dynasty through juridical documents // NCLS, 1974, số 155.- tr. 56-67.

2545. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Bước đầu hoạt động đấu tranh chống phong kiến của nghĩa quân Nguyễn Hữu Cầu - The activites of Nguyen Huu Cau's insurgent troops against feudalism / Trương Hữu Quỳnh, Nguyễn Cảnh Minh // NCLS, 1975, số 1 (160). - tr. 49-59.

2546. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Vấn đề bảo vệ dân định tự do trong luật Hồng Đức - The free citizens' protection in the Hong Duc Code // NCLS, 1975, số 6 (165).- tr. 26-33.

2547. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Chế độ sở hữu Nhà nước về ruộng đất thời Lý-Trần - The State agrarian ownership system at the period of Ly-Tran // NCLS, 1976, số 3 (168).- tr. 8-22.

2548. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Cuốn "Việt sử tân biên" của Phạm Văn Sơn (Đọc sách) - Reading the Pham Van Son's book "Viet su tan bien" // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 88-95.

2549. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. "Phương pháp sử học" của Nguyễn Phương - Reading the book: "Method of history" of Nguyen Phuong // NCLS, 1978, số 5 (180).- tr. 83-90.

2550. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. "Nhập môn phương pháp sử học" của Nguyễn Thế Anh (Đọc sách) - Reading the book: "On the Methodology of history" of Nguyen The Anh // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 125-134.

2551. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Một số nét lớn về tình hình ruộng đất và nông nghiệp thời Tây Sơn - Some great points about the situation of lands and rice-fields and the agriculture under the Tay Son period // NCLS, 1978; số 6 (183).- tr. 76-95.

2552. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Thêm một số ý kiến về chế độ ruộng đất thời Lý-Trần (của thế kỷ XI-XII) - Some new reflections about the regime of the lands and rice-fields under Ly and Tran dynasties // NCLS, 1979, số 6 (189).- tr. 17-25.

2553. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. "Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX (Đọc sách) - Reading the book entitled "Essay of study on the regime of lands and rice-fields in Vietnam during the first half of the XIX th Century" // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr. 89-94.

2554. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Từ "Hịch tướng sĩ" đến "Đại cáo bình Ngô", một bước trưởng thành cơ bản của dân tộc Việt Nam . From the "Appeal to Generals and fighters" to the "Proclamation on the pacification over the Ngo"- A fundamental step of maturation of the Vietnamese nation // NCLS, 1980, số 4 (193).- tr. 59-64.

2555. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Vị trí của Lê Hoàn trong lịch sử dân tộc** - The place of Le Hoan in the Vietnamese national history // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr. 10-13.
2556. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Hai mươi lăm năm nghiên cứu vấn đề ruộng đất và phong trào nông dân trong lịch sử chế độ phong kiến ở nước ta** - 25 years of study on the problem of rice-fields and lands and the peasant movement in the history of the feudalism of Vietnam // NCLS, 1981, số 4 (199).- tr. 1-7.
2557. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Quá trình nảy sinh và xác lập của chế độ phong kiến ở Việt Nam (chủ yếu thông qua các tư liệu về chế độ ruộng đất)** - The process of apparition and establishment of the feudal regime in Vietnam // NCLS, 1981, số 4 (199).- tr. 52-62.
2558. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Tác dụng của kháng chiến chống ngoại xâm đối với sự hình thành của dân tộc Việt Nam** - The effect of the war of resistance against aggressors towards the formation of the Vietnamese nation // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 21-25.
2559. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Một bản phác thảo về cơ cấu xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỷ X** - An outline of Vietnam's social structure at the first half of the X th Century // NCLS, 1982, số 2 (203).- tr. 18-20, 26.
2560. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Tình hình chế độ ruộng đất ở nước ta thế kỷ XVIII** - The regime of rice-field and land in Vietnam in the XVIII th Century // NCLS, 1982, số 6 (207).- tr. 51-68.
2561. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Tìm hiểu quan điểm của Mác và tiến trình phát triển của xã hội loài người** - Karl Marx's conception about the evolution of human society // NCLS, 1983, số 4 (221).- tr. 1-6.
2562. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Lê Lợi và bối cảnh kinh tế-xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIV-đầu thế kỷ XV** - Le Loi and socio-economic context of Vietnam in the late XIXth Century and the early XVth Century // NCLS, 1984, số 6 (219).- tr. 30-33.
2563. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. "Lịch sử Nghệ Tĩnh" T.I (Đọc sách) . On the "History of Nghe Tinh" vol. I // NCLS, 1985, số 6 (225).- tr. 80-82.
2564. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. "Sự ra đời của Việt Nam" của K.W.Taylor ("The birth of Vietnam". Nxb University of California, 1983) (Đọc sách) - Reading the book of K.W. Taylor: "The birth of Vietnam"// NCLS, 1986, số 5 (230).- tr. 89-94.
2565. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Một vấn đề về quan hệ giữa việc truyền bá đạo Thiên chúa và chính trị ở Việt Nam thế kỷ XVII-XIX** - Some problems about the relations between the preaching of Catholicism in Vietnam and politics of Vietnam in XVII th to XIX th Centuries // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 33-36.
2566. TRƯỜNG HỮU QUÝNH. **Một vấn đề về ruộng đất thời Trần trước chiến thắng Bạch Dang lịch sử** - Some problems on land under Tran dynasty before BachDang historic victory // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 11-14, 20.

2567. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Vấn đề ruộng đất bỏ hoang ở đồng bằng Bắc Bộ buổi đầu thời Nguyễn - The question of waste land in the Tonkin delta at the beginning of Nguyen dynasty // NCLS, 1992, số 2 (261).- tr. 26-30.

2568. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Crixtôphôrô Côlômbô và việc phát kiến châu Mỹ - Chritoph Colomb and the discovery of America // NCLS, 1992, số 4 (263).- tr. 50-56.

2569. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Nhìn lại vấn đề Hồ Quý Ly trong lịch sử - A retrospective view on the question of Ho Quy Ly in history // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 19-23.

2570. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Công cuộc cải tổ và xây dựng Nhà nước pháp quyền thời Lê Thánh Tông - The reorganization and the building of a State of law under the Le Thanh Tong dynasty // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr. 1-8.

2571. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Sử học ở nhà trường với yêu cầu đổi mới - History in the school and the request of renovation // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr. 5-8.

2572. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Một suy nghĩ về nông thôn đồng bằng Bắc Bộ nhìn từ góc độ sở hữu - Some opinions about the countryside in the Northern region delta from the angle of proprietorship // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 2-5.

2573. TRƯƠNG HỮU QUÝNH. Trở lại vấn đề chế độ ruộng đất ở các vùng khai hoang thuộc đồng bằng Bắc Bộ thời phong kiến - Coming back to the question about the regime of the land in the waste clearing regions in the Northern delta under the feudalism // NCLS, 1994, số 3 (274).- tr. 2-5.

2574. TRƯƠNG MINH DAT. Nền nhà Chiêu Anh Các của Mạc Thiên Tích ở đâu? - Where are the foundations of Chieu Anh Cac of Mac Thien Tich? // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 79-86.

2575. TRƯƠNG MINH ĐẠT. Hà Tiên - Điểm cư trú của người Việt cổ? - Ha Tien - The dwelling centre of the ancient Viet? // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 32-41.

2576. TRƯƠNG MINH ĐẠT. Nguồn gốc tên gọi Phương Thành ở Hà Tiên - The origin of the name Phuong Thanh at Ha Tien // NCLS, 1994, số 1 (272).- tr. 39-46.

2577. TRƯƠNG MINH ĐẠT. Vài chi tiết cần định chính trong "Biên niên lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam" (từ đầu đến giữa thế kỷ XIX) - Rectifying some details in the book: "Chronicle of the Antiquity and Middle Age of Vietnam" (from the beginning to the middle of the XIX th Century) // NCLS, 1994, số 6 (277).- tr. 76-79.

2578. TRƯƠNG NGỌC KHANG. Dân tộc Cor (Trà Bồng) trước cuộc khởi nghĩa ngày 28-8-1959 - The Cor national minority (Tra Bong) before the August, 28 th. 1959 uprising / Truong Ngoc Khang, Nguyen Khanh, Tạ Xuân Linh // NCLS, 1973, số 148.- tr. 11-25.

2579. TRƯƠƠNG NGỌC TƯỜNG. Vài nét về xã hội vùng Tiền Giang thế kỷ XVIII - Social features about the society of the Tien Giang area in the XVIII th Century // NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 31-35.

2580. TRƯỜNG QUANG ĐƯỢC. **Sự nghiệp chống xâm lược Nguyên-Mông thế kỷ XIII - Di sản quý giá, truyền thống vẻ vang** - Struggles against Mong-Nguyen invaders in the XIII Century valuable heritage and glorious tradition// NCLS, 1988, số 2-3 (240-241).- tr.1-3.
2581. TRƯỜNG SĨ HÙNG. **Xung quanh bản chúc thư của Quách Diêu** - About Quach Dieu's testament / Truong Si Hung, Nguyen Thinh // NCLS, 1993, số 5 (270).- tr. 72-74.
2582. TRƯỜNG THỊ YÊN. **Bước đầu tìm hiểu về chính sách thương nghiệp của Nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII** - Preliminary researches into the trade policy of the feudal State of Vietnam in XVII th - XVIII th Centuries // NCLS, 1979, số 4 (187).- tr. 65-76.
2583. TRƯỜNG THỊ YÊN. **Nhà Nguyễn với các thương nhân người Hoa thế kỷ XIX** - The Nguyen's dynasty towards the Chinese traders in the XIXth Century // NCLS, 1981, số 3 (198).- tr. 59-65.
2584. TRƯỜNG THỊ YÊN. **Vài nét về thương nghiệp Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - Some features about the Vietnam trade in the first half of the XIX th Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr. 67-74.
2585. TRƯỜNG TÚ DÂN. **Phát hiện sách "Giao Chỉ Tổng chí" thời Vĩnh Lạc** - The discovery of the book: "Giao Chi Tong chi" in the period of Vinh Lac // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 93-96.
2586. TRƯỜNG-CHINH. **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lịch sử Đảng - Tăng cường tổ chức và bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu** - Push forward the study work on the history of the Party Strengthen the organization and improvement of the research workers// NCLS, 1977, số 3 (174).- tr. 1-14.
2587. TRƯỜNG-CHINH. **Bài nói của đồng chí Trường-Chinh, UV BCT TƯ Đảng, Chủ tịch HDNN nhân kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học Việt Nam** . Speech delivered by Comrade Truong Chinh on the 30 th anniversary of the Vietnam Department for Historical, Geographical and Literary studies // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr. 2-8.
2588. TRƯỜNG GIANG. **Những quan điểm triết học về lịch sử của Phan Chu Trinh** - The Phan Chu Trinh's conceptions about the philosophy of history // NCLS, 1965, số 73.- tr. 44-53.
2589. TUẤN LUÔNG. **Văn bản trong thơ văn Đoàn Nguyễn Tuấn** - About the original texts in prose and verse of Doan Nguyen Tuan // NCLS, 1978, số 2 (179).- tr. 78-85.
2590. TÙNG KIỀN. **Mấy suy nghĩ nhân đọc "Hai mươi năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà"** - Some thinkings in reading: "Twenty years of the Vietnam Democratic Republic" // NCLS, 1966, số 89.- tr. 45-48.

2591. TƯ HUYỀN. Góp ý kiến vào bài "Vấn đề chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam" - Contributing to the article: "The question of slavery regime in Vietnam" // VSD, 1956, số 16.- tr. 75-78.

2592. TƯ HUYỀN. Góp ý kiến vào vấn đề tiếng Việt và chữ Việt - Contributing to the question of Viet language and Viet words // VSD, 1956, số 17.- tr. 82-84.

2593. TƯ HUYỀN. Vấn đề "Quy luật phát triển nội bộ" của ngôn ngữ Việt Nam - The question of "the law of internal development" in the Vietnam language // VSD, 1957, số 25.- tr. 43-50.

V

2594. V.L. Giả thuyết mới về người Nêandéctan - A new hypothesis on the Neanderthal people // NCLS, 1964, số 64.- tr. 59-60.

2595. V.S.H. Công tác sử học bắt đầu di vào cán bộ và nhân dân - The historical work begins to go in the cadres and the people // NCLS, 1959, số 7.- tr. 1-2.

2596. V.S.H. Tích cực đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin một cách hệ thống trong cán bộ sử học - Actively pushing forward the systematical study of Marxism - Leninism in the historical cadres // NCLS, 1959, số 8.- tr. 1-15.

2597. V.S.H. Vấn đề Đảng sử - The question of Party history // NCLS, 1960, số 21 .- tr. 1-5.

2598. V.S.H. Bảy năm qua và năm năm sắp tới của ngành sử học - The past seven years and the next five years of the historical scientific branch // NCLS, 1960, số 21.- tr. 2-5.

2599. V.S.H. Trích đáng bàn báo cáo về công tác sử học đọc tại Hội nghị chuyên đề ngày 24,25,26 tháng 5-1962 tại Hà Nội - Excerpt from the report of historical work read at the Conference on History (24-26/5/1962) // NCLS, 1962, số 40.- tr. 6-12.

2600. V.S.H. Những đề mục nghiên cứu năm 1963 của Viện Sử học - The study themes in 1963 of the Institute of History // NCLS, 1963, số 46.- tr. 1-3.

2601. V.S.H. Một dịp tốt để sưu tầm tài liệu lịch sử cách mạng ở các địa phương - A good occasion to search for the revolutionary history documents in the localities // NCLS, 1963, số 48.- tr. 1-11.

2602. V.S.H. Một số công tác chủ yếu của Viện Sử học trong năm 1965 - Some principals works of the Institute of History in 1965 // NCLS, 1965, số 72.- tr. 1,19.

2603. V.S.H. Chúng ta đã làm gì trong năm 1965? - What did we do in 1965? // NCLS, 1966, số 83.- tr. 1-3.

2604. V.S.H. **Chúng ta đã làm gì trong năm 1968?** - What shall we do in 1968? // NCLS, 1968, số 107.- tr. 4-7.
2605. V.S.H. **Chúng ta làm gì trong năm 1969?** - What do we do in 1969? // NCLS, 1969, số 119.- tr. 1-3.
2606. V.T.H.P. **Ý kiến trao đổi** - Exchange of opinions // VSD, 1957, số 27.. tr. 82-85.
2607. VĂN ĐỨC DÔN. **Về hoạt động chống Pháp hồi thế kỷ XIX của cụ Nghè Văn Đức Giai** - About the anti-French activities of the Doctor Van Duc Giai at the end of the XIXth Century // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 86-87.
2608. VĂN KHÒI. **Góp mấy ý kiến về bài "Một vài nét về lịch sử tỉnh Lai Châu chống thực dân Pháp đầu thế kỷ XX" của bạn Đỗ Thiện** - Some remarks on the article: "Some features of Lai Chau province history in the struggle against the French colonialist at the beginning of the XXth Century" of Do Thien// NCLS, 1963, số 47.- tr. 53-54.
2609. VĂN LẠC. **Quá trình xâm lược của Mỹ vào Cuba từ hơn một thế kỷ nay** - The process of American imperialism invasion in Cuba from more than a century // NCLS, 1963, số 47.- tr. 3-12.
2610. VĂN LANG. **Phát hiện mộ cổ ở Hoàng Mai (Hà Nội)** - Discovery of an ancient tomb in Hoang Mai (Hanoi) // NCLS, 1963, số 51.- tr. 63-64.
2611. VĂN LANG. **Những phát hiện khảo cổ học mới ở Hoa Lư** - The new archaeological discoveries in Hoa Lu // NCLS, 1963, số 54.- tr. 61-62.
2612. VĂN LANG. **Tìm được vết tích chùa Chuông Sơn và tháp Vạn Phong Thành Thiện đời Lý** - Finding the vestiges of Chuong Son pagoda and Van Phong Thanh Thien tower under the Ly dynasty. // NCLS, 1964, số 59.- tr. 61-63.
2613. VĂN LANG. **Về binh nghiệp Nguyễn Công Trứ** - On the military occupation of Nguyen Cong Tru // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 50-58.
2614. VĂN LANG. **Tìm hiểu thêm về "Trận Rạch Gầm-Xoài Mút"** - Additional study on the battle of Rach Gam-Xoai Mut // NCLS,1978, số 6 (183).- tr. 43-56.
2615. VĂN LANG. **Mấy hình ảnh về quê hương Tây Sơn (Tư liệu ảnh)** - Some images of the native village of Tay Son (photographical records) // NCLS, 1979, số 1 (184)..- tr. 76-77.
2616. VĂN LANG. **Đất tổ Hùng Vương (Tư liệu ảnh)** . Native place of the Kings Hung (photographical records) // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr. 76-77.
2617. VĂN LANG. **Về việc khôi phục lại bức tranh chiến cuộc mùa Xuân 981** - Ricovering the panorama of the war at the Spring of 981 // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr. 27-33.
2618. VĂN LÀNG. **Nghiên cứu vấn đề "Ngôn ngữ thuộc thượng tầng kiến trúc hay không?"** - The studying the question "The language pertains it to the superstructures?" // VSD, 1957-1958, từ số 32 đến số 39.
2619. VĂN PHONG. **Giới thiệu bài thơ "Chim trong lồng" của Quận He** - Presentation of the poem: " Bird in Cage" of the Duke He // VSD, 1955, số 5 . - tr. 40-45.

2620. VĂN PHONG. **Tính chất xã hội Việt Nam và Cách mạng Tháng Tám** . The Vietnam society character and the August Revolution // VSD, 1956, số 20.- tr. 21-32.
2621. VĂN PHONG. **Lênin : Từ chuyên chính công nông đến chuyên chính vô sản** - Lenin : From the dictatorship of workers and peasants to the dictatorship of proletariat // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 12-23.
2622. VĂN PHONG. **Quan hệ hữu nghị quốc tế chủ nghĩa chấn thành không bao giờ tan vỡ được** (Nhân bài "Sự thay đổi của mối tình Trung-Việt" đăng trên tạp chí "Tân Tri thức" ở Bắc Kinh, số ra ngày 28-7-1978) - A veritable relation of internationalist friendship is indissoluble // NCLS, 1978, số 5 (182). - tr. 97-107.
2623. VĂN PHONG. **Những mộng bá vương Đại Hán thời xưa qua một số sách lịch sử Trung Quốc ngày nay** - Dreams of hegemony of Great Han during the old times through some Chinese historical books of today // NCLS, 1979, số 1 (184).- tr. 21-30.
2624. VĂN PHONG. "Hồng kỳ" ở Bắc Kinh đã đổi màu trở thành ngọn cờ của bọn xâm lược (Nhân bài "Lợi dụng lịch sử ..." của Trần Khải Vũ đăng trên tạp chí "Hồng kỳ" số 2 năm 1979) - "Red flag" at Pekin has discoloured and become the flag of the aggressors // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr. 57-66, 75.
2625. VĂN PHONG. **Quan hệ Trung-Việt và Việt-Trung** - Chinese-Vietnamese and Vietnamese-Chinese relations // NCLS, 1979, số 4 (187). - tr. 1-13.
2626. VĂN PHONG. **Từ cuộc chinh phạt cuối cùng của Vua Trụ thời Thương Ân đến chủ nghĩa bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc Kinh ngày nay** - From the last conquest of Emperor Zhou in the Shang Yin epoch to the great-power hegemonism espoused by the present day reactionary clique of Peking // NCLS, 1980, số 1 (190).- tr. 9-17.
2627. VĂN PHONG. **Thái Lan trong quan hệ với Việt Nam , Lào và Campuchia** (Nhân đọc Bị vong lục của Bộ Ngoại giao nước CHXHCN Việt Nam ngày 26-8-1980) - Thailand, its relations with Vietnam, Laos and Kampuchea during the historical process // NCLS, 1980, số 5 (194).- tr. 1-10.
2628. VĂN PHONG. **Đọc "Nhật ký Diên An" - Đặc khu ở Trung Quốc (1942-1945)** . About the book "Diary of Zien An", a special region in China (1942-1945) // NCLS, 1980, số 6 (195).- tr. 83-93.
2629. VĂN PHONG. **"Lịch sử Việt Nam" (T.I) (Đọc sách)** - Reading the book: "History of Vietnam" (vol.I) // NCLS, 1985, số 4 (223).- tr. 83-90.
2630. VĂN PHONG. **Ngọn cờ hoà bình từ quê hương của Lê-nin vĩ đại** . The peace banner from the country of Great Lenin // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr. 8-18.
2631. VĂN SƠN NGUYỄN DUY SĨ. **Hồ Quý Ly và canh tân đất nước** - Ho Quy Ly and the renovation of the country // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 43-44.
2632. VĂN TẠO. **Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam và sự phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam** - The colonial exploitation of the French colonialism in Vietnam and the development of the Vietnam working class // VSD, 1955, số 11.- tr. 54-64.

2633. VĂN TẠO. **Hoạt động của tư bản Pháp ở Việt Nam từ 1918 đến 1930** - The French capitalists's activities in Vietnam from 1918 to 1930 // VSD, 1956, số 13.- tr. 75-82.
2634. VĂN TẠO. **Quá trình thành lập Mặt trận Việt Minh và thắng lợi của Mặt trận trong Cách mạng tháng Tám** - The process of foundation of the Vietminh Front and its victory in the August Revolution // VSD, 1958, số 43.- tr. 3-18.
2635. VĂN TẠO. **Vai nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam** - Some features of the process of the Vietnam revolutionary State formation and development // VSD, 1959, số 48.- tr. 11-27.
2636. VĂN TẠO. **Tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam** - Research on the process of the formation and the development of the Vietnam national unified Front // NCLS, 1959, số 1.- tr. 27-41.
2637. VĂN TẠO. **Miền Nam Việt Nam trong cuộc hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ** - The South Vietnam in the accomplishment of the national and democratic revolution // NCLS, 1959, số 3.- tr. 30-41.
2638. VĂN TẠO. **Bàn về liên minh giai cấp trong cách mạng Việt Nam từ sau 1930** - Discussion about the class alliance in the Vietnam revolution from after 1930. // NCLS, 1960, số 10.- tr. 50-67.
2639. VĂN TẠO. **Kết thúc cuộc thảo luận về Phan Chu Trinh** - Conclusion of the discussion on Phan Chu Trinh // NCLS, 1965, số 76.- tr. 11-26.
2640. VĂN TẠO. **Vai nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam 20 năm qua** - Some features of Vietnam revolutionary State formation and development in the past twenty years // NCLS, 1965, số 77.- tr. 12-27.
2641. VĂN TẠO. **Về phương pháp lịch sử và phương pháp lô gich trong công tác sử học** - About the historical method and the logic method in the historical work // NCLS, 1966, số 83.- tr. 12-17.
2642. VĂN TẠO. **Công tác của Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử** - The work of the review "Historical studies" // NCLS, 1966, số 85.- tr. 11-14.
2643. VĂN TẠO. **Tìm hiểu mối quan hệ giữa hai mặt đấu tranh chính trị, quân sự và "ba mũi giáp công" trong phong trào cách mạng Việt Nam** - Research on the relations between the two aspects of political, military struggle and the "three face to face fight point" in the Vietnam revolutionary movement // NCLS, 1966, số 89.- tr. 12-20.
2644. VĂN TẠO. **Một vài nhận định về quá trình phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam, vai trò và tính chất của nó trong giai đoạn giành chính quyền cách mạng** - Some observations about the process of the Vietnam revolutionary armed forces development, their role and their character in the phase of seizing hold of revolutionary power // NCLS, 1966, số 93.- tr. 16-27.
2645. VĂN TẠO. **Đọc : "Thời kỳ hình thành lực lượng vũ trang cách mạng"** - Reading the book : "The period of revolutionary armed forces formation" // NCLS, 1967, số 96.- tr. 36-44.

2646. VĂN TẠO. **Tính kế thừa lịch sử và tính sáng tạo khoa học trong cuộc chiến tranh nhân dân do giai cấp vô sản Việt Nam lãnh đạo hiện nay** - The historical inheritable character and the scientific creative character in the people war now led by the Vietnam proletariat // NCLS, 1967, số 100.- tr. 3-14.

2647. VĂN TẠO. **Thắng lợi của sự kết hợp của chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong cách mạng Việt Nam** - The victory of the coordination between the true patriotism and proletarian internationalism in the Vietnam revolution // NCLS, 1967, số 101 .- tr. 21-29.

2648. VĂN TẠO. **Về truyền thống anh hùng của dân tộc ta trong Cách mạng tháng Tám** - About the heroic tradition of our people in the August Revolution // NCLS, 1968, số 113.- tr. 4-13.

2649. VĂN TẠO. **Nhân dân ta anh hùng đoàn kết, chiến đấu dưới lá cờ vẫy vang của Đảng trong thời kỳ Cách mạng tháng Tám** - Our heroic people unite, fight under the Party flag in the August Revolution period // NCLS, 1968, số 114.- tr. 58-66, 68.

2650. VĂN TẠO. **Truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc ta trong giai đoạn đấu tranh cuối thế kỷ XIX** - The heroic and unyielding tradition of our people in the phase of the struggle at the end of the XIX th century // NCLS, 1969, số 128.- tr. 18-31/

2651. VĂN TẠO. **Hồ Chủ tịch và truyền thống dân tộc** - The President Ho and the national tradition // NCLS, 1970, số 132.- tr. 7-32.

2652. VĂN TẠO. **Vài nét về Đại hội Sử học quốc tế lần thứ 13** - Some features about the 13 th International historical Congress / Văn Tạo, Mạc Đường // NCLS, 1971, số 136.- tr. 53-60.

2653. VĂN TẠO. **Một vài gợi ý về phương hướng nghiên cứu giai cấp công nhân Việt Nam** - About the orientation of studies on the Vietnamese working class // NCLS, 1971, số 138.- tr. 1-4.

2654. VĂN TẠO. **Về chất lượng của giai cấp công nhân** - Appreciations of quality of our working class // NCLS, 1972, số 144.- tr. 36-42.

2655. VĂN TẠO. **Quá trình phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa** - Development of the Vietnamese working class in Socialist revolution // NCLS, 1972, số 145.- tr. 37-49 ; số 146.- tr. 53-63.

2656. VĂN TẠO. **Hồ Chủ tịch và tình ruột thịt Bắc Nam** - President Ho and the brotherly solidarity between North and South // NCLS, 1973, số 149.- tr. 1-12.

2657. VĂN TẠO. **Phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam** - Stimulating the revolutionary heroism to form the new and socialist man in Vietnam // NCLS, 1973, số 151.- tr. 1-5.

2658. VĂN TẠO. **Hai mươi năm lãnh đạo và thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân ở miền Bắc** - 20 years of socialist revolution in North Vietnam under the leadership and the realization of the working class // NCLS, 1974, số 156.- tr. 3-10.

2659. VĂN TẠO. **Tinh thần cách mạng tiến công của giai cấp công nhân Việt Nam trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ** - The spirit of revolutionary offensive of the Vietnamese working class in the building of socialism and the resistance to U.S escalation // NCLS, 1975, số 160.- tr. 19-27.

2660. VĂN TẠO. **Ba mươi năm đấu tranh thắng lợi của cách mạng Việt Nam** - Thirty years of victorious struggle of the Vietnamese revolution // NCLS, 1975, số 165.- tr. 3-6.

2661. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về việc nghiên cứu phong trào nghĩa quân Yên Thế trong tình hình hiện nay** - Some ideas on the study of the Yen The insurrectional movement in the present situation // NCLS, 1976, số 1 (166).- tr. 61-64.

2662. VĂN TẠO. **Giai cấp công nhân Việt Nam và sự nghiệp thống nhất đất nước** - The Vietnamese working class and the cause of unification of the country // NCLS, 1976, số 2 (167).- tr. 1-5, 17.

2663. VĂN TẠO. **Cuộc khởi nghĩa tháng Tư năm 1876 của nhân dân Bungari (23-4-1876)** - The Hungarian people's April insurrection of 1876 (23-4-1876) // NCLS, 1976, số 3 (168), tr. 74-78, 83.

2664. VĂN TẠO. **Bước đầu xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, con người mới Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng** - First path on the road of the establishment of a new regime social, a new economic and of the formation of new men of Vietnam under the direction of the Vietnam worker' Party // NCLS, 1976, số 5 (170).- tr. 10-19.

2665. VĂN TẠO. **Ferenc Rakosi và cuộc đấu tranh cho nền độc lập Hunggari (1703-1711)** - Ferens Rakosi and the struggle for independence of Hunggari (1703-1711) // NCLS, 1976, số 6 (171).- tr. 59-63.

2666. VĂN TẠO. **Tạp chí "Nghiên cứu Lịch sử" trong những năm qua và phương hướng tới** - "Historical studies" review in the last few years and ist future orientation // NCLS, 1977, số 1 (172).- tr. 60-66.

2667. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về khoa học kỹ thuật trong lịch sử Việt Nam** - Some reflections about the sciences and technology in the history of Vietnam // NCLS, 1977, số 3 (174).- tr. 15-23.

2668. VĂN TẠO. **Cần đẩy mạnh nghiên cứu, biên soạn lịch sử xã** - It is necessary to push forward the study work and the drawing up on communal monographs // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr. 1-6.

2669. VĂN TẠO. **Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Lê-nin và kinh nghiệm Cách mạng tháng Mười Nga - Giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội** - To put creatively in practice the Leninism and the experience of the Russian Octorber Revolution - Let us raise high and simultaneous the two flags of National Independence and Socialism // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 6-11.

2670. VĂN TẠO. **Kỷ niệm lần thứ 50 tác phẩm "Đường kính mệnh" của Hồ Chủ tịch (1927-1977)** - 50 th anniversary of the book: "Đường kính mệnh" (Revolutionary road) of President Ho (1927-1977) // NCLS, 1978, số 1 (178).- tr. 1-9.

2671. VĂN TẠO. Nông dân Việt Nam, một lực lượng cách mạng hùng hậu . The Vietnamese peasantry's powerful revolutionary force // NCLS, 1978, số 4 (181).- tr. 1-8.
2672. VĂN TẠO. Những thành tựu nghiên cứu của Viện Sử học Việt Nam trong những năm qua và phương hướng tới . Achievements in research during the past years and future orientation of the Vietnamese historical Institute // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 3-17.
2673. VĂN TẠO. Về vấn đề đánh giá nhân vật lịch sử và việc đánh giá Nguyễn Công Trứ . The appraisal of historical presonages and that of Nguyen Cong Tru // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 34-38.
2674. VĂN TẠO. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (Kỷ niệm lần thứ 190 chiến thắng Đồng Da) . The 190th anniversary of the victory of Dong Da - The uprising of Tay Son // NCLS, 1978, số 6 (183).- tr. 3-7.
2675. VĂN TẠO. Thắng lợi của nhân dân Campuchia, một sự kiện lịch sử có ý nghĩa thời đại . The victory of the Kampuchea people, a significant historical event of this times // NCLS, 1979, số 1 (184).- tr. 1-6.
2676. VĂN TẠO. Vài nét về những thành tựu chủ yếu của khoa học lịch sử Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám đến nay và nhiệm vụ trước mắt . Main successes of the Vietnamese historical sciences from the August Revolution to today and the immediate tasks / Văn Tạo, Phạm Xuân Nam// NCLS, 1979, số 1 (184).- tr. 70-75.
2677. VĂN TẠO. Chiến thắng lịch sử của dân tộc Việt Nam chống bọn Trung Quốc xâm lược (17/2/1979 - 18/3/1979) . Historical victory of the Vietnamese people over Chinese aggressors (17 February - 18 March 1979) // NCLS, 1979, số 2 (185).- tr. 1-8.
2678. VĂN TẠO. Giai cấp công nhân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội quốc tế, ủng hộ phong trào cộng sản và công nhân châu Âu chống chủ nghĩa tư bản . The Vietnamese working class in the struggle against international opportunism in favour of the anti-imperialism fight waged by the European communist and working movement // NCLS, 1979, số 3 (186).- tr. 1-8.
2679. VĂN TẠO. Hội nghị lịch sử địa phương và chuyên ngành toàn quốc lần thứ nhất . First national Conference about the study on the history of regions and of special activities branches // NCLS, 1979, số 5 (188).- tr. 4-9.
2680. VĂN TẠO. Suy nghĩ về những nét khác nhau giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng Trung Quốc . Some thoughts about the characteristic features of the Vietnamese revolution and those of the Chinese revolution // NCLS, 1980, số 1 (190).- tr. 1-8 ; số 3 (192).- tr. 65-72.
2681. VĂN TẠO. Chủ nghĩa Lê-nin và cách mạng Việt Nam . Leninism and Vietnamese revolution // NCLS, 1980, số 2 (191).- tr. 1-4.
2682. VĂN TẠO. Ba mươi lăm năm phát triển của nền sử học Việt Nam (1945-1980) . 35 years of development of Vietnamese historiography (1945-1980) // NCLS, 1980, số 4 (193).- tr. 1-12.

2683. VĂN TẠO. **Giáo dục lịch sử và việc xây dựng con người thế kỷ XX - Teaching history and the formation of XXth Century man** // NCLS, 1980, số 5 (194).- tr. 11-14, 23.
2684. VĂN TẠO. **Tin tưởng và quyết tâm đi theo đường lối khoa học của Đảng - Let us repose confidence in and decidedly follow the science line of the Party** // NCLS, 1980, số 6 (195).- tr. 25-27.
2685. VĂN TẠO. **Hiến pháp Việt Nam, thắng lợi lịch sử về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân - The Constitution of the S.R.VN - A historic success of the right collective master of the labouring people under the leadership of the working class** // NCLS, 1981, số 1 (196).- tr. 1-6.
2686. VĂN TẠO. **Bài học lịch sử ngàn năm (981-1981) (Kỷ niệm chiến thắng chống giặc Tống xâm lược lần thứ nhất) - The anniversary of the victory over the first Sung's invasion. A millenary historic lesson (981-1981)** // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr. 1-5, 9.
2687. VĂN TẠO. **Con người mới Việt Nam, nền văn hóa Việt Nam - The new man of Vietnam - The culture of Vietnam** // NCLS, 1981, số 3 (198).- tr. 1-3.
2688. VĂN TẠO. **Về vấn đề hình thành dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt Nam - About the problem of formation the Vietnamese socialist nation** // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 9-12.
2689. VĂN TẠO. **Về trí thức Việt Nam trong cách mạng xã hội chủ nghĩa - About Vietnamese intellectuals in the socialist revolution** // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 6-15.
2690. VĂN TẠO. **Sức mạnh tổng hợp của các ngành sử học - Resulting forces of divers branches of historical studies** // NCLS, 1982, số 4 (205).- tr. 1-6, 42.
2691. VĂN TẠO. **Thế kỷ X - Những vấn đề đã được giải quyết và những vấn đề tồn tại - The X th Century - problems have been and will be solved** // NCLS, 1982, số 5 (206).- tr. 1-9.
2692. VĂN TẠO. **Cách mạng ruộng đất, bước chuẩn bị đưa nông dân Việt Nam tiến lên chủ nghĩa xã hội - The agrarian reform, a preparatory step for the passage of the Vietnamese peasantry to socialism** // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 1-11, 23.
2693. VĂN TẠO. **Nhìn lại thành tựu 6 năm hoạt động của Ban Nghiên cứu Lịch sử, Địa lý, Văn học Việt Nam (1953-1960) - Retrospect on the achievements recorded by the Vietnam Department for Historical, Geographical and Literary studies (1953-1960)** // NCLS, 1983, số 6 (213).- tr. 9-12.
2694. VĂN TẠO. **Công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự nghiệp chủ nghĩa xã hội trong điều kiện có chiến tranh ở Việt Nam (1965-1975) - The building of the material and technical basis of socialism in the conditions of war in Vietnam (1965-1975)** / Văn Tạo, Nguyễn Hữu Đạo // NCLS, 1984, số 2 (215).- tr. 1-13, 37.
2695. VĂN TẠO. **Một vài suy nghĩ về vấn đề ruộng đất và vấn đề nông dân trong lịch sử cận đại, hiện đại Việt Nam - Some reflections about the problems of the land and the peasant in the Vietnam modern and contemporary history** // NCLS, 1984, số 4 (217).- tr. 1-6, 22.

2696. VĂN TẠO. 100 năm phản bội Việt Nam từ Hiệp ước Pháp - Hoa (1885) - The betrayal towards Vietnam during 100 years since the Sino - French Agreement (1885) // NCLS, 1985, số 3 (222).- tr. 67-69, 95.
2697. VĂN TẠO. Nhà nước cách mạng Việt Nam - Vietnamese revolutionary State 1945-1985 // NCLS, 1985, số 4 (223).- tr. 1-10; số 5 (224).- tr. 20-25.
2698. VĂN TẠO. Mối quan hệ mật thiết giữa địa lý và lịch sử trong "Đư địa chí" - Close relation between geography and history in the "Du dia chi" // NCLS, 1985, số 6 (225).- tr. 1-4.
2699. VĂN TẠO. Một vài suy nghĩ về tính bản địa và đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam - Some thoughts on the autochtonal and special character of Vietnamese culture // NCLS, 1986, số 1 (226).- tr. 1-6, 24.
2700. VĂN TẠO. Việt Nam trong Hội đồng Quốc tế về :"Giai cấp công nhân trong quá trình cách mạng thế giới" - Vietnam in the International Council on "The working class in the course of world revolution" // NCLS, 1986, số 1 (226).- tr. 56-60.
2701. VĂN TẠO. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XXVII - Đại hội với khoa học lịch sử - The historical meaning of the XXVII th Congress of the C.P.S.U - The Congress with the historical science // NCLS, 1986, số 2 (227).- tr. 1-7.
2702. VĂN TẠO. Sự thật lịch sử là danh thép - The historical truth is irreversible // NCLS, 1986, số 3 (228).- tr. 20-22.
2703. VĂN TẠO. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa - Hậu phương lớn của miền Nam thắng Mỹ - The socialist North - A great rear for the South to defeat the American aggressors // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr. 8-14, 25.
2704. VĂN TẠO. Vài nét về lịch sử Albani - The history of Albania // NCLS, 1986, số 6 (231).- tr. 80-85.
2705. VĂN TẠO. Kế tục sự nghiệp của Cách mạng tháng Mười : Đổi mới trong phong trào công nhân Việt Nam - The succession to the cause of the October Revolution : changes in the Vietnamese working movement // NCLS, 1987, số 3 (234).- tr. 1-4.
2706. VĂN TẠO. Từ yêu cầu kế thừa di sản lịch sử - Gợi ý một số vấn đề về lịch sử cận đại Việt Nam - From the inheritance historical legacy - Suggestions on a few problems of Vietnamese modern history // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr. 1-5, 13.
2707. VĂN TẠO. Một vài suy nghĩ về giai cấp và phong trào công nhân - Some reflections on the class of workers and worker movement // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 1-8.
2708. VĂN TẠO. Nhìn lại di sản kinh tế, xã hội với con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa ở nước ta - A review of the economic, social legaccy and the way to socialism of Vietnam by passing the stage of capitalist development // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 85-90.

2709. VĂN TẠO. **Bàn về di sản lịch sử đối với thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam** - Discussion about the historic heritage to the transitional period to socialism in Vietnam // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 50-53.
2710. VĂN TẠO. **Giáo hội Thiên chúa trước lịch sử dân tộc** - Catholic Church in front of history // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 1-2.
2711. VĂN TẠO. **Cách mạng Pháp 1789 - Tinh chất, ý nghĩa, đặc điểm** - The French Revolution of 1789 - Nature, meaning and particularities // NCLS, 1989, số 2 (245).- tr. 19-25.
2712. VĂN TẠO. **30 năm Tạp chí Nghiên cứu lịch sử và sự cống hiến của nhà sử học Trần Huy Liệu** - Thirty years of "Historical Studies" review and the contributions of the Historian Tran Huy Lieu // NCLS, 1989, số 3-4 (246-247).- tr. 1-5.
2713. VĂN TẠO. **Chúng ta kế thừa di sản nào, từ bỏ di sản nào trong nông thôn, nông nghiệp Việt Nam?** - Which patrimony we inherit. Which patrimony we leave in the countryside, in the agriculture of Vietnam? // NCLS, 1990, số 1 (248).- tr. 1-5.
2714. VĂN TẠO. **Chân lý "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa" đang cần được nhận thức sâu sắc** - The verity : "For the socialist construction, first and foremost it is necessary to have socialist men", must be understood deeply // NCLS, 1990, số 2 (249).- tr. 9-15.
2715. VĂN TẠO. **Về di sản trong thủ công nghiệp** - On patrimony in the handicraft // NCLS, 1990, số 3 (250).- tr. 1-10.
2716. VĂN TẠO. **Viện Sử học Việt Nam 30 năm qua** - The Vietnam Institute of History in the past 30 years // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 1-10.
2717. VĂN TẠO. **Một vài kinh nghiệm rút ra từ thời kỳ Mặt trận Việt Minh - Liên Việt** - Some experiences drawed from the Viet Minh - Lien Viet Front period // NCLS, 1991, số 2 (255).- tr. 7-12,21.
2718. VĂN TẠO. **Pháp luật Việt Nam trong lịch sử và di sản của nó** - The Vietnamese Law in the history and its heritage // NCLS, 1991, số 3 (256).- tr. 14-41.
2719. VĂN TẠO. **Chủ tịch Hồ Chí Minh với di sản dân tộc trong công tác thanh tra** - President Ho Chi Minh and the national heritage in the inspection work // NCLS, 1991, số 4 (257).- tr. 1-10.
2720. VĂN TẠO. **Nguyễn Mậu Kiến - phẩm chất và hoài bão** - Nguyen Mau Kien, his qualities and his aspirations // NCLS, 1992, số 3 (262).- tr. 12-14.
2721. VĂN TẠO. **Từ Hồ Quý Ly, nhìn nhận lại một số cải cách trong lịch sử** - From Ho Quy Ly, a retrospective view on reforms in history // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 9-12.
2722. VĂN TẠO. **Nguyễn Trường Tộ - Người mở đầu cho một dòng yêu nước có xu hướng canh tân ở thời kỳ cận đại** - Nguyen Truong To, the pioneer of a patriotic trend oriented towards renovation in the modern time // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr. 9-16.
2723. VĂN TẠO. **Cải cách ruộng đất - Thành quả và sai lầm** - Agrarian Reform - Results and errors // NCLS, 1993, số 2 (267).- tr. 1-10.

2724. VĂN TẠO. **Sơ bộ nhận thức về nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - Preliminary knowledge about the Nguyen dynasty in the first half XIX th Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr. 2-5.

2725. VĂN TẠO. **Chiến thắng Điện Biên Phủ và tình hữu nghị Việt-Pháp** - Dien Bien Phu Victory and France-Vietnam friendship // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr. 24-28.

2726. VĂN TÂM. **Góp ý kiến vào vấn đề : Tính chất cách mạng Việt Nam qua các cuộc vận động Duy tân, Đông du, Đông Kinh Nghĩa thục** - Contributing to the question : The Vietnam revolutionary character through the Duy tan, Dong du, Dong Kinh Nghia thuc movements // VSD, 1956, số 15.- tr. 61-71.

2727. VĂN TÂM. **Thơ văn chống Pháp miền Nam (1858-1867)** - Prose and poetry against the French colonialists in the South (1858-1867) // VSD, 1956, số 17.- tr. 44-52 : số 18.- tr. 64-73.

2728. VĂN TÂN. **Ý nghĩa và giá trị thơ Hồ Xuân Hương** - The meaning and the value of Ho Xuan Huong poems // VSD, 1955, số 10.- tr. 18-35.

2729. VĂN TÂN. **Thử tìm ý nghĩa và giá trị "Nhị Độ Mai"** - Essay of study on the meaning and the value of: "Nhi Do Mai" story // VSD, 1955, số 11.- tr. 20-34.

2730. VĂN TÂN. **Nghiên cứu và đánh giá vốn cũ trong văn học dân tộc : truyện Trè Cóc** - Study and estimation of the ancient heritage in the national literature : the Tre Coc story // VSD, 1955, số 12.- tr. 20-28.

2731. VĂN TÂN. **Máy ý kiến về truyện cổ tích (Nhân dọc "Truyện cổ tích Việt Nam" của Vũ Ngọc Phan và quyển "Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích" của ông Trần Thanh Mai** - Some opinions about the old story (In the occasion of reading: "The Vietnam old stories" of Vu Ngoc Phan and: "The mechanical materialist and the dialectical materialist points of view and the estimation of an old story" of Mr Tran Thanh Mai // VSD, 1956, số 14.- tr. 77-88.

2732. VĂN TÂN. **Thơ bà Huyện Thanh Quan** - The poetry of Mrs Thanh Quan district chief's wife // VSD, 1956, số 15.- tr. 21-29.

2733. VĂN TÂN. **"Lục súc tranh công"** - "The six domestic animals dispute for merit" story // VSD, 1956, số 16.- tr. 38-50.

2734. VĂN TÂN. **Vấn đề viết văn học sử Việt Nam** - The question of writing Vietnam literary history // VSD, 1956, số 17.- tr. 5-17.

2735. VĂN TÂN. **Đoàn Thị Điểm với "Chinh phụ ngâm" hay là một tác phẩm văn học chống chiến tranh** - Doan Thi Diem and: "The warrior's wife song" or a literary work against the war // VSD, 1956, số 19.- tr. 10-28.

2736. VĂN TÂN. **Vài nhận xét chính về quyển "Truyện Kiều và thời đại Nguyễn Du" của ông Trương Tứu** - Some main remarks on the book of Mr. Truong Tuu: "Kieu story and the epoch of Nguyen Du" // VSD, 1956, số 21.- tr. 22-34.

2737. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về quyển "Việt ngữ nghiên cứu" của ông Phan Khôi - Some remarks on the book of Mr. Phan Khoi: "Vietnam language study" // VSD, 1956, số 22.- tr. 16-30.**

2738. VĂN TÂN. **Đã đến lúc tạm kết thúc cuộc tranh luận về vấn đề "Có nên liệt những bài văn do người Việt Nam trước kia viết bằng chữ Hán vào văn học dân tộc của ta không?" - It is the time to do a tentative conclusion of the discussion about the question "It is rational to rank the texts written in Chinese characters by the Vietnamese in the past in our national literature? // VSD, 1956, số 23.- tr. 10-23.**

2739. VĂN TÂN. **Nhận xét mấy ý kiến của bạn Thái Đồng - Remarks on some ideas of comrade Thai Dong // VSD, 1957, số 24.- tr. 73-78.**

2740. VĂN TÂN. **Vũ Trọng Phụng qua "Giông tố", "Vỡ đê" và "Số đỏ" - Vu Trong Phung through: "Tempest", "The dyke is collapsing" and "Good luck" // VSD, 1957, số 29.- tr. 4-22.**

2741. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về quyển "Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam" của nhóm Lê Quý Đôn - Some remarks on the book: "Luoc thao lich su van hoc Vietnam" (An outline the Vietnam literary history" of the group Le Quy Don // VSD, 1957, số 30.- tr. 8-26.**

2742. VĂN TÂN. **Vấn đề văn học cổ điển Việt Nam - The question of the Vietnam classical literature // VSD, 1958, số 42.- tr. 11-26.**

2743. VĂN TÂN. **Xã hội Việt Nam hồi thế kỷ XV qua bài "Thập giới có hồn quốc ngữ văn" của Lê Thánh Tông - Vietnam society in the XVth Century through the: "Thap gioi co hon quoc ngu van" // VSD, 1958, số 43.- tr. 19-39.**

2744. VĂN TÂN. **"Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam" của Trương Tứu hay là một lối xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin? - "Some questions of Vietnam literary history" of Mr Truong Tuu or a manner of distortion against the Marxism-Leninism? // VSD, 1958, số 44.- tr. 24-38.**

2745. VĂN TÂN. **Bộ mặt phản động của Trương Tứu trong quyển "Mấy vấn đề văn học sử Việt Nam" - The reactionary physiognomy of Truong Tuu in the book: "Some questions of Vietnam literary history" // VSD, 1958, số 45.- tr. 26-46.**

2746. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến đối với mấy bộ sách lịch sử đã xuất bản - Remarks on some history books recently published // VSD, 1958, số 47.- tr. 70-81.**

2747. VĂN TÂN. **Vài ý kiến đối với nhận định của ông Đào Duy Anh về vấn đề totem của người Việt nguyên thuỷ - Opinions about the estimation of Mr. Dao Duy Anh on the question of the primitive Viet people totem // NCLS, 1959, số 2.- tr. 10-25.**

2748. VĂN TÂN. **Nói thêm về nhận định của chúng tôi đối với vấn đề phân định thời kỳ lịch sử văn học - Again about our estimation on the question of periodization in the literary history // NCLS, 1959, số 3.- tr. 72-81.**

2749. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến đối với quyển "Nước Việt Nam - Lịch sử và văn hoá" của ông Lê Thành Khôi - Remarks on the book: "Vietnam. History and Culture" of Mr. Le Thanh Khoi // NCLS, 1959, số 7.- tr. 23-40.**

2750. VĂN TÂN. **Bàn góp vào công trình tìm tòi nguồn gốc dân tộc Việt Nam - Contributing to the research work on the Vietnam nation origin** // NCLS, 1959, số 9.- tr. 26-39.
2751. VĂN TÂN. **Lãnh tụ của Đảng - The Party's leader** // NCLS, 1960, số 10.- tr. 30-49.
2752. VĂN TÂN. **Trả lời ông Lê Thành Khôi, tác giả sách "Nước Việt Nam - Lịch sử và Văn hóa" - Answer to Mr. Le Thanh Khoi, the author of the book "Vietnam. History and Culture"** // NCLS, 1960, số 12.- tr. 61-71.
2753. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - Opinions on the questions of the slavery in Vietnam** // NCLS, 1960, số 13.- tr. 22-40.
2754. VĂN TÂN. **Cần có một quan niệm nhất trí về chế độ chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam - It is necessary to have an unanimous conception on the slavery regime in Vietnam** // NCLS, 1960, số 16.- tr. 7-9.
2755. VĂN TÂN. **Xã hội Việt Nam thực sự đã trải qua thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ - The Vietnam society really past through the slavery period** // NCLS, 1960, số 16.- tr. 37-51.
2756. VĂN TÂN. **Xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc - Van Lang country society and Au Lac country society** // NCLS, 1960, số 20.- tr. 22-33.
2757. VĂN TÂN. **Công tác nghiên cứu lịch sử văn học Việt Nam - The study work on Vietnam literary history** // NCLS, 1960, số 21.- tr. 36-40.
2758. VĂN TÂN. **Nguyễn Trường Tộ và những đề nghị cải cách của ông - Nguyen Truong To and his propositions on reform** // NCLS, 1961, số 23.- tr. 19-33.
2759. VĂN TÂN. **Ý nghĩa việc phát hiện ra những đồ đá cũ ở núi Đèo - The signification of the discovery of the paleolithic things in the mountain Do** // NCLS, 1961, số 24.- tr. 15-24.
2760. VĂN TÂN. **Xung quanh vấn đề xã hội nước Văn Lang và xã hội nước Âu Lạc - About the question of Van Lang country society and the Au Lac country society** // NCLS, 1961, số 28.- tr. 25-35.
2761. VĂN TÂN. **Lưu Vĩnh Phúc, tướng Cờ đen và những hành động của ông ở Việt Nam - Luu Vinh Phuc, a leader of the Black flag and his activities in Vietnam** // NCLS, 1962, số 34.- tr. 7-15.
2762. VĂN TÂN. **Phê bình quyển "Lịch sử chế độ cộng sản nguyên thuỷ ở Việt Nam" của ông Trần Quốc Vượng và ông Hà Văn Tân - Critique of the book: "History of the primitive communism regime in Vietnam" of Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan** // NCLS, 1962, số 35.- tr. 35-46.
2763. VĂN TÂN. **Phê bình quyển "Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam" tập 1 của ông Trần Quốc Vượng và ông Hà Văn Tân - Critique of the book: "History of the Vietnam feudal regime", tom I, of Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan** // NCLS, 1962, số 36.- tr. 38-49 ; 54.
2764. VĂN TÂN. **Trả lời ông Trần Quốc Vượng và ông Hà Văn Tân - Answer to Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan** // NCLS, 1962, số 38.- tr. 22-30.

2765. VĂN TÂN. Về pho tượng Quang Trung tìm thấy ở Chùa Bộc - About the statue of Quang Trung discovered in the Pagoda Boc // NCLS, 1962, số 39.- tr. 26-32.

2766. VĂN TÂN. Đối với bài về quyền "Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam" tập I của ông Trần Quốc Vượng và ông Hà Văn Tân - About the article written on the book: "History of the Vietnam feudal regime" tom I of Mr. Tran Quoc Vuong and Mr. Ha Van Tan // NCLS, 1962, số 40.- tr. 22-30.

2767. VĂN TÂN. Ý thức dân tộc Việt Nam trong giai đoạn lịch sử Lý - Trần - Vietnam national conscience in the historical phase of the Ly-Tran's dynasties // NCLS, 1962, số 42.- tr. 8-15.

2768. VĂN TÂN. Bàn thêm về Nguyễn Trãi, một lãnh tụ của khởi nghĩa Lam Sơn - Again discussion on Nguyen Trai, a leader of Lam Son insurrection // NCLS, 1962, số 44.- tr. 9-16.

2769. VĂN TÂN. Sự khác biệt về chất giữa xã hội thời Trần và xã hội thời Lê sơ - The qualitative distinction between the society under the Tran's dynasty and that under the begining of the Le's dynasty // NCLS, 1962, số 45.- tr. 3-11.

2770. VĂN TÂN. Thử căn cứ vào bộ luật Hồng Đức để tìm hiểu xã hội thời Lê sơ - Trying to do research on the Vietnam society under the beginning of the Le's dynasty, on the base of the Hong Duc Code // NCLS, 1963, số 46.- tr. 22-29, 59.

2771. VĂN TÂN. Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam có hay không có thời kỳ chế độ phân quyền? - In the Vietnam feudal history was there or wasn't there a decentralized feudalism period? // NCLS, 1963, số 47.- tr. 22-27, 44.

2772. VĂN TÂN. Vài nét về Lê Quý Đôn , nhà bác học lớn nhất của Việt Nam dưới thời phong kiến - Some features of Le Quy Don, the greatest learner man under the feudalism? // NCLS, 1963, số 49.- tr. 1-9.

2773. VĂN TÂN. Ai đã thống nhất Việt Nam? Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh? (Trả lời ông Nguyễn Phương, báo Bách Khoa, Sài Gòn) - Who had unified Vietnam? Nguyen Hue or Nguyen Anh (Answer to Mr. Nguyen Phuong, Bach khoa review, Saigon) // NCLS, 1963, số 51.- tr. 3-11.

2774. VĂN TÂN. Nguyễn Trãi có sang Trung Quốc hay không? - Nguyen Trai, went he to China? // NCLS, 1963, số 53.- tr. 11-15.

2775. VĂN TÂN. Tư tưởng nhân văn của Nguyễn Trãi - The humanist thought of Nguyen Trai // NCLS, 1963, số 54.- tr. 2-9.

2776. VĂN TÂN. Quang Trung Nguyễn Huệ và Napoléon, hai nhà quân sự thiên tài - Quang Trung and Napoleon, two military men of genius // NCLS, 1964, số 58.- tr. 5-14 ; số 59.- tr. 14-21.

2777. VĂN TÂN. Nguyễn Huệ đã phá quân xâm lược Xiêm ở Rạch Gầm - Xoài Mút như thế nào? - How Nguyen Hue destroyed the Siamese aggressors at Rach Gam - Xoai Mut? // NCLS, 1964, số 60.- tr. 3-10.

2778. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về bộ "Binh thư yếu lược"** - Some remarks on the book "Binh thu yeu luoc" (Military manual summary) // NCLS, 1964, số 62 - tr. 3-9.

2779. VĂN TÂN. **Quốc sử quán triều Nguyễn với khởi nghĩa Tây Sơn** - National history office under the dynasty of Nguyen about the Tay Son insurrection // NCLS, 1964, số 65 - tr. 11-21.

2780. VĂN TÂN. **Bàn thêm về nguyên nhân khiến cho cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ hồi thế kỷ XIII đi đến thắng lợi** - Again discussion on the cause determining the victory of the war of resistance against the Mongol troops in the XIII th Century // NCLS, 1964, số 66 - tr. 2-7 ; số 67 - tr. 39-45, 57.

2781. VĂN TÂN. **Về bài "Chung quanh vấn đề : Ai đã thống nhất Việt Nam : Nguyễn Huệ hay Nguyễn Ánh?" của Nguyễn Phương (Sài Gòn)** - About the article : "About the question : Who had unified Vietnam : Nguyen Hue or Nguyen Anh?" of Nguyen Phuong (Saigon) // NCLS, 1965, số 70 - tr. 3-10, 18.

2782. VĂN TÂN. **Con người Nguyễn Huệ** - The portrait of Nguyen Hue // NCLS, 1965, số 71 - tr. 7-14 ; số 72 - tr. 20-27.

2783. VĂN TÂN. **Mấy ý kiến về vấn đề khởi nghĩa nông dân trong lịch sử Việt Nam** - Opinions about the question of the peasant insurrection in Vietnam history // NCLS, 1965, số 74 - tr. 17-20.

2784. VĂN TÂN. **Đọc bài "Tư tưởng "Dân" của Nguyễn Trãi với chúng ta"** của ông Lê Văn Kỳ - Reading the article: "The Nguyen Trai's thought on "people" and we" of Mr. Le Van Ky // NCLS, 1966, số 82 - tr. 37-46.

2785. VĂN TÂN. **Vài ý kiến về "Lam Sơn thực lục". Ai là tác giả "Lam Sơn thực lục"? Có chỗ nào thêm bớt?** - Some thinkings on "Lam Son thuc luc". Who was its author? Had it some passages added or cut? // NCLS, 1966, số 86 - tr. 30-34.

2786. VĂN TÂN. **Đường lối địch vận của Nguyễn Trãi đã đem lại kết quả gì cho nghĩa quân Lam Sơn?** - What results of the propaganda with enemy line of Nguyen Trai gave to Lam Son insurgents? // NCLS, 1966, số 89 - tr. 21-26.

2787. VĂN TÂN. **Vài sai lầm về tài liệu của bộ "Đại Việt Sử ký toàn thư"** - Some errors in the "Dai Viet Su ky toan thu" (The whole history of the Great Vietnam) // NCLS, 1966, số 93 - tr. 28-32.

2788. VĂN TÂN. **Chế độ phản động của nhà Nguyễn** - The reactionary regime of the Nguyen's dynasty // NCLS, 1967, số 95 - tr. 14-22 ; số 97 - tr. 43-52.

2789. VĂN TÂN. **Truyền thống đánh giặc cứu nước của phụ nữ Việt Nam trong lịch sử dân tộc** - The Vietnam women's tradition in the struggle against the aggressors for the country salvation in the national history // NCLS, 1967, số 96 - tr. 4-12.

2790. VĂN TÂN. **Vấn đề thời đại Hùng Vương trong lịch sử dân tộc Việt Nam** - The question of the Hung Vuong epoch in the Vietnam nation history // NCLS, 1967, số 98 - tr. 16-19.

2791. VĂN TÂN. **Tính chất những cuộc nổi dậy chống triều Lý hời thế kỷ XI và thế kỷ XII** - The character of the insurrections against the dynasty of Ly in the XI th Century and the XII th Century // NCLS, 1967, số 100.- tr. 15-20.

2792. VĂN TÂN. **Năm trăm năm mươi năm ngày khởi nghĩa Lam Sơn** - Five hundred and fifty days of Lam Son insurrection // NCLS, 1968, số 106.- tr. 1-3.

2793. VĂN TÂN. **Thử tìm hiểu nguyên nhân và ý nghĩa lịch sử của cuộc chiến thắng quân Mông Cổ hời thế kỷ XIII** - Trying a research on the cause and the historical signification of the victory against the Mongol troops in the XIII th Century // NCLS, 1968, số 107.- tr. 19-24.

2794. VĂN TÂN. **Thế hệ chúng ta với truyền thống dân tộc** - Our generation and the national tradition // NCLS, 1968, số 108.- tr. 1-3.

2795. VĂN TÂN. **Cống hiến của Lê Lợi - Nguyễn Trãi vào khoa học quân sự, chính trị** - The contributions of Le Loi - Nguyen Trai to the political and military science // NCLS, 1968, số 109.- tr. 20-26.

2796. VĂN TÂN. **Chế độ quân chủ tập quyền trong lịch sử Việt Nam** - The centralized monarchy regime in Vietnam history // NCLS, 1968, số 110.- tr. 19-25.

2797. VĂN TÂN. **Tìm hiểu đặc điểm xã hội Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt** - Research on the particularities of Vietnam society. The process of the Viet nation formation and development // NCLS, 1968, số 111.- tr. 36-42.

2798. VĂN TÂN. **Những nét đặc biệt của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ** - The special features of the war of resistance against the Mongol invaders // NCLS, 1969, số 114.- tr. 9-15.

2799. VĂN TÂN. **Mấy nhận xét về chiến thắng Đồng Đa năm 1789 do Nguyễn Huệ chỉ huy** - Some remarks about the Dong Da victory in 1789 commanded by Nguyen Hue // NCLS, 1969, số 119.- tr. 4-12.

2800. VĂN TÂN. **Tiếp tục nghiên cứu thời đại Hùng Vương** - A continued research about the epoch of King's Hung // NCLS, 1969, số 123.- tr. 4-5.

2801. VĂN TÂN. **Trần Huy Liệu với giới báo chí, giới văn học và giới sử học** - Tran Huy Lieu and the press world, the literary world and the historical world // NCLS, 1969, số 125.- tr. 8-12.

2802. VĂN TÂN. **Tại sao ở Việt Nam chủ nghĩa tư bản không ra đời trong lòng chế độ phong kiến?** - Why in Vietnam the capitalism was not formed in the bowel of the feudalism? // NCLS, 1970, số 130.- tr. 17-25; 44.

2803. VĂN TÂN. **Hai mươi lăm năm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà** - Twenty five years of the Vietnam Democratic Republic // NCLS, 1970, số 134.- tr. 1-4.

2804. VĂN TÂN. **Thử tìm hiểu nhà y học nổi tiếng của Việt Nam hời thế kỷ XVIII : Lê Hữu Trác** - Trying to do a study on the Vietnam renowned medicine in the XVIII th Century : Le Huu Trac // NCLS, 1970, số 135.- tr. 18-24.

2805. VĂN TÂN. Kỳ niệm hai trăm năm khởi nghĩa nông dân do anh em Tây Sơn lãnh đạo - 200th anniversary of the peasant's uprising leaded by the Tay Son brothers // NCLS, 1971, số 136.- tr. 1-8.

2806. VĂN TÂN. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ ba mươi thành lập Mặt trận Việt Minh. Quá trình tiến hành công tác Mặt trận của Đảng ta - Our Party and the "United National Front" work // NCLS, 1971, số 139.- tr. 1-7, 21.

2807. VĂN TÂN. Nhân kỷ niệm 990 năm chiến thắng Chi Lăng lần thứ nhất (981), thử tìm hiểu cống hiến của Lê Hoàn đối với lịch sử dân tộc Việt Nam thế kỷ X- Le Hoan's contribution to the struggle of the Vietnamese nation in the X th Century // NCLS, 1971, số 140.- tr. 1-6, 30.

2808. VĂN TÂN. Vũ Phạm Khải, một văn thanh yêu nước đứng đầu phái chủ chiến dưới triều Tự Đức - Vu Pham Khai, the patriotic scholar and beading advocate of resistance under the Tu Duc's Court // NCLS, 1971, số 141.- tr. 3-8.

2809. VĂN TÂN. Chuẩn bị kỷ niệm 1930 năm Hai Bà Trưng tuân tiết - For the 1930th anniversary of the Trung Sisters's death // NCLS, 1972, số 142.- tr. 6-9.

2810. VĂN TÂN. Nguyễn Dinh chiểu, một nhà trí thức yêu nước nồng nàn, một nhà thơ lỗi lạc của dân tộc Việt Nam - Nguyen Dinh Chieu, a patriotic intellectual and outstanding poet of the Vietnamese people // NCLS, 1972, số 143.- tr. 1-10.

2811. VĂN TÂN. Kỷ niệm 530 năm ngày Nguyễn Trãi bị tru di - 530th anniversary of the day when Nguyen Trai and his family were put to death // NCLS, 1972, số 145.- tr. 2-6.

2812. VĂN TÂN. Ngô Thị Nhậm, một nhà trí thức sáng suốt và dũng cảm đã di theo nông dân khởi nghĩa Tây Sơn - Ngo Thi Nham, a clear lighted and courageous intellectual that joined the Tay Son peasant uprising // NCLS, 1973, số 148.- tr. 1-10.

2813. VĂN TÂN. Nguyễn Công Trứ và những việc làm của ông hồi thế kỷ XIX - Nguyen Cong Tru and his social works in the XIX th Century // NCLS, 1973, số 152.- tr. 5-14.

2814. VĂN TÂN. Một vấn đề về Ngô Thị Nhậm, một mưu sĩ lỗi lạc của vua Quang Trung - Problems raised by the study about the Ngo Thi Nham, Quang Trung's outstanding adviser // NCLS, 1974, số 154.- tr. 34-44.

2815. VĂN TÂN. Tôn Quang Phiệt, nhà trí thức yêu nước, yêu lịch sử dân tộc - Ton Quang Phiet, a patriotic intellectual be fond of national history // NCLS, 1974, số 154.. tr. 71-72.

2816. VĂN TÂN. Công tác nghiên cứu Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo trong mấy năm gần đây - Recent research on the Trung Sisters and their uprising // NCLS, 1975, số 161.- tr. 18-23, 35.

2817. VĂN TÂN. Vài nét về Phật giáo trong lịch sử Việt Nam - About Buddhism in Vietnam's history // NCLS, 1975, số 162.- tr. 29-39.

2818. VĂN TÂN. Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến tổng tiến công và nổi dậy dai thắng mùa Xuân 1975 - From the August Revolution 1945 to the successful general offensive and uprisings in the Spring of 1975 // NCLS, 1975, số 163.- tr. 3-6, 46.

2819. VĂN TÂN. Lê Quý Đôn, cuộc đời và sự nghiệp - Le Quy Don, his personality and his works // NCLS, 1976, số 4 (169).- tr. 1-14.

2820. VĂN TÂN. Lý Thường Kiệt với sự nghiệp giữ nước hồi thế kỷ XI - Ly Thuong Kiet and the defence of our country in the XI th Century // NCLS, 1977, số 2 (173).- tr. 1-9.

2821. VĂN TÂN. Vai trò của thuỷ quân Việt Nam trong lịch sử dân tộc. (Từ thời đại Hùng Vương đến thế kỷ XIX) - The role of Vietnamese naval army in the national history (From the Kings Hung epoch to the XIX th Century) // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 61-70.

2822. VĂN TÂN. Những nhân tố đưa đến chiến thắng quân Nguyên hồi thế kỷ XIII - About the factors leading to the victory on the Nguyen invaders in the XIIIth Century // NCLS, 1978, số 3 (180).- tr. 5-14.

2823. VĂN TÂN. Một nhận xét về chiến thắng Đồng Da - Some considerations about the victory of Dong Da // NCLS, 1978, số 6 (183).- tr. 34-42.

2824. VĂN TÂN. Vài nét về chính sách ngoại giao của Trung Quốc đối với Việt Nam trong thời kỳ phong kiến - Some features about the China's foreign policy towards Vietnam in the feudal period // NCLS, 1979, số 5 (188).- tr. 22-30. 79.

2825. VĂN TÂN. Vai trò của Lê Hoàn hồi thế kỷ X đối với lịch sử dân tộc Việt Nam - The role of Le Hoan at the X th Century towards the Vietnamese national history // NCLS, 1981, số 2 (187).- tr. 6-9.

2826. VĂN TÂN. Đường giao thông từ Bắc vào Thanh Hoá, Nghệ-Tĩnh từ thế kỷ X đến thế kỷ XVIII - Communication ways from Northern region to Thanh Hoa and Nghe Tinh provinces in the Xth - XVIIIth Centuries // NCLS, 1982, số 3 (204). - tr. 52-54.

2827. VĂN TÂN. Công tác nghiên cứu về Hai Bà Trưng và cuộc khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo - Research works on the Trung Sisters and their insurrection // NCLS, 1983, số 2 (209).- tr. 15-17.

2828. VĂN TÂN. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (1-1785) - The historical meaning of Rach Gam - Xoai Mut victory (1-1785) // NCLS, 1985, số 1 (220).- tr. 1-2.

2829. VĂN TÂN. Dao Duy Anh - một nhà văn hoá lớn, một nhà sử học lớn - Dao Duy Anh - A great historian and cultured man // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 68-69.

2830. VĂN TÂN. Một nhận xét về "Đại Việt Sử ký toàn thư", bản "Nội các quan báu" - Some remarks on the "Dai Viet Su ky toan thu" printed from the "Noi cac quan ban" engraving // NCLS, 1988, số 5-6 (212-213).- tr. 29-32.

2831. VÂN CHI. Về cuộc bình luận nhân vật lịch sử Phan Chu Trinh - About the commentary on the historical personage Phan Chu Trinh / Văn Chi, Bùi Xuân Trung, Nguyễn Đức Minh// NCLS, 1965, số 73.- tr. 59-60.

2832. VÂN DUY. Nhân đọc "Nguyễn Trãi đánh giặc cứu nước" của Nguyễn Lương Bích - Reading the book : "Nguyen Trai danh giac cuu nuoc" ("Nguyen Trai fighting against aggressors for national salvation") by Nguyen Luong Bich/ Văn Duy, Huy Thiệp // NCLS, 1975, số 4 (163).- tr. 72-84 ; số 5 (164).- tr. 70-79.

2833. VÂN DUY. Bước đầu tìm hiểu một số vấn đề về xây dựng đội ngũ tướng lính đánh giặc cứu nước của tổ tiên ta - Early study on some problems about the formation of high-ranking officers in the struggle against aggression for national salvation of our ancestors // NCLS, 1977, số 1 (172)..- tr. 45-55, 66 ; số 2 (173).- tr. 43-56.

2834. VÂN HOÀI. Chủ nghĩa quân phiệt Đức đe dọa nền hoà bình châu Âu - The German militarism threatens the peace in European // NCLS, 1962, số 45.- tr. 45-54.

2835. VDOVINIA.I. Những nguyên tắc quan trọng nhất của việc nghiên cứu về số lượng và thành phần xã hội của giai cấp công nhân trong những tác phẩm của Lê-nin - The most important principles of the study on the quantity and origin social of working class in V.I. Lenin's works / A.I. Vdovin, I.U. Dröbigiep // NCLS, 1981, số 1 (196).- tr. 57-64.

2836. VIỆN NGỌC LUU. Di tích lịch sử thành nhà Hồ . Một thực trạng đáng lo ngại - The historical vestiges of Ho dynasty's citadel - A really frightful state // NCLS, 1990, số 253..- tr. 48-51.

2837. VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM. Một bước trưởng thành của Viện Sử học Việt Nam và Tạp chí Nghiên cứu lịch sử . A step of maturation of the Institute of History of Vietnam and of the Review "Historical Studies" // NCLS, 1980 , số 6 (195).- tr. 1-5.

2838. VIỆN SỬ HỌC VIỆT NAM. Sử học trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta . Historiography in the revolutionary work of our people // NCLS, 1981, số 6 (201).- tr. 1-5.

2839. VIẾT BÌNH. Một vài suy nghĩ về cuộc chiến tranh chống quân Minh thời Hồ - Some thoughts on the war against the Minh troops under the Hồ dynasty /Viết Bình, Tiến Sơn // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 58-60.

2840. VIỆT HỒNG. Vài nét về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trước cuộc "Đồng khởi" 1959-1960 - Some features about the armed struggle and the armed forces in Cochinchina before the 1959-1960 general uprising // NCLS, 1974, số 155.- tr. 39-55.

2841. VIỆT LÂM. Một ít tài liệu về cuộc khởi nghĩa Phan Xích Long ở Nam Kỳ năm 1913 . A few documents about the insurrection of Phan Xich Long in Cochinchina in 1913 // NCLS, 1962, số 38.- tr. 19-21, 30.

2842. VĨNH SÍNH. Phan Bội Châu và Asaba Sakitaro - Phan Boi Chau and Asaba Sakitaro // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr. 60-66.

2843. VĨNH SÍNH. "Lịch sử chính sách dân tộc của những người cộng sản Việt Nam - Văn đề tính chất dân tộc trong quá trình cách mạng" (Đọc sách) . Reading the book:

"History of the Vietnamese communists national policy - The question of national character in the revolutionary process" of the Professor Furuta Motoo // NCLS, 1992, số 2 (261).- tr. 87-94.

2844. VĨNH SÍNH. Quan niệm về độc lập quốc gia Việt Nam và Nhật Bản : Trường hợp Phan Bội Châu và Fukuzawa Yukichi - The national independence conception of Vietnam and Japan : The case of Phan Boi Chau and that of Fukuzawa Yukichi // NCLS, 1992, số 6 (265).- tr. 17-34.

2845. VONVELL (M.) - **Những cột mốc đặt cho một bộ môn Lịch sử. Các trạng thái tâm lý dưới thời cách mạng** - Milestones for a history mentalities under the Revolution // NCLS, 1989, số 2 (245) .- tr 6-11.

2846. VÕ KIM CƯỜNG. Vài nét về phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi từ sau Cách mạng tháng Mười - Some features about the national liberation movement of Africa after the October Revolution // NCLS, 1977, số 6 (177).- tr. 74-82.

2847. VÕ KIM CƯỜNG. Vài nét về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc chống thực dân Bồ Đào Nha ở Môdambich (1962-1975) - Some features about the national liberation struggle movement against Portuguese colonialists at Mozambique (1962-1975) // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr. 81-88.

2848. VÕ KIM CƯỜNG. **Tìm hiểu hệ thống giáo dục phổ thông ở vùng giải phóng Môdambich trong những năm đấu tranh vũ trang chống thực dân Bồ Đào Nha (1964-1974)** - Essay of study on the general education system of organization at the liberated zone of Mozambique during the years of armed resistance against Portuguese colonialists (1964-1974) // NCLS, 1982, số 5 (206).- tr. 53-58.

2849. VÕ KIM CƯỜNG. "Việt Nam cổ đại - vấn đề biên niên sử" (Đọc sách) - Reading the book : "The antique Vietnam (A matter of chronicle)" // NCLS, 1983, số 4 (211).- tr. 82-86.

2850. VÕ KIM CƯỜNG. **Châu Phi và cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam** - Africa and the anti-US War of resistance waged by our people // NCLS, 1985, số 2 (221).- tr. 64-70.

2851. VÕ KIM CƯỜNG. **Giới thiệu cuốn "Những nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới lần thứ Hai"** - Presentation the book : "The genesis of the Second World War" // NCLS, 1985, số 3 (222).- tr. 84-87.

2852. VÕ KIM CƯỜNG. Vài nét về tình hình Châu Phi những năm 80 - Some features about the situation of Africa in 80 years // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr. 60-65.

2853. VÕ KIM CƯỜNG. **Về xu hướng liên kết giữa các nước Magrép Árập** - About the tendency of union between the Maghreb Arabian countries // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr. 61-65.

2854. VÕ NGUYỄN GIÁP. **Dẩy mạnh tổng kết công tác nghiên cứu và phát triển nền khoa học quân sự Việt Nam, tích cực góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược** - Pushing forward the summing up the study and the development the Vietnam military science, actively contributing to the Victory in the war against the American invaders (Speech at the Conference of army military science in September 1970) // NCLS, 1970, số 135.- tr. 3-17.

2855. VÔ NGUYỄN GIÁP. **Thế giới sẽ còn đổi thay, nhưng tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn còn sống mãi** - The world continue to be transformed, but the Ho Chi Minh's thought still lives for ever // NCLS, 1991, số 1 (254).- tr. 1-8.

2856. VÔ QUÝ. **Tìm hiểu Công đoàn Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ và xã hội chủ nghĩa** - Vietnamese Syndicates in the national democratic and socialist revolution / Võ Quý, Nguyễn Văn Tuyễn // NCLS, 1984, số 4 (217).- tr. 7-22.

2857. VÔ VĂN NHUNG. **Chính sách nô dịch của đế quốc Mỹ và sự phá sản của nó ở Châu Mỹ La tinh** - The enslaving policy of American imperialist and its bankruptcy in Latin America // NCLS, 1962, số 34.- tr. 16-23.

2858. VÔ VĂN NHUNG. **Người Thái phải chăng là người sáng lập nước Nam Chiếu?** - The Thai people were they the founder of the Nam Chieu country? // NCLS, 1963, số 46.- tr. 43-46.

2859. VÔ XUÂN PHỐ. **Góp ý kiến về nguồn gốc truyện Thạch Sanh** - Contributing to the study about the source of "Thach Sanh" story // VSD, 1956, số 19.- tr. 86-88.

2860. VŨ DUY MÈN. **Góp phần xác minh thành Trà Lân và Khả Lưu, Bồ Ai** - Contributing to the identification of Tra Lan, Kha Luu and Bo Ai Citadels// NCLS, 1978, số 4 (181).- tr. 107-120.

2861. VŨ DUY MÈN. **Hội thề Đông Quan và những đóng góp của Nguyễn Trái** - The Dong Quan oath Conference and the contributions of Nguyen Trai // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 44-49.

2862. VŨ DUY MÈN. **Hương ước - khoán ước trong làng xã** - Customary - book of common law of the village / Vũ Duy Mèn, Bùi Xuân Định // NCLS, 1982, số 4 (205).- tr. 43-49.

2863. VŨ DUY MÈN. **Vài nét về quá trình điều chỉnh và bổ sung Hương ước Quỳnh Đôi** - Amendment to the customary's the Quynh Doi village // NCLS, 1985, số 6 (225).- tr. 45-55, 82.

2864. VŨ DUY MÈN. **Vấn đề cấm đạo thời kỳ Lê-Trịnh-Nguyễn (thế kỷ XVII-XVIII)** - The prohibition of Catholicism in the Le-Trinh-Nguyen period (XVII th - XVIII th Centuries) // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239).- tr. 14-19.

2865. VŨ DUY MÈN. **Góp phần xác định thuật ngữ "khoán ước", "hương ước"** - Contribution about the definition of the terms of "Khoan uoc" (Contract convention) and "Huong uoc" (Village convention) // NCLS, 1989, số 3-4 (264-265).- tr. 77-83.

2866. VŨ DUY MÈN. **Một số vấn đề về làng xã thời Mạc** - Some questions on the communes and villages under the Mac dynasty // NCLS, 1991, số 6 (259).- tr. 22-27.

2867. VŨ DUY MÈN. **Nguồn gốc và điều kiện xuất hiện Hương ước trong làng xã ở vùng đồng bằng trung du Bắc Bộ** - The origin and appearance conditions of Village Regulations in the Tonkin Delta and Middle Region // NCLS, 1993, số 1 (266).- tr. 49-57.

2868. VŨ DƯƠNG HOAN. **Vị trí của công tác lưu trữ tài liệu đối với việc nghiên cứu khoa học** - The place of the record office in the scientific study work // NCLS, 1959, số 4.- tr.89-92.

2869. VŨ DƯƠNG NINH. **Vài suy nghĩ về ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với sự thức tỉnh châu Á** - Some ideas about the awakening of Asia under the influence of the October Revolution // NCLS, 1977, số 5 (176).- tr. 47-54.

2870. VŨ DƯƠNG NINH. **Madagatxca, 20 năm đấu tranh vì độc lập và tiến bộ xã hội (1955-1975)** - Madagasca, twenty years of struggle for national independence and social progress (1955-1975) // NCLS, 1983, số 3 (210).- tr. 78-84.

2871. VŨ DƯƠNG NINH. "Châu Phi vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội" (Đọc sách) - Reading the book: "Africa for national independence and social progress" // NCLS, 1987, số 4 (235).- tr. 90-94.

2872. VŨ DƯƠNG NINH. **Việt Nam - Ấn Độ trong đấu tranh vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội** - Vietnam - India in the struggle for national independence and social progress // NCLS, 1987, số 5-6 (236-237).- tr. 66-71.

2873. VŨ DƯƠNG NINH. "Bác Hồ với giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam - Lịch sử và Hiện tại" (Đọc sách) - Reading the book entitled: "Uncle Ho with the Vietnam working class and Trade Union . History and Present" // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 84-85.

2874. VŨ DƯƠNG NINH. **Đôi điều suy nghĩ về sử học và dự báo** - Some thoughts about history and prevision // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 15-19.

2875. VŨ ĐÌNH LỢI. **Hình thức và khuynh hướng tiến triển của gia đình mẫu hệ vùng Trường Sơn - Tây Nguyên** - The form and tendency of matriarchal family evolution in Truong Son - Tay Nguyen region // NCLS, 1994 , số 2 (273).- tr. 49-54.

2876. VŨ HỒNG QUÂN. **Diễn biến của chế độ sở hữu ruộng đất ở một số làng buôn tiêu biểu thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ (dầu thế kỷ XIX - dầu thế kỷ XX)** - The evolution of land - proprietorship in some representative commercial villages in the Delta of Tonkin (from the beginning of the XIX th Century to the beginning of the XX th Century) // Vũ Hồng Quân, Nguyễn Quang Ngọc // NCLS, 1994, số 2 (273).- tr. 42-48.

2877. VŨ HUY PHÚC. **Vài nét về phong trào thanh toán nạn mù chữ ở Việt Nam**. - Some features about the illiteracy liquidation movement in Vietnam // NCLS, 1961, số 30.- tr. 33-42.

2878. VŨ HUY PHÚC. **Chính sách công diền, công thổ của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX** - The dynasty of Nguyen's policy of feudal state rice-fields and feudal state lands in the first half of the XIX th Century // NCLS, 1964, số 62.- tr. 40-53, 63.

2878(bis). VŨ HUY PHÚC. **Chế độ công diền, công thổ ở Bắc Kỳ dưới thời Pháp thống trị** - The regime of feudal state rice - fields and feudal stade lands in Tonkin under the domination of French colonialists // NCLS, 1966, số 87.- tr. 26, 37 ; số 88.- tr. 50-61.

2879. VŨ HUY PHÚC. **Vấn đề ruộng đất trong phong trào Xô viết.Nghệ Tĩnh** - The agrarian problem in the Nghe Tinh Soviet // NCLS, 1968, số 108.- tr. 6-17.

2880. VŨ HUY PHÚC. **Vài ý nghĩa về giai cấp công nhân Việt Nam những năm đầu dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương** - Some thinkings about the Vietnamese

working class in first years under the leading of the Indochina Communist Party // NCLS, 1970, số 131.- 21-33.

2881. VŨ HUY PHÚC. **Thử phân loại và xác định hình thái sở hữu ruộng đất thời Lý-Trần** - To try to classify and to define the agrarian ownership forms at the period of Ly-Tran // NCLS, 1976, số 3 (168).- 23-31.

2882. VŨ HUY PHÚC. **Một số ý kiến về chính sách nông nghiệp của Nhà nước thời trung đại Việt Nam** - Some reflections about the agricultural policies of the State in the Middle Age of Vietnam // NCLS, 1978, số 3 (180).- tr. 54-63.

2883. VŨ HUY PHÚC. **Một số nhận xét sơ bộ về nhân vật lịch sử Nguyễn Công Trứ (1778-1858)** - Preliminary remarks about Nguyen Cong Tru's historical personage (1778-1858) // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 71-75.

2884. VŨ HUY PHÚC. **Về ruộng đất công làng xã thời Nguyễn (Nửa đầu thế kỷ XIX)** - About communal rice-fields and lands under the Nguyen's dynasty // NCLS, 1981, số 4 (199).- tr. 24-25.

2885. VŨ HUY PHÚC. **Những điều cần nói thêm về cuốn sách của tôi. (Trả lời đồng chí Trương Hữu Quỳnh)** - Some points must be cleared up more again about my proper book // NCLS, 1981, số 5 (200).- tr. 80-87.

2886. VŨ HUY PHÚC. **Thái độ của thực dân Pháp đối với vấn đề ruộng đất ở Nam Kỳ vào nửa cuối thế kỷ XIX** - The attitude of the French colonialists regarding the rice-field and lands problem in Cochinchina in the second half of the XIXth Century // NCLS, 1986, số 5 (230).- tr. 27-38.

2887. VŨ HUY PHÚC. **Một số cuốn sách đáng chú ý về lịch sử Giáo hội Thiên chúa giáo Việt Nam (Đọc sách)** - Some remarkable books on the History of Catholicism in Vietnam (Reading the books) // NCLS, 1988, số 1-2 (238-239). - tr. 108-113.

2888. VŨ HUY PHÚC. **Tiểu thủ công nghiệp Việt Nam thời Cận đại (Từ góc độ di sản lịch sử)** - Vietnam small handicraft in the Modern times (From the angle of historical heritage) // NCLS, 1992, số 1 (260).- tr. 3-10.

2889. VŨ HUY PHÚC. **Một số nhận xét về năng suất ruộng đất ở miền Bắc thời kỳ 1954-1960** - Some observations about the land productivity in the North from 1954-1960 // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 19-23.

2890. VŨ HUY PHÚC. **Vài ý kiến về nông nghiệp Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX** - Some thoughts about the Vietnam agricultural economy in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1993, số 6 (271).- tr. 54-59.

2891. VŨ HUY PHÚC. **Đồn điền - một loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp quan trọng nửa đầu thế kỷ XIX** - The plantation - An important type of agricultural production organization in the first half of the XIXth Century // NCLS, 1994, số 3 (274).- tr. 20-25.

2892. VŨ KIM BIÊN. **Về hồ Diển Triết** - On the Dien Triet lake // NCLS, 1977, số 1 (172).- tr. 75-78.

2893. VŨ KIM BIÊN. Về bài "Đất Cẩm Khê, căn cứ cuối cùng của nghĩa quân Hai Bà Trưng trong cuộc khởi nghĩa Mê Linh năm 40-43" của ông Đinh Văn Nhật - On the article of Dinh Van Nhat: "The land of Cam Khe, the latest base of the Trung Sisters in the 40-43 Me Linh insurrection" // NCLS, 1978, số 5 (182).- tr. 135-145.

2894. VŨ KIM BIÊN. Về chiến thắng Núi Sáng và những ngày cuối cùng của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám - The Nui Sang victory and the last days of insurgent troops Hoang Hoa Tham // NCLS, 1980, số 1 (190).- tr. 76-80.

2895. VŨ LÀN. Căn cứ vào đâu để phân định thời kỳ lịch sử văn học? - What is the base of the periodization of the literary history? // NCLS, 1959, số 2.- tr. 81-84.

2896. VŨ MINH GIANG. Về niên đại bản "Nội các quan bản" của sách "Đại Việt Sử ký toàn thư" - Dating of the "Dai Viet Su ky toan thu" printed from the "Noi cac quan ban" engraving // NCLS, 1988, số 5-6 (242-243).- tr. 58-62.

2897. VŨ MINH GIANG. Thủ nhìn lại những cải cách kinh tế của Hồ Quý Ly - An essay at re-examining the economical reforms of Ho Quy Ly // NCLS, 1990, số 6 (253).- tr. 3-11.

2898. VŨ MINH GIANG. Hiện đại hóa phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu - Một yêu cầu cấp bách của sử học nước ta - The modernization of the study method and technic - An imminent requirement of our history // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 5-9.

2899. VŨ NGỌC BÌNH. Chống nạn mù chữ ở Việt Nam - The struggle against illiteracy in Vietnam // NCLS, 1990, số 5 (252).- tr. 24-31.

2900. VŨ NGỌC KHÁNH. Núi Chí Linh và những chi tiết chung quanh Nguyễn Trai - Chi Linh mountains and the details about Nguyen Trai // NCLS, 1980, số 3 (192).- tr. 60-64.

2901. VŨ NGỌC KHÁNH. Vài tia xạ ánh từ thế kỷ X trên đất Ái Châu - Some reflexes from Ai Chau region about the X th Century // NCLS, 1981, số 2 (197).- tr. 41-45.

2902. VŨ NGỌC PHAN. Người nông dân Việt Nam trong truyện cổ tích - The Vietnamese peasant in the old story // VSD, 1955, số 4.- tr. 25-34.

2903. VŨ NGỌC PHAN. Những tiếng phản kháng của phụ nữ nông thôn trong dân ca Việt Nam - The protests of country's women in the Vietnam folk song // VSD, 1955, số 6.- tr. 38-53.

2904. VŨ NGỌC PHAN. Mấy ý kiến về quyển "Văn học sử Việt Nam tiền bán thế kỷ XIX" - Some remarks about the book: "The Vietnam literary history in the first half of the XIX th Century" // VSD, 1955 , số 7.- tr. 27-41.

2905. VŨ NGỌC PHAN. Đáp lại bức thư của một bạn ở Tây Bắc - Answering the letter of a comrade in the North-West // VSD, 1955, số 8.- tr. 57-64.

2906. VŨ NGỌC PHAN. Mấy ý kiến về những đặc điểm và những giai đoạn lịch sử văn học Việt Nam - Some estimations about the particularities and phases in the Vietnam literary history // VSD, 1956, số 15.- tr. 10-20, số 16.- tr. 7-24.

2907. VŨ NGỌC PHAN. **Giới thiệu vở chèo "Trương Viên"** - Presenting the comedy "Truong Vien" // VSD, 1956, số 23.- tr. 40-52.
2908. VŨ NGỌC PHAN. **Vài ý kiến về tính chất nhân văn của văn học dân gian Việt Nam** - Some remarks about the human character of the Vietnam popular literature // VSD, 1957, số 25.- tr. 4-10.
2909. VŨ NGỌC PHAN. **Dáp lại một bạn về mấy điểm trong "Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam"** - Answer a comrade about some points in the book: "First draft of Vietnam literary history" // VSD, 1958, số 42.- tr. 46-53.
2910. VŨ NGỌC PHAN. **Mấy ý kiến về vấn đề văn học cổ điển Việt Nam** - Some remarks about the question of Vietnam classical literature // VSD, 1958, số 44.- tr. 6-23.
2911. VŨ OANH. **Đổi mới việc giảng dạy về chủ nghĩa tư bản hiện đại ở trường Đại học** - Renovating the teaching on contemporary capitalism in the High Schools // NCLS, 1993, số 3 (268).- tr. 44-46.
2912. VŨ OANH. **Sản xuất hàng hoá tiểu thủ công nghiệp ở Thái Bình thời kỳ 1981-1991** - The production of small handicraft commodities in the Thai Binh in period 1981-1991 / Vũ Oanh, Phạm Quốc Sử // NCLS, 1993, số 4 (269). - tr. 24-32.
2913. VŨ PHƯƠNG. **Về phong trào vũ trang chống Pháp ở Campuchia cuối thế kỷ XIX** - The movement of armed struggle against the French colonialists in Kampuchea at the end of XIX th Century // NCLS, 1979, số 4 (187).- tr. 79-86.
2914. VŨ QUANG HIẾN. **Mấy ý kiến về công tác khai thác tài liệu lịch sử Đảng qua những nhân chứng lịch sử** - Some opinions on the question of exploitation about the Party historical documents through the historical proof witness // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 49.
2915. VŨ THÁI HỒNG. **Mấy ý kiến về Trần Quốc Toản** - Some ideas about Tran Quoc Toan // NCLS, 1986, số 4 (229).- tr. 48-52.
2916. VŨ THÁNG LỢI. **Báo "Le Paria" và những bài viết của Nguyễn Ái Quốc trên báo** - "Le "Paria" and Nguyen Ai Quoc's articles // NCLS, 1982, số 4 (205).- tr. 7-18.
2917. VŨ THỊ HOÀ. **Khoán 10 và việc đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ở huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây** - The contract with 10 articles and the application of the science and technique to the agricultural production in Phuc Tho district, Ha Tay province // NCLS, 1993, số 4 (269).- tr. 44-47, 53.
2918. VŨ THỊ PHUNG. **Từ việc nghiên cứu lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam hiện đại đến những vấn đề thực tiễn hiện nay** - From study on the history of the Vietnam State and Law in the contemporary to the questions of contemporary practice // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr. 49-92.
2919. VŨ THỊ PHUNG. **Tình hình pháp luật dưới triều Hồ - Một vài nhận xét** - The situation of Law under the Ho dynasty - Some remarks // NCLS, 1992, số 5 (264).- tr. 31-33.

2920. VŨ THO. **Quá trình thành lập Đảng vô sản ở Việt Nam đã diễn ra như thế nào?** - How was extended the process of the proletarian Party foundation in Vietnam // NCLS, 1965, số 71.- tr. 15-22.

2921. VŨ THO. Từ "Đường Kách mệnh" đến "Luận cương chính trị" của Đảng Cộng sản Đông Dương - From "The revolutionary Road" to " The political thesis of the Indochina Communist Party" // NCLS, 1965, số 72.- tr. 14-19.

2922. VŨ THO. **Một số vấn đề lịch sử Đảng thời kỳ 1936-1939** - Some questions of Party history in the period of 1936-1939 // NCLS, 1966, số 85.- tr. 3-10.

2923. VŨ TUẤN SÁN. **Góp thêm tài liệu về việc định đô Thăng Long và gốc tích Lý Thường Kiệt** - Providing new documents on the decision on the place of the Thang Long capital and on the origin of Ly Thuong Kiet // NCLS, 1965, số 75.- tr. 4-9.

2924. VŨ TUẤN SÁN. **Truyền thuyết về Thánh Gióng** - The legend on the Saint Giong (Thanh Giong) // NCLS, 1968, số 106.- tr. 61-65.

2925. VŨ TUẤN SÁN. **Núi Nùng, Núi Khan hay núi Sua?** - The Nung mountain, the Khan mountain or the Sua mountain // NCLS, 1968, số 111.- tr. 57-60.

2926. VŨ TUẤN SÁN. **Về hai cuộc hành quân của Nguyễn Huệ ra Thăng Long** - About the two operation of Nguyen Hue to Thang Long // NCLS, 1969, số 119.- tr. 13-22.

2927. VŨ TUẤN SÁN. **Chu Văn An, thầy dạy học và trí thức nổi tiếng cuối đời Trần** - Chu Van An, an outstanding teacher and intellectual (the end of the Tran dynasty) // NCLS, 1971, số 137.- tr. 43-53.

2928. VŨ TUẤN SÁN. **Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng tại thủ đô Hà Nội (Qua một số di tích lịch sử)** - Historical vestiges concerning the Trung Sisters' uprising in the Hanoi capital // NCLS, 1973, số 149.- tr. 41-50,54.

2929. VŨ TUẤN SÁN. **"Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX"** (Đọc sách) - Reading the book: "Hanoi at the beginning of the XX th Century // NCLS, 1988, số 3-4 (240-241).- tr. 104-109, 111.

2930. VŨ VĂN TỈNH. **Một vài điểm xác minh về vụ ném bom ở Hà Nội năm 1913** - Some points confirming the bombardment of Hanoi in 1913 // NCLS, 1965, số 72.- tr. 57-60.

2931. VŨ VĂN TỈNH. **Chung quanh cái chết của cụ Phan Đình Phùng** - About the death of Phan Dinh Phung // NCLS, 1966, số 85.- tr. 46.

2932. VŨ VĂN TỈNH. **Bổ sung tài liệu về Kỳ Đồng** - Completed documents on Ky Dong // NCLS, 1966, số 92.- tr. 52-54.

2933. VŨ VĂN TỈNH. **Thêm một số tài liệu về Nguyễn Cao** - Some new documents on Nguyen Cao // NCLS, 1967, số 97.- tr. 61-62.

2934. VŨ VĂN TỈNH. **Ngô Quyền là người Hà Tĩnh hay người Sơn Tây ?** - Ngo Quyen was a native of Ha Tinh or Son Tay ? // NCLS, 1967, số 97.- tr. 63.

2935. VŨ VĂN TỈNH. Một chút tài liệu về lịch sử đất đai Hà Nội - Some documents on Hanoi territory history // NCLS, 1968, số 111.- tr. 53-56.

2936. VŨ VĂN TỈNH. Một chút tài liệu về Lương Ngọc Quyến. - A few documents on Luong Ngoc Quyen // NCLS, 1969, số 128.- tr. 61.

2937. VŨ VĂN TỈNH. Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Bắc Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc. - The changes of the Tonkinese provinces about the administrative, geography aspect under the French domination period // NCLS, 1970, số 133.- tr.43-51 ; số 134.- tr.53-63.

2938. VŨ VĂN TỈNH. Chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi - King Ham Nghi's edict Calling on the struggle for support to the royalty // NCLS, 1971, số 140.- tr.54-56.

2939. VŨ VĂN TỈNH. Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Trung Kỳ thời Pháp thuộc - Changes about administrative, geography of Trung Ky under French domination // NCLS, 1972, số 142.- 34-42; số 143.- tr.46-52 ;

2940. VŨ VĂN TỈNH. Những thay đổi về địa lý, hành chính các tỉnh Nam Kỳ trong thời kỳ Pháp thuộc - The changes about administrative, geography of Nam Ky under the French domination // NCLS 1972, số 146.- tr. 28-40.

2941. VŨ VĂN TỈNH. Chút ít tài liệu về khu vực Đồn Thuỷ (Hà Nội) thời cận đại - A few documents on the Don Thuy quarter (Hanoi) in modern time // NCLS, 1976, số 3 (168).- tr.81-83.

2942. VŨ BẢO TÒN BẢO TÀNG. Báo cáo cụ thể về những mũi tên đồng tìm thấy ở miền Cổ Loa - Detailed report on the copper arrows discovered in Co Loa region // NCLS, 1959, số 8.- tr. 58-66..

2943. VŨ BẢO TÒN BẢO TÀNG. Tìm thấy bài thơ của Lê Lợi khắc trên mỏm đá - Discovery of a Le Loi's poem engraved in a stone promontory // NCLS, 1965, số 73.- tr.62-63.

2944. VƯƠNG ĐÌNH QUYỀN. Một tiềm năng sử liệu quan trọng :tài liệu lưu trữ - The exploitation of important potential of historical documents: the archives documents // NCLS, 1991, số 5 (258).- tr.53-56.

2945. VƯƠNG HOÀNG TUYỀN . Một vài ý kiến về nguyên nhân hình thành của Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt Nam - Opinions about the causes of the central feudal centralized State formation in Viet Nam // NCLS, 1959, số 4.- tr.59-65.

2946. VƯƠNG HOÀNG TUYỀN. Không thể tách rời vấn đề nguồn gốc tiếng nói Việt Nam khỏi vấn đề dân tộc được - It is impossible of separating the question of the Viet Nam language origin from the ethnological question // NCLS, 1960, số 12.- tr. 84-92.

2947. VƯƠNG HOÀNG TUYỀN. Một vài ý kiến về sự manh nha của yếu tố tư bản chủ nghĩa trong xã hội phong kiến Việt Nam - Opinions on the capitalist germs are nascent in the Viet Nam feudal Society // NCLS, 1960, số 15.- tr. 4-10.

2948. VƯƠNG HOÀNG TUYỀN. **Vấn đề chế độ nô lệ Việt Nam qua tài liệu dân tộc học** - The question of Viet Nam slavery regime through the ethnological documents // NCLS, 1960, số 17.- tr. 63-69.

2949. VƯƠNG HOÀNG TUYỀN. **Một vài tài liệu về ngôn ngữ dân tộc học góp phần vào tìm hiểu nguồn gốc người Việt** - Some ethnological language documents con tributing to the research on the Viet people origin // NCMS, 1993, số 57.- tr.28-38.

X

2950. X. **Tìm thấy một ngôi miếu cổ bằng đá ở Gia Lâm** - Discovery of an ancient stone temple in Gia Lam // NCLS, 1963 , số 49.- tr. 62.

2951.X.B. **Một số tài liệu về dòng họ Nguyễn Phúc Ánh** - Some documents on the lineage of Nguyen Phuc Anh // NCLS, 1967, số 103.- tr. 61 - 62.

2952. X.T. **Hịch của Lê Duy Mật kể tội dòng họ Trịnh** - Le Duy Mat's proclamation enumerating the crimes perpetrated by the Trinh's family // NCLS, 1968, số 108.- tr. 58 - 59.

2953. X.T. **Những chi tiết về bài thơ của Lê Thái Tổ khắc trên vách đá ở Lai Châu** - The details from a Le Thai To's poem engraved on stone - wall at Lai Chau // NCLS, 1968, số 108.- tr. 59-60.

2954. X.X. **Nói thêm về cái thống đồng hay thạp đồng phát hiện ở Yên Bai** - The completed details of the large copper vase or jar discovered in Yen Bai // NCLS, 1960, số22.- tr. 18-22.

2955. X.X. **Dư luận nước ngoài đối với bộ "Lịch sử Việt Nam"** - Opinions of foreign readers on the "History of Viet Nam" // NCLS, 1974, số 154.- tr. 73 -74.

2956. XAKHAROP.(A.M). **Về những yêu cầu của Lê nin đối với việc nghiên cứu và giảng dạy lịch sử** - About the requirements of Lenin relative to the history study and teaching // NCLS, 1968, số 111, - tr. 47-52.

2957.XA VIỆT LIÊN KHA. **Mấy vấn đề về cổ đại Ấn Độ - Chi na trong các sách sử học của giai cấp tư sản** - Some questions about the Indo-China antiquity in the historical books of the bourgeoisie // VSD, 1956, số 21.- tr. 47-84.

2958.XCADOKIN (S.D). **Đè cập đến vấn đề sự quá độ trực tiếp chuyển sang chế độ phong kiến trên cơ sở tan rã của phương thức sản xuất công xã nguyên thuỷ** - An approach to the question of the immediate passage to the feudalism on the basis of the disintegration of the primitive commune mode of production / Xcadokin (S.D) ; Mayman (N.N) // NCLS, 1965, số 79.- tr.52 - 61, số 80.- tr. 29 - 39,46.

2959. XENIAPSKI. (SL). **Cơ cấu xã hội Liên Xô trong điều kiện Chủ nghĩa xã hội phát triển (1961 - 1980)** - Social structure of the Soviet in the condition of the developed socialism (1961-1980) // NCLS, 1982, số 3(204).- tr. 70 - 79.

2960. XINKOLININ.(A.T). **Vì sao cần phải học tập lịch sử?** - Why we must study history? // NCLS, 1960, số 12.- tr. 47 - 54.

2961. XUÂN CẦU . **Chiến thắng chủ nghĩa phát xít của Liên Xô - Bước ngoặt mở đầu lịch sử Lào hiện đại** - The Soviet victory over fascism - A turning point introducing the contemporary history in Laos / Xuân Cầu, Nang Léch // NCLS, 1985, số 3 (186).- tr.41 - 47, 56.

2962. XUÂN CHÚC . **Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của Phong trào không liên kết** - Some features about the formation and development process of the Non-aligned movement // NCLS, 1979, số 3 (186).- tr.68 - 78.

2963. XUÂN CHÚC . **Tìm hiểu vấn đề cải cách ruộng đất và cải tạo nguồn nước ở các nước Cộng hoà Xô - Việt Trung Á (Liên Xô) sau Cách mạng tháng Mười Nga - A study on the land reform and of water sources in Central Asian Republics improvement since October Revolution** // NCLS, 1987, số 1 - 2 (232 - 233) .- tr. 110 - 118, 139.

2964. XUÂN NAM . **Về một số biểu hiện của chủ nghĩa chủ quan trong công tác sử học của chúng ta** - About some expressions of subjectivism in our historical work / Xuân Nam, Chủ Văn Tân // NCLS, 1967, số 99.- tr. 53 - 60.

2965. XUÂN NAM . **Cách mạng Tháng Tám trong quá trình tiến công chung của các trào lưu cách mạng trên thế giới** - The August Revolution in the process of development of the offensive position of the world revolutionary tendencies // NCLS, 1977, số 4 (175).- tr. 10 - 18.

2966. XUÂN NAM . **Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tại các nước vùng biển Bán-tích năm 1940** - Victory of the socialist revolution in the Baltic sea countries in 1940 // NCLS, 1980, số 4 (193).- tr. 72 - 76.

2967 . XUÂN NAM . **Vài nét về trí thức và quá trình cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thế kỷ XX** - Some features about the Vietnamese intelligentsia and about the process of the national liberation revolution and of the socialist revolution in Vietnam at the XX th Century // NCLS, 1982, số 1(202) .- tr. 50 - 55.

2968. XUÂN NAM. **Bản chất, mục tiêu, thủ đoạn của chủ nghĩa bành trướng Bắc Kinh và thất bại thảm hại đầu tiên của nó ở Việt Nam** - The nature, objective and tricks of Peking expansionism and its first ignominious defeat in Vietnam // NCLS, 1984. số 3 (216).- tr. 9 - 14.

2969. XUÂN TÙNG. **Cuộc chiến tranh Nga-Phổ (1877-1878) và sự nghiệp giải phóng dân tộc Bungari mùa xuân 1878** - The Russian - Turk war (1877-1878) and the work of nation liberation of Bulgaria on Spring 1878 // NCLS, 1978, số 2 (179).- tr. 41-48.

Y-Z

2970. YAXUNBSKY (V.K). **Những phương pháp nghiên cứu khoa học của V.I.Lênin trong các tác phẩm về lịch sử, kinh tế, xã hội** - The scientific study methods of V.I. Lenin in the historical, economical, social books // NCLS, 1962, số 43.- tr. 59-62, số 44.- tr. 52 - 59, 64.

2971. ZARTREP. (I). **Vai trò của liên minh công nông trong thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân ở Bungari** - The role of worker and peasant alliance in the victory of the socialist revolution and of the consolidation the democratic and people's power in Bulgaria // NCLS, 1987, số 1(232 - 233).- tr. 127 - 139.

PHẦN KHÔNG CÓ TÊN TÁC GIẢ

(Xếp theo thứ tự a, b, c tên bài)

2972. **Bàn về việc áp dụng học thuyết Mác-Lênin một cách sáng tạo vào việc nghiên cứu vấn đề phương Đông** - Discussion about the creative application of the Marxism-Leninism to the study of the Oriental question // NCLS, 1959, số 8.- tr. 67-82.

2973. **Bàn về việc nghiên cứu vấn đề Cách mạng tháng Mười vĩ đại và các dân tộc phương Đông** - Discussion about the study of the problems of the Great October Revolution and the Oriental nations // NCLS, 1960, số 20.- tr. 59-62.

2974. **Bản dự thảo Điều lệ Hội những người công tác sử học Việt Nam** - A statute project of the Vietnam historical workers Association // NCLS, 1965, số 79.- tr. 63-64.

2975. **Bộ tộc hay dân tộc ?** Dịch danh từ "dân tộc" phải thế nào cho đúng ? - Tribe or nation ? How translating justly the term "nation" ? // NCLS, 1962, số 44.- tr. 29-30.

2976. **Có phải đây là bài "Lưu cầu huyết lệ tan thư" của Phan Bội Châu không ?** - Is there the article of Phan Boi Chau : "Luu cau huyet le tan thu" ? // VSD, 1957, số 33.- tr. 68-73.

2977. **Duy vật lịch sử là cơ sở lý luận của khoa học lịch sử** - The historical materialism is the theoretical base of the historical science // VSD, 1955, số 6.- tr. 67-69.

2978. **Đại hội Đảng Cộng sản Liên xô lần thứ XX và vấn đề nghiên cứu lịch sử Đảng** - The XX th Congress of Soviet Union Communist Party and the question of Party History study // VSD, 1956, số 22.- tr. 31-44.

2979. Đề án thành lập Hội những người công tác sử học Việt Nam - The Vietnam historical workers Association's foundation project // NCLS, 1965, số 79.- tr. 1-4.
2980. Địa lý lịch sử - Historical geography // VSD, 1955, số 5.- tr. 46-47.
2981. Góp ý kiến vào việc phiên âm địa danh - Exchange of opinion about the phonetic transcription of the place names // VSD, 1955, số 10.- tr. 69-72.
2982. Kỷ niệm Lê Văn Hưu, một sử gia đầu tiên của Việt Nam - Anniversary of Le Van Huu, the Vietnam first historian // NCLS, 1959, số 1.- tr. 3-7.
2983. Lịch sử là gì ? - What is history ? // VSD, 1955, số 5.- tr. 60-61.
2984. Lỗ Tấn và sứ cận đại Trung quốc - Lou Tsin and China Modern history // VSD, 1954, số 3.- tr. 55-57.
2985. Một đoạn trong sách "Binh thư yếu lược" - Some passages from the book "Binh thu yeu luoc" (Military book summary) // NCLS, 1968, số 114.- tr. 26-31.
2986. Một đoạn của sách "Lam Sơn thực lục" - An excerpt from "Lam son thuc luc"// NCLS, 1968, số 106.- tr. 19- 23.
2987. Một gương cải tạo dũng cảm : Lê Khiết - A courageous example of reformation : Le Khiết // VSD, 1958, số 44.- tr. 87-88. -
2988. Một số tài liệu về vấn đề ruộng đất thời Quang Trung . Some documents about the agrarian question under the time of Quang Trung // VSD, 1956, số 14.- tr. 75-77.
2989. Nghị quyết của Hội đồng Chính phủ về vấn đề kết quả sửa sai Cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức - The Cabinet's decision on the results of the correction on the errors in the agrarian reform and in the reorganization // VSD, 1956, số 42.- tr. 1-2
2990. Nhà sử học Anna Pankratova - The historian Anna Pankratova // VSD, 1954, số 2.- tr. 77-78.
2991. Những nhà công tác địa lý Trung Quốc phản đối luận diệu xảo trá của bọn hữu phái - The Chinese geographers oppose to the artful arguments of the rightists // VSD, 1958, số 41.- tr. 37-42.
2992. Những nhận định khác nhau về vai trò Lưu Vĩnh Phúc và quân Cờ đen . The different estimations on the role of Luu Vinh Phuc and the Black flag troops // NCLS, 1962, số 41.- tr. 8-22. (t)
2993. Tài liệu tham khảo kinh điển - Classic documents of reference // NCLS, 1960, số 11 đến số 15.
2994. Thư mục của Trần Huy Liệu - Bibliography of Tran Huy Lieu // NCLS, 1969, số 125.- tr. 21-23.
2995. Tiểu sử đồng chí Trần Huy Liệu - Biography of comrade Tran Huy Lieu // NCLS, 1969, số 215.- tr. 1-2.
2996. Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Abridged biography of the President Ho Chi Minh // NCLS, 1969, số 126.- tr. 8-10.

2997. Tiểu sử tóm tắt của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Tôn Đức Thắng - Abridged biography of the Vietnam Democratic Republic President Ton Duc Thang // NCLS, 1969, số 127.- tr. 2-3.

2998. Tiểu sử tóm tắt của Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Nguyễn Lương Bằng - Abridged biography of the Vietnam Democratic Republic Vice-President Nguyen Luong Bang // NCLS, 1969, số 127.- tr. 3.

2999. Trích báo cáo của Ban Trù bị thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước - Excerpt from the Preparation Committee's Report for the State Sciences Committee foundation // VSD, 1958, số 47.- tr. 1-14.

3000. Vấn đề quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa phong kiến - The question of the feudalism fundamental economical law// VSD, 1955, số 6.- tr. 65-66.

3001. Vấn đề thời kỳ trong lịch sử Việt Nam - The question of the priodization of the Vietnam history // VSD, 1955, số 5.- tr. 62-67.

Phần thứ hai

PHÂN LOẠI
CÁC VẤN ĐỀ

MỤC LỤC PHÂN LOẠI

I. KHOA HỌC LỊCH SỬ

1. Lý luận chung
2. Tinh Đảng trong khoa học lịch sử
3. Phương pháp luận lịch sử
4. Phân kỳ lịch sử
5. Công tác nghiên cứu lịch sử
6. Công tác giảng dạy lịch sử
7. Sách giáo khoa lịch sử
8. Viết lịch sử xí nghiệp, địa phương, chuyên ngành
9. Các bộ sử Việt Nam
10. Các cơ quan Khoa học xã hội
 - a. Ban Nghiên cứu Văn Sử Địa
 - b. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam
 - c. Viện Sử học
 - d. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử
 - e. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam

II. LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Phương thức sản xuất châu Á
2. Chế độ nô lệ ở Việt Nam
3. Thời đại Hùng Vương
4. Hình thành dân tộc và thống nhất dân tộc
5. Chế độ phong kiến ở Việt Nam
 - a. Vấn đề chung
 - b. Thời Dinh-Lê
 - c. Triều Lý
 - d. Triều Trần
 - e. Triều Hồ
 - g. Triều Lê

- h. Triều Mạc
- i. Triều Nguyễn Tây Sơn
- k. Triều Nguyễn
- 6. Thời kỳ cận đại
 - Chính quyền và chính sách thống trị của Pháp
 - Mặt trận dân tộc
- 7. Thời kỳ hiện đại
 - a. Cách mạng tháng 8-1945
 - b. Tổng tuyển cử đầu tiên và xây dựng chính quyền cách mạng
 - Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam
 - c. Mặt trận Dân tộc Thống nhất
 - Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam
 - d. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc
 - Ngoại giao
 - Hiệp định Genève
 - Ngoại giao của Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam
 - d. Thời kỳ quá độ
 - Công nghiệp hóa
 - e. Ngụy quyền miền Nam Việt Nam
 - g. Thời kỳ đổi mới

III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM

- 1. Thời cổ trung đại
 - a. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938)
 - b. Kháng chiến chống Tống
 - c. Kháng chiến chống Mông- Nguyên
 - d. Kháng chiến chống Minh
 - e. Kháng chiến chống Thanh
- 2. Thời cận đại
 - a. Phong trào Cần Vương
 - b. Các phong trào chống Pháp thời cận đại
 - Xô Viết Nghệ Tĩnh-Nam Kỳ khởi nghĩa
- 3. Thời hiện đại
 - a. Kháng chiến chống Pháp (1945-1954)
 - Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954)
 - b. Phong trào "Đồng khởi" ở miền Nam Việt Nam
 - c. Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước ở miền Nam Việt Nam
 - Chiến dịch Hồ Chí Minh
 - d. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc

- e. Chính sách của đế quốc Mỹ
- g. Thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược
- h. Chiến tranh biên giới phía Bắc
- 4. a. Chiến tranh nhân dân.
- b. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

IV. CHỦ NGHĨA MÁC - GIAI CẤP CÔNG NHÂN - ĐẢNG

- 1. a. Chủ nghĩa Mác-Lênin và lý luận sử học.
- b. Chủ nghĩa Mác-Lênin ở Việt Nam
- 2. Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam
- 3. Giai cấp công nhân Việt Nam
 - a. Trước năm 1945.
 - b. Sau năm 1945.
 - c. Ở miền Nam Việt Nam.
- 4. Công thương nghiệp :
 - Cổ-Trung đại
 - Cận đại.
- 5. Giai cấp tư sản trước 1945.
- Giai cấp tư sản ở miền Nam Việt Nam.

V. RUỘNG ĐẤT VÀ NÔNG DÂN

- 1. Ruộng đất.
 - a. Cổ-Trung đại.
 - b. Thời Nguyễn.
 - c. Thời Cận đại, đồn điền.
 - d. Thời hiện đại :
 - Cải cách ruộng đất
 - Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc
 - Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam
- 2. Nông dân, nông thôn, nông nghiệp.
 - Cổ trung đại
 - Hiện đại
 - Miền Nam
 - Dê điểu, thuỷ lợi
- 3. Phong trào nông dân và các cuộc khởi nghĩa nông dân.
 - a. Trước Triều Nguyễn.
 - b. Triều Nguyễn.
 - c. Thời Cận đại.

VI. LỊCH SỬ VĂN HÓA VĂN MINH VIỆT NAM

1. Văn hóa văn minh Việt Nam.
 - a. Xã hội cổ truyền Việt Nam. Làng xã người Việt.
 - b. Phong tục truyền thống. Di sản, hương ước.
2. Thành cổ, Phố cổ
3. Tôn giáo
4. Giáo dục
5. Báo chí
6. Y học
7. Lịch
8. Kiến trúc, Mỹ thuật
9. Giao thông, Bưu điện
10. Tiền tệ
11. Tri thức - khoa học kỹ thuật
12. Luật pháp
13. Dân số

VII. KHẢO CỔ HỌC

1. Những vấn đề chung
2. Phương pháp mới của khảo cổ học
3. Những phát hiện mới
4. Các nền văn hóa
 - a. Văn hóa Đông Sơn
 - b. Văn hóa Hoà Bình
 - c. Văn hóa Phùng Nguyên
 - d. Trống đồng
 - e. Mũi tên đồng Cổ Loa
 - g. Xã hội nguyên thuỷ
 - h. Xã hội Cổ đại
 - i. Nước Văn Lang - Âu Lạc

VIII. DÂN TỘC HỌC

1. Lý luận chung
2. Công tác dân tộc học
3. Các dân tộc ít người ở miền Bắc Việt Nam
4. Các dân tộc ít người ở Tây Nguyên và Trường Sơn
5. Các dân tộc ít người ở Nam Bộ

IX. ĐỊA LÝ HỌC

1. Lý luận chung
2. Địa danh và bản đồ
3. Khí hậu
4. Thuỷ triều
5. Tài nguyên

X. VĂN HỌC

1. Lý luận văn học.
2. Lịch sử văn học Việt Nam
3. Lý luận ngôn ngữ học
4. Tiếng Việt và chữ viết
5. Ca dao, cổ tích
6. Chữ Nôm
7. Hát chèo
8. Tác phẩm, tác giả văn học

XI. NHÂN VẬT LỊCH SỬ

XII. CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

XIII. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

1. Những vấn đề chung
 - a. Nguồn gốc loài người
 - b. Phân kỳ lịch sử thế giới
 - c. Thời Trung Cổ
 - d. Quy luật kinh tế của chế độ phong kiến
 - e. Chiến tranh thế giới lần thứ hai
 - g. Chuyên chính vô sản
 - h. Phong trào giải phóng dân tộc
2. Các nước châu Á
3. Các nước Á-Phi
4. Các nước châu Âu
5. Các nước châu Mỹ

I. KHOA HỌC LỊCH SỬ

1. Lý luận chung

234	235	265	273	380	563	564	658	672	673
706	727	757	769	773	784	785	786	806	944
987	1026	1348	1350	1381	1459	1463	1484	1720	1723
1765	1772	1853	1980	1986	1989	2003	2019	2020	2043
2044	2045	2076	2147	2148	2150	2151	2152	2347	2357
2365	2392	2445	2874	2960	2970	2977	2983		

2. Tính Đẳng trong khoa học Lịch sử

61	62	103	1060	1720	2346	2412	1216		
----	----	-----	------	------	------	------	------	--	--

3. Phương pháp luận lịch sử

3	7	18	33	34	56	91	171	175	177
198	252	292	362	412	489	543	549	560	580
605	658	665	668	671	672	732	772	784	809
867	917	989	1048	1059	1060	1088	1181	1273	1348
1356	1382	1473	1647	1683	1686	1723	1724	1725	1726
1793	1805	1933	1936	1944	1990	2020	2024	2025	2033
2038	2096	2151	2152	2232	2251	2275	2278	2281	2287
2289	2292	2305	2357	2549	2550	2641	2673	2868	2964
	2970								

4. Phân kỳ lịch sử

Cổ trung đại :	43	1038	1251	1926	2531	2538	3001		
Cận hiện đại :	420	544	691	1918	1965	2239	2302		

5. Công tác nghiên cứu lịch sử

25	153	175	273	275	279	331	421	442	590
638	680	722	723	732	736	742	771	843	916
918	936	1056	1057	1077	1336	1349	1400	1402	1852
1886	1887	1933	1945	1980	1997	2021	2032	2037	2038
2043	2044	2051	2052	2055	2059	2062	2666	2679	2680
2231	2245	2256	2257	2258	2265	2271	2273	2275	2277
2278	2281	2286	2289	2293	2296	2300	2301	2306	2307
2308	2310	2315	2320	2322	2324	2329	2333	2337	2346
2350	2353	2357	2362	2368	2391	2447	2556	2586	2595
2597	2598	2599	2600	2601	2603	2604	2605	2653	2668
2690	2706	2838	2854	2898	2914	2944			

6. Công tác giảng dạy lịch sử

88	308	324	360	384	430	500	843	968	1075
1148	1160	1312	1498	1804	1952	2149	2194	2198	2435
2505	2571	2719	2912	2956					

7. Sách giáo khoa lịch sử

88	163	239	324	384	500	640	661	697	803
1074	1146	1630	1938	1945	1980	2198			

8. Viết lịch sử xí nghiệp, địa phương, chuyên ngành

164	238	852	1410	1474	2120	2124	2288	2291	2295
2563	2601	2668	2679						

9. Các bộ sử Việt Nam

28	289	296	333	613	765	896	1042	1636	1644	
1797	1998	1867	1897	1940	1976	2002	2028	2072	2090	
2105	2155	2216	2237	2254	2344	2406	2407	2453	2454	
2456	2458	2462	2466	2467	2521	2548	2586	2590	2627	
2698	2746	2749	2752	2762	2763	2764	2766	2778	2785	
2849	2955	2985	2986							
<i>Về bộ Đại Việt Sử ký toàn thư :</i>					98	182	537	896	1099	1211
1285	1563	1571	1589	1831	1880	1911	1915	2193	2398	
2452	2787	2830	2896							

10. Các cơ quan Khoa học xã hội*a. Ban nghiên cứu Văn Sử Địa :*

25	26	35	2070	2246	2255	2264	2587	2693	2837
----	----	----	------	------	------	------	------	------	------

b. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam :

24	2999
----	------

c. Viện Sử học :

1419	2313	2314	2320	2596	2602	2672	2676	2682	2716
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

d. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử :

618	2030	2053	2057	2080	2642	2676	2712	2837
-----	------	------	------	------	------	------	------	------

e. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam :

23	31	1889	2338	2652	2700	2974	2979
----	----	------	------	------	------	------	------

II. LỊCH SỬ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Phương thức sản xuất châu Á

844	1194	1323	1352	1476	1481					
-----	------	------	------	------	------	--	--	--	--	--

2. Chế độ nô lệ ở Việt Nam

166	290	313	314	893	1000	1015	1040	1078	1150	
1257	1263	1274	1283	1290	1298	1423	1460	1461	1462	
1470	1471	1771	1894	1994	2027	2405	2442	2532	2753	
2754	2756	2948								

3. Thời đại Hùng Vương

382	403	405	406	500	643	666	793	865	912	
913	917	930	931	932	933	1099	1277	1435	1445	
1446	1448	1453	1677	2171	2227	2249	2716	2790	2890	

4. Hình thành dân tộc và thống nhất dân tộc

11	13	19	357	358	865	966	1043	1189	1200	
1208	1457	1907	1963	2073	2084	2236	2240	2241	2250	
2537	2562	2688	2750	2767	2773	2781	2797			

5. Chế độ phong kiến ở Việt Nam

a. Vấn đề chung

1	172	254	677	692	1044	1073	1187	1205	1265	
1269	1325	1344	1345	1418	1480	1483	1894	2075	2217	
2407	2525	2537	2557	2763	2771	2773	2796	2802	2945	
2958	3000									

b. Thời Đinh - Lê

578	956	1101	1158	1190	1192	1193	1200	1215	1290	
1430	1729	1916	1920	2191	2192	2559	2691	2801	2901	

c. Triều Lý

184	294	415	552	1063	1188	1212	1422	1423	1639	
1717	1830	1840	2224	2226	2411	2428	2445	2552	2614	
2667	2851	2881	2923							

d. Triều Trần

183	579	734	888	909	1188	1203	1209	1213	1243	
1276	1353	1422	1423	1639	1830	1840	1914	1981	2093	

2190	2219	2393	2428	2430	2547	2552	2554	2562	2566
2767	2769	2881							

e. Triều Hồ

183	483	523	573	656	862	863	970	971	979
1245	1289	1315	1322	1854	1882	1917	2078	2432	2434
2504	2919								

g. Triều Lê

146	257	519	524	572	753	939	953	1214	1274
1438	1511	1512	1892	2225	2544	2546	2560	2570	2581
2769	2770	2792	2952						

h. Triều Mạc

383	477	525	526	1370	1437	1490	2188	2433	2866
-----	-----	-----	-----	------	------	------	------	------	------

i. Triều Nguyễn (Tây Sơn)

30	89	94	112	187	241	242	260	465	466
467	468	471	472	482	501	515	520	538	546
569	571	593	617	620	627	647	753	831	832
859	864	865	875	878	897	938	954	1051	1082
1138	1189	1204	1216	1261	1281	1291	1295	1303	1307
1515	1516	1526	1788	1895	1916	1943	2042	2070	2091
2141	2247	2431	2451	2487	2551	2560	2589	2615	2779
2805	2988								

k. Triều Nguyễn

Nhà nước:	460	469	537	539	620	865	1207	1246	1491
1521	1522	1523	1529	1530	1533	1555	1607	1789	2082
2087	2097	2211	2472	2474	2475	2726	2788	2941	
Xã hội :	169	464	939	1033	1217	1519	1706	1789	2105
	2583	2584							

6. Thời kỳ cận đại*Chính quyền :*

266	267	269	312	396	436	1114	1119	1131	1132
1133	1171	1172	1180	1405	1549	1562	1594	1612	1617
1656	1821	1822	1974	2106	2200	2482	2485	2503	2523
2696	2886								

Mặt trận dân tộc :

1608	1613	1701	1977	2638
------	------	------	------	------

7. Thời kỳ hiện đại

a. Cách mạng tháng Tám

8	55	58	77	174	283	304	271	587	592
651	657	674	853	854	918	1055	1174	1178	1351
1385	1611	1618	1681	1791	1802	1851	2017	2031	2121
2161	2199	2240	2252	2260	2282	2283	2297	2319	2330
2342	2360	2490	2620	2634	2644	2645	2648	2649	2818
2965									

b. Tổng tuyển cử đầu tiên và xây dựng chính quyền cách mạng

1	15	728	847	2176	2177	2178	2272	2535	2540
2660	2685	2697	2703	2918					

Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam : 2058 2105

c. Mật trận dân tộc thống nhất

495	846	1084	1235	1333	1364	1579	1646	1682	1803
1730	2282	2634	2636	2717	2880				

Mật trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam

65	149	637	660	683	993	1154	1574	2014	2056
2061									

d. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

58	385	386	1184	1332	1339	1393	1398	1783	2077
2388	2659	2694	2703	2708					

Ngoại giao : 720 1143 1367 1580 1864 2017 2321

Hiệp định Geneva : 682 781 1143

Ngoại giao của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam

1366	2358	2622
------	------	------

e. Thời kỳ quá độ

735	771	1157	1777	1783	1979	2077	2197	2268	2708
2709	2745								

Công nghiệp hóa : 385 386 2912

f. Nguy quyền miền Nam Việt Nam

138	139	146	147	599	872	991	1090	1175	1179
1718	1719	1828	2009	2010	2011	2012	2013	2166	2213
2312	2402								

g. Thời kỳ đổi mới

77	111	855	1580	1683	1980	2079	2391	2572	2705
2721	2722	2918							

III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOAI XÂM

1. Thời cổ trung đại

a. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền (năm 938)

978	1009	1509	1919	2617	2686
-----	------	------	------	------	------

b. Kháng chiến chống Tống

1066	1480	1672	1876	1291
------	------	------	------	------

c. Kháng chiến chống Mông Nguyên

196	293	294	297	522	536	655	720	869	937
955	1020	1030	1083	1213	1354	1409	1480	1485	1489
1506	1669	1670	1671	1751	1810	1983	2221	2304	2409
2411	2554	2580	2780	2793	2698	2722			

Trận Bạch Đằng		869	937	1409	1506	1669	1670	1810	1983
2221	2304								

d. Kháng chiến chống Minh

Triều Hồ :	2745
------------	------

Nhà Lê :	278	320	347	582	775	782	850	1064	1065
1206	1226	1239	1240	1836	1839	1841	1878	1900	1901
1902	1903	1904	1923	1926	2205	2543	2554	2860	2861

e. Kháng chiến chống Thanh

94	897	1199	1412	1458	1508	1544	1565	1572	1674
1733	1749	1848	1899	1913	1924	2028	2088	2092	2094
2267	2419	2437	2614	2674	2777	2799	2823	2828	2933

Chống Xiêm :	1138	1544
--------------	------	------

2. Thời cận đại

a. Phong trào Cần Vương

51	52	190	191	201	228	230	268	319	328
329	330	331	332	333	334	335	336	337	338
340	342	343	344	345	350	352	368	372	378
418	419	422	423	425	432	435	436	437	439
440	441	442	444	449	450	451	456	458	459
464	469	470	492	550	586	588	675	676	760
761	807	808	858	860	884	894	910	911	963
1012	1014	1115	1120	1126	1259	1284	1335	1361	1408
1532	1535	1536	1552	1560	1590	1597	1691	1695	1704
1752	1753	1754	1833	1937	1957	1958	1959	1966	2089
2114	2115	2116	2125	2135	2248	2369	2387	2492	2497
2498	2499	2500	2607	2894	2938				

b. Các phong trào chống Pháp thời cận đại

108	393	396	952	1134	1135	1136	1137	1182	1186
1321	1362	1371	1397	1441	1554	1560	1583	1584	1585
1587	1588	1612	1660	1693	1700	1712	1728	1731	1732
1977	2048	2050	2173	2200	2209	2234	2238	2243	2266
2396	2480	2496	2511	2726	2841	2930			
<i>Nam Kỳ khai nghĩa</i>			2220	2381	2488	2513			
<i>Xô viết Nghệ-Tĩnh</i>			392	724	1168	2034	2261	2290	2507
			2508	2877					

a. Thời hiện đại

a. Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

36	57	58	158	363	700	702	968	1061	1102
1104	1105	1329	1330	1331	1576	1813	1816	1820	1922
1953	1995	2067	2263	2301	2506				

Chiến dịch Điện Biên Phủ

54	59	78	155	162	661	681	787	982	1143
1328	1365	1727	1743	1770	1820	1942	1967	2214	2725

b. Phong trào "Đồng khái" ở miền Nam Việt Nam

148 1827 2103 2104 2170 2378 2389 2840

c. Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước ở miền Nam

30	31	60	63	64	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	84	156	157	161	486
487	634	661	663	822	823	828	870	941	975
985	990	1359	1545	1574	1741	1742	1763	1858	2008
2039	2119	2164	2165	2167	2316	2318	2319	2326	2327
2328	2330	2331	2332	2334	2335	2339	2340	2342	2345
2347	2349	2355	2356	2360	2363	2366	2374	2378	2469
2470	2471	2473	2476	2489	2570	2637	2646	2647	

Chiến dịch Hồ Chí Minh

1545 1596 1743 1744 . 1925 2818

d. Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc

730 981 2196 2327 2359 2659

e. Chính sách của đế quốc Mỹ

747	748	941	961	1770	1818	1829	2119	2167	2402
2426	2469	2470							

g. Thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược

902 1501 1503 2006 2007 2334 2356 2394 2850

h. Chiến tranh biên giới phía Bắc

2441 2677 2968

4. a. Chiến tranh nhân dân :

2348 2349

b. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng:

2687 2714

IV. CHỦ NGHĨA MÁC - GIAI CẤP CÔNG NHÂN - ĐẢNG

1. Về Đảng của giai cấp công nhân

a. Chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận sử học

6	380	671	725	736	773	943	1383	1386	1389
1392	1637	1765	2022	2065	2311	2561	2835	2972	

b. Chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam

.229	263	310	943	1096	1347	1387	1394	1619	1850
2109	2133	2510	2669	2681	2892				

2. Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam

1150	1346	1494	1495	1609	1694	1699	2029	2108	2123
2244	2276	2325	2481	2513	2643	2843	2920	2921	2922
<i>Đảng Lao động Việt Nam</i>				16	82	179	591	673	735
1052	1072	1085	1386	1394	1397	1592	2069	2260	2274
2276	2280	2285	2315	2664	2684	2751			907

3. Giai cấp công nhân Việt Nam

a. Trước năm 1945

122	123	124	125	126	369	370	424	428	429
547	568	1052	1070	1071	1095	1106	1107	1111	1112
1113	1116	1137	1152	1155	1484	1648	1649	1650	1651
1653	1654	1769	1993	2102	2133	2483	2632	2653	2880

b. Sau năm 1945

39	120	121	126	385	494	729	730	732	733
981	1357	1358	1360	1363	1655	1815	1816	2143	2144
2371	2372	2653	2654	2655	2658	2659	2662	2678	2700
2705	2707	2835	2856	2872					

c. Ở miền Nam Việt Nam

121	140	141	142	143	144	660	779	861	870
994	1072	1076	1185	1219	1646				

4. Công thương nghiệp

<i>Cổ trung đại</i>	1237	1320	1372	1569	1631	1736	1737	1738
1739	1786	1788	1837	1840	1842	2137	2156	2158
2583	2584	2715	2802	2947				2582

<i>Cán đại</i>	93	1327	1373	1843	1885	2888
----------------	----	------	------	------	------	------

<i>Thời Nguyễn</i>						
--------------------	--	--	--	--	--	--

186	188	527	528	530	531	532	533	1320	1345
1739	1896	1898							

5. Giai cấp tư sản trước năm 1945

303	373	374	1047	1050	1151	1167	1169	1176	1821
<i>Ở miền Nam</i>			145	159	650	1176	1177		

V. RUÔNG ĐẤT VÀ NÔNG DÂN

1. Ruộng đất

a. Cố-trung dai

44	87	89	94	95	109	165	188	249	476
477	693	744	745	746	753	767	811	1035	1121
1125	1159	1160	1262	1291	1292	1293	1294	1295	1300
1303	1304	1305	1306	1307	1308	1309	1310	1311	1313
1327	1343	1406	1407	1413	1414	1422	1424	1479	1516
1518	1520	1526	1567	1830	1868	1874	1875	1877	1878
1891	2230	2233	2438	2547	2551	2552	2553	2556	2557
2560	2566	2567	2573	2876	2878	2879	2881	2882	2883
2884	2885	2886	2889	2890	2891	2989			

b. Thời Nguyễn

478	1125	1159	1164	1165	1306	1307	1308	1309	1310
1311	1313	1518	2436	2554	2567	2573	2878	2884	2885

c. Thời Cân dài

87	92	127	129	131	132	133	134	135	136
137	165	305	306	307	694	1116	1171	1585	1785
1812	2040	2399	2436	2581	2696	2872	2886	-	-
Dồn điện			1825	2098	2099	2100	2101	2102	2891

d. Thời hiện đại

8 126

Cài cách ruộng đất : 20 589 2231 2692 2723 2989

Hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc: 80 388 389 390 1859 2212

Hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam: 154 1715 2377

2. Nông dân, nông thôn, nông nghiệp

Miền Nam

150	151	160	1623	1714	1716	1717	1719	1817	1819
2376	2426								
<i>Dè điều, thùy lợi</i>		478	479	480	653	740	980	1123	1124
1327	1792	2428							

3. Phong trào nông dân và các cuộc khởi nghĩa nông dân*a. Trước triều Nguyễn*

176	258	259	1036	1156	1159	1266	1271	1272	1273
1300	1411	1416	1417	1515	1517	1520	1525	1527	1529
1530	1531	1533	1538	1542	1543	1546	1547	1548	1600
1688	1836	1839	1955	2049	2525	2581	2585	2586	2783
2791									

b. Triều Nguyễn

185	253	333	350	426	615	616	618	621	622
624	628	630	751	774	1046	1159	1440	1518	1524
1525	1527	1529	1530	1532	1533	1534	1537	1538	1539
1540	1541	1542	1543	1546	1547	1548	1599	1971	2448
2545	2619								

c. Thời cận đại

430	450	588	630	830	931	1134	1155	1168	1321
1371	1585	1660	1730	1732	2005	2160	2200		

VI. LỊCH SỬ VĂN HÓA - VĂN MINH VIỆT NAM

1. Văn hóa - văn minh Việt Nam

2416 2417 2699

a. Xã hội cổ truyền Việt Nam

110	974	1196	1201	1582	2924					
<i>Làng xã người Việt</i>	98		101	1196	1296	1297	1299	1301	1302	
1434	1848	1879	1881	2440						

b. Phong tục, truyền thống

246	247	248	250	255	756	933	977	1087	1258	
1259	1269	1282	2310	2539	2651					
<i>Di sản :</i>		2713	2715	2718	2747	2794				
<i>Hương ước :</i>		1865	2862	2863	2865	2868				
<i>Vai trò phụ nữ :</i>			2279	2789						
<i>Thanh niên :</i>		1619	1697	2285						

2. Thành cổ, phố cổ :

<i>Cổ Loa :</i>	529	1100	1101	1421	1962	2527	<i>Quèn :</i>	394	
517	<i>Tây Đô :</i>	2836		<i>Thanh Hà :</i>	473		<i>Mê Linh :</i>	529	
<i>Phố Hiến :</i>	2540		<i>Đô thị thời Trần :</i>		536				

3. Tôn giáo

399 1415 2536

Thiền chúa giáo

43	79	192	1340	1426	1523	1703	1705	1706	2864	
<i>Cận đại :</i>	230	339	393	492	741	764	1202	1368	1513	
1564	1702	1929	1975	1998	2001	2565	2887			

Sau năm 1945 : 1808 2710

Ở miền Nam : 139 1094 2015

Phật giáo

578	1209	1210	1415	1684	2093	2111	2536	2612	2817	
<i>Cận đại</i>		1321	2481							
<i>Ở miền Nam :</i>		277	822	823	992					

4. Giáo dục :*Quốc Tử Giám*

534	535	539	804	1188	1369	1800	1960	1961	2060
-----	-----	-----	-----	------	------	------	------	------	------

Sau năm 1945

486	504	1652	1813	2877	2899	2967			
-----	-----	------	------	------	------	------	--	--	--

5. Báo chí*Còn dài*

1602	1603	1604	1605	1606	1991	1996	2106	2107	2270
------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

6. Y học

496	497	498	887	888	889	890	891	1016	1279
1666	1667	2804							

7. Lịch

241	867	868	1642						
-----	-----	-----	------	--	--	--	--	--	--

8. Kiến trúc, Mỹ thuật

183	361	733	734	1237	1372	2172	2188	2410	
-----	-----	-----	-----	------	------	------	------	------	--

9. Giao thông, Bưu điện

331	363	1246	1247	1248	1327	1884	2826		
-----	-----	------	------	------	------	------	------	--	--

10. Tiền tệ

520	521	522	523	524	525	526	527	528	530
531	532	533	2138	2139					

11. Tri thức khoa học kỹ thuật

625	1660	2336	2667	2689	2967				
-----	------	------	------	------	------	--	--	--	--

12. Luật pháp

250	2542	2718	2719	2871	2918	2919			
-----	------	------	------	------	------	------	--	--	--

13. Dân số

1620	1621	1622							
------	------	------	--	--	--	--	--	--	--

VII. KHẢO CỔ HỌC

1. Những vấn đề chung

238	348	740	960	1067	1082	1319	1406	1445	1468
1469	1733								

2. Phương pháp mới của khảo cổ học

236	1847	2412
-----	------	------

3. Những phát hiện mới

22	66	226	244	291	311	312	315	348	484
516	518	578	640	641	743	788	789	824	925
927	928	1079	1220	1221	1222	1267	1442	1443	1454
1689	1690	1711	1834	1854	1855	1856	1981	2383	2384
2385	2575	2611	2765	2950	2954				

4. Các nền văn hóa

a. Văn hóa Đông Sơn			288	639	685	926	1378	1690	
b. Văn hóa Hoà Bình				45	194	1122	2408		
c. Văn hóa Phùng Nguyên			581						
d. Trống Đồng			928	929	1102	1496	1835	2442	
e. Mái tên đồng Cổ Loa				272	317	793	1100	2942	
g. Xã hội nguyên thủy									
244	485	541	576	648	649	893	936	1319	1475
1573	1794								

h. Xã hội cổ đại

115	346	865	893	899	912	1264	1319	1444	1883
2052	2203	2208	2403	2957					

i. Nước Văn Lang - Âu Lạc

243	316	667	793	912	1100	1444	1448	1453	2052
2054	2171	2445	2526	2756	2760				

VIII. DÂN TỘC HỌC

1. Lý luận chung

351	790	1000	1228	1229	1466	1883	1927	2977
-----	-----	------	------	------	------	------	------	------

2. Công tác dân tộc học

790	792	802	855	1467	1472
-----	-----	-----	-----	------	------

3. Các dân tộc ít người ở miền Bắc Việt Nam

Vấn đề chung

490	500	778	813	984	1001	1230	1232	1491	1687
1781	1782	2236							

Người Thái

350	351	353	355	357	360	767	796	798	799
1698	1761	2418							

Tày

793	795	796	797	798	799	800	1662	1721	2418
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

Mường

816	1002	1231	1626	2438	2439	2496	2581
-----	------	------	------	------	------	------	------

Nùng

796	798	799	1780
-----	-----	-----	------

Dao

999	1424	1425	2413
-----	------	------	------

Mán

998	1441
-----	------

Meo

814	816	1698
-----	-----	------

Cao Lan

794

Khơ mu

355

4. Các dân tộc ít người ở Tây Nguyên và Trường Sơn

397	768	814	871	972	973	1002	1004	1270	1582
2000	2578	2875							

5. Các dân tộc ít người ở Nam Bộ

398	399	753	754	1006	1007	1086
-----	-----	-----	-----	------	------	------

IX. ĐỊA LÝ HỌC

1. Lý luận chung

412	562	762	770	886	945	947	950	1317	1566
2096	2155	2179	2698	2980					

2. Địa danh và bản đồ

100	301	766	876	895	899	946	1489	2047	2096
2126	2195	2208	2222	2223	2224	2229	2243	2379	2404
2405	2410	2424	2471	2893	2925	2937	2939	2940	2941
2981									

3. Khí hậu

27	114	644	645	948	949	951	1760	2486
----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------

4. Thủy triều

1506	1507	1508	1509	1510
------	------	------	------	------

5. Tài nguyên

48	1668
----	------

X. VĂN HỌC

1. Lý luận văn học

821	905	906	988	1037	1039	1068	1449	1450	1492
1493	1664	1775	1873	2137	2517	2738	2748		

2. Lịch sử văn học Việt Nam

240	1082	1253	1268	1316	1449	1452	1625	1768	1800
2110	2218	2259	2606	2619	2727	2734	2738	2741	2742
2744	2745	2748	2757	2895	2904	2906	2908		

3. Lý luận ngôn ngữ học

1441	1626	1721	1730	1795	1928	2593	2618	2949	
------	------	------	------	------	------	------	------	------	--

4. Tiếng Việt và chữ viết

85	86	286	367	462	610	679	716	892	904
1069	1252	1601	1626	1778	1779	2519	2592		

5. Ca dao, cổ tích

2420	2731	2902	2903	2905					
------	------	------	------	------	--	--	--	--	--

6. Chữ Nôm

300	626	940	2094	2446	2465	2518			
-----	-----	-----	------	------	------	------	--	--	--

7. Hát chèo

2907									
------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8. Tác phẩm, tác giả văn học

Chính phụ ngâm

603	659	921	1709	1740	1972	2112	2735	2739	
Kiều		601	607	865	874	1041	1801	2736	
Trê cốc		1341	1773	2455	2614	2616	2730		
Quốc âm thi tập			318	879	1832				
Nhị độ mai		827		2521	2729				
Thạch Sanh		608		2859		Thằng Bờm		1080	1097
Sài vải				365		Trịnh thử		366	
Về thất thủ kinh đô				459		Hạnh thực ca		604	

Phan Trần	711	Phạm công Cúc hoa	602
Hà thành chính khí ca	881	Bài ngoại liệt truyện	882
Văn chiêu hồn	1007	Tống Trần Cúc Hoa	1009
Truyện Trang Quỳnh	1008	Chử Đồng Tử	1255
Quan âm thị kính	1286	Tự lực văn đoàn	1288
Truyền kỳ mạn lục	1287	Gia huấn ca	1342
Phú Tụng Tây Hồ	1254	Tang hải lệ đàm	1643
Phạm Tài Ngọc Hoa	1849	Tấm Cám	1973
Lục súc tranh công	2733	Thập giới cô hồn	2743
Tú Xương	2421	Đoàn Nguyên Tuân	2595
Bà huyện Thanh Quan	2732		
Về cuốn Tiếng cười dân gian	1450	Văn học trào phúng	1665
Việt ngữ nghiên cứu	2757	Phê phán : Báo nhân văn	2268
Phan Khôi	1260	Trương Túu	2745

XI. NHÂN VẬT LỊCH SỬ

Áu Triệu	209									
Bà Triệu	1237									
Cao Bá Quát	622									
Cầm Bá Thủ Đức	1590									
Châu Văn Liêm	1982									
Chu Văn An	2927									
Cường Đế	203	715	2004							
Dào Duy Anh	2735									
Dào Duy Từ	481									
Dào Trực	1066									
Dặng Thúc Hứa	1587	1588								
Dặng Tiến Đông	1848	1903								
Dinh Công Tráng	1957									
Đô Đốc Long	100									
Đỗ Quang	457									
Đốc Tích	1557									
Hai Bà Trưng										
96	97	255	276	400	401	402	404	407	408	
409	410	413	414	416	529	780	883	895	934	
1197	1241	1334	1436	1455	1456	1488	1497	1510	1566	
1663	1673	1756	2202							
Hoàng Diệu		2248	2294							
Hoàng Hoa Thám (Đè Thám)										
378	434	438	440	443	629	1115	1118	1170	1704	
1752	2185	2266	2661	2894						
Hoàng Văn Thủ		2215								
Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc)										
12	37	38	54	76	82	83	176	448	455	
493	494	542	575	687	699	737	771	812	845	
846	857	908	1017	1018	1021	1058	1062	1094	1096	
1157	1166	1186	1224	1225	1234	1236	1242	1384	1390	
1395	1396	1559	1575	1610	1615	1616	1619	1658	1757	
1804	1805	1826	1850	1862	1864	1919	1920	1933	1934	

1935	1936	1939	1940	1941	1954	1968	1969	2063	2134
2178	2367	2510	2651	2656	2670	2719	2855	2873	2916
2996									
Hồ Quý Ly									
49	50	274	483	664	689	805	832	862	863
970	971	1044	1161	1245	1289	1315	1322	1514	1790
1792	1917	2036	2078	2187	2194	2380	2432	2484	2504
2533	2534	2569	2637	2721	2897				
Huỳnh Thúc Kháng				225	1621				
Kỳ Dông				53	509	2932			
Lê Hoàn (Lê Đại Hành)				540	1430	2191	2555	2801	2825
Lê Hồng Sơn				1992					
Lê Khiết				2987					
Lê Lợi	597	1198	1878	1912	2562	2785	2795	2943	2953
Lê Quang Quyền				851					
Lê Quý Đôn				189	279	2772	2819		
Lê Văn Hưu				1380	1982				
Lương Ngọc Quyến				2936					
Lương Thế Vinh				107					
Lưu Nhàn Chú				353					
Lưu Vĩnh Phúc				285	326	510	1712	2038	2157
				2761	2992				2298
Lý Bí				415					
Lý Công Uẩn				184					
Lý Thường Kiệt				411	2820	2923			
Mạc Thiên Tích				2574					
Mai Thúc Loan				2189					
Ngọc Hân				875					
Ngô Quyền				197	299	1195	2413		
Ngô Thị Nhậm				501	2812	2814			
Ngô Văn Sở				2092					
Nguyễn An Ninh				703					
Nguyễn Bình Khiêm				505	1553				

Nguyễn Cao		436	1752	2500	2933					
Nguyễn Công Trứ	221	1032	1528	1570	2613	2673	2817	2883		
Nguyễn Doãn Cử		1929								
Nguyễn Du		874	1010	1041						
Nguyễn Duy Hinh		1754								
Nguyễn Định Chiểu		1280	2810							
Nguyễn Đức Cảnh		819								
Nguyễn Huệ (Quang Trung)										
864	897	1138	1218	1899	2204	2247	2449	2765	2776	
2782										
Nguyễn Lộ Trạch		464								
Nguyễn Lương Bằng		2998								
Nguyễn Mậu Kiến		29	454	1598	2720					
Nguyễn Minh Khai		2182								
Nguyễn Thông		118								
Nguyễn Trãi										
104	105	261	298	302	318	596	598	633	873	
879	920	924	935	1019	1049	1081	1098	1130	1240	
1478	1482	1486	1487	1756	1900	1905	1908	2040	2068	
2117	2118	2146	2253	2351	2415	2455	2457	2460	2768	
2774	2775	2784	2785	2786	2795	2811	2832	2861	2900	
Nguyễn Trung Trực		119	251							
Nguyễn Trường Tộ										
220	325	656	690	1428	1659	2036	2078	2722	2758	
Nguyễn Tư Giản		1123								
Nguyễn Văn Cừ		1482	2068	2512						
Phạm Hồng Thái		2140	2514							
Phạm Quỳnh		717								
Phạm Phú Thứ		2113								
Phạm Thận Duật		451								
Phan Bội Châu										
199	202	203	204	205	206	207	208	210	211	
213	214	216	217	218	219	222	224	227	339	
341	427	594	701	704	759	856	877	882	941	
965	1129	1275	1318	1638	1645	1661	2045	2159	2182	

2183	2303	2353	2354	2395	2397	2842	2844	2976	
Phan Chu Trinh									
18	226	233	256	264	290	376	379	614	698
705	758	813	965	969	1129	1317	1561	1593	1685
1869	1870	1871	1872	2046	2132	2163	2184	2430	2586
2639	2731								
Phan Đăng Lưu									
			90	1970	2181				
Phan Đình Phùng									
			106	243	880	1013	2269	2369	2931
Phan Huy Chú									
			2095						
Phan Phù Tiên									
			2891						
Phan Thanh Giản									
179	327	375	595	1127	1410	1767	2309	2396	2529
Phan Văn Trường									
			1559	1561					
Phùng Khắc Khoan									
			1370						
Tôn Đức Thắng									
			2997						
Tôn Quang Phiệt									
			2815						
Tôn Thất Thuyết									
			418	442	2493				
Tống Duy Tân									
			422						
Trần Huy Liệu									
			1811	2801	2994	2995			
Trần Hưng Đạo									
474	642	720	1764	1867	2219	2242	2361		
Trần Nguyên Hán									
			766						
Trần Phú									
			2180	2186					
Trần Quốc Toản									
			955	2817					
Trần Quý Cáp									
			1586						
Trúc Khê Ngô Văn Triện									
			1427						
Trịnh Hoài Đức									
			463						
Trương Định									
			449	1012	1556	2051	2085	2450	
Trương Vĩnh Ký									
180	565	678	696	1011	1025	1128	1411	2162	2317
Tuệ Tĩnh									
			891	995	996				
Tuệ Trung Thượng Sĩ									
			1684						
Võ Duy Dương									
			1361	1362					
Vũ Phạm Khải									
			453	2808					

XII. CÁC TỈNH - THÀNH PHỐ

Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội

10	385	473	506	511	529	535	611	612	619
623	684	964	1197	1280	1291	1292	1293	1294	1420
1421	1429	1570	1621	1640	1641	1735	1746	1749	1766
2017	2060	2120	2192	2222	2223	2224	2225	2226	2229
2284	2294	2404	2409	2411	2449	2463	2910	2923	2925
2928	2929	2935	2941	2950					

Sài Gòn

Hải Phòng - Quảng Yên

543	544	763	1030	1083	1222	1223	1404	1594	1595
1607	1815	2143	2144	2373	2390	2495			

Các tỉnh phía Bắc

257	519	572	767	824	976	1014	1103	1232	1690
1696	1698	1761	1967	2214	2238				

Lai Châu

352	507	508	1511	1512	2668	2943	2953		
-----	-----	-----	------	------	------	------	------	--	--

Điện Biên

54	78	162							
----	----	-----	--	--	--	--	--	--	--

Các tỉnh Việt Bắc

778	1105	1524	1527	1534	1537	1662	2209	2228	2238
-----	------	------	------	------	------	------	------	------	------

Cao Bằng

1524	1527	1534	2459						
------	------	------	------	--	--	--	--	--	--

Yên Bái

1220	1441	2954							
------	------	------	--	--	--	--	--	--	--

Hoà Bình

617	911	1768	2581						
-----	-----	------	------	--	--	--	--	--	--

Hà Bắc

1751	1865	2178	2500						
------	------	------	------	--	--	--	--	--	--

Vĩnh Phú

790	1020	1435	1436	1438	1454	1711	2616	2893	
-----	------	------	------	------	------	------	------	------	--

Hà Tây

651	1237	2230	2918						
-----	------	------	------	--	--	--	--	--	--

Hà Nam Ninh

89	136	137	307	491	788	1160	1340	1623	1717
1877	2497	2611							
Hà Nội									
478	499	1031	1557	1560	1768	2395	2540		
Thái Bình									
263	476	509	1124	1155	1159	1165	1306	1308	1309
1310	1311	1313	1314	1644	1785	1874	2170	2200	2436
2908									
Thanh Hoá									
573	574	652	695	760	808	818	852	1195	1239
1242	1243	1244	1378	1379	1590	1695	1738	1769	1842
1854	1957	1958	2115	2116	2368	2486	2496	2504	2836
2901									
Nghệ - Tĩnh									
106	392	393	439	458	694	712	724	817	858
859	860	884	1102	1157	1168	1221	1657	1695	1731
1732	1991	2034	2127	2189	2261	2290	2379	2380	2422
2440	2498	2507	2508	2563	2863	2879			
Quảng Bình - Quảng Trị									
94	95	1230	2114	2515					
Huế - Thuận Hoá									
580	756	766	807	963	1224	1372	1373	1631	1632
1962									
Quảng Nam - Quảng Ngãi									
108	492	744	745	746	1660	1734	1827	1937	2103
2571									
Bình Định - Phú Yên									
430	450	590	1881	1966	2615				
Các tỉnh Tây Nguyên									
255	768	871	972	973	974	993	1022	1163	1166
1371	1583	1609	1719	1868	2488	2489	2875		
Các tỉnh Nam Bộ									
323	396	463	719	753	754	779	1006	1007	1072
1086	1117	1164	1321	1361	1362	1538	1539	1540	1541
1549	1550	1551	1796	2104	2176	2376	2377	2380	2398
2423	2425	2574	2575	2576	2579	2830	2831	2886	

2201	2205	2321	2341	2437	2501	2502	2503	2624	2625
2680	2696	2824							

Nhật Bản

<i>Lịch sử Nhật Bản</i> :	232	377	552	653	654	1375	1645
1707	1708	<i>Quan hệ Nhật Việt</i> :	224	227	898	1233	1236
1627	2021	2174	2842	2844			
Ấn Độ		395	2873				
Afganistan		1337	1678	1679			
Iran		1145					
Palestin		1338					

3. Các nước Á - Phi

211	543	686	900	1092	1093	1110	1140	1374	1376
1758	1978	1988	2429	2846	2847	2850	2852	2871	
Éthiopi			1141						
Madagascar		2870							
Mozambique		2847	2848						
Nam Phi			2427						

4. Các nước châu Âu**Liên Xô**

<i>Lịch sử Liên Xô</i> :	236	237	391	755	769	1027	1149	1183
1578	1680	1775	1971	1987	2035	2086	2140	2299
2601	2959	2961	2963	2966	2978		<i>Về chủ nghĩa Lênin</i>	310
2669			<i>Về công tác sử học</i>	2154	2235	2668		<i>Về Cách mạng</i>
<i>tháng Mười</i> :		24	175	391	726	731	802	808
1045	1391	1399	1677	1762	1784	1812	1866	1930
1985	2262	2352	2468	2669	2869	2973		1941
219	1762	2245	2262				<i>Quan hệ Xô - Việt</i>	

Pháp

<i>Về cách mạng Pháp</i>	111	231	270	493	606	1144	1609
1703	1750	1759	1806	1916	1932	2717	
							<i>Về việc ủng hộ cuộc</i>

kháng chiến của Việt Nam

829 1611 1612 1964

<i>Bungari</i>								
152	833	901	902	903	997	1023	1024	1028
2663	2969	2971						1364

Đức	461	738	956	960	1799	1988	2834
Ba Lan		984	2394				
Anh		2704					
Hunggari		2665					
Rumani		983					

5. Các nước châu Mỹ

584	1109	1500	1503	1855	1856	2568	2857		
Cuba		636	955	1501	1502	1503	1505	1577	1857
1860	2609								
Nicaragua		583	1142						
Hoa Kỳ		583	600	636	1355	1376	1504	1818	1855
1856	1931	1934	1967	2006	2017	2334	2385	2857	